

**GIÁO PHẬN QUI NHƠN
QUA DÒNG THỜI GIAN**

**GIÁO PHẬN QUI NHƠN
QUA DÒNG THỜI GIAN**

Tác giả: Ban Biên Soạn Lịch Sử Giáo Phận

Trình bày, bìa: Lm. Anrê Huỳnh Tấn Nha

Nhà xuất bản: ANTÔN & ĐUỐC SÁNG

CHI NHÁNH HOUSTON - 5422 DUNLEITH LANE SPRING, TX 77379

ĐĂNG KÝ BẢN QUYỀN TẠI HOA KỲ / JUNE 2017

ISBN 13: 978-1-934484-38-8

ISBN 10: 1-934484-38-5

PRINTED IN THE UNITED STATES OF AMERICA

BAN BIÊN SOẠN LỊCH SỬ GIÁO PHẬN

GIÁO PHẬN QUI NHƠN QUA DÒNG THỜI GIAN



ANTÔN & ĐUỐC SÁNG

LỜI GIỚI THIỆU

Giáo phận Qui Nhơn ngày nay có tiền thân là Giáo phận Đàng Trong, bao gồm cả phần đất miền Trung và miền Nam Việt Nam, sang tận Campuchia. Trải qua bốn thế kỷ (1618-2018), lịch sử đã ghi lại biết bao thăng trầm, nhất là những cơn bách hại khủng khiếp, nhưng nhờ ơn Chúa giúp và ý chí can trường của các vị tử đạo, Dân Chúa đã vượt qua gian nan thử thách một cách anh dũng để tiếp tục can đảm sống đức tin cho đến hôm nay.

Trong tinh thần "ôn cố tri tân" chúng ta lần theo dấu vết lịch sử, trước là để cảm tạ ơn Chúa đã luôn phù trì che chở và ban sức mạnh cho các bậc tiền nhân chúng ta; sau là để noi gương anh dũng của cha ông trong việc kế tục sự nghiệp mở mang Nước Chúa và rao giảng Tin Mừng. Ngày nay người Kitô hữu chúng ta vẫn không thiếu những chứng ngại to lớn đang ngăn trở đức tin của mình, đáng sợ nhất là não trạng tôn sùng vật chất, chạy theo lợi nhuận, đang là nguy cơ làm cho đức tin người tín hữu bị lung lay hầu như tận gốc.

Để củng cố niềm tin Kitô giáo và mời gọi các tín hữu chuẩn bị tích cực đón nhận hồng ân Năm thánh của Giáo phận, Đức Giám mục Giáo phận đã hoàn tất việc biên soạn và ấn hành quyển *Giáo phận Qui Nhơn qua dòng thời gian*, căn cứ trên sử liệu được trình bày hết sức khách quan và trung thực, đây là một công trình đáng ghi nhớ cũng như món quà quý báu của Giáo phận Qui Nhơn.

Xin được tóm tắt những cảm nhận và suy tư trên với lời chia sẻ của Đức Thánh Cha Phanxicô trong thánh lễ sáng thứ sáu ngày 27 tháng 01 năm 2017 tại nguyện đường Santa Marta đã nói rằng: "Anh chị em không thể hiểu đời sống Kitô hữu mà không ghi nhớ ký ức. Anh chị em không thể hiểu đời sống thiêng liêng nếu không ghi nhớ ký ức. Anh chị em không thể sống đời sống Kitô hữu nếu không ghi nhớ ký ức". Ký ức ngài nói đây chính là lịch sử, là nòng cốt để xây dựng và phát triển đức tin Kitô giáo cũng như đời sống của người Kitô hữu.

Xin trân trọng giới thiệu với anh chị em công trình biên khảo lịch sử rất giá trị: *Giáo phận Qui Nhơn theo dòng thời gian* và ước mong được mọi người đón nhận với tâm tình tạ ơn Chúa và với quyết tâm củng cố đức tin của chính mình và của con cháu. Hãy cầm lấy mà đọc...

Qui Nhơn, ngày 19 tháng 03 năm 2017

✠ Phêrô Nguyễn Soạn
Nguyên Giám mục Giáo phận Qui Nhơn

THAY LỜI TỰA

Lịch sử truyền giáo của Giáo phận Qui Nhơn trải dài 400 năm, bắt đầu từ năm 1615 đối với Giáo phận Đàng Trong, tiền thân của Giáo phận Qui Nhơn, hay từ năm 1618 đối với Giáo phận Qui Nhơn hiện nay. Qua chặng đường 4 thế kỷ, biết bao biến cố thăng trầm đã diễn ra, biết bao nhân vật đã xuất hiện, biết bao thành quả đã đạt được, cũng như biết bao bài học cần được rút tía cho hôm nay và mai sau. Qua dòng thời gian, những điều này đã được ghi chép lại trong các tài liệu dưới nhiều thể loại khác nhau. Nhưng để có một cái nhìn xuyên suốt và tổng hợp, cần phải tập hợp các tài liệu và biên soạn thành một quyển sách, để giúp mọi người có thể tiếp cận cách dễ dàng. Đó là lý do ra đời của quyển sách *Giáo phận Qui Nhơn qua dòng thời gian*.

Giáo phận Qui Nhơn đã bắt đầu thực hiện công trình này từ nhiều năm trước. Từ những thập niên 80' và 90' của thế kỷ XX, thừa lệnh Đức Giám mục Giáo phận, linh mục Phêrô Huỳnh Kim Lăng đã bắt đầu nghiên cứu và biên soạn hai tập bản thảo: *Lịch sử Giáo phận Qui Nhơn* và *Giáo phận Qui Nhơn kỷ yếu*. Cả hai tập bản thảo này còn dưới dạng những trang giấy rời và rất tiếc là không có các chú thích ghi nguồn và tham chiếu. Tập bản thảo thứ nhất ghi lại cách tổng quát lịch sử Giáo phận từ năm 1615, tập thứ hai ghi lại lịch sử của từng giáo xứ. Gần đây, cũng thừa lệnh Đức Giám mục Giáo phận, linh mục Gioan Võ Đình Đệ đã dựa vào hai tập bản thảo này và một số tài liệu khác để biên soạn bản thảo *Giáo phận Qui Nhơn xưa và nay*, gồm lược sử Giáo phận Qui Nhơn, tiểu sử các vị thánh của Giáo phận, danh sách và một vài chi tiết về các Giám mục, linh mục đã phục vụ trong Giáo phận và đã qua đời, tiếp đến phần lớn của bản thảo là lược sử các giáo xứ hiện có trong Giáo phận và Hội Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn. Bản thảo được đóng lại thành sách dưới dạng photocopy và lưu hành nội bộ.

Nhân dịp chuẩn bị mừng Năm thánh kỷ niệm 400 năm Giáo phận Qui Nhơn đón nhận Tin Mừng (1618-2018), Giáo phận đã thành lập Ban tổ chức Năm thánh, trong đó có tiểu ban biên soạn lịch sử Giáo phận, mà một trong những nhiệm vụ được giao là biên soạn một quyển sách hoàn bị hơn về lịch sử Giáo phận, để đáp ứng nhu cầu học hỏi của mọi thành phần dân Chúa về sự hình thành và phát triển của Giáo phận. Tuy nhiên, chúng tôi chỉ muốn đặt tên cho quyển sách là *Giáo phận Qui Nhơn qua dòng thời gian* thay vì *Lịch sử Giáo phận Qui Nhơn*. Sở dĩ như thế là vì nội dung quyển sách liên quan đến quá khứ xa xưa và cả thời hiện tại. Đối với những sự kiện và nhân vật trong quá khứ, chúng tôi không phải là những sử gia chuyên nghiệp, nên chỉ tổng hợp những gì được ghi chép trong các tài liệu và trình bày theo thứ tự thời gian. Đối với những sự kiện gần đây và hiện nay, với những nhân vật còn đang sống, trong đó có chúng tôi, chúng tôi càng không thể viết lịch sử về chính mình, nên cũng chỉ sắp xếp các sự kiện dựa trên các thông tin được phổ biến cách chính thức và rộng rãi. Đó không phải là những trang sử đúng nghĩa, nhưng chỉ là những ghi chép mang tính ký sự mà không đánh giá, vì việc đánh giá này dành cho hậu thế.

Để thực hiện quyển sách theo đường hướng trên, trước hết chúng tôi dựa vào các tài liệu dẫn nguồn, như các bản tường thuật của các thừa sai Dòng Tên, các thư từ liên lạc, các bản báo cáo hay tường trình của các thừa sai Pháp gửi về Ban giám đốc Chứng viện thừa sai Paris, các bản báo cáo hàng năm (*rapport annuel, compte-rendu*) của các Giám mục về hiện tình Giáo phận gửi về Tòa Thánh, các tập ký sự (*mémorial*) và các bản thông tin hàng tháng của Giáo phận, v.v. Ngoài các tài liệu dẫn nguồn được sử dụng như chất liệu chính và quan trọng nhất cho việc biên soạn, chúng tôi cũng sử dụng các sách báo khác, cả đạo lẫn đời, những bản thảo trước đây về lịch sử Giáo phận, như những tài liệu tham chiếu. Nguồn gốc của các trích dẫn và tham chiếu được ghi lại trong phần chú thích ở cuối mỗi trang, để quý độc giả dễ theo dõi và kiểm chứng. Có những trường hợp tồn nghi, chúng tôi cũng đưa vào phần này để quý độc giả rộng đường truy cứu.

Về tên gọi của các địa danh, như quốc hiệu của nước ta qua các thời kỳ, tên các nước, các vùng miền, các đơn vị hành chính, v.v., chúng tôi sử dụng cách gọi thông dụng vào thời điểm xảy ra sự kiện có liên quan đến địa danh đó. Một số địa danh Việt Nam được các thừa sai ghi lại trong các tài liệu theo kiểu phiên âm của các ngài,

nhưng không tìm thấy tên gọi tương đương trong tiếng Việt, nên chúng tôi đành phải giữ nguyên trong khi chưa biết đích xác.

Về tên gọi của các nhân vật nước ngoài, chúng tôi cũng giữ nguyên, để quý độc giả có thể biết nguồn gốc của họ; nhưng từ khi một thừa sai nước ngoài được Giáo Hội tôn phong Chân phước hay Hiền thánh, chúng tôi ghi tên thánh của các Ngài theo cách thông dụng tại Việt Nam, như Thánh Phanxicô Gagelin (François Gagelin), Thánh Stêphanô Cuénôt (Étienne Cuénôt), vì các tín hữu vẫn quen cầu nguyện với các Ngài bằng tên ấy. Đối với một số sách cổ bằng tiếng nước ngoài, chúng tôi cũng giữ nguyên tên tác giả và tác phẩm theo đúng cách viết của thời điểm xuất bản, như được in trên bìa quyền sách.

Cuối cùng, để thuận tiện cho việc đọc và hiểu bản văn đối với tất cả mọi người, chúng tôi tránh dùng các hình thức viết tắt, trừ khi các chữ viết tắt đã có sẵn trong đoạn văn được trích dẫn trực tiếp, hay trong tên tác giả và tác phẩm được trích dẫn. Riêng trong phần chú thích, chúng tôi lấy lại những ký hiệu viết tắt của các văn bản bằng tiếng nước ngoài và các website, cùng với hai chữ viết tắt thông dụng trong tiếng Việt: sđđ. = sách đã dẫn, tr. = trang.

Vì nội dung của quyền sách này liên quan đến nhiều thời kỳ khác nhau trải dài suốt 400 năm, những tài liệu liên hệ đến từng thời kỳ khi nhiều khi ít, có lúc không có, nên việc biên soạn gặp nhiều khó khăn và do đó chắc chắn trong quyền sách vẫn còn nhiều sai sót. Chúng tôi rất mong nhận được những góp ý và chỉ dẫn từ quý độc giả, để tác phẩm trở nên hoàn thiện hơn.

BAN BIÊN SOẠN

DẪN NHẬP

Giáo phận Qui Nhơn ngày nay gồm 3 tỉnh miền duyên hải Nam Trung Bộ: Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên, với diện tích 16.263,9 km², nằm trải trên các vĩ tuyến từ 13-15 và trên kinh tuyến 109 với chiều dài khoảng 350km. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam của Giáo phận Đà Nẵng, phía Nam giáp tỉnh Khánh Hòa của Giáo phận Nha Trang, phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp tỉnh Kontum và tỉnh Gia Lai của Giáo phận Kontum, tỉnh Đắk Lắk của Giáo phận Ban Mê Thuột.

Tiền thân của Giáo phận Qui Nhơn là Giáo phận Tông tòa Đà Nẵng Trong được Tòa Thánh thiết lập từ năm 1659, kết quả của hạt giống Tin Mừng được gieo trồng một cách chính thức và có tổ chức của các thừa sai Dòng Tên tại Cửa Hàn (Đà Nẵng) vào năm 1615, sau đó tại Nước Mặn thuộc phủ Qui Nhơn năm 1618 và những nơi khác, theo dòng thời gian và theo bước chân mỗi lúc một xa của người ra đi gieo giống. Giáo phận Đà Nẵng Trong khi mới được thành lập gồm phần đất từ sông Gianh đến sông Phan Rang, nhưng dần dần mở rộng về phương Nam và bao gồm nước Cao Miên (Campuchia ngày nay).

Năm 1844, phần đất phía Tây Nam của Giáo phận Đà Nẵng Trong gồm Nam Kỳ lục tỉnh và nước Cao Miên được Tòa Thánh tách ra lập thành Giáo phận Tây Đà Nẵng Trong, từ đó phát sinh Giáo phận Nam Vang (Phnom Penh) ở Cao Miên (1850). Năm 1924 Giáo phận Tây Đà Nẵng Trong được đổi tên thành Giáo phận Sài Gòn, từ đó phát sinh các Giáo phận: Vĩnh Long (1938), Đà Lạt và Mỹ Tho (1960), Phú Cường và Xuân Lộc (1965), rồi từ Giáo phận Xuân Lộc phát sinh Giáo phận Bà Rịa (2005). Cũng vậy, từ Giáo phận Nam Vang phát sinh Giáo phận Cần Thơ (1955), từ đó phát sinh Giáo phận Long Xuyên (1960).

Phần đất còn lại từ Bình Thuận ra đến sông Gianh được đặt tên là Giáo phận Đông Đà Nẵng Trong mà trung tâm đặt ở Bình Định. Năm 1850, phần đất phía Bắc của Giáo phận Đông Đà Nẵng Trong từ đèo Hải Vân ra đến sông Gianh lại được Tòa Thánh tách ra và lập thành Giáo phận Bắc Đà Nẵng Trong. Năm 1924 Giáo phận Đông Đà Nẵng Trong được đổi tên thành Giáo phận Qui Nhơn và Giáo phận Bắc Đà Nẵng Trong được đổi tên thành Giáo phận Huế.

Năm 1932, miền Tây Nguyên của Giáo phận Qui Nhơn được Tòa Thánh tách ra lập thành Giáo phận Kontum, từ đó phát sinh Giáo phận Ban Mê Thuột (1967) bao gồm thêm hai tỉnh của Giáo phận Đà Lạt. Năm 1957, phần đất phía Nam của Giáo phận Qui Nhơn gồm các tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận được Tòa Thánh tách ra, cộng với tỉnh Bình Thuận của Giáo phận Sài Gòn, lập thành Giáo phận Nha Trang, từ đó phát sinh Giáo phận Phan Thiết (1975).

Năm 1960, Tòa Thánh thành lập Hàng Giáo phẩm Công giáo Việt Nam, theo đó các Giáo phận Tông tòa trở thành Giáo phận Chính tòa và Giáo phận Tông tòa Qui Nhơn trở thành Giáo phận Chính tòa Qui Nhơn cho đến nay. Năm 1963, phần đất phía Bắc của Giáo phận Qui Nhơn gồm hai tỉnh Quảng Tín và Quảng Nam cùng với thành phố Đà Nẵng được Tòa Thánh tách ra và lập thành Giáo phận Đà Nẵng.

Giáo phận Qui Nhơn ngày nay chỉ là một phần nhỏ của Giáo phận Tông tòa Đàng Trong rộng lớn ngày xưa sau những lần chia tách để thành lập các Giáo phận mới. Nói đến nguồn gốc Giáo phận Qui Nhơn là nói đến những trang sử truyền giáo đầu tiên trên vùng đất Đàng Trong ngày xưa. Vì thế lịch sử của Giáo phận Qui Nhơn phải bao gồm những trang sử của thời kỳ Bảo trợ truyền giáo với các thừa sai Dòng Tên trên miền đất Đàng Trong của Đại Việt (1615-1659), tiếp đến là những trang sử của Giáo phận Tông tòa Đàng Trong (1659-1844), rồi thu hẹp lại nơi những trang sử của Giáo phận Tông tòa Đông Đàng Trong (1844-1924), Giáo phận Tông tòa Qui Nhơn (1924-1960) và cuối cùng là Giáo phận Chính tòa Qui Nhơn từ năm 1960 đến nay.

PHẦN I

THỜI KỲ BẢO TRỢ TRUYỀN GIÁO

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN BỐI CẢNH ĐÀNG TRONG NƯỚC ĐẠI VIỆT THẾ KỶ XV-XVII

Nhắc lại công cuộc loan báo Tin Mừng của tiền nhân, chúng ta cũng cần nhận định và xếp đặt nó trong khung cảnh và tình trạng của thời đại đó, tức là bối cảnh xứ Đàng Trong của nước Đại Việt từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVII, đặc biệt là thế kỷ XVII khi các thừa sai Dòng Tên đến xứ này. Chúng tôi chỉ đưa ra một cái nhìn tổng quát và giới hạn vào những yếu tố trực tiếp liên quan đến công cuộc truyền giáo. Có những yếu tố đã hoàn toàn qua đi, nhưng cũng có những yếu tố tiếp tục tồn tại cho đến ngày nay, cho dù có thay đổi đôi chút, như yếu tố địa lý và thiên nhiên chẳng hạn.

1. ĐỊA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÁNH

Vào thế kỷ VII, kinh đô của Chiêm Thành (Champa)¹ là Simhapura (vùng Trà Kiệu ngày nay). Sang thế kỷ IX kinh đô của Chiêm Thành là Indrapura (huyện Thăng Bình tỉnh Quảng Nam ngày nay). Năm 1069 vua Lý Thánh Tông thân chinh đánh Chiêm Thành bắt được vua Chiêm là Chế Củ. Chế Củ dâng ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính để chuộc mạng. Sau đó Chiêm Thành dời đô về Trà Bàn (Vijaya) thường gọi là Đồ Bàn.² Đồ Bàn không những chỉ thành đô mà còn chỉ cả vùng đất tỉnh Bình Định ngày nay.

Năm 1471, sau khi đánh bại Trà Toàn, vua Chiêm Thành, và chiếm được thành Đồ Bàn, vua Lê Thánh Tông đã lấy đất Cổ Lũy, đất Đại Chiêm, tức Chiêm Động, và đất Đồ Bàn lập thành đạo Quảng Nam, đây là đạo thừa tuyên thứ 13 của nước Đại Việt.³ Đạo thừa tuyên Quảng Nam lúc bấy giờ gồm có 3 phủ, 9 huyện: phủ Thăng Hoa gồm 3 huyện : Lê Giang, Hy Giang và Hà Đông (tỉnh Quảng Nam và

¹ Ngày xưa vương quốc này được sử sách Việt gọi là Chiêm Thành hay Chăm, và người dân được gọi là người Chăm. Ngày nay gọi là nước Champa và người dân được gọi là người Chăm.

² Tức là thành Vijaya cũ của Chiêm Thành. Sách *Thiên Nam dư địa chí* gọi là Trà Bàn, sau này nhiều sách chép nhầm là Đồ Bàn, vì từ "trà" và từ "đồ" trong chữ Hán gần giống nhau. Xem PHAN KHOANG, *Việt sử: Xứ Đàng Trong 1558-1777. Cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*, Chi nhánh Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Tp. Hồ Chí Minh 2016, tr. 223, chú thích 2.

³ Năm 1490, vua Lê Thánh Tông đổi đạo thừa tuyên thành xứ.

thành phố Đà Nẵng ngày nay); phủ Tư Nghĩa gồm 3 huyện : Nghĩa Giang, Bình Sơn và Mộ Hoa (tỉnh Quảng Ngãi ngày nay)⁴; phủ Hoài Nhơn gồm 3 huyện: Bồng Sơn (nay là các huyện Hoài Nhơn, Hoài Ân, An Lão), Phù Ly (nay là các huyện Phù Mỹ, Phù Cát), Tuy Viễn (nay là các huyện Tuy Phước, An Nhơn, Tây Sơn, Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Khê và thành phố Quy Nhơn).⁵ Lúc bấy giờ Phú Yên, vùng đất từ đèo Cù Mông đến núi Đá Bia (Thạch Bi) được gọi là đất "kimi - vùng đệm": "Lê Thánh Tôn đánh Chiêm Thành, chiếm lấy đất này..., lấy núi Thạch Bi làm giới hạn, nhưng từ Cù Mông vào Nam còn thuộc về người Man, người Lạo".⁶

Năm 1527, Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Hậu Lê lập ra nhà Mạc. Từ ấy, nhà Mạc phải đối phó với nhóm phò Lê mà chủ công là Nguyễn Kim và người con rể là Trịnh Kiểm. Trong lúc "phò Lê diệt Mạc", hai nhà Trịnh - Nguyễn phát sinh tranh giành quyền lực. Năm

⁴ Quảng Nghĩa nguyên là phần đất Cổ Lũy của Chiêm Thành. Năm Nhâm ngo (1402) tướng nhà Hồ là Đỗ Mãn đem quân sang đánh Chiêm Thành. Vua nước ấy là Ba Đích Lại thế yếu phải dâng đất Chiêm Động và Cổ Lũy để cầu hòa. Nhà Hồ đã phân đất Cổ Lũy thành châu Tư và châu Nghĩa. Xem TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển I, Bộ Giáo dục - Trung tâm Học liệu xuất bản, 1971, tr. 191.

Năm 1471, nhà Lê nhập hai châu Tư và châu Nghĩa lại thành phủ Tư Nghĩa. Năm 1602, chúa Tiên là Nguyễn Hoàng đổi tên phủ Tư Nghĩa thành phủ Quảng Nghĩa. Năm 1776 nhà Tây Sơn đổi tên phủ Quảng Nghĩa thành phủ Hòa Nghĩa. Năm 1803, nhà Nguyễn lấy lại tên phủ Quảng Nghĩa. Năm 1832, phủ Quảng Nghĩa được lập thành tỉnh Quảng Nghĩa. Trong các tài liệu trước đây có khi dùng tên Quảng Nghĩa, có khi dùng tên Quảng Ngãi, có lẽ vì hai tên gọi Quảng Nghĩa và Quảng Ngãi đều được dân địa phương phát âm gần giống nhau và có cùng một ý nghĩa. Từ năm 1989, tên gọi chính thức và thống nhất là Quảng Ngãi: tỉnh Quảng Ngãi và thành phố Quảng Ngãi.

⁵ Xem QUỐC SỬ QUẦN TRIỀU NGUYỄN, *Đại Nam Nhất Thống Chí*, Viện Sử học, Nxb. Thuận Hóa, tái bản lần thứ hai, Huế 2006, tập 2, quyển 7, *tỉnh Quảng Nam*, tr. 387-388.

⁶ *Sđđ.*, tập 3, quyển 10, *đạo Phú Yên*, tr. 74. Mặc dù sử sách viết như thế, nhưng thực ra sau cuộc chiến thắng này, uy quyền của Đại Việt cũng chỉ đến hết phủ Hoài Nhơn, tức tỉnh Bình Định ngày nay mà thôi, chứ chưa vào đến Thạch Bi. Vùng đất phía Nam núi Cù Mông vẫn chưa thuộc về bản đồ Đại Việt, vì Đại Việt chưa có đơn vị hành chính ở đó, vẫn để lưu dân tự do. Về tên gọi Thạch Bi, tương truyền rằng vua Lê Thánh Tôn sau khi đánh Chiêm Thành đã sai đục đá ở đỉnh núi trên bờ biển phía Bắc đèo Cả để làm bia phân định ranh giới giữa Đại Việt và Chiêm Thành. Núi ấy sau này được gọi là núi Thạch Bi hay núi Đá Bia. Bia ấy ngày nay vẫn còn, nhưng vết chữ đã mòn, không thể nhận ra được. Theo tương truyền, bia ấy ghi rằng: "Chiêm Thành quá thử, binh bại quốc vong, An Nam quá thử, tướng tru binh chiết", nghĩa là: "Chiêm Thành qua đây, quân thua nước mất, An Nam qua đây, tướng chết quân tan". Xem PHAN KHOANG, *Việt sử: Xứ Đàng Trong*, *sđđ.*, tr. 96.

Mậu Ngọ (1558), Nguyễn Hoàng được vua Lê cho làm trấn thủ đất Thuận Hóa. Trấn thủ vùng đất mới, Nguyễn Hoàng ra sức mở cõi, khai hoang lập ấp, đặt Thuận Quảng (Thuận Hóa – Quảng Nam) vào thế đứng biệt lập với Thăng Long.

Sau hơn 100 năm, vùng đất từ đèo Cù Mông đến núi Thạch Bi là "vùng đệm". Năm 1578, Lương Văn Chánh được Nguyễn Hoàng bổ làm quan trấn An Biên huyện Tuy Viễn. Bắt đầu từ đó, Lương Văn Chánh khởi động chiêu dân lập ấp trên vùng đất Phú Yên ngày nay, tuy nhiên việc chiêu dân lập ấp này có tính cách thử nghiệm, chưa qui mô. Đáng chú ý là công lệnh ngày 06.02.1597 của Nguyễn Hoàng giao cho Lương Văn Chánh chiêu dân và đưa dân vào vùng đất phía Nam núi Cù Mông (thuộc huyện Sông Cầu ngày nay), Bà Đài (châu thổ sông Cái, thuộc huyện Tuy An ngày nay), Bà Diễn (châu thổ sông Đà Rằng, Tuy Hòa ngày nay), Bà Niều - Bà Nông, (châu thổ sông Bàn Thạch, huyện Đông Hòa ngày nay) để lập làng, khai khẩn đất hoang.⁷

Năm 1602, Nguyễn Hoàng lập dinh Quảng Nam, đặt trấn thủ, cai bạ và ký lục cho ba phủ Thăng Hoa, Tư Nghĩa và Hoài Nhơn, vẫn lệ thuộc dinh Quảng Nam.⁸ Đồng thời, Nguyễn Hoàng đổi phủ Hoài Nhơn thành phủ Qui Nhơn. Địa danh Qui Nhơn khai sinh từ đó.⁹ Địa danh Qui Nhơn do câu nói của Mạnh Tử trong *Tứ Thư*: "Dân chi qui nhân dã, do thủy chi tựu hạ". Tạm dịch: Dân theo về bậc nhân giống như nước chảy tới chỗ thấp. Câu này có ý nghĩa như sau: Dân chúng có kẻ xấu người tốt, nhưng tất cả đều ưa thích bậc nhân. Người nhân đức ở ngôi vị cai trị sẽ được dân qui phục hết lòng như nước chảy về chỗ thấp. Như vậy, khi chọn tên gọi Qui Nhơn, Nguyễn Hoàng đã có ý dùng nhân đức để cai trị nhằm thu phục dân chúng tại vùng đất mới được khai phá trong quá trình Nam tiến này. Thủ phủ của phủ Qui Nhơn là thành Qui Nhơn (tức kinh đô Đồ Bàn của Chiêm Thành trước đây).¹⁰

⁷ Công lệnh năm 1597 của Nguyễn Hoàng giao cho Lương Văn Chánh việc chiêu tập lưu dân đến khai khẩn vùng đất nằm giữa đèo Cù Mông và đèo Cả hiện được lưu giữ tại đền thờ Lương Văn Chánh ở thôn Long Phụng I, xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

⁸ Xem QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN, *Đại Nam Nhất Thống Chí, sđd.*, tập 2, quyển 7, *tỉnh Quảng Nam*, tr. 388.

⁹ Xem *Sđd.*, tập 3, quyển 9, *tỉnh Bình Định*, tr. 7.

¹⁰ Năm 1744, chúa Nguyễn Phúc Khoát cho dời phủ lý ra phía Bắc thành Đồ Bàn, nơi mà ngày nay thuộc phường Nhơn Thành của thị xã An Nhơn. Xem UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH, *Địa chí Bình Định*, tập *Thiên nhiên, Dân cư và Hành chính*, Nxb. Tổng Hợp, 2005, tr 270-271.

Năm 1611, quân Chiêm Thành quấy phá vùng đất mới phía Nam núi Cù Mông, Nguyễn Hoàng sai quan chủ sự là Văn Phong (không rõ họ) đem quân đi đánh và chiếm luôn đất ấy lập ra phủ Phú Yên, chia làm hai huyện là Đồng Xuân và Tuy Hòa; Văn Phong được Nguyễn Hoàng đặt làm lưu thủ phủ Phú Yên.¹¹

Tuy nhiên đến năm 1629, Văn Phong liên minh với Chiêm Thành âm mưu cát cứ ở Phú Yên, nên chúa Sãi là Nguyễn Phúc Nguyên sai phó tướng Nguyễn Phúc Vinh đi đánh dẹp.¹² Sau khi cuộc nổi loạn bị dẹp tan, chúa Sãi thành lập dinh Trấn Biên và đặt Nguyễn Phúc Vinh làm trấn thủ,¹³ trị sở đặt tại nơi ngày nay gọi là Thành Cũ, thuộc thôn Bình Thạnh, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Lúc bấy giờ, với việc thành lập này, dinh Trấn Biên đảm nhận vai trò phòng thủ chốn biên thùy phía Nam của Đại Việt.¹⁴

Năm 1653, biên địa phía Nam của Đại Việt được mở rộng đến vùng đất Khánh Hòa và Phan Rang ngày nay. Sách sử ghi chép rằng vào năm này vua nước Chiêm Thành là Bà Thấm (còn gọi là Bà Bật) sang quấy nhiễu ở đất Phú Yên, nên chúa Hiền là Nguyễn Phúc Tần sai quan cai cơ Hùng Lộc (không rõ họ) đi đánh. Vua Chiêm phải dâng thư xin hàng. Chúa Nguyễn để từ sông Phan Rang trở vào cho vua Chiêm, còn từ sông Phan Rang trở ra cho đến Phú Yên được chúa Nguyễn sáp nhập vào phần đất của mình và lập thành hai phủ là Thái Khang và Diên Ninh (hay gộp chung lại thành Thái Ninh phủ). Phủ Thái Khang gồm 2 huyện: Quảng Phúc và Tân Định; phủ Diên Ninh gồm 3 huyện: Phúc Điền, Vĩnh Xương, Hoa Châu; Hùng Lộc được đặt ở lại trấn giữ.¹⁵

¹¹ Xem *Sđd.*, tập 3, quyển 10, *tỉnh Phú Yên*, tr. 74; PHAN KHOANG, *Việt sử: Xứ Đàng Trong, sđd.*, tr. 133.

¹² Nguyễn Phúc Vinh nguyên có tên là Mạc Cảnh Vinh, con cả Mạc Cảnh Huống, công thần của chúa Nguyễn, được chúa Sãi ban quốc tính và gả công chúa Ngọc Liên.

¹³ Mỗi dinh có chức quan lưu thủ đứng đầu việc hành chánh, quan tuần thủ chỉ huy quân sự. Nguyễn Phúc Vinh giữ chức trấn thủ, kiêm luôn cả hai chức lưu thủ và tuần thủ, tức là kiêm quản cả việc hành chánh lẫn quân sự.

¹⁴ Dinh Trấn Biên là một đơn vị hành chánh - quân sự tại Đàng Trong từ năm 1629 đến khoảng năm 1688. Trong thời kỳ mở mang lãnh thổ, những dinh ở địa đầu biên giới được gọi là dinh Trấn Biên. Do trị sở của dinh này đặt tại Phú Yên, nên sau này còn được gọi là dinh Trấn Biên - Phú Yên, để phân biệt với một đơn vị hành chánh - quân sự khác cũng có tên là dinh Trấn Biên, tồn tại từ năm 1698 đến năm 1808 với trị sở đặt tại Biên Hòa ngày nay.

¹⁵ Xem QUỐC SỬ QUẦN TRIỀU NGUYỄN, *Đại Nam Nhất Thống Chí, sđd.* tập 3, quyển 11, *tỉnh Khánh Hòa*, tr. 102; TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*,

Năm 1693, lấy cơ vua nước Chiêm Thành là Bà Tranh bỏ không tiến công, chúa Nguyễn Phúc Chu sai quan tổng binh là Nguyễn Hữu Kính, con của Nguyễn Hữu Dật, đem binh sang đánh. Không chỉ đánh để trừng phạt, ông còn thừa thắng chiếm trọn nước Chiêm Thành, xóa sổ lãnh thổ của cả một dân tộc và đổi thành Thuận phủ, cho người trong hoàng tộc và triều đình Chiêm Thành cũ giữ chức khám lý và đề đốc để cai trị nhằm phủ dụ dân Chăm, nhưng bắt phải đổi y phục như người Việt, khiến phần lớn dân tộc Chăm bị đồng hóa với dân tộc Kinh cho đến ngày nay. Nước Chiêm Thành mất hẳn từ đó. Qua năm sau Thuận phủ được đổi ra Thuận Thành trấn. Đến năm 1697, vùng đất mới chiếm được ấy được đặt thành phủ Bình Thuận.¹⁶

Năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu lại sai Nguyễn Hữu Kính làm quan kinh lược vào vùng đất phía Nam thuộc Cao Miên. Vì triều đình nước này suy yếu nên đã trở thành thuộc quốc của vương quốc Đàng Trong. Trong thời gian qua, chúa Nguyễn đã cho nhiều nhóm người Việt vào lập nghiệp ở đây và mặc nhiên coi đây như thuộc địa của mình từ năm 1679. Nguyễn Hữu Kính đã theo lệnh chúa chia đất ra làm dinh làm huyện: lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phúc Long và xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình; lập Trấn Biên dinh, tức Biên Hòa, và Phiên Trấn dinh, tức Gia Định, và đặt dưới quyền cai trị của các quan người Việt.¹⁷

¹⁶ Xem TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển II, *sđđ.*, tr. 79. QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN, *Đại Nam Nhất Thống Chí*, *sđđ.*, tập 3, quyển 12, *tỉnh Bình Thuận*, tr. 144, ghi: "Bản triều năm Nhâm thân, Hiến Tông Hiếu Minh Hoàng Đế (Nguyễn Phúc Chu) thứ hai (1692) vua Chiêm Thành là Bà Tranh phản, sai chương cơ Nguyễn Hữu Kính đánh phá được, bắt Bà Tranh đem về, đổi nước ấy làm trấn Thuận Thành. Năm Đinh sửu, Hiến Tông thứ 6 (1697), đặt phủ Bình Thuận, lấy đất ở phía tây Phan Rang làm hai huyện Yên Phúc và Hòa Đa lệ vào, lại đặt dinh Bình Thuận, cho trấn Thuận Thành lệ vào; đặt bốn đạo Phan Rang, Phan Thiết, Ma Li, Phô Hải, đặt mỗi đạo một chức quan văn và một chức quan võ, đều thuộc vào dinh, không đặt quan phủ huyện".

¹⁷ Xem TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển II, *sđđ.*, tr. 81. QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN, *Đại Nam Nhất Thống Chí*, *sđđ.*, tập 5, quyển 31, *tỉnh Gia Định*, tr. 233-234 ghi: "Xưa là nước Phù Nam, sau là Giản Phô Trại. Bản triều năm Kỷ mùi (1679) đời Thái Tông Hiếu Triết Hoàng Đế mới sai tướng mở đất dựng đồn dinh. Năm Mậu dần (1698) đời Hiến Tông Hiếu Minh Hoàng Đế lại sai Thống suất chương cơ Nguyễn Hữu Kính kinh lược đất ấy, đặt phủ Gia Định, lấy Sài Gòn đặt làm huyện Tân Bình dựng dinh Phiên Trấn, đặt chức Giám quân, Cai bạ và Ký lục". *Sđđ.*, tập 5, quyển 27, *tỉnh Biên Hòa*, tr. 40 ghi: "Năm Mậu dần thứ 8 (1698) đời Hiến Tông sai chương cơ Nguyễn Hữu Kính lấy xứ Lộc Dã (tức Đồng Nai, người Thanh gọi là Nông Nại) đặt làm huyện Phúc Long, đặt dinh Trấn Biên (hồi đầu bản triều những đất ở biên giới gọi là "trấn", Trấn Biên thuộc tỉnh Gia Định), chiêu mộ

Chúa Nguyễn ở Đàng Trong vừa mở rộng dần lãnh thổ về phía Nam, vừa phải cầm cự với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài để giữ được biên địa. Từ năm 1627 đến năm 1672, trong 45 năm ròng rã, chúa Trịnh bảy lần đem quân đánh chúa Nguyễn dưới danh nghĩa "phò Lê". Cuộc chiến quân sự giữa hai bên đã diễn ra lần đầu tiên vào năm 1627, tuy nhiên sự xung đột giữa hai bên đã nổ ra từ nhiều năm trước. Cuối cùng, chúa Trịnh không thể tiêu diệt được chúa Nguyễn nên phải chấp nhận chia cắt lãnh thổ.¹⁸ Sông Gianh – Nguồn Sơn được chọn làm ranh giới giữa hai bên, phía Bắc sông Gianh được gọi là Bắc Hà hay Đàng Ngoài thuộc chúa Trịnh, phía Nam sông Gianh được gọi là Nam Hà hay Đàng Trong thuộc chúa Nguyễn.¹⁹

Thủ phủ của vương quốc Đàng Trong, tức nơi ở của các chúa Nguyễn, thay đổi nhiều lần. Năm 1558, khi Nguyễn Hoàng mới vào trấn đất Thuận Hóa thì đóng dinh ở làng Ái Tử (gần thành phố Quảng Trị ngày nay). Năm 1570 Nguyễn Hoàng dời dinh vào làng Trà Bát (cùng huyện với Ái Tử) và gọi là Cát Dinh. Năm 1626 chúa Sãi là Nguyễn Phúc Nguyên chuẩn bị chống cự chúa Trịnh nên dời dinh vào làng Phúc An (thuộc huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên ngày nay) và đổi tư sở thành phủ. Năm 1636, chúa Thượng là Nguyễn Phúc Lan lại dời phủ vào làng Kim Long (thuộc huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên ngày nay). Đến năm 1687, chúa Nghĩa là Nguyễn Phúc Trấn đưa phủ về làng Phú Xuân, gọi là Chính Dinh. Từ đó Phú Xuân trở thành kinh thành (thành phố Huế ngày nay). Chỗ phủ cũ ở Kim Long được đặt làm Thái Tông miếu, thờ chúa Hiền.²⁰

dân xiêu tán từ Quảng Bình trở vào cho đến ở, chia đặt thôn ấp; người Thanh trú ngụ cũng biên tên vào sổ hộ".

¹⁸ Từ năm 1627 đến 1672, họ Trịnh đem quân đánh họ Nguyễn 7 lần, nhưng không thành công, đành phải thôi việc chiến tranh. Xét về binh lực thì họ Trịnh mạnh hơn, nhưng phải đi đánh xa, vận chuyển khó khăn; còn họ Nguyễn tuy yếu hơn, nhưng đánh ở đất nhà, có đồn lũy chắc chắn, tướng sĩ hết lòng, nên hai bên bất phân thắng bại, chỉ khổ cho dân phải sưu dịch và bị thiệt hại nặng nề. Mãi đến khi Tây Sơn khởi binh ở Đàng Trong đánh nhau với họ Nguyễn thì họ Trịnh mới nhân dịp vào đánh lấy đất Thuận Hóa. Xem TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển II, *sđđ.*, tr. 49.

¹⁹ Người Tây phương gọi Đàng Trong là *Cochinchina*. Nguồn gốc của cách gọi này đang còn tranh cãi. Từ giữa thế kỷ XIX trở về trước, tên gọi này chỉ miền Trung của Việt Nam hiện nay, và từ giữa thế kỷ XIX trở về sau chỉ miền Nam Việt Nam, khi người Pháp chiếm các tỉnh miền Nam và biến thành Nam Kỳ thuộc địa mà họ gọi là *Cochinchine*.

²⁰ Xem TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển II, *sđđ.*, tr. 87.

Do phải luôn luôn đối phó với chúa Trịnh thường đem quân tấn công Đàng Trong, chúa Nguyễn cũng tìm cách giao thương với người Bồ Đào Nha để mua súng ống đạn dược. Người Bồ còn giúp chúa Nguyễn lập xưởng đúc súng ở Phú Xuân, nơi ngày nay gọi là Phường Đúc hay Thợ Đúc.²¹ Vì mãi lo củng cố binh lực và để lấy lòng người Bồ, nhiều khi các chúa không để ý đến vấn đề tôn giáo, nên các thừa sai được tự do truyền giáo và còn được kính nể. Đối với các chúa Nguyễn, sự có mặt của các nhà truyền giáo trong nước là bảo đảm cho sự trở lại của tàu buôn người Bồ và nếu cần, các chúa có thể nhờ các ngài làm trung gian thương thuyết. Tuy nhiên sự gắn liền giữa các thừa sai với các tàu buôn người Bồ nhiều lúc cũng gây bất lợi cho công cuộc truyền giáo. Những cuộc bách hại trong thời kỳ này phần lớn cũng theo nhịp điệu giao thương giữa chúa Nguyễn và người Bồ, cũng như những cuộc thắng bại trên chiến trường khi giao tranh với quân Trịnh.

2. THƯƠNG MẠI

Trong thế đứng đối lập với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, chúa Nguyễn có những quyết sách tận dụng mọi nhân tố cũng như điều kiện thuận lợi tự nhiên, nhằm xây dựng cho mình một thế đứng vững mạnh ở Đàng Trong. Trong tầm nhìn đó, phát triển thương mại hàng hải là quyết sách căn bản đã giúp cho chúa Nguyễn đạt được thành công. Tác giả Li Tana đã nhận định rằng chính thương mại đã làm cho vương quốc mới này chỉ trong vòng ít thập niên đã trở nên đủ mạnh để có thể duy trì thế đứng độc lập của mình đối với phương Bắc và mở rộng về phương Nam. Không có thương mại, nhất là ngoại thương, vương quốc Đàng Trong khó có thể tồn tại, cho dù tài nguyên thiên nhiên có dồi dào, vì phải đương đầu với biết bao khó khăn. Đối với Đàng Trong vào buổi đầu, ngoại thương chẳng những là yếu tố quyết định cho tốc độ phát triển, mà còn là một vấn đề sống còn.²² Điều này còn được khẳng định qua việc các chúa Nguyễn mua sắm vũ khí từ nước ngoài qua con đường ngoại thương, để chống cự những cuộc tấn công của quân Trịnh với lực lượng mạnh hơn nhiều.

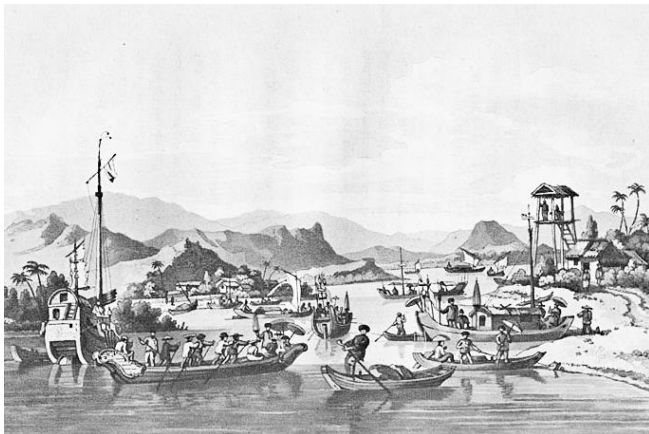
²¹ Một người Bồ tên là João da Crux đứng chủ xưởng từ khoảng năm 1658 đời chúa Hiền.

²² Xem LI TANA, *Xứ Đàng Trong. Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17-18*, Bản dịch của Nguyễn Nghị, Tái bản lần thứ 3, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh 2016, tr. 95. Nguyên tác: *Nguyen Cochinchina: Southern Vietnam in 17th and 18th centuries*, Cornell Southeast Asia Program, USA 1998.

Con đường thương mại trên bộ quan trọng nhất ở Đàng Trong vào thời ấy là con đường từ Lào chạy xuống Quảng Trị, tập trung ở Cam Lộ, xuôi ra Cửa Việt, rồi lại kéo lên Lao Bảo.²³ Tuy nhiên con đường ngoại thương trên biển quan trọng hơn nhiều. Vào cuối thế kỷ XVI đến thế kỷ XVII, nhất là từ năm 1600, chúa Nguyễn đã có những quyết sách khai thác tiềm năng của các cảng biển như Hội An (Quảng Nam ngày nay), Thanh Hà (Huế ngày nay), và Nước Mặn (Bình Định ngày nay).²⁴ Các phố cảng này chiếm vị trí quan trọng trong quan hệ ngoại thương, đón nhận các đoàn thương nhân Bồ Đào Nha, Nhật Bản, Trung Hoa, Hà Lan, Anh Quốc... Trong đó, thương cảng Hội An chiếm vị trí quan trọng hàng đầu. Đặc biệt Hội An và Nước Mặn là hai phố cảng gắn liền với lịch sử loan báo Tin Mừng ở Đàng Trong.

2.1. Phố cảng Hội An

Phố cảng Hội An nằm cách thành phố Đà Nẵng ngày nay 30km về phía Nam, gần cửa Đại, trên bờ phía Bắc của sông Thu Bồn, con sông lớn nhất của tỉnh Quảng Nam. Hạ lưu sông Thu Bồn khi đổ ra biển Đông được chia



Bên sông Hội An cuối thế kỷ XVIII

thành nhiều nhánh. Nhánh tiếp xúc với khu phố cổ mang tên sông Hội An, còn dòng chảy giữa hai cồn Cẩm Nam và Cẩm Kim là dòng chính của sông Thu Bồn. Trên những bản đồ cổ thế kỷ XVII, XVIII, Hội An nằm trên bờ Bắc của sông Thu Bồn, thông với biển Đông bằng cửa Đại và một dòng sông nối với cửa Hàn của Đà Nẵng, phía ngoài là một doi cát rộng. Dấu vết dòng sông nối liền Hội An với cửa Hàn có thể được xác định là con sông Cò Cò - Đế Võng ngày nay. Trên thủy trình cổ này đã từng tìm thấy nhiều lô tàu, mỏ neo bị chôn vùi trong lòng đất.

²³ Xem *Sdd.*, tr. 200.

²⁴ Xem ĐỖ BANG, *Phố cảng vùng Thuận Quảng thế kỷ XVII-XVIII*, Luận án PTS. Khoa học lịch sử, Hà Nội 1993, tr. 172.

Tuy địa danh "Hội An" được cho rằng xuất hiện vào khoảng cuối thế kỷ XVI, nhưng vùng đất xung quanh đô thị này đã có một lịch sử rất lâu đời. Vào thời các vua Chiêm Thành, Hội An được gọi là "Đại Chiêm hải khẩu", nơi các thuyền buôn Trung Hoa, Nhật Bản, Nam Dương (Indonesia) ra vào tấp nập. Năm 1471, kinh đô của Chiêm Thành là Đồ Bàn bị nhà Lê chiếm. Vùng đất Hội An trở thành lãnh thổ của Đại Việt từ đó, nhưng phải về sau nơi đây mới phát triển thành một khu vực thương mại. Hội An được hình thành dựa trên sự kế thừa cảng biển của người Chăm và người Việt bắt đầu tới đây từ thế kỷ XV. Các thương nhân Hà Lan, Bồ Đào Nha, Anh và Pháp tới buôn bán tại đây. Đó là bước chuẩn bị trực tiếp cho sự ra đời của phố cảng Hội An.

Hội An ra đời vào khoảng nửa cuối thế kỷ XVI, thời kỳ Đàng Trong nằm dưới quyền cai trị của các chúa Nguyễn. Cùng với con trai là Nguyễn Phúc Nguyên, Nguyễn Hoàng xây dựng thành lũy, ra sức phát triển kinh tế, mở rộng giao thương buôn bán với nước ngoài và Hội An trở thành thương cảng quốc tế sầm uất bậc nhất khu vực Đông Nam Á thời kỳ đó.

Đến thế kỷ XVII, tại Hội An đã có những khu phố nước ngoài hình thành dựa trên một số luật lệ nhằm bảo hộ cho các hoạt động thương mại của người ngoại quốc. Phố Nhật Bản ở Hội An được hình thành và phát triển cực thịnh trong đầu thế kỷ XVII. Cũng vào thời kỳ ấy các thừa sai Dòng Tên theo thuyền buôn Bồ Đào Nha đặt chân lên phố cảng này. Cha Alexandre de Rhodes (Đắc Lộ) gọi Hội An là Hải Phố (Faifo), tức là thành phố biển.²⁵

2.2. Phố cảng Nước Mặn

Trong *Hồng Đức bản đồ* (1490) thương cảng Nước Mặn được ghi là "Nước Mặn hải môn". Trong giai đoạn thế kỷ XVI-XVII, Nước Mặn là một cảng thị sầm uất ở phủ Qui Nhơn (Bình Định ngày nay). Năm 1618, cha Borri được quan phủ Qui Nhơn đưa đến Nước Mặn; trong một bản tường thuật cha gọi đó là thành phố Nước Mặn (Città Nuoecman). Cha Borri không nói đến cảnh buôn bán ở Nước Mặn nhưng đã cho thấy sự rộng lớn của cảng thị này: "dài năm dặm và rộng bằng một nửa".²⁶ Năm 1651, Nước Mặn được vẽ trên bản đồ với tên gọi "Nehot Man ou Eau salée".²⁷

²⁵ Xem https://vi.wikipedia.org/wiki/Phố_cổ_Hội_An

²⁶ Theo CHRISTOFORO BORRI, *Relatione della nuova missione delli PP. della Compagnia di Gesù al Regno della Cocincina*, Francesco Corbelletti, Roma 1631,

Năm 1749-1750, Pierre Poivre, thương nhân Pháp, du hành đến Đàng Trong và viết trong hồi ký của mình: "Tại tỉnh Qui Nhơn có một thương cảng khác gọi là Nước Mặn là một cảng tốt, an toàn, được thương nhân lui tới nhiều, nhưng kém hơn Faifo (Hội An), lại không thuận tiện vì quá xa kinh thành, mà các thuyền trưởng thì nhất thiết phải đi đến kinh thành nhiều lần và phải đi ròng rã 6 ngày đường".²⁸

tr. 133: Nước Mặn có diện tích "di cinque miglia in lungo, e di mezzo in largo" (dài năm dặm và rộng bằng một nửa). Bản dịch Việt ngữ của Hồng Nhuệ: *Tường trình về Khu truyền giáo Đàng Trong 1631*, Nxb. Thăng Long, Hoa Kỳ 1989, tr. 75: "Nước Mặn, một địa điểm dài chừng hai dặm và rộng tới một dặm rưỡi". Bản dịch tiếng Pháp của Bonifacy: *Relation de la nouvelle mission des Pères de la Compagnie de Jésus au Royaume de la Cochinchine*, trong *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, Juillet-Dec. 1931, tr. 351: "...Nuocman, qui s'étend sur une longueur de cinq milles, et une largeur de cinq milles" (dài năm dặm, rộng năm dặm).

Tên tác giả và tên tác phẩm trên đây được viết bằng tiếng Ý thế kỷ XVII có phần khác với tiếng Ý hiện nay. Trong sách này chúng tôi giữ nguyên tên tác giả và tác phẩm theo cách viết thời ấy.

- Nguyên bản tiếng Ý xuất bản năm 1631 gồm hai phần, phần I có 8 chương, phần II có 11 chương.

- Bản dịch tiếng Pháp của Bonifacy được đăng trong *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, Juillet-Déc. 1931, đầy đủ như bản tiếng Ý.

- Bản dịch tiếng Việt của Hồng Nhuệ với tựa đề *Tường trình về Khu truyền giáo Đàng Trong 1631*, Nxb. Thăng Long, Hoa Kỳ 1989. Bản dịch này được dịch giả dịch từ bản dịch tiếng Pháp của cha Antoine de la Croix xuất bản ở Lille năm 1631, bản dịch thiếu chương 11 phần II của bản tiếng Ý.

- Bản dịch tiếng Việt của Hồng Nhuệ - Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghi với tựa đề *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb. Tổng Hợp, Tp. Hồ Chí Minh 2014. Bản dịch này chỉ có 13 chương xuyên suốt, không theo kết cấu phần và chương của bản tiếng Ý. Trong số 13 chương, 8 chương đầu theo đúng thứ tự như bản tiếng Ý. Năm chương tiếp theo (9-13): Chương 9 của bản dịch là chương 3 phần II của bản tiếng Ý; chương 10 của bản dịch là chương 4 phần II của bản tiếng Ý, tuy nhiên bản dịch bị cắt bỏ rất nhiều so với bản tiếng Ý; chương 11 của bản dịch là chương 6, phần II của bản tiếng Ý, tuy nhiên nơi bản dịch tựa đề của chương bị thay đổi và cắt bỏ một số đoạn so với bản tiếng Ý; chương 12 của bản dịch với đề chương "Đời sống tinh thần ở Đàng Trong" là một tổng hợp chương 7 và chương 8 phần II của bản tiếng Ý, tuy nhiên bản dịch đã cắt bỏ bản tiếng Ý rất nhiều; chương 13 của bản dịch là chương 11 phần II của bản tiếng Ý, tuy nhiên bản dịch cũng cắt bỏ rất nhiều đoạn trong bản tiếng Ý. Nói chung bản dịch này cắt bỏ quá nhiều điều mà cha Borri đã viết trong bản tiếng Ý được xuất bản năm 1631.

²⁷ Xem bản đồ tại phụ lục số 20, trong PHẠM ĐÌNH KHIÊM, *Người Chứng Thứ Nhất*, Tinh Việt văn đoàn, Sài Gòn 1959, tr. 88-89.

²⁸ ĐỖ BANG, *Phổ cảng vùng Thuận Quảng*, sđd., tr. 160; HENRI CORDIER, "Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine, description de la Cochinchine", trong *Revue de Extrême-Orient*, T. III, 1887, tr. 167.

Bước sang thế kỷ XIX, cảng thị Nước Mặn vang bóng một thời đã suy tàn, các thương nhân đến các nơi khác hoặc về Qui Nhơn buôn bán, tạo tiền đề phát triển cho thành phố Qui Nhơn ngày nay.²⁹

Sự ra đời của một cảng thị, sự hưng thịnh, suy vong, lụi tàn đều có những lý do tất yếu của nó. Theo các nhà nghiên cứu, cảng thị Nước Mặn ngày xưa bao gồm các thôn An Hòa và Lương Quang xã Phước Quang, thôn Kim Xuyên xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước ngày nay. Trải qua thời gian dài dâu bể và do sự bồi đắp tự nhiên của phù sa, cảng thị ngày càng biến dạng và suy tàn.³⁰

Vào thế kỷ XVII-XVIII, cửa khẩu đi vào Nước Mặn được gọi là Kẻ Thử.³¹ Cửa khẩu này dẫn vào phía Bắc đầm Thị Nại, phân biệt với cửa Thị Nại ở phía Nam. Cửa Kẻ Thử đã bị bồi lấp, nối liền núi Bà ở

²⁹ Trong tấm bia ở đền Quan Thánh thuộc thành phố Qui Nhơn có ghi một người họ Nguyễn, quê Nước Mặn, cúng năm quan tiền để xây dựng ngôi đền này vào năm 1837.

³⁰ Cho đến nay việc khảo sát cảng thị Nước Mặn chưa được đi sâu. Vào tháng 04 năm 2006, Bảo tàng tổng hợp Bình Định đã tổ chức khảo sát nhưng không quy mô. Kết quả được ghi nhận: "Hồ khảo sát chỉ có diện tích 6m², lại mới đào khoảng 50cm, nhưng các nhà khoa học đã tìm thấy hàng vài trăm mảnh gốm sứ các loại: gốm Gò Sành (gốm Chăm thế kỷ XIV-XV), gốm Chu Đậu (Việt Nam, thế kỷ XVI), Nhật Bản, Trung Quốc (thế kỷ XVII), thậm chí cả gốm vùng Trung Cận Đông, gốm Thái Lan. Nhiều nhất vẫn là gốm Chăm, Trung Quốc và Nhật Bản. Gốm Trung Quốc và Nhật Bản cùng mang màu xanh trắng, nhưng có thể phân biệt khá rõ về sắc độ và sự tinh xảo. Có mặt tại điểm khảo sát, tiến sĩ Roxana M.Brown (một chuyên gia về gốm Đông Nam Á, hiện là Giám đốc Bảo tàng Gốm Đông Nam Á thuộc Đại học Bangkok - Thái Lan), nhận xét: "Niên đại của các hiện vật gốm Trung Quốc và Nhật Bản nằm khoảng thời gian từ 1620 đến 1680". Xem VIẾT THỌ - HOÀI THU, "Khảo sát cảng thị Nước Mặn", trong *Báo điện tử Bình Định*, 8:18', 28.04.2006.

Tháng 07 năm 2016, Bảo tàng tổng hợp tỉnh Bình Định phối hợp với Viện khảo cổ học, tổ chức khai quật khảo cổ khu vực thương cảng Nước Mặn do thạc sĩ Bùi Văn Hiếu, cán bộ Viện khảo cổ học chủ trì. Ngày 22.07.2016, tại Bảo tàng tổng hợp tỉnh Bình Định, đoàn khảo cổ báo cáo kết quả khai quật bốn hố thám sát. Về vật liệu kiến trúc, thu được 789 mảnh gạch ngói, đa phần đều bị vỡ nhỏ. Đồ gốm sứ, thu được 4.844 mảnh đất nung, gốm men và sứ cũng phần lớn đều vỡ nhỏ. Gốm men và sứ bao gồm các loại hình bát, đĩa, cốc... với các dòng men nâu, ngọc, trắng, lam có nguồn gốc Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, niên đại trải dài từ thế kỷ XVI-XVII đến thế kỷ XIX-XX. Đồ sành, thu được 2.823 mảnh, chủ yếu niên đại khoảng thế kỷ XVII-XVIII. Đồ sắt, thu được 12 hiện vật đã bị oxy hóa nặng, chưa xác định loại hình và niên đại. Ngoài ra có năm đồng tiền và một mảnh tiền cũng bị oxy hóa nặng, trong đó có hai đồng cho thấy tiền Khai Nguyên thông bảo (713-741) và Khang Hy thông bảo (1661-1722). Xem *Báo Bình Định*, ngày 24.07.2016.

³¹ "Kẻ" là từ cổ thường dùng trước một địa danh để chỉ một đơn vị dân cư, thường là nơi có chợ búa. Cửa Kẻ Thử còn được dân địa phương gọi là cửa Cách Thử.

phía Bắc và núi Đon ở phía Nam tạo nên một trảng cát dài hơn 8km. Ngày nay tại vùng đất này vẫn còn tên gọi chợ Kẽ Thử thuộc thôn Phương Phi, xã Cát Tiến, huyện Phù Cát.

Theo truyền tụng dân gian, vào thời Gia Long, trời nổi sấm và lấp cửa Kẽ Thử. Theo bản đồ địa chất Nghĩa Bình, từ Đền Gi qua núi Bà đến Qui Nhơn có mạch đứt gãy hoạt động từ 500 năm nay, mạch đứt gãy chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam. Cửa Kẽ Thử nằm ngay trên mạch đứt gãy này nên đành chịu sự vùi lấp của nó. Cách nay khoảng hơn 200 năm, mạch đứt gãy này có sự kiến tạo đột biến ở phía Nam núi Bà làm cho vùng này trôi lên cách bất thường. Cửa Kẽ Thử bị lấp. Nó đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của mình.³²

3. GIAO THÔNG

Hệ thống giao thông tại Đàng Trong vào thời kỳ ấy gồm đường bộ và đường thủy. Khi trấn nhậm Thuận Quảng, các chúa Nguyễn đã kế thừa, mở rộng hệ thống đường mòn sẵn có để tạo nên đường thiên lý cho vùng Thuận Quảng.³³ Hệ thống đường bộ được xây dựng phần lớn do người dân và ít phát triển. Hệ thống đường thủy phát triển mạnh hơn nhờ có nhiều sông ngòi và bờ biển dài với nhiều cửa biển dẫn vào các con sông, cũng như nhờ tập quán di chuyển bằng thuyền của người Việt. Đường thủy phục vụ cho việc giao thương giữa miền núi và đồng bằng, cũng như giữa những khu vực miền duyên hải.

3.1. Hệ thống đường bộ

Đàng Trong là một dải đất dài và hẹp nằm giữa dãy Trường Sơn ở phía Tây và Biển Đông, bị chia cắt bởi những rặng núi ngang và sông ngòi chằng chịt, tạo thành những vùng đất biệt lập, ít gắn kết với nhau về mặt địa lý, nên vào thời ấy hệ thống đường bộ giữa các vùng miền khó phát triển và khá rời rạc, việc đi lại rất khó khăn. Các di dân người Việt, khi tới lập cư tại một vùng đất mới nào đó, thường chiếm giữ trước tiên những vùng đất dọc bờ sông. Do đó làng mạc cũng thường theo hình con sông, dài và hẹp, và các con đường cũng được hình thành theo bờ sông, để thuận lợi cho việc kết hợp giao thông thủy - bộ. Những con đường làng dần dần được nối kết với nhau thành những đường liên hương trong một địa phương. Việc thiết lập các con

³² Xem ĐỖ BANG – NGUYỄN TẤN HIỂU, *Lịch sử thành phố Qui Nhơn*, Nxb. Thuận Hóa, 1998, tr. 76-83.

³³ Đường thiên lý (đường ngàn dặm) ban đầu nối liền Thăng Long với Lạng Sơn, sau đó mở rộng và kéo dài tới miền Nam.

đường này tiếp tục phát triển theo mức độ gia tăng của các làng mạc và dân số trong vùng, để có được con đường thiên lý nối kết các vùng miền trong vương quốc.³⁴

Do hạn chế về mặt kỹ thuật, hầu hết đường sá tại các địa phương đều được đắp bằng đất. Vào mùa mưa lũ, các con đường thường bị ngập nước và sạt lở, khó đi lại. Những tuyến đường giao thông quan trọng và đường đê được chính quyền địa phương huy động dân công gia cố hằng năm với chi phí lấy từ công quỹ của triều đình và sự đóng góp của địa phương.

Hệ thống sông ngòi chằng chịt là một trở ngại lớn cho việc giao thông đường bộ. Dân chúng địa phương khắc phục trở ngại này bằng cách xây dựng những chiếc cầu hoặc các bến phà. Những chiếc cầu vào thời này thường được xây dựng với kết cấu thô sơ bằng gỗ, hoặc bằng gạch đá với vôi. Do hạn chế về mặt kỹ thuật nên các cây cầu chỉ bắc qua những con sông nhỏ, còn tại những dòng sông lớn người ta phải dùng đường thủy bằng đò ngang hoặc bằng phà.

Đường thiên lý từ Thuận Hóa đến Phú Yên được Lê Quý Đôn ghi nhận như sau: "Đường sá từ trấn Thuận Hóa vào đến Quảng Nam, nhật trình đi bộ từ quán Lòn Voi đến quán Trà nửa ngày. Quán Trà đi tới đến quán Tuần ải. Tuần ải đi đến quán Sảng nửa ngày; quán Sảng đi tới đến quán Thanh Khê. Quán Thanh Khê đi đến quán Cẩm Sa nửa ngày; quán Cẩm Sa đi tới đến dinh Quảng Nam. Dinh Quảng Nam đi đến Hà Lam nửa ngày, lại đi tới đến quán Bà Dầu. Quán Bà Dầu đến quán Thọ Khang nửa ngày, lại đi tới đến quán Ông Bộ, quán Ông Bộ đến quán Bến Ván nửa ngày, lại đi tới đến Trì Bình. Lại đi đến quán Ô Sông nửa ngày, lại đi tới đến quán Trà Phúc. Lại đi đến quán La Hà nửa ngày, quán La Hà đi tới đến quán Địa Thi. Lại đi đến quán Hoa Sơn nửa ngày, lại đi tới đến quán Cát. Lại đi đến Mân Khê nửa ngày, lại đi tới đến quán Bến Đá.³⁵ Lại đi đến quán Bò Đề nửa ngày, lại đi

³⁴ Xem LI TANA, *Xứ Đàng Trong, sdd.*, tr. 20, 214.

³⁵ Bến Đá là một địa điểm quan trọng trong hệ thống giao thông lúc bấy giờ và có một vị trí trong *An Nam Đại Quốc Hoạ Đồ*. Trong *Đại Nam Nhất Thống Chí, tỉnh Bình Định*, mục *Sơn Xuyên* có ghi Thạch Tân Lãnh (núi Bến Đá, tục gọi là đèo Bến Đá) là ranh giới giữa Quảng Ngãi và Bình Định. Theo trục giao thông thời bấy giờ, Bến Đá vừa là điểm nối kết đường bộ giữa Quảng Ngãi và Bình Định, vừa là một bến đò thông ra cửa biển Kim Bồng. Trong *Đại Nam Nhất Thống Chí, tỉnh Bình Định*, Bến Đá là một bến đò được liệt kê trong mục *Bến Đò*. Thời chúa Nguyễn, Bến Đá vừa là bến trạm trong hệ thống giao thông đường bộ, vừa là bến trạm đường thủy. Ngày nay Bến Đá thuộc thôn Bình Đề, xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

tối đến quán Phủ Cũ. Lại đi đến quán Tre nửa ngày, lại đi tối đến quán Lang Kha. Lại đi đến quán Chùa nửa ngày, lại đi tối đến quán Mới. Lại đi tối đến quán Canh Hàn nửa ngày, lại đi tối đến quán Phú Bình. Lại đi đến quán Chân đèo tròng Ninh nửa ngày là giáp địa giới phủ Phú Yên, cộng 14 ngày rưỡi".³⁶

Việc giao thông trên đường bộ khá thô sơ. Phần lớn dân chúng di chuyển bằng đôi chân của mình, hàng hóa và đồ đạc được vận chuyển trên vai bằng cách vác, gánh, khiêng... Có lẽ cũng chính vì vậy mà người Việt từ xưa rất thành thạo trong các kỹ thuật đan lát, để tạo ra những thúng, giỏ... thuận tiện cho việc mang vác.

Để cải tiến việc đi lại và vận chuyển ấy, trong một số trường hợp dân chúng sử dụng những phương tiện thô sơ là các cỗ xe bánh gỗ do voi, ngựa, trâu, bò kéo. Cách di chuyển tiến bộ nhất vào thời kỳ này là dùng ngựa. Trên đường thiên lý, chính quyền thường đặt những dịch trạm, mỗi dịch trạm có phu trạm và ngựa để kịp truyền công văn, cũng như để khiêng cáng kiệu hay đồ đạc của các quan. Cũng từ các dịch trạm này, nhiều chợ và thị trấn đã mọc lên.

Các tầng lớp quý tộc, quan chức, người có địa vị trong xã hội, các thương gia và những người giàu có thường di chuyển bằng kiệu, hoặc võng, cáng, do sức người khiêng. Tuy nhiên, những phương tiện này chỉ sử dụng cho những quãng đường gần mà thôi. Võng và cáng được sử dụng nhiều hơn, còn kiệu là phương tiện di chuyển sang trọng nhất thường dành riêng cho hoàng gia, tầng lớp quý tộc và các quan lớn. Nhiều chiếc kiệu được trang hoàng sang trọng và có nhiều người khiêng.

3.2. Hệ thống đường thủy

Nếu dải đất Đàng Trong bị chia cắt bởi núi non và nhiều sông ngòi, khiến hệ thống đường bộ bị hạn chế và khó phát triển, thì bù lại, hệ thống đường thủy có nhiều điều kiện thuận lợi hơn, không những do sự góp phần của chính các dòng sông ấy, mà còn do bờ biển dài từ Bắc chí Nam, nơi các dòng sông chảy ra tạo thành những cửa biển rất thuận lợi cho việc vận chuyển bằng tàu thuyền.

Cha Borri nhận xét: "Còn về các hải cảng thì thật là điều rất lạ, trong vòng hơn một trăm dặm một chút mà đếm được sáu mươi hải

³⁶ LÊ QUÝ ĐÔN, *Phủ Biên Tạp Lục*, tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội 1977, tr. 117.

cảng, tất cả đều rất thuận tiện để cập bến và lên đất liền. Là vì ở ven bờ có rất nhiều nhánh biển lớn".³⁷

Nhà sư Thích Đại Sán cũng đã ghi nhận trong *Hải ngoại ký sự* vào năm 1695 như sau: "Các thị trấn ở đây thường quay lưng vào núi và mặt ngó ra biển, không có đường giao thông giữa hai phủ với nhau. Ở bất cứ đâu, khi người ta vào một hải cảng là bước vào một phủ. Nếu muốn từ phủ này tới một phủ khác, người ta bắt buộc phải rời cảng mình đang ở, xuống thuyền ra biển dọc theo núi và vào một hải cảng khác".³⁸

Ngoài việc các dòng sông tạo sự thuận lợi giao thông trên nguồn dưới biển bằng đò dọc, còn có những bến đò ngang phục vụ cho việc giao thông giữa các cư dân hai bên bờ sông, như đã nói trên. Ưu điểm lớn nhất của giao thông đường thủy là nó có thể vận chuyển những hàng hóa nặng và cồng kềnh. Đường thủy trên sông và trên biển đóng vai trò then chốt trong việc giao thương buôn bán và giao lưu văn hóa chẳng những giữa miền xuôi và miền ngược trong nước, mà còn với các nước khác trên thế giới.

Tại các cửa sông hay ven bờ biển, người Việt xưa đã đặt các trạm dừng để làm nơi nghỉ ngơi, tiếp sức, trong các chuyến vận chuyển dài ngày. Đặc biệt là các cảng sông hay cảng biển, nơi trao đổi hàng hóa, chuẩn bị lương thực cho chặng đường tiếp theo, đồng thời cũng là nơi đóng tàu và sửa chữa tàu thuyền.

Các phương tiện giao thông đường thủy tại Đàng Trong khá phong phú và đa dạng. Thuyền là loại phương tiện cơ bản và thông dụng nhất, không những để dân chúng di chuyển, mà còn để chuyên chở hàng hóa. Thuyền cũng là ngôi nhà của những người dân quen sống trên sông nước. Người nghèo sử dụng thuyền nan được đan bằng tre, còn những người có của hơn thì sắm thuyền gỗ đủ cỡ, có thể được trang bị thêm bằng vài cánh buồm để đi trên sông lớn hoặc trên biển.

Vào cuối thế kỷ XVII, vương quốc Đàng Trong đã mở rộng đến Gia Định, vì vậy ở đây xin được liệt kê những dòng sông chính từ Quảng Bình đến địa giới này. Trong số đó có nhiều dòng sông đã được các thừa sai vào thời kỳ ấy lần theo để đem Tin Mừng đến cho dân chúng.

³⁷ CHRISTOFORO BORRI, *Relazione della nuova missione*, sdd., tr. 97. *Tường trình về Khu truyền giáo*, sdd., tr. 56.

³⁸ LI TANA, *Xứ Đàng Trong*, sdd., tr. 75.

Tại Quảng Bình có sông Gianh và sông Nhật Lệ. Sông Gianh, hay Linh Giang, đổ ra biển ở cửa Gianh.³⁹ Sông Nhật Lệ đổ ra biển tại cửa Nhật Lệ.

Tại Quảng Trị có 12 con sông lớn nhỏ, tạo thành 3 hệ thống sông chính là sông Bến Hải, sông Thạch Hãn và sông Ô Lâu. Sông Bến Hải⁴⁰ đổ ra biển ở cửa Tùng, sông Thạch Hãn đổ ra biển ở cửa Việt, sông Ô Lâu đổ ra phá Tam Giang.

Tại Thừa Thiên - Huế có sông Hương và sông Truồi. Sông Hương⁴¹ chảy vào phá Tam Giang. Vào giữa thế kỷ XVII, bên bờ sông Hương hình thành thương cảng Thanh Hà. Sông Truồi⁴² đổ vào đầm Cầu Hai và chảy ra biển ở cửa Tư Hiền.

Tại Quảng Nam - Đà Nẵng có sông Hàn, sông Cu Đê, sông Thu Bồn, sông Vu Gia, sông Trường Giang và sông Bà Rén. Sông Hàn chảy ra biển ở cửa Hàn,⁴³ sông Cu Đê đổ ra biển tại cửa Nam Ô, sông Thu Bồn chảy ra biển ở cửa Đại,⁴⁴ sông Vu Gia chảy ra bến Giằng, sông Trường Giang chảy đến Kỳ Hà, sông Bà Rén chảy vào ngã ba Vạn Lý.

Tại Quảng Ngãi có sông Trà Bồng, sông Trà Khúc, sông Vệ và sông Trà Câu. Sông Trà Bồng chảy ra biển ở cửa Sa Cần thuộc huyện Bình Sơn,⁴⁵ sông Trà Khúc chảy ra biển ở cửa Đại Cỏ Lũy thuộc huyện Sơn Tịnh,⁴⁶ sông Vệ chảy ra biển ở cửa Lở,⁴⁷ sông Trà Câu chảy ra biển ở cửa Mỹ A.

³⁹ Sông Gianh là ranh giới giữa Dòng Trong và Dòng Ngoài.

⁴⁰ Xưa có tên là sông Minh Lương hay còn gọi là sông Bến Hói: "hói" trong tiếng địa phương là dòng sông nhỏ.

⁴¹ Trong *Phủ Biên Tạp Lục* của Lê Quý Đôn, sông này được gọi là sông Hương Trà.

⁴² Trong *Đại Nam Nhất Thống Chí*, sông Truồi có tên là sông Hưng Bình.

⁴³ Ngày 18.01.1615 đoàn thừa sai Dòng Tên đầu tiên đến tại cửa Hàn. Từ cửa Hàn có các nhánh sông tiếp giáp với sông Thu Bồn, lên tới Dinh Chiêm, thủ phủ của xứ Quảng Nam thời các chúa Nguyễn.

⁴⁴ Bên bờ sông Thu Bồn có Hội An. Đây là dòng sông chứa đựng nhiều dấu ấn của các thừa sai Dòng Tên từ đầu thế kỷ XVII.

⁴⁵ Huyện Bình Sơn, hạ lưu sông Trà Bồng, vùng đất các thừa sai Dòng Tên và Hội thừa sai Paris (MEP) đã đặt chân đến từ thế kỷ XVII.

⁴⁶ Dọc lưu vực sông thuộc huyện Sơn Tịnh có Chợ Mới, một giáo họ thuộc giáo xứ Phú Hòa ngày nay, một nơi được nhắc đến trong hành trình truyền giáo của cha Alexandre de Rhodes (Đắc Lộ) Dòng Tên, và là nơi an nghỉ của cha Antoine Hainques thuộc Hội thừa sai Paris.

⁴⁷ Dọc lưu vực sông thuộc huyện Nghĩa Hành, vùng đất giáo xứ Châu Me ngày nay đã được các thừa sai Dòng Tên và thừa sai Paris đặt chân đến từ đầu công cuộc truyền giáo. Vùng đất này có nhiều địa danh được ghi trong lịch sử truyền giáo như An Chỉ, nơi

Tại Bình Định có sông Tân Quan, sông Lại Giang, sông Châu Trúc, sông La Tinh, sông Kôn và sông Hà Thanh.⁴⁸ Sông Tân Quan, còn gọi là sông Tam Quan, chảy ra cửa biển Kim Bồng,⁴⁹ sông Lại Giang chảy ra cửa biển An Dũ,⁵⁰ sông Châu Trúc đổ ra biển qua cửa Hà Ra, sông La Tinh đổ vào đầm Đê Gi rồi đổ ra biển qua cửa Đê Gi, sông Kôn và sông Hà Thanh đổ vào đầm Thị Nại.⁵¹

Tại Phú Yên có sông Kỳ Lộ, sông Ba và sông Bàn Thạch.⁵² Sông Kỳ Lộ ở hạ lưu được gọi là sông Cái, đổ ra cửa biển Tiên Châu,⁵³ sông Ba ở hạ lưu được gọi là sông Đà Rằng đổ ra biển qua cửa Đà Diễn, sông Bàn Thạch ở hạ lưu được gọi là sông Đà Nông đổ ra biển qua cửa Đà Nông.

Tại Khánh Hòa có sông Dinh và sông Cái. Sông Dinh chảy qua cửa Hà Liên rồi đổ ra vịnh Nha Phu,⁵⁴ sông Cái đổ ra biển qua cửa Bé (Tiểu Cù Huân) và cửa Lớn (Đại Cù Huân).⁵⁵

Đức cha Lambert de la Motte thành lập Dòng Mến Thánh Giá đầu tiên ở Đàng Trong vào năm 1671; Bàu Tây, nơi các thừa sai Paris thường lưu trú.

⁴⁸ Xem UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH, *Địa chí Bình Định*, tập *Thiên nhiên Dân cư và Hành chánh*, Quy Nhơn 2005, tr. 89-102.

⁴⁹ Sông có nhánh từ Bến Đá hợp lưu trước khi chảy ra cửa biển Kim Bồng. Bến Đá là nơi cha Alexandre de Rhodes đã lui tới khi ngài ở Đàng Trong.

⁵⁰ Cửa An Dũ qua các thời kỳ lịch sử còn được gọi là cửa An Dụ hay cửa Tà Phù, Ti Phu, Thời Phú. Cửa biển này phân lớn thuộc thôn Thanh Xuân, xã Hoài Hương, huyện Hoài Nhơn ngày nay.

⁵¹ Từ đầu thế kỷ XVII, các thừa sai đã qua cửa Kê Thử vào đầm Thị Nại và đến cảng Nước Mặn.

⁵² Theo công lệnh của Nguyễn Hoàng, năm 1597, Lương Văn Chánh, tri huyện Tuy Viễn, đưa dân Thuận Quảng vào khai hoang vùng châu thổ của các sông Bà Đài (châu thổ Sông Cái), Bà Diễn còn gọi là Đà Diễn (châu thổ sông Đà Rằng), Bà Nông, còn gọi là Đà Nông (châu thổ sông Bàn Thạch) và Cù Mông (vùng đầm Cù Mông, ven biển phía Bắc huyện Sông Cầu ngày nay).

⁵³ Từ cửa biển Tiên Châu lên vùng châu thổ sông Cái có nhà thờ tại dinh Trần Biên Phú Yên, nhà thờ đầu tiên của Phú Yên do công chúa Ngọc Liên lập. Cha Alexandre de Rhodes đã rửa tội cho Anrê Phú Yên tại nhà thờ này vào năm 1641. Trong nhật ký truyền giáo của cha Ausiès de Fonbone thuộc Hội thừa sai Paris, viết vào năm 1683, có nói đến nhà thờ Bà Đài, nhà thờ chính của Phú Yên lúc bấy giờ. Cho đến nay chưa xác định được vị trí nhà thờ này.

⁵⁴ Dọc theo sông Dinh (Ninh Hòa) có cộng đoàn tín hữu ở Nha-ru được cha Antoine Hainques thuộc Hội thừa sai Paris đến thăm viếng khi ngài được Đức cha Lambert de La Motte sai đến Đàng Trong năm 1665.

⁵⁵ Dọc theo sông Cái có họ đạo Lâm Thuyền, nơi Đức cha Lambert de La Motte cập bến khi ngài từ Xiêm đến viếng thăm Giáo phận Đàng Trong lần thứ nhất vào năm 1671.

Tại Ninh Thuận cũng có sông Dinh, còn gọi là sông Phan Rang, đổ ra biển tại vịnh Phan Rang.

Tại Bình Thuận có sông Lòng Sông, sông Lũy, sông Cái và sông Dinh. Sông Lòng Sông chảy ra cửa biển Liên Hương, sông Lũy chảy ra biển ở Phan Rí Cửa, sông Cái đổ ra cửa biển Phan Thiết, sông Dinh chảy ra biển ở cửa La Gi.

Tại Đồng Nai có sông Đồng Nai kết hợp các phụ lưu là sông Đa Nhím, sông Bé, sông La Ngà, sông Sài Gòn, sông Đa Hoai, sông Vàm Cỏ, và chảy ra biển tại khu vực Cần Giờ.

4. TÔN GIÁO - TÍN NGƯỠNG

Đàng Trong là một vùng đất mới, được hình thành bởi chủ trương Nam tiến từ thời vua Lý Thánh Tôn (1069), vua Lê Thánh Tôn (1471), đến thời các chúa Nguyễn. Tiến trình tạo lập xứ Đàng Trong cũng là tiến trình liên tục chiêu dân lập ấp, tổ chức khẩn hoang. Qua thời gian ấy, số người di cư đến vùng đất mới phải ra sức thích nghi với điều kiện tự nhiên và điều kiện xã hội mới. Trong lúc phải thích ứng, thích nghi với điều kiện và môi trường sống tự nhiên, đoàn di dân còn phải ra sức gìn giữ đời sống tinh thần qua những tập tục, văn hóa, tín ngưỡng và tôn giáo của mình. Do đó, tín ngưỡng, tôn giáo là một nhu cầu không thể thiếu trong sinh hoạt của cộng đồng cư dân, cũng như trong việc củng cố nền cai trị của các chúa Nguyễn.

Khi từ Đàng Ngoài vào lập cư tại Đàng Trong, người Việt cũng mang theo tín ngưỡng và tôn giáo của mình. Sau khi đã lập cư tại vùng đất mới, họ còn đón nhận thêm tín ngưỡng và tôn giáo của người Chăm. Người ta nhận thấy có một sự hòa hợp tôn giáo và tín ngưỡng tại vùng đất này, không những giữa người Việt với nhau mà còn giữa người Việt và người Chăm. Cụ thể như Po Ino Nagar, một nữ thần lớn của người Chăm, cũng đã được Việt hóa thành Thiên y Ana, sau đó được đơn giản hóa thành Bà Ngọc hoặc Bà. Chính trong bối cảnh đó, Công giáo cũng dễ được đón nhận đối với giới bình dân. Nói chung, việc sùng bái của người dân thường ở phía Nam có tính chiết trung, không bị gò bó vào một hệ tư tưởng cố định nào.⁵⁶

Việc thờ cúng ông bà tổ tiên là một tín ngưỡng bản địa của người Việt, vốn thuộc về truyền thống văn hóa và bản sắc dân tộc. Vì thế, dù đi đến đâu, tất cả mọi người dân Việt đều thực hành việc thờ cúng này để thể hiện đạo hiếu. Cùng với việc thờ cúng tổ tiên và ông

⁵⁶ Xem LI TANA, *Xứ Đàng Trong, sđd.*, tr. 222-223.

bà cha mẹ, họ còn có tục lệ cúng tế những người đã chết khác trong gia đình, họ hàng thân tộc hay bạn bè, và tổ chức những bữa ăn giỗ thịnh soạn có nhiều người đến dự.⁵⁷ Ngoài việc thờ cúng tổ tiên, đoàn di dân còn có việc thờ cúng các vị thành hoàng và các vị nhiên thần, những đấng linh thiêng độ trì cho được an cư lạc nghiệp. Cha Borri viết: "Có những ngôi đền rất lớn với tháp và lầu chuông rất đẹp. Mỗi địa phương dù nhỏ đến đâu cũng có đền miếu để tôn kính thần linh".⁵⁸

Ngoài việc dùng tín ngưỡng và tôn giáo để ổn định dân tình trong vùng đất mới, chúa Nguyễn còn muốn dùng tôn giáo để củng cố vị trí của mình đối với toàn dân, vì tại các nước Đông Nam Á, vương quyền của các vua chúa thường được gắn liền với tôn giáo. Tuy nhiên, các chúa Nguyễn thấy rằng không thể sử dụng Khổng giáo trong thời kỳ đầu, vì những khẳng định cơ bản của Khổng giáo về đạo quân thần trực tiếp mâu thuẫn với vị trí của họ Nguyễn mà có người coi như chế độ ly khai, phản lại triều đình nhà Lê. Dù vậy, chúa Nguyễn cũng không dám đi quá xa so với truyền thống của người Việt ở phía Bắc. Trong hoàn cảnh đó, Phật giáo đại thừa vốn có từ phương Bắc đã được chọn như một giải pháp tốt nhất, vì vừa đáp ứng nhu cầu tôn giáo của người dân, vừa không đặt lại vấn đề về tính hợp pháp của người cai trị, tức chúa Nguyễn. Hơn nữa, Phật giáo đại thừa có khá nhiều vị Bồ tát, do đó không mấy xa lạ với tín ngưỡng thờ kính các thần linh nơi người Việt bình dân, cũng như nơi người Chăm đang chung sống với người Việt trên phần đất này.

Vì thế, năm 1601, chúa Tiên là Nguyễn Hoàng cho xây dựng chùa Thiên Mục trên đồi Hà Khê, tả ngạn sông Hương.⁵⁹ Tiếp đến, năm 1607, chúa lập chùa Bửu Châu ở Trà Kiệu, Quảng Nam. Năm 1609, chúa dựng chùa Kính Thiên ở xã Thuận Trạch (Mỹ Thủy), huyện Lệ Thủy, Quảng Bình.⁶⁰ Những ngôi chùa Phật giáo trong ba tỉnh Bình

⁵⁷ Xem CHRISTOFORO BORRI, *Relatione della nuova missione*, sdd., tr. 208-209. *Tường trình về Khu truyền giáo*, sdd., tr. 117.

⁵⁸ CHRISTOFORO BORRI, *Relatione della nuova missione*, sdd., tr. 199.

⁵⁹ Năm 1601, Nguyễn Hoàng đi dạo chơi ở xã Hà Khê, thấy giữa cánh đồng nổi lên một gò cao như hình đầu rồng. Dân địa phương cho biết gò này rất thiêng. Tục truyền xưa có người ban đêm thấy một bà già mặc áo đỏ, quần xanh, ngồi trên đỉnh gò nói rằng: "Sẽ có vị chân chúa đến xây chùa ở đây để tụ khí thiêng, cho bền long mạch". Nói rồi bà già ấy biến mất, nhân đó người ta gọi là núi Thiên Mục. Nguyễn Hoàng cho là núi ấy có linh khí, nên sai dựng chùa và gọi là chùa Thiên Mục. Xem PHAN KHOANG, *Việt sử: Xứ Đàng Trong*, sdd., tr. 133.

⁶⁰ Xem NGUYỄN HIỀN ĐỨC, *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh 1995, tr. 10.

Định, Quảng Ngãi, Phú Yên được thành lập vào hậu bán thế kỷ XVII. Chùa Thập Tháp nay thuộc thôn Vạn Thuận, phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định là ngôi chùa Phật giáo được thành lập sớm nhất trong ba tỉnh này. Thập Tháp Di Đà là ngôi chùa tổ của phái Lâm Tế ở Đàng Trong được Thiền sư Nguyên Thiều, người Trung Hoa thành lập.⁶¹

Đại Sán, vị tu sĩ Phật giáo người Trung Hoa được nhắc đến trong đoạn trước, vào năm 1695 đã quan sát thấy cung điện của chúa Nguyễn Phúc Chu được trang hoàng với cờ phướng giống như một ngôi chùa Phật giáo. Điều này cho thấy chúa Nguyễn muốn kết hợp vương quyền của mình với quyền tôn giáo, giống như tại các vương quốc lân cận như Chiêm Thành và Cao Miên.⁶² Khi vương quyền được củng cố và thế đứng độc lập với phương Bắc đã được mọi người dân nhìn nhận, chúa Nguyễn lại dùng Khổng giáo để củng cố triều đại của mình như các triều đại trong vùng ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa vẫn làm. Vì thế, vào năm 1697, chúa Nguyễn đã bắt đầu xây dựng đền thờ Khổng giáo tại Đàng Trong.

Về các tôn giáo – tín ngưỡng của cư dân Đàng Trong, cha Borri, thừa sai đến và làm việc tại Nước Mặn từ năm 1618-1622, có những ghi nhận trong tác phẩm của ngài như sau:

"Tất cả giáo phái của họ không có mục đích nào khác ngoài việc tôn thờ Thượng Đế hay ao ước vinh quang và hạnh phúc đời sau, hoặc công nhận hồn bất tử, hoặc quả quyết mọi sự đều chấm dứt khi thân xác chết. Tất cả lương dân phương Đông đều công nhận hai nguyên lý này. Các giáo phái đều phát nguyên từ kinh sách của một đại triết gia và nhà siêu hình học trứ danh gọi là Thích Ca".⁶³

Thượng Đế mà cha Borri nói đến ở đây có lẽ là Ông Trời mà mọi người Việt đều nhìn nhận, tin tưởng và kêu cầu. Niềm tin vào Ông Trời cũng là niềm tin của mọi người Việt nói chung, không phân biệt tôn giáo. Vì thế, hai chữ "Trời Phật" vẫn thường đi đôi với nhau trên môi miệng của các tín đồ Phật giáo tại Việt Nam từ xưa đến nay.

⁶¹ Về thời điểm chùa Thập Tháp được thành lập cũng là thời điểm Thiền sư Nguyên Thiều đến Đàng Trong, mặc dù vẫn còn nhiều tồn nghi, nhưng các sử liệu cho chúng ta biết được Thiền sư Nguyên Thiều đến và thành lập chùa Thập Tháp, chùa đầu tiên tại Bình Định, sau các thừa sai Dòng Tên đến và thành lập cư sở Nước Mặn (Bình Định) khoảng 50-60 năm.

⁶² Xem LI TANA, *Xứ Đàng Trong, sđd.*, tr. 224-226.

⁶³ CHRISTOFORO BORRI, *Relazione della nuova missione, sđd.*, tr. 201. *Tường trình về Khu truyền giáo, sđd.*, tr. 113.

Về các nhà tu hành của các tôn giáo và giáo phái bản địa, cha Borri viết: "Có người vận áo trắng, có người vận áo đen, có người ưa màu thanh thiên và có người thích mặc màu khác. Có người sống tập thể, có người như tuyên úy, kinh sĩ và có người như tu sĩ có bổng lộc của chúng ta. Có người thì giữ đức nghèo khó và sống thanh bần bằng của bố thí, kẻ khác thì làm các việc từ thiện bác ái, săn sóc bệnh nhân hoặc bốc thuốc tự nhiên hay nghề ma thuật. Có người không nhận tiền, không lấy thù lao bổng lộc, kẻ khác thì nhận làm những việc lành thánh như bác cầu và những việc tương tự về công ích, xây đắp đình chùa để nhận của bố thí trong những cuộc hành hương ra mỗi xứ Đàng Ngoài".⁶⁴

Tâm tình tôn giáo và các thực hành lễ bái cũng được cha Borri ghi nhận: "Họ đeo ở cổ nào là tràng hạt, chuỗi hột. Họ tổ chức rước xách, lễ lạt rất long trọng, để kính thần phật như chúng ta thấy nơi những giáo dân nhiệt tâm nhất của ta".⁶⁵

Tuy nhiên, các thực hành tôn giáo này vẫn còn chứa nhiều hình thức mê tín. Việc ma chay trong đám tang của ông Trần Đức Hòa, quan tuần phủ Qui Nhơn qua đời vào năm 1619, được cha Borri tường thuật cho thấy điều đó:

"Tức thì có một ông sai kỳ cựu hơn vì có tuổi hơn tất cả và là niên trưởng chính thức, đứng thẳng người lên và lớn tiếng đọc là theo ý ông thì cái chết của quan trấn không bởi đâu xa, chỉ bởi một cái xà nhà nào đó đã rơi ngày hôm trước ở tư dinh mới dựng... Xong công việc này, có mấy thầy sai khác làm nghề ma thuật đến đình để làm một sự dị đoan khác, theo tục lệ bản xứ. Họ hàng người quá cố rất mực mong muốn cho người quá cố trong dịp này tìm được một người



Mộ ông Trần Đức Hòa tại An Đỗ,
Hoài Sơn, Hoài Nhơn, Bình Định

⁶⁴ *Sđd.*, tr. 198. *Bản dịch*, tr. 111.

⁶⁵ *Sđd.*, tr. 200. *Bản dịch*, tr. 111.

nào trong họ hàng để nhập vào và giảng giải cùng nói cho biết tin tức và tình trạng người quá cố. Để làm việc này, họ mời các ông sãi ma thuật tới và khấn nài tha thiết lần lượt người này tới người khác để xin cho được đặc ân ma quái đó, thường thường họ rất mong muốn cho có người được sự đó. Các thầy ma thuật liền làm phù phép, dùng rất nhiều phù chú với những biểu hiệu và lời chú để cho ma quỷ nhập vào thân xác một vài người họ hàng của quan trấn đang ở trong tư thế kẻ nài xin, nhưng không thành. Cuối cùng người chị của quan tới, người chị này được ông yêu quý hơn tất cả những người trong họ khi ông còn sống. Bà một mực nài xin cho được đặc ân này. Tức thì người ta thấy bà có đủ hết các biểu hiệu của người bị quỷ ám. Bởi vì trước đây bà đã có tuổi và yếu sức không thể nhấc chân đi được, thế mà cử tọa rất sững sốt thấy bà nhảy choai choải và khỏe mạnh như con gái, bà vút gậy đi, đứng chơ vơ trên không, suốt thời gian hồn nhập, hồn nhờ bà nói rất điên rồ và dữ dằn, kèm theo tất cả những nét mặt nhăn nhó. Bà nói những điều rất vô lý về địa điểm và tình trạng hồn em trai mình và chấm dứt những lời ngu xuẩn khi hồn ra khỏi bà, lúc đó bà ngã lăn xuống đất, nằm suốt tám ngày rã rời, kiệt sức yếu đuối, không sao động dậy được".⁶⁶

5. TÍNH TÌNH, CÁCH SỐNG VÀ NGÔN NGỮ CỦA DÂN ĐÀNG TRONG

Trong tác phẩm được nhắc đến nhiều lần trên đây, cha Christoforo Borri đã mô tả đôi nét về con người, phong tục tập quán và ngôn ngữ của người dân xứ Đàng Trong vào khoảng đầu thế kỷ XVII. Đây là những chứng từ rất thật của một người sống đồng thời, nên rất đáng được ghi nhận và nghiên cứu.

Về tính tình và cách sống của người dân xứ Đàng Trong, cha nhận xét: "Người Đàng Trong dịu dàng hơn và lịch thiệp hơn khi đàm đạo, hơn tất cả các dân Đông phương nào khác, tuy một đảng họ hiện ngang về giá trị của họ, nhưng đảng khác họ lại có cái tội là dễ nổi giận. Tất cả các nước Đông phương đều cho người Âu châu là những kẻ xa lạ và dĩ nhiên họ ghét mặt đến nỗi khi chúng ta vào lãnh thổ họ thì tất cả đều bỏ trốn. Thế nhưng trái lại ở xứ Đàng Trong, họ đưa nhau đến gần chúng ta, xin chúng ta trăm nghìn thứ, họ mời chúng ta dùng cơm với họ. Tóm lại họ rất xã giao, lịch sự và thân mật đối với chúng ta. Thế nên đã xảy ra với tôi và các đồng sự của tôi, khi lần đầu tiên chúng tôi vào xứ này, người ta đã coi chúng tôi như những bạn rất

⁶⁶ *Sdd.*, tr. 146-147. *Bản dịch*, tr. 82-83.

thân và như thể người ta đã quen biết chúng tôi từ lâu. Đó là một cửa rất tốt đẹp mở ra cho các nhà truyền giáo của Chúa Kitô đến rao giảng Phúc Âm của Người.

"Từ tính tình rất trọng khách và cách ăn ở dễ dàng đó mà họ rất đoàn kết với nhau, rất hiểu biết nhau, đối xử với nhau rất thành thật, rất trong suốt, như thể tất cả đều là anh em với nhau, cùng ăn uống và cùng được bảo dưỡng trong một nhà, mặc dầu chưa bao giờ họ thấy nhau, biết nhau. Họ coi là một nét rất xấu nơi họ, nếu ai ăn món gì dù rất nhỏ mọn mà không chia sẻ cho bạn, bẻ cho mỗi người một miếng. Họ có tính quảng đại, bố thí cho người nghèo, họ có thói không bao giờ từ chối không cho kẻ xin bố thí. Họ tưởng không làm đủ bổn phận nếu từ chối, họ coi như bị ràng buộc bởi phép công bằng. Do đó có lần có mấy người ngoại quốc bị đắm tàu và trôi dạt vào một cửa biển Đàng Trong và vì không biết tiếng để xin người ta cho của ăn để sống. Thực ra chỉ cần học một chữ thôi cũng đủ, đó là chữ *đói*, có nghĩa là tôi đói. Bởi vì vừa nghe thấy người ngoại quốc than thở như vậy và đi các cửa nhà người dân mà kêu đói, thì tất cả đều động lòng thương và cho họ ăn, đến nỗi chỉ trong một thời gian rất ngắn, họ thu được rất nhiều dự trữ thức ăn, đến khi chúa cấp cho họ một chiếc tàu để trở về quê quán thì chẳng ai muốn đi vì họ được trọng đãi ở một lãnh thổ mà tự họ được người ta rộng rãi chia của để sống mà không phải làm việc. Cuối cùng bó buộc người thuyền trưởng phải vác gậy đánh đập họ, đem súng phang họ thì họ mới chịu sửa soạn xuống tàu, đem chất trong tàu thóc gạo họ đã xin được, khi họ đi gõ cửa các nhà và kêu đói.

"Nhưng một đàng người Đàng Trong nhanh nhẩu và rộng rãi hay cho, thì đàng khác họ lại hay xin hết những gì họ thấy. Thế nên khi họ vừa đưa mắt nhìn thấy những vật họ cho là hiếm và lạ là họ đem lòng thèm muốn và nói ngay *xin một cái*, có nghĩa là xin cho tôi cái đó. Họ coi là rất bất lịch sự nếu người ta từ chối cái vật mặc dầu hiếm và quý, và chỉ có một cái mà thôi, nên ai từ chối họ thì liền bị coi là người xấu. Do đó một là nên giấu đi, hai là sẵn sàng cho người nào xin.

"Một thương gia người Bồ không ưa cách cư xử lạ lùng đó, cũng như rất ít người bằng lòng vì thấy mỗi ngày mình bị quấy rầy ở cái xứ này, bởi vì hề họ trông thấy ông cầm đồ vật gì đẹp trong tay là họ xin liền. Một hôm ông nhất quyết cũng thử làm như họ. Ông chủ ý tới gần một chiếc thuyền chài nghèo khó và để tay trên một cái rổ lớn đầy cá, ông nói bằng tiếng bản xứ *xin một cái*, nghĩa là cho tôi xin cái này, thế là không đáp lời, nhưng người thuyền chài đưa ngay cho ông rổ để ông đem về. Người Bồ đem về nhà, rất sùng sốt và khen ngợi lòng

quảng đại của người Đảng Trong. Thực ra vì thương người thuyền chài nghèo khó, nên sau đó ông trả tiền theo giá của rổ cá.

"Những từ ngữ về đối thoại, giao tiếp và lịch sự thì cũng giống như từ ngữ Trung Hoa. Người dưới rất kính trọng người trên, cũng như kẻ bằng vai đối đãi với nhau, họ dùng tất cả những cách thức tỉ mỉ và những lời khen tế nhị mà chúng ta biết rõ rất riêng biệt nơi người Trung Hoa, nhất là họ đặc biệt kính trọng người già nua tuổi tác, bao giờ họ cũng nể người có tuổi hơn. Trong mọi việc, ở vào bất cứ cấp bậc nào, gia thế nào, bao giờ họ cũng nhường ưu tiên cho người già hơn người trẻ. Vì đó có một lần mấy viên quan lớn tới thăm nhà chúng tôi, mặc dầu đã được người thông dịch viên cho họ biết là có một cha có tuổi hơn cả, nhưng không phải là Bề trên, thế nhưng không tài nào giữ họ kính chào vị có tuổi đó trước hết, sau mới chào Bề trên, là người trẻ tuổi hơn. Trong hết các nhà cửa người Đảng Trong, dầu nghèo nàn đến đâu đi nữa, người ta cũng giữ ba cách ngồi. Cách thứ nhất kém hơn cả là ngồi trên chiếu trải trên đất bằng và đó là cách ngồi của những kẻ cùng cấp bậc dưới. Cách thứ hai là ngồi trên một thứ giấy bố hay giấy da căng thẳng có trải chiếu nhỏ và mịn hơn, dành cho người đáng kính hơn. Cách thứ ba là trên một thứ bực cao hơn đất chừng hai *piê* rưỡi làm thành như cái giường và chỉ dành cho các quan và bậc vị vọng bản địa hay những người lo việc thiêng liêng, như các cha dòng chúng tôi thường được ngồi.

"Vì người Đảng Trong tử tế và có tính hòa nhã, nên họ rất trọng người ngoại quốc, họ để cho mỗi người tự do sống theo đạo của mình và ăn mặc tùy sở thích của mình".⁶⁷

"Không bao giờ thấy người Đảng Trong tuy còn là lương dân lại kết hôn trong những cấp bậc bị luật Thiên Chúa và luật tự nhiên cấm đoán, rất ít trong cấp bậc thứ nhất thuộc hàng ngang, giữa anh chị em. Những cấp bậc khác được phép thì ai cũng được, miễn là chỉ có một vợ. Thực ra những người giàu có, càng có thế giá và có của thì họ có tục lấy nhiều vợ mọn, họ còn cho là biể lạn và keo kiệt những ai không cưới nhiều vợ khi mình có đủ tiền của để dễ dàng làm việc này... Hôn nhân của họ không bền chặt vì luật xứ Đảng Trong cho phép ly dị, tuy không phải chỉ tùy ý và tùy sở thích của bên này hay bên kia".⁶⁸

⁶⁷ *Sđđ.*, tr. 50-54. *Bản dịch*, tr. 31-34.

⁶⁸ *Sđđ.*, tr. 84. *Bản dịch*, tr. 48.

Cùng với những nhận xét về tính tình và cách sống của người dân xứ Đàng Trong được thể hiện qua nếp sống tinh thần, cha Borri cũng mô tả về cách sống của họ qua các hình thái văn hóa vật thể, như thức ăn và các tục lệ ăn uống, y phục, nhà cửa, v.v.

"Họ không dùng sữa, vì họ cho là có tội nếu vắt sữa bò hay sữa các con vật khác, và họ lý giải rằng theo tự thiên thì sữa dành để nuôi con cái của những con vật ấy".⁶⁹

"Thức ăn thông thường nhất của người Đàng Trong là cơm, và thật là điều kỳ lạ, toàn lãnh thổ có rất nhiều thứ thịt, gà, vịt, cá và trái cây đủ loại, thế mà bữa ăn tốt nhất chỉ có cơm, họ xới thật nhiều cơm, ngay khi ngồi vào mâm, rồi chỉ gấp sơ sơ và nếm hết các món thịt như có một kiểu cách nghi lễ nào đó... Tiệc tùng cũng khá thông thường giữa những người lân cận với nhau, trong đó họ dùng nhiều thứ thịt khác nhau, những thứ tôi đã nói trước đây. Họ không cần cơm vì cho là ai cũng có sẵn ở nhà mình. Và mặc dầu người mời là người nghèo, người ta không tin ông thành thực, nếu mỗi khách mời không có trong mâm ít là một số các món ăn. Bởi vì họ có thói quen mời tiệc tất cả bạn bè, họ hàng, người lân cận, nên bao giờ bữa tiệc cũng có chừng ba mươi, bốn mươi, năm mươi người, có khi một trăm và tới hai trăm".⁷⁰

"Ở Đàng Trong mỗi nhà đều có một người không có việc gì khác hơn là việc tằm trâu, những người dùng vào việc này thường là đàn bà, nên gọi là các bà tằm trâu. Những miếng trâu đã tằm sẵn thì để vào trong hộp và suốt ngày người ta nhai trâu, không những khi ở trong nhà mà cả khi đi lại trong phố chợ, cả lúc nói, ở mọi nơi, mọi lúc. Và khi đã nhai trâu lâu và nghiền trong miệng mà không nuốt thì họ nhả ra, chỉ giữ hương vị và phẩm chất bồi dưỡng dạ dày rất đặc biệt. Trái này tằm thành miếng rất thông dụng, đến nỗi khi tới thăm ai, thì cũng đem theo một túi trâu để mời ngay chủ nhà lấy một miếng cho vào miệng. Trước khi người khách đến thăm hay từ biệt ra về thì chủ nhà sai người tằm trâu của nhà mình đem ra một khay để mời khách đến thăm, như thế đáp lại sự lịch thiệp mình đã nhận được".⁷¹

"Còn về tất cả những gì thuộc đời sống hằng ngày, xứ Đàng Trong cũng rất đầy đủ. Thứ nhất là về áo mặc, họ có rất nhiều tơ lụa đến nỗi dân lao động và người nghèo cũng dùng hằng ngày. Vì thế đã hơn một lần tôi rất thích thú thấy đàn ông, đàn bà, khuôn vác đá, đất,

⁶⁹ *Sđd.*, tr. 27.

⁷⁰ *Sđd.*, tr. 61-63. *Bản dịch*, tr. 37-38.

⁷¹ *Sđd.*, tr. 22-23. *Bản dịch*, tr. 18-19.

vôi và những vật liệu tương tự mà không hề cẩn thận giữ cho áo đẹp và quý họ mặc khỏi rách hay bẩn. Điều này không có gì lạ, nếu biết rằng có những cây dâu cao lớn người ta hái lá để nuôi tằm... Về nhà cửa và đèn đài, mặc dầu chỉ bằng gỗ, nhưng họ không thua kém bất cứ nước nào, bởi vì không có gì là quá đáng, gỗ ở xứ này là thứ gỗ quý nhất hoàn cầu, theo nhận xét của những người ở các nơi đó... Tất cả kiến trúc nhà đều dựa vào hàng cột cao, chắc và đóng rất sâu, rồi lắp ván, tháo gỡ ra tùy tiện để có thể thay thế bằng phen liếp bằng tre, sậy, đan rất tài tình để thông khí trong mùa nóng bức và một phần nào cho nước và thuyền qua lại tự do vào mùa lụt lội như chúng tôi đã nói ở trên. Họ cũng làm rất nhiều hoa văn nhỏ và nhiều hình hài khéo léo để tô điểm trang trí nhà cửa họ, họ chạm trổ và đục gọt gỗ ván rất công phu".⁷²

Cuối cùng là vấn đề ngôn ngữ. Đối với cha Borri là một người phương Tây đến rao giảng Tin Mừng cho dân xứ Làng Trong, ngôn ngữ địa phương là một điều rất quan trọng. Vì thế cha đã cố công học và ghi lại những nhận xét rất thú vị về thứ ngôn ngữ xa lạ này. Nhưng trước khi đề cập đến ngôn ngữ xứ Làng Trong, cha nói qua đôi chút về việc học hành, vì có liên quan đến vấn đề ngôn ngữ:

"Xứ Làng Trong có nhiều trường học, trong đó có các giảng viên và các cấp bậc được cất nhắc lên theo lối khoa cử, cũng như ở Trung Hoa. Họ cũng dạy các khoa, dùng những sách và tác giả khác nhau, như Khổng tử... Cuốn sách họ chuộng hơn cả và quý trọng hơn cả là cuốn bản về triết học luân lý gồm có đạo đức học, kinh tế học và chính trị học. Thật là thích thú khi thấy và nghe họ học trong lớp, họ đọc và lớn tiếng xướng bài như thể ca hát... Tiếng nói thông thường thì khác với chữ viết họ dạy và họ đọc khi học và viết".⁷³

Qua đoạn trên, cha ghi nhận về sự không đồng nhất giữa chữ viết và tiếng nói, vì vào thời ấy chữ Hán đang được dạy tại các trường. Cách đọc chữ Hán không giống với tiếng nói thông thường. Song song với chữ Hán, người ta cũng dùng chữ Nôm, nhưng thứ chữ này cũng vay mượn rất nhiều âm Hán. Đặc biệt cha có những nhận xét và đánh giá thật tích cực về tiếng nói của người dân:

"Mặc dù ngôn ngữ của người Làng Trong cũng giống ngôn ngữ người Trung Hoa, vì cũng như người Trung Hoa, họ chỉ dùng những từ có một vần nhưng đọc và xướng lên với nhiều cung và giọng khác nhau, nhưng có sự khác biệt vì tiếng Làng Trong phong phú hơn và

⁷² *Sđđ.*, tr. 28-31. *Bản dịch*, tr. 21-22.

⁷³ *Sđđ.*, tr. 75. *Bản dịch*, tr. 44.

dồi dào hơn về nguyên âm, vì thế dịu dàng và êm ái hơn. Họ có tai sành âm nhạc và có khả năng phân biệt các cung giọng và các dấu khác nhau.

"Tiếng Đàng Trong, theo tôi, là một tiếng dễ hơn các tiếng, bởi vì không có chia động từ, không có biến cách các danh từ, nhưng chỉ có một tiếng hay một lời, rồi thêm vào một phó từ hay đại từ để biết về thời quá khứ, hiện tại hay vị lai, về số ít hay số nhiều... Do đó người ta dễ thấy là ngôn ngữ này rất dễ học, và thực ra trong sáu tháng chuyên cần, tôi đã học được đủ để có thể nói truyện với họ và giải tội được nữa, tuy chưa được tinh thông lắm, vì thực ra muốn cho thật thành thạo thì phải học bốn năm trọn".⁷⁴

Chính cha Đắc Lộ cũng có những nhận xét thú vị về cung giọng du dương trong tiếng nói của người dân Việt khi ngài viết: "Dân xứ này nói, nhất là phụ nữ, ríu rít như chim hót, tôi tưởng chừng không bao giờ có thể học được".⁷⁵

⁷⁴ *Sđđ.*, tr. 78-79. *Bản dịch*, tr. 45-46.

⁷⁵ ALEXANDRE DE RHODES, *Hành trình và truyền giáo. Divers voyages et missions. Bản dịch Việt ngữ của Hồng Nhuệ. Bản Pháp ngữ của Nxb. Cramoisy 1653*, Tủ sách Đại Kết, Ủy ban Đoàn kết Công giáo, Tp. Hồ Chí Minh 1994, tr. 55.

Quyển sách này gồm hai phần: phần đầu là bản dịch Việt ngữ với trang bìa như trên, phần hai in lại nguyên bản Pháp ngữ xuất bản năm 1653: *Divers voyages et missions du P. Alexandre de Rhodes en la Chine, & autres Royaumes de l'Orient, avec son retour en Europe par la Perse & l'Armenie. Le tout divisé en trois parties*, À Paris, chez Sebastien Cramoisy, Imprimeur ordinaire du Roy & de la Reyne, et Gabriel Cramoisy, rue S. Iaques aux Cicognes M.DC.LIII.

CHƯƠNG II

CÁC THỪA SAI DÒNG TÊN TỪ MA CAO ĐẾN ĐÀNG TRONG

Theo nhiều nhà chép sử truyền giáo miền Đông Á thì vào thế kỷ XIV cha Odorico da Pordenone trong cuộc vượt biển từ Âu châu sang Á châu có đỗ lại ở tỉnh Bình Định ngày nay, lúc đó còn là đất của Chiêm Thành, đời vua Chế A Nan (1318-1343).⁷⁶

Từ năm 1540 người Bồ Đào Nha đã bắt đầu đến buôn bán với vùng phía Nam nước Đại Việt. Nhưng nhất là từ sau năm 1557, người Bồ được triều đình nhà Minh cho phép lập trụ sở thương mại ở Ma Cao,⁷⁷ liên lạc buôn bán lại càng tiến triển. Thường thường mỗi năm, một hoặc hai chuyến tàu rời Ma Cao vào quãng cuối chạp sang giêng đem theo hàng hóa: súng ống, đạn dược, sinh diêm, đồ kim khí, tơ lụa, vải vóc... đến bán, nhờ người Tàu hay người Nhật làm thông ngôn. Vào quãng tháng tư, tháng năm hay tháng tám, tháng chín, theo gió mùa họ lại trở về Ma Cao. Thường thường các tàu buôn người Bồ Đào Nha đến buôn bán ở đó đều có mang theo một vài thừa sai. Qua những nhà truyền giáo tiên khởi, Tin Mừng đã được gieo vãi, nhưng vì thiếu tổ chức và nhân lực, nên không có nhiều kết quả.

Từ năm 1615, nhờ các thừa sai Dòng Tên ở Ma Cao, công cuộc truyền giáo tại Đàng Trong được tổ chức chặt chẽ, đầy đủ và liên tục. Các thừa sai Dòng Tên như những công nhân xây dựng lãnh nghề, tận tụy xây dựng nền móng chuẩn bị cho Tòa Thánh thiết lập Giáo phận Tông tòa Đàng Trong.

⁷⁶ Xem LM NGUYỄN HỒNG, *Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam*, quyển I: *Các thừa sai Dòng Tên 1615-1663*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội 2009, tr. 15.

⁷⁷ Ma Cao (Trung văn phồn thể: 澳門; Hán-Việt: *Áo Môn*, tiếng Bồ Đào Nha: *Macau*), cũng viết là Macao. Các thương nhân Bồ Đào Nha lần đầu đến định cư tại Ma Cao trong thập niên 1550. Năm 1557, triều đình nhà Minh đã cho Bồ Đào Nha thuê Ma Cao để làm cảng giao thương. Từ đó, người Bồ Đào Nha đã quản lý thành phố, nhưng nó vẫn nằm trong phạm vi chủ quyền của Trung Hoa. Đến năm 1887, Ma Cao trở thành một thuộc địa của đế quốc Bồ Đào Nha. Ngày 20.12.1999, Bồ Đào Nha đã chuyển giao chủ quyền đối với Ma Cao cho Trung Hoa. Xem https://vi.wikipedia.org/wiki/Ma_Cao. Trong sách này thống nhất dùng tên gọi Ma Cao.

1. BỐI CẢNH TRUYỀN GIÁO TẠI CHÂU Á TRƯỚC KHI CÁC THỪA SAI DÒNG TÊN ĐẾN ĐÀNG TRONG

Vào thế kỷ XV, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha là hai nước hàng đầu của thế giới về phát triển hàng hải. Nhờ lợi thế đó, hai nước cũng đi đầu trong việc khám phá thế giới. Thế giới quá bao la, nhu cầu truyền giáo cũng bao la. Lúc bấy giờ Tòa Thánh ủy thác cho họ nhiệm vụ truyền giáo và tổ chức Giáo Hội tại những miền đất mới. Như thế Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha được gọi là hai nước bảo trợ truyền giáo. Thời kỳ này trong lịch sử truyền giáo của các nước thuộc quyền bảo trợ truyền giáo của Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha được gọi là thời kỳ "Bảo trợ truyền giáo". Lúc bấy giờ, công cuộc truyền giáo tại Đại Việt thuộc quyền bảo trợ của Bồ Đào Nha.

1.1. Bối cảnh bảo trợ truyền giáo ⁷⁸

Ngày 04.05.1493, Đức Giáo Hoàng Alexandrô VI ký Sắc chỉ *Inter Caetera*, phân chia quyền bảo trợ truyền giáo cho hai nước Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Sau đó hai nước ký hiệp ước tại Tordesillas (Tây Ban Nha) vào ngày 07.06.1494, thỏa thuận đường ranh giới là kinh tuyến 30 từ Bắc cực xuống Nam cực. Tây kinh tuyến thuộc Tây Ban Nha; Đông kinh tuyến thuộc Bồ Đào Nha, gồm Phi châu và Á châu.

Việc Tòa Thánh ban quyền bảo trợ truyền giáo cho Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha là một giải pháp trong hoàn cảnh cụ thể của một giai đoạn lịch sử. Cơ chế bảo trợ truyền giáo đã đem lại nhiều kết quả lớn lao, một số các quốc gia đã nhận được Tin Mừng. Tuy nhiên, trong khi thực hiện cơ chế bảo trợ truyền giáo, các thừa sai bị lệ thuộc, vướng mắc vào quyền thế chính trị của nước bảo trợ. Điều này gây ra những tiêu cực và hạn chế cho công cuộc rao giảng Tin Mừng. Các Đức Giáo Hoàng sau Công đồng Trentô (1545-1563) đã nỗ lực cải tổ nội bộ và canh tân đời sống Giáo Hội, trong đó việc tìm cách thoát khỏi cơ chế bảo trợ truyền giáo là một trọng tâm. Sau nhiều cố gắng, ngày 22.06.1622, Đức Giáo Hoàng Grêgôriô XV ký Tông hiến *Inscrutabili Divinae Providentiae*, thành lập Thánh bộ Truyền bá Đức

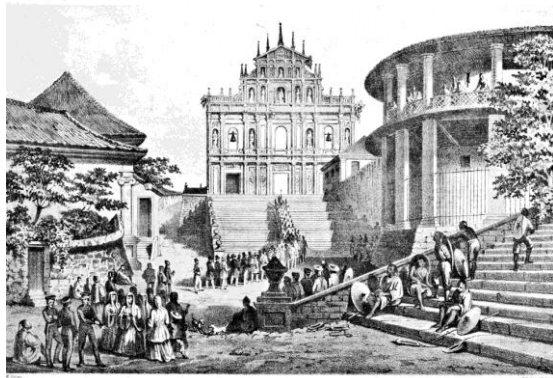
⁷⁸ Xem ĐỖ QUANG CHÍNH, SJ. *Hai Giám mục đầu tiên tại Việt Nam*, Antôn & Đuốc Sáng, USA 2007, tr. 11-20.

tin.⁷⁹ Từ khi có Thánh bộ này, những Giáo phận được thành lập tại các xứ truyền giáo được gọi là Giáo phận Tông tòa.⁸⁰

Đây là một thay đổi lớn lao trong cách điều hành việc truyền giáo của Giáo Hội. Từ đây, trên nguyên tắc, các thừa sai truyền giáo phải trực thuộc Thánh bộ này. Tuy nhiên, trong thực tế, khi thi hành nhiệm vụ của mình, Thánh bộ không tránh khỏi những khó khăn về tài chánh, tổ chức và về việc gọi các thừa sai đến miền truyền giáo, vì những phản ứng của các nước bảo trợ, của các dòng tu truyền giáo mà trước đó họ có những quyền lợi nhưng nay bị mất. Do đó trong một thời gian khá dài, tại các xứ truyền giáo, việc bổ nhiệm các Giám mục Đại diện Tông tòa là một điều hết sức tế nhị và được thực hiện như một hình thức thử nghiệm, nhưng đôi khi cũng đã xảy ra những hiểu lầm hay xung đột đáng tiếc.

1.2. Trung tâm truyền giáo của Dòng Tên tại Ma Cao

Theo chân các thuyền buôn Bồ Đào Nha, các nhà truyền giáo có mặt ở Goa, Malacca và Ma Cao. Ma Cao hay Áo Môn là một khu cảng thuộc Trung Hoa đã được người Bồ chọn làm thương cảng trung tâm để giao dịch hàng hóa chủ yếu với nội địa Trung Hoa, Nhật Bản và một phần với Đại Việt. Trong số các đoàn thừa



TRỤ SỞ DÒNG TÊN TẠI MACAO

(nguồn internet)

⁷⁹ Thánh bộ Truyền bá Đức tin thường được gọi là Thánh bộ Truyền giáo hay Bộ Truyền giáo. Ngày nay tên gọi chính thức là Bộ Phúc Âm hóa các Dân tộc.

⁸⁰ Giáo phận Tông tòa (Vicariat apostolique) là Giáo phận do Đức Giáo Hoàng với tư cách Giám mục toàn cầu điều hành. Để điều hành các Giáo phận này Đức Giáo Hoàng bổ nhiệm một vị đại diện thay mặt ngài đến nơi đó lo việc điều hành cho ngài. Vị này được gọi là Đại diện Tông tòa (Vicaire apostolique), thường là một Giám mục. Tình trạng Giáo phận Tông tòa có thể kéo dài theo ý Tòa Thánh. Khi thuận lợi, từ Giáo phận Tông tòa, Tòa Thánh thành lập Giáo phận Chính tòa. Chẳng hạn, thánh Giáo Hoàng Gioan XXIII ký Tông hiến *Venerabilium Nostrorum* ngày 24.11.1960, và được công bố tại Việt Nam ngày 08.12.1960, theo đó các Giáo phận Tông tòa ở Việt Nam trở thành Giáo phận Chính tòa.

sai truyền giáo theo chân các thương nhân Bồ Đào Nha, đáng chú ý là đoàn thừa sai Dòng Tên đã có công đặt nền móng cho công cuộc truyền giáo tại Đại Việt.

Dòng Tên đã có một trung tâm được thành lập từ năm 1564-1565 tại Ma Cao, thuộc quyền bảo trợ của Bồ Đào Nha. Năm 1612, Tỉnh Dòng Tên Nhật Bản được thành lập, vùng hoạt động bao gồm lãnh thổ Giáo phận Ma Cao lúc bấy giờ, trung tâm tại Ma Cao cũng là trụ sở của Tỉnh Dòng.⁸¹

Ngay từ đầu, tầm ngắm truyền giáo của Tỉnh Dòng ở Ma Cao là Trung Hoa và Nhật Bản. Các nước nhỏ trong vùng như Bồ Đào Nha cho các dòng khác. Cha Borri viết: "Trước khi các cha Dòng Tên tới Đàng Trong, người Bồ quen đem theo từ Malacca và từ Ma Cao, từ Castillans, từ Manila, một vài tuyên úy khi đến buôn bán ở xứ này, để dâng thánh lễ và cử hành các phép bí tích trong suốt thời gian họ làm việc thương mại, thường là ba hay bốn tháng liền trong năm. Nhưng các vị tuyên úy này không có nhiệm vụ nào khác ngoài việc phục vụ người Bồ, nên các vị không lo về lợi ích và sự tiến triển thiêng liêng của dân xứ này và không muốn vất vả học tiếng của họ, không cần mẫn thông truyền ánh sáng Tin Mừng cho họ...Chúng tôi chỉ biết là có một vài cha Dòng Phanxicô từ Manila và một cha Dòng Augustinô đi từ Ma Cao tới Đàng Trong, thực sự để hoán cải các linh hồn, nhưng không thành công vì gặp nhiều khó khăn khác nhau, nên đành trở về xứ sở mình. Đấng Quan Phòng đã an bài như vậy để dành cánh đồng này cho các con cái thánh tổ Inhaxiô canh tác".⁸²

2. CÁC THỪA SAI DÒNG TÊN TỪ MA CAO ĐẾN ĐÀNG TRONG

Các thừa sai Dòng Tên đến Đàng Trong hầu hết đều phát xuất từ Ma Cao theo các thương thuyền Bồ Đào Nha. Các ngài đi đi về về giữa Đàng Trong và Ma Cao theo những chuyến giao dịch buôn bán của các thương thuyền này.

2.1. Cơ duyên các thừa sai Dòng Tên đến Đàng Trong

Một cơ hội đã khiến các thừa sai Dòng Tên đến Đại Việt, đó là cuộc bách hại tôn giáo ở Nhật Bản. Từ khi vị thừa sai Dòng Tên nổi tiếng là thánh Phanxicô Xaviê đặt chân lên đất Nhật vào ngày lễ Đức

⁸¹ Xem LM. BÙI ĐỨC SINH, OP., *Giáo Hội Công giáo ở Việt Nam*, quyển I, Canada 2002, tr. 88-89.

⁸² CHRISTOFORO BORRI, *Relatione della nuova missione*, sdd., tr. 103-105.

Mẹ lên trời (15.08.1549), sau 60 năm số tín hữu tại Nhật đã gia tăng đáng kể. Nhưng sự phát triển nhanh chóng ấy đã tạo nên một phản ứng bài Kitô giáo dẫn đến cuộc bách hại. Ngày 14.02.1614 Nhật hoàng hạ chỉ dụ cấm đạo, trục xuất tất cả các thừa sai ngoại quốc ra khỏi nước. Các thừa sai Dòng Tên không hy vọng có thể ẩn trốn ở đất Nhật một cách dễ dàng, nên tập trung về Ma Cao rất đông chờ ngày trở lại Nhật. Các ngài theo dõi tình hình cuộc bách hại tại Nhật nhưng không thấy dấu hiệu hy vọng. Giữa lúc đó thì ông Ferdinand da Costa, một thuyền trưởng có tên tuổi vùng Đông Ấn, vừa ở cảng chúa Nguyễn về và đến gặp Bê trên Tỉnh dòng tại Ma Cao là cha Valentim Carvalho. Ông trình bày những hy vọng đầy phần khởi cho một cuộc truyền giáo ở đó. Ông cũng không quên nhấn mạnh về tính tình dễ dãi, sự đối đãi tử tế nhã nhặn của người dân xứ Nam đối với ngoại kiều buôn bán ở đó. Chính vua xứ đó cũng ủy nhiệm cho ông khi trở về Ma Cao tìm cách hướng dẫn các thừa sai đến với xứ Nam và ông xin các cha đừng từ chối yêu cầu chính đáng đó và lợi dụng thời cơ thuận tiện để làm ích cho Giáo Hội. Thời ấy, tại cửa Hội An, việc thương mại giữa người Việt, Trung Hoa và Nhật Bản đã rất sầm uất. Thương nhân Trung Hoa và Nhật Bản được chúa Nguyễn cho qui tụ thành hai khu riêng biệt tại Hội An, được tổ chức theo luật lệ và phong tục của mỗi nước.

Cha Giám tỉnh nhận thấy lời yêu cầu của ông thuyền trưởng rất phù hợp với tinh thần ơn gọi của hội dòng; hơn nữa việc gửi các thừa sai đến Đàng Trong lúc này là cần thiết, vừa để giúp đỡ về phần hồn cho các thương nhân Bồ và Nhật, đặc biệt những người Nhật đã bỏ xứ chạy đến đó để trốn cơn bách hại, vừa để tìm đường mở rộng cánh đồng truyền giáo, vì lúc đó tại Ma Cao các ngài quá đông (73 người). Vì vậy, cha đã quyết định chọn cha Francesco Buzomi, người thành Napoli nước Ý, giáo sư thần học tại Ma Cao, và cử ngài dẫn đầu đoàn truyền giáo đến Đàng Trong.⁸³

2.2. Các thừa sai Dòng Tên thành lập các cơ sở truyền giáo

Đoàn thừa sai đầu tiên đến Cửa Hàn vào ngày 18.01.1615 gồm cha Francesco Buzomi, người Ý, cha Diogo Carvalho và tu huynh António Dias, người Bồ Đào Nha.⁸⁴ Công việc đầu tiên của cha

⁸³ Xem CHRISTOFORO BORRI, *Relatione della nuova missione, sđd.*, tr. 105-106.

⁸⁴ Xem ALEXANDRE DE RHODES, *Hành trình và truyền giáo, sđd.*, tr. 52; ĐỖ QUANG CHÍNH SJ, *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt, sđd.*, tr. 19.

Buzomi là cất tạm một nhà nguyện cho giáo dân Nhật ở đó và cho người Bồ trong thời gian đến buôn bán, đồng thời cũng là trụ sở đầu tiên để truyền giáo. Lễ Phục sinh năm ấy cha sung sướng dâng thánh lễ ở đó và đón nhận 10 tân tòng. Đó là những bông lúa đầu tiên. Trong số những người tân tòng ấy có cậu Augustinô đã tình nguyện giúp việc cha. Cậu là người đầu tiên trong tổ chức thầy giảng xứ Nam.

2.2.1. "Trú sở" Cửa Hàn

Mục đích đầu tiên của các thừa sai đến Đàng Trong là để phục vụ các nhu cầu tôn giáo cho các tín hữu Nhật kiều và các thương nhân Bồ Đào Nha. Lúc bấy giờ các Nhật kiều được chúa Nguyễn bố trí ở Hội An, các thương nhân Bồ chỉ tạm ở Cửa Hàn để buôn bán chứ không lập thương điểm ở Hội An.⁸⁵ Từ tình hình thực tế ấy, cha Carvalho phục vụ cho các tín hữu Nhật kiều tại Hội An, cha Buzomi và tu huynh Dias phục vụ cho các thương nhân Bồ tại Cửa Hàn.⁸⁶

Cửa Hàn là nơi thường trú của cha Buzomi, tuy nhiên cha không chỉ quanh quẩn tại Cửa Hàn mà còn lên tận Dinh Chiêm, nơi chúa Nguyễn Hoàng đặt dinh trấn Quảng Nam.⁸⁷ Lúc đầu, cha Buzomi thiết lập một nhà thờ tại Cửa Hàn, sau đó cha được bà Gioanna, một quý tộc tân tòng, giúp cha làm nhà ở và nhà thờ tại Dinh Chiêm.⁸⁸

Mặc dù các thừa sai đầu tiên của Dòng Tên đến Cửa Hàn, làm nhà thờ và nhà ở tại Cửa Hàn và tại Dinh Chiêm, nhưng theo các bản báo cáo thường niên của các thừa sai, cũng như những sử liệu khác liên quan đến việc các thừa sai Dòng Tên hiện diện và hoạt động ở Đàng Trong từ năm 1615 đến năm 1617, chưa thấy đề cập đến việc thành lập một cư sở (Residentia) tại Đàng Trong theo hiện

⁸⁵ Xem VIỆN SỬ HỌC, *Lịch sử Việt Nam*, tập 4, Nxb. Khoa học xã hội, 2007, tr. 258.

⁸⁶ Xem DANIELLO BARTOLI, *Dell' Istoria della Compagnia di Gesù al Regno della Cocincina*, vol. 17, terza parte *Dell' Asia*, libro terzo, Torino 1825, tr.118-120.

⁸⁷ Nguyễn Hoàng đặt dinh trấn Quảng Nam tại Dinh Chiêm vào năm 1602.

⁸⁸ Xem CHRISTOFORO BORRI, *Relatione della nuova missione*, sdd., tr. 109-110. Trong các thư tịch truyền giáo của các thừa sai Dòng Tên có ghi địa danh Cacciam, Dịgcham, Dĩnh Cham, Cachão. Những cách ghi này có khi để chỉ thủ phủ Quảng Nam thời các chúa Nguyễn, có khi để chỉ cả vùng Quảng Nam, có khi để nói về Cư sở của các thừa sai tại Quảng Nam. Trong *Phủ Biên Tạp Lục*, sdd., tr. 117, Lê Quý Đôn viết: "...dinh Quảng Nam, tục gọi là Dinh Chiêm ở xã Cần Húc". Ở đây chọn cách gọi Dinh Chiêm theo Lê Quý Đôn để nói về Cư sở của các thừa sai Dòng Tên tại thủ phủ Quảng Nam.

pháp của Dòng.⁸⁹ Hơn nữa, năm 1616 cha Carvalho đã được gọi về Ma Cao.

Mùa thu năm 1616 trời hạn hán, không có nước làm mùa, nạn đói đe dọa. Các thầy sai tổ chức hết cuộc cầu đảo này đến cuộc cầu đảo khác mà trời vẫn không mưa. Dân chúng cho rằng trời hạn hán là vì các thần nổi giận khi thấy nhiều người bỏ đạo cũ theo đạo mới, để đền miếu hoang vu. Muốn làm cho các thần nguôi giận thì cần phải đuổi các giáo sĩ Tây dương đi khỏi xứ.

Do đó dân chúng yêu cầu chúa Sãi là Nguyễn Phúc Nguyên trục xuất các thừa sai. Một đảng chúa Sãi muốn giữ các thừa sai lại để bảo đảm việc liên lạc thương mại với người Bồ, một đảng cần trấn an dân chúng, nên cho mời các thừa sai đến và thông báo ý của mình. Lúc bấy giờ đoàn thừa sai gồm có cha Francesco Buzomi, cha Francisco de Pina và hai tu huynh, vì từ năm 1617 cha Pina từ Ma Cao đã được sai đến làm việc với cha Buzomi. Vào khoảng đầu tháng 06 năm 1617, tất cả đã xuống thuyền, nhưng thuyền không thể xuất bến vì gặp gió ngược. Các thừa sai phải lên bờ nhưng dân chúng không cho vào làng, đành phải trở lại sống lẫn lút trong một khu rừng hoang gần biển. Cha Buzomi ngã bệnh, bị sưng phổi. Cha chỉ biết trông cậy vào Chúa.⁹⁰

⁸⁹ Cư sở (Residentia) là một loại nhà của các thừa sai Dòng Tên được hiến pháp Dòng Tên quy định: Khu nhà lớn, có nhiều tu sĩ ở và có nhiều loại hình hoạt động tông đồ. Xem ĐỖ QUANG CHÍNH SJ, *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt 1615-1773*, Antôn & Đuốc Sáng, USA, 2006, tr. 60.

⁹⁰ Xem CHRISTOFORO BORRI, *Relatione della nuova missione*, sdd., tr. 112-126. Từ các chi tiết trong tường thuật của cha Borri về các sự kiện "không có lụt thường xảy ra vào mùa thu để gieo lúa" dẫn đến việc các thừa sai phải "bước xuống thuyền nhưng không ra khỏi bến được vì gặp gió ngược, thứ gió mùa thổi dằng dai đến ba bốn tháng"; "Quan phủ Qui Nhơn đưa cha Buzomi về Qui Nhơn để chữa bệnh, suốt một năm", chúng tôi thiên nghĩ:

(1). Về sự kiện hạn hán xảy ra vào mùa thu năm 1616. Ở Nam Trung Bộ, mùa mưa dầm sinh ra lụt lội thường xảy ra trong khoảng thời gian từ giữa mùa thu cho đến giữa mùa đông (khoảng tháng 10 đến tháng 11 dương lịch). Theo kinh nghiệm dân gian, phải sau ngày 23.10 âm lịch, nông dân mới "xuống giống". Bởi vì kinh nghiệm cho biết "Ông tha Bà cũng không tha/ Cho nên có lụt hăm ba tháng mười (âm lịch). Có thể sau ngày 23.10 âm lịch năm 1616, nông dân Cửa Hàn chờ mãi mà không thấy mưa. Họ tìm lý do để lý giải hiện tượng bất thường của thiên nhiên. Cuối cùng, họ đổ trách nhiệm cho các thừa sai mà hậu quả là các thừa sai phải gạt nước mắt ra đi.

(2). Về việc ba thừa sai xuống thuyền theo lệnh chúa Sãi vào khoảng đầu tháng 06 năm 1617, xem thư báo cáo của Học viện Ma Cao năm 1617 do Antonio de Souza viết xong tại Ma Cao vào ngày 08.01.1618, đoạn cuối phần báo cáo về miền truyền giáo Đàng Trong.

Chúa đã quan phòng xếp đặt cho cha và các thừa sai được ông Trần Đức Hòa, quan tuần phủ khám lý Qui Nhơn,⁹¹ nghĩa đệ của chúa Sãi, giúp đỡ.⁹² Ông đang có việc về phủ chúa, nghe tin cha Buzomi và các thừa sai phải trốn lánh khổ sở, ông sai gia nhân đem 10 nén bạc đến giúp và hứa khi ở phủ chúa về sẽ ghé thuyền đón cha về Qui Nhơn. Trước đây ông đã quen biết cha và rất cảm mến cha. Ông đưa cha Buzomi về tư dinh của ông ở Qui Nhơn và mời thầy thuốc danh tiếng nhất xứ đến chữa bệnh cho cha. Cha đem theo thầy Dias (Bồ) và

- Trong khoảng thời gian này là cuối mùa gió nồm, gió từ biển (hướng Đông Nam) thổi vào vùng ven biển Nam Trung Bộ. Người địa phương thường nói "nồm già hay nồm sần" để chỉ những lúc gió nồm thổi mạnh. Những lúc đó sóng rất lớn, những con tàu buồm thô sơ thuở ấy không thể nào cưỡng gió để ra khơi được. Mùa gió nồm, thuyền từ biển vào bến thì thuận lợi vì thuận theo chiều gió, do đó ca dao trong vùng có câu: "Lạy Bà cho nổi gió nồm/ Chồng tôi còn ở ngoài khơi chưa về"; "Gió lên bờ bà Vọng Phu/ Chồng bà nhờ gió thuyền mau trở về". Ngoài ra, khi các thừa sai không thể ra khơi được vì sự cố "nồm già", dân chúng thua thiên nhiên, nhưng không cho ba thừa sai vào làng. Ba thừa sai phải "phơi mình liên tục dưới cái nắng nóng như thiêu của mặt trời xứ này", mùa nắng như thế chỉ có nơi tháng 06-07 của mùa hè ở xứ này. Như vậy việc cha Borri cho biết "suốt một năm cha Buzomi ở Qui Nhơn để chữa bệnh", có thể tính từ khoảng đầu tháng 06 năm 1617 đến cuối tháng 05 năm 1618. Cũng trong khoảng thời gian ấy, cha Pina và tu huynh người Nhật được một ít giáo dân Nhật bí mật đưa về Hội An.

- Theo dõi các chuyến cha Đắc Lộ theo tàu buôn Bồ Đào Nha từ Ma Cao vào - ra Đàng Trong từ năm 1640-1645 (Vào: tháng 02.1640; 12.1640; 01.1642; 01.1644. Ra: tháng 08.1640; 07.1641; 07.1643; 07.1645), chúng ta thấy thời gian thuận lợi cho tàu xuất bến ra khỏi Đàng Trong là vào khoảng tháng 07 và tháng 08. Thời điểm này là mùa gió nam (gió Lào), gió từ đất liền thổi ra biển theo hướng Tây Nam - Đông Bắc, thuận lợi cho tàu thuyền đi về Ma Cao. Cư dân địa phương gọi là "nam cò" khi gió nam thổi mạnh; khi gió nam thổi nhẹ gọi là "nam non".

⁹¹ Trong *Việt sử: Xứ Đàng Trong, sđd.*, tr. 350, Phan Khoang viết: "Dinh có trấn thủ, cai bộ và ký lục để cai trị... Hai phủ Quảng Ngãi, Qui Nhơn thuộc dinh Quảng Nam, thì đặt riêng chức tuần vũ và chức khám lý để cai trị". Như vậy, với chức tuần phủ (hay tuần vũ) và khám lý, ông Trần Đức Hòa vừa cai quản phủ Qui Nhơn vừa có quyền cai quản cả phủ Quảng Nghĩa. Cha Borri đề cập đến quyền của ông Trần Đức Hòa: "...thành phố lớn của phủ Quảng Nghĩa, nơi mà quan trấn thủ có quyền như ở Qui Nhơn". Xem CHRISTOFORO BORRI, *Relazione della nuova missione, sđd.*, tr. 128.

⁹² Ông Trần Đức Hòa là nghĩa đệ của chúa Sãi. Xem QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN, *Đại Nam Liệt truyện Tiền biên*, Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu, Nxb. Khoa học xã hội, 1995, quyển III: *Chư thần liệt truyện I*, tr. 136. Khi biết được chúa Sãi bị giằng co, một đảng muốn giữ các thừa sai lại để bảo đảm việc liên lạc thương mại với người Bồ, một đảng cần an dân, nên với tư cách là nghĩa đệ của chúa Sãi, ông Trần Đức Hòa mạnh dạn đưa các thừa sai về Nước Mặn, một công việc vừa gói ghém tình nghĩa đối với chúa Sãi, vừa để an dân, vừa thể hiện đức nhân của bậc quân tử.

chú Augustinô (Việt), còn cha Pina và tu huynh người Nhật được một ít giáo dân Nhật bí mật đưa về Hội An.

Căn cứ vào những chi tiết được cha Borri tường thuật về sự cố các thừa sai bị trục xuất vào năm 1617, chẳng hạn chi tiết "đưa về Hội An" trong tường thuật: "Cha Francisco de Pina và tu huynh người Nhật được các giáo dân Nhật bí mật đưa về Hội An",⁹³ ta biết được sự cố xảy ra tại Cửa Hàn năm 1617, lúc này nhà thờ và nhà ở của các thừa sai tại Cửa Hàn bị dân chúng đốt sạch. Các thừa sai xuống thuyền ra đi theo lệnh chúa Sãi tại Cửa Hàn, nhà ở và nhà thờ tại Dinh Chiêm cũng không được sử dụng. Những chi tiết này cho thấy giai đoạn đầu (1615-1617), một giai đoạn thử nghiệm, thăm dò mà còn gặp phải sự cố bị trục xuất, tình hình chưa ổn định, thì việc thành lập cơ sở theo hiến pháp của dòng chưa được thực hiện. Như thế, lúc bấy giờ Cửa Hàn chỉ là trú sở (cộng đoàn) của các thừa sai.

2.2.2. Cơ sở Nước Mặn, Qui Nhơn.⁹⁴

Được tin cha Buzomi bị bệnh và các thừa sai gặp nạn, nhân có chuyến tàu buôn đầu năm 1618, Bè trên Tỉnh Dòng ở Ma Cao sai hai thừa sai khác đến giúp là cha Pedro Marques (Nhật) và cha Chistoforo Borri (Ý). Cha Marques sẽ đến ở trong khu cư trú của người Nhật nên mặc áo thừa sai, còn cha Borri được sai đến bí mật truyền giáo cho người Việt nên phải cải trang làm đầy tớ trên tàu.

Sau một thời gian chữa bệnh tại tư dinh ông Trần Đức Hòa ở Qui Nhơn, cha Buzomi đã bình phục. Một hôm ông Trần Đức Hòa đi ra Cửa Hàn, có cha Buzomi đi theo và tình cờ gặp cha Borri. Hai cha cùng về Hội An, gặp được cha Marques, cha Pina và hai tu huynh. Trong cuộc gặp gỡ vui vẻ này, các cha thảo luận với nhau về những việc phải làm để đem lại lợi ích thiêng liêng cho khu vực truyền giáo và đã đi đến quyết định: cha Marques ở lại Hội An với tu huynh người Nhật, còn cha Buzomi, cha Pina, cha Borri cùng với tu huynh người Bồ đi theo quan trấn thủ Trần Đức Hòa về Qui Nhơn theo lời mời tha thiết của ông.⁹⁵

⁹³ CHRISTOFORO BORRI, *Relazione della nuova missione*, sdd., tr. 122.

⁹⁴ Vị trí của cơ sở này ngày nay có thể được xác định tại thôn An Hòa, xã Phước Quang, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ngày 15.07.2011, Tòa Giám mục Qui Nhơn đã dựng bia kỷ niệm tại đó.

⁹⁵ Xem CHRISTOFORO BORRI, *Relazione della nuova missione*, sdd., tr. 126.

Sau đây là lời tường thuật của cha Borri, người trong cuộc : "Chúng tôi bỏ Hội An, cha Buzomi, cha Pina và tôi, để đi Qui Nhơn theo quan trấn thủ của tỉnh đó. Suốt cuộc hành trình, ông đối đãi với chúng tôi rất lịch sự và tỏ ra hết sức tử tế. Ông luôn luôn để chúng tôi ở cùng nhà với ông và tiếp đãi chúng tôi rất đặc biệt. Thực ra chúng tôi chẳng có thể giá gì về mặt con người bắt buộc ông phải xử như thế. Cho nên rất rõ ràng và hiển nhiên là những sự ông săn sóc phải coi như hiệu quả của Thiên Chúa quan phòng. Ông dành riêng cho chúng tôi một chiếc thuyền để phục dịch một mình chúng tôi và các người thông ngôn, không muốn cho chúng tôi đi đồ đạc ở đó, vì đã có một thuyền khác dành riêng cho việc này. Chúng tôi trẩy đi suốt mười hai ngày với đầy đủ tiện nghi, sáng chiều đậu bến. Thường thì các hải cảng ở cạnh những thành phố đẹp nhất thuộc tỉnh Quảng Nghĩa. Nơi đây ông có quyền như ở Qui Nhơn, mọi người đều ra đón, chúc mừng và tỏ lòng qui phục cùng nhận quyền với rất nhiều lễ vật quý và chúng tôi cũng là những người thứ nhất được dự phần, do lệnh quan trấn thủ muốn thế. Mọi người đều lấy làm lạ khi thấy chúng tôi được trọng đãi và vì thế chúng tôi được người ta quý mến và có thịnh tình với chúng tôi. Ông cũng nghe theo lời chúng tôi thỉnh cầu trong rất nhiều trường hợp, mỗi lần có vụ xử một trọng tội nào. Chúng tôi chưa mở miệng xin ân xá thì ông đã bằng lòng ban ngay rồi. Do đó chúng tôi được nổi tiếng, có thể giá không kém quan trấn thủ. Thấy chúng tôi có lòng bác ái và thương xót hết mọi người, nên mọi người đều quý mến và tìm đến chúng tôi.

"... Không ngày nào chính ông không thân hành sang thuyền chúng tôi và rất thích được đàm đạo với chúng tôi, nhất là khi chúng tôi nói về sự cứu rỗi đời đời và về đức tin đạo thánh của chúng tôi. Cứ thế, rồi chúng tôi tới tỉnh Qui Nhơn, nhưng còn phải đi mấy ngày đường trước khi về tới dinh quan trấn thủ. Ông muốn cho chúng tôi đi đường bộ để được thoải mái và vui thú...

"Rồi sau cùng, chúng tôi tới tư dinh, sau tất cả những cuộc vui và cỗ bàn trong cuộc hành trình, chúng tôi được tiếp đón rất trịnh trọng và đặc biệt thường chỉ dành riêng cho các ông hoàng bà chúa... Tám ngày qua đi, chúng tôi cho ông biết là chúng tôi thích ở trong thành để dễ bề rao giảng Phúc Âm hơn, còn nếu ở trong tư dinh thì không làm được dễ dàng bằng, vì ở xa tỉnh chừng một dặm rưỡi, trong miền thôn quê như ở đây. Quan trấn đã vui lòng giữ chúng tôi ở lại với ông vì rất quý chuộng chúng tôi, và buồn phiền khi phải xa chúng tôi. Thế nhưng vì trọng công ích hơn tư lợi nên ông nghe theo điều

chúng tôi sở nguyện và tức khắc truyền cho người ta chọn cho chúng tôi một địa điểm rất tiện để làm nhà cho chúng tôi ở, trong vùng gọi là Nước Mặn. Ông còn thêm: trong tư dinh của ông có tới hơn một trăm nhà, chúng tôi có thể chọn một nhà nào xứng đáng nhất để làm nhà thờ và chúng tôi cứ cho ông biết thì tức khắc ông sẽ định liệu cho đủ sự cần thiết. Chúng tôi khiêm tốn cảm tạ ông về tất cả những ơn huệ ông đã ban cho chúng tôi trong cuộc hành trình và những việc ông vẫn còn tiếp tục làm cho chúng tôi, và sau khi từ biệt, chúng tôi trèo lên lưng voi ngay để cùng đoàn tùy tùng đi tới Nước Mặn, một địa điểm dài chừng hai dặm và rộng tới một dặm rưỡi".⁹⁶

Đây mới là đoàn thừa sai chính thức đến Nước Mặn để tiến hành công cuộc truyền giáo tại Qui Nhơn, vì lần cha Buzomi đến Nước Mặn trước đây chỉ là để chữa bệnh. Tháng 07 năm 1618, quan phủ cho thợ dựng cho các thừa sai một ngôi nhà gỗ rộng rãi tại Nước Mặn. Các ngài được yên ổn tự do truyền giáo và được ông chu cấp mọi nhu cầu. Đôi khi ông còn đích thân đến bàn chuyện với các ngài về tôn giáo. Sau đó ông còn cho một ngàn tráng đinh đến dựng cho các ngài một ngôi nhà nguyện lớn. Như vậy Nước Mặn mới thực sự là Cư sở đầu tiên của các thừa sai Dòng Tên ở Đàng Trong, mặc dù các ngài đã đến Cửa Hàn trước đó ba năm.⁹⁷

Trong bản báo cáo thường niên năm 1618 của học viện Ma Cao, sau mục báo cáo chung về Đàng Trong "Missione di Cocincina", có mục báo cáo riêng "Della Residentia di Pulocambi – Về Cư sở Pulocambi (Nước Mặn)",⁹⁸ sau đó không có cư sở nào khác ở Đàng Trong được đề cập đến trong báo cáo. Từ năm 1618 đến năm 1620, số

⁹⁶ CHRISTOFORO BORRI, *Relatione della nuova missione, sdd.*, tr. 127-138. *Tường trình về Khu truyền giáo, sdd.*, tr. 72 – 78.

⁹⁷ Xem DANIELLO BARTOLI, *Dell' Istoria della Compagnia di Gesù, sdd.*, vol.17, terza parte, libro terzo, tr. 269.

⁹⁸ Địa danh "Pulo Cambi", phát xuất từ cách gọi của người Bồ Đào Nha vào đầu thế kỷ XVI, thời kỳ mà các chủ thuyền Bồ Đào Nha mượn các tài công và các hoa tiêu Mã Lai để đi lại trên Biển Đông. Địa danh này được ghi trên các bản đồ xưa. Khởi đầu, đây là tên của một hòn đảo (*Cù Lao Xanh*, trong tiếng Mã Lai là *Poulo Gambir*), nhưng sau đó được dùng để gọi vùng bờ biển chung quanh. Các bản đồ Bồ Đào Nha phân biệt *Pulo Cambi de Mar* (ngoài biển) và *Pulo Cambi de Terra* (trên đất liền); địa điểm thứ hai này hẳn là bán đảo Phương Mai, mà đỉnh cao là một điểm mốc rất dễ thấy cho giao thông đường biển, nhờ đó tàu thuyền có thể từ biển đi vào đầm Thị Nại, rồi đến phố cảng Nước Mặn là cửa ngõ của phủ Qui Nhơn. Từ đó danh xưng Pulocambi được các thừa sai dùng khi thi đề chỉ phố cảng Nước Mặn, khi thì đề chỉ phần đất của phủ Qui Nhơn ngày xưa.

thừa sai hoạt động truyền giáo ở Nước Mặn gồm có cha Buzomi, cha Pina, cha Borri và tu huynh Dias, trong đó cha Buzomi là Bề trên của Cư sở.⁹⁹

2.2.3. Cư sở Hội An, Quảng Nam

Nơi bản báo cáo thường niên năm 1618, Hội An được nhắc đến như một "cộng đoàn" thuộc quyền cha Buzomi, Bề trên Cư sở Nước Mặn.¹⁰⁰ Bản báo cáo thường niên năm 1619 do cha João Rodrigues Girão viết tại Ma Cao ngày 20.12.1620, sau mục giới thiệu tổng quát về Đàng Trong, có mục báo cáo riêng về mỗi cư sở: Cư sở Hội An và Cư sở Nước Mặn. Như vậy Cư sở Hội An chính thức được thành lập vào khoảng cuối năm 1619, sau khi ông Trần Đức Hòa qua đời, nghĩa là sau khi cha Pina từ Nước Mặn về lại Hội An. Cha Marques là Bề trên tiên khởi của cư sở. Năm 1619, cha Marques rửa tội được 40 Nhật kiều và dựng cho họ một nhà thờ.¹⁰¹ Đây là nhà thờ đầu tiên tại Hội An và là nhà thờ thứ tư tại Đàng Trong được các thừa sai Dòng Tên xây dựng kể từ khi các ngài nhập cảnh.¹⁰²

Như vậy, trước năm 1619, tại Hội An chưa có nhà thờ nào và cũng chưa có nhà ở chính thức của các thừa sai Dòng Tên. Cha Léopold Cadière cũng đề cập đến việc này khi viết: "Các thừa sai đầu tiên, đặc biệt là cha Francisco de Pina và cha Marques, cư trú tại Hội An, có thể nói là liên tục. Nhưng tôi không tìm thấy chỗ nào có nhắc một chút xú đến một nhà thờ hoặc một nhà ở riêng biệt của các cha tại nơi này. Các ngài phải cư ngụ tại nhà các người Nhật".¹⁰³ Do đó Cư sở Hội An cũng không thể có trước thời điểm 1619.

⁹⁹ Xem "Lettera annuale del Collegio di Macao al molto Riverente Padre Mutio Vitelleschi Generale della Compagnia di Giesù, l'anno 1618", trong *Lettere annue del Giappone, China, Goa, et Ethiopia. Scritte al M.R.P. Generale della Compagnia di Giesù. Da Padri dell' istessa Compagnia negli anni 1615.1616.1617.1618.1619*, P. Lazaro Scoriggio, Napoli 1621, tr. 387-401. ĐỖ QUANG CHÍNH SJ., *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt, sđd.*, tr. 66.

¹⁰⁰ Xem *Lettere annue del Giappone, sđd.*, tr. 392-401.

¹⁰¹ Xem DANIELO BARTOLI, *Dell' Istoria della Compagnia di Gesù, sđd.*, vol. 17, terza parte, libro terzo, tr. 271-272.

¹⁰² Nhà thờ đầu tiên tại Cửa Hàn (1615), nhà này đã bị đốt năm 1617. Nhà thứ hai tại Dinh Chiêm (1615) chỉ sử dụng một thời gian ngắn. Nhà thứ ba tại Nước Mặn (1618). Nhà thứ tư tại Hội An (1619). Năm 1623, cha Pina tái lập nhà thờ tại Dinh Chiêm.

¹⁰³ LÉOPOLD CADIÈRE, "Annotations à la Lettre de Gaspar Luis", trong *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, Juillet-Déc. 1931, tr. 430.

2.2.4. Cư sở Dinh Chiêm, Quảng Nam

Thư báo cáo thường niên năm 1624 cho biết cha Alexandre de Rhodes và cha Fontes học tiếng Việt tại Dinh Chiêm, do cha Pina dạy. Như vậy Cư sở Dinh Chiêm được thành lập khi nào ?

Khi cha Pina đến hoạt động truyền giáo ở Dinh Chiêm, cha có mua một ngôi nhà. Trong thư cha Pina viết cho Bề trên ở Ma Cao về hoạt động truyền giáo năm 1622-1623 có nói đến cư sở này: "Thưa cha đáng kính, con đã mua hai nhà của mẹ bà Gioanna tại Cacham, mỗi nhà gồm ba gian, một nhà dành cho chúng ta ở, nhà kia làm nhà nguyện". Căn cứ thư này, cha Đỗ Quang Chính cho rằng: "Việc thiết lập Cư sở Dinh Chiêm được thực hiện 5 năm sau Cư sở Nước Mặn".¹⁰⁴ Tuy nhiên, theo bức thư báo cáo thường niên năm 1624 do cha Manoel Fernandez viết tại Hội An ngày 02.07.1625 gửi cho cha Nuno Mascarenhas, Bề trên của dòng: "Một nhà đã được lập tại Cachão, thủ phủ của chúa. Cho đến lúc này, chiếu theo luật của Dòng, nhà này không được tính vào số các nhà cư sở (Casa-Residentia) của dòng, mặc dù một cha và người bạn dòng của ngài luôn ở đó. Hiện giờ, tại nhà này cha Francisco de Pina đang dạy ngôn ngữ cho cha Alexandre de Rhodes và cha Antonio de Fontes".¹⁰⁵

Theo báo cáo thường niên năm 1625 do cha Gaspar Luis viết tại Nước Mặn, đề ngày 01.01.1626, tại Đàng Trong có ba cư sở: Hội An, Dinh Chiêm và Nước Mặn.¹⁰⁶ Như thế, cư sở Dinh Chiêm được thành lập trong năm 1625, vào thời điểm sau ngày 02.07.1625, tức sau ngày cha Manoel Fernandes viết thư báo cáo cho cha Nuno Mascarenhas, Bề trên của dòng.

¹⁰⁴ ĐỖ QUANG CHÍNH SJ, *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt, sdd.* tr. 67-68.

¹⁰⁵ Thư cha Manoel Fernandes gửi cho cha Nuno Mascarenhas, ARSI. JAP-SIN 68, fl. 11-12. Thư viết tay bằng tiếng Bồ. Cha Roland Jacques biên tập đoạn văn trên (thuộc trang 11) và dịch sang tiếng Pháp. Xem ROLAND JACQUES, *Các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha và thời kỳ đầu của Giáo Hội Công giáo Việt Nam*, quyển 1, Định hướng từng thư, France, 2004, tr. 86-87, chú thích 56.

¹⁰⁶ Xem GASPAS LUIS, *Cocincinae Missionis Annuae Litterae Anni 1625*. ARSI, JAP-SIN 71, fl. 56-71. Thư viết bằng tiếng Latinh, 30 trang khổ 20x27. ĐỖ QUANG CHÍNH, *Lịch sử chữ Quốc ngữ 1620-1659*, Ra Khơi, Sài Gòn 1972, tr. 32-35.

CHƯƠNG III

CÔNG CUỘC TRUYỀN GIÁO CỦA CÁC THỪA SAI TẠI ĐÀNG TRONG

Giữa năm 1618, ngay sau khi Cư sở Nước Mặn được thành lập, các thừa sai họp đại hội tại đây, để hoạch định chương trình và phương pháp truyền giáo, đồng thời phân phối sứ vụ tông đồ. Tham dự đại hội có các cha Buzomi, Pina, Borri, Marques, và ba thầy trợ sĩ: Dias, José và Paolo. Sau đại hội, cha Marques trở về Hội An cùng với hai thầy người Nhật, còn 3 cha Buzomi, Pina, Borri, và thầy Dias hoạt động tại trụ sở Nước Mặn.

Mục tiêu đầu tiên của các thừa sai là giảng dạy cho dân chúng, nhưng các ngài cũng nhắm đến giới trí thức và nhà cầm quyền. Tại nước Việt, giới trí thức thường cũng là giới cầm quyền, có ảnh hưởng rất lớn trên quần chúng. Thu hút được giới này thì việc giảng đạo cho quần chúng không khó lắm. Ngoài ra, tại Đàng Trong, Phật giáo được chúa Nguyễn trọng hơn và có ảnh hưởng trên quần chúng hơn các tôn giáo khác, nên các thừa sai cũng tìm cách trình bày đạo Chúa cho các sư sãi. Để thực hiện các mục tiêu trên, các thừa sai đã cố gắng học thông thạo tiếng nói, phong tục, và tìm những người học thức đến cộng tác. Năm 1618, được sự cộng tác của một tân tông tên thánh bốn mạng Phêrô, các thừa sai tại Nước Mặn đã dịch một vài kinh bốn thông thường sang ngôn ngữ địa phương.¹⁰⁷

Năm 1619, Ma Cao gửi một phái đoàn đến Đàng Trong, mang theo một món quà giá trị và một bức thư đề nghị chúa Sãi ủng hộ và giúp đỡ các thừa sai đang thực hành sứ vụ nơi cộng đoàn Kitô hữu. Chúa Sãi hài lòng và ban cho các thừa sai tiền bạc, gạo và nhiều thứ khác cùng một chiếu chỉ được khắc trên một tấm kim loại, qua đó, các thừa sai được tự do truyền giáo khắp Đàng Trong, ai làm cản trở sẽ bị nghiêm phạt theo luật pháp của vương quốc. Chiếu chỉ được ban hành vào ngày 25 tháng giêng âm lịch.¹⁰⁸ Nhờ chiếu chỉ này, các thừa sai được tự do hoạt động một thời gian.

¹⁰⁷ Xem *Lettere annue del Giappone, sdd.*, tr. 401.

¹⁰⁸ Xem JOÃO RODRIGUES GIRÃO, *Annua de Cochinchina de 1619*, ARSI, IS 71, fl. 007v - 008v. Tấm kim loại được dùng để khắc chiếu chỉ của chúa Sãi là thứ kim loại gì, ở đây không nói rõ. Ở Đàng Ngoài, năm 1627, chúa Trịnh Tráng gửi

Đầu năm 1620 địa bàn truyền giáo của Đàng Trong được chia làm hai vùng do hai nhóm thừa sai ở hai cư sở phụ trách.¹⁰⁹ Địa bàn Cư sở Hội An gồm các vùng phía Bắc của Đàng Trong : Quảng Nam và Thuận Hóa, dưới sự lãnh đạo của cha Marques. Địa bàn Cư sở Nước Mặn gồm các vùng phía Nam của Đàng Trong : "Quagnin, Poulocambi e Ranràn", tức Quảng Nghĩa, Qui Nhơn và Phú Yên, dưới sự lãnh đạo của cha Buzomi.¹¹⁰

1. THÀNH CÔNG VÀ THỬ THÁCH

Năm 1619, quan phủ Qui Nhơn là ông Trần Đức Hòa lâm trọng bệnh và qua đời.¹¹¹ Ông đã qua đời khi chưa kịp chịu phép rửa tội, mặc dù lúc sinh thời ông rất mến đạo thánh. Đứng trước câu hỏi người ta đặt ra về số phận đời đời của ông, các thừa sai trả lời: "Không có phép rửa tội thì không ai được cứu rỗi, nhưng lòng nhân lành của Thiên Chúa lớn lao đến nỗi chỉ cần một ao ước cũng đủ có hiệu lực,

cho cha Palmeiro, Giám sát Tỉnh Dòng, một bức thư được khắc trên tấm bạc lá. Bức thư được cuộn lại, đặt trong một cái hộp, hiện được lưu giữ tại thư viện Vaticanô. Xem ĐỖ QUANG CHÍNH SJ, *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt, sđd.*, tr. 139.

¹⁰⁹ Xem DANIELO BARTOLI, *Dell' Istoria della Compagnia di Gesù, sđd.*, vol. 9, parte seconda, libro terzo, tr. 316-317.

¹¹⁰ Xem *Sđd.*, vol. 18, terza parte, libro quarto, tr. 60. Quagnin, Poulocambi, e Ranràn, tức Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên ngày nay.

¹¹¹ Về việc ông Trần Đức Hòa qua đời, cha Borri không nói rõ năm tháng ngày giờ. Cha chỉ tường thuật rất chi tiết về việc mai táng. Tuy nhiên báo cáo thường niên về hoạt động của các thừa sai tại Đàng Trong năm 1619 cho biết quan phủ Qui Nhơn đã qua đời trong năm 1619. Hiện nay chúng tôi chưa tìm được các nguồn sử liệu xã hội đề cập đến vấn đề này. Chỉ có hai nguồn sử liệu xã hội đề cập đến việc ông Trần Đức Hòa tiến cử Đào Duy Từ cho chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên:

1. "Năm Hy tông thứ 11 (1623) Đức Hòa vào châu, tiến cử Duy Từ ..." QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN, *Đại Nam Nhất Thống Chí, sđd.*, tập 3, quyển 9, *tỉnh Bình Định*, tr. 60.

2. "Năm Đinh mao, Hy tông hoàng đế thứ 17 (1627)..." QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN, *Đại Nam Liệt truyện Tiền biên*, quyển III, *sđd.*, tr. 137.

Hai tài liệu trên có sự chênh lệch về năm ông Trần Đức Hòa tiến cử Đào Duy Từ cho chúa Nguyễn. Ngoài ra hai tài liệu này cho thấy ông Trần Đức Hòa còn sống ít nhất cho đến năm 1623. Điều này không phù hợp với bản báo cáo của các thừa sai về tình hình hoạt động truyền giáo tại Đàng Trong năm 1619 và tường thuật của cha Borri về những sự kiện liên quan đến việc qua đời của ông Trần Đức Hòa.

Theo chúng tôi, hai nguồn sử liệu nêu trên được biên soạn quá muộn, sau hơn 200 năm so với sự kiện lịch sử. *Đại Nam Liệt truyện Tiền biên* được biên soạn từ 1841 – 1852; *Đại Nam Nhất Thống Chí* được biên soạn từ 1865-1882. Do đó vấn đề thiếu chính xác hoặc do chủ quan nhằm mục đích nào đó có thể xảy ra.

khi người ta không thể làm được cách nào khác. Nếu quan trấn đã chịu trong giờ chót như chúng tôi tin tưởng như vậy, vì ông rất mến đạo thánh chúng tôi như chúng tôi đã nói ở trên, và nếu không có cơn bệnh dữ dần, thì xem ra ông đã có thể xin chịu và như thế người ta có thể tin là ông được cứu rồi".¹¹² Về con người tốt lành hiếm có này, cha Borri đã ghi nhận: "Quan trấn thủ Qui Nhơn trong khi sống đã được người ta tôn trọng, không những trong tỉnh của ông mà cả khắp nước, vì những đức tính tự nhiên ông có như một người phân minh xét xử, khôn ngoan tốt bậc, công bằng và thanh liêm trong việc cai trị, được mọi người tín nhiệm, với tinh thần đại lượng và lòng thương giúp người bần cùng cơ cực".¹¹³

Vì uy tín, đức hạnh và công trạng của ông quá lớn, nên "trong thời gian ba năm, ngài (chúa Nguyễn) không cất đặt một quan trấn thủ nào khác, vì mọi người đều tin chắc là hồn người quá cố được liệt vào hàng thần thánh, ngài có thể tự mình cầm quyền cai trị trong ba năm đó. Trong khi chờ đợi, ngài đặt người con của vị quá cố làm phó trấn thủ và tướng lãnh của tỉnh".¹¹⁴ Đó là ông Đề lĩnh,¹¹⁵ con cả của ông Trần Đức Hòa.

Với cái chết của ông Trần Đức Hòa, các thừa sai mất đi một đại ân nhân, một chỗ dựa vững chắc cả tinh thần lẫn vật chất. Tuy nhiên, ông Đề lĩnh vẫn dành sự ưu ái cho các thừa sai, xử đãi với các cha rất tử tế; khi các cha đến phúng điếu, lúc trở về ông cho voi đưa các cha về tận nhà. Thái độ của ông khiến các thừa sai an tâm. Tuy nhiên việc cấp dưỡng đời sống bị thiếu hụt.¹¹⁶

¹¹² CHRISTOFORO BORRI, *Relatione della nuova missione, sdd.*, tr. 151-152. *Tường trình về Khu truyền giáo, sdd.*, tr. 85.

¹¹³ *Sdd.*, tr. 147. *Bản dịch*, tr. 83.

¹¹⁴ *Sdd.*, tr. 151. *Bản dịch*, tr. 85.

¹¹⁵ Tên gọi "ông Đề lĩnh" phát xuất từ cách gọi *Ondelim* trong báo cáo thường niên của các thừa sai năm 1619. "Đề lĩnh" hay "Đề lãnh" không phải là tên riêng, nhưng là một chức danh. Trong QUỐC SỬ QUẦN TRIỀU NGUYỄN, *Đại Nam Liệt truyện Tiền biên*, quyển III, *sdd.*, tr. 136, có ghi: "Con là Đức Nghi làm quan tới chức Phó Đề đốc Qui Ninh". Trong PHAN KHOANG, *Việt sử: Xứ Đàng Trong, sdd.*, tr. 351, có nói chung về chức danh các cấp chính quyền tại xứ Quảng Nam thời ấy: "Xứ Quảng Nam, mỗi phủ đặt 1 Chánh hộ Khâm lý, 1 Đề đốc, 1 Đề lãnh..." Có lẽ cách gọi "ông Đề lĩnh" được người đương thời sử dụng nhiều hơn.

¹¹⁶ Theo báo cáo thường niên của các thừa sai năm 1619, sau khi quan phủ Qui Nhơn qua đời, các thừa sai tại Nước Mặn vẫn được con trai ông là "ông Đề lĩnh", người kế nhiệm ông, đối xử tử tế. Tuy nhiên theo tường thuật của cha Borri, người trong cuộc, chúng ta biết được tình cảnh thực tế. Thực tế ở đây được hiểu theo nghĩa ông Đề lĩnh vẫn đối xử tử tế với các thừa sai, các thừa sai vẫn được nhà phủ Qui

1.1. Sự phát triển nhanh chóng của giáo đoàn

Tuy nhiên sự thiếu thốn vật chất ấy đã được Chúa bù đắp bằng những thành quả lớn lao mà các thừa sai đã đạt được. Trước hết, việc rao giảng Tin Mừng cho giới trí thức và cầm quyền đã có được kết quả đáng kể là cuộc trở lại đạo của vợ chồng một vị đại thần ở Nước Mặn.

Năm 1620, chúa Sãi là Nguyễn Phúc Nguyên gả công chúa Ngọc Vạn cho vua Cao Miên¹¹⁷ là Chey Chetta II để thắt chặt mối bang giao giữa hai nước và để Cao Miên thoát khỏi ảnh hưởng của Xiêm.¹¹⁸ Chúa Sãi đã chọn một vị đại thần sinh quán tại Nước Mặn làm sứ giả cho cuộc hôn nhân này. Phu nhân của ông là con gái của quan phủ Qui Nhơn. Nhiều lần bà nghe các cha giảng đạo và có ý muốn theo đạo. Thấy mình sắp lên đường đi với chồng, bà quyết định xin chịu phép rửa lấy tên thánh là Ursula, để nếu chuyến đi có gặp bão tố và phải mệnh hệ như thế nào thì cũng không sợ mất linh hồn. Cũng

Nhơn giữ tình thân thiết, vẫn hoạt động tự do, tuy nhiên vẫn đề trợ cấp vật chất bị thiếu thốn. Lúc này nhà dòng ở Ma Cao đang thiếu hụt tài chánh nên việc trợ cấp đời sống cho các thừa sai cũng bị cắt giảm.

¹¹⁷ Người Việt trước thế kỷ XXI gọi vương quốc Campuchia (chữ Khmer: កម្ពុជា, Kampuchea) là Chân Lạp (chữ Nho: 真臘) hay Cao Miên (高棉), hay theo cách gọi của người Âu châu là Cam Bốt (Cambodge, Cambodia). Về tên gọi Chân Lạp hoặc Cao Miên, trong sử Việt xưa, danh từ Chân Lạp được dùng để chỉ nước Campuchia thời hậu Angkor, thời các chúa Nguyễn tại Việt Nam. Nhưng thật ra Chân Lạp, tên nước và người, chỉ tồn tại từ thế kỷ thứ VI và chấm dứt vào thế kỷ thứ IX (802). Kế tiếp thời Chân Lạp là thời Angkor với Triều đại đế quốc Khmer kéo dài đến thế kỷ XV. Danh từ thường được dùng nhiều hơn trong lịch sử thế giới khi gọi người Campuchia hoặc các Triều đại Campuchia hậu Chân Lạp cho đến ngày nay là Khmer (Cao Miên) hơn là Chân Lạp (Chenla). Cao Miên có thể dùng để chỉ đế quốc Khmer nói riêng, hoặc nước / người Campuchia nói chung. Nên có lẽ, nếu cần áp dụng tên gọi một cách chính xác, Chân Lạp chỉ có thể áp dụng vào thời kỳ từ thế kỷ VI đến thế kỷ IX. Cao Miên mới là danh từ thông dụng để gọi nước / người Campuchia xưa, ít nhất là từ sau thế kỷ IX cho đến thời kỳ Liên bang Đông Dương. <https://vi.wikipedia.org/wiki/Campuchia>.

Vì vậy, trong sách này thống nhất dùng tên gọi Cao Miên khi có liên quan đến những sự kiện diễn ra từ sau thế kỷ IX đến thời kỳ Liên bang Đông Dương.

¹¹⁸ Xem CHRISTOFORO BORRI, *Relatione della nuova missione, sdd.*, tr. 91. Theo Phan Khoang, cuộc hôn nhân này không được các sách sử Việt đương thời ghi chép, có lẽ vì các sử thần nhà Nguyễn cho là không đẹp nên giấu đi chẳng. Nhưng nếu họ quan niệm như thế là không đúng, vì các cuộc hôn nhân giữa vua chúa các nước vẫn thường xảy ra và đem lại nhiều lợi ích quan trọng. Tuy sử Việt không chép, nhưng theo các sách sử Cao Miên do các học giả Pháp biên soạn, thì quả Chey Chetta II năm 1620 có cưới một công nữ con chúa Nguyễn. Xem PHAN KHOANG, *Việt sử: Xứ Đàng Trong, sdd.*, tr. 306, đặc biệt chú thích (1).

có 25 gia nhân cùng được rửa tội với bà. Thấy vợ theo đạo, ông quan đại thần cũng muốn xin theo, nhưng khó khăn lớn nhất đối với ông là từ bỏ tình trạng đa thê. Sau thời gian học giáo lý và suy nghĩ, với không ít dần co nội tâm, ông đã vượt qua được chướng ngại, sẵn sàng bỏ các cô vợ bé để giữ luật đạo một vợ một chồng. Ông được rửa tội lấy tên thánh là Inhaxiô cùng với 20 tùy viên và gia nhân.¹¹⁹

Năm 1620,¹²⁰ thầy Tư Bình ở Nước Mặn, một đạo sư có đến 200 môn sinh, trong đó có người chị của ông Trần Đức Hòa, quan phủ Qui Nhơn vừa mới qua đời. Thấy ảnh hưởng của các thừa sai đối với cư dân, đạo sư yêu cầu được tranh luận công khai về tôn giáo với cha Buzomi trước sự chứng kiến của dân chúng. Ngày giờ giao hẹn đã đến, đạo sư Tư Bình với hai trăm môn sinh đã đuối lý và rút lui trước một giáo sư thần học đã từng dày dạn trên giảng đường ở Ma Cao, nhất là một tâm hồn đầy xác tín đức tin và đã tích lũy nhiều kinh nghiệm về Chúa là cha Buzomi. Sau cuộc tranh luận ấy, năm 1621, các thừa sai tại Nước Mặn đã rửa tội được 172 người.¹²¹

Cũng năm 1621, cha Pina sau thời gian ở Nước Mặn đã thông thạo tiếng Việt và phong tục dân sự, lại có nhiều kinh nghiệm truyền giáo với cha Buzomi, nay được sai đi Hội An, còn cha Borri được Bề trên gọi về Âu châu năm 1622. Cũng như ở Nước Mặn, trong sứ vụ tông đồ ở Hội An, cha Pina chú trọng đến giới trí thức và giới cầm quyền, nhưng vẫn không xa quần chúng. Trong giới trí thức, mở đầu kết quả hoạt động tông đồ của cha Pina là cụ nghệ Giuse. Cụ là người được kính nể ở khắp Quảng Nam và có nhiều môn sinh. Cụ đã được cha Pina rửa tội lấy tên thánh là Giuse. Việc theo đạo của cụ đã thu hút nhiều người khác trong giới trí thức theo đạo, đáng kể hơn hết là cụ Phêrô, cụ Manuel và đặc biệt là cụ Phaolô, cố vấn hình luật của quan trấn Quảng Nam. Tại Nước Mặn, cha Buzomi tiếp tục thu hoạch nhiều kết quả trong quần chúng cũng như trong giới quan lại, trí thức, tầng già, đáng kể nhất là sư cụ Damianô. Cụ đã đến Nước Mặn tranh luận về đạo với cha Buzomi và đã qui phục đức tin. Năm

¹¹⁹ Xem CHRISTOFORO BORRI, *Relazione della nuova missione, sdd.*, tr. 155-176.

¹²⁰ Năm 1620, tại Cư sở Nước Mặn có cha Buzomi, cha Borri và thầy Dias. Theo báo cáo thường niên gửi về nhà dòng năm 1620, các thừa sai tại Nước Mặn ban Bí tích rửa tội cho 180 người, các thừa sai ở Hội An rửa tội được 82 dân bản xứ và 27 người Nhật. Xem GASPAS LUIS, "Lettre de l'an M.DC.XXI", trong *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, Juillet-Dec. 1931, tr. 127, 135.

¹²¹ Xem DANIELLO BARTOLI, *Dell' Istoria della Compagnia di Gesù, sdd.*, vol. 17, terza parte, libro terzo, tr. 337-339.

1622, các thừa sai ở Cư sở Nước Mặn rửa tội 500 người; ở Cư sở Hội An 275 người.¹²²

Năm 1622 cha Bê trên Tỉnh Dòng ở Ma Cao gửi thêm bốn thừa sai đến Đàng Trong: cha Manoel Fernandez, cha Emmanuel Borgès, cha Giovanni di Leira và cha Romano Niti. Cha Fernandez đến làm việc ở khu thương mại Nhật kiều tại Hội An thay thế cho cha Marques, vì cha Marques lúc này đã thông thạo ngôn ngữ và phong tục nên được sai đi cộng tác với cha Pina rao giảng Tin Mừng cho người Việt ở Quảng Nam. Còn hai cha Borgès và Leira phải qua một thời gian học tiếng và tập sự bên cạnh cha Buzomi ở Nước Mặn.

Công cuộc truyền giáo có những lúc thuận lợi, nhưng khi sự thuận lợi đem lại kết quả tốt thì gặp phải những trở ngại. Tại Nước Mặn, những người sợ mất ảnh hưởng vì số người đón nhận Tin Mừng ngày càng đông, đã tố cáo các thừa sai là những "phù thủy" chiêu mộ các nô lệ cho vua Bồ Đào Nha. Họ yêu cầu trục xuất các thừa sai. Quan phủ Qui Nhơn trình sự việc lên quan trấn Quảng Nam,¹²³ quan trấn cẩn trọng suy xét và cho người điều tra. Câu chuyện được làm sáng tỏ, quan trấn cho phép các thừa sai được tự do giảng đạo.¹²⁴

Cánh đồng truyền giáo có nhiều kết quả khả quan, giáo dân Đàng Trong mỗi ngày một gia tăng, số thừa sai không đủ để đáp ứng nhu cầu. Cha Buzomi đã gửi thư xin Bê trên Tỉnh Dòng ở Ma Cao sai thêm người. Cuộc bách hại ở Nhật còn kéo dài, không thể gửi thừa sai đến đó được. Vì vậy ngày 07.12.1624, cha Bê trên Giám tỉnh sai cha Gabriel de Matos đi kinh lý giáo đoàn Đàng Trong, đem theo cha Alexandre de Rhodes (Đắc Lộ), cha António de Fontes, cha Girolamo Majorica, cha Gaspar Luís, cha Emmanuel Gonzales và thầy João Melchior Ribeiro.¹²⁵

Năm 1625, tại Nước Mặn có cha Buzomi, cha Gaspar Luís (Bồ), cha Girolamo Majorica (Ý), thầy Domingos Mendes K'ieou (Ma Cao), thầy Romão Nishi (Nhật). Lúc bấy giờ, ngoài trụ sở chính ở

¹²² Xem DANIELLO BARTOLI, *Dell' Istoria della Compagnia di Gesù, sdd.*, vol. 17, terza parte, libro terzo, tr. 345.

¹²³ Trên bản đồ Đắc Lộ năm 1651 trích từ tác phẩm *Histoire du Royaume de Tunquin*, lúc bấy giờ Đàng Trong gồm bốn dinh: dinh cữu [Cửu], dinh ca [Cả] ở Thuận Hóa, dinh ciam [Chiêm] ở Quảng Nam và dinh phoan [dinh Trấn biên] ở Phú Yên. Phủ Quảng Nghĩa và phủ Qui Nhơn thuộc dinh Quảng Nam.

¹²⁴ Xem DANIELLO BARTOLI, *Dell' Istoria della Compagnia di Gesù, sdd.*, vol. 17, terza parte, libro terzo, tr. 362-368.

¹²⁵ Xem ĐÓ QUANG CHÍNH SJ, *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt, sdd.*, tr. 556.

Nước Mặn, các thừa sai đã thiết lập được những giáo điểm trên đường giao thông từ Quảng Nghĩa đến Qui Nhơn, như Chợ Mới, Vom (Quảng Ngãi ngày nay), Bến Đá (Bình Định ngày nay). Năm này, có 602 người tại Nước Mặn lãnh Bí tích rửa tội; tại Hội An 325 người; tại Dinh Chiêm 306 người.¹²⁶

Cha Đắc Lộ học tiếng và làm việc với cha Pina ở Quảng Nam. Sau một thời gian, rửa tội được nhiều người, hai cha ra Thuận Hóa, hy vọng sẽ thu phục được một số hoàng tộc, vương phi hoặc quan chức tại phủ chúa. Kết quả là một vương phi đã xin chịu phép rửa tội lấy tên thánh là Maria Madalêna: đó là bà Minh Đức vương thái phi của chúa Nguyễn Hoàng, di của chúa Sãi và là thân mẫu của Nghĩa Hưng quân công. Việc theo đạo của bà là một bảo đảm cho công cuộc truyền giáo tại xứ Nam, đặc biệt trong những thời kỳ cấm cách sau đó.

1.2. Hai biến cố năm 1625

Năm 1625, giáo đoàn Đàng Trong đón nhận hai biến cố, một là chúa Sãi ra lệnh trục xuất các thừa sai, hai là cha Pina chết đuối tại bờ biển cửa Đại Chiêm.¹²⁷ Cha Đắc Lộ tường thuật cái chết của cha Pina và cách giải quyết của các thừa sai như sau:

"Trong tất cả những thành công Chúa ban cho chúng tôi, Chúa lại cho chúng tôi hai việc rất đau đớn, may mà có sức mạnh hơn sức loài người đã nâng đỡ chúng tôi. Thứ nhất, cha Pina qua đời. Cha là một trong những kiện tướng đạo binh nhỏ của chúng tôi. Tai nạn bất thần đến với chúng tôi năm 1625. Cha đi thăm người Bồ vừa mới cập bến Hội An (?).¹²⁸ Tàu của họ bỏ neo ở xa. Thăm họ xong, cha dùng

¹²⁶ Xem *Sđđ.*, tr. 65-68, 89-90.

¹²⁷ Xem DANIELLO BARTOLI, *Dell' Istoria della Compagnia di Gesù, sđđ.*, vol. 18, terza parte, libro quarto, tr. 67.

¹²⁸ Việc cha Pina chết đuối được các sử liệu đề cập đến:

- ROLAND JACQUES, *Các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha*, quyển 1, *sđđ.*, tr. 89. Căn cứ vào các tài liệu ghi ở chú thích số 58, Pina chết đuối ở vịnh Đà Nẵng.

- DANIELLO BARTOLI, *Dell' Istoria della Compagnia di Gesù, sđđ.*, vol. 18, terza parte, libro quarto, tr. 67-68 : Cha Pina chết đuối tại "Porto di Ciampeili", được tẩm liệm trong một quan tài rất đẹp, được đưa về an táng tại Hội An.

- ALEXANDRE DE RHODES, *Divers voyages et missions, sđđ.*, tr. 76: Cha Pina chết đuối tại "Port de Cham". Trong bản dịch tác phẩm này (chúng tôi trích ở đây), dịch giả Hồng Nhuệ dịch "Port de Cham" là bến Hội An. Trong khi đó, "Port de Cham" ở trang 239 cùng tác phẩm của cha Alexandre de Rhodes, Hồng Nhuệ dịch "Port de Cham" là cửa Đà Nẵng (*Hành trình và truyền giáo, sđđ.*, tr. 58 và 175). Cần chú ý, khi nói đến Hội An, cha Alexandre De Rhodes dùng từ "Faifo"

một chiếc xuồng để vào bờ gặp lại đoàn chiên, nhưng có cơn bão lớn nổi lên làm lật chiếc xuồng. Bị vướng chiếc áo dài, cha không bơi vào bờ được như những người khác. Cha đã chìm trong nước biển và trong nước mắt của biết bao giáo dân trong toàn cõi xứ.

"Thứ hai là cơn bão táp đã tới từ phía phủ chúa. Vì thấy người Bồ không trở lại năm đó với đoàn tàu chở hàng hóa như thường lệ, chúa nghe bên phía địch thù của giáo dân. Những người này không bỏ lỡ dịp vu cáo và làm cho chúa không tin giáo dân nữa. Trong những tội vu khống, có tội này: giáo dân không thờ kính tổ tiên, lại theo đạo man di, vứt bỏ tâm tình biết ơn đối với tổ tiên, những tâm tình trời đặt trong lòng mọi người...

"Nghe theo những vu cáo đó, trước hết chúa ra lệnh cấm chúng tôi, sau đó trừng trị giáo dân. Chúa truyền cho hết các thừa sai phải rời bỏ các giáo đoàn đã thành lập và rút lui về Hội An, viện cớ để bảo vệ tính mạng cho chúng tôi và sự tự do thi hành chức vụ. Chúng tôi đã tìm cách xoay trở vấn đề, cậy nhờ người con trưởng của chúa có thiện tình với chúng tôi, xin cho chúng tôi được phép ở lại một trăm ngày để cư tang cha Pina. Trong khi đó, chúng tôi có thời giờ trình bày với chúa để chúa thay đổi ý định.

"Nhưng chúng tôi phải vất vả nhiều hơn để hoãn lệnh bắt giáo dân phải bỏ hết ảnh thánh giá và tràng hạt mà giáo dân tân tông đeo ở cổ. Chúng tôi không thể ngăn cản được việc thi hành sắc lệnh, nếu Thiên Chúa không sắp đặt cho chúng tôi vị quan cai tỉnh có thiện tình với chúng tôi. Ông đã giúp đỡ chúng tôi như một giáo dân tốt mà chúng tôi có thể mong đợi. Thế là chúa đình chỉ thi hành sắc lệnh và chúng tôi có đủ thời giờ loan báo cho giáo dân tân tông giấu hết ảnh và dùng đeo tràng hạt trên cổ nữa. Có nhiều người lấy làm hồ thẹn vì bỏ cơ hội tỏ lòng kiên trung trong đức tin và coi việc cất giấu ảnh tượng như một thái độ hèn nhát bất xứng với danh nghĩa người theo đạo Kitô.

"Nhưng khi chúng tôi cho họ biết rằng đạo Kitô không ngăn cấm lòng can đảm, thế nhưng không nên quá táo bạo, thì họ nghe theo. Rồi

(Xem ALEXANDRE DE RHODES, *Divers voyages et missions, sđđ.*, tr. 238,239,250,262). Chi tiết "port de Cham fort près de Faifo – Cửa Cham rất gần Hội An" nơi trang 239 trong *Divers voyages et missions* cho ta biết "port de Cham" mà cha Alexandre de Rhodes viết trong tác phẩm của cha không phải là bến Hội An mà là cửa Đại Chiêm, cửa sông Thu Bồn đổ ra biển. Như vậy theo cha Alexandre de Rhodes, cha Pina chết đuối tại cửa Đại Chiêm, nay thuộc phường Cửa Đại, thành phố Hội An. Cửa Đại Chiêm cách thành phố Hội An khoảng 5km.

khi sắc lệnh ban hành thì không ai bỏ ngõ và lương dân không còn lý do hung bạo gây hại cho giáo dân".¹²⁹

Tại Nước Mặn, sắc lệnh của chúa Sãi được thi hành gắt gao hơn ở Phú Yên. Giáo dân Nước Mặn thỉnh cầu về triều đình. Triều đình sai một quan lớn về điều tra và công bố rõ ý định của chúa Sãi là cấm đeo ảnh chứ không cấm đạo. Trái lại quan trấn Phú Yên không công bố sắc lệnh, cũng không thi hành, nhưng còn về kinh để biện hộ cho giáo dân nữa.¹³⁰

Ngoài ra, cái chết của cha Pina, tuy là một cái tang đau đớn, nhưng lại là lý do khiến các thừa sai không bị trục xuất. Các ngài xin phép chúa Sãi lưu lại trấn Quảng Nam 100 ngày để chịu tang cha Pina. Vì tôn trọng lễ nghi cổ truyền và cảm thông với nhà hiếu, chúa Sãi cho phép các cha được ở lại. Năm 1626 tàu buôn Ma Cao cập bến và các cha lại được tự do truyền đạo. Tháng 07 năm 1626 cha Đắc Lộ và cha Marques được lệnh về Ma Cao để tìm đường vào Đàng Ngoài, vì trong thời gian ở Đàng Trong cha đã thông thạo tiếng nói của người Việt, nên có thể đến mở đạo ở Đàng Ngoài.

1.3. Sắc lệnh trục xuất các thừa sai năm 1629 và những hệ quả

Năm 1629, trời hạn hán, mất mùa trên diện rộng ở đất Đàng Trong cùng với nạn dịch hoành hành, nhiều người chết. Nguyên nhân xảy ra những sự việc ấy đều được đổ cho các thừa sai và các tín hữu. Dân chúng áp lực chúa Sãi phải trục xuất các thừa sai. Tuy nhiên lúc bấy giờ sắp tới mùa thương thuyền Bồ Đào Nha đến trao đổi thương mại, chúa Sãi chần chừ chưa muốn phát lệnh. Chẳng may một thuyền buôn sắp cập bến Hội An bị gió thổi ngược, không cập bến được, thuyền xuôi sang Philippines. Chúa Sãi buồn ý và ra lệnh trục xuất các thừa sai. Lệnh đưa tới Quảng Nam ngày 10.08.1629, như vậy tính trong năm 1629, các thừa sai đã sinh hoạt công khai được hai phần ba thời gian. Dù gặp hoàn cảnh như thế, năm ấy số người được rửa tội tại Nước Mặn là 480 người, tại Phú Yên 320 người và tại Quảng Nam 275.¹³¹

Thực hiện lệnh trục xuất, các thừa sai được tập trung về Hội An. Thuyền không thể từ Hội An đi Ma Cao vì không thuận gió. Quan án

¹²⁹ ALEXANDRE DE RHODES, *Hành trình và truyền giáo*, sđd., tr. 60.

¹³⁰ Xem DANIELLO BARTOLI, *Dell' Istoria della Compagnia di Gesù*, sđd., vol. 18, terza parte, libro quarto, tr. 68.

¹³¹ Xem *Sđd.*, tr. 210, 215.

Quảng Nam cho thuyền chở các thừa sai xuôi theo bờ biển đi về hướng Nam.

Chiếc thuyền đầu tiên chở đoàn gồm cha Gaspar Luis, cha Antonio de Fontès, thầy Melchior Ribero, sáu thầy giảng người Việt và một số người giúp. Thuyền đến Phú Yên, vùng biên giới Đại Việt - Chiêm Thành, đoàn lên bờ để liên lạc với giáo dân Phú Yên. Các thừa sai được giáo dân Phú Yên bí mật tiếp tế lương thực. Vì ẩn trong rừng, nước độc, bị sốt rét, đành phải chuyển ra đồng bằng. Đoàn thừa sai bị cướp, hai thừa sai bị thương, ba thầy giảng người Việt mất mạng, cha Gaspar Luis chạy thoát. Sự việc được ông Phêrô, một người giáo dân Phú Yên báo cho quan phủ Phú Yên, người đã quen biết cha Buzomi. Quan cho lính tìm các thừa sai, đưa các thừa sai về phủ chữa chạy. Sự việc được dinh Quảng Nam hay biết, quan phủ Phú Yên được lệnh giải các thừa sai về Hội An để chờ thuyền về Ma Cao. Quan phủ đã sắp xếp cho các thừa sai ẩn trốn và hoạt động âm thầm. Ông đưa các thừa sai xuống thuyền trước mặt người dân Phú Yên. Ông báo cáo về dinh Quảng Nam rằng các thừa sai đã xuống thuyền. Thực ra các thừa sai chỉ đi một quãng đường rồi ẩn lại Phú Yên để hoạt động truyền giáo. Cha Gaspar Luis, cha Antonio de Fontès và thầy Melchior Ribero ẩn lại Phú Yên. Chiếc thuyền thứ hai chở đoàn gồm cha Buzomi, cha Majorica, thầy Torres và ba giáo lý viên đến Chiêm Thành. Đoàn bị Chiêm Thành bắt giữ. Sau khi được tự do, cha Buzomi lên đường sang Cao Miên, cha Majorica ra Đàng Ngoài.¹³²

Cha Manoel Fernandez và cha Matthias Machida không bị bắt. Cha Machida là người Nhật nên sống ẩn giữa người Nhật ở Hội An, còn cha Fernandez hoạt động âm thầm ở vùng Quảng Nam và Quảng Nghĩa với tư cách Bề trên miền truyền giáo. Có dịp thương thuyền Bồ Đào Nha cập bến Cửa Hàn, cha tháp tùng thuyền trưởng, lên tận phủ chúa ở Thuận Hóa để mong tìm được sự tự do giảng đạo. Tuy nhiên cha không tìm được sự thuận lợi lâu dài, cha vẫn phải dành nhiều thời gian hoạt động âm thầm. Dù thuận lợi hay không thuận lợi, cha luôn tìm mọi cách để nhiều người được nhận biết Chúa. Trong những năm này, cha đã rửa tội được 880 người, trong đó có ba vị quan trọng phủ chúa. Ngày 28.08.1634, cha Manoel Fernandez, người con xứ Tentugal, Bồ Đào Nha, qua đời khi vừa tròn 50 tuổi, giữa cánh đồng truyền giáo, sau 12 năm hết mình vì sứ mạng.¹³³

¹³² Xem *Sđd.*, tr. 215-224, 227, 328, 437.

¹³³ Xem *Sđd.*, tr. 218, 441 – 443.

Năm 1634, cha Buzomi từ Cao Miên về Ma Cao. Năm 1635 được tin Sãi vương yêu cầu cha trở lại, Bề trên Tỉnh Dòng sai cha trở lại Đàng Trong với tư cách Bề trên miền truyền giáo Đàng Trong. Được chúa Sãi đón nhận niềm nở, các cha được công khai gặp gỡ giáo dân. Chẳng may cho các thừa sai và cộng đồng dân Chúa Đàng Trong lúc này, vì các biến cố xảy ra vào năm 1635: hai vụ cháy nhà lớn, nhất là việc chúa Sãi băng hà vào tháng 11 năm 1635, Nguyễn Phúc Lan lên kế vị. Cha Buzomi về Thuận Hóa để chúc mừng chúa Thượng. Ban đầu chúa Thượng tỏ ra niềm nở, nhưng chỉ bốn ngày sau đã đổi thái độ và ra lệnh trục xuất các thừa sai. Một lần nữa, các thừa sai phải tìm cách ẩn mình để sống với dân Chúa ở địa phương. Năm 1638, cha Buzomi về Ma Cao để thương lượng mấy việc cho chúa Thượng. Tháng giêng năm 1639, chúa Thượng lại ra lệnh trục xuất các thừa sai. Các thương nhân Bồ tìm mọi cách thương lượng với chúa Thượng cho các thừa sai được ở lại, nhưng sự việc không thành. Tất cả các thừa sai đều bị đưa xuống thuyền.¹³⁴

Tại Ma Cao, cha Buzomi lâm bệnh và qua đời vào ngày 01.07.1639. Sử gia Phan Khoang gọi cha là "người sáng lập Giáo Hội Đàng Trong".¹³⁵ Nói về cha Buzomi, trong suốt 24 năm trời đã hy sinh cho công cuộc truyền giáo ở Đàng Trong, cha Đắc Lộ đã viết: "Người làm việc nhiều hơn tất cả và thu được nhiều thành quả tuyệt vời ở đất nước này là cha Francesco Buzomi, người thành Napoli. Như tôi đã nói, ngài đã khởi sự truyền giáo năm 1615 và đã hoạt động trong hai mươi bốn năm, chuyên chú một cách lạ thường. Thật là một đáng thánh, không mệt mỏi vì công việc, can trường trong nguy khốn, kiên trì trong quyết định. Ngài hoàn toàn hy sinh để thiết lập và mở mang giáo đoàn này. Ngài đã may mắn thành công, bởi vì khi mới đến lần thứ nhất ở Đàng Trong, chỉ có rất ít giáo dân, thế mà ngài đã để lại mười hai ngàn khi ngài trở về lãnh một số triệu thiên nhiên như số giáo dân tân tòng ngài để lại".¹³⁶

Sau lệnh trục xuất năm 1639, giáo đoàn Đàng Trong không còn bóng dáng các thừa sai.

¹³⁴ Xem ALEXANDRE DE RHODES, *Hành trình và truyền giáo, sđd.*, tr. 88-89.

¹³⁵ PHAN KHOANG, *Việt sử: Xứ Đàng Trong, sđd.*, tr. 433.

¹³⁶ ALEXANDRE DE RHODES, *Hành trình và truyền giáo, sđd.*, tr. 87-88.

2. CHA ĐẮC LỘ TRỞ LẠI ĐÀNG TRONG

Sau khi rời Đàng Trong về Ma Cao, năm 1627 cha Đắc Lộ cùng với cha Marques đã từ Ma Cao đi truyền giáo ở Đàng Ngoài theo lệnh của Bề trên Giám tỉnh. Ngày 19 tháng 03 tàu của hai cha bị bão đánh giạt vào Cửa Bạng (Thanh Hóa), từ đó mở đầu sứ vụ tông đồ của các thừa sai Dòng Tên tại Đàng Ngoài. Sau hơn 3 năm hoạt động truyền giáo, đặt nền móng cho giáo đoàn Đàng Ngoài, các cha bị vu cáo và bị chúa Trịnh trục xuất, nên cuối năm 1630 hay đầu năm 1631 các cha phải trở về Ma Cao và không có dịp trở lại Đàng Ngoài nữa. Tại Ma Cao cha Đắc Lộ được Bề trên giao nhiệm vụ giáo sư học viện.



Cha Đắc Lộ

2.1. Cha Đắc Lộ trở lại Đàng Trong lần thứ I (02.1640 - 09.1640)

Đầu tháng 02 năm 1640, theo lệnh cha Bề trên Giám tỉnh ở Ma Cao, cha Đắc Lộ lên đường với cha Pedro Alberto trở lại Đàng Trong, nơi mà trước đây cha đã có kinh nghiệm sống với dân dã mộc mạc cũng như những bậc quan quyền từ cuối năm 1624 đến giữa năm 1626. Hai cha cập bến Hội An, tá túc trong khu phố người Nhật. Vận dụng tinh thần trọng trưởng của người Á Đông, cha Đắc Lộ đã làm quen với ông khu phố trưởng, một Nhật kiều không mấy thân thiện với Kitô giáo. Ông đã đưa cha đến yết kiến chúa Thượng ở Thuận Hóa. Cha được chúa Thượng cho phép lưu trú cho đến khi thương thuyền Bồ nhô neo thì về lại Ma Cao.

Trong thời gian được lưu trú, nhà nguyện của bà Maria Minh Đức vương thái phi là nơi qui tụ giáo dân để cha cử hành các Bí tích. Cha cử hành các nghi thức Tuần thánh tại đây. Nhân dịp lễ Phục sinh, cha rửa tội cho ba người phụ nữ thuộc hoàng tộc và một thầy sãi. Bốn tân tòng này do công sức tông đồ giáo dân của bà Maria Minh Đức. Trong thời gian ở đó, cha cũng rửa tội được 92 người khác. Hết thời

hạn cho phép, cha Đắc Lộ và cha Alberto muốn ở lại với giáo đoàn, nhưng không thể. Hai cha đành xuống thuyền, về tới Ma Cao ngày 20.09.1640.¹³⁷

2.2. Cha Đắc Lộ trở lại Đàng Trong lần thứ II (12.1640-07.1641)¹³⁸

Cha Đắc Lộ tâm sự: "Tuy thân xác tôi ở Ma Cao, nhưng lòng tôi không ra khỏi Đàng Trong, tôi vẫn như ở với giáo dân của tôi, vì thế chẳng bao lâu tôi lại đi thăm họ".¹³⁹ Cuối năm 1640, cha Đắc Lộ và cha Bento de Matos theo chuyến tàu buôn từ Ma Cao đi Đàng Trong. Hai cha tới Cửa Hàn, đi Hội An. Trong khi người Bồ bán hàng, vì kính nể họ, quan trấn Quảng Nam cũng như chúa Nguyễn đã làm nơ cho hai cha đi lại tự do. Hai cha tận dụng thời gian thuận lợi này để thăm các cộng đoàn Kitô hữu từ Bắc chí Nam của Đàng Trong. Cha Matos thăm các cộng đoàn phía Bắc: Thuận Hóa, Quảng Bình; cha Đắc Lộ thăm phía Nam: Quảng Nghĩa, Qui Nhơn và Phú Yên.¹⁴⁰ Cha Đắc Lộ đã chọn ông Giêrônimô, một tín hữu kỳ cựu có nhiều khả năng mục vụ tại Hà Lam (Quảng Nam), đi theo cha trong chuyến viếng thăm này.¹⁴¹ Trong 6 tháng, cha rửa tội được 1.305 người.

2.2.1. Những ngày ở Quảng Nghĩa

- Tại Chợ Mới (Chai mi, Ciomoy)

¹³⁷ Xem *Sdd.*, tr. 90-93.

¹³⁸ Xem *Sdd.*, tr. 94-107.

¹³⁹ *Sdd.*, tr. 94.

¹⁴⁰ Trong thư cha Đắc Lộ viết năm 1641, cha kể lại hành trình rất tỉ mỉ: "Chúng tôi tới Caitlam, ở đó tôi thấy họ đang mừng Tết... Từ đó tôi xuống thuyền theo đường biển đến Ciomoy... Khi tôi ở đó, giáo dân Baobam cử ba vị trong hàng đầu mục đến đón tôi về thành của họ...tôi ở lại đó 18 ngày... từ đó tôi đi Bedda... Tôi ở lại đó 10 ngày... sống Tuần thánh với dân tốt lành này và cử hành phụng vụ cho họ... Thứ sáu Tuần thánh tôi xuống thuyền đi Phú Yên. Đó là ngày 29.03.1641". LÉOPOLD CADIÈRE, "Une princesse chrétienne à la cour des premiers Nguyên: Madame Marie", trong *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, Avril – Juin 1939, tr. 116, phần chú thích (1) của Document XXI.

Trong *Divers voyages* được xuất bản năm 1653, tức sau 12 năm thư viết năm 1641, cha Đắc Lộ kể lại cùng một hành trình. Căn cứ vào những điều cha Đắc Lộ tường thuật, địa điểm Chai mi mà cha viết trong *Divers voyages* (tr.134) và Ciomoy trong thư 1641 là cùng một nơi. Cha Giuse Đỗ Quang Chính SJ. ghi nhận đây là Chợ Mới. Xem ĐỖ QUANG CHÍNH SJ, *Đòng Tên trong xã hội Đại Việt, sdd.*, tr. 89.

¹⁴¹ Xem ALEXANDRE DE RHODES, *Hành trình và truyền giáo, sdd.*, tr. 100-107.

Cha Đắc Lộ đến Chợ Mới,¹⁴² phủ Quảng Nghĩa. Tại đây cha rất vui mừng vì được thấy đức tin vững vàng của giáo đoàn. Cha cho biết sở dĩ đức tin của giáo đoàn sống động như thế là nhờ gia đình ông Phaolô và bà Mônica:

"Không gì làm tôi phấn khởi bằng thấy một cụ già đáng kính tên là Phaolô, cụ kể từ khi chịu phép rửa tội thì cùng với vợ là Mônica săn sóc làm các việc từ thiện xứng đáng một giáo dân sốt sắng, thế nhưng Thiên Chúa quan phòng sâu thẳm đã để cho ông bị mù lòa vì việc nghĩa. Thấy ông, tôi có cảm tưởng như thấy Tobia thứ hai. Ông già này có đôi mù đôi mắt, nhưng rất kiên trì phụng thờ Chúa Kitô.

"Ông là linh hồn của cả giáo đoàn. Chủ nhật và ngày lễ, ông thu tập giáo dân trong nhà nguyện dựng ngay trong khu nhà ông ở, rồi ông dạy giáo lý, giảng giải và chuyên cần săn sóc về tất cả những gì cần thiết để củng cố đức tin. Ông còn thu xếp lo liệu cho lương dân và chuẩn bị cho họ chịu phép rửa tội. Thiên Chúa cho ông quyền tuyệt đối đối với ma quỷ, không một ai bị quỷ ám mà ông không cứu thoát..."¹⁴³

- Tại Bàu Gốc và Vom (*Baobam*)

Khi nghe tin có linh mục ở Chợ Mới (*Chai mi*), giáo dân Bàu Gốc và Vom (*Baobam*)¹⁴⁴ cử ba vị đầu mục đến Chợ Mới mời cha Đắc Lộ về thăm họ. Tại đây, nhờ sự nhiệt tình của một giáo dân Bàu Gốc là ông Giuong Ky, nguyên là quan chức ở kinh đã bị chúa

¹⁴² Chợ Mới là một giáo điểm truyền giáo rất lâu đời bên bờ Bắc sông Trà Khúc. Nay là giáo họ Thiên Lộc thuộc giáo xứ Phú Hòa. Về hành chánh, nay thuộc thôn Lâm Lộc, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh. Chợ Mới, là nơi cha Antoine Hainques, thừa sai Paris, an nghỉ vào năm 1670.

¹⁴³ ALEXANDRE DE RHODES, *Hành trình và truyền giáo*, sđd., tr. 101.

¹⁴⁴ Theo cha Giuse Đỗ Quang Chính, hai nơi gần nhau là Bàu Gốc và Vom được cha Đắc Lộ ghi chung thành Baobam. Xem ĐỖ QUANG CHÍNH SJ, *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt*, sđd., tr. 89, chú thích 100.

Bàu Gốc là một giáo xứ lâu đời của Giáo phận Qui Nhơn. Nhà thờ Bàu Gốc (hiện còn nền) thuộc thôn Đức Vĩnh, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi; cách thành phố Quảng Ngãi 30 km về phía Tây Nam, cách quốc lộ 1 khoảng 5 km về phía Tây. Trung tâm sinh hoạt của giáo xứ ngày nay là nhà thờ Vĩnh Phú, khu vực 3, thị trấn Mộ Đức.

Vom là một giáo họ nằm bên bờ Nam sông Vệ thuộc giáo xứ Bàu Gốc. Về hành chánh, ngày nay Vom thuộc thôn Phước Sơn, xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Trong bản đồ vương quốc Đại Nam năm 1844 (trích từ bản đồ vùng Viễn Ấn (Hinter Indien) của Carl Christian Franz (1788-1874), Baobam tọa lạc bên bờ Bắc của một dòng sông ở Quảng Ngãi. Theo chúng tôi, đây là sông Vệ.

Nguyễn Phước Lan cất chức vì theo đạo, nên các tín hữu rất sốt sắng, có nhà thờ to lớn và đẹp. Mười lăm ngày (hay 18 ngày) ở Bàu Gốc và Vom,¹⁴⁵ cha Đắc Lộ ban các Bí tích và rửa tội được 300 người. Trong khi cha giải tội, ông Giêrônimô và ông Giuong Ky¹⁴⁶ dạy giáo lý cho các dự tòng. Cha ghi lại tâm tình của cha trong những ngày ở Bàu Gốc như sau:

"Thế là tôi tới Baobam. Không ngờ giáo dân tiếp đón tôi nồng hậu đến thế, không những người ở trong tỉnh mà cả những người vùng lân cận. Tôi thấy có một nhà thờ rất đẹp, khá rộng lớn và tôi cùng vào với cả đoàn thể giáo dân. Họ đói khát lời Chúa và các phép Bí tích, vì thiếu thốn từ rất lâu. Họ không để cho tôi được thông thả ăn uống hay ngủ nghỉ. Thực ra tôi rất sung sướng khi thấy họ, và cũng thật quá những gì tôi muốn nói. Ngay lúc này, viết tới đây, tôi còn nhớ đến giây phút êm đềm lúc đó và nước mắt tôi lại trào ra. Tôi coi như trên đời này không thể có một cảm xúc thấm thía hơn.

"Tôi thấy có mấy người bị tước chức cai quản thành phố chỉ vì họ là giáo dân, nhưng họ vui vẻ nhận sự mất mát đó như nhận được danh lợi lớn. Nhiều người khác dẫn trẻ em đến với tôi, mặc dầu có người chỉ có một con và lại khá giàu có nữa. Cũng có người nuôi trong nhà một kẻ nghèo khó đầy mụn dơ dáy, họ săn sóc và chiều chuộng như thể con của họ. Sau mấy tháng tôi đã rửa tội và rồi chết trong tay tôi. Tôi tưởng như thấy Ladarô nghèo khó, nhưng thực ra đầu phải là người giàu xấu xa. Tôi dành cả ngày để ngồi tòa giải tội cho đàn bà, còn suốt đêm thì dành cho đàn ông. Nhiều khi riêng tôi, tôi nghĩ đến công việc của rất nhiều linh mục không biết làm gì ở Âu châu và các vị có thể tìm thấy ở đây một công việc xứng đáng với nhiệt tâm của mình... Thế mà trong công việc này, tôi không cảm thấy mệt mỏi, không ngã bệnh. Tôi vui sướng đến nỗi không biết tôi còn ở dưới đất hay đã lên trời".¹⁴⁷

¹⁴⁵ Trong *Hành trình và truyền giáo*, cha Đắc Lộ viết: ngài ở lại Baobam 15 ngày. Xem ALEXANDRE DE RHODES, *Hành trình và truyền giáo*, sđd., tr. 103. Trong thư báo cáo năm 1641, cha Đắc Lộ viết: ngài ở lại Baobam 18 ngày. Xem *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, Avril – Juin, 1939, sđd., tr. 116.

¹⁴⁶ "Giuong Ky" là tên được ghi trong phúc trình của cha Đắc Lộ. Cha Đỗ Quang Chính so sánh và lý giải từ nhiều nguồn về tên "Giuong" và cha cho rằng đó có thể là phiên âm từ tiếng Bồ "João" = Giuong = Gioan. Như vậy Giuong Ky có thể là Gioan Ký hay Gioan Kỳ. Xem ĐỖ QUANG CHÍNH SJ, *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt*, sđd., tr. 83 và 235,

¹⁴⁷ ALEXANDRE DE RHODES, *Hành trình và truyền giáo*, sđd., tr. 102-103.

2.2.2. Ở Bến Đá (Qui Nhơn) và Phú Yên

Sau những ngày ở Bàu Gốc và Vom, cha Đắc Lộ đến Bến Đá, một giáo điểm mà Tin Mừng đã bén rễ từ năm 1625. Mười ngày ở tại Bến Đá, cha rửa tội 100 người. Ngày 29.03.1641, thứ sáu Tuần thánh, cha xuống thuyền tại Bến Đá, ra cửa Kim Bồng, đi Phú Yên.

Khi thuyền đến Bà Đài,¹⁴⁸ cha được vị quan biên phòng trông coi cửa biển, một tín hữu tên thánh bổn mạng là Bê-nê-đi-cô, đón về nhà. Cha cử hành lễ Phục sinh tại nhà ông. Theo chức năng, quan biên phòng phải báo cáo lên quan Trấn Biên về việc có linh mục Tây phương đến Bà Đài. Quan Trấn Biên cử hai quan chức đón cha Đắc Lộ về dinh và dành cho cha một ngôi nhà ở ngoại dinh để thuận tiện tiếp xúc với giáo dân. Lúc bấy giờ bà Mađalêna Ngọc Liên, vợ quan trấn, một Kitô hữu lãnh nhận Bí tích rửa tội năm 1636, đang ở phủ chúa. Khi trở về, bà mời cha Đắc Lộ dâng lễ tại nhà nguyện của bà tại dinh trấn. Cha ở lại trong dinh trấn bốn ngày, rửa tội được 90 người, trong đó có An-rê Phú Yên và người chị của quan trấn.¹⁴⁹

Trong sáu tháng, cha Đắc Lộ đã hiện diện với giáo dân từ Quảng Nghĩa đến Phú Yên, chốn biên thùy của Đàng Trong. Nơi nào cha cũng chứng kiến đức tin sốt mến và sống động của giáo dân. Cảm kích đức tin của họ, cha viết: "Những gì tôi nói về giáo đoàn *Baobam*, nơi tôi chỉ cư trú có mười lăm ngày thì cũng đã xảy ra như vậy ở hết các nơi khác trong tỉnh Quảng Ngãi, Qui Nhơn và Phú Yên. Tôi tới hết các nơi, nhưng tôi không kể hết ở đây. Tôi cho như thế cũng đủ để đoán hết những gì tôi có thể nói ở các nơi khác".¹⁵⁰

Đang mải mê công việc mục vụ, cha Đắc Lộ nhận được tin ông Nghè Bộ ở Quảng Nam đang hành hạ giáo dân, buộc các thừa sai phải ra khỏi Đàng Trong. Cha từ già Phú Yên, trở về Cửa Hàn. Khi về tới Cửa Hàn, thuyền Bồ Đào Nha đi Ma Cao đã rời bến.

¹⁴⁸ Nay gọi là vịnh Xuân Đài. Vịnh này có cửa biển Tiên Châu, cửa biển đón nước của sông Cái (sông Kỳ Lộ). Từ cửa biển này thuyền theo sông đến dinh Trấn Biên.

¹⁴⁹ Trong tác phẩm tường thuật về cái chết vinh hiển của thầy giảng An-rê Phú Yên dưới đây, cha Đắc Lộ ghi: "...độ tuổi 15, đúng ba năm trước khi chết, người mẹ lành thánh của thầy dẫn thầy đến cho tôi và chính tôi được hạnh phúc rửa tội cho thầy". ALEXANDRE DE RHODES, *La glorieuse mort d'André catéchiste de la Cochinchine, Qui a le premier versé son sang pour la querelle de Jésus Christ en cette nouvelle Eglise*, Cramoisy, Paris 1653, tr. 75-76. Căn cứ chi tiết này chúng ta biết được An-rê Phú Yên là một trong số 90 người được cha Đắc Lộ rửa tội vào năm 1641 tại nhà nguyện dinh Trấn Biên Phú Yên.

¹⁵⁰ ALEXANDRE DE RHODES, *Hành trình và truyền giáo, sđd.*, tr. 103.

Ngày 02.07.1641, cha phải xuống thuyền sang Philippines rồi từ đó về Ma Cao.¹⁵¹

2.3. Cha Đắc Lộ trở lại Đàng Trong lần thứ III (01.1642 - 07.1643)

Cuối tháng giêng 1642, cha Đắc Lộ trở lại Đàng Trong cùng với một thầy giảng. Thầy giảng này nguyên quán Đàng Ngoài, đang ở Ma Cao, tình nguyện theo giúp cha.

Cũng như lần trước, cha Đắc Lộ tận dụng thời gian được lưu lại Đàng Trong để đi thăm giáo dân từ kinh đô cho đến chốn biên thùy ở Phú Yên. Cha hạnh phúc khi chứng kiến giáo dân sốt sắng trung thành giữ vững đức tin và sự hiện diện của Thiên Chúa giữa đoàn dân Chúa. Chúa còn ban cho họ những đoàn sủng để củng cố họ. Mặc dù vui mừng vì nhìn thấy đức tin mạnh mẽ của dân Chúa, nhưng không khỏi lo lắng cho tương lai lâu dài của họ, nên cha nghĩ đến việc qui tụ các thầy giảng, lập thành tu hội có qui chế hẳn hoi.

Trước khi xuống tàu về lại Ma Cao, cha Đắc Lộ chọn ngày lễ thánh Inhaxiô (31.07.1643), tổ phụ của dòng, làm ngày khấn của các thầy. Thầy Inhaxiô được đặt làm Bề trên của tổ chức thầy giảng. Các thầy được chia làm hai nhóm: một nhóm do thầy Inhaxiô phụ trách hoạt động ở phía Bắc, từ Quảng Nam cho tới sông Gianh; nhóm thứ hai do thầy Đamasô phụ trách hoạt động ở phía Nam, từ Quảng Nghĩa đến Phú Yên. Sau khi phân công tác và ra chỉ thị để các thầy thi hành hoạt động truyền giáo trong thời gian cha sẽ vắng mặt, cha Đắc Lộ xuống tàu về Ma Cao vào tháng 09 năm 1643.

2.4. Cha Đắc Lộ trở lại Đàng Trong lần thứ IV (01.1644 - 07.1645)

Tháng giêng năm 1644, cha Đắc Lộ trở lại Đàng Trong. Cha được nghe kết quả hoạt động của các học trò của mình. Nhóm hoạt động phía Nam đã rửa tội được 293 người và còn nhiều người đã được các thầy chuẩn bị đầy đủ để chờ cha; nhóm phía Bắc rửa tội được 303 người. Với những hoa quả ấy, có thể nói giáo đoàn Đàng Trong tạm sống yên lành qua ngày.

¹⁵¹ Xem *Sdd.*, tr. 108-109.

2.4.1. Cuộc tử đạo của thầy giảng Anrê Phú Yên, Người chứng thứ nhất của Giáo Hội Việt Nam.¹⁵²

Ngày 25.07.1644, ông Nghè Bộ cho lính đến trụ sở Dòng Tên tại Hội An tìm bắt thầy Inhaxiô theo lệnh bà Tổng Thị.¹⁵³ Hôm ấy cha Đắc Lộ và thầy Inhaxiô cùng với 4 thầy khác đang đi làm việc tông đồ, thầy Anrê Phú Yên ở nhà săn sóc 4 thầy trong nhóm đang bị bệnh. Toán lính không tìm thấy thầy Inhaxiô, thầy Anrê bạo dạn nói với toán lính: "Nếu các ông muốn bắt thầy Inhaxiô thì vô ích vì Inhaxiô không có ở đây. Còn muốn bắt tôi thì rất dễ dàng, tôi là tín hữu, hơn nữa là thầy giảng. Tôi có cả hai tội mà các ông khếp cho thầy Inhaxiô để bắt thầy ấy. Nếu thầy ấy có tội thì tôi làm sao vô tội được".



Cuộc tử đạo của Thầy giảng Anrê Phú Yên

Toán lính không bỏ lỡ cơ hội, họ bắt và trói thầy Anrê như chiến hèn lành không chống cự. Thầy Anrê quyết định để cho lính bắt thầy mau chóng như thế, có thể vì thầy nghĩ rằng thầy là người em út trong nhóm thầy giảng, thầy có mất đi cũng không ảnh hưởng gì đến sinh hoạt và sự sống còn của nhóm; trong khi nếu thầy Inhaxiô, người anh cả khôn ngoan, bản lĩnh...mất đi thì sẽ ảnh hưởng lớn đến nhóm. Cha Đắc Lộ là sư phụ, là linh hồn của nhóm, nhưng sự hiện diện của cha có tính cách bấp bênh vì lệnh trực xuất của ông Nghè Bộ có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Do đó sự hiện diện của thầy Inhaxiô luôn luôn cần thiết cho anh em, cho công cuộc truyền giáo. Để cho lính bắt thầy như một "chiến lợi phẩm", điều đó có thể làm dịu đi việc truy tìm thầy

¹⁵² Xem ALEXANDRE DE RHODES, *La glorieuse mort d'André*, sdd., tr. 6-61.

¹⁵³ Tổng Thị là một dâm hậu rất ghét đạo. Bà được chúa Thượng coi như chính phi, tuy trước kia bà là vợ của anh chúa. Sau này, sang đời chúa Hiền, vì bà dùng sắc đẹp mê hoặc chúa, làm lắm điều gian ác nên đã bị án trăm quyết.

Inhaxiô, đồng thời là tiếng chuông báo động nguy hiểm cho thầy Inhaxiô, khiến thầy có thể trốn thoát. Một quyết định đầy tình nghĩa!

Quả vậy, trong lúc tấn bi kịch xảy ra tại Hội An thì Cha Đắc Lộ và các thầy giảng sắp vào dinh trấn thăm hữu nghị ông Nghè Bộ. Vừa lúc ấy, ý Chúa nhiệm mầu sai khiến ông Horace Massa, một thương gia người Ý chạy đến cấp báo cho cha biết sự việc xảy ra tại Hội An. Cha vội vàng cho các thầy giảng trở về tìm nơi ẩn núp. Còn thầy Anrê đã chọn hy sinh, quên mình, làm hướng đi và thầy đã trung thành đến hơi thở cuối cùng với lựa chọn của mình.

"Hãy giữ nghĩa cùng Chúa Giêsu cho đến hết hơi, cho đến trọn đời" là lời thầy Anrê nhắc đi nhắc lại như một lời trối cho những người thầy gặp được trên đường ra pháp trường. Cha Đắc Lộ kể lại những giây phút cuối cùng của thầy giảng Anrê Phú Yên khi hoàn thành cuộc đời vào chiều 26.07.1644: "Tôi mê hồn nhìn thấy người thanh niên diễm phúc kia, lúc ấy quỳ gối, và đã bị đâm ba lần ở sau lưng, chẳng những không ngã quỵ, mà lại không hề lay chuyển; thầy được vững mạnh như vậy trong ơn thánh sung nâng đỡ thầy; thầy vẫn luôn luôn không chuyển động, và tôi thấy diện mạo của thầy không mất chút nào về vẻ bình thản cũng như về màu sắc... Người thanh niên thánh thiện này vẫn không ngớt đọc Thánh Danh Chúa Giêsu; ngay khi đầu của thầy đã rời khỏi cuống họng, và nằm ngả trên vai bên phải, tôi nghe thấy rõ ràng tên cực trọng Giêsu phát ra từ vết thương nơi cổ, cùng một giọng giống hết như từ cửa miệng phát ra lúc trước; tôi nghe thấy thể rất rõ ràng và tất cả những người gần tôi lúc ấy đều nói như vậy, vừa vui mừng, lại vừa kinh ngạc. Thánh Danh Giêsu không thể phát ra từ miệng thầy nữa, thì lại phát ra từ trái tim thầy, ngay đang lúc thôi đập, để tỏ rằng trái tim này dầu có chết, cũng còn giữ mãi Thánh Danh kia, và khi không thể dùng miệng lưỡi mà ca ngợi Danh Thánh Giêsu được, thì thầy dùng chính vết thương mình mà ca ngợi Danh Chúa..."¹⁵⁴

2.4.2. Tình nghĩa nối kết giáo dân ở phủ Qui Nhơn cùng tuyên xưng đức tin vào năm 1645

Cái chết của thầy Anrê, một tín hiệu báo trước cuộc thương khó của giáo đoàn cứ mỗi ngày một lan rộng ra. Cha Đắc Lộ viết lại tình hình những ngày tháng ấy tại Qui Nhơn: "Khi giáo dân tỉnh Qui Nhơn nghe tin thầy Anrê tử đạo, họ không chùn chân khi bị bắt mà còn thêm

¹⁵⁴ *Sdd.*, tr. 55-56.

can đảm chống lại kẻ hung hãn. Tôi giao việc quản trị giáo đoàn cho một giáo dân tên là Antôn Ngừ. Ông này nóng lòng sốt ruột muốn được triều thiên như Anrê, ông lên đường đến hỏi tôi xem phải làm gì trong trường hợp này. Tôi phái ông về ngay để uỷ lạo giáo dân chuẩn bị chiến đấu bất cứ ở chỗ nào có đe dọa bắt đạo.

"Ông hớn hờ ra về và thi hành cặn kẽ điều tôi răn bảo, làm cho mọi giáo dân được sửa soạn đặc biệt đón thù địch tấn công. Mấy ngày sau, quan trấn phái một quan tòa hình sự tới. Ông vào đây truyền cho giáo dân đến khai, nếu không khai mà bị khám phá thì sẽ bị trừng trị.

"Tuồng lệnh này làm cho các chiến binh của Chúa sợ hãi không ai dám ra khai vì sợ bị phạt. Nhưng ông hết sức ngỡ ngàng thấy giáo dân lũ lượt kéo đến để ghi danh: trong chưa đầy một ngày, đã có bảy trăm và mỗi lúc mỗi thêm người mới. Quan tòa không dám đi xa hơn, vì nhận thấy cuộc lung bắt này chẳng được lợi ích gì, chỉ thêm bẽ bàng.

"Ông muốn rút lui, nhưng thấy mình đã lấy danh dự mà làm thì liệu chọn trong số đó ba mươi sáu người, bắt trói lại và điệu tới tỉnh Quảng Nam nơi có ông Nghè Bộ đang chờ. Ông này cũng rất sùng sốt chẳng kém gì thuộc hạ mình, khi thấy toán ba mươi sáu giáo dân ra trình diện và cương quyết không nhượng bộ, tuy bị đe loạ tra khảo.

"Thế là ông cũng không đủ can đảm lấy khẩu cung, nên giao cho một người khác tra xem họ muốn sống hay nhất định chết. Tất cả đều đáp: chúng tôi muốn sống nhưng sống muôn đời ngàn kiếp Chúa đã hứa cho kẻ tin Người và để được sự sống này, chúng tôi vui lòng chết. Ông còn tra hỏi nhiều điều khác, nhưng chỉ nhận được những câu trả lời can đảm, làm cho ông thất vọng vì không sao làm cho giáo dân đổi quyết định.

"Thế nhưng trong số ba mươi sáu đầy tớ Chúa, có một Giuđa hèn nhát chối bỏ. Đó là một ông già rất giàu có và rất quyền thế. Ông không can đảm như ba mươi lăm người đồng đạo. Họ rất buồn bực thấy người anh em, người bạn rời bỏ Thầy và thủ trưởng vì sợ chết và sợ mất của cải. Người khốn nạn đã từ chối đức tin. Từ đó tôi cố gắng gặp lại ông để đưa về đường chính nghĩa, nhưng tôi không bao giờ tìm được cách để gặp, vì lương dân canh giữ ông, sợ ông lại thoát một lần nữa.

"Kẻ bỏ đạo hèn nhát ấy càng làm cho giáo dân can tràng kiên trì trong việc xưng đức tin và cũng vì đức tin mà họ mong được chết để làm người chứng đức tin Chúa Kitô. Quan trấn thấy võ lực mình dùng đã vượt quyền chúa ban và sợ chúa cho việc giết giáo dân là việc xấu

nên chỉ dùng đe dọa làm cho sợ mà thôi. Ông định sẽ chọn sáu người trong số ba mươi lăm, truyền đánh đờn công khai giữa chợ Quảng Nam, tưởng như vậy làm cho người khác hãi sợ. Trong khi chờ ngày mai sẽ chọn thì ông cho nhốt tất cả trong ngục suốt đêm.

"Khi được tin sự việc xảy ra, tôi tìm cách mua chuộc lính gác để tôi vào ngục đã trở thành như thiên đàng. Ba mươi lăm người chúng vừa thấy tôi vào thì liền quỳ xuống đất cảm tạ Thiên Chúa là Cha sinh ánh sáng ban cho chúng tôi tia sáng đẹp để trong bóng tối đêm đen và tù ngục. Rồi sau khi ôm nhau vui mừng, tôi dẫn giải các việc phải làm trong dịp này, bởi vì một là mất hết hai là được hết.

"Mọi người đều xưng tội và dự thánh lễ, rước lễ tự tay tôi. Nổi vui mừng trong dịp này thật là khôn tả bởi vì thuộc về bản thể cõi trời mà đây mới chỉ là ấn tượng đầu, những tiền vị. Sau khi đã uỷ lạo họ thì tôi rút về vào tầng sáng.

"Mấy giờ sau, quan trấn phái một viên quan tới ngục để chọn sáu trong ba mươi lăm người bị mang gông mà chúng tôi thường gọi là thánh giá Đàng Trong, để rồi đem ra đánh đờn rất tàn nhẫn trước mặt toàn tỉnh. Và đây là cuộc chiến đấu đẹp nhất xứ Đàng Trong chưa bao giờ thấy: ba mươi lăm giáo dân thương nhau như anh em và đồng tâm nhất trí, nay tranh giành nhau, không sao đi tới thỏa thuận được, tuy họ liên kết với nhau trong tình mến Chúa.

"Tất cả đều muốn là sáu kẻ người ta chọn, và không ai muốn nhường cho ai, bởi vì như thế thì không được vinh quang chịu đau khổ. Đây là điều gây chia rẽ rất thân thương, vì không ai muốn thoát cực hình. Có người nại lý do là bốn đạo cũ, người khác vì có sức lực hơn, người khác nữa vì không cần thiết cho Giáo Hội. Cuối cùng ai cũng gán cho đồng sự có công trạng để được vinh quang chịu hành hình.

"Viên quan thấy vậy, không biết phải tức giận hay phì cười. Hoặc là phải chiều ý mọi người, bắt tất cả chịu, tức là phạt tất cả, hoặc là tha tất cả, không hành hạ họ nữa. Nhưng khi thấy hai cha con nhà kia cũng tranh giành nhau thì ông thấy đức khôn ngoan của giáo dân có những luật lệ chưa bao giờ nghe thấy. Người cha tha thiết nói với con là mình bờ ngõ thấy con tranh ưu tiên với mình, tuy mình sức yếu hơn nhưng can trảng hơn. Còn con cung kính đáp rằng mình ít cần cho đời bằng cha, vì cha phải nuôi cả gia đình, vì thế mình có thể tranh với cha và không vâng lời cha mà không có lỗi. Cả hai cha con đều muốn nhận gông cùm và kéo nhau tới quan để lãnh. Nhưng viên quan tòa

thích thú về cuộc xung đột, ông làm vừa ý cả hai cha con, nghĩa là không theo ý ai cả, ông tha cho cả hai cha con. Ông bỗng thấy lòng quảng đại do đức tin Kitô hữu gây nên.

"Ông liền chọn sáu người khác. Người thứ nhất là Antôn Ngừ tôi đã nói ở đầu chương này. Người ta bắt đeo gông, rồi dẫn cả sáu người ra khu chợ để trừng trị. Độc giả thấy cảnh trái ngược này: hai mươi chín người ra về không phải chịu hình phạt thì mặt mày ủ rũ và chân bước chậm rãi, còn những người cổ đeo gông thì nhanh nhẹn như có cánh. Khi tới trước mặt quan tòa, họ chờ nhận án tử hình mong muốn từ lâu.

"Nhưng họ bỗng ngỡ vì người ta chỉ phạt đòn và trượng ở chợ Hội An. Họ còn rất không bằng lòng khi thấy lính thi hành lệnh đã động lòng xót thương và chỉ thi hành cho có lệ thôi. Chúng chỉ đánh cho mỗi người bốn năm trượng rồi thả tất cả về.

"Cả sáu người đều tới tìm tôi, phàn nàn vì các quan và thuộc hạ xử nhẹ quá. Tôi an ủi rằng: khi có ý thành thật trước mặt Chúa thì kẻ là Chúa đã nhận rồi và có lẽ trận nhỏ này là một ước thử chuẩn bị cho cuộc sống xung kích lớn hơn, lúc đó sẽ tỏ hết lòng trung tín của mình ra".¹⁵⁵

2.4.3. Những ngày tháng cuối cùng của cha Đắc Lộ ở Đàng Trong

Sau khi thầy Anrê Phú Yên tử đạo và các tín hữu ở phủ Qui Nhơn bị bách hại, cha Đắc Lộ cũng nhận lệnh của ông Nghè Bộ phải ra khỏi Đàng Trong. Bỏ giáo đoàn đang trong tình cảnh đau thương lúc này là việc cha không nỡ. Cha vẫn lên thuyền Bò Đào Nha để đi Ma Cao trước sự chứng kiến của nhiều quan chức. Tuy nhiên khi thuyền ra khơi, cha xuống thuyền nhỏ chờ sẵn và trở vô đất liền. Ấn binh bắt động một thời gian, ngày 15.09.1644, thầy Inhaxiô dẫn đầu một nhóm về công tác mục vụ phía kinh đô, cha Đắc Lộ dẫn một nhóm về phía Nam. Ông Phêrô Lao, một giáo dân nhiệt tình sẵn sàng chèo thuyền đưa cha và các thầy giảng tá túc dọc theo ven biển Quảng Nghĩa và Qui Nhơn. Lễ Giáng sinh năm 1644, cha cử hành thánh lễ tại nhà ông Nicôla Hảo, một giáo dân ở một thôn làm nghề muối, được cha Buzomi rửa tội năm 1619, trong thánh lễ này cha rửa tội 22 người.¹⁵⁶ Tình trạng sống chui, ban ngày kinh nguyện, ban đêm thăm viếng chỉ được vài tháng rồi cũng bị phát hiện. Cha Đắc Lộ bị bắt ở

¹⁵⁵ ALEXANDRE DE RHODES, *Hành trình và truyền giáo, sđd.*, tr.152-156.

¹⁵⁶ Xem *Sđd.*, tr. 160-161.

Qui Nhơn,¹⁵⁷ sau đó được tha. Ngày 15.02.1645, cha và các thầy giảng rời khỏi Qui Nhơn, đi Hội An.

Ngày 01.06.1645, cha và các thầy giảng bị bắt trên đường hướng về Quảng Bình. Chính chúa Nguyễn Phúc Lan kết án tử cho cha, nhưng được quan thái sư của chúa can thiệp, nên chúa cải án tử thành án trục xuất.¹⁵⁸ Ngày 17.06.1645, cha bị áp giải về Hội An để chờ tàu về Ma Cao. Hai mươi hai ngày bị quản thúc tại nhà ông Phanxicô, một Nhật kiều Công giáo, cha vẫn tìm cách gặp giáo dân và rửa tội được 92 người.¹⁵⁹

Ngày 03.07.1645, cha phải lên tàu về Ma Cao, vĩnh viễn xa cách đất Việt. Xa mặt chữ không cách lòng, cha viết: "Thân xác tôi rời bỏ Đàng Trong, nhưng linh hồn tôi thì không, cả Đàng Ngoài cũng không kém".¹⁶⁰ Trong chuyến trở về Ma Cao, cha đã đem theo thi hài của thầy giảng Anrê Phú Yên và đặt trong nhà thờ Dòng Tên.¹⁶¹ Khi trở về Âu châu, cha đã mang theo thủ cấp của thầy sang Rôma và đặt tại nhà mẹ Dòng Tên cho đến nay.

2.4.4. Cha Đắc Lộ vận động bổ nhiệm Giám mục cho Đại Việt

Cha Đắc Lộ từ Đàng Trong về tới Ma Cao vào ngày 23.07.1645. Cha muốn trở lại Đàng Trong, nhưng án tử của chúa Thượng đã dành cho cha khiến Bề trên không thể cho cha trở lại. Cha được Tỉnh Dòng chọn làm đại diện cho Tỉnh Dòng tham dự Đại hội đại biểu của Dòng tại Rôma. Ngày 27.06.1649, cha tới Rôma. Ngoài việc tham dự Đại hội, cha còn dành thời gian ưu tiên cho việc vận động xin Tòa Thánh bổ nhiệm Giám mục cho nước Đại Việt để cai quản các giáo đoàn đã lớn mạnh và cũng để đào tạo hàng giáo sĩ bản xứ.¹⁶²

¹⁵⁷ Xem *Sđđ.*, tr. 176.

¹⁵⁸ Xem *Sđđ.*, tr. 188.

¹⁵⁹ Xem *Sđđ.*, tr. 194-196.

¹⁶⁰ *Sđđ.*, tr.198.

¹⁶¹ "Hài cốt thầy giảng Anrê Phú Yên vẫn được gìn giữ cẩn thận tại đó cho đến năm 1835. Ngày 26 tháng giêng năm ấy, nhà thờ Thánh Mẫu của Dòng Tên bị hỏa tai thiêu hủy hoàn toàn chỉ để lại mặt tiền trợ trợ, nay là một thắng cảnh du lịch của tỉnh Áo-môn. Trong lúc hỏa hoạn, may mắn thay người ta đã chạy được hài cốt các vị Tử đạo, song vì hoảng hốt nên để lẫn lộn cả. Từ ấy đến nay, hài cốt vị Tử đạo tiên khởi Việt Nam vẫn được giữ tại nhà thờ Chánh tòa Giám mục Áo-môn trong phòng nguyện Thánh Thể, cùng với di tích các vị Tử đạo Nhật-bản, đựng trong mười tám cái bình sứ, không phân biệt riêng được của vị nào". PHẠM ĐÌNH KHIÊM, *Người Chứng Thứ Nhất*, *sđđ.*, tr. 181-182.

¹⁶² Xem ALEXANDRE DE RHODES, *Hành trình và truyền giáo*, *sđđ.*, tr. 262-263.

Ở Rôma ba năm (1649-1652) cha đã trình lên Tòa Thánh ba thỉnh nguyện thư: thỉnh nguyện thư thứ nhất ngày 02.08.1650, thỉnh nguyện thư thứ hai ngày 06.03.1651 và thỉnh nguyện thư thứ ba vào tháng 05.1652.¹⁶³ Tòa Thánh nhận các thỉnh nguyện thư nhưng chưa tìm được giải pháp và nhân sự phù hợp cho vùng truyền giáo "ở tận cùng trái đất" đang còn dưới sự bảo trợ của Bồ Đào Nha. Đức Giáo Hoàng muốn đặt chính cha làm Giám mục tại nước Việt, nhưng cha đã từ chối. Sự từ chối của cha trước hết là do đức khiêm nhường, sau nữa là vì cha đã bị cả chúa Trịnh lẫn chúa Nguyễn trục xuất và kết án nặng, nên khó có thể trở lại. Ngoài ra còn một lý do tế nhị khác: cuộc vận động của cha mang tính cách mạng đối với chế độ "bảo trợ truyền giáo" của người Bồ Đào Nha, vì vậy cha sẽ gặp phải sự hiềm khích của nhà cầm quyền và các thương nhân Bồ Đào Nha.

Ngày 11.09.1652, cha rời Rôma để đi Pháp theo lệnh của Tòa Thánh và Bề trên Cả Dòng Tên, để tìm kiếm ứng viên Giám mục cho nước Việt và những linh mục sẵn sàng đi đến cánh đồng truyền giáo phi nhiêu này, đồng thời cũng để tìm nguồn tài trợ vật chất cho công cuộc truyền giáo tại đó. Hơn hai năm ở Pháp, cha đã thu lượm nhiều dấu hiệu tích cực, hạt giống cha gieo đã nảy mầm, tuy nhiên vẫn chưa gặt hái được. Trong bối cảnh như thế, cha nhận lệnh của Bề trên Cả: lên đường truyền giáo ở Ba Tư. Ngày 16.11.1654, mặc dù đã ngoài 60 tuổi, cha đã khởi hành từ cảng Marseille đi Ba Tư và sau 6 năm truyền giáo, ngày 16.11.1660 cha đã qua đời tại Ispahan, kinh đô của Ba Tư thời ấy. Tuy nhiên, trước khi qua đời, nguyện vọng của cha về việc bổ nhiệm Giám mục cho nước Việt đã được Tòa Thánh thực hiện.¹⁶⁴

3. CÁC THỪA SAI DÒNG TÊN ĐẾN ĐÀNG TRONG SAU CHA ĐẮC LỘ ¹⁶⁵

Trong thời gian còn ở tại Ma Cao trước khi về Âu châu, cha Đắc Lộ thỉnh nguyện cha Manuele de Azevedo, Bề trên kinh lược Tỉnh Dòng, cho thừa sai khác đến Đàng Trong để chăm sóc đàn chiên đang cơn khốn khó. Tuy nhiên, vì lệnh trừng phạt của chúa Thượng "đang nóng" nên các thương gia Bồ e ngại không dám đưa các thừa sai đến Đàng Trong. Phải đợi gần một năm sau, ngày 06.02.1646, cha

¹⁶³ Xem ĐỖ QUANG CHÍNH, SJ. *Hai Giám mục đầu tiên, sđd.*, tr. 57.

¹⁶⁴ Xem *Sđd.*, tr. 91.

¹⁶⁵ Xem METELLO SACCANO, *Relation des progrès de la foi au royaume de la Cochichine en années 1646 et 1647*, Cramoisy, Paris 1653. Bản dịch của cha De Machault.

Baltasar Caldeira và cha Metello Saccano xuống tàu ở Ma Cao, sau 5 ngày thuận buồm xuôi gió, hai cha cập bến Cửa Hàn.

Thuyền trưởng Bồ Đào Nha đưa hai cha đến yết kiến chúa Thượng. Chúa Thượng tiếp đón niềm nở nhưng không đồng ý cho hai thừa sai được ở lại. Thấy vậy, quan Cai bạ tâu trình chúa Thượng, đại ý như sau: lệnh của chúa đã được thi hành, đạo trưởng Đắc Lộ đã về Ma Cao, cha Cả ở Ma Cao (cha Manuele de Azevedo, Bề trên kinh lược Tỉnh Dòng) cử hai đạo trưởng đến dâng lễ vật cho chúa Thượng, đạo trưởng Metello Saccano không biết tiếng nói của chúng ta, vậy chúa Thượng có thể cho đạo trưởng này ở lại mà không sợ việc truyền bá tả đạo cho dân chúng. Cuối cùng chúa Thượng cho cha Metello Saccano ở lại, còn cha Baltasar Caldeira phải qua Cao Miên.¹⁶⁶

Tuy được phép ở lại Đàng Trong, chủ yếu ở Hội An, nhưng cha Metello Saccano cần phải cần trọng. Cha dùng chiếc ghe chài như bao ghe chài khác của ngư dân trong vùng để làm nơi sinh hoạt. Cha nhờ các thầy giảng sắp xếp, bố trí lịch sinh hoạt, gặp gỡ giáo dân. Ban đêm, nơi chiếc ghe này, cha ban các Bí tích cho giáo dân. Những nơi cha không thể đến, cha gởi bài để đọc trong các ngày Chúa nhật và ngày lễ trọng. Cha Metello Saccano lấy làm cảm kích khi chứng kiến cảnh giáo dân sống trong thử thách nhưng đức tin bền vững và nhiệt thành. Cha viết thư cho Bề trên Cả vào ngày 16.06.1646: "...chưa bao giờ thấy như thế ở châu Âu".¹⁶⁷ Ở Phú Yên một bà cụ đã khuyên được 31 bệnh nhân đón nhận Chúa, trong số đó có một người thuộc giới quan lại. Sau khi được bình phục, ông từ già chốn quan trường để ở nhà giữ đạo.

Trong lúc đang ẩn mình hoạt động, cha Saccano được Bề trên Tỉnh Dòng ở Ma Cao gởi thêm thừa sai, cha viết: "Tôi đang chờ tàu từ Ma Cao tới có đem theo cha Carolo Rocca mà mọi người rất mong đợi ở trong khu truyền giáo sâu khổ này, vì bị đe dọa cầm tù và xử tử sau vụ cấm đạo ở Nhật. Cho tới nay, nhà chúa chưa dám sát hại những

¹⁶⁶ Cha Baltasar Caldeira truyền giáo ở Đàng Ngoài từ 1639 đến 1644 nên cha biết tiếng Việt. Cha Metello Saccano (1612-1662) có học tiếng Việt với cha Đắc Lộ ở Ma Cao, có thể vốn tiếng Việt chưa phong phú nên cha không dùng tiếng Việt khi yết kiến chúa Thượng. Hơn nữa đây là lần đầu tiên cha đến Đàng Trong với tính cách một người Âu châu chưa quen biết người Việt. Tháng 07 năm 1648 cha bị trục xuất khỏi Đàng Trong; ngày 26.02.1652, cha trở lại Đàng Trong; ngày 19.07.1654, cha về Ma Cao; sau đó trở lại Đàng Trong và qua đời tại cánh đồng truyền giáo Đàng Trong vào ngày 17.08.1662. Xem ĐỖ QUANG CHÍNH, SJ., *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt*, sdd., tr. 98-107.

¹⁶⁷ Sdd., tr. 107-108. Xem chú thích 120.

người của chúng ta, nhưng hình như cũng chẳng xa; tôi cầu mong Thiên Chúa ban cho ơn trọng đó, điều tôi ao ước ở đây là giữ cho giáo đoàn này được bằng an thịnh trị hết sức có thể để chờ thời thuận lợi hơn, xin Thiên Chúa nhân từ vô hạn đoái thương chúng tôi. Xin cha Bê trên nhớ tới người bạn thân của ngài và tất cả xứ Đàng Trong trong thánh lễ, chúng tôi rất cần đến. Từ xứ Đàng Trong, ngày 21.09.1646. Người bày tôi nơi Thiên Chúa, Metello Saccano, S.J".¹⁶⁸

Cuối năm 1646, cha Carlo della Rocca đến Đàng Trong. Cha được chúa Thượng cho ở lại với cha Saccano, nhưng cuối năm 1647, hai cha đều bị chúa Thượng trục xuất.¹⁶⁹ Ròng rã sáu năm, giáo đoàn Đàng Trong được Đấng Chấn Chiên vô hình trực tiếp chăm sóc. Ngày 26.02.1652, cha Saccano trở lại Đàng Trong, có thêm cha Pedro Marques.¹⁷⁰ Hai cha chỉ hoạt động trong âm thầm ở Cửa Hàn và Hội An. Ngày 19.07.1654, hai cha về lại Ma Cao dự Đại hội Tỉnh Dòng.

Năm 1655, cha Pedro Marques trở lại Đàng Trong, có thêm cha Francesco Rivas (Ý). Năm 1658, cha Ignace Baudet (Pháp) và cha Domenico Fuciti (Savoie) đến Đàng Trong. Trong những năm này, có lúc giáo dân được tự do đến gặp các cha, nhưng các cha vẫn không được ra ngoài khu vực Cửa Hàn và Hội An. Với tinh thần trách nhiệm lãnh đạo giáo đoàn Đàng Trong, cha Rivas liêu mình đi thăm giáo dân. Cha tìm cách đến tận phủ chúa ở Dinh Cát. Tại đây cha có dịp chữa lành vết thương cho quan cố vấn của chúa Hiền là Nguyễn Phúc Tần. Cha được chúa Hiền cấp năm lính hộ vệ đi đến tận Phú Yên. Nhiều giáo điểm đã hơn 20 năm không được thừa sai đến thăm viếng nên số giáo dân bị giảm sút. Tuy nhiên số còn trung thành giữ đạo không phải ít. Trong chuyến đi, cha Rivas đã xúc dầu cho 60 bệnh nhân và giải tội cho độ 300 người.

¹⁶⁸ JEAN MARACCI, *Tường trình về xứ Đàng Ngoài, Đàng Trong, Cao Miên và Lào*, Bản Pháp văn, Cramoisy, Paris 1651, Hồng Nhuệ dịch và chú thích, Paris 1989.

¹⁶⁹ Xem ĐỖ QUANG CHÍNH, SJ., *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt, sđđ.*, tr. 108.

¹⁷⁰ Cha Pedro Marques còn gọi là Marques junior để phân biệt với cha Pedro Marques quốc tịch Bồ (1577-1657), trước đây đã từng ra vào làm việc tại Đàng Trong. Cha Marques junior sinh năm 1613 tại Nagasaki, thân phụ là người Bồ, thân mẫu là người Nhật. Cha Marques junior làm việc tại Đàng Trong từ năm 1652-1654 rồi về Ma Cao, cuối năm 1655 trở lại Đàng Trong, năm 1665 bị trục xuất khỏi Đàng Trong.

4. SỐ THỪA SAI DÒNG TÊN LÀM VIỆC TẠI ĐÀNG TRONG TỪ NĂM 1615 ĐẾN 1659

Từ khi các thừa sai Dòng Tên đặt chân đến Đàng Trong vào năm 1615 và thành lập ba cư sở tại Nước Mặn, Hội An và Dinh Chiêm, cánh đồng truyền giáo tại đây ngày càng mở rộng, nên từ Ma Cao các thừa sai lần lượt được gửi đến phục vụ. Sau đây là con số thừa sai được gửi đến Đàng Trong từ năm 1615 đến năm 1659.¹⁷¹

Năm đến	Số thừa sai	Ghi chú
1615	03	
1616	01	
1617	01	
1618	04	
1620	02	
1621	03	
1622	01	
1624	07	
1625	01	
1627	02	
1637	01	Sau 10 năm
1640	01	Từ 1640-1645, cha Alexandre de Rhodes ra vào Đàng Trong 4 lần
1641	01	
1646	03	
1652	01	
1655	01	
1658	03	1615-1658: 36 thừa sai

Thống kê trên đây cho thấy con số thừa sai Dòng Tên được gửi đến Đàng Trong từ ngày 18.01.1615 cho đến ngày 09.09.1659, ngày Tòa Thánh thiết lập hai Giáo phận Tông tòa đầu tiên tại Đại Việt, là 36 vị. Sau 44 năm với 36 vị ở Đàng Trong và sau 32 năm với 44 vị ở Đàng Ngoài,¹⁷² các thừa sai đã kế tục nhau hợp sức dọn đất, cấy bừa, gieo giống để có được ngày đánh dấu mốc son lịch sử cho Giáo Hội Việt Nam.

¹⁷¹ Xem *Sđd.*, tr. 555-556.

¹⁷² Xem *Sđd.*, tr. 559-563.

CHƯƠNG IV

PHƯƠNG CHÂM VÀ PHƯƠNG PHÁP HOẠT ĐỘNG TRUYỀN GIÁO

Với số 36 thừa sai ra vào làm việc trên một miền đất xa lạ từ năm 1615 đến năm 1659, có khi chỉ có một thừa sai, có khi cả 10 năm không có bóng dáng một thừa sai nào. Tuy nhiên, với phương châm "Ad maiorem Dei gloriam - Cho vinh danh Thiên Chúa hơn" của Dòng Tên và do biết ứng xử, vận dụng nếp sống văn hóa của người Việt, các thừa sai đã gặt hái được nhiều kết quả.

1. AD MAIOREM DEI GLORIAM

Các thừa sai Dòng Tên có nhiều quốc tịch khác nhau nhưng chỉ có một chí hướng, một mục tiêu "Ad maiorem Dei gloriam". Với châm ngôn ấy, các ngài đã xắn tay áo, lao vào việc chinh phục và phục vụ các linh hồn. Cha Christoforo Borri, thừa sai làm việc tại Nước Mặn kể lại câu chuyện 'cá độ' không vì tư lợi hay mục đích nào khác mà chỉ vì "Ad maiorem Dei gloriam", chỉ vì các linh hồn:

"Bây giờ đến việc riêng có liên quan tới vụ nguyệt thực xảy ra ngày 09.12.1620 vào 11 giờ thiên văn, nghĩa là một giờ trước nửa đêm. Vào chừng thời gian này tôi đang ở Nước Mặn thuộc tỉnh Qui Nhơn có một viên quan cai quản khu chúng tôi ở... Một lần ông đến thăm chúng tôi, mấy ngày trước khi xảy ra nguyệt thực, chúng tôi có dịp bàn về việc đó. Theo ông thì ông quả quyết là sẽ không có và ông cực lực phản đối lời chúng tôi, mặc dầu chúng tôi đã cho ông thấy sự thực bằng cách tính toán của chúng tôi và cả cách thức nguyệt thực sẽ xảy ra, chúng tôi đã vẽ hình trong sách. Nhưng không thể nào làm cho ông tin được. Ông rất cố chấp và quả quyết là theo tục lệ, nếu có nguyệt thực thì chúa đã cho biết trước một tháng trong toàn cõi. Theo tục lệ, bây giờ chỉ còn tám ngày cho tới thời chúa nói mà vẫn chưa có sắc lệnh ban hành trong nước, như thế là một biểu hiệu hiển nhiên không thể có. Mà vì ông vẫn cứ cố chấp chủ trương khác những điều chúng tôi nói, nên ông thách đố chúng tôi, ai thua thì phải mất cho người được một cái áo dài là thứ áo bằng lụa. Chúng tôi vui lòng thỏa thuận như thế, nếu chúng tôi thua, thì chúng tôi bằng lòng biếu ông chiếc áo dài, còn nếu chúng tôi được thì thay vì áo dài, ông phải đến

nghe giáo lý tám ngày trong nhà chúng tôi và nghe những gì thuộc về đạo thánh của chúng tôi. Ông đáp: tôi bằng lòng và không những thế còn tin theo Kitô giáo nếu quả thực tôi thấy có nguyệt thực, và hơn nữa, ông nói: nếu những sự bí ẩn ở trên trời như các thiên thực, các cha hiểu biết xác đáng và chắc chắn, còn hiểu biết chúng tôi chỉ là sai lầm, thì sẽ không sai, đạo của các cha và sự hiểu biết về Thiên Chúa thật, không thể không đích đáng và đạo của chúng tôi hoàn toàn sai lầm. Thời điểm có nguyệt thực mà chúng tôi tiên đoán đã đến, ban tối viên tướng lãnh đến nhà chúng tôi, đem theo nhiều học trò và kẻ hay chữ để chứng kiến những gì sẽ xảy ra, nhưng vì nguyệt thực chỉ bắt đầu từ 11 giờ thiên văn, nên trong thời gian đó tôi đi đọc kinh nguyện, tôi cũng nhớ quay trở đồng hồ cát chừng một giờ trước. Nhưng họ đến gọi tôi như có vẻ thách thức ra coi nguyệt thực, họ cho rằng tôi lui vào nhà trong không phải để đọc sách nguyện mà để che giấu sự hổ thẹn vì thực ra không xảy ra. Họ rất ngỡ ngàng thấy tôi trả lời rất quả quyết là chưa tới giờ và phải kiên tâm một chút cho đến khi đồng hồ cát của tôi đến giờ, cái đồng hồ mà họ nhìn ngắm như một đồ vật từ ở thế giới bên kia rơi xuống. Và khi tôi bước ra ngoài, tôi cho họ thấy vòng mặt trăng không hoàn toàn tròn vào lúc bắt đầu có nguyệt thực như nó phải tròn, rồi tôi dần tới dần, thế là sáng tỏ sự thật như tôi đã tiên đoán. Viên tướng lãnh và các văn nhân đều ngạc nhiên về sự việc xảy ra, tức thì họ truyền lệnh cho người ta từ các nhà đổ ra và từ khắp các phố phường được tin có nguyệt thực, mọi người chạy ra để khua chuông đánh trống và làm các nghi lễ như thường lệ để cứu mặt trăng gặp cơn nguy khốn... Thế là viên tướng lãnh giữ lời hứa, không những xin làm người Kitô hữu với tất cả gia quyến, mà còn nhiều người khác trong khu vực, cả những người thông thái và trí thức nhất trong tỉnh với những người có thế giá khác nữa."¹⁷³

Cũng chỉ vì "Ad maiorem Dei gloriam" và vì các linh hồn, cha Borri tâm sự khi lâm cảnh khốn khổ vì quan phủ Qui Nhơn, người bảo trợ, đã qua đời: "Tiền trợ cấp để nuôi sống chúng tôi không còn..., chúng tôi lâm vào cảnh khốn khổ, nếu có ai trong chúng tôi bị bệnh, chúng tôi không dám mời thầy thuốc tới 'giác' vì không có tiền để trả. Dù rằng chúng tôi đang sống giữa những người hay giúp đỡ những kẻ lâm cảnh khốn khổ, nhất là giúp thực phẩm như chúng tôi đã nói trên, tuy nhiên chúng tôi không xin giúp đỡ, vì nếu xin giúp đỡ như thế, chúng tôi sẽ đánh mất việc chinh phục các linh hồn. Có thể họ sẽ nói

¹⁷³ CHRISTOFORO BORRI, *Relazione della nuova missione, sdd.*, tr. 182-185. *Tường trình về Khu truyền giáo, sdd.*, tr. 102-103.

rằng chúng tôi đến xứ này không phải để loan báo Tin Mừng Chúa Kitô, mà là tìm kiếm nhu cầu cần thiết cho thân xác của mình qua sự giúp đỡ của quan phủ".¹⁷⁴

Cha Đắc Lộ cũng tâm sự: "Chúng tôi không đòi hỏi gì ở họ, ngay khi họ muốn dâng cúng, chúng tôi đều từ chối, mặc cho họ giận dữ, bởi vì nếu chúng tôi bằng lòng, thì có gì họ cũng đem cho chúng tôi hết. Nhưng rồi họ cũng vui lòng, vì đó là một bằng chứng họ khôn khéo dùng để thuyết phục lương dân. Họ thường nói: 'Tại sao các cha muốn lừa dối? Các cha từ rất xa xôi tới, chịu nhiều vất vả và khó nhọc, không nhận gì của chúng ta. Đó là những người có tài có đức, có tiền có của nơi sinh quán, các cha sẽ được gì nếu lừa dối chúng ta? Phải nói là Chúa đã thúc đẩy các cha và điều các cha giảng là có thật'. Với lý luận đó tôi chắc họ chinh phục được khá nhiều lương dân".¹⁷⁵

Sau 14 năm vắng bóng ở Đàng Trong, tháng 02 năm 1640, cha Đắc Lộ nhập cảnh Đàng Trong trong lúc lệnh trục xuất các thừa sai đang được thi hành triệt để. Chỉ vì các linh hồn, cha dốc hết số tiền mang theo để mua quà tiến chúa Thượng. Số tiền ấy được Bề trên chu cấp để trang trải đời sống trong một năm, chứ không phải để mua quà biếu. Thật là liều mạng. Nhờ cái "liều" ấy cha có được cái "lều" tạm trú hợp pháp ở Đàng Trong cho đến khi thương thuyền Bồ Đào Nha nhổ neo về Ma Cao. Tuy cha được hoạt động hợp pháp trong một thời gian ngắn ngủi nhưng yên ủi dân Chúa biết bao.¹⁷⁶

2. ỨNG XỬ, VẬN DỤNG NẾP SỐNG VĂN HÓA CỦA NGƯỜI VIỆT

Ngày nay người ta hay nói đến việc hội nhập văn hóa như một phương thế để rao giảng Tin Mừng cho các dân tộc, nhất là các dân tộc ngoài lục địa châu Âu. Tuy nhiên, đây chính là điều các thừa sai ngày xưa đã thực hiện tại nước Việt và nhờ đó công cuộc truyền giáo đã đạt được nhiều kết quả tốt đẹp và lâu bền.

2.1. Vận dụng tinh thần trọng tình để tạo nền cho công tác tông đồ giáo dân

Một khi có người đón nhận Tin Mừng, các thừa sai vừa giúp họ nắm bắt thấu đáo chân lý đức tin, vừa truyền đạt cho họ kinh nghiệm

¹⁷⁴ *Sđđ.*, tr. 153.

¹⁷⁵ ALEXANDRE DE RHODES, *Hành trình và truyền giáo*, *sđđ.*, tr. 78-79.

¹⁷⁶ Xem *Sđđ.*, tr. 91.

về Chúa. Sau khi họ đã có xác tín đức tin Kitô giáo và có kinh nghiệm về Chúa, họ được tin tưởng, được quý mến, được qui tụ để làm những cánh tay nối dài của các thừa sai trong công cuộc loan báo Tin Mừng, đặc biệt là các thầy giảng. Các thừa sai đã kể cho chúng ta biết bao kết quả thu lượm được nhờ việc tin tưởng, đào tạo giáo dân đạo đức, khơi động họ thể hiện tinh thần huynh đệ, trọng tình qua công tác tông đồ giáo dân. Cha Đắc Lộ xác nhận: "Một phần lớn thành quả thu lượm được ở xứ này là nhờ họ".¹⁷⁷

2.1.1. Các thầy giảng

Tháng 07 năm 1625, dưới quyền chủ tọa của cha kinh lý Gabriel de Matos, các thừa sai có cuộc nhóm họp, để quyết định về vấn đề các thầy giảng, vấn đề nghi lễ và danh từ tôn giáo. Hội thầy giảng đã được các cha Dòng Tên thành lập tại Mexico cả thế kỷ trước và đã đóng vai trò trọng yếu trong việc truyền giáo cho người bản xứ. Thánh Phanxicô Xaviê cũng đã dùng các thầy giảng bản xứ trong công cuộc truyền giáo tại Ấn Độ và Nhật Bản. Sự cộng tác của các thầy giảng, tức là các giáo lý viên bản xứ, đã trở thành như một phương thức mà hầu như tất cả các thừa sai Dòng Tên nào cũng phải theo.

Đối với Đàng Trong, theo cha Matos cho biết, ý cha Bê trên Giám tỉnh chưa muốn các thừa sai dùng những người tân tòng bản xứ cộng tác vào công việc truyền giáo, có lẽ vì sợ họ chưa đủ trình độ. Tuy nhiên, theo ý cha Buzomi, trong số các tân tòng người Việt có nhiều người đã được huấn luyện đầy đủ và trở thành những người cộng tác rất đắc lực và cần thiết, với vai trò là những thầy giảng. Thực tế cho thấy các thầy đã đem lại nhiều thành quả lớn lao, và vị trí của các thầy nhiều lúc không thể thay thế. Các thầy được ví như tay chân của các thừa sai, thay mặt các thừa sai đi đến những nơi mà các thừa sai chưa thể đến được. Các thầy còn là tai mắt của các thừa sai, chỉ cho các ngài biết những gì phải tránh, giúp các ngài tìm hiểu tiếng nói và phong tục. Các thầy hiểu rõ tâm tính của người dân, những quan niệm sống và cả những mê tín dị đoan của họ, nhờ đó các thầy có thể trình bày giáo lý hợp với trình độ của họ, với những hình ảnh thực tế rút ra từ cuộc sống của người dân.¹⁷⁸

¹⁷⁷ *Sđđ.*, tr. 78.

¹⁷⁸ Xem LM. NGUYỄN HỒNG, *Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam*, quyển I: *Các thừa sai Dòng Tên 1615-1663*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội 2009, tr. 76-77.

Chính cha Buzomi đã khởi sự thành lập hội thầy giảng tại Đàng Trong. Trong số mười tân tông được cha ban Bí tích rửa tội tại nhà thờ Cửa Hàn dịp lễ Phục sinh năm 1615 có Augustinô, một thanh niên tân tông thiện chí, theo giúp cha. Cha Daniello Bartoli cho rằng Augustinô là thầy giảng đầu tiên của tổ chức thầy giảng ở Đàng Trong cũng như ở Đàng Ngoài.¹⁷⁹ Điều đó rất đúng, bởi vì sau thời gian học tiếng ở Đàng Trong, năm 1626 cha Đắc Lộ được lệnh về Ma Cao để chuẩn bị lên đường truyền giáo tại Đàng Ngoài vào năm 1627. Tại đây cha đã thành lập hội thầy giảng như một "tu hội" có lời khấn. Sau này khi trở lại Đàng Trong (1640-1645), cha Đắc Lộ đã tiếp tục hoàn thiện hội thầy giảng do cha Buzomi sáng lập 24 năm trước đó, theo mô hình của Đàng Ngoài. Cha muốn đào tạo hội này như một "chủng viện". Vì thế, cha Gaspar d'Amaral trong thư gửi Bê trên Cả, viết từ Ma Cao ngày 21.11.1645, đã gọi cha Đắc Lộ là "đáng sáng lập chủng viện" ở Annam. Chính hội thầy giảng là nền tảng của hàng giáo sĩ địa phương đầu tiên tại Đại Việt. Và cũng không nghi ngờ gì là chữ Quốc ngữ và sách giáo lý bằng tiếng bản xứ được hoàn thiện phần lớn là nhờ các thầy giảng.

Quả vậy, các thầy giảng là những tông đồ giáo dân góp phần thành công không nhỏ trong công cuộc truyền giáo, trong số này có ba người được diễm phúc tử đạo và một trong ba người này là Anrê Phú Yên. Cha Đắc Lộ kể:

"Giáo dân vẫn sốt sắng như mấy năm về trước. Vì thế tôi không nói gì riêng ở đây, nhưng tôi không thể không nói tới ơn Chúa ban cho tôi và đồng thời kích động mười người trai trẻ hợp tác với tôi trong việc giảng đức tin cho dân xứ này. Tất cả đều ở nhiều tỉnh khác nhau mà tới, nhưng họ chỉ có một tâm hồn thuộc về Chúa và hoàn toàn tận tụy với Giáo Hội. Trong số đó có ba người Chúa dành cho phúc tử đạo: Anrê từ tỉnh Phú Yên tới tìm tôi, Inhaxiô con nhà sang trọng, vì là quan tòa, thông minh, rất thông thạo chữ Hán, nhất là rất nhân đức, một vị thánh đích thực, gốc ở tỉnh phía Bắc, sau khi chịu phép rửa tội thì không muốn rời tôi, và thực ra tôi được gặp Inhaxiô thì không lấy gì làm sung sướng hơn.

"Người thứ ba là Vincentê, từ lâu nài xin tôi cho vào số những người khác. Thân phụ anh là một giáo dân đạo cũ ở tỉnh Quảng Ngãi,

¹⁷⁹ Xem DANIELLO BARTOLI, *Dell' Istoria della Compagnia di Gesù, sdd.*, vol.17, terza parte, libro terzo, tr. 127.

ông đã đem đến trình tôi, mặc dầu anh là cột trụ nâng đỡ gia đình và cây gậy của tuổi già.

"Cả bảy người khác thì cũng tương tự như ba người trên. Tất cả chúng tôi cùng nhau đi khắp các tỉnh, các làng các xã ở Đàng Trong. Thiên Chúa phù hộ ban ơn giúp đỡ chúng tôi và số giáo dân trong một thời gian ngắn đã thêm được hơn một ngàn".¹⁸⁰

2.1.2. Những tông đồ giáo dân tiêu biểu khác

Năm 1618, quyển sách giáo lý đầu tiên bằng tiếng Đàng Trong được soạn tại Nước Mặn.¹⁸¹ Tác giả chính của cuốn sách là cha Pina và một người thanh niên người Việt, mười sáu tuổi, tên thánh bốn mạng là Phêrô, cùng làm việc với cha.¹⁸²

Cha Buzomi đã đào tạo anh Augustinô thành người thông ngôn tin cậy của cha. Cha đã thuê một gia sư dạy anh. Anh đã được học về ngôn ngữ và về các giáo phái. Bây giờ anh là ngôi sao tại Nước Mặn. Cũng tại đây, cha Buzomi có được hai hay ba ông sãi giúp cha làm mọi việc. Nếu có chuyện gì xảy ra phải giải quyết hoặc những thông tin quan trọng cần phải công bố, cha cử anh thông ngôn hoặc một trong các ông sãi; khi giờ giáo lý kết thúc, cha ra về, còn họ thì ở lại hoặc để ôn tập, hoặc để chuyện trò với các dự tông.¹⁸³

Trong số những người được rửa tội năm 1625 tại Nước Mặn, có cụ tiến sĩ thường gọi là ông Nghè Chiêu (*Chiếu, Chiếu ?*) với tên thánh Inhaxiô. Trong các vị sư sãi và nho gia đón nhận Tin Mừng, cụ "Saihien" (*Sãi Hiên, Hiên, Hiên, Hiên, Hiên ?*) là người có ảnh hưởng trong cả vùng. Từ khi còn trai trẻ, cụ đã có đời sống tu hành khổ hạnh, được dân chúng quý mến. Cha Buzomi đã tiếp cận và giảng giải Tin Mừng cho cụ. Cụ đã vượt qua những dị nghị và đã theo Chúa.¹⁸⁴

Ở cách xa Nước Mặn,¹⁸⁵ có một ông sãi từng tham gia trong việc đặt nền móng cho một ngôi đền ở Nước Mặn, ông không hài lòng khi

¹⁸⁰ ALEXANDRE DE RHODES, *Hành trình và truyền giáo, sđd.*, tr. 117.

¹⁸¹ Xem FRANCESCO EUGENIO, "Lettera Annuale del Collegio di Macao l'anno 1618", trong *Lettere Annue del Giappone, sđd.*, tr. 401.

¹⁸² Xem ROLAND JACQUES, *Các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha, sđd.*, tr. 85.

¹⁸³ Xem ROLAND JACQUES, *Công cuộc truyền giáo tại Quảng Nam năm 1623 và vấn đề ngôn ngữ: Bức thư của Francisco de Pina*, Định Hướng số 42, Trung tâm văn hóa Nguyễn Trường Tộ, Mùa Xuân 2005.

¹⁸⁴ Xem DANIELO BARTOLI, *Dell' Istoria della Compagnia di Gesù, sđd.*, vol.17, terza parte, libro terzo, tr. 336-337.

¹⁸⁵ Cha Bartoli không nói rõ địa điểm ông sãi cư trú.

nghe các đạo sư danh tiếng, ngay cả thầy Tư Bình đã đuổi lý cha Buzomi trong các cuộc tranh luận về tôn giáo. Ông quyết định đến Nước Mặn để tranh luận với cha. Dù không thành công khi tranh luận, nhưng ông không tự ái. Ông trở về nhà và đón nhận chân lý Tin Mừng, lãnh nhận phép rửa và chọn thánh Đamianô làm bổn mạng. Từ đó, ông nhiệt tình truyền giáo cho người trong vùng và dựng một nhà nguyện mới.¹⁸⁶

Cha Đắc Lộ kể: "Trong tỉnh Quảng Ngãi, tôi gặp một giáo dân tên là Matthêô. Ông sốt sắng hết mực đề khuyên lương dân trở lại đạo và giúp đỡ giáo dân. Ông thu được nhiều kết quả tốt đẹp, tuy ông không thông thái, không giàu có, nhưng rất nhiệt thành và được ơn riêng làm phép lạ, chữa đủ thứ bệnh và cho một người chết sống lại. Đây là một phần tôi nghe được qua những người đáng tin cậy.

"Có một thanh niên con nhà gia giáo ở tỉnh Baobam bị bệnh gần chết. Cha mẹ rất thương con vì là con một, đã hết sức chữa chạy và cậy các lương y cùng các phép phù thủy dị đoan. Nhưng sau khi thấy không cứu được con thì đành chạy đến xin thuốc của giáo dân. Ông Matthêô biết cậu thanh niên rất thông thạo chữ Hán và hy vọng nếu anh khỏi thì anh có thể giúp chinh phục lương dân, ông liền đi tới nhà anh với những liều thuốc thông thường: nước phép và một ảnh thánh giá. Thấy bệnh nhân gần tắt thở, nhưng ông không thất vọng. Ông bắt đầu đọc kinh cầu hồn rồi đọc kinh cứu sống thân xác và thấy anh hầu như sắp qua đời, ông liền làm phép rửa tội cho anh. Tức thì bệnh nhân mở mắt và thấy mình hoàn toàn khỏi bệnh và đứng dậy ngay. Cả gia đình cùng cả tỉnh đều sung sướng. Có mấy người xin theo đạo. Còn người bệnh này từ đó hằng tỏ lòng biết ơn vì đã được một phép lạ hiển nhiên.

"Một lần khác, ông Matthêô cũng được mời tới thăm một em gái bệnh nặng nhưng đã chết trước khi ông tới. Ông thấy cô bé không còn tỏ ra dấu hiệu gì sống nữa từ mấy giờ đồng hồ rồi và điều làm ông buồn bực là cô bé đã chết khi chưa được chịu phép rửa tội. Nhưng người tôi trung của Chúa liền sốt sắng đọc kinh, xin Chúa cho cô bé sống thêm ít ra mấy phút thôi để có thời giờ chịu phép rửa tội và hưởng phúc thiên đàng. Lời ông cầu đã được Chúa nhận. Cô bé từ nửa ngày nay không động đậy, không còn sống, liền mở mắt ra và cứ mở như thế để như ra hiệu cho biết có thể rửa tội cho mình được. Ông Matthêô hớn hở thi hành. Vừa hết nghi thức thì cô bé khép mắt lại và chết êm ái, sau khi nhận được thông hành bảo đảm về thiên quốc. Sau cùng, tôi không nói tới nhiều sự lạ khác Chúa đã thương làm qua người

¹⁸⁶ Xem *Sđđ.*, tr. 359-361.

tôi trung của Chúa, Người đã làm rất nhiều. Có nhiều lương dân ngoan cố nhất cũng đã cảm phục và xin chịu phép rửa.

"Tại một nơi khác trong tỉnh Quảng Ngãi, có một giáo dân tên là Anrê, Chúa cho ông ơn chữa bệnh giống như tôi đã kể. Không những chỉ giáo dân mới nhận thấy hiệu quả chữa bệnh mà cả lương dân cũng nhận thấy, đến nỗi khi họ đau bệnh, họ liền tới nhà Anrê như tới một bệnh xá. Việc xảy ra rất thường, không ai trong xứ này nghi ngờ nữa. Có thể nói nhà ông thành một bệnh viện lớn, nơi hết các bệnh nhân được nhận và được khỏi".¹⁸⁷

Ở Phú Yên, với sự nhiệt tình của mình, ông Antôn đã đem về cho Chúa nhiều người.¹⁸⁸ Ngoài ra, cũng tại Phú Yên, có một thầy lang nổi tiếng, nhưng còn nổi tiếng là giáo dân tốt nữa tên là Emmanuel. Ông chăm sóc thân xác và linh hồn giáo dân cũng như lương dân và ông thường khuyên họ tin theo đạo thật. Đặc biệt có một phụ nữ nhân đức tên là Maria Mađalêna, vợ quan trấn thủ,¹⁸⁹ làm nhiều việc thiện trong tỉnh Phú Yên. Bà còn sáng lập một bệnh viện để săn sóc tất cả giáo dân và người tân tòng bị chứng bất trị. Trong đám bệnh nhân có mấy người cùi sẵn sàng chịu phép rửa tội, để được sạch trong linh hồn. Mỗi ngày người ta giảng dạy những điều cần thiết để chuẩn bị chịu phép Bí tích ban ơn thánh. Có mấy bôn đạo cũ đến giúp và dự vào việc giáo huấn.¹⁹⁰

Bà Maria Mađalêna, vợ quan trấn thủ được cha Đắc Lộ nói đến chính là Ngọc Liên công chúa, trưởng nữ của chúa Sãi là Nguyễn Phúc Nguyên. Bà lãnh nhận Bí tích rửa tội vào năm 1636 tại Phú Yên.¹⁹¹ Trường hợp bà theo Chúa được sử liệu kể lại: "Lúc ấy tại Phú Yên, trước sự hiện diện của quan Trấn Biên Phú Yên, xảy ra một cuộc tranh luận giữa một giáo hữu nhiệt thành tên là Hiêrônimô và một trí thức ngoại giáo. Vị trí thức ấy không đủ khả năng đáp lại câu nào. Quan Trấn Biên rất ái mộ đạo thánh nhưng ông không thể theo được vì ông không thể bỏ các bà vợ thứ của ông. Tuy nhiên, ông cho phép bà vợ cả theo đạo, nếu bà muốn. Bà vợ cả liền theo đạo. Chúng tôi hy vọng bà sẽ

¹⁸⁷ ALEXANDRE DE RHODES, *Hành trình và truyền giáo, sđd.*, tr.118-119.

¹⁸⁸ Xem DANIELLO BARTOLI, *Dell' Istoria della Compagnia di Gesù, sđd.*, vol.18, terza parte, libro quarto, tr. 198-199.

¹⁸⁹ Dinh Trấn Biên Phú Yên được chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên thành lập năm 1629, giao cho con rể là phó tướng Nguyễn Phúc Vinh, chồng của Ngọc Liên. Vị trí dinh thuộc thôn Bình Thạnh, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên ngày nay.

¹⁹⁰ Xem ALEXANDRE DE RHODES, *Hành trình và truyền giáo, sđd.*, tr. 104-106.

¹⁹¹ Xem PHẠM ĐÌNH KHIÊM, *Người Chứng Thứ Nhất, sđd.*, tr. 51, chú thích 1.

động viên ông theo đạo".¹⁹² Điều các thừa sai hy vọng chưa được xảy ra, nhưng bà là một Kitô hữu rất nhiệt tình và là chỗ dựa của cộng đoàn tín hữu Phú Yên. Nhờ bà, năm 1641, cha Đắc Lộ được trú ngụ tại dinh Trấn Biên Phú Yên bốn ngày, tại đây cha ban Bí tích rửa tội cho 90 người, trong đó có Anrê Phú Yên.¹⁹³

Câu chuyện kể trên cho thấy trước khi bà vợ quan Trấn Biên theo đạo, Phú Yên đã có một số tín hữu cốt cán, đức tin mạnh mẽ, do các thừa sai từ Nước Mặn đến truyền bá đức tin. Giai đoạn đầu có cha Buzomi, cha Borri, cha Pina, cha Leira, cha Majorica, cha Fontes, cha Luis... và một số tu huynh thừa sai, trong đó cha Buzomi là một thủ lĩnh năng nổ. Các cha đã để lại nhiều cảm tình cho những người các cha tiếp xúc từ giới quan chức, trí thức, sư sãi, thầy thuốc, dân dã và đã đem lại cho Chúa nhiều người mà sử liệu chỉ ghi lại tên thánh bổn mạng như Antôn, Tôma, Bêêđictô...¹⁹⁴

Bà Maria Mađalêna Minh Đức Vương Thái Phi, một nữ tông đồ giáo dân ở Thuận Hóa, nơi đặt phủ chúa, được cha Đắc Lộ ghi nhận: "Bà là điểm tựa của giáo đoàn này. Gương của bà và thế giá của bà đã giúp rất đắc lực trong việc chinh phục lương dân và duy trì lòng nhiệt thành nơi những kẻ chịu phép rửa... Trong tư dinh của bà có một nhà nguyện rất đẹp. Trong những vụ bắt bớ gắt gao nhất, nhà nguyện đó vẫn không lay chuyển, hằng ngày bà tới đó cầu nguyện và thường mở cửa để chứa chấp các tín hữu trong tỉnh. Bà vẫn điều khiển giáo đoàn mà không ai dám phản đối. Bà còn dùng lời lẽ khôn ngoan khiển trách để chinh phục mấy người lương dân có thế giá, trong số đó có mấy người thuộc họ nhà chúa. Ngày nay bà vẫn là nơi trú ẩn cho hết các cha và không có giáo dân nào mà bà không giúp đỡ về hết những gì có thể làm được".¹⁹⁵

2.2. Ứng xử, thích nghi với hoàn cảnh và môi trường xã hội

Có nhiều thuận lợi để loan báo Tin Mừng cho người Việt nhưng không thiếu những thách đố. Các thừa sai bị trục xuất nhiều lần vì những lý do khác nhau. Các ngài phải trốn lánh và kiên trì vào ra, lui

¹⁹² LÉOPOLD CADIÈRE, "Une princesse chrétienne à la cour des premiers Nguyên : Madame Marie", trong *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, Avril-Juin 1939, Document XX, tr. 113-114.

¹⁹³ Xem ALEXANDRE DE RHODES, *La glorieuse mort d'André*, sđd., tr. 75-76.

¹⁹⁴ Xem DANIELLO BARTOLI, *Dell' Istoria della Compagnia di Gesù*, sđd., vol. 18, terza parte, libro quarto, tr. 69-72, 198, 200.

¹⁹⁵ ALEXANDRE DE RHODES, *Hành trình và truyền giáo*, sđd, tr. 57-58

tới vùng truyền giáo như những điệp khúc. Các ngài rất hy sinh. Hy sinh bánh mì người Âu châu để ăn cơm với người Việt, ở nhà tranh vách đất như người dân Việt. Một thừa sai có thể phụ trách cả một giáo đoàn rộng lớn, không mấy lúc được nghỉ ngơi, nhiều đêm thức trắng liên tiếp dạy giáo lý, giải tội, yên ủi giáo dân. Tất cả một đời hy sinh vô bờ bến.

Bên cạnh lòng hy sinh đó, các thừa sai không hề nghĩ đến việc trục lợi cho mình, cho dòng mình hay cho quốc gia mình. Trong các bản tường trình hay các sách để lại, chúng ta không hề thấy đã động đến vấn đề quốc gia của các ngài. Tất cả cho dân Việt, không pha trộn chính trị trong vấn đề tôn giáo. Hơn nữa, các ngài rất chịu khó đồng hóa với người Việt để tìm hiểu văn hóa, phong tục, tính tình, hòa mình với nếp sống Việt, thích ứng đạo lý với trình độ tinh thần và tình trạng xã hội của người Việt.

Ngay từ lúc đầu, các thừa sai đã tận dụng tinh thần trọng trường và lòng hiếu khách của người dân Việt, nên giới trí thức và giới quan quyền cũng như người dân cần cù đều được các thừa sai tiếp cận, làm quen, tạo thân thiện, qua đó Tin Mừng được loan báo. Tuy nhiên, bất đồng ngôn ngữ là một cản trở rất lớn đối với các hoạt động này. Để khắc phục, trước hết các thừa sai tận dụng những thông ngôn, cho dù họ chỉ biết lèo tèo một số từ thương mại để giao dịch trong mua bán. Song song với việc tận dụng thông ngôn, các thừa sai còn đào tạo nhân sự và tìm mọi cách Latinh hóa tiếng Việt.

3. VẬN DỤNG CHỮ NÔM TRONG VIỆC TRUYỀN BÁ ĐỨC TIN

Tại Đàng Trong lúc bấy giờ, chữ Hán vẫn được dùng trong những văn bản chính thức của nhà Nguyễn, tuy nhiên bên cạnh đó còn có chữ Nôm do người Việt tạo ra dựa theo cách viết của chữ Hán, nhưng được đọc theo âm tiếng Việt và với nghĩa đặc biệt của tiếng Việt, do đó nó trở thành chữ viết của người Việt. Để chuyển tải sứ điệp Tin Mừng, các thừa sai vừa dùng chữ Hán, vừa vận dụng chữ Nôm. Quyển sách giáo lý đầu tiên được soạn thảo tại Nước Mặn vào năm 1618 là quyển sách đạo đầu tiên bằng chữ Nôm. Bản báo cáo thường niên năm 1618 cho thấy các thừa sai Dòng Tên ở cư sở Nước Mặn đã soạn một quyển sách giáo lý bằng chữ Nôm.¹⁹⁶

¹⁹⁶ Xem FRANCESCO EUGENIO, "Lettera Annuale del Collegio di Macao...l'anno 1618", trong *Lettere Annue del Giappone*, sdd., tr. 401.

3.1. Cha Girolamo Majorica

Nói đến sách phục vụ cho việc truyền bá đức tin được viết bằng chữ Nôm, phải nói đến cha Girolamo Majorica, một thừa sai hàng đầu biên soạn loại sách này. Cha Majorica đến Đàng Trong vào cuối năm 1624,¹⁹⁷ học tiếng Việt tại Nước Mặn.¹⁹⁸ Cha làm việc truyền giáo ở Nước Mặn và Phú Yên. Năm 1628 cha được lệnh rời Đàng Trong để đi Nhật. Tuy nhiên điều kiện thiên nhiên không thuận lợi, nên cha quay lại Đàng Trong. Vì tình hình lúc bấy giờ các thừa sai không được phép cư trú ở Đàng Trong, cha phải hoạt động âm thầm. Năm 1629, cha cùng với cha Buzomi, thầy Torres và ba giáo lý viên đến Chiêm Thành. Đoàn bị Chiêm Thành bắt giữ. Sau khi được tha, ngày 19.10.1631, cha lên đường đến Đàng Ngoài và làm việc ở đó cho đến khi qua đời, ngày 27.01.1656. Cha đã để lại 48 quyển sách đạo bằng tiếng Nôm,¹⁹⁹ một thành quả mà cha đã bắt đầu "khởi nghiệp" tại Nước Mặn.

3.2. Gioan Thanh Minh (1588-1663)

Gioan Thanh Minh, một cách gọi được giáo sư Võ Long Tê giải thích: "Về nhà văn này, có sách chép là João Ketlâm, có sách chép là João Vuang. Ketlâm là quê quán của người mẹ, một địa danh mà chúng ta chưa tìm được vị trí trong bản đồ Việt Nam. João là tên thánh viết theo lối Bồ Đào Nha tức là Gioan. Thanh Minh là sinh quán, một xã tại quận Bình Sơn, tỉnh Quảng Nghĩa. Nay chúng ta gọi nhà văn này là Gioan Thanh Minh gồm tên thánh và sinh quán, là theo một lối gọi thuần túy dân tộc, vừa xưng tước hiệu vừa nhắc nhở đến quê hương như kiểu chúng ta vẫn gọi Nguyễn Khuyến là Tam nguyên Yên Đỗ, Nguyễn Công Trứ là Uy Viễn tướng công".²⁰⁰

Ông là người con trong một gia đình quan chức và có tiếng là văn hay chữ tốt. Năm 1622, lúc được 34 tuổi, ông gia nhập Kitô giáo. Ông và bà vợ của ông được một thầy giảng lớn tuổi dạy giáo lý và được cha Manoel Fernandez ban Bí tích rửa tội. Sau khi vợ ông qua đời, ông gia nhập đoàn thầy giảng và giúp nhiều người nhận biết

¹⁹⁷ Thư cha Buzomi viết ngày 12.06.1625 tại Nước Mặn gửi cho Bề trên dòng, ARSI, JAP-SIN 68, fl. 36.

¹⁹⁸ Cùng năm này, cha Alexandre de Rhodes và cha Antonio de Fontes học tiếng Việt tại Dinh Chiêm; cha Gaspar Luis và cha Girolamo Majorica học tiếng Việt tại Nước Mặn.

¹⁹⁹ Xem VÕ LONG TÊ, *Lịch sử Văn học Công giáo Việt Nam*, cuốn I, Nxb. Tư Duy, Sài Gòn 1965, tr. 172.

²⁰⁰ *Sđđ.*, tr. 180-183.

Chúa. Ông cũng là người dạy cho các thừa sai về ngôn ngữ Đàng Trong. Năm 1629, cha Fernandez ẩn trú tại nhà ông khoảng sáu tháng để tránh lệnh trục xuất của chúa Sãi.²⁰¹

Ông là một thi sĩ Công giáo, viết nhiều thi phẩm về Chúa và các thánh bằng chữ Nôm, có thể kiểm đếm được 15 thi phẩm. Những thi phẩm của ông đã gợi hứng cho nhiều người trong xứ được ơn nhận biết Chúa. Chính chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan cũng khen ngợi khi nghe ngâm những thi phẩm của ông.²⁰² Trong số các thi phẩm của ông, cha Philipphê Bình cho rằng *Tam Phụ* là một thi phẩm rất hay.²⁰³ Thi phẩm cuối cùng của ông được viết về sự chay tịnh của Chúa Giêsu trong sa mạc.²⁰⁴

Khi đã biết Chúa, ông dùng tài năng của mình để phụng sự Chúa. Ông là một trong những mô hình tông đồ giáo dân nòng cốt đem lại nhiều kết quả trong công cuộc truyền giáo. Ông đã tuần đạo cùng với ba Kitô hữu khác vào ngày 02.05.1663.²⁰⁵

4. SÁNG TẠO CHỮ QUỐC NGỮ

Bất đồng ngôn ngữ là một trở ngại lớn trong việc tiếp cận và truyền giáo cho người Việt. Chắc chắn các thừa sai phải tìm cách giải quyết vấn đề hệ trọng này. Tác giả thư báo cáo thường niên năm 1619

²⁰¹ Xem *Sdd.*, tr. 181. ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine 1658-1823. Documents historiques III, 1771-1823*, P. Téqui, Paris 1925, tr. 510. Ở đây tên của ông được viết là Jean Vuang hay là Jean Ke-tlam. Theo sử gia linh mục DANIELLO BARTOLI, *Dell' Istoria della Compagnia di Gesù, sdd.*, vol. 18, terza parte, libro quarto, tr. 218: Trong lúc ẩn trú, cha Fernandez phụ trách hai thành phố (Caitlân và Cacican), cách nhau hai ngày đi bộ. Mỗi nơi đều có nhà nguyện ở Pulocambi và Cacican. Căn cứ những chi tiết này chúng ta xác định được Cacican chính là Cacham hay Dinh Cham, Dinh Chiêm ở Quảng Nam; còn Caitlân mà cha Bartoli viết ở đây mặc dù chưa thể xác định vị trí chính xác, nhưng thuộc lãnh thổ truyền giáo của các thừa sai ở cư sở Pulocambi gồm Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên ngày nay, Caitlân cách Cacham hai ngày đi bộ, như thế Caitlân thuộc huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi như giáo sư Võ Long Tê xác định là hợp lý. Theo đường quốc lộ 1A, khoảng cách từ thôn Dinh Chiêm, xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam đến thị trấn Châu Ổ, tỉnh Quảng Ngãi là 86,8 km.

²⁰² Xem ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine, III, sdd.*, tr. 520.

²⁰³ Xem ĐỖ QUANG CHÍNH SJ., *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt, sdd.*, tr. 43. Ở đây tên của ông được cha Bình viết là João Kêtlão.

²⁰⁴ Xem VÕ LONG TÊ, *Lịch sử Văn học Công giáo, sdd.*, tr. 182.

²⁰⁵ Xem ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine, III, sdd.*, tr. 515.

cho biết "các thừa sai Dòng Tên ở Nước Mặn là những người đầu tiên chuyên tâm nghiên cứu ngôn ngữ hơn bất cứ điều gì khác".²⁰⁶

Trong thư của cha Joaõ Roiz viết bằng tiếng Bồ Đào Nha vào năm 1621 tại Ma Cao gởi cho cha Mutio Vitelleschi, Bề trên cả Dòng Tên tại Roma, báo cáo về Đàng Trong, cha Joaõ Roiz xác nhận năm 1620 tại Đàng Trong đã có hai thừa sai nói thạo tiếng Việt đó là cha Pina và cha Borri.²⁰⁷ Sử gia linh mục Daniello Bartoli cho biết vào năm 1623, cha Pina và cha Buzomi là những thừa sai đã nắm bắt được ngôn ngữ thông dụng của Đàng Trong.²⁰⁸

Việc thông thạo tiếng Việt của các thừa sai trước hết phải được hiểu là các ngài có thể nghe và hiểu tiếng nói của người Việt, tiếp đến là hiểu chữ viết đương thời của người Việt là chữ Nôm, một ngôn ngữ do người Việt tạo ra: về cách viết thì dựa theo chữ Hán nhưng đơn giản hóa, về cách đọc thì theo ngôn ngữ nói của người Việt lúc ấy chứ không phải phát âm theo Hán tự. Tuy nhiên chữ Nôm vẫn còn khá phức tạp và khó học chẳng những đối với các thừa sai Âu châu mà còn đối với đa số dân chúng người Việt. Vì vậy các thừa sai nghĩ đến cách Latinh hóa tiếng Việt, theo cách các thừa sai đã làm khi còn ở bên Nhật. Thế là các ngài đã dựa vào cách phát âm của người Việt rồi dùng những mẫu tự Latinh để tạo ra chữ viết mới, sau này được cả nước đón nhận và biến thành chữ Quốc ngữ cho đến ngày nay. Trong việc sáng tạo chữ viết mới này có sự cộng tác của những tín hữu người Việt, nhất là những người có học thức. Trước khi cha Đắc Lộ có công định hình cho chữ Quốc ngữ, thì ba thừa sai tại Nước Mặn là các cha Buzomi, Pina và Borri phải được coi như những người tiên phong trong việc sáng tạo chữ Quốc ngữ.

4.1. Cha Francesco Buzomi

Thư cha Pina viết năm 1623 cho biết năm này cha Buzomi vẫn còn dùng thông ngôn. Cha Đắc Lộ cho biết khi cha đến Đàng Trong (cuối năm 1624), cha Buzomi phải dùng thông ngôn.²⁰⁹ Thật vậy, đối

²⁰⁶ JOÃO RODRIGUES GIRÃO, *Annua de Cochinchina de 1619*, ARSI, IS 71, Residência de Nuocman da Provincia de Pulocamby, fl. 008v, dòng 493-495.

²⁰⁷ Xem JOÃO ROIZ, *Annua de Cochinchina do anno de 1620*, ARSI, IS. 72, fl. 3r. Dẫn theo Đỗ Quang Chính, *Lịch sử chữ Quốc ngữ 1620-1659*, Ra Khơi, Sài Gòn 1972, tr. 79, chú thích 1.

²⁰⁸ Xem DANIELLO BARTOLI, *Dell' Istoria della Compagnia di Gesù, sdd.*, vol.17, libro terzo, tr. 328.

²⁰⁹ Xem ALEXANDRE DE RHODES, *Hành trình và truyền giáo, sdd.*, tr. 55.

với một ngôn ngữ, khả năng nghe, nói, đọc, viết của mỗi người có nhiều cấp độ khác nhau. Hơn nữa sự cẩn trọng của cha Buzomi khiến cha phải dùng thông ngôn. Điều này được sử gia linh mục Bartoli giải thích: "Khi cha không đủ tự tin vào khả năng ngôn ngữ của mình để rao giảng chân lý đức tin, cha dùng thông ngôn, người mà trước đó đã được cha đào tạo vững vàng về kiến thức đức tin để có thể giải nghĩa cho dân chúng. Trước tiên cha cố gắng diễn đạt bằng ngôn ngữ của mình, sau đó thông ngôn người Đàng Trong nói lại bằng ngôn ngữ Đàng Trong của anh bằng những từ diễn đạt chính xác ý nghĩa, nói được như bản sao của bản chính".²¹⁰

Tuy nhiên, trong thư viết năm 1626, cha Buzomi đã viết một vài chữ Quốc ngữ. Cha Đỗ Quang Chính nhận định về những chữ Quốc ngữ của cha Buzomi trong thư này: "Nhìn vào những chữ Quốc ngữ của Buzomi, mặc dầu ít, nhưng đã thấy tiến triển, nếu đem so sánh với lối viết của João Roiz, Borri, Đắc Lộ, Gaspar Luis và Antonio de Fontes từ năm 1626 trở về trước". Quả vậy, cha Buzomi viết một thư tại Nước Mặn đề ngày 20.05.1622, trong thư cha viết *Thienchu*, nhưng trong thư năm 1626 cha viết *Thien Chu*, cách viết theo lối cách ngữ giống như ngày nay.²¹¹

Với tư cách là Bề trên Cư sở Nước Mặn và miền truyền giáo Đàng Trong, cha Buzomi triển khai chỉ dẫn các thừa sai của hội dòng, tạo thuận lợi, đôn đốc, giám sát công việc nghiên cứu ngôn ngữ của cha Pina và cha Borri. Qua việc đôn đốc và giám sát, cha Buzomi đã tham gia việc nghiên cứu và sáng tạo chữ Quốc ngữ cùng với cha Pina và cha Borri. Điều này cũng gợi mở cho chúng ta thấy được vai trò của cha Buzomi trong việc chuyên tâm nghiên cứu ngôn ngữ hơn bất cứ điều gì khác của các thừa sai tại Nước Mặn trong giai đoạn 1618-1619.²¹² Cha Daniello Bartoli (1608-1685), nhà sử học Dòng Tên, cho biết cha Buzomi đã cố gắng nghiên cứu, học hỏi, biên soạn ngữ vựng và văn phạm tiếng Đàng Trong.²¹³ Rất tiếc, tài liệu cha Buzomi biên soạn hiện nay chưa được tìm thấy. Cũng chính sử gia linh mục Daniello Bartoli cho biết vào năm 1623, cha Pina và

²¹⁰ DANIELO BARTOLI, *Dell' Istoria della Compagnia di Gesù, sdd.*, vol.17, libro terzo, tr. 126.

²¹¹ Xem ĐỖ QUANG CHÍNH, *Lịch sử chữ Quốc ngữ, sdd.*, tr. 38.

²¹² Xem ROLAND JACQUES, *Các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha, sdd.*, tr. 85.

²¹³ Xem DANIELO BARTOLI, *Dell' Istoria della Compagnia di Gesù, sdd.*, vol.17, libro terzo, tr. 123-126.

cha Buzomi là những thừa sai đã nắm bắt được ngôn ngữ thông dụng của Đàng Trong.²¹⁴

Các sự kiện khác chúng ta không thể bỏ qua, đó là năm 1622, cha Emmanuel Borgès (Bồ) và cha Giovanni di Leira (Ý) từ Ma Cao đến Đàng Trong. Hai cha đến Nước Mặn học tiếng Việt và tập sự công việc dưới sự hướng dẫn của cha Buzomi.²¹⁵ Trong số các thừa sai đến Đàng Trong vào cuối năm 1624, cha Đắc Lộ và cha Fontes học tiếng Việt với cha Pina tại Dinh Chiêm; cha Luis và cha Majorica đến Nước Mặn học tiếng Việt với cha Buzomi.²¹⁶ Lúc bấy giờ cũng chỉ một mình cha Buzomi, Bề trên và là "lão làng" tại Cư sở Nước Mặn. Năm 1625, tại Nước Mặn có các thừa sai : cha Buzomi (Ý, đến Đàng Trong năm 1615), cha Luis (Bồ Đào Nha, đến Đàng Trong năm 1624), cha Majorica (Ý, đến Đàng Trong năm 1624), tu huynh Domingos Mendes K'ieu (Ma Cao, đến Đàng Trong năm 1621), tu huynh Romão Nishi (Nhật, đến Đàng Trong năm 1621).²¹⁷

Cho dù bút tích của cha Buzomi hiện nay được tìm thấy còn ít ỏi, nhưng công việc cha đã làm cho thấy vai trò quan trọng của cha trong việc sáng tạo chữ Quốc ngữ trong giai đoạn đầu tiên: vừa là người giám sát, vừa là người đồng hành, vừa là thầy dạy.

4.2. Cha Francisco de Pina

Theo các nguồn sử liệu, cha Pina đến Đàng Trong năm 1617.²¹⁸ Mặc dù đến Việt Nam muộn hơn so với một số giáo sĩ khác, nhưng cha Pina lại là giáo sĩ châu Âu đầu tiên nói thành thạo tiếng Việt, điều này đã được các giáo sĩ đến sau như cha Luiz và cha Đắc Lộ xác nhận.²¹⁹ Các sử liệu cho thấy thời điểm năm 1620 cha Pina đã thông thạo tiếng Việt. Điều này ngầm nói rằng cha đã thông thạo tiếng Việt sau khi nghiên cứu và học tiếng Việt tại Nước Mặn.

²¹⁴ Xem *Sdd.*, tr. 328-329.

²¹⁵ Xem LM. BÙI ĐỨC SINH, OP., *Giáo Hội Công giáo ở Việt Nam*, quyển I, *sdd.*, tr. 100.

²¹⁶ Xem thư cha Manoel Fernandez gửi cho Nuno Mascarenhas, đề ngày 02.07.1625 tại Hội An, ARSI. JAP-SIN 68, fl. 11. Wikipedia, the free encyclopedia, mục từ Girolamo Majorica. Xem ĐỖ QUANG CHÍNH, SJ. *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt*, *sdd.*, tr. 65-69.

²¹⁷ Xem *Sdd.*, tr., 66-67.

²¹⁸ Xem LÉOPOLD CADIÈRE, "Annotations à la lettre de Gaspar Luiz", trong *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, Juillet-Déc. 1931, tr. 410. ROLAND JACQUES, *Công cuộc truyền giáo tại Quảng Nam*, *sdd.*, tr. 81, chú thích 49.

²¹⁹ Xem ALEXANDRE DE RHODES, *Hành trình và truyền giáo sdd.*, tr. 55.

Chính cha Borri, người đương thời với cha Pina, thừa nhận : "Cha Pina đi Hội An, thành phố của người Nhật, như chúng tôi nói dưới đây, ngài gặp cha Pedro Marques, và họ cùng làm tại thành phố này một việc hữu ích quý giá ...Cha Marques vì tinh thông tiếng Nhật nên chỉ trong một thời gian ngắn mà ngài đã cảm hóa được một ít giáo dân Nhật trụ lạc...Còn cha Pina rất tinh thông tiếng Đàng Trong nên đã thuyết phục được nhiều người".²²⁰ Cha Borri còn xác nhận: "Mà vì cha rất tinh thông tiếng Đàng Trong và nói rất mực tự nhiên".²²¹

Rất tiếc, cha Pina đã mất sớm (15.12.1625) và cho đến nay bút tích tiếng Việt của cha được tìm thấy rất ít. Nơi bản sao của một bức thư (bản gốc bức thư ấy được cho là của cha Pina viết tại Dinh Chiêm năm 1623) được viết bằng tiếng Bồ, có xen lẫn vài cụm từ Latinh, Nhật hay Mã Lai, và nhất là vài tiếng Việt được ghi bằng mẫu tự Latinh. Trong thư có nói đến việc cha đã soạn một tập nhỏ về chính tả và các dấu thanh của tiếng Việt và đang soạn ngữ pháp. Tuy nhiên tài liệu này cho đến nay vẫn chưa được tìm thấy. Như trên đây chúng ta đã nói, tại Nước Mặn, các thừa sai đã soạn một quyển sách giáo lý bằng chữ địa phương, tức chữ Nôm.

Cha Roland Jacques căn cứ vào bản báo cáo được ký tên Francisco Eugenio, tu sĩ Dòng Tên người Ý ở Ma Cao, cung cấp những thông tin từ một tài liệu sao chép tay với tựa đề *Annua del Collegio di Macao del 1618* (Niên giám Học viện Ma Cao năm 1618),²²² xác định quyển sách giáo lý này được làm tại Nước Mặn vào năm 1618 dưới sự giám sát của cha Buzomi, Bề trên Cư sở Nước Mặn, lúc cha Buzomi bị "bệnh nặng, nên không đi giảng cho người ta trở lại được".²²³ Tác giả chính của cuốn sách là cha Pina và một người thanh niên người Việt cùng làm việc với cha.²²⁴

Căn cứ bản báo cáo này, cha Roland Jacques viết: "Bản phúc trình chính thức của cơ sở truyền giáo ghi: 'Người ấy (một nhân sĩ thân quen

²²⁰ CHRISTOFORO BORRI, *Relatione della nuova missione*, sdd., tr. 218-219. *Tường trình về Khu truyền giáo*, sdd., tr. 123.

²²¹ Sdd., tr. 156. *Bản dịch*, tr. 88.

²²² "Annua del Collegio di Macao del 1618", ARSI, JAP-SIN. 114, fl. 176-185, được tham chiếu trong ROLAND JACQUES, *Các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha*, sdd., tr. 82, chú thích 51.

²²³ Câu văn được Roland Jacques trích từ fl.183v của tài liệu "Annua del Collegio di Macao del 1618".

²²⁴ Xem ROLAND JACQUES, *Các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha*, sdd., tr. 85; ĐỖ QUANG CHÍNH SJ., *Lịch sử chữ Quốc ngữ*, sdd., chú thích 1, tr. 23; *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt*, sdd., tr. 40.

với đoàn truyền giáo) có một người con trai mười sáu tuổi, là thanh niên lanh lợi và thông minh nhất trong vùng; anh này lại viết chữ Hán rất đẹp, được dân chúng hâm mộ vô cùng ...Anh có tên thánh rửa tội là Phêrô, nhờ có tài hay chữ nên giúp cha rất nhiều trong việc dịch kinh Pater noster, Ave Maria, Credo và Mười Điều Răn ra tiếng địa phương, các kinh mà Kitô hữu đã thuộc lòng...Các Kitô hữu chép lại tất cả những điều ấy, và đã bắt đầu lần hạt Mân côi y như tại xứ chúng ta' ".²²⁵

Hiện nay quyển sách giáo lý ấy chưa được tìm thấy, tuy nhiên về hình thức, các nhà nghiên cứu cho rằng sách được soạn bằng chữ Nôm. Song song với việc biên tập, chắc chắn nó cũng được phiên âm bằng mẫu tự châu Âu để cho các thừa sai được tiện dùng. Dần dần bản phiên âm bằng mẫu tự châu Âu được sao chép kèm với chữ Nôm phổ thông đã được giới bình dân yêu chuộng. Hẳn nhiên, đây là những bản sao bằng mẫu tự châu Âu rất quý báu đối với chúng ta, bởi vì nó cho chúng ta hình thái đầu tiên về việc Latinh hóa tiếng Việt, một hình thái Quốc ngữ "tiền Đắc Lộ", trước chữ Quốc ngữ của cha Đắc Lộ. Chúng ta có được một số chứng từ về những hình thái đầu tiên của việc Latinh hóa trong bản tường trình của cha Borri.²²⁶

4.3. Cha Christoforo Borri

Cha Christoforo Borri đến Đàng Trong năm 1618 và rời khỏi Đàng Trong năm 1622. Cha chỉ ở tại Cửa Hàn trong thời gian rất ngắn để đi tìm các đồng sự. Trong suốt thời gian 1618-1622, cha sống và làm việc tại Nước Mặn.

Tại Nước Mặn, được quan phủ Qui Nhơn, một người dân yêu và các quan thuộc quyền quý chuộng, bảo trợ tối đa,²²⁷ cha Borri cũng như cha Pina có điều kiện sinh sống rất thuận lợi để học, nghiên cứu và sáng tạo cách viết tiếng Việt theo mẫu tự Latinh. Trong thuận lợi

²²⁵ ROLAND JACQUES, *Các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha, sđd.*, tr. 82-83. Thư báo cáo thường niên năm 1618 của Học viện Ma Cao gửi cho Bề trên Tổng quyền ở Rôma được Francesco Eugenio viết xong tại Ma Cao ngày 21.01.1619. Thư báo cáo về tình hình truyền giáo của 4 khu vực: Nhật và Trung Hoa; Đàng Trong; Cư sở Nước Mặn và Cao Miên. Quyển sách giáo lý được báo cáo trong phân sinh hoạt của Cư sở Nước Mặn. Xem FRANCESCO EUGENIO, "Lettera Annuale del Collegio di Macao...l'anno 1618", trong *Lettere Annue del Giappone, sđd.*, tr. 401.

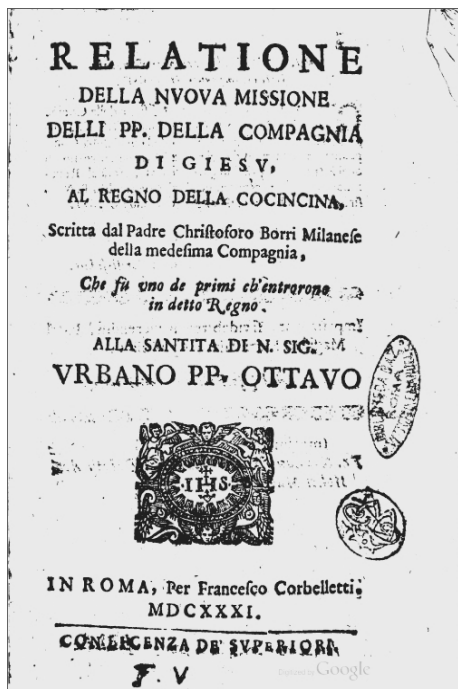
²²⁶ Xem LÉOPOLD CADIÈRE, "Annotations à la Lettre de Gaspar Luis", trong *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, Juillet-Déc. 1931, tr. 420.

²²⁷ Xem CHRISTOFORO BORRI, *Relazione della nuova missione, sđd.*, tr. 127-138. *Tường trình về Khu truyền giáo, sđd.*, tr. 72-78.

đó, cha Borri đã để lại cho chúng ta một số "chữ Quốc ngữ" trong tác phẩm *Relatione della nuova missione delli PP. della Compagnia di Giesù al Regno della Cocincina* được cha viết tại Nước Mặn vào năm 1621-1622.

Tác phẩm được cha Borri viết bằng tiếng Ý, xuất bản lần đầu năm 1631 tại Rôma. Sau đó không lâu, tác phẩm được dịch và xuất bản nhiều lần, ở nhiều nơi, bằng nhiều thứ tiếng thông dụng trên thế giới, nói theo ngôn ngữ thời nay là "best seller book 1631-1633".²²⁸ Tác phẩm của cha Borri hút khách ngay khi vừa được xuất bản, vì nó chứa đựng những thông tin đặc thù và sót dẻo về đạo và đời của một vùng đất xa lạ đối với nhiều người Âu châu thời bấy giờ. Nó đã cung cấp cho chúng ta những tư liệu quý về đạo và đời của thời rất xa xưa, cách chúng ta gần 400 năm. Một trong những điều quý giá mà tác phẩm để lại cho chúng ta là một số chữ Quốc ngữ thuở phôi thai. Hiện nay đã có nhiều chuyên gia nghiên cứu về những chữ Quốc ngữ phôi thai này. Cha Léopold Cadière, nhà nghiên cứu khoa học, sử học, ngôn ngữ học và tôn giáo dân tộc học đã nhận xét về tác phẩm của cha Borri như sau:

"Bản tường thuật của cha chứng tỏ cha có một sự hiểu biết rất đầy đủ và kỳ lạ đối với thời ấy về thứ ngôn ngữ này. Chắc hẳn người ta phải nghĩ đến các khó khăn mà cha phải đối diện: cha chỉ nhận được sự giúp đỡ từ những người thông dịch kém cỏi, họ chỉ biết được lèo tèo một số từ cần thiết trong giao dịch mua bán. Ngoài thanh giọng của ngôn ngữ, cha còn cần phải phân biệt âm này với âm nọ, phải giải quyết vấn đề ký âm tiếng Việt Nam bằng ký tự Âu châu. Nơi bản tường thuật, cha để lại cho chúng ta những tiêu bản quý báu về những



²²⁸ Xem CHARLES B. MAYBON, "Notice sur Christoforo Borri et sur les éditions de sa relation", trong *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, Juillet-Déc. 1931, tr. 276, chú thích 1.

hình thái đầu tiên của chữ Quốc ngữ, một thứ chữ Quốc ngữ trước thời cha Đắc Lộ. Những bút tích này của cha Borri quả là một bổ ích lớn lao cho những ai sẽ nghiên cứu về sự hình thành chữ Quốc ngữ".²²⁹

Trong khi nghiên cứu và phiên dịch tác phẩm của cha Borri, dịch giả Hồng Nhuệ đã bộc bạch: "Có một vài câu chữ quốc ngữ trong bản tường thuật của ông cho chúng ta biết: ngay từ những năm 1618-1620 đã có một khởi đầu hình thành thứ chữ này...Sau cùng cũng theo bản tường trình của ông, trước *Phép giảng tám ngày* của De Rhodes, đã có khởi thủy một sách hay một thánh giáo yếu lý từ những năm đầu của cuộc truyền giáo, nghĩa là vào những năm 1618-1620".²³⁰ Cha Léopold Cadière viết: "Dù trải qua thời gian ít ỏi ở Việt Nam, cha Christoforo Borri đã tạm nắm bắt được ngôn ngữ xứ này. Điều này được thể hiện qua những từ và những câu tiếng Việt trong bản tường trình của cha".²³¹

Chúng tôi xin nêu lên đây một trong những câu cha Borri đã viết trong tác phẩm: *Tuijciam, Biet* (Tui chẳng biết). Đó là lời của *Onsaij Ly* (Ông sai tên Ly hay Lý...), trụ trì một ngôi đền ở gần nhà các thừa sai tại Nước Mặn.²³² Chúng ta hình dung được rằng chữ viết ghi âm bao giờ cũng phản ánh âm giọng của cư dân nơi một vùng cụ thể. Do đó, một chữ "Tui" (tôi), cách xưng hô của người dân địa phương thời ấy vẫn còn thông dụng trong giới bình dân tại Bình Định cho đến nay, cho chúng ta thấy các thừa sai tại Nước Mặn đã sử dụng tiếng nói địa phương trong việc sáng tạo chữ Quốc ngữ, đồng thời nó cũng làm sáng tỏ điều các nhà nghiên cứu đã xác định như đã nêu trên đây: ngay từ những năm 1618-1620 đã có một khởi đầu hình thành thứ chữ này tại Nước Mặn.

²²⁹ LÉOPOLD CADIÈRE, "Préface", trong *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, Juillet-Déc. 1931, tr. 262-263.

²³⁰ Trong *Tường trình về Khu truyền giáo, sđd.*, tr. 06. Về Sách giáo lý này, dịch giả căn cứ vào lời tường thuật của cha Borri về một cuộc "cá độ" tại Nước Mặn giữa cha với một vị quan cai quản khu phố Nước Mặn về vấn đề nguyệt thực sắp xảy ra. Nếu quan thua, quan phải đến nghe "giáo lý tám ngày" tại nhà các thừa sai. Nếu quan thắng, cha phải cấp cho quan một áo dài bằng lụa. Xem CHRISTOFORO BORRI, *Relatione della nuova missione, sđd.*, tr. 182-183.

²³¹ LÉOPOLD CADIÈRE, "Annotations à la Lettre de Gaspar Luis", trong *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, Juillet-Déc. 1931, tr. 410.

²³² Xem CHRISTOFORO BORRI, *Relatione della nuova missione, sđd.*, tr. 194. Câu chuyện này được đề cập đến trong *Annua de Cochinchina de 1619* - báo cáo thường niên năm 1619, phần báo cáo về Cư sở Nước Mặn – Residência de Nuocman da Provincia de Pulocamby, fl. 010-010v, dòng 585 đến 633.

4.4. Cha Alexandre de Rhodes

Tuy là người đến sau so với các cha Buzomi, Pina và Borri, nhưng với năng khiếu đặc biệt về ngôn ngữ, cha Đắc Lộ là người thông thạo tiếng Việt hơn tất cả các thừa sai đương thời. Khi vừa đến Đàng Trong, cha đã học tiếng Việt với cha Pina, mỗi ngày vài bài, với những chữ được viết theo lối phiên âm từ mẫu tự Latinh, kèm theo lời giải thích bằng tiếng Bồ hay tiếng Ý. Dần dần cha hoàn thiện hóa phương pháp phiên âm tiếng Việt theo vần Latinh mà các thừa sai đi trước đã phác họa. Các thừa sai đi trước đã có sáng kiến dùng một vài dấu sẵn có trong tiếng Bồ để ghi lại các cung giọng trầm bổng của tiếng Việt. Đến lượt cha Đắc Lộ, việc sử dụng các dấu này đã khá hoàn chỉnh và cha gọi các dấu đó là "linh hồn" của tiếng Việt. Cha là người đầu tiên đã cho ra đời mấy quyển sách viết bằng lối phiên âm đó.

Mặc dầu cha không phải là người sáng tác ra chữ Quốc ngữ, nhưng cha phải được xem là người hoàn chỉnh và phổ biến thứ chữ ấy trong giai đoạn đầu tiên. Cụ thể cha đã sưu tập, viết lại, hoàn chỉnh các quyển tự điển, sách giáo lý, văn phạm... của thứ chữ mà các anh em cha đã cùng nhau sáng tác, từ mẫu tự cho đến cách phiên âm.

Ngày 07.03.1645 cha bị trục xuất vĩnh viễn khỏi Đàng Trong và sang Âu châu. Tại Rôma, vào đầu năm 1651 cha đã xuất bản quyển *Tự điển Việt-Bồ-La*,²³³ rồi đến cuối năm cha xuất bản quyển *Phép giảng tám ngày*.²³⁴ Việc xuất bản hai quyển sách này là do Thánh bộ Truyền bá Đức

²³³ Cuốn tự điển Việt-Bồ-La nhan đề: *Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum*, dày gần 500 trang. Ngoài sự trợ giúp của các tín hữu người Việt, nhất là các nho sĩ và thầy giảng, tác giả cũng sử dụng bản thảo cuốn tự điển Việt-Bồ (*Annamiticum-Lusitanum*) của Gaspard de Amaral và cuốn tự điển Bồ-Việt (*Lusitanum-Annamiticum*) của Antonio Barbosa, cả hai đều là thừa sai Dòng Tên đã đến truyền giáo tại Đàng Ngoài một thời gian sau cha Đắc Lộ và đã từ trần năm 1646-1647. Trong cuốn tự điển này có in kèm cuốn văn phạm tiếng Việt nhan đề *Linguae Annamiticae seu Tunchinensis brevis declaratio*. Mặc dù được đóng chung với cuốn tự điển Việt-Bồ-La, nhưng cuốn văn phạm này là một tác phẩm riêng biệt, chia làm 8 chương và được đánh số trang riêng, không tùy thuộc vào cuốn tự điển. Chính cha Đắc Lộ cũng kể đó là một cuốn sách riêng. Xem NGUYỄN KHẮC XUYỀN - PHẠM ĐÌNH KHIÊM, *Giáo sĩ Đắc Lộ và tác phẩm Quốc ngữ đầu tiên*, Tinh Việt Văn đoàn, Sài Gòn 1961, tr. XXX.

²³⁴ Đây là sách giáo lý bằng tiếng Latinh và Quốc ngữ đối chiếu, nhan đề *Catechismus pro iis qui volunt suscipere Baptismum in octo dies divisus - Phép giảng tám ngày cho kẻ muốn (muốn) chịu phép rửa tội mà beo (vào) đạo thánh đức Chúa trời (trời, lời)*. Sách này đã được dịch ra tiếng Xiêm, sau đó được Đức cha Chappoulie dịch sang tiếng Pháp và in trọn vẹn trong bộ *Rome et les Missions d'Indochine au XVII^e siècle*, Paris 1943. Xem *Sdd.*, tr. XXX.

tin đỡ đầu. Trước khi xuất bản, những quyền sách này đã được cha biên soạn, tu sửa, hoàn chỉnh, dưới dạng bản thảo chép tay ngay khi cha còn đang hoạt động tại Đàng Ngoài và Đàng Trong, và đã sử dụng quyền tự điển để dạy tiếng Việt cho các thừa sai khác, cũng như dùng sách *Phép giảng tám ngày* để huấn luyện các thầy giảng và dạy giáo lý cho các dự tòng. Có thể các thầy giảng cũng đã sao chép lại sách này để dùng làm tài liệu dạy giáo lý.

Để thực hiện việc xuất bản hai quyền sách này, cha Đắc Lộ đã cùng với nhà in (Tipografia poliglota) của Thánh bộ Truyền bá Đức tin sáng tác ra từng mẫu chữ cho bản in, vì cha là người duy nhất ở Rôma lúc đó biết tiếng Việt. Đây quả thật là một công trình lớn và rất khó khăn.

Cách riêng, sách giáo lý *Phép giảng tám ngày* không chỉ có giá trị về mặt ngữ học, như là một trong hai tác phẩm Quốc ngữ đầu tiên, nhưng nội dung còn cho thấy sự hội nhập của các thừa sai vào ngôn ngữ và văn hóa nước Việt, cả trí thức lẫn bình dân, và được vận dụng khéo léo trong các bài giảng và cách trình bày. Việc xuất bản hai quyền sách này của cha Đắc Lộ đã đánh dấu một giai đoạn của chữ Quốc ngữ trong thời kỳ khai nguyên của Giáo Hội và trong nền văn hóa nước nhà.

PHẦN II

TỪ GIÁO PHẬN TÔNG TÒA ĐÀNG TRONG ĐẾN GIÁO PHẬN TÔNG TÒA QUI NHƠN DƯỚI THỜI CÁC ĐẠI DIỆN TÔNG TÒA (1659 - 1960)

CHƯƠNG I

GIÁO PHẬN TÔNG TÒA ĐÀNG TRONG (1659 - 1844)

Đức Giáo Hoàng Alexandrô VII khai mạc sứ vụ vào ngày 18.04.1655, người cha chung muốn gửi Giám mục đến xứ "con Rồng cháu Tiên" càng sớm càng tốt. Nhóm "Bạn Hiền" (Bons Amis) mà cha Đắc Lộ đã tiếp cận ở Pháp biết được ý muốn của Đức Alexandrô VII. Cuối tháng 05 năm 1657, phái đoàn đại diện nhóm "Bạn Hiền" có mặt ở Rôma. Ngày 17.07.1657, phái đoàn yết kiến và dâng thỉnh nguyện cho Đức Alexandrô VII, nội dung như sau:

"Thứ nhất, chính tại nước Pháp, linh mục Đắc Lộ đã nhận biết được có nhiều linh mục sẵn sàng từ bỏ quê hương, cha mẹ, bạn hữu để hy sinh cho các dân tộc Đông Á.

"Thứ hai, về phần các Giám mục tương lai cho vùng này, họ không xin Thánh bộ Truyền giáo cung cấp tiền của vật dụng, họ sẽ tự lo liệu lộ phí; còn việc cấp dưỡng thường xuyên, sẽ lập một ngân quỹ tại Avignon.

"Thứ ba, nếu vua Bồ Đào Nha chấp thuận, họ sẽ qua ngã Lisboa để tới Đông Á, bằng không sẽ qua ngã Ba Tư.

"Tâu Đức Thánh Cha, chúng con chỉ còn phải xin chủ mùa thu hoạch là chính Đức Thánh Cha, gửi thợ đến vườn nho của ngài: vì lúa đã chín mà thợ thì ít".²³⁵

Ngày 26.09.1657, Thánh bộ Truyền giáo gửi văn thư cho Sứ thần Tòa Thánh tại Pháp để thẩm tra các ứng viên Giám mục làm Đại diện Tông tòa ở Đông Á.

Ngày 29.07.1658, bằng Sắc chỉ *Apostolatus Officium*, Đức Alexandrô VII công bố chọn cha François Pallu làm Giám mục hiệu tòa Héliopolis (nay là Baalbek, Đông Bắc Beyrouth, Liban), cha Pierre Lambert de La Motte làm Giám mục hiệu tòa Bérythe (Beyrouth, thủ đô Liban). Cả hai đều là Giám mục "trong phần đất dân ngoại" (in partibus infidelium) ở Đại Việt. Tuy nhiên địa giới

²³⁵ ĐỖ QUANG CHÍNH, SJ. *Hai Giám mục đầu tiên tại Việt Nam, sđd.*, tr. 100.

nhiệm sở của mỗi vị Đại diện Tông tòa chưa được ấn định trong Sắc chỉ này.²³⁶

Ngày 09.09.1659, bằng Sắc chỉ *Super Cathedram*, "phần đất dân ngoại" ở Đại Việt được Đức Alexandrô VII thiết lập thành Giáo phận Tông tòa Đàng Ngoài và Giáo phận Tông tòa Đàng Trong. Sông Gianh được chọn làm ranh giới giữa hai Giáo phận, theo ranh giới địa chính trị lúc bấy giờ. Sắc chỉ gồm hai bản, một gửi cho Đức cha François Pallu và một gửi cho Đức cha Pierre Lambert de La Motte. Hai bản giống nhau, chỉ khác về các miền đất được giao mà thôi. Đức cha François Pallu được bổ nhiệm làm Đại diện Tông tòa Đàng Ngoài, kiêm quyền cai quản các tín hữu ở 5 tỉnh của Trung Hoa: Vân Nam, Quý Châu, Hồ Quảng, Quảng Tây, Tứ Xuyên và xứ Lào. Đức cha Pierre Lambert de La Motte được bổ nhiệm làm Đại diện Tông tòa Đàng Trong, kiêm quyền cai quản các tín hữu ở 4 tỉnh của Trung Hoa: Triết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, Giang Tây, đảo Hải Nam và các đảo khác.²³⁷ Sắc chỉ nhấn mạnh đến sứ mệnh của các Giám mục trong việc thành lập hàng giáo sĩ bản quốc. Khi được thành lập vào năm 1659, Giáo phận Tông tòa Đàng Trong gồm toàn bộ xứ Nam dưới quyền cai trị của chúa Nguyễn từ sông Gianh cho đến sông Phan Rang.²³⁸

Năm 1659 đánh dấu một khúc quanh quan trọng trong lịch sử truyền giáo của Giáo Hội với sự chuyển tiếp từ chế độ bảo trợ truyền giáo Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha sang chế độ Tông tòa. Có thể nói giai đoạn này đã khởi sự vào năm 1622 với việc Tòa Thánh thiết lập Thánh bộ Truyền bá Đức tin, quen gọi là Thánh bộ Truyền giáo, ngày nay gọi là Bộ Phúc Âm hóa các Dân tộc. Theo quyền bảo trợ truyền giáo (*jus patronatum*) mà Tòa Thánh Rôma đã ký nhận (Sắc lệnh *Romanus Pontifex* ngày 28.01.1455), triều đình Bồ Đào Nha có nhiệm vụ và quyền lợi lo mọi việc giảng đạo và tổ chức Giáo Hội tại các phần đất họ khám phá ra. Sang năm 1494 Bồ Đào Nha phải phân chia quyền bảo trợ truyền giáo với Tây Ban Nha qua hiệp ước được ký tại

²³⁶ Xem ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine 1658-1823. Documents historiques I, 1658-1728*, P. Téqui, Paris 1923, tr. 7-9; ĐỖ QUANG CHÍNH, SJ. *Hai Giám mục đầu tiên tại Việt Nam, sđd.*, tr. 105.

²³⁷ Xem Sắc chỉ bổ nhiệm bằng tiếng Latinh trong ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine, I, sđd.*, tr. 9-10.

²³⁸ Về địa chính trị, lúc bấy giờ (1659) sông Phan Rang là biên giới phía Nam của Đàng Trong. Xem QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN, *Đại Nam Nhất Thống Chí, sđd.*, tập 3, quyển 11, *tỉnh Khánh Hòa*, tr. 102. Như vậy sông Phan Rang là biên giới phía Nam của Giáo phận Đàng Trong khi mới thành lập.

thành phố Tordesillas (Tây Ban Nha): các xứ Xiêm, Trung Hoa, Việt... thuộc quyền Bồ Đào Nha; còn Philippines, Mexico... thuộc quyền Tây Ban Nha.²³⁹

Như thế, kể từ năm 1622 với việc thiết lập Thánh bộ Truyền bá Đức tin, Tòa Thánh muốn đứng ra điều hành công cuộc truyền giáo trên toàn thế giới chứ không còn giao cho triều đình Bồ Đào Nha hay Tây Ban Nha như trước đây. Việc thay đổi cơ chế điều hành này đã không diễn ra cách êm xuôi và gặp phải rất nhiều khó khăn. Cụ thể các Giám mục và các thừa sai được Thánh bộ gửi đến Đà Nẵng và Đà Nẵng Ngoài gặp phải sự cản trở của triều đình Bồ Đào Nha và không được nhìn nhận bởi các thừa sai dòng đã làm việc dưới sự bảo trợ ấy.

Ngày 10.11.1659, Thánh bộ Truyền giáo đã giao cho hai Giám mục bản Huấn thị *Quoniam vos ea estis diligentia*, quen gọi là Huấn thị 1659, để hướng dẫn công việc của các ngài tại các xứ truyền giáo.²⁴⁰ Quốc vương Bồ Đào Nha đã ra lệnh cho các nhân viên của ông ở Rôma tìm cách ngăn cản không cho các Giám mục lên đường đi đến các Giáo phận được giao. Vì vậy, theo ý kiến của Thánh bộ, các ngài nên đi đường bộ qua Ba Tư và Mông Cổ, tránh đường thủy của các tàu Bồ Đào Nha, vì sợ họ làm khó dễ hay bắt giữ. Thánh bộ chỉ cho phép dùng đường thủy nếu có tàu của nước khác.

Sau khi được tấn phong Giám mục tại Rôma, Đức cha Pallu trở về Pháp tìm người cộng tác, được các cha dòng Thánh Thê hường ứng và ủng hộ. Do việc này đã khai sinh Hội thừa sai hải ngoại Paris (1660), tức chủng viện đào tạo các giáo sĩ sẽ được gửi sang Đông Á trợ giúp các Giám mục Đại diện Tông tòa. Ngay từ thời kỳ còn làm việc ở Rôma, Đức cha Pallu đã nghĩ đến việc thành lập một chủng viện mà mục đích duy nhất là truyền bá đức tin cho các lương dân. Đức cha đã trình bày vấn đề trong một bản tường trình đệ lên các Hồng Y của Thánh bộ ngày 01.07.1658. Ngày 11.06.1664, cha Vincent de Meur được bầu làm Bề trên đầu tiên của chủng viện. Có thể nói Hội thừa sai Paris được thành lập từ ngày ấy. Ngày 11.08.1664, chủng viện được Tòa Thánh công nhận làm nơi đào tạo các thừa sai theo những đòi hỏi của giáo luật và các Sắc lệnh của Công đồng Trentô về chủng viện, dưới quyền điều khiển của Thánh bộ. Cần nắm vững khởi điểm này để tránh ngộ nhận cho rằng Hội thừa

²³⁹ Xem ĐÀO QUANG TOÀN, *Giáo Hội Việt Nam năm 1659*, Nxb. Phương Đông 2010, tr. 9-10 và 104.

²⁴⁰ Huấn thị này được cha A. Launay phổ biến trong cuốn *Documents historiques relatifs à la Société des Missions Étrangères* tại Paris năm 1904, tr. 27-35.

sai Paris là của nước Pháp và làm việc cho Pháp. Hội không những đào tạo các thừa sai mà còn kêu gọi các ân nhân dâng cúng tiền của lập quỹ trợ cấp cho các nhu cầu sinh sống, di chuyển và hoạt động truyền giáo của các ngài tại các xứ truyền giáo.

1. THỜI ĐỨC CHA PIERRE LAMBERT DE LA MOTTE (1659-1679)

Ngày 09.09.1659 được coi là ngày mở đầu cho thời kỳ thứ hai trong lịch sử truyền giáo ở Việt Nam, cũng là ngày mở đầu cho thời kỳ thứ hai trong lịch sử truyền giáo của Giáo phận Qui Nhơn với vị Giám mục tiên khởi là Đức cha Pierre Lambert de La Motte.²⁴¹



Đức cha Lambert de La Motte

1.1. Hai Đức cha Lambert và Pallu đến Xiêm

Đức cha Pierre Lambert de La Motte là người lên đường trước tiên với hai cha Jacques de Bourges và François Deydier. Ngày 27.11.1660, các ngài lên tàu ở cảng Marseille để đi Syria. Tàu cập bến ở hải cảng Alexandrette rồi từ đó theo đường bộ gần một năm trời các ngài đến hải cảng Gomeron của Ba Tư. Từ đó các ngài lên tàu đi đến cảng Semate thuộc Ấn Độ, sau đó lên tàu qua biển Ấn Độ đến

²⁴¹ Đức cha Pierre Lambert de La Motte sinh ngày 16.01.1624 tại Lisieux (Calvados), Giám mục hiệu tòa Bérythe ngày 29.07.1658, Đại diện Tông tòa Đàng Trong ngày 09.09.1659, đến xứ truyền giáo ngày 18.06.1660, qua đời tại Ajuthia (Xiêm) ngày 15.06.1679. Về ngày sinh của Đức cha, có tài liệu ghi là ngày 28.01.1624. Nhưng theo sổ rửa tội của giáo xứ Saint-Jacques tại Lisieux, thì Đức cha sinh ngày 16.01.1624. Chứng từ này giúp điều chỉnh lại ngày sinh của Đức cha trong một số tài liệu được phổ biến cho đến nay. Xem ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine, I, sdd.*, tr. 1, đặc biệt chú thích 1.

Tenasserim thuộc vương quốc Xiêm²⁴² ngày 19.05.1662, rồi lấy thuyền theo sông để lên kinh đô lúc bấy giờ là Ajuthia.²⁴³

Cuộc hành trình đầy gian lao của các ngài kéo dài gần hai năm rưỡi, từ khi xuống tàu ở Marseille cho đến khi lên kinh đô nước Xiêm ngày 22.08.1662. Mặc dù vương quốc Xiêm không thuộc phần đất được giao cho Đức cha Lambert hay cho Đức cha Pallu theo đoạn sắc *Super Cathedram Principis*, nhưng đây là quốc gia duy nhất ở Á Đông chấp nhận cho đạo Công giáo được tự do, cho phép người nước ngoài vào cư ngụ và có quan hệ thương mại với nước Việt và Trung Quốc. Vì thế Đức cha quyết định ở đó để chờ lấy tàu sang Đà Nẵng Trong.

Tại Ajuthia ngài gặp được nhiều tín hữu người Việt. Họ là những người đã lánh cơn bắt đạo tại Đà Nẵng Trong và chạy sang sinh sống ở đây. Sự có mặt của các thừa sai người Pháp đầu tiên trong khu vực mà về phương diện tôn giáo người Bồ vẫn cho là của riêng họ nên không khỏi gây ra những bàn luận, thắc mắc và nghi ngờ. Vào khoảng trước lễ Giáng sinh 1662, người Bồ được lệnh của phó vương ở Goa phải tìm hết cách ngăn cản không cho các người Pháp ở lãnh thổ truyền giáo của họ. Họ viện lẽ rằng các thư từ Rôma hay Lisboa không nói đến những Giám mục hay thừa sai như thế được Tòa Thánh gửi đi. Bầu khí mỗi ngày thêm căng thẳng và người ta đã tỏ ra ái ngại cho sinh mạng của Đức cha.

²⁴² Xiêm (Siam) là tên gọi xưa của nước Thái Lan ngày nay. Đây là tên gọi chính thức của nước này cho đến ngày 23.06.1939 khi nó được đổi thành Thái Lan. Từ năm 1945 đến ngày 11.05.1949, tên Thái Lan lại được đổi lại thành Xiêm. Sau đó nó được đổi lại thành Thái Lan cho đến nay. "Thái" là tên của người Thái. Tên gọi "Thái Lan" trong tiếng Việt có xuất xứ từ *Thailand* trong tiếng Anh (trong đó *land* nghĩa là đất nước, xứ sở), và *Thailand* được dịch từ ประเทศไทย (*Prathet Thai*) với nghĩa là "nước Thái", xứ sở của người Thái. Người Trung Hoa gọi vương quốc này là "Thái Quốc" (泰國), hay "Thái Vương Quốc" (泰王國). Người Việt trước đây còn gọi Thái Lan là "Xiêm La" (暹羅) và gọi người Thái là "người Xiêm". Xem https://vi.wikipedia.org/wiki/Thai_Lan. Trong sách này thống nhất chọn tên gọi "Xiêm" đối với những sự kiện xảy ra trước khi nước này được đổi tên thành Thái Lan.

²⁴³ Ajuthia (Ayuthaya) hay Juthia thời ấy là kinh đô của nước Xiêm, cách Bangkok ngày nay 70km về phía Bắc. Trong thế kỷ XVII-XVIII, Ajuthia là nơi tạm trú của các thừa sai từ châu Âu sang truyền giáo ở Đông Á. Tại Xiêm lúc bấy giờ có nhiều người nước ngoài như Bồ Đào Nha, Anh, Hà Lan, Hy Lạp, Armenia, Trung Hoa, Ấn Độ, đến làm ăn sinh sống; ngoài ra còn có mấy trăm người Công giáo Việt và Nhật vì bị bách hại trong nước nên đã bỏ xứ ra đi và đến đây sinh sống. Năm 1782 vua Rama I lên ngôi và chọn Bangkok làm kinh đô cho đến nay.

Trong lúc khó xử, những giáo dân Đàng Trong hiện đang lánh nạn ở kinh đô nước Xiêm đã đến cứu các ngài, vì họ biết Tòa Thánh sai các ngài đến truyền giáo cho dân nước họ. Họ cho người đến thu dọn đồ đạc và đón các ngài về khu vực họ sinh sống, cất cho các ngài một căn nhà và một nhà nguyện bên bờ sông. Vì là Giám mục Đại diện Tông tòa cai quản Giáo phận Đàng Trong, nên ngài chăm sóc trước hết cho những kiều dân Đàng Trong, qua đó ngài có dịp tìm hiểu hiện tình của Giáo phận được giao cho ngài.

Hai năm sau Đức cha Pallu cùng với các cha Louis Chevreuil, Antoine Hainques, Louis Laneau và Pierre Brindeau cũng tới Ajuthia ngày 27.01.1664 và gặp Đức cha Lambert ở đó. Hai Đức cha tìm đường vào đất Việt, nhưng không thể vào được, vì đang có cuộc bách hại đạo ở cả hai miền Bắc và Nam. Do đó buộc lòng các ngài phải ở lại Xiêm để chờ đợi.

1.2. Công nghị Ajuthia

Trong thời gian này hai Đức cha có thêm những thông tin về hai Giáo phận Đàng Trong và Đàng Ngoài, đặc biệt về việc các thừa sai thiếu nhiệt tình, làm một số việc nghịch với giáo luật và dây mình vào việc thương mại. Vì thế hai Đức cha đã họp Công nghị Ajuthia và ban hành Huấn thị *Monita ad missionarios* gồm 10 chương, để cho các thừa sai những lời khuyên tuyệt vời về lòng đạo đức, về sự khôn ngoan thận trọng, về cách sống và những chỉ dẫn quý báu về việc tổ chức các giáo đoàn, việc đào tạo và điều hành của các linh mục bản xứ. Tòa Thánh đã đánh giá cao và chuẩn y Huấn thị này, nên đã cho in lần đầu tiên vào năm 1669 rồi sau đó tiếp tục cho tái bản nhiều lần.

Tiếp đến Công nghị cũng đưa ra những dự án về việc thành lập một trường chung tại Xiêm và việc quản lý tạm thời những nguồn tài trợ mà các xứ truyền giáo nhận được. Ngôi trường chung được đề cập ở đây sẽ là một chủng viện, nơi huấn luyện các chủng sinh để thành lập hàng giáo sĩ bản xứ mà Tòa Thánh đã giao, như được viết trong Huấn thị 1659: "Đây là lý do chính thúc đẩy Thánh bộ đã cử chư huynh đến các xứ ấy với chức vụ Giám mục, là để chư huynh, bằng mọi phương thức có thể, lo đảm trách giáo dục thanh niên, giúp họ đủ khả năng lãnh nhận chức vụ linh mục".²⁴⁴ Cơ sở này cũng được dùng làm trụ sở, nơi trú chân học tiếng cho các thừa sai trước khi đi vào các xứ truyền giáo, đồng thời cũng là nơi lánh nạn cho họ khi bị bách hại và trục xuất.

²⁴⁴ ĐÀO QUANG TOÀN, *Giáo Hội Việt Nam năm 1659, sdd.*, tr. 57.

1.3. Thừa sai Louis Chevreuil đến Đà Nẵng Trong

Mặc dù đã nghe biết cuộc bách hại tại Đà Nẵng từ năm 1663, nhưng do nhiệt tình mục vụ nung nấu, Đức cha Lambert thiết tha mong muốn đích thân đến chăm sóc những nhu cầu của con chiên để an ủi và nâng đỡ họ. Tuy nhiên ngài nhận được các bức thư của các thừa sai Dòng



NGHỊ THỨC TIỄN CHÂN CÁC THỪA SAI LÊN ĐƯỜNG TRUYỀN GIÁO

Tên là cha Pedro Marques, cha François-Ignace Baudet và cha Domenico Fuciti khẩn thiết xin ngài hoãn đến sang năm, vì các ngài sợ rằng việc Đức cha đến có thể làm nổi dậy cuộc bách hại đã bắt đầu tắt. Các ngài xin Đức cha gửi đến một thừa sai đại diện cho ngài và hứa sẽ ủng hộ ngài hết sức có thể. Biết cha Louis Chevreuil là người có cảm tình với Dòng Tên nên Đức cha đã sai cha vào Đà Nẵng Trong với tư cách là Quyền đại diện của ngài.²⁴⁵

Cha Chevreuil là vị linh mục đầu tiên của Hội thừa sai Paris được sai đến một xứ truyền giáo mà từ trước vẫn được đặt dưới quyền các thừa sai Dòng Tên. Cha rời Ajuthia ngày 17.06.1664 và lên cửa Hội An ngày 26.07 cùng với một thông ngôn người Nhật. Theo lệnh của Đức cha, cha đến gặp các thừa sai Dòng Tên và cha Bê trên Marques đón cha rất thân tình.

Sau ít ngày cha đi ra Kim Long²⁴⁶ ở chung với cha Fuciti Dòng Tên tại nhà ông João da Cruz chuyên viên đúc súng đại bác cho phủ chúa. Trong thời gian 8 ngày lưu lại tại đây cha đã có được những thông tin đầy đủ về tình hình của đạo. Tại đây cha công khai cho mọi người biết cha là Quyền đại diện (provicaire) của Đức Giám mục,

²⁴⁵ Về chuyến đi đầu tiên của cha Chevreuil đến Đà Nẵng và tình hình Giáo phận lúc ấy, xem Báo cáo của cha trong ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine*, I, sdd., tr. 13-27.

²⁴⁶ Năm Bính tý (1636), chúa Thượng là Nguyễn Phúc Lan dời phủ chúa từ làng Phúc An (thuộc huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên ngày nay) vào làng Kim Long (thuộc huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên ngày nay). Xem TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển II, sdd., tr. 87.

khiến ông thợ đúc tức giận vì chạm đến quyền của người Bồ. Cha vội vàng trở về Hội An, đến gặp hai cha Marques và Baudet, trao cho hai vị ấy các bức thư của Đức cha đề yêu cầu hai vị ấy nhìn nhận. Sau hai ngày suy nghĩ, các vị đến gặp cha và nhận quyền của Đức cha và Quyền đại diện của cha. Nhưng cha Chevreuil muốn sự nhìn nhận ấy được thực hiện cách công khai tại nhà thờ Hội An. Cha Marques đã làm theo ý cha Chevreuil nhưng lời lẽ không được rõ ràng, nên cha Chevreuil yêu cầu cha ký vào giấy. Cha Marques không dám ký vì sợ bị Bề trên ở Ma Cao quở trách. Sự bất đồng giữa hai nhà truyền giáo ngày càng gia tăng.

Các tín hữu từ khắp nơi trong xứ Nam đến làm ăn tại Hội An tìm đến gặp cha. Từ đó cha biết rõ hơn về hiện tình của đạo. Cha nhận thấy một sự nguội lạnh và lỏng lẻo nơi các thầy giảng, vì từ hơn 20 năm qua họ thiếu các mục tử để chăm sóc và bồi dưỡng cho họ, khác với các thầy giảng đầy nhiệt tình thời cha Đắc Lộ. Các tín hữu nói chung cũng rơi vào tình trạng như thế.

Thế rồi cơn bách hại vốn chưa chấm dứt nay lại trở nên ác liệt hơn vào cuối năm 1664 sang đầu năm 1665, vì có người vu khống cho rằng tượng ảnh Thánh Giá là hình ảnh vua Bồ Đào Nha, do đó người theo đạo tức khắc là con dân của đế quốc Bồ. Cuộc bách hại bắt đầu từ Kim Long sau đó lan đến Hội An và những miền khác. Nhiều tín hữu đã bỏ đạo, nhưng cũng có một số người can đảm tuyên xưng đức tin và sẵn sàng chịu chết vì đạo hoặc bị tịch biên của cải đến độ phải đi ăn mày. Nhiều người phải trốn lánh vào rừng sâu, chịu đói khát, bệnh tật. Nổi tiếng nhất là cuộc tử đạo của bốn anh hùng đức tin Quảng Nghĩa là các ông Tôma Tín, Tôma Nghê, Đaminh và Bênêdictô. Đặc biệt ông Tôma Tín là một nhà nho lại có tài hùng biện, ông đã can đảm bảo vệ đạo Chúa trước tòa và ngay cả trước khi bị chém đầu tại pháp trường.

Về phần các thừa sai, chúa Hiền không muốn đổ máu, nhưng ra lệnh trục xuất. Ngày 03.02.1665, ba thừa sai Dòng Tên là các cha Marques, Baudet và Fuciti bị trục xuất và trở về Xiêm. Ngày 07.03 đến lượt cha Chevreuil cũng bị trục xuất khỏi Đàng Trong sau 8 tháng hiện diện với đoàn chiên và về đến Ajuthia ngày 12.04.1665 trong tuần bát nhật Phục sinh sau 28 ngày lênh đênh trên biển. Cha Chevreuil báo cáo cho Đức cha Lambert về tình hình Giáo phận, về những cái chết anh hùng của các tín hữu. Một bản án xin phong chân phúc cho 49 người chịu chết vì đạo đã được Đức cha gửi về Rôma, nhưng rất tiếc đã bị thất lạc.

1.4. Đức cha Lambert kiêm nhiệm Đàng Ngoài, Cao Miên và Chiêm Thành

Về phần Đức cha Pallu, mặc dù đã tìm đủ mọi cách, nhưng ngài nhận thấy rằng chưa thể vào Giáo phận Đàng Ngoài được. Hơn nữa, theo lệnh của Tòa Thánh, mỗi khi đến một lãnh thổ truyền giáo, các Giám mục phải lo trình bày về Thánh bộ tình trạng của khu vực, cũng như những tệ nạn và khó khăn để Tòa Thánh can thiệp. Điều đó khiến ngài nghĩ rằng sự có mặt của mình ở Rôma là cần thiết cho vấn đề này và cũng để trình lên Tòa Thánh bản Huấn thị của Công nghị Ajuthia xin phê chuẩn, nên ngày 17.01.1665, ngài đã quyết định trở về Âu châu, sau khi ủy quyền cai quản Giáo phận Đàng Ngoài cho Đức cha Lambert, để khi gặp thời kỳ thuận tiện, ngài sai các thừa sai đến đó.

Để công việc truyền giáo được thuận lợi, Đức cha Lambert xin Tòa Thánh ban cho ngài được quyền trên đất Xiêm cũng như trên đất Miến Điện (Myanmar), Chiêm Thành và Cao Miên. Ngày 13.01.1665, Tòa Thánh đã chấp thuận cho ngài được quyền trên đất Cao Miên và Chiêm Thành, nhưng về quyền trên đất Xiêm và Miến Điện thì Tòa Thánh chưa muốn ban, vì sợ ngài ở lại trên đất Xiêm lâu ngày mà không tìm cách vào Đàng Trong và Trung Hoa. Nhưng một khi được tin ngài lên đường vào khu vực truyền giáo đã chỉ định, thì Tòa Thánh sẽ ban cho ngài quyền tuyển chọn một Giám mục trong số các thừa sai của ngài và ban quyền coi sóc trên đất Xiêm và Miến Điện. Trong khi chờ đợi, ngài được quyền chăm sóc các tín hữu người Việt ở đó. Được quốc vương Xiêm là Phra-Naraï ban cho một thửa đất trong khu trại của kiều dân Đàng Trong tại Ajuthia, năm 1665 Đức cha cho tiến hành xây dựng một cư sở khiêm tốn, một nhà nguyện nhỏ dâng kính thánh Giuse, cùng với một ngôi nhà dùng làm chủng viện thánh Giuse, nơi sẽ tiếp nhận các chủng sinh được gửi tới từ Đàng Trong, Đàng Ngoài và Trung Hoa để đào tạo họ thành linh mục. Cha Louis Laneau là người đầu tiên được giao trọng trách điều hành chủng viện này.²⁴⁷

²⁴⁷ Chủng viện đón nhận các chủng sinh từ các xứ truyền giáo được ủy thác cho Hội thừa sai Paris. Ngay từ những năm đầu đã có các chủng sinh Xiêm, Hoa, Việt. Trong lịch sử, chủng viện này đã phải nhiều lần di dời đến những địa điểm khác nhau. Vào những năm 1760-1765, nước Xiêm bị Miến Điện xâm lăng chiếm đóng, chủng viện phải di tản về Chantaburi, sau đó về Hòn Đất ở phía Đông Nam Hà Tiên ngày nay. Cuối năm 1769 chủng viện bị chiến tranh phá hủy và các thừa sai phải đưa các chủng sinh đến Virampatnam, một làng nhỏ trên đất Pondichery (Ấn Độ) thuộc Pháp. Vì quá xa các xứ truyền giáo và không thể có chủng sinh, nên đến năm 1782 chủng viện phải đóng cửa. Năm 1807 chủng viện thánh Giuse được tái lập tại đảo

1.5. Thừa sai Antoine Hainques đến Đàng Trong

Ngày 04.08.1665, cha Chevreuil theo lệnh Đức cha Lambert xuống tàu trở lại Đàng Trong. Lần này có thêm cha Antoine Hainques. Đức cha Lambert đã làm giấy bổ nhiệm cả hai làm Quyền đại diện thay mặt ngài trông coi Giáo phận Đàng Trong. Ngày 12 tháng 10 hai cha đến Phan Rí, thủ đô của Chiêm Thành. Vì không thể lấy tàu để tiếp tục hành trình đến Đàng Trong, nên phải đi đường bộ. Tuy nhiên trong suốt ba tuần qua cha Chevreuil bị sốt liên tục, quá yếu không thể đi bộ được nên đã quyết định lấy tàu đi Cao Miên, để biết hiện tình của giáo đoàn tại đây như lời Đức cha căn dặn, vì lúc ấy đã có nhiều giáo dân người Việt đến làm ăn sinh sống ở xứ này.²⁴⁸ Cha ở Cao Miên được trên 3 năm thì bị người Bồ Đào Nha bắt đưa về Tòa Giám mục Ma Cao rồi bị đưa ra tòa án tôn giáo bên Ấn Độ. Tòa kết tội cha một năm tù ở vì đã truyền giáo không có phép triều đình Lisboa. Năm 1672 cha được trở về Xiêm và ở tại Ajuthia.

Còn lại cha Hainques tiếp tục lên đường như một anh hùng Kitô giáo: đi chân không, ăn mặc như người Nhật, vai mang xách chứa đựng các đồ thờ, bánh và rượu để dâng lễ, không có đầy tớ theo giúp. Từ Phan Rí cha lần lượt đi qua Si-tram, Phu-giai, và cuối cùng là Phan Rang, là những khu vực của vương quốc Chiêm Thành. Sau đó cha trở sang địa hạt Đàng Trong, thăm viếng các giáo đoàn tại Phủ Mới, Nha-ru (Ninh Hòa), Qui Nhơn (lúc này có tên là Qui Ninh),²⁴⁹ Quảng

Penang gần bờ biển phía Tây Malaysia và đón nhận rất nhiều chủng sinh. Tại Penang, ban đầu có Tiểu chủng viện, nhưng từ năm 1926 chỉ còn Đại chủng viện.

²⁴⁸ Tại vùng đất này người Việt xứ Đàng Trong đã đến khai hoang lập nghiệp từ năm 1623. Theo lịch sử, năm 1620, chúa Sãi là Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635) gả công chúa Ngọc Vạn cho vua Cao Miên là Chei-Chetta II (1618-1626) để thắt chặt mối bang giao giữa hai nước và để giúp Cao Miên thoát khỏi ảnh hưởng nước Xiêm. Chúa Sãi chọn một vị đại thần, sinh quán tại Nước Mặn, làm sứ giả cho cuộc hôn nhân này. Từ đó vua Cao Miên đã cho người Việt thành lập dinh điền đầu tiên ở Mô Xoài (Bà Rịa). Chúa Sãi còn xin cho người Việt được khai khẩn và buôn bán ở những miền mà ngày nay gọi là Biên Hòa, Đồng Nai, với điều kiện là họ phải đóng thuế cho vua Cao Miên. Năm 1658 tại triều đình Cao Miên xảy ra cuộc tranh giành ngôi báu và nhờ chúa Nguyễn can thiệp, từ đó vua Cao Miên phải triều cống chúa Nguyễn và phải bênh vực người Việt sang lập nghiệp trong lãnh thổ Cao Miên. Trong những điều kiện thuận lợi như thế, dân Việt đến lập nghiệp tại đó ngày càng đông, một phần do vùng này có nhiều sông ngòi, ruộng đất phì nhiêu, phần vì để tránh những cuộc chiến tranh liên miên giữa Đàng Trong và Đàng Ngoài. Trong số những di dân ấy có nhiều người Công giáo muốn tránh những cơn bách hại tại Đàng Trong.

²⁴⁹ Trong các tài liệu có khi ghi là Qui Nhơn, có lúc ghi là Qui Ninh, nay là tỉnh Bình Định. Thực ra tên gọi đã có nhiều thay đổi qua dòng thời gian. Năm Canh thìn

Nghĩa, Kẻ Chàm, Hội An, Thuận Hóa, Dinh Cát. Tại mỗi nơi cha giảng dạy, rửa tội, giải tội và dâng lễ.²⁵⁰

1.6. Cha Giuse Trang: linh mục người Việt đầu tiên

Trong chuyến đi thăm các giáo đoàn, cha đã gặp gỡ hầu hết các thầy giảng của Giáo phận Đà Nẵng và làm cho họ công nhận tư cách Quyền đại diện của cha, trước khi các cha Dòng Tên quay trở lại. Cha đã tuyển chọn được hai người trong số họ để đào tạo làm linh mục, đó là thầy Giuse Trang và Luca Bền. Cha lo huấn luyện, dạy tiếng Latinh và thần học cho hai thầy để khi có dịp thì gửi sang Xiêm thụ phong linh mục. Năm 1667, trên một chuyến thuyền về Xiêm, cha đã gửi được một thầy đến chủng viện Ajuthia, đó là thầy Giuse Trang, 28 tuổi, quê ở Quảng Nghĩa. Ngày 31.03.1668, trong lễ vọng Phục sinh, Đức cha Lambert đã phong chức linh mục cho thầy. Theo nhận định của Đức cha Lambert, cha Trang có tất cả những dấu chứng của một người có ân sủng, cha đã từng được vinh dự chịu đánh đòn trong tù vì đã giúp các tín hữu bị cầm tù và bị kết án tử hình vì đã tuyên xưng đức tin.²⁵¹ Đó là vị linh mục tiên khởi của Giáo phận Đà Nẵng và của cả Giáo Hội Việt Nam, vì cha Gioan Huệ và cha Bênêdictô Hiền, hai linh mục tiên khởi của Đà Nẵng ngoài thụ phong linh mục vào đầu tháng sáu, tức sau đó ba tháng. Cùng thụ phong linh mục với cha Trang có cha Francisco Pérez, sau này làm Giám mục Đại diện Tông tòa tại Đà Nẵng (1690-1728). Thầy Luca Bền được gửi đến Ajuthia sau thầy Giuse Trang và được truyền chức linh mục đầu năm 1669. Sau khi thụ phong, hai cha còn ở lại trường ít lâu để học thêm.

(1471) vua Lê Thánh Tông đánh chiếm kinh đô Đồ Bàn của Chiêm Thành và lãnh thổ trực thuộc Đồ Bàn được đổi tên thành phủ Hoài Nhơn, thuộc đạo Quảng Nam. Năm Ất ty (1605), chúa Nguyễn Hoàng đổi tên thành phủ Qui Nhơn. Năm Tân mao (1651), chúa Nguyễn Phúc Tần đổi thành phủ Qui Ninh. Năm Tân dậu (1741) chúa Nguyễn Phúc Khoát lấy lại tên phủ Qui Nhơn. Năm 1802, vua Gia Long đổi phủ Qui Nhơn thành dinh Bình Định, đến năm 1808 đổi dinh thành trấn. Năm 1832 vua Minh Mạng đổi trấn Bình Định thành tỉnh Bình Định cho đến ngày nay.

²⁵⁰ Theo thư của Đức cha Lambert gửi cho Đức cha Pallu từ Xiêm ngày 17.10.1666, thư của cha Antoine Hainques gửi về Bộ truyền giáo, báo cáo của cha Chevreuil, xem ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine, I, sđd.*, tr. 46-53, 65-69.

²⁵¹ Theo thư của Đức cha Lambert gửi Đức cha Pallu tháng 08 năm 1667 và nhật ký của Đức cha Lambert năm 1668, trong *Sđd.*, tr. 62.

Ngày 04.06.1669, nhờ công khó vận động của Đức cha Pallu và nhờ ảnh hưởng của vị thư ký mới của Thánh bộ Truyền bá Đức tin là Đức cha Baldeschi, Đức Giáo Hoàng Clémentê IX đã ban hành Sắc chỉ thiết lập Giáo phận Tông tòa Xiêm và giao cho các Giám mục thuộc Hội thừa sai Paris cai quản. Đức cha Lambert chắc chắn sẽ hài lòng hơn ai hết. Vấn đề đặt trụ sở ở kinh đô Xiêm cho khu vực truyền giáo ở Đàng Trong, Đàng Ngoài và Trung Hoa từ nay sẽ được bảo đảm.

1.7. Cha Antoine Hainques, cha Pierre Brindeau, cha Giuse Trang và cha Luca Bền

Giữa năm 1669, cha Giuse Trang và cha Luca Bền trở về Giáo phận Đàng Trong. Cùng đi với hai cha, Đức cha Lambert cũng sai thêm cha Pierre Brindeau. Về tới Giáo phận, hai cha Trang và Bền liền bắt tay vào công cuộc truyền giáo cho người đồng hương. Hai cha giải tội đêm ngày, người ta tranh nhau đến xưng tội với các ngài đồng đến nỗi phải ngăn lại để các cha được nghỉ ngơi đôi chút. Cha Bénigne Vachet đã khen cha Trang là người thợ vườn nho thực xứng danh, với hân hạnh là linh mục bản xứ tiên khởi; cha hăng hái nhiệt thành, không ngoan hiểm có và làm việc không biết mệt mỏi.

Cha Antoine Hainques hài lòng khi thấy giáo dân Việt tuân đến với linh mục của họ. Cha cũng hài lòng về sự chọn lựa của mình khi thấy hai cha làm việc rất tận tụy và tự hào là một trong những người đã có công đầu trong việc thành lập hàng giáo sĩ bản xứ. Công việc đi thăm các họ đạo xa xôi, các thừa sai có thể yên tâm giao phó cho hai linh mục bản xứ. Nếu gặp cơn bách hại, các vị này có thể lẫn tránh dễ dàng hơn các thừa sai ngoại quốc.

Ngày 13.09.1669, Đức Giáo Hoàng Clementê IX đã ban hành đoàn sắc *Speculatores* truyền cho các thừa sai của các dòng tu khi đến xứ sở truyền giáo phải trình cho các Giám mục thư ủy quyền của Bề trên và hoạt động dưới sự lãnh đạo của các ngài. Đoàn sắc cũng nhắc nhở rằng các thầy giảng hoàn toàn thuộc quyền Giám mục và chỉ buộc phải khấn vâng lời các ngài mà thôi. Tất cả các lời khấn vâng lời trước đây với các thừa sai từ nay không còn giá trị.

Mặc dù các thừa sai Dòng Tên vẫn chưa chịu nhìn nhận quyền của cha Hainques, nhưng với sự cộng tác của hai linh mục bản xứ và các thầy giảng, cha đã thu lượm được nhiều kết quả, tuy lệnh bách hại vẫn còn. Ngày 26.02.1670 cha viết thư báo cáo với Thánh bộ Truyền bá Đức tin là từ ngày cha về Giáo phận Đàng Trong năm 1665, cha đã rửa tội được 2.440 người và các thầy giảng rửa tội được 3.920

người.²⁵² Trong khi đó cha Brindeau giúp cha Hainques làm sổ giáo dân đã được các thừa sai rửa tội từ năm 1665, tính được 15.000 người, nhưng thực sự có thể lên đến 20.000.

Tuy nhiên, vì kiệt sức và sốt rét ngã nước, cha Hainques đã qua đời vào tháng 12 năm 1670 tại Bình Sơn, Quảng Nghĩa.²⁵³ Một tháng sau cha Brindeau cũng qua đời vào tháng 01 năm 1671 tại Bàu Tây, Quảng Nghĩa.²⁵⁴ Hai cha Hainques và Brindeau đã qua đời sau biết bao lao nhọc đêm ngày và một cuộc đời thánh thiện và đầy công nghiệp. Các tín hữu thương tiếc và cầu nguyện với cha Hainques như với một vị thánh.²⁵⁵ Chỉ còn lại cha Trang và cha Bền. Các thừa sai Dòng Tên thì chỉ có mặt trong thời gian tàu buôn Bồ dừng lại để cất hàng.

1.8. Đức cha Lambert lên đường đến Đà Nẵng lần thứ nhất

Cha Trang và cha Bền cùng hai thầy giảng đến kinh đô vương quốc Xiêm gặp Đức cha Lambert để trình bày hiện tình Giáo phận Đà Nẵng. Thế là Đức cha quyết định sẽ đích thân đến Đà Nẵng cũng như ngài đã đến Đà Nẵng Ngoài trong thời gian 1669-1670 vừa qua.²⁵⁶ Sau khi được phép vua Xiêm để đi Đà Nẵng, Đức cha đã đặt cha Louis Laneau làm Quyền đại diện tại nước này. Ngày 20.07.1671, Đức cha lặn lẽ lên đường bằng thuyền với hai cha người Việt và hai thầy giảng, đem theo hai thừa sai Bénigne Vachet và Guillaume Mahot. Đức cha cũng sai cha Claude Guyart (hay Guiart) đến Đà Nẵng trong một chuyến khác gần thời điểm đó. Cha Guyart được một thương nhân người Pháp và đồng thời cũng là một thầy thuốc tên là Maurillon đưa về ở chung với ông ấy tại Hội An như một bạn đồng hành.²⁵⁷

Sau chuyến hành trình dài 6.000 dặm đầy gian khổ, phải đối mặt với sóng to gió lớn và nguy hiểm cướp bóc, cuối cùng Đức cha và đoàn tùy tùng đã vượt qua mũi Phan Rí thuộc vương quốc Chiêm Thành và chuẩn bị bước lên phần đất Đà Nẵng. Để tránh khỏi bị các quan phát hiện khiến cho cuộc thăm viếng có thể gây ra những

²⁵² Theo báo cáo của cha Antoine Hainques gửi về Thánh bộ Truyền giáo ngày 26.02.1670, trong *Sdd.*, tr. 53.

²⁵³ Xem *Sdd.*, tr. 44 và 62.

²⁵⁴ Xem *Sdd.*, tr. 45 và 63.

²⁵⁵ Về cái chết của hai cha, xem *Sdd.*, tr. 63-64.

²⁵⁶ Về chuyến viếng thăm đầu tiên của Đức cha Lambert đến Đà Nẵng, xem *Sdd.*, tr.78-95.

²⁵⁷ Theo báo cáo của cha Claude Guyart gửi về Hội thừa sai Paris, ngày 11.07.1671, xem *Sdd.*, tr. 118.

bách hại, Đức cha đã chọn cập bến cách kín đáo ở một nơi an toàn nhất vào ban đêm. Một trong các linh mục người Việt được sai đi báo tin cho một số tín hữu cốt cán và sáng hôm sau cha ấy đã trở ra thuyền cùng với một thầy giảng lớn tuổi, một thầy giảng trẻ và hai người khác nữa từ một làng có tên là Lâm Thuyền.²⁵⁸ Những người này chưa bao giờ nhìn thấy Giám mục và hơn nữa họ đã không có mục tử chăm sóc kể từ sau cái chết của hai cha Hainques và Brindeau. Đêm 01 tháng 09, Đức cha cùng với hai cha Mahot và Vachet ăn mặc như người Việt đã đặt chân lên Lâm Thuyền bên bờ biển sau khoảng 2 tháng hành trình từ Xiêm. Đây là một họ đạo có hơn 800 tín hữu, kể trước người sau họ đến nhận phép lành từ Đức cha. Theo lời cha Vachet, họ giống như cộng đoàn Giáo Hội tiên khởi ở Giêrusalem: một trái tim, một tâm hồn, coi nhau như anh chị em, giúp đỡ nhau trong mọi nhu cầu, trung thành thực hiện tất cả những gì họ học được từ các thầy giảng. Tại đây Đức cha đã ban phép thêm sức cho hơn 200 người. Nhiều người lương xin học đạo để lãnh nhận phép rửa tội. Đức cha giao cho cha Bền nhiệm vụ chăm sóc các tín hữu trong cả vùng đó với con số lên đến khoảng 3.000 người, để lên đường đi thăm cả Giáo phận.

Ngài dừng lại ít ngày thăm giáo dân tại Nha-ru, tức Ninh Hòa ngày nay,²⁵⁹ và cộng đoàn giáo dân ấy là tiền thân của giáo xứ Gò Muồng sau này, vì theo lời cha Vachet, nếu Đức cha đã đến Phủ Mới²⁶⁰ mà không ghé thăm giáo dân tại Nha-ru thì họ buồn.²⁶¹ Sau đó Đức cha lên đường đi Phú Yên rồi Nước Mặn, Qui Nhơn. Khi đến

²⁵⁸ Đây là địa danh được ghi trong thư chữ Nôm của linh mục và thầy giảng ở Lâm Thuyền gửi Đức cha năm 1676. Còn trong ký sự của cha Vachet thì ghi là Lam Thuyen. Có tài liệu giải thích là "Lâm Thuyền". Có tài liệu gọi là Xóm Thuyền. Địa danh này có lẽ là giáo xứ Chợ Mới thuộc Giáo phận Nha Trang ngày nay. Gọi là Xóm Thuyền hay Lâm Thuyền vì dân ở đó làm nghề đánh cá và đồ gốm, nên họ làm thuyền để đánh cá và để chở đất sét từ Bình Cang về. Sau này được đổi tên là Chợ Mới có lẽ vì tại đây có một cái chợ nhỏ, sau đó xây một chợ mới lớn hơn, từ đó người ta gọi chợ này là chợ mới và họ đạo cũng được gọi là Chợ Mới thay tên Xóm Thuyền hay Lâm Thuyền.

²⁵⁹ Nha-ru là Ninh Hòa, xem *Sđd.*, tr. 377. Tên Nha-ru (theo cách ghi âm của các thừa sai châu Âu) hay Nha Tù, Nha Du, Nha Lỗ (trong các văn bản Hán Nôm trước năm 1833), rồi Nha Phu (từ năm 1833 đến nay) đều có gốc chung từ tiếng Chăm là Ýa Ru (có nghĩa là thác nước) và là địa danh cổ của vùng đất Ninh Hòa hiện nay.

²⁶⁰ Phủ Mới là tên gọi dân gian của vùng đất mới được chúa Nguyễn chiếm của Chiêm Thành năm 1653 và lập thành dinh Thái Khang gồm 2 phủ: Thái Khang và Diên Ninh, hai phủ này có lúc được gọi chung là Thái Ninh phủ.

²⁶¹ Xem *Sđd.*, tr. 86.

Nước Mặn, biết được cha Bartolomeu d' Acosta, thừa sai Dòng Tên có cha là người Bồ, mẹ là người Nhật, từ Ma Cao đến, đang ở cách đó 4 dặm, Đức cha rất vui mừng và cha đã đến chào kính Đức cha. Đức cha cũng rất vui khi thấy lòng đạo đức của các tín hữu từ khắp nơi trong miền ấy đến với Đức cha. Quan bố chánh Qui Nhơn là người Công giáo đến chào Đức cha và khuyên ngài đi thăm quan phủ. Ông này tuy là người ngoại đạo nhưng có cảm tình với Công giáo. Ban đêm ông đến gặp Đức cha và hứa sẽ che chở cho ngài. Đức cha không định ở lại đây lâu, nhưng vì ngài bị bệnh nên đã ở lại hơn 6 tuần.²⁶²

Khi Đức cha vừa ngã bệnh, cha Vachet đã vội vàng sai người ra Hội An báo tin cho cha Guyart và bảo ngài đem theo một thầy thuốc người Pháp tên Maurillon vào chữa bệnh cho Đức cha. Mọi người đều lo sợ thầy thuốc đến không kịp, vì thấy Đức cha ngày càng yếu hơn vì do cơn sốt hoành hành, lại đang ở tại một nơi bốn phía toàn là núi với đầm lầy, thời tiết khắc nghiệt vì đang mùa mưa. Ngài xin được chịu phép xức dầu vì sợ không qua khỏi. May thay, sau 15 ngày thầy thuốc đã tới cùng với cha Guyart và Đức cha đã dần dần bình phục. Ngài tiếc là không làm được gì nhiều cho giáo dân trong thời gian dưỡng bệnh dài như thế, tuy nhiên ngài vui mừng khi thấy cha Giuse Trang đã hoạt động rất hiệu quả và đã rửa tội được 72 người. Ngài cũng được an ủi rất nhiều khi đọc được những bức thư từ các cộng đoàn gửi đến hỏi thăm sức khỏe của ngài trong thời gian ngài bị bệnh.

Ngày 01 tháng 11, lễ Các Thánh, mặc dù còn yếu, Đức cha vẫn rửa tội cho 18 tân tòng, ban phép thêm sức cho hơn 200 người và tự tay cho họ rước lễ. Tính ra Đức cha đã vào xứ Nam được hai tháng. Sau đó ngài để cha Mahot ở lại chăm sóc giáo dân vùng Qui Nhơn, còn ngài cùng với cha Vachet, cha Guyart và cha Trang tiếp tục đi Quảng Nghĩa, ăn mặc như người thường. Khi có người hỏi: "Những người ngoại quốc này là ai vậy?", thì được trả lời: "Đó là những thương nhân của một chiếc tàu tại Hội An đến buôn bán ở các tỉnh". Bằng cách đó đoàn tùy tùng của Đức cha gồm trên dưới 40 người vẫn đi đường bình an giữa ban ngày. Dọc đường có nhiều giáo dân ra đón các ngài và xin chịu các Bí tích.

Sau 8 ngày ra đi từ Nước Mặn, ngài và đoàn tùy tùng đã đến được Quảng Nghĩa. Được tin, các tín hữu tại đây hết sức phấn khởi. Quảng Nghĩa lúc đó là vùng Công giáo đông đúc và sầm uất hơn cả, với những tín hữu nhiệt thành và đầy đức tin, nhờ công lao hoạt động

²⁶² Có người cho rằng Đức cha bị ngộ độc khi dùng bữa tại nhà quan trấn Nha Ru.

của cha Hainques và cha Brindeau,²⁶³ và sau cái chết của hai cha, chính những vị đầu mục tại đây đã viết cho Đức cha bức thư năm 1670 với những lời lẽ hết sức cảm động để mời Đức cha đích thân đến cứu giúp đoàn chiên. Đức cha ở lại Quảng Nghĩa hơn hai tháng.

Tại Quảng Nghĩa, các tín hữu rải rác ở nhiều nơi, nhưng vào các ngày Chúa nhật và lễ trọng họ tập trung tại 3 nơi chính, đó là An Chỉ, Bàu Tây và Châu Me. Chính vị thầy giảng tại Châu Me phụ trách cả ba nơi trong thời gian vắng mặt các thừa sai. Không may, vừa tới nơi được ít hôm thì có tin đồn rằng một cuộc bách hại đức tin đang tái phát trong vùng Quảng Nam (Kẻ Chàm) vì triều đình biết sự có mặt của Đức cha và mấy thừa sai. Vì thế Đức cha tạm lánh mặt không tiếp xúc với các tín hữu từng đoàn lũ đến gặp ngài như họ quen làm. Mặc dù vậy, các tín hữu từ khắp nơi vẫn cứ đến cả ngày lẫn đêm. Nhà thờ Bàu Tây hầu như lúc nào cũng đầy người. Đức cha phải ẩn lánh trong nhà một bà góa đạo đức tại An Chỉ tên là Lucia Ký 5 tuần lễ.²⁶⁴

1.9. Thành lập Dòng Chị Em Mến Thánh Giá tại Đàng Trong

Trong khi cha Guyart trở ra Hội An để chuẩn bị cho Công nghị sắp tới, thì Đức cha Lambert đến An Chỉ²⁶⁵ ở Quảng Nghĩa để thành

²⁶³ Theo báo cáo của cha Vachet gửi về Hội thừa sai Paris năm 1672 thì chính hai cha Hainques và Brindeau đã làm cho giáo đoàn tăng thêm một nửa, để số tín hữu lúc ấy đạt đến từ 25.000 đến 30.000, theo sự ước tính của những người chuyên môn và đáng tin. Xem *Sdd.*, tr. 91.

²⁶⁴ Theo bài ký sự của cha Vachet, đầu tiên đoàn thăm viếng đến ở tại một gia đình giáo dân ở Bàu Tây (nay là giáo họ Xóm Bàu, An Chỉ Đông). Tuy nhiên vì có nhiều người đến, khiến các vị đầu mục lo sợ. Thấy vậy, Đức cha không muốn làm phiền họ, nên ngài và đoàn tùy tùng được đưa đến nhà bà Lucia, cách nhà tạm trú lúc đầu khoảng một dặm. Bà Lucia là cô ruột của chủ nhà mà Đức cha tạm trú trước đó.

Theo ĐÀO QUẢNG TOÀN, *Mến Thánh Giá thế kỷ 17 thành lập và tổ chức*, 1998, chương 4, chú thích 10: Trong những bài viết của các tác giả Việt Nam, chúng ta đọc thấy tên vị ân nhân này là "Bà Lucia Ký". Nhưng trong các bản viết tay của thừa sai De Courtaulin, vị ân nhân này mang tên là "Bà Lucia Ký": AMEP. 734, 494 (Ba Kí); 735, 64 (Madame Lucie Kí); 734, 305 (Ba Khi). Bà Lucia Ký là một quả phụ giàu có, nhưng không có con. Thừa sai De Courtaulin nói về bà bằng những lời như sau: "Bà Lucia Ký (Madame Lucie Kí: từ "Madame" rất trang trọng) là người đàn bà đức hạnh nhất mà chúng tôi được biết trong vương quốc này. Bà đã cho xây lên một ngôi nhà thờ lớn mà bà đã dâng cho Đức cha và các thừa sai của ngài. Và bà cung dường tất cả những linh mục là những kẻ đi giúp các bôn đạo trong tinh hạt này" (AMEP. 735, 64).

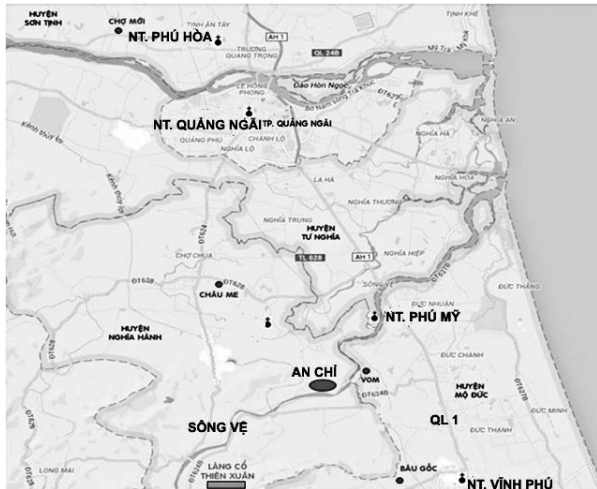
²⁶⁵ Về mặt địa lý, vùng đất An Chỉ nằm sát bờ Bắc sông Vệ, một trong bốn con sông lớn của tỉnh Quảng Ngãi ngày nay. Về mặt hành chánh, địa danh An Chỉ ngày nay là một vùng đất bao gồm hai thôn: An Chỉ Đông và An Chỉ Tây thuộc xã Hành

lập Dòng Chì Em Mến Thánh Giá, như ngài đã thành lập tại Đà Nẵng Trong lần này Đức cha Lambert đã đến nhiều nơi như Lâm Thuyền, Nha Ru, Nước Mặn, An Chi, Châu Me, Chợ Mới, Hội An, Thanh Chiêm, có nơi Đức cha đến thăm hai lần như Nước Mặn. Tại sao Đức cha lập Dòng Mến Thánh Giá tại An Chi mà không phải ở những nơi khác ?

Theo ký sự của cha Vachet, trong chuyến viếng thăm mục vụ tại Đà Nẵng Trong lần này Đức cha Lambert đã đến nhiều nơi như Lâm Thuyền, Nha Ru, Nước Mặn, An Chi, Châu Me, Chợ Mới, Hội An, Thanh Chiêm, có nơi Đức cha đến thăm hai lần như Nước Mặn. Tại sao Đức cha lập Dòng Mến Thánh Giá tại An Chi mà không phải ở những nơi khác ?

Việc Đức cha Lambert thành lập Dòng Mến Thánh Giá tại An Chi cách nhanh gọn ngay trong chuyến viếng thăm mục vụ đầu tiên của ngài tại Giáo phận Đà Nẵng là một quyết định không phải do ngẫu hứng hay tình cờ, mà phải có những yếu tố, những điều kiện cần và đủ đã được chuẩn bị trước:

Trước khi Đức cha Lambert đến An Chi, cánh đồng truyền giáo này do các thừa sai Dòng Tên cày xới và gieo hạt giống Tin Mừng. Sau đó, hai cha Antoine Hainques và Pierre Brindeau thuộc Hội thừa sai Paris sống với dân ở Quảng Nghĩa không lâu, nhưng dân rất thương mến. Thêm vào đó, cha Giuse Trang, quê



AN CHI VÀ CÁC NHÀ THỜ, CÁC GIÁO HỌ LÂN CẬN

An Chi, vị linh mục người Việt đầu tiên của Giáo Hội Việt Nam, đã để lại "ấn tượng đức tin" trong lòng Đức cha Lambert, cũng như trong lòng các vị thừa sai và giáo dân. Do đó, cha Giuse Trang có thể được coi như một trong những chiếc cầu nối quan trọng trong việc Đức cha Lambert quyết định thành lập dòng Mến Thánh Giá tại An Chi.

Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Về mặt tổ chức của Giáo Hội công giáo, An Chi ngày nay là một vùng đất của hai giáo họ: An Chi (An Chi Nam) và Xóm Bàu (An Chi Bắc), thuộc giáo xứ Châu Me, Giáo phận Qui Nhơn.

Hơn nữa, khi Đức cha còn ở Xiêm, qua một bức thư nhờ cha Hainques chuyển cho Đức cha, một nhóm thiếu nữ đã trình bày ước nguyện của họ là muốn được tận hiến cho Thiên Chúa một cách trọn hảo nhất. Khi đến An Chi, Đức cha và đoàn tùy tùng đã chứng kiến hành vi đức tin của nhóm thiếu nữ này: "Đức cha Bérithé (Lambert) hỏi lý do nào đã đưa họ đến ước muốn cách sống này, đồng thời ngài đặt mọi câu hỏi mà ngài thấy cần thiết để đánh giá tâm lòng của họ và cũng để nhận biết thánh ý Chúa trên cuộc đời của họ. Họ trả lời tất cả mọi vấn đề với một tâm lòng thật thà và đơn sơ, đến nỗi tất cả những ai đang có mặt ở đó đều một phần thì cảm mến vì cử chỉ của họ, một phần thì phải chân nhận rằng tâm hồn họ đã được đong đầy sức mạnh của ân sủng. Lúc đó, chúng tôi ngập chìm trong một ấn tượng sâu sắc mà các thiếu nữ ấy tạo nên, đến độ tôi không biết đến bao giờ sẽ có sự gì khiến chúng tôi thiết tha với sự trọn lành của chúng tôi một cách da diết và nồng nhiệt hơn thế nữa".²⁶⁶

Nhân sự là thế, còn một yếu tố không thể thiếu, đó là cơ sở vật chất. Cha Vachet tường thuật việc Đức cha Lambert giải quyết vấn đề này như sau: "Đức cha đã cảm thấy cách mạnh mẽ rằng phải đưa họ ra khỏi nhà cha mẹ của họ để cho họ sống chung với nhau. Điều khó khăn là tìm được một nơi an toàn để họ còn tránh khỏi việc hôn nhân, một điều ngược với tập quán xứ sở của họ mà không bị kẻ ngoại khám phá ra, cũng là nơi họ sống theo sự hướng dẫn của một phụ nữ công giáo khôn ngoan và đức hạnh, có uy tín che chở họ tránh mọi phiền hà có thể xảy đến cho họ sau này. Vì bà Lucia có mọi phẩm tính trên nên Đức cha Bérithé (Lambert) đã hỏi bà, liệu bà có sẵn lòng đón nhận nơi nhà bà dưới sự bao bọc của bà những thiếu nữ đã đến trình diện với ngài không. Bà xin ngài cho bà hai ngày để suy nghĩ về điều ấy. Thời hạn đã qua, bà thưa với ngài rằng ngài có thể dùng tất cả những gì thuộc về bà, rằng bà vui lòng dâng cúng ngôi nhà của bà cùng vườn tược xung quanh để những nữ tỳ Chúa Giêsu Kitô trú ngụ và của cải của bà để nuôi dưỡng họ, rằng bà ước ao được sống chết với họ, miễn sao mọi sự được thực thi trong đức vâng lời".²⁶⁷

Sau khi tìm hiểu rõ ràng ý nguyện của các thiếu nữ, Đức cha cho họ làm tuần cửu nhật kính Đức Trinh Nữ Maria và Thánh Cả Giuse, rồi quyết định thành lập Hội dòng. Đức cha ban cho họ bản qui luật gần giống như qui luật mà thánh Phanxicô Salêsiô đã ban hành cho

²⁶⁶ ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine, I, sđd.*, tr. 95-96.

²⁶⁷ *Sđd.*, tr. 96.

các nữ tu Dòng Thăm Viếng. Qui luật này đã được Đức cha biên soạn cho Hội dòng Chị Em Mến Thánh Giá do ngài thành lập tại Đà Nẵng. Các chị em sống cộng đoàn dưới quyền một Bề trên, nhưng mặc y phục hết sức đơn giản như người dân thường. Lúc đầu chỉ có 8 chị em, người đứng đầu là một phụ nữ 30 tuổi, em gái cha Giuse Trang. Việc chăm sóc và huấn luyện Hội dòng tại An Chi được Đức cha giao phó cho cha Guillaume Mahot. Đây là những nữ tu tiên khởi của Giáo phận Đà Nẵng.

Theo lời cha Vachet, các chị em của Hội dòng cầu nguyện rất nhiều, ăn uống thật ít, ngoài giờ đọc kinh cầu nguyện, các chị làm việc rất nhiều suốt ngày. Các chị có một Bề trên mà các chị yêu mến và kính trọng lắm. Các chị giữ đúng từng li từng tí các luật phép đã ban cho các chị. Các chị tin tưởng và vâng phục hoàn toàn cha hướng dẫn. Nói tóm lại, các chị không thua gì các nữ tu sốt sắng của những dòng đã cải cách ở Tây phương.²⁶⁸

1.10. Triệu tập Công nghị tại Hội An

Biết rằng Đức cha sắp đi Hội An để chủ tọa Công nghị, lúc ấy gần đến lễ Giáng sinh, các tín hữu thuộc giáo đoàn Bình Sơn, nơi có mộ của cha Hainques, phái các đại diện gồm các thầy giảng và một số đầu mục của họ đến gặp Đức cha và xin ngài đến mừng lễ với họ, đồng thời viếng mộ của một người đã tận lực làm việc để mở mang Nước Chúa. Đức cha chấp nhận ngay lập tức lời khẩn cầu của họ, vì ngài đã có ý định sẽ làm như thế trước khi từ giả Quảng Nghĩa. Các đại diện nhận thấy rất rõ sự ưu ái của Đức cha đối với vùng này, và kể từ đó họ gọi giáo đoàn Quảng Nghĩa là trường nữ của các giáo đoàn Đà Nẵng. Tên gọi này thật xứng đáng vì tại đây đã có nhiều người tử đạo, có vị linh mục người Việt tiên khởi, có những trinh nữ đầu tiên dâng mình cho Chúa, có nhiều chủng sinh sẽ tiến đến chức linh mục sau khi thụ huấn tại chủng viện ở Xiêm, cũng như có số tín hữu rất đông đảo. Đó là những lý do khiến Đức cha có một sự quan tâm đặc biệt đối với giáo đoàn tại miền này, để hiện diện giữa họ trong thời điểm thánh thiện đặc biệt này.

Trong đêm trước khi Đức cha đi Bình Sơn, các tín hữu Châu Me đến xin ngài ghé qua cộng đoàn của họ và ban Bí tích thêm sức cho họ. Ngay trong đêm ấy ngài đã đến và cử hành Bí tích cho họ tại một

²⁶⁸ Về việc thành lập và các qui luật Dòng Các Chị Em Mến Thánh Giá tại An Chi, xem *Sđđ.*, tr. 95-99.

nhà nguyện vốn là nhà của một tín hữu có tên thánh là Bê-nê-đi-cô đã chịu chết vì đạo trong cuộc bách hại trước đó. Sáng hôm sau Đức cha lên đường đi Bình Sơn, nơi các giáo dân đang nóng lòng đợi chờ ngài. Trong thời gian 10 ngày ở Bình Sơn, cả ngày lẫn đêm, ngài dạy dỗ và cử hành các Bí tích, đặc biệt ngài đã ban phép rửa tội cho hơn 60 người lớn. Ngày 15.01.1672 Đức cha trở đi lên cửa Hội An với cha Vachet và cha Trang.²⁶⁹

Trước khi đến Hội An, đoàn ghé thăm các giáo đoàn trên đường đi. Hội An lúc bấy giờ là một nơi có khoảng 8.000 tín hữu tập trung tại 4 nhà thờ khác nhau, Đức cha và các cha phải dành trọn 12 ngày để giải tội, rửa tội và cử hành các Bí tích khác cho giáo dân. Chính tại đây Đức cha sẽ triệu tập Công nghị đầu tiên của Giáo phận Đà Nẵng. Việc chuẩn bị được giao cho cha Guyart đảm trách. Để tránh những rắc rối có thể xảy ra, Đức cha đã đi thuyền đến một hòn đảo nhỏ nằm gần cửa Hội An, nơi có một làng toàn tông Công giáo. Tại đây người ta đã chuẩn bị cho ngài một căn nhà lá thô sơ.

Lý do khiến Đức cha dừng lại lâu hơn tại Hội An và muốn tổ chức Công nghị tại đây hơn là tại những nơi khác vì tại đây đã bắt đầu có sự chia rẽ. Trước khi qua đời, hai cha Hainques và Brindeau đã đau lòng viết thư về Xiêm cho Đức cha và mong muốn ngài đích thân hiện diện để chặn đứng sự chia rẽ này. Quả thế, theo báo cáo của cha Vachet, trước khi Đức cha đến, người ta thấy tinh thần của các tín hữu và các thầy giảng không thống nhất về nhiều vấn đề.²⁷⁰ Tình hình chia rẽ trong Nam lúc đó trầm trọng hơn ngoài Bắc. Nó đã xảy ra ngay từ khi cha Chevreuil được Đức cha Lambert sai đến Giáo phận năm 1664, lúc đó giáo đoàn đang ở trong tay các thừa sai Dòng Tên và các vị này lại không công nhận quyền của Đức cha. Nếu không nhanh chóng đạt được một sự hiệp nhất thì sẽ khó tránh khỏi đổ vỡ.

Sở dĩ các thừa sai Dòng Tên không chịu nhận quyền của Đức cha Lambert vì các ngài lấy lý lẽ rằng các Sắc lệnh của Tòa Thánh đặt các Giám mục đại diện không gửi qua Tòa Chương Ấn Lisboa và không có sự phê chuẩn của quốc vương Bồ Đào Nha, nên không có giá trị và không được công nhận. Việc sai các Giám mục đại diện và các thừa sai người Pháp đến nước Việt và Trung Hoa, không có sự

²⁶⁹ Theo báo cáo của cha Vachet trong *Sdd.*, tr. 100-106.

²⁷⁰ Theo báo cáo của cha Vachet gửi về Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris năm 1672, trong *Sdd.*, tr. 106-107.

ưng thuận của quốc vương Bồ, là một việc bất hợp pháp, trái với quyền bảo trợ của quốc vương Bồ.

Chính tại căn nhà lá nghèo nàn trên hòn đảo ở cửa Hội An, ngày 19.01.1672, Đức cha Lambert đã nhóm họp Công nghị đầu tiên của Giáo phận Đà Nẵng. Thành phần tham dự gồm có cha Guyart, cha Vachet, cha Trang và khoảng 30 thầy giảng. Thực ra số thầy giảng trong Giáo phận lúc bấy giờ là 80 người, nhưng vì thận trọng nên ban tổ chức đã hủy thư mời một phần lớn các thầy giảng. Hơn nữa các thừa sai Dòng Tên và các thầy giảng thuộc quyền các ngài cũng không đến dự.

Công nghị thảo luận nhiều vấn đề liên quan đến đức tin và kỷ luật Giáo Hội; đưa ra cho các cha giải tội những qui luật đùng chạm đến những trường hợp khó khăn hơn và có liên quan với phong tục tập quán bản xứ. Tại Công nghị, Đức cha cho biết tình hình của các giáo đoàn, về những ý định và mệnh lệnh của Tòa Thánh. Đồng thời đề cập đi nguyên nhân của những khác biệt có nguy cơ dẫn đến chia rẽ, ngài đã công bố 5 Sắc chỉ của Tòa Thánh, đặc biệt là sắc phong Giám mục Đại diện Tông tòa, cùng với đoàn sắc *Speculatores* đặt các thừa sai và các thầy giảng dưới quyền cai quản của Giám mục Đại diện. Với tất cả những Sắc lệnh rõ ràng như thế, từ đây các cha Dòng Tên không có lý do gì phủ nhận quyền của Giám mục Đại diện Tông tòa. Các thầy giảng cũng như giáo dân không còn gì để nghi ngờ hoang mang.

Trong thư gửi về chủng viện thừa sai Paris, cha Vachet đã viết rằng tất cả mọi người có mặt trong Công nghị đều một lòng công nhận quyền của Đức Giám mục và các quyết định của Sắc lệnh Tòa Thánh. Nhưng có lẽ cha Vachet quá lạc quan và không đề ý đến những người theo các thừa sai Dòng Tên không đến dự Công nghị.

Tiếp đến, Đức cha đưa ra những luật lệ về tổ chức nhà Đức Chúa Trời, về tổ chức các thầy giảng và tổ chức các xứ đạo. Việc sửa chữa các tệ nạn và thiếu sót trong việc giáo huấn cũng được bàn đến. Quyết định của Công nghị gồm 10 khoản. Hai khoản đầu nói về quyền cai quản của Giám mục Đại diện Tông tòa cai quản Giáo phận và buộc các thừa sai dòng phải xin quyền hoạt động của ngài. Từ đây hệ thống tổ chức Giáo Hội tại xứ truyền giáo đã được ấn định và thống nhất.²⁷¹

Sau Công nghị, Đức cha còn muốn ở lại thêm một thời gian để thăm các xứ đạo mà ngài chưa đi qua, nhưng hoàn cảnh không cho phép, vì tình hình chính trị. Sau khi rảnh tay với nhà Mạc ở Cao Bằng,

²⁷¹ Về những quyết định của Công nghị Hội An, xem *Sdd.*, tr. 108-111.

chúa Trịnh quyết đem toàn lực vào giải quyết vấn đề trong Nam. Đây là cuộc đại chiến lần thứ bảy vào năm 1672. Trong khi chuẩn bị đương đầu với chúa Trịnh, chúa Nguyễn cũng để ý đến tình hình nội bộ, đề phòng những nội công và những cuộc nội loạn. Sự hiện diện của Đức cha trong thời điểm này có thể gây nghi ngờ cho nhà chúa.

Do đó Đức cha chỉ ở tại cửa Hội An chừng một tháng và ngài bắt đầu lên đường trở lại Xiêm. Ngài đặt cha Guyart làm Quyền đại diện xứ Đàng Trong và Chiêm Thành, đồng thời là thừa sai trông coi các giáo đoàn phía Bắc của Giáo phận. Đức cha nhấn nhủ cha Quyền đại diện Guyart phải liên tục đi thăm định kỳ tất cả các giáo đoàn. Các tín hữu tại Nước Mặn gửi thư nài xin ngài ghé thăm họ một lần nữa trước khi về Xiêm. Ngày 15.02.1672 ngài cập bến Nước Mặn và đi thăm lại một số nơi có đông giáo dân. Họ vui mừng vì thấy ngài hoàn toàn mạnh khỏe. Đức cha để cha Trang ở lại chăm sóc giáo dân vùng này như một cha sở và còn có quyền quản trị tổng quát trên các vùng phía Nam. Cha thật xứng đáng vì sự nhiệt thành năng nổ, vì sự khôn ngoan hiểm có và vì sức làm việc không thể tưởng tượng. Ngoài ra cha còn là một linh mục đầy lòng bác ái, dịu dàng, khiêm tốn và vâng phục.²⁷²

Ngày 29.03.1672, Đức cha và cha Vachet rời bờ biển xứ Nam, đem theo 12 chủng sinh sang học trường chung ở Xiêm. Không may, thuyền của Đức cha gặp thuyền của quan đại sứ Đàng Trong. Cuộc gặp gỡ này bất lợi cho Đức cha vì có đem theo 12 chủng sinh người Việt. Đức cha sợ việc này đến tai chúa Hiền, nên xin quan đại sứ yên lòng là ngài sẽ cử một vị thừa sai đến phủ chúa, để giải thích vì sao ngài đến Đàng Trong mà không đến yết kiến chúa Hiền và lý do ngài đem các chủng sinh người Việt sang Xiêm. Ngày 21 tháng 04, Đức cha về tới kinh đô vương quốc Xiêm. Cuối năm 1672, tại Ajuthia Đức cha truyền chức cho vị linh mục thứ ba của Đàng Trong, đó là cha Emmanuel Bôn, và lập Dòng Mến Thánh Giá cho các Việt kiều Đàng Trong, với bản qui luật như ở nước Việt.

1.11. Công việc truyền giáo sau Công nghị Hội An

Cha Guyart ngay lập tức thực hiện lời nhấn nhủ của Đức cha Lambert trước khi ngài xuống thuyền về Xiêm. Là một thầy thuốc, ngài dễ dàng đi đến với lương dân để chữa lành các bệnh tật phần xác và qua đó cũng tìm cách phục vụ sức khỏe phần hồn của họ. Ngài rảo

²⁷² Theo báo cáo của cha Vachet gửi về Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris năm 1672, trong *Sdd.*, tr. 114.

khắp những nơi có các tín hữu, từ miền này đến miền khác, để biết nhu cầu của họ, để ban Bí tích cho họ, để truyền cho họ sự nhiệt tình mới và bảo các thầy giảng phải báo cáo về những tiến bộ họ thực hiện được nơi dân chúng dưới quyền của họ. Hầu như lúc nào ngài cũng đi vào ban đêm, đi chân không và ăn mặc nghèo khó, để khỏi bị các quan lại dòm ngó.

Theo tinh thần của Công nghị Hội An, cha Guyart và cha Trang lo dạy đạo kỹ lưỡng cho những người dự tòng. Các ngài cũng rất cương quyết không chấp nhận những người chưa giải quyết những rắc rối về hôn nhân. Do đó tuy số tân tòng không nhiều lắm, nhưng được trang bị chắc chắn về giáo lý. Đang khi đó, các thừa sai Dòng Tên dưới quyền cha Acosta không theo quyết định của Công nghị, rửa tội cho các dự tòng một cách khá dễ dãi, nên rửa tội được nhiều hơn.

Với những hy sinh quá nhiều cho công cuộc truyền giáo, lại thêm đời sống khổ hạnh, cha Quyền đại diện Guyart qua đời ngày 24.05.1673 tại Bàu Nghè, có lẽ thuộc Quảng Nam chứ không phải Quảng Nghĩa như cha Launay đã ghi.²⁷³ Theo một tài liệu khác, ngày qua đời của cha Guyart là ngày 03 tháng 06, người ta đã xây cho ngài một ngôi mộ thật đẹp và các tín hữu nói rằng nhiều phép lạ đã xảy ra tại đó. Cha Mahot đang ở Nước Mặn lên làm Quyền đại diện thay cha Guyart, như lời Đức cha đã dặn trước khi về Xiêm.²⁷⁴

Trong chính năm ấy, Đức cha sai thêm cha Vachet đến Đà Nẵng mang theo những tặng phẩm gửi biểu chúa Hiền. Cùng đi với ngài có cha Emmanuel Bồn mới được Đức cha truyền chức linh mục. Tháng 09 năm 1673, các cha từ thuyền lên bộ ở Quảng Nghĩa, vì theo lời cha Mahot, lúc ấy Quảng Nghĩa là địa bàn chính yếu của Giáo Hội ở vương quốc Đà Nẵng.²⁷⁵ Tại đây cha Vachet đã ngã bệnh nên không thể mang quà của Đức cha ra Kim Long để dâng cho chúa Hiền được. Vì thế, cha Mahot từ Nước Mặn ra Quảng Nghĩa để thăm cha Vachet rồi cùng với cha Emmanuel Bồn mang lễ vật ra phủ chúa. Trên

²⁷³ Xem *Sđđ.*, tr. 75. Theo báo cáo về các thừa sai và các chuyến đi của các Giám mục Đại diện Tông tòa vào các năm 1672-1675, cha Mahot từ kinh trẩy đi Hội An và có ý định ghé Bongzé (Bau-nghe) để viếng mộ cha Guyart. Như vậy Bongzé không thể ở Quảng Nghĩa được, có thể đó là An Ngãi, vì nằm trên đường từ kinh về Hội An. Xem *Sđđ.*, tr. 131.

²⁷⁴ Theo hồi ký của cha Vachet và báo cáo của cha Mahot gửi về Thánh bộ Truyền giáo, tháng 07 năm 1675, trong *Sđđ.*, tr. 121-122.

²⁷⁵ Theo báo cáo của cha Mahot gửi về Thánh bộ Truyền giáo, tháng 07 năm 1675, trong *Sđđ.*, tr. 122.

đường đi hai cha đã bị bắt, nhưng cha Bồn đã trình bày thật xuất sắc về đạo Chúa khiến các quan phải kính nể và hơn nữa khi biết hai cha mang quà của Đức cha ra phủ chúa, nên đã trả tự do và giúp phương tiện để hai cha đi mà không bị ai làm khó dễ. Chúa Hiền là Nguyễn Phúc Tần vừa thắng quân chúa Trịnh lại nhận được những quà biếu của Đức cha nên đối xử dễ dãi với Công giáo. Được phép của phủ chúa, cha Mahot đi thăm các giáo đoàn xứ Nam từ Thuận Hóa cho đến vùng đất cực Nam của vương quốc.²⁷⁶

Trong khi đó ở Quảng Nghĩa, cha Vachet bị bệnh nặng tưởng chừng như sắp chết. Các linh mục Việt và một số đầu mục giáo dân tại đó vội lấy thuyền qua Xiêm báo tin cho Đức cha Lambert để xin ngài cho thừa sai khác đến thay thế. Đức cha đã sai thêm hai thừa sai là cha Jean Courtaulin và Gabriel Bouchard. Khoảng giữa năm 1674, các cha cập bến tại vùng đất cực Nam của Đàng Trong. Từ đó cha Courtaulin và cha Trang được cha Mahot hướng dẫn đi thăm giáo dân các nơi từ phía Nam ra phía Bắc. Nhưng có người ganh ghét các thừa sai nên khi thuyền vừa đến nơi, họ đã làm đơn tố cáo lên chính quyền nhiều việc không đúng, khiến cha Vachet lúc ấy đã bình phục phải theo về phủ chúa để can thiệp và đã thành công nhờ sự giúp đỡ của quan đệ nhất đại thần là bạn của cha.²⁷⁷

Mặc dù phủ chúa ban phép dễ dãi đối với đạo, nhưng các tín hữu tại các tỉnh không được yên. Lý do là vì sự ban phép ấy không được thông báo cho các quan chức địa phương theo kiểu thức thông thường, phần thì do sự tham lam của các quan, nên họ đã gây nhiều phiền nhiễu khắp nơi, nhất là tại các vùng Nước Mặn và Phú Yên, bằng cách bỏ tù người này, chiếm đoạt của cải người khác và đòi những khoản tiền chuộc lớn mà không trưng ra bất kỳ một lệnh nào của phủ chúa. Các tín hữu ấy đến trình với cha Mahot và ngài dạy họ gửi đơn khiếu nại lên phủ chúa. Phủ chúa đã cho lệnh điều tra và trừng phạt nghiêm khắc những quan chức ấy khiến họ không còn ức hiếp các tín hữu nữa.²⁷⁸

Cha Courtaulin cũng được Đức cha đặt làm Quyền đại diện như cha Mahot. Ngài thường xuyên ở tại Hội An là nơi quan trọng của xứ Nam và cũng là nơi có nhiều tín hữu; còn cha Bouchard thì ở vùng cực Nam, giáp giới vương quốc Chiêm Thành. Trong Giáo phận còn có 3 thừa sai Dòng Tên: vị thứ nhất là cha François-Ignace Baudet,

²⁷⁶ Xem *Sđd.*, tr. 131-132.

²⁷⁷ Theo hồi ký của cha Vachet, trong *Sđd.*, tr. 133-142.

²⁷⁸ Xem *Sđd.*, tr. 143-144.

người Pháp, ở gần cha Gabriel Bouchard; vị thứ hai là cha Giuseppe Candone, người Sicilia, ở tại Kim Long; vị thứ ba là cha Bartolomeu d' Acosta, khi thì ở Kim Long khi thì ở Hội An.²⁷⁹

Cha Courtaulin đã đi thăm viếng các giáo đoàn trong khắp Giáo phận; đây là điều rất khó khăn và nguy hiểm. Nghe biết ngài đi đến đâu, các tín hữu từ khắp nơi tuôn đến với ngài. Khi đến Hội An, bắt chấp lệnh của phủ chúa và sự lo sợ của nhiều người, cha quyết định dựng một ngôi nhà thờ công khai bằng gỗ. Công trình hoàn tất sau ba ngày. Tại Quảng Nghĩa, cha đi đến với những người dân tộc miền núi cùng với cha Bồn để rao giảng Tin Mừng và giúp đỡ thuốc men cho họ.²⁸⁰ Rồi từ đó cha đi thăm giáo dân tại Kim Long và các vùng phía Bắc như Dinh Cát và Quảng Bình.

Về tình hình chung của Giáo phận, cha Courtaulin cho biết cứ mỗi hải cảng đều có một ngôi nhà thờ cho các tín hữu người Việt sinh sống ở đó để buôn bán. Các tín hữu trong Giáo phận rất trung thành tuân giữ các điều răn của Chúa. Đường như họ không bao giờ bỏ đọc kinh lần hạt vào buổi sáng và buổi tối, cũng như tất cả những kinh khác mà họ thuộc. Họ xưng tội mỗi khi gặp được một linh mục. Còn về việc rước lễ thì họ rất dè dặt, vì nghĩ rằng mình không xứng đáng, cho dù họ chỉ phạm tội nhẹ.²⁸¹

1.12. Chuyến viếng thăm lần thứ hai của Đức cha Lambert tại Đà Nẵng

Đầu năm 1675, cha Giuse Trang phụ trách khu vực Nước Mặn đã qua đời tại Phú Yên, hưởng dương 36 tuổi, vì bị bệnh sốt rét ngã nước sau những ngày hoạt động ở vùng nước độc nơi rừng núi phía Tây. Cái chết của ngài là một mất mát lớn đối với Giáo phận, vì theo lời cha Vachet, ngài là một nhà truyền giáo nhiệt thành, khôn ngoan hiếm có và làm việc không biết mệt mỏi. Cũng trong năm ấy chúa Hiền có nhã ý mời Đức cha Lambert đến Đà Nẵng. Cha Quyền đại diện Mahot và cha Vachet vội vàng đi Xiêm để báo tin cho Đức cha. Vào cuối tháng 07 năm 1675 Đức cha rời Xiêm để đi thăm Giáo phận Đà Nẵng lần thứ hai cùng với hai cha Mahot và Vachet trên chiếc

²⁷⁹ Theo báo cáo của cha Mahot gửi Ban giám đốc chủng viện Thừa sai Paris ngày 30.06.1675, trong *Sđđ.*, tr. 157.

²⁸⁰ Theo báo cáo của cha Courtaulin gửi Đức cha Lambert ngày 10.12.1674 và ngày 30.08.1675, trong *Sđđ.*, tr. 166-168.

²⁸¹ Theo báo cáo của cha Courtaulin về Giáo phận Đà Nẵng, trong *Sđđ.*, tr. 210.

tàu của phủ chúa Nguyễn.²⁸² Lần này với tư cách là thượng khách của chúa Hiền, Đức cha không phải vào xứ Nam cách lén lút như lần trước. Ngài cùng với hai cha tháp tùng đi thẳng đến cửa Hội An và được cha Quyền đại diện Courtaulin đón rước long trọng. Các ngài cho mời các linh mục, các thầy giảng và những người khôn ngoan đến để bàn về những phương thế bảo đảm nhất để phát triển Giáo phận, về những con đường tốt nhất để tạo sự hiệp thông hòa bình giữa các thừa sai, cũng như về cách xử sự của phái đoàn khi đến phủ chúa.

Vào khoảng lễ Hiền Linh, Đức cha đến Kim Long, được các tín hữu đón tiếp với niềm vui khôn tả và được lương dân hết sức kính trọng. Lúc đó chúa Hiền đang có tang thế tử, nên chỉ nhận lễ vật chứ không ra tiếp Đức cha được, nhưng đã sai quan phò mã truyền đạt ý muốn của nhà chúa cho Đức cha: Đức cha có thể ở lại bao lâu tùy ý, chỗ ở chính là Hội An, có thể thỉnh thoảng về Kim Long và được tự do đi thăm viếng các tín hữu trong khắp xứ Nam, miễn là đừng tổ chức những cuộc hội họp đông đúc âm ỉ là được. Nhận được nhã ý của chúa Hiền, Đức cha quyết định sẽ ở tại Kim Long sáu tháng và ngài cho xây dựng một ngôi nhà thờ trên mảnh đất mà chúa Hiền đã ban cho. Ngài cũng sẽ ở Hội An sáu tháng, vì tại đây có một ngôi nhà thờ khá lớn và sạch sẽ, hơn nữa đây còn là một hải cảng quan trọng nằm ở trung tâm Đàng Trong, từ đó có thể dễ dàng liên lạc với các thừa sai và thầy giảng đang làm việc khắp nơi trong Giáo phận. Đó là hai nơi ở chính của Đức cha, nhưng ngài không ở yên một chỗ, trái lại thường xuyên đi thăm các nơi.

Trong thời gian đầu ở Kim Long, Đức cha tranh thủ đi thăm xã giao các ông hoàng, quan phò mã và các quan triều. Đức cha mặc áo Giám mục và đeo thánh giá; các thừa sai đi theo ngài cũng bỏ bộ áo nhà buôn và mặc áo chùng linh mục. Các ông hoàng và các quan triều đón tiếp ngài cách trọng thị như khi họ đón tiếp nhau. Trong thời gian ở lại hai tuần tại thủ phủ, các tín hữu tuôn đến với ngài rất đông và ngài phải tiếp họ cả ngày lẫn đêm để giảng dạy và ban các Bí tích cho họ, thậm chí có nơi ngài phải ban Bí tích thêm sức cho hơn 4.500 người và ban phép rửa tội cho hơn 300 người.

Sau đó ngài quyết định rời thủ phủ, trước hết là để khỏi gây khó khăn cho phủ chúa khi mà hằng ngày có nhiều tín hữu tập trung tại một nơi quá gần phủ chúa, sau nữa là để đi thăm tín hữu tại những nơi

²⁸² Xem *Sđđ.*, tr. 177. Về chuyến viếng thăm Đàng Trong lần thứ 2, xem Báo cáo của cha Courtaulin và cha Vachet, trong *Sđđ.*, tr. 177-187.

khác. Được phủ chúa cho tự do đi lại, Đức cha nhờ cha Mahot giúp ngài thực hiện những chuyến đi thăm các nơi khác trong Giáo phận. Đi đến đâu giáo dân cũng lũ lượt kéo đến để lãnh nhận các Bí tích.

Chuyến viếng thăm cuối cùng của Đức cha trước khi trở về Xiêm được thực hiện tại Quảng Nghĩa. Trong chuyến viếng thăm này ngài đã truyền chức linh mục cho một người thứ tư của Đà Nẵng, đó là cha Luy Doan. Cha là một trong những thầy giảng kỳ cựu nhất của xứ Nam và là một nho sĩ nổi tiếng với tác phẩm *Sấm Truyền Ca* bằng chữ Nôm. Đây là lễ truyền chức linh mục đầu tiên trên đất Đà Nẵng. Cha đã cử hành thánh lễ đầu tiên tại nhà em trai của cha ở Kê Châm (Quảng Nam), với sự tham dự của khoảng 500 tín hữu ưu tú trong cả vùng.²⁸³

Chuyến viếng thăm Quảng Nghĩa lần này của Đức cha một phần cũng để nhận lời khẩn của các chị em thuộc Hội dòng Mến Thánh Giá mà ngài đã thành lập tại An Chi trong chuyến viếng thăm mục vụ lần trước vào năm 1671. Các chị kỳ cựu nhất đã khẩn trọng thể cách công khai trong thánh lễ do Đức cha chủ sự, với sự tham dự của cộng đoàn tín hữu, trong họ đạo Thánh Gia gắn liền với tu viện. Đức cha rất hài lòng và được nhiều an ủi khi thấy trong ba năm qua kể từ ngày thành lập, các chị em có đời sống đạo đức trỗi vượt và luôn trung thành tuân giữ luật Dòng cách quảng đại. Tu viện đầu tiên gồm 8 chị em nay đã tăng lên 12 chị em. Nhà này cần phải đứng vững như đã quyết định, nhưng nhiều thiếu nữ muốn dâng mình cho Chúa đã xin Đức cha thiết lập thêm nhiều cộng đoàn khác, và cha Vachet nghĩ rằng có ba cộng đoàn mới sẽ được thiết lập.²⁸⁴

Trước khi kết thúc chuyến viếng thăm mục vụ xứ Nam (1676), Đức cha lên phủ chúa từ giã chúa Hiền và xin phép trở về Xiêm. Tại sao ngài không ở luôn tại Đà Nẵng là Giáo phận đã được giao cho ngài, mà lại phải trở về Xiêm? Theo lời cha Vachet, việc Đức cha trở lại Xiêm hết sức quan trọng vì lợi ích nói chung, và lợi ích của các miền truyền giáo nói riêng. Không thấy nói rõ đó là lợi ích gì. Chỉ biết chắc một điều là Đức cha phải trở về Xiêm sớm để chữa bệnh. Lần này đã mất tang thế tử, chúa Hiền tiếp kiến Đức cha trong một buổi triều yết đặc biệt. Đức cha cảm ơn nhà chúa đã cho ngài tự do viếng

²⁸³ Theo thư cha Vachet gửi về Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris ngày 20.10.1677 và thư cha Courtaulin gửi Đức cha Lambert năm 1676, trong *Sdd.*, tr. 197.

²⁸⁴ Theo hồi ký của cha Vachet năm 1675 và thư ngài gửi về Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris ngày 20.10.1677 cũng như các thư của Đức cha Lambert, trong *Sdd.*, tr. 197-199.

thăm các xứ đạo và cũng không quên nhấn mạnh cho nhà chúa biết rằng theo luật đạo giáo dân phải tôn trọng quyền bình dân sự và nhà chúa có thể yên tâm tin tưởng người Công giáo là những công dân trung thành của đất nước. Cuối cùng, Đức cha xin nhà chúa tiếp tục cho tự do tôn giáo, các thừa sai được tự do truyền đạo. Chúa Hiền hứa điều đó với Đức cha và đã giữ lời: suốt thời gian 10 năm cho đến khi chúa Hiền mất năm 1687, giáo đoàn xứ Nam được bình an. Sau đó đến thời chúa Nguyễn Phúc Trăn (1687-1691) và thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) vẫn có tự do tôn giáo cho đến năm 1700 mới lại có chiếu chỉ cấm đạo.

Sau gần một năm hiện diện với đoàn chiên Đàng Trong, tháng 05 năm 1676, Đức cha đáp tàu trở lại Xiêm. Chúa Hiền cho thuyền của phủ chúa tiễn Đức cha đến cửa Hội An rồi từ đó Đức cha lấy thuyền về Xiêm cùng với cha Mahot.²⁸⁵ Trước khi rời xứ, ngài đã chỉ định cha Vachet phụ trách vùng Thuận Hóa, cha Courtaulin phụ trách vùng Quảng Nghĩa và Qui Nhơn, còn cha Bouchard thì xuống các vùng đất phía Nam.

Theo nhận định của các thừa sai thì cuộc viếng thăm lần thứ hai này của Đức cha Lambert là những ngày vàng son trong lịch sử truyền giáo của Giáo phận Đàng Trong. Theo sự nhận định của chính Đức cha thì đây là một hành trình đầy phúc lành. Ngài đã được phủ chúa cấp văn bản cho phép tự do ra vô Đàng Trong tùy ý. Trong thời gian Đức cha có mặt tại Đàng Trong, chính tay cha Courtaulin đã rửa tội được 1.023 người, đó là chưa kể số người được cha Mahot và cha Vachet rửa tội cùng với Đức cha, và số người được cha Bouchard, cha Luca Bền và các cha Dòng Tên rửa tội. Đặc biệt phải kể đến con số 2.000 người được cha Emmanuel Bồn rửa tội trong vòng sáu tháng.²⁸⁶ Nhân dịp này ba linh mục Việt, 109 thầy giảng đã thay mặt giáo đoàn Đàng Trong kính gửi lên Đức Thánh Cha một bức thư tuyệt vời bằng chữ Nôm và được dịch sang tiếng Latinh, để trình cho ngài biết tất cả những gì đã diễn ra kể từ lúc Đức cha Lambert đến viếng thăm.²⁸⁷

²⁸⁵ Theo báo cáo của cha Courtaulin về Giáo phận Đàng Trong từ năm 1674 đến 1682, trong *Sđđ.*, tr. 194.

²⁸⁶ Theo báo cáo của cha Courtaulin về Giáo phận Đàng Trong từ năm 1675 đến 1676 và thư của Đức cha Lambert và Đức cha Laneau gửi Đức cha Pallu ngày 04.07.1678, trong *Sđđ.*, tr. 193, 212.

²⁸⁷ Theo thư của Đức cha Lambert gửi Đức cha Pallu ngày 16.11.1676, trong *Sđđ.*, tr. 194.

1.13. Giáo phận Đà Nẵng sau chuyến viếng thăm lần thứ hai của Đức cha Lambert

Kể từ chuyến viếng thăm mục vụ lần thứ hai của Đức cha Lambert, sự đạo tiến triển mau lẹ hơn. Theo lời cha Vachet, mọi người đều đánh giá cao đạo Chúa. Các vị thừa sai được phép đi lại cả ngày lẫn đêm trong y phục giáo sĩ và mọi người đều tin rằng các ngài đến xứ này chỉ để rao giảng niềm tin vào Đức Kitô. Chỉ trong năm 1677, cha đã rửa tội hơn 7.000 người. Chính cha cũng đã có hai cuộc tranh luận với các nhà sư và trình bày về đạo Công giáo trước mặt người cháu của chúa Hiền.²⁸⁸

Vào khoảng giữa năm 1677, Đức cha gửi ba vị thừa sai là các cha Louis Chevreuil, Pierre Le Noir và Charles Thomas từ Xiêm sang Đà Nẵng trên chiếc thuyền của một vị quan Công giáo người Việt. Đó là một trong những đặc ân của phủ chúa. Ba cha tập trung tại nhà cha Bouchard rồi tiến dần ra thủ phủ. Trên đường đi các cha ghé thăm một số nơi, đã rửa tội được 200 người lớn và giải tội cho khoảng 2.000 người. Cũng năm ấy cha Mahot được Đức cha sai đến Chiêm Thành vì tại đây số giáo dân đã phát triển, cần phải có thừa sai phục vụ. Hầu hết các tín hữu ở đây là những người Việt đến lập nghiệp, chứ không phải người bản xứ. Cha đi thăm khắp nơi, đến tận vùng sâu vùng xa, nơi núi rừng và đầm lầy, để nắm vững tình hình. Sau khi xếp đặt mọi sự ổn định, cha tiếp tục lên đường về Đà Nẵng.²⁸⁹

Nhưng đến cuối năm 1677, khi cha Mahot đang làm việc ở Quảng Nghĩa, đã xảy một vụ vu cáo liên quan đến bà Lucia Ký và tu viện Mến Thánh Giá tại An Chi, khiến cả cha Mahot và các tín hữu cũng bị ảnh hưởng.²⁹⁰ Theo cha Vachet ghi nhận, có một người phụ nữ là cháu gọi bà Lucia Ký bằng cô (hay di), đã được rửa tội nhưng sống gian ác, coi thường những lời khuyên dạy thánh thiện của bà. Khi thấy bà cô góa bụa không con đã dâng cúng nhà cửa và tất cả tài sản cho Hội dòng Mến Thánh Giá, người phụ nữ ấy nghĩ rằng mình không còn hy vọng được hưởng tài sản của bà, nên đã rắp tâm làm hại bà và phá hủy toàn bộ tu viện. Cô ấy về kinh gặp một vị quan có

²⁸⁸ Theo Báo cáo của cha Vachet gửi Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris ngày 20.10.1677, trong *Sđđ.*, tr. 201-209.

²⁸⁹ Theo một số ghi nhận của cha Vachet năm 1678 về cuộc đời cha Mahot, trong *Sđđ.*, tr. 212-213.

²⁹⁰ Xem những ghi nhận của cha Vachet về cuộc đời cha Mahot (năm 1678) và báo cáo của cha Mahot gửi Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris (tháng 07 năm 1678), trong *Sđđ.*, tr. 224-226.

quyền thế nhưng rất ghét người Công giáo và vu cáo rằng bà cô có rất nhiều của cải do việc các thừa sai Pháp đang ở thường xuyên trên đất của bà, vì những vị này có rất nhiều vàng bạc; nếu các vị ấy chết, bà sẽ chiếm đoạt tất cả tài sản của họ, bà đã làm cho một trong số các vị ấy chết (cô ta muốn ám chỉ một bạn đồng hành với cha Mahot là cha Vachet đã lên đường đi Xiêm và người ta đồn là cha đã bị đắm tàu chết) và bà đã hưởng được của vị ấy 30.000 quan tiền vàng, không kể bạc, ngọc và đá quý. Cô ấy còn vu cáo rằng để quyến rũ các thừa sai về ở nhà mình, bà Lucia Ký đã nuôi bao trong nhà bà những cô gái đẹp nhất trong xứ, và cô ấy đề nghị quan cho người đến cách bất ngờ để bắt quả tang.

Theo cha Mahot, người phụ nữ ấy đã bỏ đạo và do lòng hận thù đối với những người họ hàng, cô ấy đã đến kinh vu cáo rằng những người này muốn cướp của nên đã giết chết một vị thừa sai (là chính cha Mahot) mang những lễ vật rất đáng giá về kinh để dâng biếu cho chúa. Cô ta còn tố cáo đạo và các tín hữu khi khai báo rằng có hai nhà thờ được mở cửa cho tất cả mọi người và có một tu viện gồm 12 nữ tu, v.v.

Vị quan liền cho người đến khám xét đột xuất. Cũng may trước đó vài ngày 10 thiếu nữ đang ở trong nhà bà Lucia được đưa đến một ngôi nhà mới mà bà đã xây dựng cách đó một dặm, nhưng sau đó có lẽ họ phân tán về gia đình để tránh rắc rối và nguy hiểm. Quan ra lệnh bắt bà Lucia cùng với mấy người trong dòng họ, hai trong số các nữ tu kỳ cựu nhất, vài người hàng xóm và nhiều tội tở. Sau khi bị đánh đòn đến bầm tím thân thể và chảy máu, họ bị đóng gông, bị trói tay và buộc vào những cái sào để chứng kiến cảnh ngôi nhà thờ bị phá sập, khiến họ đau khổ còn hơn những cực hình người ta dành cho họ. Tuy nhiên vị quan không tìm thấy kho tàng nào trong nhà bà Lucia cả, vì vậy ông ra lệnh giải tất cả về kinh, vì nghĩ rằng tại kinh chắc chắn họ sẽ bị kết án tử hình và họ sẽ khai ra tất cả. Thế là cả nhóm bị giải về kinh, nhưng họ mừng rỡ vì sắp được tử đạo và muốn cho quan thấy rằng họ sẵn lòng chịu đau khổ vì đạo.

Tại kinh người ta chưa bao giờ thấy một vụ việc gây ồn ào như thế. Không do dự, cha Mahot quyết định theo các tín hữu về kinh để bênh vực họ, vì cha có quen biết với quan lớn trong phủ chúa. Cha đưa ra những bằng chứng cho thấy tất cả chỉ là vu khống. Trong thời gian điều tra và chờ ngày xét xử, cha cũng bị tạm giam với các tín hữu. Vào cuối mùa Chay năm 1678, vụ án kết thúc, tất cả được tuyên bố trắng án và được trả tự do trong danh dự, còn người vu cáo thì bị

trừng phạt.²⁹¹ Cha Mahot bắt đầu hàn gắn lại những đổ vỡ do cuộc bách hại gây ra. Các chị em Mến Thánh Giá bị phân tán về gia đình vừa được tin vị ân nhân của họ là bà Lucia Ký được tha về, liền khẩn khoản nài xin cha cho phép họ được trở về tu viện của họ, và như thế đã hẹn nhau, tất cả đều có mặt trong một ngày.

Tuy nhiên sau đó cha Mahot cũng không tránh khỏi một báo cáo sai sự thật về cha và một đơn tố cáo khác nói rằng cha cho xây dựng một ngôi nhà thờ tại một trong những nơi quan trọng nhất của vương quốc và có nhiều thừa sai ẩn nấp ở đó, khiến quan phò mã là người đặc trách các ngoại kiều ra lệnh cho cha phải trở về Xiêm. Tháng 05 năm 1678 cha lên đường rời khỏi Đà Nẵng, nhưng theo ý của Đức cha Lambert, thay vì trở về Xiêm, cha đến làm việc tại Chiêm Thành, vì ở đó số tín hữu người Việt đang ngày càng gia tăng cần được chăm sóc. Sau đó cha âm thầm trở lại làm việc ở vùng phía Nam Đà Nẵng, giáp giới với Chiêm Thành. Trong thời gian ấy, cha Luy Đoan mới chịu chức năm 1676 và đang làm việc tại Quảng Nghĩa được Chúa gọi về vào tháng 06 năm 1678 sau một cơn đau bụng, không rõ là bệnh gì, có người nói là ngài bị sốt rét ngã nước.²⁹²

Hình như sau khi cha Mahot đi rồi, một cuộc bắt bớ khác đã xảy ra cho các tín hữu tại Nước Mặn và tại Quảng Nghĩa, do một ông quan thuộc hoàng tộc mà cha Vachet đã xác định là em rể của con trai trưởng ông Nghè Bộ. Có thể đó cũng chính là người đã đến bắt bớ bà Lucia Ký và các tín hữu tại An Chỉ như đã nói trước đây. Nhiều tín hữu đã bị bắt giam và một nho sĩ Công giáo tên là Gioakim Lau đã chịu chết vì đạo, một cái chết gây xúc động rất nhiều nơi các tín hữu. Theo lời chứng của cha Quyền đại diện Courtaulin, có nhiều phép lạ nhờ lời chuyển cầu của vị tử đạo này.²⁹³ Cuối cùng, chính cha Vachet đã phải về kinh can thiệp và những người bị giam cầm mới được tha về.²⁹⁴

²⁹¹ Theo cha Courtaulin kể lại, người phụ nữ vu cáo ấy sau này đã ăn năn hối cải. Cha đã ra hình phạt nghiêm khắc cho cô ấy trong vòng 6 tháng và cô ấy đã thực thi cách nghiêm túc, sau đó cha đã ban bí tích giải tội cho cô trước sự vui mừng của mọi tín hữu. Xem *Sđđ.*, tr. 226, chú thích 1.

²⁹² Theo báo cáo của cha Courtaulin về Giáo phận Đà Nẵng năm 1678, trong *Sđđ.*, tr. 237.

²⁹³ Xem lời chứng của cha Courtaulin ngày 11.06.1679, trong *Sđđ.*, tr. 222-223.

²⁹⁴ Theo báo cáo của cha Vachet từ Hội An gửi Đức cha Lambert ngày 19.03.1679, trong *Sđđ.*, tr. 215-216. Theo footnote 1 ở trang 215, tên của người tín hữu chịu chết vì đạo được các thừa sai ghi là Lan, Lau, Lao. Không biết chính xác là tên nào.

Có lẽ do cuộc sách nhiễu và bắt bớ này, tu viện Mến Thánh Giá tại An Chi lại bị giải thể và các chị em phải về sống tại gia đình. Năm sau, theo lệnh Đức cha Lambert, cha Courtaulin đã tìm cách phục hồi tu viện, nhờ các nữ tu kiên trì trong thử thách. Nhưng không thể xây dựng lại tu viện tại Quảng Nghĩa vì đã xảy ra những vụ không, cũng không thể thực hiện tại Kim Long vì quá nguy hiểm. Cuối cùng cha quyết định làm một ngôi nhà bằng gỗ theo kiểu địa phương tại Hội An, bên cạnh nhà thờ của cha. Sau đó cha qui tụ các nữ tu đã bị giải thể trước đây, tất cả được 15 chị em, nhưng cũng không tránh khỏi sự quấy nhiễu từ phía những người dân xung quanh. Tuy nhiên các nữ tu vẫn tuân giữ luật dòng và các thực hành đạo đức rất nghiêm ngặt, mặc dù vẫn phải tiếp tục công việc làm ăn để sinh sống.²⁹⁵

Về việc các thừa sai Dòng Tên không phục quyền Đức cha, Tòa Thánh đã có những can thiệp để giải quyết. Ngày 02.10.1673 một Sắc lệnh của Thánh bộ Truyền bá Đức tin đã tuyên bố rằng tất cả các Sắc lệnh của các Đức Giáo Hoàng đều có giá trị pháp lý trong toàn cõi Đông Ấn, mà không cần sự ưng chuẩn của quốc vương Bồ Đào Nha, cũng không cần chuyển qua Tòa Chương Ấn Lisboa. Với Sắc lệnh này, Thánh bộ đã kết án chủ trương của các cha Dòng Tên cho rằng các Sắc lệnh của Đức Giáo Hoàng ban quyền cho các Giám mục Đại diện, do không có sự ưng thuận của quốc vương Bồ Đào Nha và không chuyển qua Tòa Chương Ấn Lisboa, nên không có giá trị và không được tuân theo trong khu vực thuộc quyền bảo trợ.

Ngày 10.11.1673, Đức Giáo Hoàng ban hành Sắc lệnh *Proecipua Enim Vero Voluptate*, nhắc bảo các linh mục, các thầy giảng và giáo dân Việt không nên nghe theo lời giải thích sai lạc của cha Filippo Marini, Dòng Tên, đối với đoạn sắc *Cum Ex Aliis Pluries* mà Đức Alexandrô ban hành năm 1665, vì trong đoạn sắc đó không có lời nào ban đặc ân cho các thừa sai Dòng Tên hoạt động trong khu vực của các Giám mục Đại diện Tông tòa mà không phải tuân phục quyền của các ngài.

Đối với Tòa Tổng Giám mục và kinh sĩ hội ở Goa, trong đoạn sắc *Cum Per Litteras* ban hành cùng ngày với đoạn sắc trên, Đức Clémentê X khiển trách các ngài đã dám nghi ngờ giá trị những Sắc lệnh của Tòa Thánh đã ban cho các Giám mục Đại diện. Ngài cũng lấy làm bở ngỡ vì các ngài đã dám sai ủy viên Nicola de Motta tới

²⁹⁵ Theo báo cáo của cha Courtaulin về Đàng Trong năm 1674-1682, trong *Sdd.*, tr. 227-228.

kinh đô vương quốc Xiêm đòi Đức cha Lambert, Giám mục Đại diện Tông tòa, phải trình các giấy tờ và Sắc lệnh ủy quyền của Tòa Thánh ban cho ngài, coi Đức cha như người thuộc quyền của mình chứ không phải Đại diện của Tòa Thánh. Ngài hy vọng rằng hành động trên đây của kinh sĩ hội Goa chỉ vì thiếu hiểu biết luật pháp, chứ không phải cố tình chống lại vị Đại diện Tòa Thánh. Cuối cùng ngài cũng cấm Tòa Giám mục Goa không được thi hành quyền nào, ngoài khu vực đặt dưới quyền phân đời của quốc vương Bồ Đào Nha, nhất là đối với các Giám mục Đại diện Tông tòa và các thừa sai của các ngài.

Mấy tuần lễ sau, ngày 22.12.1673, Đức Giáo Hoàng lại ban hành Sắc lệnh *Solicitude Pastoralis Officii* gửi cho Tòa Điều Tra ở Goa, trong đó ngài rút lại tất cả những đặc ân mà các Đức Giáo Hoàng tiền nhiệm đã ban cho tòa này được quyền trên cả những khu vực truyền giáo dưới quyền các vua chúa lương dân trong vùng Đông Nam Á. Ngài hạn định quyền của tòa này trong khu vực dưới quyền phân đời của quốc vương Bồ Đào Nha.

Còn về giáo quyền của Tòa Tổng Giám mục Goa, ngày 23.12.1673 Đức Giáo Hoàng ban hành Sắc lệnh *Illius Qui Caritas*, cấm tất cả các giáo sĩ, triều hay dòng, với vợ tuyệt thông, nếu nhận hoặc xin với Hàng Giáo phẩm Bồ Đào Nha đã thành lập ở vùng Đông Ấn, các loại chứng thư ủy quyền làm Quyền đại diện Giáo phận ở những miền truyền giáo mà Tòa Thánh đã đặt các Giám mục Đại diện coi sóc.

Cũng ngày 23.12.1673, Đức Giáo Hoàng còn ban hành 2 Sắc lệnh khác là *Decet Romanum* và *Injuncti Nobis Coelitus*. Sắc lệnh *Decet Romanum* nhắc lại các quyết định mà Tòa Thánh đã ban hành từ năm 1659 về quyền các Giám mục Đại diện Tông tòa và về việc đặt các thừa sai dòng dưới quyền Giám mục Đại diện tại các xứ truyền giáo; đồng thời hủy bỏ tất cả những đặc ân đã ban trước đây, cả những đặc ân đã ban cho các quốc vương, nếu những đặc ân này nghịch với những điều đã ấn định trong Sắc lệnh mới này. Sắc lệnh cũng buộc tất cả các Hàng Giáo phẩm vùng Ấn Độ và các Bề trên dòng phải long trọng công bố Sắc lệnh này ở các nơi thuộc quyền các ngài. Một tháng sau khi công bố Sắc lệnh, đại diện Dòng Tên được Thánh bộ mời tới, và vị này đã thay mặt cha Bề trên Tổng quyền Paolo Oliva tuyên thệ sẽ ra lệnh cho các tu sĩ trong dòng phải vâng phục Sắc lệnh của Tòa Thánh. Trong khi đó, Sắc lệnh *Injuncti Nobis Coelitus* cho phép các Giám mục Đại diện Tông tòa, các thừa sai của các ngài cũng như các

giáo dân giúp việc các ngài, không phải qua Lisboa lấy tàu để đến các xứ truyền giáo.

Ngày 07.06.1674, Đức Giáo Hoàng còn ban hai Sắc lệnh *In Apostolicae Dignitatis* và *Christianae Religionis*, tuyên bố các Giám mục Đại diện Tông tòa và hàng giáo sĩ của các ngài, trong khu vực truyền giáo thuộc quyền các ngài, được hoàn toàn tự do, không phải lệ thuộc vào một giáo quyền nào của các Giám mục vùng Đông Ấn.

Với những Sắc lệnh trên đây, Tòa Thánh đã kết án những chủ trương sai lầm cho rằng quyền bảo trợ của quốc vương Bồ Đào Nha bao trùm không những các khu vực thuộc quyền nhà vua, mà cả những khu vực thuộc quyền các vua chúa lương dân.

Cuối năm 1677, cha Quyền đại diện Courtaulin nhận được thư của Đức Tổng Giám mục Goa, trong đó nói là xứ Nam không thuộc quyền Tòa Giám mục ở Malacca, mà thuộc quyền Tòa Thánh, được đặt dưới quyền các Giám mục Đại diện Tông tòa. Cha Courtaulin liền thông báo bức thư ấy cho cha Giuseppe Candone, Dòng Tên. Trong thư ngày 17.01.1678, cha Candone đã công nhận quyền các Giám mục Đại diện. Sau đó hai cha Candone và Acosta cũng viết thư về Thánh bộ Truyền bá Đức tin báo tin hành động phục quyền của hai cha và đã xin cha Courtaulin cho quyền hoạt động truyền giáo ở xứ Nam. Cha Courtaulin cũng báo tin sự kiện cho các Hồng Y trong thư ngày 12.03.1678.

Đặc biệt ngày 26.04.1678, Thánh bộ Truyền bá Đức tin đã ban hành Sắc lệnh về việc bổ nhiệm các Giám mục bản xứ phụ trách một số vùng miền nào đó (*in partibus*) dưới quyền các Giám mục Đại diện Tông tòa, nhằm đáp ứng nhu cầu của số tín hữu ngày càng gia tăng. Quyền của các Giám mục bản xứ được Thánh bộ qui định trong Sắc lệnh ngày 07.08.1678. Đây là kết quả do công lao của Đức cha Pallu, vì ngay từ năm 1667 hay 1668, Đức cha đã đệ trình lên Thánh bộ ước muốn tấn phong Giám mục cho các linh mục bản xứ.²⁹⁶ Mặc dù đã có Sắc lệnh của Thánh bộ, nhưng không biết vì lý do gì việc bổ nhiệm

²⁹⁶ Xem *Sdd.*, tr. 229-230. Việc chọn Giám mục bản xứ đã được Thánh bộ đề cập trong Huấn thị 1659: "Trong số những người chư huynh đã truyền chức, có lẽ có người xứng đáng lên chức Giám mục. Tuyệt đối cấm ngặt chư huynh không được ban chức cao trọng đó cho một người nào; nhưng hãy phú cho Thánh bộ rõ danh tánh, đức độ, tuổi tác họ cũng như mọi điều khác nên biết, như vị trí chư huynh có thể truyền chức cho họ, Giáo phận chư huynh có thể giao cho họ cai quản và nhiều chi tiết khác như vậy sẽ bản tới sau này": ĐÀO QUANG TOÀN, *Giáo Hội Việt Nam năm 1659, sdd.*, tr. 58.

Giám mục bản xứ đã không được thực hiện mãi cho đến năm 1933 mới có vị Giám mục Việt Nam tiên khởi là Đức cha Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tòng.

Nhìn thấy trật tự và hòa bình được vẫn hồi trong các khu vực truyền giáo mà Tòa Thánh đã trao cho các Giám mục Đại diện, Đức cha Lambert không khỏi vui mừng và cảm tạ Chúa. Tuy nhiên, từ ngày trở về Xiêm sức khỏe của ngài suy yếu dần, nhất là từ đầu năm 1679. Ngài nhẫn nại chịu đựng những cơn đau đớn cho đến lúc từ trần tại chủng viện Ajuthia ngày 15.06.1679, hưởng dương 55 tuổi. Đứng trước cái chết của con người thánh thiện, đầy nghị lực và nhân hậu này, không riêng người Công giáo mà có thể nói mọi người đều ngưỡng mộ. Cả người Xiêm, người Việt, người Nhật, người Pháp, người Anh, người Hà Lan và người Bồ đào có mặt bên linh cửu của ngài. Vua Xiêm cử nhiều quan triều đình đến dự lễ an táng của ngài. Các hòa thượng Phật giáo và các nhân vật thế giá cũng muốn đến tiễn biệt người quá cố lòng lầy này, đến độ lễ an táng của ngài mang dáng dấp một cuộc khai hoàn hơn là một đám tang. Các tín hữu Đàng Trong cũng như Đàng Ngoài dành 9 ngày ăn chay cầu nguyện cho ngài.

Thời ngài, Giáo phận Đàng Trong có cả trăm người được phúc từ đạo (từ 1664 đến 1675). Trong hai lần thăm viếng Giáo phận, Đức cha ban phép thêm sức cho trên 10.000 người. Số giáo dân Đàng Trong năm 1679 vào khoảng từ 50.000 đến 60.000 người, không kể những người chạy sang các xứ lân cận để tránh các cơn bách hại. Ngài đã đặt nền móng cho hàng giáo sĩ bản xứ, cho các cộng đoàn sống đời thánh hiến, đồng thời phát triển các cộng đoàn hoạt động tông đồ. Bằng thái độ vừa cương quyết vừa nhân hậu, Đức cha đã tạo được sự hòa thuận và hiệp nhất trong cộng đoàn Giáo phận, cũng như sự kính trọng nơi các cấp chính quyền và lương dân đối với đạo Chúa và bản thân ngài.

2. THỜI ĐỨC CHA GUILLAUME MAHOT (1682-1684)

Sau khi Đức cha Lambert qua đời, Giáo phận Đàng Trong được đặt dưới quyền giám quản của Đức cha Louis Laneau. Đức cha Laneau được bổ nhiệm làm Giám mục hiệu tòa Métellopolis năm 1673 và làm Đại diện Tông tòa Nam Kinh và Xiêm.²⁹⁷

Lúc bấy giờ Đức cha Pallu đang ở tại Rôma. Dựa vào sự đề cử của ngài, ngày 29.01.1680 Tòa Thánh đã ký Sắc lệnh bổ nhiệm cha

²⁹⁷ Đức cha Louis Laneau sinh ngày 31.05.1637 tại Mondoubleau, Pháp, qua đời tại Xiêm ngày 16.03.1696.

Guillaume Mahot làm Giám mục hiệu tòa Bide và Đại diện Tổng tòa Giáo phận Đà Nẵng kế vị Đức cha Lambert.²⁹⁸ Cha Vachet được lệnh trở về Xiêm để tìm thêm nhân sự. Cha tìm mọi cách thuyết phục cha Mahot cùng đi với ngài về Xiêm để được Đức cha Laneau tấn phong Giám mục, nhưng cha Mahot một mực từ chối. Cha Vachet đành phải về Xiêm một mình để xin Đức cha Laneau đến Đà Nẵng trong chủ sự lễ tấn phong Giám mục cho cha Mahot.

Trong thời gian đó, tại Đà Nẵng cha Thomas đã qua đời vì nước độc, ngày 19.02.1681, tại Phố Mới, thuộc khu vực Bình Sơn, Quảng Nghĩa. Đúng một năm sau đến lượt cha Bouchard qua đời tại Hội An, ngày 14.02.1682.²⁹⁹ Từ Xiêm, cha Pierre Langlois đến Đà Nẵng với thư giới thiệu của cha Vachet gửi một số quan chức trong phủ chúa mà ngài quen biết khi ngài làm việc tại thủ phủ và các vùng phía Bắc. Trong năm 1682 ngài đi thăm 10 nhà thờ, giải tội hàng ngàn tín hữu và rửa tội gần 2.000 người.

2.1. Lễ tấn phong Giám mục của Đức cha Mahot và Công nghị Hội An lần thứ hai

Cũng trong năm 1682, từ Xiêm, Đức cha Laneau cương quyết xuống thuyền sang Đà Nẵng theo lời nài xin của cha Vachet, mặc dù quốc vương Xiêm và các thừa sai ở đó không muốn vì sợ Đức cha gặp nguy hiểm. Cùng đi với ngài có cha Vachet, sáu linh mục và một số người khác nữa, tổng cộng là 25 người. Ngày 25 tháng 07, Đức cha tiến vào cửa sông Cái và đến Lâm Thuyền là nơi cha Mahot đang hoạt động. Tại đây Đức cha đã trao cho cha Mahot Sắc chỉ bổ nhiệm của Tòa Thánh. Các tín hữu hết sức vui mừng trước sự bổ nhiệm này và đã quì gối chào cha Mahot như vị mục tử của Đà Nẵng. Mặc dù vậy, cha Mahot vẫn một mực từ chối chức vụ Giám mục. Để giải quyết khó khăn này, theo sự góp ý của cha Vachet, Đức cha Laneau cho biết ngài có ý định triệu tập Công nghị Giáo phận tại Hội An và ngài mời cha Mahot đến tham dự. Cha Mahot không thể từ chối điều này và các ngài hẹn gặp lại tại Hội An.

²⁹⁸ Đức cha Guillaume Mahot sinh khoảng từ năm 1630 đến 1640 tại Argentan (Orne), đến xứ truyền giáo ngày 08.11.1665, Giám mục hiệu tòa Bide ngày 29.01.1680, Đại diện Tổng tòa Đà Nẵng năm 1682, qua đời tại Hội An ngày 01 hoặc ngày 04.06.1684. Xem ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine, I, sdd.*, tr. 76.

²⁹⁹ Theo báo cáo của cha Courtaulin, trong *Sdd.*, tr. 256-257.

Đức cha Laneau và các cha Bénigne Vachet, Charles-Marin Labbé, Robert Noguette, xuống thuyền đi Hội An. Cha René Forget được chọn ở lại Lâm Thuyền là một trong những giáo đoàn chính của Đà Nẵng. Hơn nữa, cái chết của cha Bouchard đã khiến cho các vùng Bà Đài, Phú Yên thiếu chủ chăn, nên cha Jean Baptiste Ausiès cũng phải ở lại đó. Ngoài ra, trong thời gian chờ đợi họp Công nghị, cha Mahot ở lại vài tháng với hai cha Forget và Ausiès, để giúp các ngài về cách cư xử với người bản xứ cũng như về những trường hợp thường gặp nhất.³⁰⁰ Nhờ sự hướng dẫn và giúp đỡ của cha Mahot, hai cha Forget và Ausiès đã đi thăm mục vụ các vùng miền được giao. Cha Forget đi thăm các tín hữu tại đây, rửa tội hơn 300 người, không kể các trẻ em của các gia đình Công giáo.³⁰¹ Còn cha Ausiès đi thăm các giáo đoàn ở Phú Yên, đặc biệt Bà Đài là giáo đoàn chính của Phú Yên.³⁰²

Đến ngày đã định, tất cả các thừa sai và linh mục Việt, các thầy giảng, từ khắp nơi tập trung về Hội An. Đức cha thông báo cho mọi người biết về Sắc chỉ của Tòa Thánh bổ nhiệm cha Mahot làm Giám mục Đại diện Tông tòa cai quản Giáo phận Đà Nẵng và ngài đã trao Sắc chỉ ấy cho cha. Một lần nữa, trước mặt mọi người cha lại từ chối vì cho rằng mình không xứng đáng. Tuy nhiên trước thái độ cương quyết của Đức cha Laneau và lời van nài tha thiết của các thừa sai và các thầy giảng, cha Mahot xin cho 8 ngày để suy nghĩ và tìm hiểu ý Chúa. Hết hạn 8 ngày, cha Mahot mặc dù vẫn không muốn, nhưng vì đức vâng phục nên đã chấp nhận. Lễ tấn phong Giám mục đã được Đức cha Laneau chủ sự vào ngày Chúa nhật, 26.10.1682 với sự tham dự đông đảo của giáo dân.³⁰³ Đức cha Mahot đã trở thành vị chủ chăn thứ hai của Giáo phận và là vị Giám mục đầu tiên được tấn phong tại nước Việt.

Cũng ngày hôm ấy Công nghị Giáo phận đã được triệu tập tại Hội An. Thành phần tham dự Công nghị gồm 2 Giám mục, 8 linh mục người Pháp, 4 linh mục người Việt, 83 thầy giảng cùng với một số lớn các chức việc và các đầu mục đến từ khắp nơi trong Giáo phận. Cha Noguette làm thư ký. Công nghị nhằm giải quyết và điều chỉnh nhiều

³⁰⁰ Theo báo cáo của cha Vachet về chuyến đi của Đức cha Laneau đến Đà Nẵng Trong năm 1682, trong *Sđd.*, tr. 264-268.

³⁰¹ Xem *Sđd.*, tr. 300.

³⁰² Xem *Sđd.*, tr. 301-302.

³⁰³ Trong *Mémorial*, vol. II ghi là ngày 04 tháng 10, nhưng đúng ra là ngày 26 tháng 10, như trong thư Đức cha Mahot gửi Đức Giáo Hoàng Innocentê XI ngày 08.02.1683, xem *Sđd.*, tr. 272.

vấn đề thuộc tổ chức quản trị Giáo phận, với những điểm chính như sau: quyền của vị Đại diện Tổng tòa, việc bãi bỏ những lạm dụng trong lễ nghi phụng tự, chỉ thị về việc ban phát các Bí tích, vấn đề đào tạo các thầy giảng, việc tuân giữ luật Chúa và luật Giáo Hội.³⁰⁴

2.2. Công việc của Đức cha Mahot

Sau Công nghị, Đức cha Laneau còn ở lại Đàng Trong hơn 4 tháng nữa và ngày 15.03.1683, ngài xuống thuyền trở về Xiêm cùng với cha Vachet. Đức cha Mahot bắt đầu nhiệm vụ cai quản Giáo phận bằng việc sắp đặt các nhân sự chủ chốt. Ngài đặt cha Forget làm Quyền đại diện đặc trách các vùng phía Nam Đàng Trong và vương quốc Chiêm Thành; cha Labbé thì ngài đặt làm Quyền đại diện đặc trách các vùng phía Bắc, từ Nước Mặn đến ranh giới Đàng Ngoài.³⁰⁵ Còn cha Noguette được đặt làm Tổng kiểm sát (*procureur général*) và được chỉ định cư trú tại Hội An là địa bàn nằm ở khoảng giữa vương quốc, để dễ dàng nắm bắt thông tin các nơi và báo cáo cho ngài biết, cũng như để có thể trợ giúp mọi nhu cầu của những người đang hoạt động tông đồ.

Sau đó, Đức cha Mahot tiến hành cuộc viếng thăm mục vụ tất cả các giáo đoàn trong Giáo phận. Ngài vừa cho giáo dân tại Bàu Tây, Quảng Nghĩa, biết ngài sẽ bắt đầu cuộc thăm viếng từ đây, lập tức tin này đã được loan đi khắp 20 dặm. Trong thời gian sáu ngày, ngài thăm viếng Bàu Tây, Châu Me và An Chỉ là ba nơi có đông giáo dân. Giáo dân vui mừng đến độ nghĩ rằng Đức cha sẽ chọn vùng này làm nơi ở thường xuyên. Nhưng ngài còn phải lên đường đi thăm những giáo đoàn khác nữa.

Với sự tháp tùng của một linh mục người Việt, 2 thầy giảng và 4 chủng sinh, Đức cha lên đường đi Bình Sơn là nơi ngài muốn đến để ổn định tinh thần các tín hữu vừa bị chao đảo bởi cơn bách hại khắc nghiệt. Bình Sơn là nơi có từ 800 đến 900 cáo giải, tức là người đã được xưng tội rước lễ, kể cả những xóm trong phạm vi một dặm, và là nơi an nghỉ của cha Hainques. Về ngôi mộ của vị thừa sai này đã có sự tranh chấp trong cộng đoàn tín hữu: kẻ thì đề nghị cải táng sang một chỗ khác sạch sẽ hơn và được an toàn hơn khỏi sự xúc phạm của dân ngoại, kẻ khác thì không chấp nhận vì từ khi ngài được chôn cất ở

³⁰⁴ Xem bản văn Latinh của Công nghị, trong *Sdd.*, tr. 275-287.

³⁰⁵ Theo báo cáo của cha Labbé gửi Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris, trong *Sdd.*, tr. 326.

đây họ đã nhận được nhiều ơn lành của Chúa. Các tín hữu đã trình sự việc cho Đức cha để ngài quyết định. Ngài ca ngợi lòng nhiệt thành và tâm tình tốt lành của họ đối với vị thừa sai nổi tiếng, nhưng ngài không chấp nhận việc cải táng, chỉ cần xây một bờ thành xung quanh để bảo vệ ngôi mộ là đủ.

Tại Bình Sơn, Đức cha đã làm việc không có giờ nghỉ ngơi, đêm ngày ngài ngồi tòa giải tội, cử hành các Bí tích rửa tội, thêm sức, Thánh Thể, hôn phối. Ngài bận rộn với việc giải quyết các vụ án, qui tụ các gia đình, đến độ kiệt sức. Vì ở Bình Sơn là vùng núi, khí hậu không được tốt và nước độc, nên các tín hữu khuyên ngài sớm đi nơi khác để đổi khí. Từ già Bình Sơn, Đức cha lại lên đường đi Nước Mặn là nơi đã bị cuộc bách hại tàn phá nặng nề. Mặc dù được thẩm đượm máu đào của nhiều vị tử đạo nổi tiếng, nhưng đạo Chúa ở đây đang héo hon và người ta nghĩ rằng cuộc viếng thăm của Đức cha tại đây rất cần thiết để khôi phục lại. Ngài đã không ngần ngại đưa tay ra để cứu chữa một vết thương rất trầm trọng, bằng cách đi sâu vào vùng đất này, rảo qua các thị trấn và các làng xóm, để qui tụ lại chung quanh ngài các thầy giảng và các tín hữu ưu tú. Thật là một sự lao lực quá lớn đối với một thân xác đang yếu ớt, khiến Đức cha ngã bệnh. Khi sức khỏe vừa được phục hồi đôi chút, ngài lại lên đường đi thăm các giáo đoàn tại Bà Đài, Phú Yên, Thái Khang và Diên Ninh, sau đó trở về Hội An.

Mặc dù cuộc viếng thăm của ngài chỉ kéo dài 6 tuần, nhưng đã có hơn 8.000 người chịu phép thêm sức, hơn 1.300 người chịu phép rửa tội, 230 đôi hôn phối được cử hành trước sự chứng kiến của Giáo Hội, các vụ kiện cáo phần lớn đã được giải quyết, các gia đình được bình an, 11 họ đạo mới được thành lập, có thêm 7 thầy giảng lớn phụ trách nhiều khu vực và hơn 40 thầy giảng phụ, 4 nhà y tế được dựng lên, một cộng đoàn nữ tu Mến Thánh Giá có nhà ở. Việc tài trợ cho các người hoạt động tông đồ được điều chỉnh, và cuối cùng bản hiến chương của Công nghị Hội An được phổ biến khắp nơi để xóa tan tất cả những gì bị kết án là mê tín trong các nghi thức phụng vụ.³⁰⁶

Theo báo cáo của Đức cha Mahot gửi về Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris năm 1683 thì cả Giáo phận lúc ấy có 5 thừa sai người Pháp và 2 linh mục người Việt. Về phần hai thừa sai Dòng Tên thì cha Candone đã về Roma năm 1682; cha Acosta còn ở lại, không thể đi được, vì ngài là thầy thuốc của thế tử, nhưng không đảm nhận chức

³⁰⁶ Theo những ghi nhận của cha Vachet về cuộc đời của Đức cha Mahot, trong *Sdd.*, tr. 297-299.

vụ nào. Hai thừa sai Pháp là cha Toussaint Féret và cha Jean Genoud, cùng với cha Louis, Dòng Phanxicô, đã đi làm việc ở Cao Miên năm 1682. Nhưng cha Féret phải đi sang Chiêm Thành và ở lại đó. Công việc tại Giáo phận Đàng Trong tiến triển tốt đẹp: số giáo dân rất đông nhưng không thể biết rõ là bao nhiêu, có rất nhiều giáo đoàn và nhiều thầy giảng, mỗi giáo đoàn có hai hoặc ba thầy giảng phụ trách. Đạo Công giáo được chính quyền và dân chúng kính trọng. Đức cha và các thừa sai thi hành nhiệm vụ mà không gặp trở ngại nào đáng kể.³⁰⁷

Từ ngày nhậm chức Giám mục Đại diện Tông tòa cai quản Giáo phận Đàng Trong, Đức cha Mahot đã tỏ ra hết sức nhiệt thành với nhiệm vụ và làm việc gấp đôi so với trước đây. Đức cha là một con người tốt lành không ai trách được điều gì, luôn mực thước trong lời nói cũng như trong hành động, một con người sống đời nội tâm sâu xa với một trái tim trong sạch và siêu thoát. Ngài thích thính lặng, chỉ nói khi cần thiết, ăn ít và thức khuya. Trong thời gian viếng thăm các giáo đoàn từ Quảng Nghĩa đến Diên Ninh đã nhiều lần ngài kiệt sức. Sau khi kết thúc chuyến viếng thăm ngài trở về Hội An trong tình trạng sức khỏe suy nhược và đã ngã bệnh. Con bệnh kéo dài hơn 8 tháng khiến ngài rất đau đớn. Bệnh tình ngày càng trở nên trầm trọng khiến ngài bị rơi vào tình trạng bất toại trong vòng một tháng và cuối cùng đã qua đời ngày 01.06.1684, hưởng dương 54 tuổi.

Sau khi qua đời, thi hài ngài được đặt khá lâu trên một chiếc ngai tòa nhỏ với phẩm phục Giám mục. Các tín hữu đến hôn chân ngài đều nhận thấy rằng thân xác ngài vẫn rất mềm mại như một người sống và họ coi ngài như một vị thánh. Các tín hữu đã tắm rửa xác ngài, tẩy liệm rồi đưa đi an táng. Chưa bao giờ có một đám tang trọng thể như thế tại xứ Đàng Trong. Chính vị phó vương cũng phái ba con trai của ông đến tham dự. Hơn 6.000 người đủ mọi lứa tuổi, không phân biệt nam nữ và tôn giáo, tay cầm đuốc và nến cháy, đi trước và theo sau linh cữu của ngài. Tuy nhiên, theo lời trời của ngài khi còn sống, xác ngài đã được an táng trong nghĩa trang của người nghèo và người ta đã đổ vôi sống vào đây nửa huyệt như ý ngài muốn. Không thể kể xiết sự thương tiếc người ta dành cho vị Giám mục này. Mọi tín hữu đều khóc thương ngài như con cái mất cha.³⁰⁸

³⁰⁷ Theo báo cáo của Đức cha Mahot gửi về Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris năm 1683, trong *Sdd.*, tr. 297.

³⁰⁸ Xem *Sdd.*, tr. 324-326.

Đức cha Mahot là vị chủ chăn thứ hai của Giáo phận Đà Nẵng Trong, nhưng là vị chủ chăn đầu tiên đã để lại thân xác trong lòng đất Giáo phận sau những năm tháng hao mòn sức lực vì nhiệt tâm truyền giáo trên mảnh đất Đà Nẵng Trong, khác nào hạt lúa mì bị chôn vùi và mục nát để phát sinh nhiều bông hạt khác. Mặc dù thời gian thi hành chức vụ Giám mục Đại diện Tông tòa của ngài quá ngắn ngủi, nhưng thời gian hoạt động truyền giáo với tư cách một thừa sai thật là dài. Ngày nay hài cốt ngài đã được cải táng trong khuôn viên nhà thờ giáo xứ Hội An. Cũng trong năm 1684, cha Luca Bền, vị linh mục người Việt thứ hai của Giáo phận Đà Nẵng Trong cũng được Chúa gọi về.³⁰⁹ Một năm sau, ngày 19.12.1685, cha Le Noir cũng qua đời tại Nha-ru (Ninh Hòa).

2.3. Giáo phận Đà Nẵng Trong sau khi Đức cha Mahot qua đời

Sau khi Đức cha Mahot qua đời, một lần nữa Giáo phận lại được đặt dưới quyền giám quản của Đức cha Laneau ở Xiêm. Trong thời gian từ năm 1684 đến 1686, cha Labbé đặc trách các tỉnh phía Bắc Đà Nẵng Trong đã đi thăm mục vụ các giáo đoàn, từ Quảng Bình, Bồ Chính, Dinh Cát, Kim Long đến Hội An, Bàu Nghè, Mỹ Sơn, Ke-ram, Phuong-rac, Dinh Chàm và Châu Me.³¹⁰ Về phần cha Ausiès, từ năm 1685 đến 1690, ngài đi thăm các giáo đoàn Bà Đài và Phúc Thuyền ở Phú Yên, cũng như các giáo đoàn ở Qui Ninh như Nước Mặn, Gò Găng, Hương Bang, Bến Mít, Bến Đá, Ti Phu, Suối Nổ, Nước Ngọt, Diêm Điền, Giem-buong.³¹¹

Năm 1687 chúa Hiền là Nguyễn Phúc Tần qua đời, chúa Nghĩa là Nguyễn Phúc Trăn lên kế vị và dời phủ từ Kim Long về Phú Xuân gọi là chính dinh, chỗ phủ cũ để làm Thái tông miếu thờ chúa Hiền.³¹² Việc đạo đang tiến triển tốt đẹp thì vào ngày 18.01.1690 chúa Nghĩa ban hành một sắc chỉ cấm những trò chơi thiếu lành mạnh, trò chơi gà và "đạo hoa lang", tức Công giáo, vì dạy những điều sai trái. Việc này phát xuất từ nhiều nguyên nhân. Trước hết, vào năm 1679, Đức cha Laneau đã cho 4 linh mục Việt từ Xiêm trở về Đà Nẵng Trong. Đó là các cha Maurô Lộc, Phanxicô Vân (Nho), Emmanuel Lâu và Tadêô

³⁰⁹ Theo báo cáo của cha Ausiès gửi Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris ngày 10.02.1685, trong *Sdd.*, tr. 326.

³¹⁰ Xem báo cáo của cha Labbé gửi Đức cha Laneau về tình hình Giáo phận Đà Nẵng Trong năm 1684-1686, trong *Sdd.*, tr. 327-340.

³¹¹ Xem nhật ký của cha Ausiès gửi Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris, trong *Sdd.*, tr. 345-352.

³¹² Xem TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển II, *sdd.*, tr. 9, 87.

Nghiêm. Khi vừa về tới nơi, các cha đã bị cáo là giấu một số hàng lớn ở sở thương chính để rồi sau đó sẽ kín đáo giao lại cho các thừa sai. Đó là một việc rất gai góc đối với phong tục bản xứ. Nhưng cha Labbé đã bảo các tân linh mục chạy đến cầu xin sự che chở của một vị quan lớn là nhạc phụ của chúa Nghĩa, nên vụ việc đã sớm được dàn xếp ổn thỏa. Tiếp đến là vụ một phụ nữ Công giáo người Nhật rất có uy tín trong cộng đoàn, nhưng bà đã ỷ thế và có những lời nói hỗn xược gây gương xấu nên đã bị cha Labbé trục xuất khỏi giáo đoàn trước đó hơn 4 năm. Nhiều lần cha Noguette cũng bảo bà im đi, nhưng vô ích. Sự gần gũi của bà với người Bồ khiến bà dựa vào họ để trả thù hai cha bằng cách viết thư vu cáo hai cha với quan lớn. Đặc biệt bà vu cáo cha Labbé là có liên lạc bí mật với người Đàng Ngoài, vì thấy cha thường thăm viếng các tín hữu ở vùng biên giới phía Bắc. Chúa Nghĩa cũng nghe được lời vu cáo đó, nhưng điều làm cho ông bị sốc là vợ tuồng về một ông vua phong cùi được diễn tại nhà thờ của người Bồ ở ngay tại Phú Xuân vào dịp lễ Hiển Linh, trong đó tên của chúa Nghĩa nhiều lần được xướng lên và như thế là phạm húy. Ngoài ra các tín hữu còn bắt chước người Bồ đưa những ngẫu tượng của địa phương ra chế diễu trong các vở tuồng.³¹³

Chúa Nghĩa ban hành sắc chỉ cấm đạo kèm theo những đe dọa trừng phạt nặng nề và hứa ban thưởng cho những ai bắt được các tín hữu tham dự các nghi thức đạo. Sự sợ hãi lan tràn khắp nơi. Tại Nước Mặn hầu như mọi người đều mất hết can đảm và không dám đến với cha Ausiès và ngài phải ẩn mình trong một chòi tranh ở vùng núi. Một phụ nữ Công giáo giàu có và nhiều uy tín đã quở trách các tín hữu và đưa ngài về trú ẩn hơn một tháng. Hơn nữa khi nghe tin các tín hữu định bán khu vườn và ngôi nhà thờ Nước Mặn là nơi quan trọng nhất trong vùng, thì bà đã giả vờ mua lại để cha có thể ở lại đó dưới sự bảo trợ của bà. Tại Phú Yên các tín hữu không bị bách hại, một phần nhờ có những quan chức tốt bụng.³¹⁴ Cũng may, cuộc bách hại không kéo dài, vì cuối năm 1690 chúa Nghĩa qua đời và chỉ dụ cấm đạo cũng đi vào quên lãng.

³¹³ Xem ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine, I, sdd.*, tr. 364-367.

³¹⁴ Theo thư của cha Labbé gửi Đức cha Laneau ngày 05.02.1691, trong *Sdd.*, tr. 369-370.

3. THỜI ĐỨC CHA FRANCISCO PÉREZ (1691-1728)

Trong thời gian đó, Tòa Thánh cố gắng tìm kiếm một vị chủ chăn mới cho Giáo phận. Ngày 17.01.1687 Tòa Thánh phong linh mục Francisco Pérez làm Giám mục hiệu tòa Bugie, Đại diện Tông tòa Giáo phận Đà Nẵng. Cha của ngài là người Bồ, mẹ của ngài là người Xiêm. Ngài sinh năm 1643 tại Négatapam, Ấn Độ, tu học tại chủng viện Ajuthia và thụ phong linh mục ở đó. Năm 1668, khi mới vừa tròn 24 hay 25 tuổi, ngài đã được Đức cha Lambert đánh giá cao về lòng đạo đức và sự siêu thoát, cũng như về những điều kiện tốt để sau này có thể trở thành một thừa sai lớn.³¹⁵

3.1. Công việc của Đức cha Francisco Pérez tại Đà Nẵng

Cha Francisco Pérez được Đức cha Laneau tấn phong Giám mục ngày 22.07.1691 tại Ajuthia và là vị Giám mục đầu tiên xuất thân từ chủng viện Ajuthia dưới sự điều hành của Đức cha Laneau. Ít ngày sau ngài xuống thuyền đi đến Giáo phận Đà Nẵng.³¹⁶

Ngày 27 tháng 09 ngài cập bến Nước Mặn rồi từ đó đi Hội An bằng đường bộ.³¹⁷ Đức cha đã đi qua từ giáo đoàn này đến giáo đoàn khác và đến Hội An vào ngày 06 tháng 10, có 7 giáo dân và 2 chủng sinh tháp tùng.³¹⁸ Vừa đến nơi, Đức cha viết thư cho tất cả các thừa sai và mong muốn họ đến gặp ngài càng sớm càng tốt. Ngày lễ Các Thánh nam nữ, 01.11.1691, các thừa sai đến tham dự nghi lễ nhậm chức của ngài theo đúng nghi thức Giáo Hội qui định. Đức cha tuyên bố giữ nguyên những gì đã có dưới thời Đức cha Mahot. Ngài tiếp tục đặt cha Labbé làm Quyền đại diện. Ngày 13 tháng 11, Đức cha lên đường ra Phú Xuân là nơi đặt phủ chúa. Cùng đi với ngài có cha Pierre Langlois và cha Jean Gravé.³¹⁹

Tại Phú Xuân, Đức cha thi hành các nhiệm vụ của ngài một cách khá tự do, không bị ai ngăn cản. Các tín hữu tuôn đến nhà thờ Phủ Cam của cha Langlois rất đông, mặc dù đó là một nhà thờ khá lớn nhưng cũng không đủ chỗ cho mọi người. Đức cha đã chủ sự các nghi thức Tuần thánh và lễ hát tại đó trong ngày Phục sinh. Thật là an ủi khi thấy đoàn tín hữu đông đảo không những tại Phú Xuân mà còn tại các miền

³¹⁵ Theo nhật ký của Đức cha Lambert năm 1668, trong *Sdd.*, tr. 379.

³¹⁶ Theo thư của Đức cha Laneau gửi về Thánh bộ Truyền giáo, tháng 11 năm 1691, trong *Sdd.*, tr. 380.

³¹⁷ Theo thư của Đức cha Pérez gửi cha Ferreux ngày 21.02.1692, trong *Sdd.*, tr. 383.

³¹⁸ Theo thư của cha Noguette gửi Đức cha Laneau ngày 14.03.1692, trong *Sdd.*, tr. 384.

³¹⁹ Theo thư của cha Labbé gửi Đức cha Laneau năm 1692, trong *Sdd.*, tr. 384-386.

lân cận đến xin lãnh nhận các Bí tích và tham dự các thực hành tôn giáo khác, cũng có nhiều người lương đến xin chịu phép rửa tội.³²⁰

Sau đó ngài đi thăm các nơi khác trong Giáo phận. Tại Phú Yên ngài đến thăm và ban các phép Bí tích cho cộng đoàn tín hữu Bà Đài, rồi từ đó ngài men theo núi ra Qui Ninh có 30 tín hữu tháp tùng. Tại Qui Ninh ngài đi thăm giáo dân tại Diêm Điền rồi đến Nước Mặn, có cha Ausiès tháp tùng, rồi từ đó tiến ra Quảng Nghĩa và tiếp tục đến những nơi khác.³²¹ Trong suốt gần 15 tháng ngài rảo khắp mọi nơi trong Giáo phận, viếng thăm hầu hết các giáo đoàn, làm việc hầu như mọi ngày và mỗi ngày 15 tiếng đồng hồ mà không ngã bệnh. Chính tay ngài đã rửa tội khoảng 2.000 người, ban phép thêm sức cho 20.000 người, giải tội 17.000 người và cho rước lễ cũng gần ấy người. Trong số đó có 1.600 người chịu phép thêm sức tại Quảng Nghĩa và 1.941 chịu phép thêm sức tại Phú Yên.³²² Đức cha rất nhiệt tình và năng động, làm việc không biết mệt mỏi, nhưng theo sự nhận định của cha Ausiès và cha Labbé, ngài quá rộng rãi và dễ dãi trong việc ban các Bí tích cho tất cả mọi người không phân biệt, ngay cả đối với những người gây gương mù gương xấu công khai.³²³

3.2. Tình hình Giáo phận

Theo các thư của các cha Labbé, Ausiès và Forget, tình trạng của các cộng đoàn hay họ đạo do các cha phụ trách và tình trạng chung của Giáo phận từ Bắc chí Nam trong năm 1692-1693 được ghi lại như sau:

Tại Quảng Bình và Dinh Cát có 50 hoặc 52 cộng đoàn. Tại Phú Xuân và vùng phụ cận có 30 cộng đoàn cả lớn lẫn nhỏ. Tại Qui Ninh có 25 cộng đoàn, đứng đầu và cổ xưa nhất là cộng đoàn Nước Mặn. Tại Phú Yên có 19 cộng đoàn, tuy nhiên vào thời điểm ấy số tín hữu tại Phú Yên nhiều hơn Nước Mặn. Tại Bình Khang³²⁴ có 5 cộng đoàn đông đúc cùng với 5 hoặc 6 cộng đoàn nhỏ khác bị xóa sổ trong thời bách hại nhưng nay đã được tái lập. Tại Diêm Ninh có 4 cộng đoàn, và cộng đoàn chính là Lâm Thuyền với số tín hữu có khi lên đến 1.400

³²⁰ Theo thư của cha Forget gửi cha De Brisacier ngày 20.06.1692, trong *Sdd.*, tr. 392-393.

³²¹ Theo thư cha Ausiès từ Nước Mặn gửi Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris ngày 01.05.1693, trong *Sdd.*, tr. 405-407.

³²² Theo thư của Đức cha Pérez gửi cha De Brisacier ngày 23.07.1693 và thư của cha Ausiès gửi Đức cha Laneau năm 1694, trong *Sdd.*, tr. 408.

³²³ Xem *Sdd.*, tr. 407-408.

³²⁴ Năm 1690, phủ Thái Khang được đổi tên thành Bình Khang.

hay 1.500 người. Nói chung, toàn thể Giáo phận có khoảng 200 cộng đoàn cả lớn lẫn nhỏ. Số tín hữu khá đông, nhưng số người giữ đạo nghiêm túc, không e dè, tức những người xưng tội rước lễ trong mọi dịp, có lẽ khoảng 30.000 hay có thể lên đến 35.000 hoặc 40.000, theo sự ước lượng của một số người.³²⁵

Năm 1691, chúa Minh là Nguyễn Phúc Chu, đương thời gọi là quốc chúa, lên ngôi kế vị chúa Nghĩa. Ông là người rất sùng Phật, nhưng tính tình lại tàn ác và mê tín. Ngay từ khi lên ngôi đã có ý cấm đạo, nhất là khi thấy đông đảo tín hữu thường xuyên đến nhà thờ Phủ Cam của cha Langlois ngay tại Phú Xuân. Đứng trước sự phát triển ngày càng tăng của đạo, một số quan chức cao cấp đã tâu với chúa Minh rằng hiện nay trong vương quốc đã có nhiều tín hữu Công giáo, nếu không cấm đạo thì chẳng bao lâu cả vương quốc sẽ trở thành Công giáo. Ông muốn bắt giam cha Langlois và tịch thu tài sản, hơn nữa còn đe dọa phân thân cha, nhưng ông không dám hành động như ý, một đảng do sự can ngăn của bà mẹ, một đảng vì đang để tang tiên vương và tiếp theo là tang của bà nội. Hơn nữa, ông chưa tra tay bắt đạo vì đang tập trung vào việc đánh chiếm nước Chiêm Thành.

3.3. Cuộc bách hại lần thứ nhất dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu

Khoảng tháng 04 năm 1698, một số thầy phù thủy vu cáo với chúa Minh rằng những người Công giáo đã phá hủy các ngôi chùa, đập vỡ các tượng và ăn trộm tài sản của họ. Ông vốn là người rất sùng Phật và sẵn ghét Công giáo, nên nhân cơ hội này ông đã khởi sự một cuộc bách hại đạo. Ông ra lệnh triệt hạ các nhà thờ để người Công giáo không đến đó nữa. Nếu họ còn tiếp tục giữ đạo thì sẽ bị mất chức nếu đang đi lính hay đang làm quan, hoặc phải bị phạt tiền. Quân lính được sai đi đập phá nhà thờ của cha Langlois, đốt hết sách vở, ảnh tượng và cấm cha không được tụ tập dân chúng và giảng đạo. Lúc bấy giờ cha Langlois đã được Đức cha đặt làm Quyền đại diện. Tại các địa phương có khoảng 200 nhà thờ bị phá bình địa, các vật liệu được đưa đi xây cất đền chùa. Đức cha Pérez có ngôi nhà thờ rất đẹp cách Hội An hơn 1.000m, cũng cùng chung số phận. Đức cha phải chạy vào phố Hội An và lẩn trốn trong nhà một giáo dân. Cuộc bách hại lắng dịu khi có một số sự kiện xảy ra mà người ta cho là Trời phạt: hàng loạt những người dính líu đến các vụ đập phá trên đã chết hoặc gặp tai nạn.

³²⁵ Xem *Sđđ.*, tr. 395-397.

Bắt đầu mùa Chay năm 1700, ngày lễ Tro, các tín hữu lại đến các nhà thờ rất đông để dự lễ và chịu xúc tro. Điều này đã đến tai chúa Minh, nên ngày 13.03.1700, ông lại mở màn một cuộc bách hại ác liệt hơn. Trước hết ông sai quân đi khắp xứ để bắt tất cả các linh mục. Tại Phú Xuân, hai cha Pierre Langlois và Jean Baptiste de Capony bị bắt trước tiên, rồi đến 3 linh mục Dòng Tên là các cha Juan Antonio Arnedo, Giuseppe Candone và Pietro Belmonte. Tiếp đến tại Hội An, đến lượt các cha Nicolas de Fonseca, Pierre de Sennemand và Maurô Lộc. Sau đó hai cha Féret và Estréchy bị bắt tại Bình Khang và cha Pires Dòng Tên bị bắt tại Đồng Nai.

Các cha bị tổng giam vào các ngục khác nhau, cùng với những quân trộm cướp, cô mang gông, chân bị xiềng, có lính canh giữ ngày đêm. Riêng cha Arnedo được thả về nhà bởi vì ngài là thầy dạy toán trong phủ chúa. Nhờ vậy hằng ngày ngài đến tiếp tế và giúp đỡ các cha đang bị giam tại Phú Xuân. Trong thời gian bị giam giữ, cha Langlois, cha Féret, hai cha Dòng Tên là Belmonte và Candone, đã chết. Cùng với các linh mục, hàng trăm giáo dân nam nữ bị bắt giam, trong số đó 15 người đàn ông và 3 người đàn bà đã bị bỏ chết đói trong tù. Tại Phú Yên và Qui Ninh là hai vùng có đông người Công giáo, nhưng không có một vị tử đạo nào, vì có một số bị bắt và mạnh dạn tuyên xưng đức tin nhưng rồi cũng được thả, số khác lần trốn để khỏi mất đức tin, một số khác thì vì sợ quá nên đã chối đạo.³²⁶

Trong số các mục tử đang làm việc tại Giáo phận chỉ có 5 người lần trốn được, đó là Đức cha Pérez, cha Forget, cha Ausiès, cha Laurensô Lâu và cha Christophe Dòng Tên, nhưng cuối năm đó cha Forget đã qua đời tại Chợ Mới (Lâm Thuyền) ngày 22 tháng 10. Trong danh sách các linh mục đang phục vụ tại Đàng Trong vào thời điểm bách hại năm 1700 không có tên hai cha Noguette và Labbé, vì cha Noguette bị bệnh phải trở về Xiêm và qua đời ngày 15.04.1702 tại Pondichéry, còn cha Labbé thì từ năm 1697 đã trở về Pháp để cộng tác vào việc soạn thảo bản qui luật tổng quát của Hội Thừa Sai, sau đó đi Rôma.

Về phần Đức cha Pérez, vừa nghe thông báo về lệnh cấm đạo, Đức cha đã trốn xuống một chiếc thuyền và ở đó gần một tháng. Trong thời gian này ngài tìm thấy một cái hang khá vắng vẻ, ngài dựng một bàn thờ ở đó rồi truyền chức linh mục cho một phó tế người

³²⁶ Theo thư cha Estréchy và cha Ausiès gửi về Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris, trong *Sdd.*, tr. 472.

Việt có tên thánh là Matthêu từ Xiêm trở về từ hai năm trước. Sau đó ngài sai tân linh mục đi làm việc tại Quảng Nghĩa. Còn Đức cha thì trốn đến với các tín hữu nghèo đang ở vùng núi ven biển, giữa Qui Ninh và Quảng Nghĩa, cho đến tháng 08 năm 1702. Sau đó có một tín hữu thuộc vùng này từ Phú Xuân trở về bằng thuyền đã đến thăm Đức cha tại nơi ẩn trốn rồi chở ngài vào Diên Ninh. Nhưng ngài không thể ở lại đây lâu hơn vì có nhiều nguy hiểm, cũng không thể dùng thuyền đi tiếp vì ngược gió, nên phải quay về vùng Qui Ninh - Quảng Nghĩa và ở lại đó từ tháng 10 năm 1702 đến cuối tháng 03 năm 1703. Tại đây ngài đã thực thi nhiệm vụ của mình một cách không mệt mỏi, vừa kín đáo vừa kiên trì và nhiệt tình, không ai có thể sánh được, chỉ có điều là ngài quá dễ dàng trong việc ban các Bí tích.³²⁷

Tại Phú Yên, cha Ausiès vẫn bình an, mạnh khỏe và vui vẻ. Ngài trú ẩn trong một ngôi nhà ở vùng núi và các tín hữu thỉnh thoảng đến lãnh nhận Bí tích. Đôi lúc ngài kín đáo đi ra ngoài để ban các Bí tích cho các tín hữu ở những vùng lân cận. Một hôm nghe tin quan chức địa phương lẩy cớ đi săn để lên vùng núi tìm bắt ngài, ngài phải vượt qua một quả núi vào ban đêm để xuống thuyền lánh ra Quảng Nghĩa. Sau khi ở đó khoảng 25 ngày, ngài xuống thuyền trở lại Phú Yên, lần trốn từ nhà này đến nhà khác nhờ sự che giấu của các tín hữu.³²⁸

3.4. Cuộc bách hại tạm ngưng và tái phát

Nhờ ảnh hưởng và sự thuyết phục của cha Arnedo, năm 1704 chúa Minh ngưng cuộc bách hại. Các cha bị bắt được trở về sở cũ và được tự do hoạt động như trước. Ngày 24.02.1704, tại Paris, cha Charles-Marin Labbé được tấn phong Giám mục hiệu tòa Tilopolis và làm phó Đại diện Tông tòa Giáo phận Đà Nẵng.³²⁹ Trong chính năm đó ngài lên đường về Đà Nẵng, nhưng hành trình bị chậm lại tại Xiêm và sau đó bị đắm tàu trên đường đi Ma Cao, nên mãi đến năm 1708 ngài mới đến được Đà Nẵng. Đức cha Pérez giao cho ngài cai quản các vùng đất phía Nam từ Phú Yên trở về, còn Đức cha Pérez thì cai quản các vùng đất phía Bắc từ Qui Ninh trở ra. Theo lời

³²⁷ Theo thư cha Ausiès gửi Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris ngày 01.07.1704, trong *Sdd.*, tr. 486-487 và 491.

³²⁸ Theo thư cha Ausiès viết tại Phú Yên ngày 23.06.1702, trong *Sdd.*, tr. 488-491.

³²⁹ Đức cha phó Charles-Marin Labbé sinh khoảng năm 1648 tại Notre-Dame-de-la-Délivrande, lúc bấy giờ là làng Luc-sur-Mer (Calvados), đến xứ truyền giáo ngày 22.12.1678, qua đời ngày 24.03.1723 gần Măng Lăng, Phú Yên. Xem *Sdd.*, tr. 260.

cha Heutte, Đức cha Labbé thường ở Nha-ru cách Chợ Mới (Lâm Thuyền) khoảng một ngày đường; ngoài ra, từ khi về nhậm nhiệm vụ tại vùng đất được giao, Đức cha Labbé chưa bao giờ bỏ qua một ngày Chúa nhật hay lễ trọng nào mà không dạy giáo lý hay rao giảng.³³⁰ Ngày 01.08.1709 cha Ausiès qua đời tại Qui Ninh, sau đó ngày 13 tháng 11 đến lượt cha Estréchy qua đời tại Nha-ru,³³¹ khiến cho gần 30 giáo họ thiếu chủ chăn. Đức cha Labbé phải thường xuyên đi làm việc mục vụ từ Nha-ru đến Phú Yên. Năm 1710, ngài cho xây dựng 2 hay 3 nhà thờ tại Phú Yên là nơi ở chính của cha Ausiès trước đây.³³² Theo báo cáo của Đức cha Labbé, vào năm 1710, tại một vùng đất rộng gọi là Đồng Nai thuộc Cao Miên, đã có dân Đàng Trong đến cư ngụ từ 35 đến 40 năm qua, với số dân hơn 20 ngàn, trong đó có ít nhất 2.000 tín hữu.³³³

Sau khi cha Ausiès qua đời, vùng Phú Yên được Đức cha Labbé giao cho cha Flory chăm sóc. Đầu tháng 01 năm 1716, cha Flory lại được Đức cha Pérez giao thêm vùng Qui Ninh là nơi trước đây cũng do cha Ausiès phụ trách. Tại đây có tất cả 21 nhà thờ, nhưng sau khi cha Ausiès qua đời thì tình trạng thật đáng thương: Đức cha phải đích thân phụ trách mục vụ cho họ, nhưng ngài chỉ đến mỗi năm một lần để ban các Bí tích mà thôi, chứ không dạy dỗ được gì. Trong vòng một tháng rưỡi cha Flory đã đi khắp cả vùng này, đêm nào cũng giảng dạy, giải tội, dâng thánh lễ. Công việc mục vụ tại Phú Yên có phần dễ chịu hơn, vì các tín hữu ở đây đã được dạy dỗ kỹ hơn, hơn nữa ở đây có một nhà thờ lớn, các tín hữu từ các nơi đến đó dễ dàng, nên ngài ít phải đi các nơi.³³⁴

Mặc dù là học trò của các thừa sai Pháp, nhưng không thuộc Hội thừa sai Paris, nên Đức cha Pérez không được hội này ủng hộ. Vì vậy, để có thêm thợ gặt trên cánh đồng truyền giáo Giáo phận, Đức cha đã nghĩ đến việc mời các cha Dòng Phanxicô đến giúp, vì khi còn là linh mục ở Xiêm ngài có một người bạn thân là cha Antonio de Sto Domingo, Dòng Phanxicô Tây Ban Nha, và từ đó ngài có cảm tình với dòng này. Ngay từ năm 1699 Đức cha đã viết thư cho cha Antonio bày

³³⁰ Xem *Sđđ.*, tr. 540, 546-547.

³³¹ Xem *Sđđ.*, tr. 630, 633.

³³² Xem *Sđđ.*, tr. 541.

³³³ Theo thư Đức cha Labbé gửi Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris ngày 04.09.1710, trong *Sđđ.*, tr. 541.

³³⁴ Theo thư cha Flory gửi Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris tháng 01 năm 1717, trong *Sđđ.*, tr. 559-560.

giờ đang làm Bề trên tại Manila. Cha Antonio rất sẵn sàng nhưng rồi có nhiều lý do khiến việc gửi các cha dòng đến Đà Nẵng không thực hiện được. Năm 1713 Đức cha Pérez lại gửi thư đến Bề trên phụ Tỉnh Dòng Phanxicô Tây Ban Nha ở Quảng Châu. Phụ Tỉnh Dòng đã cử hai cha Jerónimo de la Trinidad và José de la Concepción đến Đà Nẵng ngày 27.03.1720. Khi hai cha dòng đến thì nhân sự của Giáo phận Đà Nẵng gồm có 21 người: Đức cha Pérez, Đức cha phó Labbé cùng với 3 linh mục Pháp, 2 linh mục Dòng Phanxicô, 11 linh mục Dòng Tên và 3 linh mục Việt.³³⁵

Đức cha đặt cha Jerónimo de la Trinidad làm Quyền đại diện và cho hai cha coi sóc những nhà thờ và những họ đạo do chính ngài sáng lập và xây cất cùng với một số nhà thờ và họ đạo khác nữa. Năm 1722 có thêm một cha Dòng Phanxicô từ Manila đến là cha Felipe de la Concepción. Cùng với các thừa sai khác, các cha Dòng Phanxicô bắt tay vào việc. Cha Jerónimo de la Trinidad sau khi cùng Đức cha đi kinh lý Giáo phận đã về ở gần núi Kỳ Sơn và xây một nhà thờ ở đó, tiếp đến ngài còn xây một nhà thờ nữa ở Phú Xuân. Từ năm 1722 đến 1727, cha Felipe de la Concepción xây một nhà thờ ở Trà Kiệu, một nhà thờ ở Hội An, một nhà thờ ở Sa Huỳnh, một nhà thờ ở vùng Qui Ninh, một nhà thờ ở Đồng Hâu, một nhà thờ ở Bầu Giêng và một nhà thờ ở Cầu Gioan. Về phần cha José García, khi đến Cao Miên, ngài đã xây dựng họ đạo Sài Gòn đầu tiên, nơi mà cho tới nay người dân gọi là Chợ Quán với một ngôi nhà thờ nhỏ. Cũng trong năm 1722 hai thừa sai Dòng Barnabê³³⁶ đã được gửi đến Đà Nẵng, đó là cha Alessandro di Alexandris và cha Salvator, cả hai đều là người Ý. Đây là những thừa sai đầu tiên được Thánh bộ Truyền giáo trực tiếp gửi đến.

Tuy có thêm nhân sự là các linh mục Dòng Phanxicô và Dòng Barnabê, nhưng Giáo phận lại mất Đức cha phó Labbé. Ngài qua đời ngày 24.03.1723 tại Phú Yên, ở vùng phụ cận Măng Lăng ngày nay.³³⁷ Các tín hữu ở Chợ Mới (thuộc phủ Diên Ninh) và Nha-ru (thuộc phủ Bình Khang) là nơi ngài thường cư ngụ đã đến xin rước xác ngài về, nhưng cha Flory xin họ cứ để ngài yên nghỉ ở Phú Yên theo sự xếp đặt của Chúa. Xác ngài được quản khá lâu trong nhà thờ

³³⁵ Theo báo cáo của Đức cha Pérez gửi Thánh bộ Truyền giáo ngày 27.07.1721, trong *Sđđ.*, tr. 593.

³³⁶ Dòng Barnabê do Thánh Antôn Maria Giacaria (Ý) sáng lập năm 1530, mang tên nơi tu viện mẹ được xây cất gần thánh đường kính thánh Barnabê ở Rôma. Còn gọi là tu hội giáo sĩ Thánh Phaolô, theo gương truyền giáo của vị tông đồ dân ngoại.

³³⁷ Xem *Sđđ.*, tr. 641.

chính của Phú Yên với phẩm phục Giám mục. Đông đảo các tín hữu từ khắp nơi đến viếng xác ngài, có cả lương dân nữa. Cuối cùng xác ngài được an táng trọng thể bên dưới bàn thờ của nhà thờ ấy.³³⁸

Cũng trong năm 1723, chúa Minh lại ban hành một chiếu chỉ cấm đạo mới.³³⁹ Thực ra, từ tháng 03 năm 1714, sau một thời gian yên ổn, các tín hữu lại bắt đầu hoang mang lo sợ lệnh cấm đạo trước đây lại được áp dụng. Nhiều nơi các tín hữu vội vàng biến các nhà thờ thành nhà thường để khỏi bị lương dân xúc phạm và đập phá, các ảnh tượng được cất giấu, các phụ nữ đạo đức không mang tràng hạt nơi cổ, mọi dấu hiệu về đạo đều biến mất, nhưng không làm tổn thương đến cốt lõi của đạo. Sau khi cất giấu những gì quý báu nhất, nhiều tín hữu trốn lên vùng núi hay ẩn lánh nơi các người họ hàng và bạn hữu bên lương. Những người còn ở lại nhà cũng tìm cách ẩn nấp đâu đó.³⁴⁰ Tuy nhiên chỉ sau khi chiếu chỉ cấm đạo năm 1723 được ban hành, cuộc bách hại mới thực sự gắt gao, với mục đích khảo của và đòi các tín hữu phải nộp tiền chuộc. Chúa Minh còn ra lệnh cho các thừa sai ngoại quốc trong vòng hai tháng phải rời khỏi vương quốc, nhưng lệnh được hoãn thi hành.

Năm 1724, Thánh bộ Truyền giáo gửi hai thừa sai Dòng Phanxicô là cha Johann Valera Rist và cha Serafino di Borgia đến Đàng Trong. Cha Rist người xứ Bavière nước Đức, hoạt động từ Đồng Nai đến Phú Xuân. Cha thường có mặt ở Đồng Nai, Lâm Thuyền (phủ Diên Ninh), Bến Đá, Nước Mặn (phủ Qui Nhơn) và Phú Xuân. Còn cha Serafino hoạt động ở Phú Yên và Thuận Hóa. Năm 1726, chúa Minh qua đời, con là Nguyễn Phúc Trú, tức chúa Ninh, lên kế vị và hạ chỉ dụ thôi cấm đạo. Giáo phận Đàng Trong được hưởng bình an trong một thời gian khá dài.³⁴¹

Năm 1727, khi thấy sức khỏe đã quá yếu và ngày trở về với Chúa đã gần, Đức cha Pérez xin Tòa Thánh bổ nhiệm một Giám mục phó. Trong chính năm đó Tòa Thánh đã bổ nhiệm cha Alessandro di

³³⁸ Theo thư cha Flory gửi Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris, tháng 07 năm 1723, trong *Sdd.*, tr. 641.

³³⁹ Theo thư cha Flory gửi về Thánh bộ Truyền giáo, ngày 19.06.1724, trong *Sdd.*, tr. 587.

³⁴⁰ Theo thư Đức cha Labbé gửi Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris ngày 27.10.1715, trong *Sdd.*, tr. 567-568.

³⁴¹ Theo thư Đức cha Labbé gửi Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris ngày 20.07.1725, trong *Sdd.*, tr. 587-588.

Alexandris, làm Giám mục hiệu tòa Nabuce và Giám mục phó Đại diện Tông tòa Đà Nẵng.³⁴²

Năm 1728, vì một sự cố xảy ra tại nhà thờ của Đức cha Pérez gắn liền với một số xúc phạm mà những người ngoại giáo đã làm cho ngài trong thời gian ấy, nên ngài rất đau buồn, và do quá lo sợ, nên sức khỏe tinh thần và thể xác của ngài sa sút đến độ ngài không còn làm được bất kỳ việc gì, thậm chí ngài không biết mình nói gì, tình trạng giống như con trẻ, thường xuyên rơi vào tình trạng mê sảng và cuối cùng ngài qua đời ngày 29.09.1728 thọ 85 tuổi sau 37 năm cai quản Giáo phận. Trong thời gian đó bao giờ ngài cũng chỉ ở lại Phú Xuân 3 hoặc 4 ngày, tính quá nhút nhát của ngài không cho phép ngài ở lâu hơn. Từ đó ngài sang Dinh Cát và ở lại đó ít ngày, rồi trở về Kẻ Chàm là nơi ngài đã xây dựng vài ngôi nhà thờ và giao cho các cha Dòng Phanxicô. Thỉnh thoảng ngài ở Bàu Nghè. Ngài cũng làm việc tại Quảng Nghĩa và xây dựng vài ngôi nhà thờ ở đó. Còn tại Phú Yên, Bình Khang và Diên Ninh thì ngài chỉ ghé qua một lần trước khi giao cho Đức cha phó Labbé. Ngài sống thời gian cuối đời tại Kẻ Tha, gần Hội An, và qua đời ở đó. Một người tín hữu đã xây tại nơi an táng ngài một nhà nguyện để làm nơi tụ họp của một số giáo dân.³⁴³

Đức cha là một mục tử rất thánh thiện, nhưng không đủ uy quyền để các thừa sai Pháp vâng phục, vì ngài không phải là người Pháp. Ngài cai quản Giáo phận trong một hoàn cảnh khó khăn, không những vì những vấn đề nội bộ, mà còn vì những cơn bách hại từ bên ngoài.

4. THỜI ĐỨC CHA ALESSANDRO DI ALEXANDRIS (1728-1738)

Năm 1728 Đức cha Alessandro di Alexandris lên kế vị Đức cha Pérez làm Giám mục Đại diện Tông tòa cai quản Giáo phận Đà Nẵng.³⁴⁴ Khi còn là linh mục ngài đã mua một khu vườn tại Phú Xuân và xây một nhà thờ ở đó. Sau khi làm Giám mục ngài đặt Tòa Giám mục tại đây. Ngài vốn là một tu sĩ người Ý thuộc dòng

³⁴² Trong việc bổ nhiệm Đức cha Alessandro di Alexandris, Thánh bộ Truyền giáo đã tiến hành thủ tục tuyển chọn bằng hình thức loại trừ: trong số các thừa sai đang phục vụ tại Đà Nẵng có 3 linh mục thuộc Hội thừa sai Paris, nhưng 2 cha bị đau yếu, còn cha Flory thì không thể; 3 cha Dòng Phanxicô, trong số đó cha Jerónimo là Quyền đại diện của Đức cha Pérez nhưng lại muốn đi Trung Hoa; còn lại các cha Dòng Tên thì tất cả đều là người Bồ. Vì vậy cuối cùng Thánh bộ đã chọn cha Alessandro di Alexandris. Xem *Sdd.*, tr. 595, chú thích 3.

³⁴³ Xem *Sdd.*, tr. 642-643.

³⁴⁴ Đức cha Alessandro di Alexandris sinh năm 1691, qua đời năm 1738 tại Phú Cam, Phú Xuân.

Barnabê,³⁴⁵ do đó ngài cũng gặp nhiều khó khăn đối với các thừa sai Pháp và những linh mục triều.

Dưới thời Đức cha Alessandro, Giáo phận mở rộng xuống lãnh địa Cao Miên. Ngay từ cuối thế kỷ XVII, các cha Dòng Tên đã hoạt động truyền giáo từ Bà Rịa, Đồng Nai đến Sài Gòn. Cuối năm 1722, cha José de la Concepción, còn gọi là cha José García, Dòng Phanxicô, được chuyển từ Quảng Nghĩa xuống vùng Sài Gòn là nơi cha Emmanuel Quintan, Dòng Tên, đang coi sóc. Cha vội vã lên đường và đầu năm 1723 thì đến nơi. Cha được giao một ngôi nhà thờ nhỏ, nhưng sau đó cha đã mua thêm đất và xây cất lại ngôi nhà thờ rộng lớn hơn. Đó là nơi phát tích họ đạo Sài Gòn đầu tiên mà cho đến nay người ta vẫn gọi là Chợ Quán. Tiếp đến cuộc bách hại dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu đã khiến cho nhiều giáo dân từ miền Trung chạy vào vùng Sài Gòn nơi họ đạo Chợ Quán của cha García. Năm 1727 nơi đây đã có 300 giáo dân. Một lần nữa cha lại xây một ngôi nhà thờ mới rộng hơn thay thế ngôi nhà thờ cũ. Năm 1739 cha García ghi nhận số người lên hôn chân Chúa ngày thứ sáu Tuần thánh là trên 2.000. Vùng đất Sài Gòn ngày càng trở nên sầm uất và thành trung tâm của cả miền ấy. Còn tại Bà Rịa và Đồng Nai dưới quyền các cha Dòng Tên thì số giáo dân đã lên đến 8.000 người.

Ngày 25.09.1735 cha Johann Valera Rist được Tòa Thánh bổ nhiệm làm Giám mục hiệu tòa Minda và Giám mục phó Giáo phận Đà Nẵng. Lễ tấn phong được tổ chức khá long trọng tại một nhà thờ thuộc các cha Dòng Phanxicô ở Phú Xuân, nhưng chẳng bao lâu sau ngài đã qua đời ngày 13.09.1737 và được an táng tại Hội An.³⁴⁶ Đúng một năm sau, Đức cha Alessandro di Alexandris cũng qua đời ngày 12 hay 13.09.1738 tại Phú Xuân.³⁴⁷ Cũng trong năm 1738, chúa Nguyễn Phúc Trú qua đời và chúa Nguyễn Phúc Khoát lên kế vị, Giáo phận tiếp tục được bình an.

Trong thời kỳ này, tại Giáo phận Đà Nẵng, ngoài các thừa sai Dòng Tên, các linh mục thuộc Hội thừa sai Paris, còn có các thừa sai Dòng Phanxicô, Dòng Barnabê, Dòng Theatinô, Dòng Sylvestrê, trong số đó có những vị được gọi là thừa sai thuộc Thánh bộ Truyền bá Đức tin vì do Thánh bộ gửi đến, ngoài ra còn có một số linh mục triều

³⁴⁵ Có tác giả nói ngài thuộc Dòng Theatinô.

³⁴⁶ Xem *Sđđ.*, tr. 12-13, 44. Đức cha Johann Valera Rist sinh năm 1696, qua đời ngày 13.09.1737 tại Hội An.

³⁴⁷ Xem ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine 1658-1823. Documents historiques II, 1728-1771*, P. Téqui, Paris 1924, tr. 44.

người Việt. Các thừa sai này được phân chia hoạt động trong những vùng khác nhau, nhưng cũng có những nơi các ngài hoạt động bên cạnh nhau, có nhà thờ riêng và cộng đoàn tín hữu riêng. Ngoài ra các thừa sai thuộc những dòng tu hoặc những tổ chức khác nhau thường hoạt động theo truyền thống riêng, với những phương pháp riêng, không thể phân định ai hơn ai. Điều này đem lại sự phong phú cho cánh đồng truyền giáo, nhưng cũng không khỏi gây ra những cạnh tranh, thậm chí tranh chấp giữa các thừa sai, không những do sự khác biệt giữa các Hội dòng hay các tổ chức, mà còn do vấn đề quốc tịch. Các thừa sai thuộc nhiều nước: Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Ý, ai cũng đề cao quốc gia của mình. Những bất đồng giữa các thừa sai thuộc nhiều Hội dòng, tổ chức hay quốc tịch, còn lôi kéo theo sự phân rẽ giữa các cộng đoàn tín hữu người Việt mà các ngài phụ trách.

Ngoài ra, việc Tòa Thánh đặt Đức cha Pérez rồi đến Đức cha Alessandro di Alexandris làm Giám mục Đại diện Tông tòa cai quản Giáo phận Đà Nẵng, và Đức cha Valera Rist làm Giám mục phó, cả ba đều không thuộc Hội thừa sai Paris, khiến cho các thừa sai Pháp nghĩ rằng Tòa Thánh không muốn để Hội thừa sai trực tiếp điều khiển Giáo phận Đà Nẵng nữa. Hơn nữa, vì Đức cha Alessandro là người nhà dòng và là người Ý, nên các thừa sai Pháp cho rằng ngài thích các cha dòng và các cha người Ý hơn các thừa sai người Pháp, nhất là khi có một vài thừa sai người Pháp từ Xiêm đến không được Đức cha chấp nhận, có vị được giao cho những nơi các vị không thích, có vị bị kỷ luật, ngoài ra có một số nhà thờ trước đây thuộc các thừa sai Pháp nay được Đức cha giao cho các cha Dòng Phanxicô. Do đó các thừa sai người Pháp không bằng lòng và nhiều lần viết thư đệ trình lên Tòa Thánh xin giải quyết, thậm chí còn đề nghị phân chia Giáo phận thành nhiều Giáo phận nhỏ, mỗi Giáo phận trao cho một dòng tu.

Tòa Thánh đã cử một vị Khâm sai Tông tòa đến Đà Nẵng để tìm hiểu hiện tình Giáo phận và giải quyết vấn đề, đó là Đức cha Elzéar des Achards de la Baume, Giám mục hiệu tòa Halicarnasse. Ngài sinh tại Avignon, trước kia đã xin gia nhập chủng viện thừa sai Paris. Ngài cập bến Hội An ngày 30.04.1739. Cùng đi với Đức Khâm sai có vị phụ tá kiêm thư ký của ngài là linh mục Favre người Thụy Sĩ, hai cha De Carbon và Du Frenay và một người tên là Chevrillon theo giúp ngài. Lúc bấy giờ Giáo phận Đà Nẵng đang trống tòa vì Đức cha Alessandro di Alexandris đã qua đời từ năm 1738, chỉ còn cha Quyền đại diện là linh mục Giuseppe Marziali, Dòng Sylvestrê, người Ý và là thừa sai của Thánh bộ.

Đầu tiên Đức Khâm sai ở vài ngày tại nhà của một trong những cha Dòng Tên kỳ cựu nhất, sau đó ngài đổi ý và đến ở tại nhà thờ của các thừa sai Thánh bộ tại Kẻ Tha. Tại đây, ngày 02.06.1739 ngài gửi đến các thừa sai một bức thư mục vụ thông báo về tư cách khâm sai của ngài và công bố mở đầu cuộc kinh lý. Sau đó ngài ra Phú Xuân và ở tại nơi mà trước đây Đức cha Alessandro di Alexandris đã dùng làm Tòa Giám mục tại khu phố Phủ Cam. Các thừa sai từ khắp Giáo phận lần lượt đến chào Đức Khâm sai và trình bày cho ngài hiện tình của các cộng đoàn tín hữu dưới quyền chăm sóc của họ. Các tín hữu cũng đến gặp ngài và ngài ân cần lắng nghe họ. Sau đó ngài và cha Favre chia nhau đi kinh lý các nơi. Đức Khâm sai đi kinh lý các vùng từ Kẻ Chàm trở ra, còn cha Favre được ngài giao đi kinh lý các vùng từ Qui Ninh trở vô. Theo báo cáo của cha Favre, cuộc kinh lý đã cho biết số tín hữu tại nhiều nơi trong Giáo phận như sau: tại Quảng Bình, Dinh Cát, Phú Xuân: khoảng 8.000 ; tại Hội An, Kẻ Chàm: khoảng 6.500 ; tại Quảng Nghĩa: khoảng 3.000; tại Qui Ninh: khoảng 3.000; tại Phú Yên: khoảng 2.200; tại Bình Khang, Diên Ninh: khoảng 3.000; tại Phan Rang, Phan Rí: khoảng 2.000; tại dinh Trấn Biên, Sài Gòn: khoảng 6.000.³⁴⁸ Con số có lẽ thấp so với thực tế và chưa phải là tổng số tín hữu trong cả Giáo phận lúc bấy giờ.

Sau cuộc hành trình kinh lược vất vả, ngày 30.03.1741 Đức Khâm sai đã lâm bệnh nặng và từ trần ngày lễ Phục sinh, 02.04.1741 hưởng thọ 62 tuổi và được an táng trong nhà thờ Thợ Đức ở Phú Xuân. Ngày 13 tháng 06, cha Favre với tư cách quyền Khâm sai đã đặt cha De La Court làm Quyền đại diện của Giáo phận đang trống tòa và ngày hôm sau cha rời Phú Xuân đi Cửa Hàn để xuống tàu về Rôma tường trình lên Tòa Thánh kết quả cuộc kinh lược. Trước khi ngã bệnh và từ trần, Đức Khâm sai đã quyết định phân chia ranh giới hoạt động của các thừa sai như sau: các thừa sai Pháp phụ trách một phần Phú Xuân, đặc biệt 2 họ đạo Phủ Cam và Thợ Đức, một phần trong các vùng Kẻ Chàm, Quảng Nghĩa, Qui Ninh và toàn bộ các vùng Phú Yên, Bình Khang, Diên Ninh, Phan Rang, Phan Rí và Bến Gỗ ở dinh Trấn Biên; các thừa sai Dòng Tên phụ trách các vùng Quảng Bình, Dinh Cát, một phần các vùng Phú Xuân, Kẻ Chàm, Quảng Nghĩa, Qui Ninh và toàn bộ dinh Trấn Biên trừ Bến Gỗ; các thừa sai Dòng Phanxicô phải bỏ Thợ Đức rút về Sài Gòn và Cao Miên, 20 nhà thờ và 4 nhà nguyện do các cha Dòng Phanxicô xây cất ở những vùng kia được trao cho các thừa sai khác.

³⁴⁸ Xem *Sdd.*, tr. 65-67.

Để giữ uy tín, ngày 19.09.1741, Thánh bộ đã châu phê quyết định của Đức Khâm sai. Tuy nhiên Dòng Phanxicô Tây Ban Nha đã khiếu nại lên Tòa Thánh và chính cha Martiali dòng Sylvestre, nguyên Quyền đại diện Giáo phận Đà Nẵng, cũng về Rôma biện hộ cho các cha Dòng Phanxicô và cho Tòa Thánh thấy rằng Đức Khâm sai đã hành động không như quan tòa, mà như trạng sư biện hộ cho người Pháp.

5. THỜI ĐỨC CHA ARMAND LEFEBVRE (1743-1760)

Sau khi Đức cha Alessandro qua đời năm 1738, Hội thừa sai Paris đã vận động Tòa Thánh để các thừa sai Pháp trở lại cai quản Giáo phận. Ngày 06.10.1741, Tòa Thánh đã bổ nhiệm cha Armand-François Lefebvre, đang làm Quyền đại diện ở Xiêm, làm Giám mục hiệu tòa Noélène và Đại diện Tông tòa Giáo phận Đà Nẵng. Lễ tấn phong được tổ chức vào ngày lễ Hiền Linh, 06.01.1743 tại Ajuthia.³⁴⁹

5.1. Đức cha Lefebvre và tình hình Giáo phận

Ngày 23 sau đó ngài lên đường về nhận Giáo phận. Ngày 22 tháng 02 ngài đến Hà Tiên. Đây là nơi cha José García, Dòng Phanxicô, đã đến lần đầu tiên vào năm 1735 dưới thời đô đốc Mạc Thiên Tứ³⁵⁰ và được ông cho phép xây dựng một nhà thờ tại đó để

³⁴⁹ Đức cha Armand-François Lefebvre sinh ngày 21.12.1709 tại Calais (Pas-de-Calais), đến Xiêm năm 1737, được bổ nhiệm làm Đại diện Tông tòa Đà Nẵng ngày 06.10.1741, qua đời tại Matkompul (Cao Miên) ngày 27.03.1760. Xem *Sdd.*, tr. 105.

³⁵⁰ Mạc Thiên Tứ là con của Mạc Cửu. Nguyên Mạc Cửu là người Quảng Đông, khi nhà Thanh cướp ngôi nhà Minh bên Trung Hoa, Mạc Cửu bỏ chạy sang Cao Miên, thấy ở phủ Sài-mạt có nhiều người các nước đến buôn bán, nên đã mở sòng bạc lấy tiền chiêu mộ các di dân lập ra 7 xã gọi là Hà Tiên. Năm 1708 Mạc Cửu xin thần phục chúa Nguyễn và được phong chức tổng binh, trấn giữ đất Hà Tiên. Đến khi Mạc Cửu mất, chúa Nguyễn lại phong cho con là Mạc Thiên Tứ giữ chức đô đốc. Mạc Thiên Tứ đắp thành, xây lũy, mở chợ, làm đường và rước thầy về dạy nho học để khai hóa dân chúng. Xem TRẦN TRONG KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển II, *sdd.*, tr. 82.

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN, *Đại Nam Nhất Thống Chí*, *sdd.*, tập 5, quyển 26, *tỉnh Hà Tiên*, tr. 6, ghi: "Năm Ất mao (1735), Mạc Cửu chết, Túc Tông cho con Cửu là Thiên Tứ làm Đô đốc trấn Hà Tiên, đặt nha thuộc, dựng thành lũy... Năm Đinh sửu (1757), nước Cao Miên có loạn, Nặc Tôn chạy sang Hà Tiên, Thiên Tứ xin với chúa Nguyễn cho người hộ tống về nước, Nặc Tôn lấy làm ơn huệ, cắt cho đất 5 phủ là Châu Sum, Sài Mạt, Linh Quỳnh, Cần Bột, Vũng Thơm để báo ơn, Thiên Tứ đem đất 5 phủ ấy dâng triều đình. Cho thuộc về Hà Tiên quản hạt, rồi lập đạo Kiên Giang ở Rạch Giá và đạo Long Xuyên ở Cà Mau, đều đặt quan lại để cai trị".

truyền đạo, vì ông thấy rằng đạo là yếu tố cần thiết để kiến tạo sự thịnh vượng và an ninh trật tự. Từ đó họ đạo Hà Tiên phát triển mau lẹ. Khi Đức cha Lefèbvre đặt chân đến đây, ngài đã ban phép thêm sức cho 100 người.

Từ Hà Tiên, Đức cha đi lần ra phía Bắc. Hành trình vất vả nên Đức cha ngã bệnh và tưởng chừng có thể chết dọc đường. Cuối cùng Đức cha đã đến Phú Xuân và chọn nhà thờ Thợ Đức làm nơi cư trú. Ngài đặt cha Edmond Bennetat làm Quyền đại diện. Trong suốt 2 năm kể từ khi đến Giáo phận, Đức cha lúc nào cũng yếu đau, khiến ngài không thể học tiếng, cũng không thể đi thăm cộng đoàn tín hữu nào được. Nhiều nơi đã không gặp mặt vị chủ chăn Giáo phận từ 25 năm nay, trong khi đó Giáo phận này đang cần một vị mục tử có thể đi thăm viếng thường xuyên và củng cố đức tin của các tín hữu bằng những lời giáo huấn.

Cha Quyền đại diện Bennetat thay mặt Đức cha đi thăm các nơi. Tại Phú Yên, ngài đến nhà thờ Phúc Thuyền. Các tín hữu từ khắp nơi trong vùng tuôn đến với ngài, rồi họ dẫn ngài đến Chợ Mới là nơi cha Paul-Jean Baptiste Bourguine đang ở, sau đó ngài rảo khắp vùng, từ Thạch Chánh đến Bảo Nham, Phú Điền, Lò Vôi, Quán Cau, Vũng Lắm. Đi đến đâu ngài cũng ban Bí tích cho giáo dân và rửa tội cho lương dân. Cuối cùng ngài trở về nhà thờ Chợ Mới và ở lại đó một thời gian. Đây là một cộng đoàn Kitô hữu khá đông và có nhiều nhà nguyện, nhưng vẫn còn nhiều người bỏ xưng tội chịu lễ, nên cần được chăm sóc mục vụ nhiều hơn.³⁵¹

Năm 1743, trong toàn Giáo phận có khoảng 70.000 tín hữu với 300 nhà thờ, riêng tại Phú Xuân có 5 nhà thờ. Có nhiều người Công giáo làm việc tại phủ chúa. Cũng năm ấy, Giáo phận có 29 linh mục: 12 thừa sai Dòng Tên, 6 thừa sai Pháp, 9 thừa sai Dòng Phanxicô và 2 thừa sai thuộc Thánh bộ.³⁵² Theo truyền thống của Hội thừa sai Paris, Đức cha đã phục hồi việc đào tạo hàng giáo sĩ bản xứ và các thầy giảng, vốn ít được quan tâm dưới thời 2 Giám mục tiền nhiệm.

Do sự khiếu nại của Dòng Phanxicô như được đề cập trên đây, quyết định của Đức Khâm sai De La Baume về việc phân chia địa bàn hoạt động của các thừa sai phải đình thực hiện và ngày 01.09.1744 Thánh bộ đã ra một chỉ thị trả lại các họ đạo và nhà thờ cho các thừa

³⁵¹ Xem ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine, II, sđd.*, tr. 144-146.

³⁵² Xem L.E. LOUVET, *La Cochinchine Religieuse, I*, Paris 1885, tr. 349.

sai Phanxicô, đồng thời chia lại địa bàn hoạt động cho hợp tình hợp lý hơn. Nhưng khó khăn vẫn còn tiếp tục, vì thế Đức Giáo Hoàng Bênêdictô XIV lại phải ban hành tông sắc *Quantopere Caritas* và cử Đức cha Hilaire Costa, Giám mục hiệu tòa Coricée và Đại diện Tông tòa Giáo phận Đông Đà Nẵng Ngoài đến Đà Nẵng Trong với tư cách Khâm sai Tông tòa.

Đức Khâm sai đã họp Công nghị tại nhà thờ Thợ Đức ở Phú Xuân trước hết để thảo luận việc thực thi tông sắc *Quantopere Caritas* về việc phân chia địa bàn hoạt động và đã đi đến quyết định như sau: các thừa sai Dòng Phanxicô được quyền chăm sóc mục vụ trên một phần của các vùng Phú Xuân, Kẻ Chàm và trọn vẹn các vùng Sài Gòn, Mỹ Tho, Long-hồ (Vĩnh Long), Hà Tiên; còn các thừa sai của Thánh bộ được giao một số họ đạo trong vùng Phú Xuân, Kẻ Chàm, Phú Yên, Bình Khang, Diên Khánh³⁵³. Ngoài ra tại Công nghị Đức Khâm sai còn trình bày tông chiếu *Ex Quo* ngày 11.07.1742 của Đức Bênêdictô XIV truyền chấm dứt những tranh luận đã kéo dài nhiều năm về lễ nghi Đông phương và buộc phải tuân theo tông chiếu *Ex Illa Die* (1715) của Đức Giáo Hoàng Clémentê XI, cấm thờ cúng tổ tiên. Sở dĩ Tòa Thánh có thái độ khắt khe như thế là vì thấy việc thờ cúng tổ tiên lúc ấy biểu lộ sự thờ phụng có tính tôn giáo đối với thụ tạo, là điều không hợp với giáo lý Công giáo, và hơn nữa còn chứa đầy mê tín dị đoan nghịch với đức tin.

Năm 1744, chúa Nguyễn Phúc Khoát chính thức xưng vương hiệu là Vũ vương. Họ Nguyễn làm chúa ở xứ Nam và thường được gọi là chúa Nguyễn, nhưng trên danh nghĩa chính thức thì từ khi Nguyễn Hoàng được vua Lê cho vào trấn ở xứ Nam, các chúa vẫn giữ chức vua Lê ban cho, đó là chức quận công. Mãi đến đầu thế kỷ 18, năm 1702 Nguyễn Phúc Chu mới sai người sang cống hoàng đế nhà Thanh để xin phong làm vua, nhưng việc không thành, vì Thanh triều nói rằng nước Nam còn có nhà Lê nên không thể phong vương cho họ Nguyễn được. Cùng với việc xưng vương hiệu, Vũ vương Nguyễn Phúc Khoát đổi phủ ra điện, thiết lập triều nghi. Vương quốc được chia thành 12 dinh: Chính dinh (Phú Xuân), Cựu dinh (Ái Tử), Quảng Bình dinh, Vũ Xá dinh, Bố Chính dinh, Quảng Nam dinh, Phú Yên dinh, Bình Khang dinh, Bình Thuận dinh, Trấn Biên dinh, Phiên Trấn dinh, Long Hồ dinh. Từ năm 1741, tên gọi Qui Ninh đã bị bãi bỏ để

³⁵³ Năm 1742 phủ Diên Ninh được đổi tên thành Diên Khánh.

lấy lại tên gọi Qui Nhơn như trước kia. Quảng Nghĩa và Qui Nhơn vẫn là phủ và thuộc về Quảng Nam dinh.³⁵⁴

Năm 1747, tại phủ Quảng Nghĩa có 20 họ đạo dưới quyền chăm sóc của các thừa sai Dòng Tên với số giáo dân như sau: An Chỉ: 180, Lâm: 250, Dou-gang: 140, Bờ Ải: 80, Chu-nang: 20, Vĩnh Phú: 100, Phường Chuối: 30, Cha-hom: 24, Sam: 60, Hom-rung: 70, Chà Là: 50, Mi-che: 26, Chanh-duong: 40, Đồng Ngô: 70, Đồng Ké: 90, Bàu Tây: 30, Châu Me: 140, Sa Huỳnh: 15, In-mou-le: 90, Tan-minh: 30.

Tại phủ Qui Nhơn có 13 họ đạo thuộc quyền các thừa sai Pháp và 14 họ đạo thuộc quyền các thừa sai Dòng Phanxicô. Các họ đạo thuộc quyền các thừa sai Pháp: Nước Ngọt: 40, Nước Mặn: 100, Gò Găng: 30, Gò Thị: 60, Kỳ Sơn: 80, Diêm Điền: 200, Thay-thong: 30, Sung-bung: 30, Kiều Đông: 33, Ben-do: 30, Làng Sông: 70, Phú Trung: 50, Cây Da: 100; các họ đạo thuộc quyền các cha Dòng Phanxicô: Phú Sanh: 50, Bến Đá: 70, Bàu Giêng: 300, Gia Hựu: 400, Lại Giang: 120, Phuong-den: 30, Ti Phu: 150, Đồng Trắng: 50, Đồng Khô: 50, Đồng Khan: 100, Nước Nhì: 70, Suối Khô: 200, Mương Lỡ: 80, Gieng-buong: 100.

Tại dinh Phú Yên có 14 họ đạo dưới quyền chăm sóc của các thừa sai Pháp: Phú Điền: 50, Bụng-gia: 60, Lỗ Rong: 40, Phúc Thuyền: 200, Thạch Thanh: 100, Nam Bình: 60, Bảo Nham: 40, Chợ Mới: 200, Thầy Đông: 100, Mái Nhà: 25, Rung-lam: 60, Suối Ré: 20, Quán Cau: 100, Lo-vung: 130.³⁵⁵

Chợ Mới là nhà thờ chính của toàn dinh Phú Yên và là nơi ở thường xuyên của các thừa sai. Nhà thờ Quán Cau cách đó 3 dặm, nhà thờ Lỗ Cao cách đó 6 dặm, nhà thờ Phú Điền cách đó 7 dặm, nhà thờ Phúc Thuyền cách đó 8 dặm, nhà thờ Thạch Thanh cách đó 14 dặm.³⁵⁶

Vì Đức cha Lefèbvre đau yếu đã lâu, nên chủng viện thừa sai Paris đề cử cha Edmond Bennetat làm Giám mục phó để phụ giúp ngài. Ngày 22.09.1745 Tòa Thánh ban sắc phong cha Bennetat làm Giám mục hiệu tòa Eucarpie và phó Đại diện Tông tòa Giáo phận Đà Nẵng Trong.³⁵⁷ Ngài được tấn phong Giám mục vào ngày 01.05.1748

³⁵⁴ Xem TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển II, *sđđ.*, tr. 88.

³⁵⁵ Xem ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine, II, sđđ.*, tr. 189.

³⁵⁶ Xem *Sđđ.*, tr. 191-192.

³⁵⁷ Xem *Sđđ.*, tr. 148, chú thích 1. Đức cha Edmond Bennetat sinh ngày 20.04.1713 tại Troyes, Pháp; thụ phong linh mục ngày 25.03.1737; được tấn phong

tại Phú Xuân do Đức cha Lefèbvre và sau đó ngài đến ở tại Kẻ Chàm. Từ đây ngài đi ban phép thêm sức tại các vùng phía Nam rồi sau đó đến các vùng phía Bắc.³⁵⁸

5.2. Cuộc bách hại dưới thời Vũ vương

Giáo phận được bình an từ 24 năm qua thì bỗng nhiên cơn bách hại lại xảy đến. Vũ vương lên ngôi được 11 năm, rất thích nghệ thuật và khoa học Tây phương, hậu đãi các thừa sai, thân thiện với người Pháp đến độ đã gửi thư sang vua Louis XV xin kết nghĩa hai nước, nhưng vào ngày 06.05.1750 ông đã ra sắc chỉ cấm đạo rất gắt gao và cuộc bách hại kéo dài 15 năm.

Có nhiều lý do dẫn đến cuộc bách hại này. Trước hết là thái độ xấc xược của các thương gia châu Âu trong khi tiếp xúc với người Việt mà họ coi như mọi rợ, chẳng những không thêm giữ lễ nghi phong tục của người Việt mà còn có những cử chỉ vô lễ. Vì thế người Việt ghét người Âu châu và ghét luôn cả đạo Công giáo. Cụ thể như trường hợp của ông Le Poivre. Năm 1749, chính phủ Pháp cử ông ấy dẫn đầu một phái đoàn đến Phú Xuân để điều đình về việc thương mại, nhưng vì sự thiếu khôn ngoan và thái độ vô lễ của những người trong phái đoàn, ông đã ra về không đạt kết quả và còn làm cho các quan triều và Vũ vương tức giận.³⁵⁹ Hơn nữa, Vũ vương có một quan cận thần rất ghét người Công giáo, thường tâu trình rằng các thừa sai sẽ mở đường cho Âu châu đến xâm chiếm nước ta. Vũ vương cũng muốn theo gương vua Càn Long nhà Thanh đã trục xuất tất cả các thừa sai ngoại quốc ra khỏi Trung Hoa năm 1746.

Thế là lệnh cấm đạo được ban hành khắp nơi trong toàn vương quốc và được thực hiện một cách hết sức khéo léo đến độ tất cả các thừa sai trong toàn Giáo phận đều bị bắt, từ Đức cha Lefèbvre Đại diện Tông tòa, đến Đức cha phó Bennetat, 4 thừa sai Pháp, 9 thừa sai Dòng Tên, 9 thừa sai Dòng Phanxicô và 2 thừa sai của Thánh bộ, chỉ trừ cha Johann Koffler Dòng Tên đang giữ chức ngự y trong vương phủ. Tất cả các thừa sai bị bắt đều được tập trung về Hội An cho đến

Giám mục ngày 01.05.1748; qua đời ngày 22.05.1761 tại Port-Louis, Pháp. Trước khi làm Giám mục, ngài đã làm việc tại Phú Yên.

³⁵⁸ Xem *Sđđ.*, tr. 148.

³⁵⁹ Xem *Sđđ.*, tr. 213-226. Theo tác giả Trần Trọng Kim thì cuộc điều đình của ông Le Poivre thành công chứ không thất bại, nhưng vì công ty của Pháp ở Ấn Độ bị bãi, nên việc thông thương với người Pháp cũng bị bãi. Xem TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển II, *sđđ.*, tr. 97.

đêm 26 rạng ngày 27.08.1750 thì bị đưa xuống tàu trục xuất về Ma Cao. Đồng đạo giáo dân đến tiễn chân các ngài, khóc lóc rất thảm thiết. Các ngài cũng hết sức đau lòng khi bị buộc phải để lại đoàn chiên bơ vơ trong cơn bách hại. Trong Giáo phận chỉ còn lại 3 linh mục: một Việt, một Hoa, một lai Ấn Độ, và 200 thầy giảng để chăm sóc mục vụ cho đoàn chiên. Cha Koffler được ở lại, vẫn giữ được nhà thờ của ngài và âm thầm liên lạc với 3 linh mục nói trên cũng như với các thầy giảng và giáo dân. Ba vị linh mục này đã âm thầm hoạt động bất chấp khó khăn thử thách, khi thì dưới dạng người bán hàng rong, khi thì như người chài lưới, thầy thuốc, nay thăm chỗ này, mai thăm chỗ kia, không dám ở lại lâu tại một nơi nào để khỏi bị lộ. Sau khi xua đuổi các vị chủ chăn, Vũ vương quay sang bách hại đoàn chiên. Hàng ngàn giáo dân đã bị tù đầy, bị đánh đập, hay bị tước đoạt hết tài sản. Hơn 200 nhà thờ đã bị triệt hạ, của cải các họ đạo bị tịch thu. Tại dinh Bình Khang, nhiều nhà của các nữ tu cũng bị phá hủy.

Năm 1751, từ Ma Cao, Đức cha phó Bennetat đi Pondichery (Ấn Độ) để gặp ông Toàn quyền Dupleix theo lời mời của ông. Ông nhờ Đức cha mang một số lễ vật trở lại Đàng Trong điều đình với Vũ vương để mở một công ty thương mại tại đó. Đức cha đã nhận lời và lên tàu đến Phú Xuân cùng với cha Rivoal. Được tin Đức cha trở lại để thương thuyết về việc thương mại, Vũ vương chấp thuận cho ngài vào yết kiến và sau đó cho ngài ở lại nhà thờ Thợ Đức. Đức cha vui mừng và tưởng rằng cuộc thương thuyết sẽ đem lại kết quả mỹ mãn và nhờ đó có thể tiếp tục chăm sóc mục vụ cho đoàn chiên. Nhưng không may, vào năm 1753 có một ông quan vừa có chuyện xích mích với các thương gia Âu châu nên đã tâu trình xấu lên vương phủ, khiến cho Vũ vương lại ra lệnh trục xuất Đức cha và cha Rivoal ra khỏi nước. Đức cha ghé Pondichery báo tin cho ông Dupleix rồi trở về Pháp và đi Rôma để tường trình về các công việc liên quan đến miền truyền giáo. Tháng 01 năm 1756, Đức cha Deveaux, Giám mục phó Giáo phận Tây Đàng Ngoài qua đời. Tòa Thánh thấy rằng Đức cha Bennetat còn lâu mới trở lại được Đàng Trong nên đã đặt ngài thay thế Đức cha Deveaux. Đức cha xuống tàu đi nhận nhiệm vụ mới, nhưng chưa kịp đi thì đã qua đời ngày 22.05.1761 tại Port-Louis (Ile-de-France) và được an táng tại nghĩa trang của giáo xứ Saint-Louis.

Năm 1752, cũng chính năm Đức cha phó Bennetat trở lại Đàng Trong để thương thuyết về việc buôn bán, Bề trên Dòng Tên ở Ma Cao gửi hai thừa sai người Bồ là cha Xavier de Monteiro và cha João de Loureiro đến Đàng Trong, tới vương phủ với tư cách là nhà khoa

học. Vũ vương vốn ham thích khoa học Tây phương nên đón nhận các cha và cho ở tại vương phủ. Các cha làm công việc nghiên cứu khoa học và y trong triều, nhưng đồng thời cũng lên lút thi hành chức vụ linh mục nơi các tín hữu. Năm 1755 cha Koffler bị một toán lính hành hung trong lúc thi hành sứ vụ tông đồ và sau đó bị trục xuất. Năm 1760 có hai cha Dòng Tên đến Đà Nẵng và âm thầm hoạt động, một cha người Trung Hoa không rõ tên và một cha người Ý tên là Paolo-Agostino Amoretti.

Về phần Đức cha Lefèbvre, ngài ở tại Ma Cao nhưng lúc nào cũng mong đợi ngày trở lại Đà Nẵng. Trong khi tình hình khó khăn còn đang tiếp diễn tại xứ này, Đức cha đã gửi cha Guillaume Piguel đến Cao Miên. Sau đó, ngày 21.09.1757 Đức cha cũng đến Cao Miên. Lúc đầu ngài ở tại Prambey-Chom, một hòn đảo trên sông Mékong, sau đó ngài di chuyển đến Thonol trong tỉnh Kandal và làm việc mục vụ cho những người Việt đang sinh sống bằng nghề đánh cá chung quanh biển hồ, liên lạc với Giáo phận bằng thư từ. Năm 1759, ngài đã đặt cha Piguel làm Quyền đại diện Giáo phận Đà Nẵng. Ngày 15.02.1760 Đức cha ngã bệnh, cơn bệnh kéo dài khoảng 7 hay 8 ngày và cuối cùng ngài qua đời vào buổi chiều ngày 27.03.1760 trong tuần thương khó, khi vừa tròn 51 tuổi, và được an táng trong nhà thờ tại Thonol.

6. THỜI ĐỨC CHA GUILLAUME PIGUEL (1764-1771)

Người kế vị Đức cha Lefèbvre là thừa sai Guillaume Piguel.³⁶⁰ Năm 1762 ngài được Tòa Thánh bổ nhiệm làm Giám mục hiệu tòa Canathe và Đại diện Tông tòa Giáo phận Đà Nẵng. Nhưng mãi hai năm sau, ngày 09.12.1764, ngài mới được tấn phong Giám mục do Đức cha Brigot, Đại diện Tông tòa Giáo phận Xiêm, tại nhà thờ thánh Giuse ở Ajuthia. Sau đó ngài cùng với cha Denis Boiret trở về Prambey-Chom ở Cao Miên. Đức cha sống cực khổ trong một căn lều nghèo nàn, tường và mái được làm bằng những tàu lá. Theo lệnh và lời mời gọi của ngài, một số thừa sai đã âm thầm trở lại Giáo phận và làm việc có hiệu quả, trong đó có cha Pierre Halbout được ngài đặt

³⁶⁰ Đức cha Guillaume Piguel sinh ngày 04.12.1722 tại La Mézière (Ille-et-Vilaine), đến xứ truyền giáo năm 1748, Giám mục hiệu tòa Canathe và Đại diện Tông tòa Đà Nẵng năm 1762, qua đời tại Prambey-Chom, Cao Miên, ngày 21.06.1771. Xem ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine*, II, *sdd.*, tr. 109.

làm Quyền đại diện, hai cha người Việt, hai cha Dòng Tên và hai cha Dòng Phanxicô.

Năm 1765 Vũ vương mất, để lại tờ di chiếu lập con thứ hai lên kế vị, nhưng quyền thần Trương Phúc Loan có ý muốn chuyển quyền đã bí mật đổi tờ di chiếu và lập người con thứ 16 của Vũ vương mới 12 tuổi lên kế vị là Định vương Nguyễn Phúc Thuần. Tình hình tôn giáo tại Đàng Trong tươi sáng hơn, mặc dù chỉ dụ cấm đạo và lệnh trục xuất các thừa sai của tiên vương chưa chính thức được hủy bỏ, nhưng Định vương không tỏ ra chống đạo. Hơn nữa, thái hậu và ba vị trong số bốn nhiếp chính cho vị thiếu vương đã thi ân nhiều cho các tín hữu. Trong số các quan cấp dưới vẫn có người Công giáo, nhiều vị khác không theo đạo nhưng vẫn che chở giáo dân. Tuy nhiên vẫn có một số quan chức còn lợi dụng những sắc chỉ cấm đạo của tiên vương chưa được thu hồi để sách nhiễu giáo dân và đòi những khoản tiền để những người bị bắt được tha về.

Trong những năm 1760-1765, nước Xiêm bị quân Miến Điện xâm lăng, thừa sai Jean Baptiste Artaud phải di tản chủng viện Thánh Giuse từ Ajuthia đến Chantaburi. Tháng 11 năm 1765 quân Miến Điện tràn đến thị trấn này nên chủng viện lại được di tản sang Hòn Đất gần Hà Tiên. Tháng 09 năm 1765, thừa sai Pierre Pigneau de Béhaine vừa thụ phong linh mục đã được Hội thừa sai Paris gửi sang Đàng Trong. Đức cha Piguel thấy ngài phù hợp với việc đào tạo giới trẻ nên đã đặt ngài làm giáo sư chủng viện. Ngài đã cố gắng học chữ Hán, chữ Nôm và chữ Quốc ngữ, có thể đọc sách và nói thông thạo. Đến cuối năm 1769 ngài được bổ nhiệm làm giám đốc chủng viện, nhưng ngay sau đó chủng viện đã bị thiêu hủy trong cơn bách hại, nên vào ngày 11 tháng 12, ngài phải xuống tàu đi Malacca, cùng với 43 chủng sinh, rồi từ đó đi Pondichéry là thuộc địa Pháp trên đất Ấn Độ. Sau một năm tá túc tại sở quản lý của Hội thừa sai Paris, chủng viện đã xây cất cơ sở riêng ở tại một nơi cách đó không xa tên là Virampatnam.

Năm 1766 Đức cha Piguel từ Cao Miên trở về thăm Giáo phận sau 15 năm thiếu vắng chủ chăn. Cùng đi với Đức cha có cha Denis Boiret. Còn cha Pierre Halbout đã đến đây trước. Trong thời gian nửa năm ngài tranh thủ đi thăm các tín hữu ở những vùng lớn nhất trong Giáo phận. Giáo dân tấp nập và liên tục đến với ngài, cả người lương cũng đến để nghe ngài giảng dạy và xin chịu phép rửa, nhưng ngài không ở tại một thôn ấp nào quá ba ngày, vì số đông giáo dân và sự thiếu dè dặt của họ có thể gây ra những khó khăn cho ngài đối với chính quyền. Tuy nhiên trong chuyến viếng thăm này ngài cũng rửa

tội được 600 người lớn và ban phép thêm sức cho 7000 người, ngoài ra có biết bao người đến xưng tội và chịu lễ.³⁶¹ Kết thúc cuộc viếng thăm, Đức cha trở về Cao Miên, để cha Boiret ở lại.

Mọi sự đang có vẻ thuận lợi cho việc đạo và số tín hữu ngày càng gia tăng, nhưng không biết vì lý do gì vào năm 1767 Định vương lại ra sắc chỉ cấm đạo.³⁶² Các thừa sai bị trục xuất hoặc chạy trốn về Hà Tiên rồi sang Cao Miên, trừ hai thừa sai Dòng Tên còn ở lại kinh với tư cách ngự y, nhưng các tín hữu không thể hay không dám đến với các ngài. Lúc bấy giờ cha Quyên đại diện Halbout đang làm việc mục vụ tại Phú Yên. Ngài đi thăm giáo dân và cảm thấy thật an ủi khi chứng kiến những con chiên bị tản lạc trước đây nay trở về với đoàn chiên. Không may ngài đã bị sốt nặng và trong lúc còn đang bệnh thì cơn bắt đạo đã xảy đến khiến ngài phải gắng gượng chạy trốn. Cũng may ngài thoát được vào dinh Bình Khang và ẩn trốn ở đó.³⁶³

Nhiều tín hữu đã chết vì không chịu nổi sự trừng phạt, những người khác mặc dù không chết nhưng đã vui lòng chấp nhận chịu đau khổ vì đạo. Khi một tín hữu nào bị bắt gặp mang ảnh tượng thánh liền bị buộc phải chôn đạo hoặc đập lên ảnh tượng, nếu không sẽ bị tịch biên tài sản, bị kết án tù chung thân hay bị hình phạt khổ sai phải đi cắt cỏ cho đàn voi của vương gia. Các tín hữu bị bắt bỏ tù đã biến nhà tù thành nhà nguyện và sáng tối mỗi ngày họ đọc kinh cách công khai. Khi các quan buộc họ im lặng, họ trả lời rằng họ muốn được chết vì đức tin. Sự nhẫn nại trong đau khổ của các tín hữu đã khiến các quan không thể lung lạc được đức tin của họ và buộc lòng phải giảm bớt sự khắt khe. Cũng trong năm ấy một cơn dịch bệnh đã hoành hành tại Đà Nẵng khiến cho nhiều người phải chết. Riêng tại vùng giáp giới Cao Miên đã có 1.000 tín hữu chết mà không có thừa sai nào bên cạnh để chăm sóc. Số dân bên lương chết vì bệnh tất nhiên còn cao hơn gấp nhiều lần.³⁶⁴

Có lẽ cũng vì những lý do trên mà cơn bách hại đã phần nào giảm bớt và vì nhu cầu mục vụ của giáo dân mà Đức cha Piguel quyết định lên đường trở lại thăm Giáo phận lần thứ hai vào khoảng cuối

³⁶¹ Theo thư của Đức cha Piguel gửi Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris, ngày 10.05.1767, trong *Sdd.*, tr. 404-406.

³⁶² Xem *Sdd.*, tr. 406-407.

³⁶³ Xem thư của cha Halbout gửi Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris ngày 26.02.1768, trong *Sdd.*, tr. 408-409.

³⁶⁴ Theo thư của cha Boiret gửi cha Mathon, ngày 11.10.1771, trong *Sdd.*, tr. 410-412.

năm 1770 đầu năm 1771. Trong 7 tháng viếng thăm đoàn chiên Giáo phận, Đức cha phải thường xuyên ẩn trốn và vội vã đi từ làng này đến làng kia để tránh sự dòm ngó của lương dân. Dù vậy Đức cha cũng đã ban phép thêm sức cho khoảng 4.000 người. Theo lời cha Boiret, mặc dù bị bách hại nhưng số các tín hữu vẫn gia tăng. dịp lễ Phục sinh ngài đã cử hành thánh lễ trong một làng nửa Công giáo nửa lương dân. Trong suốt Tuần thánh có hơn 4.000 tín hữu từ các nơi tập trung về. Thiên Chúa cũng mở mắt cho nhiều anh chị em lương dân đón nhận đức tin. Tuy nhiên những ngày lễ này diễn ra không phải hoàn toàn an tâm, vì còn sợ chính quyền. Ít lâu sau lễ Phục sinh năm 1771, Đức cha từ giả Giáo phận để xuống tàu trở về Cao Miên. Nhưng trên đường về, khi gần đến Hà Tiên, ngài bị đắm tàu và phải đi chân không vào làng xin gạo ăn cho ngài và cho các chủng sinh đi theo ngài.³⁶⁵

Từ khi được tấn phong Giám mục, Đức cha Piguel vốn là người không có sức khỏe tốt, thường xuyên đau yếu. Sau chuyến viếng thăm Đàng Trong lần thứ hai, sức khỏe của ngài càng yếu hơn, nhưng tới nào ngài cũng huấn đức cho giáo dân cho đến 3 tuần trước khi chết. Từ ngày 12.06.1771, ngài đã lãnh nhận các Bí tích của Hội Thánh và bình tĩnh chờ ngày Chúa gọi về. Ngày 21 tháng 06 ngài trút hơi thở cuối cùng tại Prambey Chom. Ngài được các tín hữu và các thừa sai yêu mến vì sự dịu dàng, trầm lặng, khôn ngoan thận trọng, khiêm tốn và nhẫn nhục của ngài.

7. THỜI ĐỨC CHA PIERRE PIGNEAU DE BÉHAINE (1771-1799)

Cũng năm 1771 Tòa Thánh bổ nhiệm thừa sai Pierre Pigneau de Béhaine,³⁶⁶ thường gọi là Bá Đa Lộc,³⁶⁷ làm Giám mục hiệu tòa Adran và Giám mục phó Giáo phận Đàng Trong, khi ngài đang làm giám đốc chủng viện Thánh Giuse ở Virampatnam và từ ngày 21 tháng 06 năm đó, khi Đức cha Piguel qua đời, ngài trở thành Giám mục Đại diện Tông tòa Giáo phận Đàng Trong. Ngài còn ở lại đó một thời gian, có

³⁶⁵ Xem *Sđđ.*, tr. 410-412.

³⁶⁶ Đức cha Pierre Joseph-Georges Pigneaux de Béhaine sinh ngày 02.11.1741 tại Origny-en-Thiérache (Aisne), đến xứ truyền giáo ngày 09.09.1765, giám đốc trường chung, được bổ nhiệm Giám mục hiệu tòa Adran và phó Đại diện Tông tòa Đàng Trong năm 1771, được tấn phong Giám mục ngày 24.02.1774 tại Madras, qua đời tại Mỹ Cang, tỉnh Bình Định, ngày 09.10.1799. Xem *Sđđ.*, tr. 386.

³⁶⁷ Tên gọi Bá Đa Lộc phát xuất từ tên thánh Pierre của Đức Cha. Pierre trong tiếng Pháp là Pedro trong tiếng Bồ Đào Nha, tiếng quan thoại đọc là Pe-to-lo, ta đọc là Bá Đa Lộc. Xem PHAN KHOANG, *Việt sử: Xứ Đàng Trong, sđđ.*, tr. 439, chú thích 1.

lễ để ổn định chủng viện trên cơ sở mới và để hoàn thành bộ tự điển Annam-Latinh của ngài. Ngày 24.02.1774 ngài được tấn phong Giám mục tại Madras ở Ấn Độ.³⁶⁸ Cuối năm 1774 Đức cha Bá Đa Lộc đi Ma Cao và đầu năm 1775 ngài trở về Hà Tiên là trung tâm của một vùng đất có từ 3.000 đến 4.000 tín hữu từ khắp nơi di dân đến. Quan đô đốc Mạc Thiên Tứ nhường cho Đức cha một khu đất khá rộng gần thị trấn để tiện việc truyền giáo. Để qui tụ các tín hữu, Đức cha đã thiết lập một họ đạo tại đây đồng thời xây dựng một chủng viện và đặt dưới quyền điều khiển của cha Jacques Morvan trước đây đã từng làm việc tại chủng viện Thánh Giuse ở Ajuthia.



Đức cha
Pierre Pigneau de Béhaine

7.1. Chiến tranh bùng nổ giữa quân Nguyễn, quân Trịnh và quân Tây Sơn

Trong thời gian này tại vương quốc Đà Nẵng đang xảy ra chiến tranh. Như đã nói trên, năm 1765 Vũ vương qua đời, Định vương mới 12 tuổi lên kế vị do quyền thần Trương Phúc Loan âm mưu thay đổi di chiếu để dễ chuyên quyền. Từ đó Trương Phúc Loan có những hành động hống hách và độc tài khiến lòng dân oán hận. Tuy nhiên, đó chỉ là một tia lửa được dịp thổi bùng lên giữa đồng cũi khô là đám dân chúng nghèo nàn đói khổ, do hệ thống thuế má được áp dụng lúc ấy. Quả thế, các chúa Nguyễn đã mở rộng uy quyền quá xa về phương Nam, và để giữ vững uy quyền ấy, họ đã bắt một số vùng quan trọng từ Qui Nhơn đến Bình Thuận, đặc biệt là Qui Nhơn, phải chịu những khoản thuế nặng nề. Ngoài những đóng góp bắt buộc về tài chánh qua các khoản thuế, người dân Qui Nhơn còn phải đóng góp về nhân sự nặng hơn những nơi khác, để vận chuyển lúa gạo từ miền Nam ra cung cấp cho vùng Thuận Hóa, vì dân số ở đó gia tăng.

³⁶⁸ Xem A. LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine, II, sdd.*, tr. 386.

Những sự kiện trên đây cho thấy Qui Nhơn, vì là vùng nằm giữa, đã phải gánh chịu phần lớn những đòi hỏi về tài chánh và nhân lực, để giải quyết những khó khăn ở cả phía Nam lẫn phía Bắc của Đàng Trong, khiến cho dân chúng tại Qui Nhơn lâm vào cảnh đói khổ.³⁶⁹

Vì vậy, đầu năm 1771 tại đất Tây Sơn thuộc phủ Qui Nhơn, ba anh em là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ, xuất hiện như những anh hùng áo vải lãnh đạo phong trào quần chúng nhân dân, chiêu nạp quân sĩ, thường hay lấy của nhà giàu đem phân phát cho nhà nghèo, nên được nhiều người hưởng ứng đánh đầu thắng đó, quân chúa Nguyễn đánh không lại. Từ năm 1774 cả giải đất từ Quảng Nam đến Bình Thuận đều thuộc về nhà Tây Sơn cả. Trong khi đó chúa Trịnh từ Đàng Ngoài cũng xua quân vào đánh chiếm Phú Xuân, khiến triều đình Nguyễn vương phải bỏ chạy vào Gia Định, và phần đất từ đèo Hải Vân trở ra thuộc quyền chúa Trịnh.

Tại vùng đất từ Hải Vân trở ra đến sông Gianh thuộc quyền chúa Trịnh, vì chiến tranh loạn lạc, người dân phải rơi vào cảnh đói kém khủng khiếp, nhiều người trước kia giàu có nay phải đi ăn xin. Chiến tranh và đói kém đã cướp đi sinh mạng của gần một nửa dân số. Mặc dù chiến tranh đã khiến cho một số nhà thờ bị phá hủy và một số họ đạo trở nên hoang tàn, nhưng không ai nghĩ đến việc bách hại các Kitô hữu. Các quan không nói gì về đạo, hoặc nếu họ có ý định xấu họ cũng chưa dám để lộ ra, vì còn phải lấy lòng dân chúng. Có nhiều người lương trở lại đạo, trong số họ có nhiều người học thức xin sách đạo để tìm hiểu. Nhiều người bỏ đạo trong cuộc bách hại từ năm 1750 nay trở về với Giáo Hội.³⁷⁰

7.2. Thái độ ban đầu của nhà Tây Sơn đối với Công giáo

Tại vùng đất từ Hải Vân trở ra thuộc quyền Tây Sơn, tình hình đói khổ, chết chóc, hoang tàn do chiến tranh gây ra cũng như vậy. Riêng về việc đạo, khi chiếm trọn Quảng Nam, anh em nhà Tây Sơn cho triệu tập các thừa sai và công khai cho phép họ tự do giảng đạo, tự do xây dựng nhà thờ. Nhưng vì họ vẫn xem nhà Nguyễn là chính quyền hợp pháp, còn nhà Tây Sơn là nhóm phản loạn, nên cố ý lẫn

³⁶⁹ Xem LI TANA, *Xứ Đàng Trong*, sđd., tr. 234-236.

³⁷⁰ Theo thư cha Labartette gửi cha Boiret, ngày 01.08.1776 và hai bức thư cha Labartette gửi cha Steiner năm 1777 và 1778, trong ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine 1658-1823. Documents historiques III, 1771-1823*, P. Téqui, Paris 1925, tr. 107-109.

tránh hoặc còn e dè, vì không biết kết cục phe nào sẽ thắng. Có thể nói anh em nhà Tây Sơn hiểu biết và thông cảm với các thừa sai hơn là các thừa sai thông cảm với họ.

Cuối năm 1775, Định vương và hầu hết vương gia đều bị quân Tây Sơn giết chết, chỉ trừ Nguyễn Phúc Ánh là con của Hiếu Khương vương chạy thoát vào Hà Tiên. Sau khi lấy xong đất Gia Định, hai anh em Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ để tổng đốc Chu ở lại trấn thủ, rồi đem quân về Qui Nhơn. Năm 1778 Nguyễn Nhạc xưng đế, lấy niên hiệu là Thái Đức, đóng đô tại thành Đồ Bàn cũ và gọi là Hoàng đế thành,³⁷¹ phong cho Nguyễn Lữ làm tiết chế, Nguyễn Huệ làm long nhung tướng quân. Theo cha Faulet, Nguyễn Nhạc là một Kitô hữu có tên thánh là Phaolô. Mẹ ông vẫn giữ đạo. Người ta nói ông là con trai của một người trước kia làm ông từ của một nhà thờ trong vùng.³⁷² Theo Lê Thành Khôi, cha của Nguyễn Nhạc là người công giáo, nhưng đã bỏ đạo khi Nguyễn Nhạc nổi dậy và thắng lợi, trong khi đó người cô và dượng của ông vẫn giữ đạo. Em ông là Nguyễn Lữ, khi ở Gia Định vẫn tham dự các lễ nghi công giáo. Trong hàng ngũ quân sĩ của Tây Sơn cũng có nhiều giáo dân giữ vị trí chỉ huy.³⁷³

Với tư cách cá nhân, những người thuộc nhà Tây Sơn có thể giữ đạo hay không, tùy họ. Nhưng với tư cách là nhà cầm quyền và nhà chính trị, họ muốn trở thành người của mọi người, không phân biệt tôn giáo, để có thể thu hút sự ủng hộ của toàn dân. Hơn nữa đa số các nhà trí thức và quan chức đều là những người chịu ảnh hưởng Nho giáo, nên anh em nhà Tây Sơn phải hành xử khôn ngoan mới mong được sự cộng tác của họ, để hoàn thành đại nghiệp. Theo sử gia Trần Trọng Kim, đối với đạo Công giáo, "ngày trước chúa Trịnh và chúa

³⁷¹ Thành Đồ Bàn do vua Chiêm Thành là Ngô Nhật Hoan xây dựng vào thế kỷ X trên các thôn Nam An, Bắc Thuận và Bá Canh của xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn ngày nay. Thành có 4 cửa, chu vi rộng 10 dặm, quay mặt về hướng Nam.

Hoàng đế thành của vua Thái Đức là thành Đồ Bàn cũ được mở rộng với chu vi 15 dặm. Phía Tây đắp đê Đình Nhi để phòng lũ lụt. Phía Tây Nam đắp đê Nam Giao để tế trời đất. Bên trong có lớp thành gọi là Tử thành, trong đó có xây cung điện, có lầu bát giác, hai bên lầu bát giác có hai từ đường, một thờ cha mẹ của vua, một thờ cha mẹ của hoàng hậu. Sau khi Nguyễn Nhạc mất năm 1793, thành này không còn là kinh thành nữa vì lệ thuộc triều đình Cảnh Thịnh ở Phú Xuân, nên lấy lại tên cũ là thành Qui Nhơn. Năm 1799 Nguyễn Ánh lấy được thành Qui Nhơn và đổi tên là thành Bình Định, thủ phủ của trấn Bình Định.

³⁷² Theo thư cha Faulet gửi cha Steiner ngày 06.07.1778, trong ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine, III, sdd.*, tr. 68.

³⁷³ Xem LÊ THÀNH KHÔI, *Le Vietnam. Histoire et civilisation*, Paris 1955, tr. 310.

Nguyễn đã có dự nghiêm cấm. Đến thời Nguyễn Tây Sơn thì trong nước rối loạn, còn phải lo việc chiến tranh, cho nên không nói đến việc cấm đạo".³⁷⁴

Nguyễn Huệ khi lên ngôi vua, tức vua Quang Trung, không hề chủ trương cấm đạo nào cả, chỉ đòi phải bỏ mọi hình thức mê tín dị đoan và đòi người tu hành phải sống cho ra người tu hành. Sở dĩ có nhiều người Công giáo đi theo Tây Sơn, một phần vì nghèo, nhưng nhất là vì đã chịu nhiều bách hại dưới thời các chúa Nguyễn. Trong khi đó những người giàu có và các quan lại, phần lớn là những người không công giáo, bị quân Tây Sơn lấy tài sản để phân phát cho người nghèo và sợ bị mất chức, nên họ xem phong trào Tây Sơn như một cuộc phản loạn và luôn hướng lòng về chúa Nguyễn.

Anh em nhà Tây Sơn có phải là người Công giáo hay không, hoặc có giữ đạo hay không, điều đó vẫn chưa hoàn toàn chắc chắn. Tuy nhiên câu chuyện sau đây cung cấp một đôi bằng chứng về gốc gác Công giáo của nhà Tây Sơn, cũng như về việc không có cuộc bách hại nào trong thời kỳ đầu của nhà Tây Sơn. Ngày 12.01.1778 thừa sai Jacques Liot trên đường từ Ma Cao đi Cao Miên, có ghé Cửa Hàn và ở đó hơn một tháng. Một số giáo dân đến gặp ngài, họ rất vui mừng và nài xin ngài ở lại vì họ không có chủ chăn. Ngày 01 tháng 03 ngài xuống thuyền và 7 ngày sau cập bến cảng Qui Nhơn (thời ấy gọi là cửa Thị Nại). Khi vừa nghe tin, các giáo dân liền thông báo cho bà cô của anh em nhà Tây Sơn. Bà liền viết thư đại diện giáo dân khẩn thiết xin ngài lên đất liền để thăm các họ đạo vì giáo dân rất mong được nhìn thấy một thừa sai. Ngài chấp nhận lời mời và với ý phục giáo sĩ ngài lên đường đi thăm Diêm Điền. Khi vào nhà thờ ngài thấy có khoảng trăm người tụ họp để chào đón ngài, nước mắt ràn rụa vì vui mừng. Tại đây ngài cử hành hai thánh lễ cho dân. Sau đó, theo lời mời của bà cô của vua, ngài đi đến Nước Mặn là nơi có dinh thự của bà. Trước tiên ngài đi đến nhà thờ rồi mới đến dinh của bà. Bà tiếp đón ngài rất chân tình và có vẻ rất hài lòng. Bà là một người phụ nữ rất đạo đức, chồng bà cũng vậy và đang là ông trùm của giáo dân vùng này. Buổi chiều trước khi ăn tối, ngài đi thăm giáo dân và đọc kinh chung với họ. Ngài cảm thấy thật an ủi và giáo dân cũng rất vui mừng. Hôm sau ngài dâng thánh lễ rồi đi thăm Gò Thị, cách Nước Mặn bốn

³⁷⁴ TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển II, *sđđ.*, tr. 223.

năm dặm đường. Ngài được đón tiếp niềm nở tại Gò Thị và dâng thánh lễ tại đó, rửa tội cho 2 đứa trẻ và một bà cụ 67 tuổi.³⁷⁵

7.3. Đức cha Bá Đa Lộc giúp Nguyễn Ánh khôi phục vương quyền

Sau khi đại quân Tây Sơn rút về Qui Nhơn, Nguyễn Phúc Ánh qui tụ lực lượng và được quân đội người Hoa của đô đốc Hà Tiên trợ giúp, ông khởi binh đánh chiếm lại thành Sài Gòn, đất Gia Định, và lập cơ sở ở đó. Năm 1778, nhiều băng cướp từ Cao Miên tràn qua Hà Tiên đốt phá nhà nguyện, nhà chung, giết chết 4 chủng sinh, 7 nữ tu Mến Thánh Giá và nhiều giáo dân. Hà Tiên mất an ninh nên Đức cha cho dời chủng viện về Tân Triều, phía Bắc thành Sài Gòn là nơi Nguyễn Ánh đang lập cơ sở. Từ đó bắt đầu mối quan hệ thân tình thực sự giữa Đức cha Bá Đa Lộc với ông hoàng Nguyễn Phúc Ánh.

Theo báo cáo của Đức cha gửi về Thánh bộ Truyền giáo ngày 02.06.1778, trong Giáo phận từ Bắc xuống Nam có các thừa sai sau đây: cha Pierre Halbout, Quyền đại diện, cha Paolo Amoretti, cha Jean Baptiste Labartette, cha Jacques Longer, cha Antoine Moutoux, cha Marinô Phiên người Việt, cha Tite Le Clerc, hai cha Phaolô Nghi và Anrê Tôn người Việt, cha Didacus Dòng Phanxicô, cha Julien Faulet, cha Pierre Langenois và cha Jacques Liot đang làm giám đốc chủng viện Tân Triều với một thầy phó tế và 13 chủng sinh.³⁷⁶

Từ Gia Định, Nguyễn Ánh đem quân chiếm lại Bình Thuận và Diên Khánh rồi xưng vương vào năm 1780. Nhưng đến năm 1782, đại quân Tây Sơn đem hơn 100 chiến thuyền vào cửa Cần Giờ đánh chiếm lại đất Gia Định. Trong trận chiến ấy có hơn 10.000 người bị giết. Nguyễn Ánh phải bỏ thành Sài Gòn chạy ra đảo Phú Quốc. Đức cha cũng phải chạy trốn sang Xiêm cùng với cha Liot, hai cha Dòng Phanxicô, ba linh mục Việt và các chủng sinh. Ngài đặt chủng viện tại Chantaburi dưới quyền cha giám đốc Liot.

Bình định xong đất Gia Định, quân Tây Sơn lại rút về Qui Nhơn, để hàng tướng Đỗ Nhân Trập với 3.000 binh sĩ ở lại giữ thành Sài Gòn. Chu Văn Tiếp đem quân từ Phú Yên vào đánh chiếm lại thành Sài Gòn rồi cho người ra Phú Quốc đón Nguyễn vương về. Đức cha Bá Đa Lộc lại trở về cùng với các linh mục và chủng sinh. Nhưng đầu năm 1783, quân Tây Sơn lại vào đánh, Nguyễn Ánh lại phải tháo chạy ra Phú

³⁷⁵ Theo thư của cha Liot ngày 01.05.1778, trong ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine, III, sđd.*, tr. 16-17.

³⁷⁶ Xem *Sđd.*, tr. 57.

Quốc rồi cầu cứu quân Xiêm. Vua Xiêm sai đại quân sang giúp nhưng đã bị Nguyễn Huệ đem quân từ Qui Nhơn vào đánh tan tành, khiến Nguyễn Ánh phải chạy sang Xiêm. Đức cha cũng chạy sang Xiêm và tại đây ngài gặp lại Nguyễn Ánh trong tình trạng thể cùng lực kiệt.

Tháng 12 năm 1783, tại vùng Sài Gòn, nhà Tây Sơn đã ban hành một sắc chỉ chấp nhận cho những người dân đang theo đạo thờ Đức Giêsu mà họ tin là đạo thật được phép tập trung tại các nhà thờ để nghe giáo lý. Sắc chỉ cũng đề cập đến niềm tin của các Kitô hữu vào tượng Chúa chịu nạn để chuộc tội muôn dân, việc xưng thú tội lỗi để được tha, việc các Kitô hữu luôn hiệp nhất không bao giờ chia rẽ. Sắc chỉ cho phép các linh mục được an tâm đón nhận các Kitô hữu từ khắp nơi đến bày tỏ sự hoán cải để sửa đổi đời sống. Nếu các Kitô hữu yêu mến đạo, họ cứ giữ, vì đó là đạo thật chứ không phải đạo dối; nếu là đạo dối thì không được dung tha.³⁷⁷ Theo lời cha Anrê Tôn, các tín hữu sợ bị quân Tây Sơn bách hại, nhưng họ được an ủi vì được nhà Tây Sơn công khai cho phép các linh mục được tự do chăm sóc họ. Mặc dù các thủ lĩnh Tây Sơn tỏ ra khoan dung đối với đạo, nhưng các linh mục vẫn không tin và cho đó là trò lừa bịp hay mị dân. Vì thế cha Gioan Nhứt vẫn lẩn trốn và làm việc cách lén lút ở vùng Đồng Nai dường như thể đang có cuộc bách hại.³⁷⁸

Thấy không thể cậy dựa vào nước Xiêm, Nguyễn Ánh nhờ Đức cha đi cầu cứu nước Pháp và cho hoàng tử Cảnh đi theo. Năm 1784, Đức cha và hoàng tử Cảnh xuống tàu cùng với đoàn tùy tùng gồm có linh mục Hồ Văn Nghi, quan phó vệ úy Phan Văn Nhân, quan cai Nguyễn Văn Khiêm và 40 binh sĩ. Đức cha yết kiến Pháp hoàng Louis XVI và hai bên đã ký kết hiệp ước Versailles ngày 28.11.1787. Vua nước Pháp chấp thuận cung cấp chiến thuyền, khí giới, binh lính cho Nguyễn vương. Để đáp lại sự giúp đỡ này, Nguyễn vương phải nhường đứt cho Pháp đảo Côn Lôn và Cửa Hàn, và một số quyền lợi khác. Pháp hoàng trao cho thống đốc Pháp tại Pondichery là Conway được toàn quyền thực thi hiệp ước hay không. Nhưng vì có sự bất bình giữa ông với Đức cha, nên ông tìm cách ngăn cản việc giúp đỡ này, làm sớ tâu về Pháp hoàng xin bãi việc ấy đi, lấy cớ rằng việc đem binh sang cứu viện rất khó thực hiện và không ích lợi gì. Cũng trong thời gian ấy tại Pháp đang sắp bùng nổ cuộc cách mạng lật đổ nhà vua, nên Pháp hoàng bỏ qua việc ấy không nói đến nữa. Như thế kể như hiệp

³⁷⁷ Sắc chỉ được cha Anrê Tôn dịch sang tiếng Latinh và được in trong *Sđđ.*, tr. 82.

³⁷⁸ Theo thư của cha Anrê Tôn gửi cha Descourvières, ngày 01.07.1784, trong *Sđđ.*, tr. 83.

ước không thành. Vì vậy, Đức cha tự mình đi chiêu mộ người và kiếm tiền để mua tàu bè vũ khí. Việc ngài nhúng tay vào chính trị cũng chỉ mong cho xứ truyền giáo này có được một ông vua Công giáo hay ít là có thiện cảm với đạo, để việc truyền giáo được tự do.

7.4. Tình hình tôn giáo trong lãnh thổ nhà Tây Sơn

Vì chiến tranh đang xảy ra giữa Nguyễn vương và nhà Tây Sơn mà Đức cha lại đứng về phía Nguyễn vương, nên ngài không thể đặt chân đến các vùng đất của Giáo phận thuộc quyền cai trị của nhà Tây Sơn. Để bảo đảm việc cai quản và mục vụ trong phần đất Giáo phận từ Bình Thuận trở ra đến sông Gianh, năm 1784 cha Jean Labartette đã được bổ nhiệm làm Giám mục hiệu tòa Véren và Giám mục phó Giáo phận Đà Nẵng.³⁷⁹ Hàng giáo sĩ của Đức cha lúc ấy gồm có 4 thừa sai Pháp và 3 linh mục người Việt hoạt động từ Bình Thuận tới sông Gianh. Cha Longer làm giám đốc chủng viện Dinh Cát với 13 chủng sinh. Dòng Mến Thánh Giá có tất cả 10 tu viện với số nữ tu trên dưới 100 chị em, phần đông tập trung tại dinh Phú Yên và dinh Bình Khang. Mặc dù đã được Tòa Thánh bổ nhiệm làm Giám mục phó Giáo phận Đà Nẵng từ năm 1784, nhưng Đức cha Labartette không thể lên đường đi chịu tấn phong, vì lý do chiến tranh cả đường bộ lẫn đường biển đều bị canh phòng nghiêm ngặt.³⁸⁰ Mãi đến 11 năm sau, ngày 21.07.1793 ngài mới được tấn phong Giám mục tại Bồ Chính, do Đức cha Longer.³⁸¹

Cuối năm 1785, Nguyễn Nhạc ban hành một sắc chỉ cấm đạo trong lãnh thổ dưới quyền cai trị của vua, nhân vụ một người phụ nữ Công giáo tại Qui Nhơn lấy một người lương làm chồng không theo phép đạo. Ông này lại đang làm quan trong triều của vua. Một hôm bà bị bệnh sắp chết và xin xưng tội, nhưng thừa sai bảo rằng muốn được xưng tội thì trước hết bà phải từ bỏ người chồng bất hợp pháp ấy. Nhưng sau khi chịu các phép Bí tích, bà đã qua đời. Người chồng đến

³⁷⁹ Đức cha Jean Labartette sinh ngày 31.01.1744 tại Ainhoa, Pháp, thụ phong linh mục tháng 12.1772, được bổ nhiệm làm Giám mục phó Đà Nẵng năm 1784, được tấn phong Giám mục ngày 21.07.1793, làm Giám mục Đại diện Tông tòa Đà Nẵng ngày 09.10.1799, qua đời ngày 06.08.1823 tại Cổ Vưu, Quảng Trị.

³⁸⁰ Theo thư Đức cha Labartette gửi cha Descourvieres, ngày 16.05.1788, trong *Sđđ.*, tr. 118.

³⁸¹ Cha Longer đang làm mục vụ tại Đà Nẵng thì được Tòa Thánh bổ nhiệm làm Giám mục hiệu tòa Gortyne và Giám mục phó Giáo phận Tây Đà Nẵng ngày 03.04.1787. Ngài được tấn phong Giám mục tại Ma Cao ngày 30.09.1792.

dự đám tang và xin được lấy thi hài người chết, nhưng người ta không cho. Tức quá, anh ta không xin giải thích hoặc không muốn nghe giải thích, và đã làm đơn tố cáo lên nhà vua.³⁸²

Thực ra, theo cha Arcet, lý do đưa đến lệnh cấm đạo chính là sự đạo đức nhiệm nhặt của các tín hữu đến độ phần lớn họ sống như những người ngoại lai trong tổ quốc của họ: họ không tham dự các tuồng hát, không tham gia các trò chơi công cộng và những cuộc vui chơi khác vốn rất quen thuộc đối với lương dân. Từ đó nhà vua cho rằng đạo Công giáo được các nước Tây phương truyền sang đã phá hủy truyền thống Khổng giáo, truyền bá những điều sai lạc. Vì thế cần phải ngăn cấm để dân chúng trở về với giáo huấn truyền thống của tổ tiên. Theo cha Longer, động lực chính khiến vua Nguyễn Nhạc bách hại đạo có lẽ vì ông cần tiền hơn là ghét đạo, vì chiến tranh đã làm cho ngân khố triều đình kiệt quệ. Nhưng dù được thúc đẩy bởi động lực nào thì cách thi hành lệnh cấm đạo vẫn là bắt các tín hữu phải chối bỏ đức tin bằng cách dẫm đạp hay bước qua thập giá và các ảnh tượng thánh.

Như vậy, về phía nhà cầm quyền bắt đạo, họ có thể được thúc đẩy bởi nhiều động lực khác nhau, nhưng về phía các tín hữu, họ bị bắt bớ chỉ vì lý do đức tin, chứ không phải vì lý do gì khác, bởi vì nếu họ không phải là Kitô hữu thì họ đâu có bị bắt bớ. Sắc chỉ cấm đạo truyền tìm kiếm các thừa sai, làm thống kê chính xác tất cả các tín hữu, bắt giam các tín hữu không tuân lệnh vua. Những người bị bắt có thể được tha về nếu nộp đủ 10 quan tiền. Điều này đã khiến nhiều quan tham lam lợi dụng để làm tiền các tín hữu.

Tại Qui Nhơn, cha Jacques, Dòng Phanxicô, vị thừa sai bị ông quan cáo buộc trong vụ án trên đây đã bị bắt. Tại Phú Yên có 400 tín hữu bị bắt và họ đã can đảm tuyên xưng đức tin, chỉ có 7 người chối đạo. Lúc bấy giờ cha Arcet vừa từ Bình Khang đến Phú Yên. Nếu không nhờ sự che chở của Chúa và sự che giấu của các tín hữu, có lẽ ngài đã bị phát hiện và bị bắt. Lúc ấy ngài đang bị bệnh và không biết việc gì đang xảy ra. Các anh em tân tông đưa ngài lên núi vào ban đêm và ngài ẩn nấp ở đó cho đến khi bình phục. May thay, sắc chỉ cấm đạo vừa được công bố thì từ thành thị đến thôn quê, chuột bọ tràn ngập khắp nơi. Lúa gạo trong nhà, cây cối ngoài đồng, ngay cả rễ cây, cũng đều bị chúng cắn phá sạch. Chính vua Thái Đức Nguyễn Nhạc cũng cho là điềm gở nên ra lệnh ngưng cuộc bách hại. Giáo phận lại

³⁸² Theo thư của cha Longer gửi cha Blandin, trong *Sđđ.*, tr.127-128.

được bình yên, những người bị bắt được tha về, các tín hữu lại họp nhau như thường lệ, mặc dù ít được tự do hơn, nhưng sốt sắng hơn.³⁸³

Trong khi Nguyễn vương còn đang nung nấu ở Xiêm, thì năm 1786 Nguyễn Nhạc sai em là Nguyễn Huệ làm Tiết chế đem quân thủy bộ ra đánh Thuận Hóa. Quân Trịnh đại bại phải rút quân về Đàng Ngoài như trước, trả lại dải đất từ đèo Hải Vân đến sông Gianh mà họ đã chiếm được của Đàng Trong từ năm 1774. Như vậy cả Đàng Trong của chúa Nguyễn trước đây nay thuộc quyền cai trị của nhà Tây Sơn. Quân Tây Sơn thừa thắng tiến ra Đàng Ngoài với danh nghĩa phò Lê diệt Trịnh. Quân Trịnh đại bại, Trịnh Khải tự vận chém đứt nghiệp chúa kéo dài 216 năm (1570-1786). Vua Lê Hiển Tông phong Nguyễn Huệ làm Nguyên soái Uy quốc công và gả công chúa Ngọc Hân làm vợ. Chẳng bao lâu sau Hiển Tông mất, hoàng tôn là Lê Duy Kỳ lên nối ngôi lấy niên hiệu là Chiêu Thống. Nguyễn Huệ rút quân về Nam. Như vậy quyền cai trị ở xứ Bắc hoàn toàn thuộc về nhà Lê, còn quyền cai trị xứ Nam thuộc nhà Tây Sơn. Nguyễn Nhạc xưng làm Trung ương Hoàng đế ở Qui Nhơn, phong Nguyễn Lữ làm Đông định vương ở đất Gia Định, phong Nguyễn Huệ làm Bắc bình vương ở đất Thuận Hóa, lấy đèo Hải Vân làm ranh giới.

Trong thời kỳ này phần đất Giáo phận Đàng Trong dưới quyền Tây Sơn không trải qua cuộc bách hại nào. Cha Longer ghi lại rằng ngài vẫn cử hành đại lễ Phục sinh cách khá tự do. Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất của các tín hữu cũng như của toàn dân là đời sống cơ cực và cảnh chết chóc do chiến tranh gây ra, vì nhà Tây Sơn phải liên tục đánh Nam dẹp Bắc và cũng có lúc nội bộ đánh nhau. Tất cả đàn ông trai tráng từ 15 đến 60 tuổi đều phải nhập ngũ, người già và phụ nữ phải lo tiếp liệu. Cha Longer giám đốc chủng viện tại Dinh Cát phải đem các chủng sinh trốn vào rừng để khỏi bị bắt nhập ngũ.³⁸⁴ Theo sự ghi nhận của Đức cha Labartette, nơi ngài đang ở hầu như không còn đàn ông nữa, trong dân chúng chỉ còn phụ nữ, kẻ thì khóc cha, người thì khóc chồng khóc con. Quân Tây Sơn đã lấy đi tất cả các tượng và chuông trong các ngôi chùa để lấy đồng chế tạo súng đại bác, sau đó ít lâu họ bắt đầu phá chùa chiền và nhà thờ để làm chỗ trú quân. Trong

³⁸³ Theo báo cáo của cha Arcet, ngày 29.08.1786, trong *Sdd.*, tr. 124-127. Cũng theo báo cáo này thì người phụ nữ ấy đã có chồng Công giáo nhưng bỏ chồng để lấy ông quan người lương. Xem thêm thư của cha Longer gửi cha Dufresse ngày 01.05.1786, trong *Sdd.*, tr. 121.

³⁸⁴ Theo thư của cha Longer gửi cha Boiret, ngày 03.05.1787, trong *Sdd.*, tr. 129, 142-143.

hơn 40 nhà thờ Công giáo ở vùng này, chỉ còn giữ lại được một số rất nhỏ. Quân Tây Sơn cũng dỡ đi tu viện cuối cùng của các nữ tu vừa mới được dựng lên, còn các nữ tu thì phải phân tán từng nhóm nhỏ chờ ngày hòa bình được lập lại, nhưng vẫn để lại tu viện đầu tiên. Tuy nhiên không hề có một lệnh cấm đạo nào. Dù vậy các thừa sai cũng không dám ra mặt.³⁸⁵

Ở ngoài Bắc vua Lê nhu nhược để Trịnh Bồng và Nguyễn Hữu Chỉnh nối tiếp nhau chuyên quyền khiến chính sự tan nát. Nguyễn Huệ phải đem quân ra ổn định, nhưng không nỡ dứt nhà Lê nên đặt vua Lê làm Giám quốc để giữ tông miếu. Nhưng Lê Chiêu Thống cùng với bà hoàng thái hậu sang Trung Hoa cầu cứu. Năm 1788, vua nhà Thanh muốn mượn tiếng giúp vua Lê để lấy nước Nam, nên sai quân sang. Để có danh nghĩa chống lại ngoại xâm, Bắc bình vương Nguyễn Huệ phải lên ngôi hoàng đế lấy niên hiệu là Quang Trung rồi tiến quân ra Bắc. Đầu năm 1789 quân đội của vua Quang Trung đánh bại 10 vạn quân Thanh, vua Chiêu Thống chạy trốn sang Trung Hoa.

Trong thời gian Đức cha Bá Đa Lộc đi sứ bên Pháp (1784-1789), Nguyễn Ánh củng cố lực lượng tại Xiêm. Nhân cơ hội quân Tây Sơn đang bận đánh nhau với quân Trịnh rồi với quân xâm lược nhà Thanh, tháng 07 năm 1787 Nguyễn Ánh bí mật đem quân về nước. Nhờ có nhiều tướng tài như Võ Tánh, Nguyễn Văn Thành, Võ Di Nguy, năm 1789 Nguyễn vương đã chiếm lại được toàn cõi miền Tây cho đến Gia Định để làm căn cứ vững chắc chờ ngày Bắc tiến. Nguyễn Lữ phải rút lui về Biên Hòa rồi bỏ chạy về Qui Nhơn, được ít lâu thì mất.

7.5. Nhà Tây Sơn suy yếu và cuộc bách hại dưới thời Cảnh Thịnh

Cũng trong năm ấy Đức cha Bá Đa Lộc và hoàng tử Cảnh trở về trên hai chiếc tàu, chở theo 500 binh sĩ tình nguyện và vũ khí. Ngoài ra Đức cha còn đem theo 4 thừa sai Pháp và các ông Chaigneau, Vannier, Forçant, Olivier và Dagot. Các ông này sẽ là những cố vấn quân sự và những tướng lãnh dưới quyền chỉ huy tối cao của Nguyễn Ánh. Được viện binh rồi, từ năm 1790 cứ đến mùa gió nồm, hải quân Nguyễn vương gồm 3 tàu chiến lớn với hàng trăm chiến thuyền nhỏ từ Gia Định ra đánh Tây Sơn. Theo thư của Đức cha Labartette gửi cha Letondal, ngày 09.01.1791, nhà Tây Sơn được thông tin đầy đủ về mọi diễn biến và việc Đức cha và các thừa sai tại

³⁸⁵ Theo thư của Đức cha Labartette gửi cha Letondal, ngày 21.05.1787, trong *Sdd.*, tr. 129-130.

Đồng Nai. Họ biết mọi diễn biến và các trù định ở đó. Khi thấy mấy tàu Âu châu xuất hiện gần Qui Nhơn, họ nghi ngờ các thừa sai, khiến các thừa sai phải lẫn trốn, và do đó họ quay sang sách nhiễu giáo dân. Nhưng khi tàu Âu châu đi rồi, họ không khám xét nhà các thừa sai và không sách nhiễu giáo dân nữa.³⁸⁶

Lúc này thế lực của nhà Tây Sơn đã bắt đầu suy yếu vì chia rẽ nội bộ, nhất là sau khi vua Quang Trung băng hà vào năm 1792. Thái tử Quang Toản lên kế vị lấy niên hiệu Cảnh Thịnh (1792-1802). Trong khi thế lực nhà Tây Sơn ngày càng suy yếu thì lực lượng quân sự của Nguyễn Ánh ngày càng mạnh. Những cuộc đụng độ giữa quân Nguyễn Ánh với quân nhà Tây Sơn ngày càng lan rộng và trở nên dồn dập hơn, khiến cho hầu như cả xứ Đà Nẵng đều chìm ngập trong khói lửa chiến tranh, người chết quá nhiều cả lương lẫn giáo. Tổng hợp những số liệu do các thừa sai từ năm 1792 đến 1797, chúng ta có thể thấy được số tín hữu giảm sút đáng kể, cả Giáo phận chỉ còn độ 60.000. Tại phủ Qui Nhơn là vùng đất rất rộng lớn và đông dân, nhưng chỉ còn 1.500 tín hữu. Tại dinh Phú Yên là vùng đất nhỏ hơn, nhưng may mắn còn được 6.000 tín hữu.³⁸⁷

Số giáo dân giảm sút vì lý do chiến tranh chứ không phải do bách hại, vì số người lương cũng giảm sút theo cùng một tỉ lệ như người Công giáo. Theo nhận định của một thừa sai Dòng Phanxicô, con của vua Quang Trung không bách hại các tín hữu, trái lại còn có vẻ ưu đãi họ. Con của vua Nguyễn Nhạc cũng bắt chước như vậy.³⁸⁸

Tuy nhiên tình hình đã trở nên tồi tệ hơn khi vào cuối năm 1797, vua Cảnh Thịnh bắt được bức thư của Nguyễn vương gửi Đức cha Labartette khiến nhà vua nghi ngờ người Công giáo tiếp tay cho giặc. Quan thượng Hồ Cung Điều là người Công giáo nhiều lần thanh minh trước mặt nhà vua rằng đạo dạy trung với vua, hiếu với cha mẹ, chứ đâu có dạy dân làm giặc. Tuy nhiên lời thanh minh này không có sức thuyết phục đối với nhà vua Tây Sơn, khi nhà vua biết được Đức cha Bá Đa Lộc đã đi vận động quân sự giúp Nguyễn Ánh mấy lần đem quân ra đánh mình, còn tất cả các thừa sai trong nước đều coi nhà Tây Sơn là giặc và hướng về Nguyễn Ánh như vị vua đích thực. Lập trường của các thừa sai tất nhiên ảnh hưởng đến thái độ của các tín hữu: họ cũng chờ mong Nguyễn Ánh chiến thắng nhà Tây Sơn. Đà

³⁸⁶ Xem *Sđđ.*, tr. 239.

³⁸⁷ Xem *Sđđ.*, tr. 272-276.

³⁸⁸ Theo nhật ký của cha Letondal năm 1784, trong *Sđđ.*, tr. 299-300.

khác có quan nội hầu tên Lợi cứ gièm pha mãi nên cuối cùng vua đã ban hành chiếu chỉ cấm đạo vào tháng 08 năm 1798.

Tại các vùng phía Bắc, cơn bách hại ác liệt hơn cả. Các nhà thờ bị cướp bóc hoặc bị phá hủy, ảnh tượng thánh bị đốt. Người ta bắt các tín hữu dẫm đạp lên ảnh thánh. Nhưng các tín hữu vẫn can trường tuyên xưng đức tin bất chấp mọi khổ hình và tra tấn. Chính trong hoàn cảnh bi đát đó, tại Dinh Cát nhiều giáo dân chạy trốn vào rừng tại một nơi gọi là La Vang, hằng ngày họ tụ họp dưới một gốc đa cổ thụ để đọc kinh lần hạt, và theo truyền tụng, Đức Mẹ đã hiện ra an ủi họ. Từ đó đến nay La Vang trở thành trung tâm hành hương của cả nước. Tại Phú Xuân, linh mục Emmanuel Nguyễn Văn Triệu đã bị bắt và chịu tử đạo tại Bãi Dâu ngày 17.09.1798.

Tại Quảng Nghĩa, các thầy giảng đã tỏ ra thật xứng đáng với sự tuyển chọn của các thừa sai. Các quan muốn các tín hữu chối đạo để được tha, nhưng họ không biết phải làm cách nào. Kẻ thì bảo chỉ cần bắt các tín hữu đem ra đánh đập hay đe dọa chém đầu thì tất cả họ sẽ bỏ đạo; người thì bảo rằng các tín hữu không sợ chết vì đạo, họ sẵn sàng từ bỏ của cải ngay cả mạng sống, hơn là chối đạo. Bấy giờ các quan đánh cược với nhau và họ bắt 32 thầy giảng để thử thách. Người ta nhốt các thầy trong một ngôi nhà mở ra hai cửa, một cửa được gọi là cửa sinh, một cửa được gọi là cửa tử. Muốn đi ra cửa sinh thì phải bước qua thập giá và được tha về. Nếu ai đi ra cửa tử thì sẽ bị chém đầu. Người ta cho các thầy chọn lựa giữa hai cửa và khuyên chọn cửa sinh. Các quan và dân chúng đến xem rất đông, hồi hộp chờ xem kết quả. Nhưng họ rất đỗi ngạc nhiên khi thấy các thầy, kẻ trước người sau đi ra cửa tử. Khi một thầy vừa bước ra khỏi cửa, lập tức bị bắt và đưa đi như thể đem đi chém để làm cho những người còn trong nhà khiếp sợ. Nhưng mánh lới này không đem lại kết quả, vì có 28 hay thậm chí 30 thầy đã đi ra cửa tử. Những thầy vì sợ mà đi ra cửa sinh liền bị dân chúng huýt sáo và được các quan thả về một cách khinh dễ, còn những thầy kiên cường lại được mọi người ca tụng và yêu mến. Cuộc bách hại chỉ kéo dài một tháng, vì xảy ra cuộc xung đột giữa anh em chủ bác nhà Tây Sơn. Các thầy giảng đang bị giam nhân cơ hội này cũng trốn về nhà.³⁸⁹

Sau khi từ Pháp trở lại Đàng Trong, Đức cha Bá Đa Lộc tuy bận công việc giúp đỡ Nguyễn vương, nhưng vẫn không bỏ bê phận sự

³⁸⁹ Theo thư của cha Labousse gửi Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris, tháng 06 năm 1799, trong *Sđđ.*, tr. 258-260.

chủ chăn và truyền giáo. Đức cha đưa Đại chủng viện từ Chantaburi về Lái Thiêu và đặt cha Boisserand làm giám đốc, vì cha Liot được đặt làm Quyền đại diện, còn chủng viện tại Tân Triều trở thành Tiểu chủng viện. Nhờ sự giúp đỡ của Đức cha, Nguyễn vương lần lượt chiếm được dinh Bình Thuận, dinh Bình Khang và dinh Phú Yên. Khi quân của Nguyễn vương chiếm được vùng đất nào thì Đức cha liền đến thăm các tín hữu tại đó. Tới đâu giáo dân đều vui mừng đón rước, vì nhiều nơi đã 15 hay 20 năm không được gặp linh mục.

7.6. Nhận định về Đức cha Bá Đa Lộc

Năm 1799, sau 3 lần tấn công, Nguyễn Ánh hạ được thành Qui Nhơn đổi tên thành thành Bình Định. Sau khi thống nhất đất nước, phủ Qui Nhơn cũng được đổi thành Bình Định dinh. Trong trận đánh chiếm thành Qui Nhơn, cả Đức cha Bá Đa Lộc và hoàng tử Cảnh đều có mặt. Đức cha đi theo đoàn quân để có dịp viếng thăm mục vụ và ban Bí tích cho các tín hữu tại những nơi quân Nguyễn chiếm được. Vì quá mệt mỏi và mất sức, Đức cha ngã bệnh 3 tháng và qua đời ngày 09.10.1799 tại Mỹ Cang, gần Gò Thị. Nguyễn Ánh cho đưa thi hài ngài về Gia Định và làm lễ quốc táng rất long trọng với tước hiệu "Thái tử thái phó Bi-nhu quận công". Khu lăng mộ của ngài được gọi là "lăng Cha Cả".

Khi theo giúp Nguyễn Ánh, chắc hẳn Đức cha cũng như tất cả các thừa sai đồng thời đều cho rằng Nguyễn Ánh mới là vua thực sự, còn nhà Tây Sơn chỉ là đám quân phản loạn. Hơn nữa ngài muốn giúp ông hoàng này để một khi khôi phục được ngai vàng, ông sẽ bênh vực người có đạo, hoặc nếu ông cảm mến công lao của Đức cha mà theo đạo thì việc truyền giáo trong nước sẽ hết sức thuận lợi. Tuy nhiên hành động của Đức cha bị nhiều người phê phán vì đã để lại những ảnh hưởng và hệ lụy tai hại.

Trước hết, đó không phải là đường lối của Tòa Thánh. Trong Huấn thị 1659, Thánh bộ Truyền bá Đức tin đã căn dặn các vị Đại diện Tông tòa và các thừa sai như sau: "Chư huynh hãy hết sức lánh xa chính trị và việc Nhà nước. Đừng bao giờ nhận gánh một phận vụ hành chánh nào, mặc cho người ta thỉnh cầu và làm phiền toái chư huynh bằng những lời khẩn khoản thiết tha. Việc này Thánh bộ đã luôn luôn cực lực nghiêm cấm rõ ràng và vẫn sẽ tiếp tục cấm ngặt; cho nên chư huynh và các cộng sự phải rất mực thận trọng. Và lại chư huynh cứ tin chắc rằng bất cứ người nào tự ý xen vào những việc ấy hay để người ta lôi cuốn vào thì người đó làm phiền hà

Thánh bộ. Lệnh này không nguyên chỉ đề phòng những trường hợp mà việc xen vào chính trị sẽ làm hại đạo và khiến các vị thừa sai bỏ bê trách vụ của mình, song còn có giá trị cả khi việc xen vào chính trị như thế đem đến một tia hy vọng chắc đạo Chúa được thịnh đạt và đức tin lan rộng hơn".³⁹⁰

Khi đứng ra giúp Nguyễn vương chống lại Tây Sơn, Đức cha phải bỏ Giáo phận chạy theo Nguyễn vương khi Tây Sơn tràn đến. Như vậy chẳng những ngài không giúp gì được cho phần lớn giáo dân đã được giao phó cho ngài, mà còn tạo cơ cho giáo dân đang sống dưới quyền cai trị của Tây Sơn bị hiểu lầm và bị bách hại. Hơn nữa, theo cha Longer, tin đồn về việc Đức cha đi cầu viện nước Pháp giúp Nguyễn Ánh lan tràn khắp nơi, khiến cho các thừa sai có thể trở thành nạn nhân hứng chịu cơn thịnh nộ của Tây Sơn.³⁹¹ Có người cho rằng vì nhà Tây Sơn bách hại đạo nên buộc lòng Đức cha phải giúp Nguyễn vương để cứu các tín hữu. Thực ra nhà Tây Sơn chỉ bách hại các tín hữu dưới quyền cai trị của họ một cách nặng nề trong giai đoạn cuối cùng, khi họ sắp sửa bị quân của Nguyễn vương đánh bại hoàn toàn. Chính Đức cha là người đã tạo ra cái cớ cho cuộc bách hại ấy, vì nhà Tây Sơn có lý để nghĩ rằng nhờ sự trợ giúp của Đức cha mà quân Nguyễn vương mới trở nên mạnh đến độ có sức đánh tan họ.

Cuối cùng, Đức cha đã sa vào cái gọi là "chước cám dỗ Constantinô" khi Đức cha có cao vọng biến Nguyễn vương thành một Constantinô mới để làm cho Đại Việt thành một nước Kitô giáo. Nhưng lịch sử cho thấy Nguyễn Ánh đã trở mặt, còn các triều đại kế tiếp thì thi nhau bách hại đạo Chúa cách tàn bạo hơn trước. Lịch sử đã chứng minh sự khôn ngoan của Tòa Thánh khi truyền dạy các thừa sai không nên xen mình vào chính sự.

Có người còn cho rằng chính Đức cha đã mở đường cho nước Pháp đến đô hộ nước Đại Việt. Về việc này thì ngài bị oan, vì trong hiệp ước Versailles chỉ có điều khoản đòi Nguyễn Ánh phải nhường đảo Côn Lôn và Cửa Hàn cho Pháp và Pháp được độc quyền buôn bán ở nước Việt, chứ không có điều khoản nào bắt nước Đại Việt phải lệ thuộc nước Pháp. Và lại, hiệp ước ấy cuối cùng cũng bị phía Pháp bãi bỏ và Đức cha phải tự mình đi chiêu mộ nhân sự riêng, không liên quan gì đến nước Pháp cả.

³⁹⁰ Huân thị 1659, chương III: "Tại nơi truyền giáo", số 10: "Đừng xen vào chính trị", trong ĐÀO QUANG TOÀN, *Giáo Hội Việt Nam, sđd.*, tr. 63.

³⁹¹ Theo thư của cha Longer gửi cha Letondal ngày 09.08.1786, trong ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine, III, sđd.*, tr. 162.

8. THỜI ĐỨC CHA JEAN LABARTETTE (1799-1823)

Đức cha Jean Labartette lên kế vị Đức cha Pigneau de Béhaine trong chức vụ Đại diện Tông tòa Giáo phận Đà Nẵng. Khi Đức cha lên nắm quyền, trong Giáo phận chỉ có 9 thừa sai Pháp, 3 cha Dòng Phanxicô, 16 linh mục Việt với số giáo dân độ 60.000.

Ngày 21.03.1801, Đông cung thái tử Cảnh bị bệnh đậu mùa và qua đời tại Gia Định khi mới 22 tuổi. Theo cha Launay, trước khi qua đời thái tử đã xin chịu phép rửa tội.³⁹² Một tháng sau, hoàng tử thứ hai tên là Hi cũng qua đời tại Diên Khánh và được đưa về an táng tại Gia Định. Cũng năm ấy Nguyễn vương đánh chiếm Phú Xuân, vua Cảnh Thịnh phải chạy ra Bắc. Nguyễn vương đích thân đến thăm Đức cha tại Cổ Vưu, một việc mà ông chưa bao giờ làm cho dù đối với một vị quan cao cấp nhất trong triều, khiến cho mọi người hết sức ngạc nhiên.³⁹³ Ngày 31.05.1802 Nguyễn Ánh lên ngôi vua lấy niên hiệu Gia Long, đóng đô tại Phú Xuân, được gọi là kinh thành Huế, vì từ đây địa danh Huế dần dần thay thế địa danh Phú Xuân.³⁹⁴ Sau đó nhà vua đem quân ra Bắc Hà tiêu diệt nhà Tây Sơn. Ngày 22.07.1802, Gia Long tiến vào Thăng Long, hoàn thành công cuộc thống nhất giang sơn đã bị chia cắt từ tiền bán thế kỷ XVI và sai sứ sang triều đình nhà Thanh để cầu phong. Cuối năm 1803 nhà Thanh sai sứ sang tuyên đọc sắc phong. Đến năm 1806 Gia Long mới làm lễ xưng đế hiệu, đặt tên nước là Việt Nam,³⁹⁵ qui định triều nghi, tổ chức lại triều chính. Năm 1808, các địa phương từ Nam chí Bắc được chia ra thành 23 trấn và 4 doanh.³⁹⁶

³⁹² Xem *Sđđ.*, tr. 425.

³⁹³ Theo thư của Đức cha Labartette gửi cha Marchini, trong *Sđđ.*, tr. 424.

³⁹⁴ Địa danh "Huế" phát sinh từ địa danh "Thuận Hóa". Cha Đắc Lộ viết là "Kẻ Hoa", "Kẻ Huế".

³⁹⁵ Sau khi thống nhất đất nước, vua Gia Long sai quan thượng thư binh bộ là Lê Quang Định làm chánh sứ sang nhà Thanh cầu phong và xin đổi quốc hiệu là Nam Việt. Nhưng vì Nam Việt trùng với quốc hiệu đời nhà Triệu ngày xưa gồm cả Quảng Đông và Quảng Tây của Trung Hoa, nên nhà Thanh đổi quốc hiệu nước ta thành Việt Nam. Xem TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển II, *sđđ.*, tr. 178-179.

³⁹⁶ Từ Thanh Hóa ngoại (tức Ninh Bình ngày nay) trở ra gọi là Bắc thành, gồm 11 trấn, trong đó có 5 nội trấn: Sơn Nam thượng, Sơn Nam hạ, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, và 6 ngoại trấn: Tuyên Quang, Hưng Hóa, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Quảng Yên. Từ Bình Thuận trở vào gọi là Gia Định thành, gồm 5 trấn: Phiên An (địa hạt Gia Định), Biên Hòa, Vĩnh Thanh (tức Vĩnh Long và An Giang ngày nay), Vĩnh Tường và Hà Tiên. Ở khoảng giữa nước có các trấn: Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nghĩa, Bình Định, Phú Yên, Bình Hòa (tức Khánh Hòa ngày nay)

8.1. Tình hình Giáo phận dưới triều Gia Long

Năm 1803, sau khi Gia Long chiếm được Thăng Long và trở về kinh thành Huế, Đức cha Labartette và cha Quyền đại diện Liot, cùng với Đức cha Delgado, Đại diện Tổng tòa Giáo phận Đông Đàng Ngoài, Đức cha Lamothe, phó Đại diện Tổng tòa Giáo phận Tây Đàng Ngoài, đến triều đình đệ lên một bức thư xin nhà vua ban chỉ dụ bênh vực đạo như đã hứa. Vua Gia Long tiếp kiến các Giám mục rất niềm nở và hứa sẽ làm như các ngài xin, nhưng còn phải hỏi ý kiến Hội đồng nội các.

Tại Hội đồng nội các, các quan biểu lộ một sự thù ghét đối với đạo cũng như với các thừa sai bằng những thái độ và lời lẽ nặng nề. Họ phản đối kịch liệt, cho rằng người Công giáo yêu sách quá đáng. Vài người còn khuyên nhà vua bách hại đạo và trục xuất các thừa sai. Chính Đức cha Labartette cũng phải nói rằng từ khi ngài ở Đàng Trong đến nay chưa bao giờ thấy một triều đại nào mà các quan tỏ ra độc ác và khinh dễ đối với đạo như thế. Sự thù ghét của các quan đối với đạo Công giáo một phần là do ganh tị, vì thấy trước đây Nguyễn Ánh ưu đãi Đức cha Bá Đa Lộc và các thừa sai ngoại quốc. Các thừa sai càng lui tới với nhà vua thì các quan càng ghét. Vua Gia Long mặc dù vẫn biết ơn Đức cha Bá Đa Lộc, nhưng ông cũng sợ mất lòng các quan, nên làm thinh không nói gì. Thực ra Gia Long không thực tâm yêu mến đạo Công giáo, ông chỉ hành động theo mục tiêu chính trị và không muốn bị mang tiếng là vô ơn đối với vị ân nhân của mình.³⁹⁷

Cũng trong năm 1803, thấy không hy vọng gì nhiều nơi chính quyền, Đức cha đã tổ chức Công nghị Giáo phận qui tụ các linh mục để cùng nhau bàn về những biện pháp mới liên quan đến việc tổ chức Giáo phận. Để tái thiết Giáo phận về mặt tinh thần, Đức cha tập trung hoàn thiện hóa việc giáo dục tôn giáo cho các tín hữu, đồng thời ngài cũng rất nhiệt thành trong việc làm gia tăng số các nữ tu Mến Thánh Giá trong Giáo phận.

Về phía vua Gia Long, vào cuối năm 1803, nhân dịp vua ra Thăng Long đón tiếp đại sứ đặc quyền của nhà Thanh sang trao sắc phong, nhà vua đã cho thấy sự lạnh nhạt của ông đối với đạo Công giáo. Trước khi trở về Phú Xuân ngày 04.03.1804, vua Gia Long ra

và Bình Thuận. Đất kinh kỳ gồm 4 doanh: Trục lệ Quảng đức (tức Thừa Thiên ngày nay), Quảng Trị, Quảng Nam. Mỗi trấn do quan trấn thủ cai trị. Ngoài ra còn có chức tổng trấn cho Bắc thành và Gia Định thành. Xem *Sđđ.*, tr. 172.

³⁹⁷ Theo các thư của Đức cha Labartette, trong ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine, III, sđđ.*, tr. 425-433.

một chỉ dụ về vấn đề các tôn giáo trong nước. Sau khi đưa ra những hạn chế đối với việc xây dựng và trùng tu các chùa thờ Phật và các đền miếu thờ thần, ở phần cuối của chỉ dụ, nhà vua đề cập đến đạo Công giáo. Nhà vua không minh nhiên cấm đạo, nhưng nói về đạo bằng một giọng điệu khá khinh thị và bắt các tín hữu phải chịu những biện pháp nặng nề. Trong chỉ dụ này nhà vua gọi đạo Công giáo là đạo ngoại quốc, làm cho dân chúng trở nên ngu muội. Chỉ dụ còn cấm người Công giáo không được xây cất nhà thờ mới và chỉ được tu sửa những nhà thờ bị hư nát khi có phép của chính quyền địa phương. Nhà vua chỉ ưu đãi việc thờ kính Không tử và ông bà tổ tiên mà thôi. Thế là vỡ mộng đối với những thừa sai đã tận tình giúp đỡ nhà vua lúc còn là Nguyễn Ánh.³⁹⁸

Thời gian sau đó các thừa sai cũng ít lui tới triều đình nên nhà vua và các quan cũng không nói gì đến vấn đề này nữa, các tín hữu giữ đạo bình thường và âm thầm cộng tác với hàng giáo sĩ xây dựng và trùng tu các nơi thờ tự, chủng viện, tu viện, nhà chung và mở thêm nhiều điểm truyền giáo. Tuy nhiên, một điều đáng ngạc nhiên là trong thời kỳ tương đối dễ dàng hơn trước kia, những người ngoại giáo lại trở nên dửng dưng và cứng cỏi đối với Công giáo, còn các tín hữu cũng không còn sốt sắng như trước. Trước đây, dưới thời Tây Sơn mỗi năm còn có nhiều người trở lại đạo, nhưng bây giờ thì rất ít. Trước đây có nhiều người xin lễ, nay thì càng ngày càng ít khiến các cha cũng phải thiếu thốn. Tình trạng này một phần cũng do dân chúng nói chung bị nghèo đói vì chính sách sưu cao thuế nặng và sự tham nhũng của các quan.³⁹⁹

Năm 1804, cha Jean Doussain được sai đến Bình Định, tức phủ Qui Nhơn trước đây, là nơi từ 30 năm qua không có sự hiện diện của các thừa sai, nếu có thì cũng chỉ qua đường thôi. Ngài vui mừng khi thấy mọi người đến xưng tội, những người bỏ đạo xin trở lại, nhiều người lương xin theo đạo. Cùng làm việc với ngài có một linh mục Việt. Số giáo dân tại đây khoảng 5.000. Cũng trong năm ấy Đức cha sai cha Gire đến Phú Yên là nơi mà từ ngày cha Arcet qua đời,

³⁹⁸ Những cấm đoán và hạn chế đối với việc xây dựng và tu sửa các chùa miếu: 1) Cấm xây dựng mới các chùa chiền thờ Phật; 2) Cấm tu sửa chùa chiền nếu không có phép của chính quyền địa phương; 3) Cấm xây mới hay trùng tu các đền miếu thờ thành hoàng nếu không có phép của chính quyền địa phương; 4) Những đền miếu được xây mới không được lớn bằng những đền miếu đã có. Xem *Sdd.*, tr. 428-429, chú thích 1.

³⁹⁹ Xem *Sdd.*, tr. 420-422.

03.02.1790, không có thừa sai nào đi qua. Cùng làm việc với ngài có một linh mục người Việt tên thánh là Marinô. Phú Yên là nơi có không khí trong lành, các tín hữu khá đông và tốt hơn tất cả những nơi khác, lại ở khoảng giữa của Giáo phận, nên Đức cha muốn cha Gire xây dựng ở đó một Tiểu chủng viện, nhưng chẳng may cha Gire đã qua đời ngày 20.06.1804, nên dự án bất thành. Sau đó cha Marinô cũng qua đời ngày 12 tháng 07.⁴⁰⁰

Năm 1805, tại kinh thành Huế có 6 tu viện Mến Thánh Giá với khoảng 200 nữ tu. Trong thời kỳ bách hại các tu viện này bị phá hủy nay đã được xây dựng lại. Ngoài ra còn một tu viện khác tại Phú Yên do cha Arcet thiết lập gồm có 17 nữ tu.⁴⁰¹

Ngày 02.10.1808, Đức cha tấn phong cha Jean Doussain làm Giám mục phó hiệu tòa Adran như Đức cha Bá Đa Lộc. Nhưng chỉ hơn một năm sau đó, trong chuyến viếng thăm các tín hữu tại các vùng miền trong Giáo phận, ngài đã qua đời ngày 14.12.1809 và được an táng tại Mỹ Cang, Bình Định,⁴⁰² cũng chính tại nơi mà đúng 10 năm trước Đức cha Bá Đa Lộc đã qua đời. Trong những năm kế tiếp, nhiều thừa sai khác cũng qua đời vì già và vì không hợp thủy thổ, mà không có người thay thế, vì sau cách mạng Pháp 1789 Hội thừa sai Paris thiếu ơn gọi. Các thừa sai Phanxicô cũng giảm sút. Các hạt truyền giáo thuộc Dòng Phanxicô ở Huế, Quảng Nam, Bình Định đã phải trao lại cho các thừa sai Pháp.

Năm 1817 thừa sai Jean Audemar được chọn làm Giám mục phó hiệu tòa Adran và được Đức cha Labartette tấn phong ngày 29.03.1818. Nhưng 3 năm sau, ngày 08.08.1821, Đức cha phó cũng qua đời tại Phường Rượu, Quảng Trị.⁴⁰³ Trong Giáo phận lúc ấy chỉ còn 4 thừa sai Pháp là cha Balthasar Jarot, Quyền đại diện, và 3 linh mục trẻ vừa mới đến là các cha Auguste Thomassin, cha Jean-Louis Taberd và cha François Gagelin. Số linh mục Việt Nam là 18 vị, ngoài ra còn có 2 cha dòng Capucinô người Ý.

⁴⁰⁰ Theo thư của Đức cha Labartette gửi cha Boiret, ngày 07.03.1804, thư của cha Doussain gửi cha Boiret ngày 08.07.1804, hai thư của Đức cha Labartette gửi Ban giám đốc chủng viện thừa sai Paris ngày 07.03.1804, và gửi cha Boiret ngày 06.08.1804, trong *Sđđ.*, tr. 442-443, 460, 482-483.

⁴⁰¹ Theo thư của Đức cha Labartette gửi cha Boiret, ngày 14.05.1805, trong *Sđđ.*, tr. 466.

⁴⁰² Đức cha Jean Doussain sinh ngày 09.04.1756 tại Doue la Fontaine, Pháp. Hiện nay hài cốt ngài được cải táng về nghĩa trang linh mục tại Làng Sông.

⁴⁰³ Đức cha Jean Audemar sinh ngày 01.07.1757 tại Auzet, Pháp. Trước khi làm Giám mục ngài đã làm việc tại Phú Yên.

8.2. Thời kỳ bách hại bắt đầu với vua Minh Mạng

Năm 1820 vua Gia Long qua đời và thế tử Đảm lên nối ngôi lấy niên hiệu là Minh Mạng. Trước khi lên ngôi, ông đã công khai tỏ thái độ ác cảm đối với Tây phương và với đạo Công giáo. Không riêng gì Minh Mạng ghét đạo, mà phần nhiều các quan lại cũng thế.⁴⁰⁴ Việc ngoại giao với Tây phương mỗi ngày thêm lạnh lùng, những người Pháp giúp Gia Long trước đây chán nản xin về nước. Do đó ai cũng đoán một cuộc bách hại sẽ xảy ra. Tuy nhiên trong những năm đầu triều đại của vua mọi sự vẫn bình an. Người ta nói rằng trước khi qua đời, trong di chiếu vua Gia Long có trời cho Minh Mạng đừng cấm đạo Công giáo, trước là để biết ơn Đức cha Bá Đa Lộc, sau là để tránh những khó khăn về ngoại giao.

Thực ra Minh Mạng không thể thi hành ngay cuộc bách hại đạo như ý định vì ông lên ngôi trong một tình hình khó khăn. Năm 1820, khi vua vừa mới lên ngôi, ôn dịch hoành hành khắp nước, nhiều người khiếp sợ, dân chúng cả lương lẫn giáo chạy đến nhà thờ xin nước thánh, nhà vua không dám ra khỏi cung điện, các quan ở li trong tư dinh. Dân tình bất an, các quan không đồng lòng ủng hộ nhà vua, khiến nhà vua phải nghĩ đến kế hoạch trấn an hơn là tạo ra bất ổn mới. Dù sao ông cũng không thể giấu mãi được thái độ thù địch đối với đạo. Vì sợ nhà vua sẽ hạ lệnh cấm đạo nên tháng 07 năm 1822, Đức cha Labartette vào kinh, mang theo lễ vật để xin yết kiến nhà vua. Vua Minh Mạng nhận lễ vật nhưng không cho yết kiến, lấy cớ rằng vua còn trẻ sợ bị Giám mục làm lung lạc ý chí.

Ngày 06.08.1823, Đức cha qua đời tại Cổ Vưu. Lễ an táng được tổ chức vào ngày 25 tháng 08, có hai ông Vannier và Chaigneau là hai vị quan người Pháp cuối cùng của triều đình được vua Minh Mạng cho phép đến tham dự. Sự ra đi của Đức cha đã khiến cho Giáo phận bị trống tòa trong thời gian 4 năm. Cha Bề trên Auguste Thomassin cai quản Giáo phận cho đến ngày qua đời năm 1824. Trong thời gian chờ đợi Tòa Thánh bổ nhiệm một vị mục tử mới cho Giáo phận, từ năm 1824 cha Jean-Louis Taberd⁴⁰⁵ đảm nhận vai trò Bề trên và phụ trách công việc mục vụ tại miền trung của Giáo phận, tức là vùng đất của Giáo phận Đông Đà Nẵng sau này. Ở miền Nam có cha François Gagelin làm việc từ Biên Hòa đến Hà Tiên cùng với cha Odorico, Dòng Phanxicô. Ngoài ra hàng giáo sĩ còn có 18 linh mục Việt Nam, với sự

⁴⁰⁴ Xem TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển II, *sdd.*, tr. 227.

⁴⁰⁵ Jean-Louis Taberd chứ không phải Jean Baptiste Taberd như một vài nơi viết sai.

cộng tác của hàng trăm thầy giảng, 16 nữ tu viện Mến Thánh Giá, mỗi tu viện có từ 25 đến 30 nữ tu, và nhiều tông đồ giáo dân.

Ngày 12.02.1825 nhà vua hạ chiếu: "Tà đạo của Tây phương làm hại lòng người. Đã lâu nay nhiều chiếc tàu của châu Âu sang đây buôn bán thường để lại những giáo sĩ. Bọn người này làm mê hoặc lòng dân và phá hoại phong tục. Như thế chẳng phải là cái họa lớn cho nước ta sao? Vậy ta nên ngăn cấm điều bậy bạ ấy để dân ta quay về chính đạo".⁴⁰⁶ Vua cấm các thừa sai nước ngoài không được nhập cảnh Việt Nam. Tháng 06 năm 1827 cha Jean Taberd được vua Minh Mạng gọi về triều đình Huế cùng với cha François Gagelin và cha Odorico, lấy cớ là để phiên dịch các sách Tây cho vua với lương bổng ngang với một quan chánh nhị phẩm, nhưng thực ra là để giam lỏng không cho các cha làm việc mục vụ⁴⁰⁷ và dùng tiền bạc để lung lạc lý tưởng thừa sai của các cha. Cuối cùng vào năm 1828 nhờ sự can thiệp của tổng trấn Gia Định thành là Lê Văn Duyệt, 3 vị thừa sai đã được trở về nhiệm sở của mình.

9. THỜI ĐỨC CHA JEAN TABERD TỪ (1827-1840)

Trong thời gian ở tại triều đình, ngày 18.09.1827, cha Jean Taberd được Tòa Thánh bổ nhiệm làm Giám mục hiệu tòa Isauropolis và Đại diện Tông tòa Giáo phận Đà Nẵng.⁴⁰⁸ Lễ tấn phong của ngài được cử hành vào ngày 30.05.1830 tại Bangkok. Sau đó ngài trở về Việt Nam và ở tại Lái Thiêu, nơi có chủng viện. Mặc dù có lệnh cấm của vua Minh Mạng nhưng cho đến năm 1830 vẫn có thêm các thừa sai sau đây: François Jaccard, François Régereau, François Noblet, François Bringol, François Vialle, Étienne Cuénot và Joseph Marchand. Năm 1830, Đức cha Taberd Từ đưa hai nữ tu Mến Thánh Giá là dì Tim và dì Tạ từ Bình Định vào lập phước viện Mến Thánh Giá tại Tân Triều, Biên Hòa. Ít lâu sau ngài lại đưa dì Mi và dì Sang cũng từ Bình Định vào lập phước viện Mến Thánh Giá tại Lái Thiêu. Cũng trong năm 1830, chừng 30 gia đình tín hữu từ Quảng Nam và Quảng Nghĩa chạy vào một nơi gọi là Rừng Lai vì có nhiều cây dầu lai, bên kia Đèo Cù (thuộc tỉnh Ninh Thuận ngày nay) để trốn cơn bắt đạo và trở thành những tín hữu đầu tiên của giáo xứ Rừng Lai, tức giáo xứ Phước Thiện của Giáo phận Nha Trang ngày nay.

⁴⁰⁶ L.E. LOUVET, *La Cochinchine Religieuse*, II, Paris 1885, tr. 41.

⁴⁰⁷ Xem TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển II, *sđđ.*, tr. 227.

⁴⁰⁸ Đức cha Jean-Louis Taberd sinh ngày 18.06.1794 tại Loire, Pháp; thụ phong linh mục ngày 27.07.1817.

Từ năm 1831 đến 1832, vua Minh Mạng cải cách hành chính, đổi các trấn thành tỉnh, đặt dưới quyền cai quản của quan tổng đốc. Từ đó các trấn Quảng Nghĩa, Bình Định và Phú Yên được gọi là tỉnh như hiện nay. Nam Bộ trước đây được gọi là Gia Định thành bao gồm 5 trấn hợp lại dưới quyền tổng trấn Lê Văn Duyệt, sau khi ông qua đời ngày 25.08.1832, Minh Mạng lập tức bãi bỏ chức tổng trấn và các trấn được đổi thành các tỉnh: Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên.

9.1. Vua Minh Mạng với chiếu chỉ cấm đạo năm 1833

Lê Văn Duyệt là người có uy quyền lại được nhiều người kính phục. Chỉ vì ông ấy là quan võ, tính tình nóng nảy, thẳng thắn bên vực người Công giáo khiến Minh Mạng không ưa, nhưng vì ông ấy là bậc khai quốc công thần nên nhà vua cũng cố nhịn. Nay ông mất rồi, người Công giáo mất đi một người đỡ đầu thần thế và vua Minh Mạng không còn bị ai cản trở trong việc bách hại đạo nữa. Thêm vào đó, cũng năm ấy các quan thuộc Bộ Lễ tấu trình lên nhà vua một bản kiến nghị để xin nhà vua hạ lệnh cấm đạo.⁴⁰⁹ Ngày 06.01.1833, Minh Mạng ban hành một chiếu chỉ cấm đạo trên toàn quốc với nội dung như sau:

"Minh Mạng Thánh Tổ Hoàng đế có lời cùng toàn thể thần dân. Đã từ lâu nhiều người châu Âu đến giảng đạo Gia-tô, lừa dối dân đen, dạy chúng có một thiên đàng, hỏa ngục. Chúng không thờ Phật, không thờ cúng ông bà, thiết là quân vô đạo. Hơn thế nữa, chúng dựng nhiều nhà thờ, trong đó trai gái ra vào lẫn lộn, mục đích là để quyến rũ đàn bà con gái, chúng còn móc mắt những người ốm đau. Thật là điều trái với luân thường đạo lý (...)

"Vì vậy, Trẫm truyền cho tất cả những ai theo tà đạo này từ quan chí dân, nếu còn biết sợ uy quyền của Trẫm, thì hãy thật lòng cải tà qui chính. Các quan phải kiểm soát các đạo đồ trong địa hạt mình, xem chúng có tuân thượng lệnh hay không, và bắt chúng giây đạp thập tự. Các nhà thờ, nhà ở của đạo trưởng, phải triệt hạ hết. Sau này còn ai theo đạo ấy thì phải nghiêm trị, vì Trẫm muốn tiêu diệt tận gốc tà đạo. Đó là thánh ý của Trẫm, thần dân phải nghe theo và thi hành".⁴¹⁰

Nhận định về lệnh bách hại của vua Minh Mạng, sử gia Trần Trọng Kim đã viết: "Nhà vua mà dùng uy quyền để giết hại bao nhiêu, thì dân sự lại khổ sở bấy nhiêu, chứ lòng tin tưởng của người ta không

⁴⁰⁹ Xem L.E. LOUVET, *La Cochinchine Religieuse, II, sdd.*, tr. 55-57.

⁴¹⁰ Xem *Sdd.*, tr. 57-58.

sao ngăn cấm được. Và lại đạo Thiên Chúa cũng là một đạo tôn nghiêm, dạy người ta lấy lòng nhân ái, việc gì mà làm khổ dân sự như thế? Các giáo sĩ bấy giờ cứ một niềm liều sống chết đi truyền giáo cho được, có người phải đào hầm mà ở dưới đất hàng mấy tháng để dạy đạo. Những người có chí bền chặt như vậy thì hình phạt cũng vô ích mà thôi".⁴¹¹

Chiếu chỉ được ban hành, nhưng vua truyền mật lệnh cho các quan tỉnh không được rao cho dân biết, chỉ tìm cách bắt hết các linh mục: các linh mục ngoại quốc thì giải về kinh, các linh mục Việt thì giam nhốt không cho ai tới lui thăm viếng. Quan trấn Biên Hòa tạm thời cho phép Đức cha Taberd ở lại Lái Thiêu chờ ngày dẫn độ ra Huế. Nhân ngày đầu năm Quý tỵ quan quân mê say hưởng xuân, Đức cha trốn đến Thị Nghè, rồi khi thấy tình hình quá căng thẳng, ngày 19.02.1833 ngài đã cùng với các cha Vialle, Cuénot và Régereau trốn sang Xiêm, đem theo 15 chủng sinh chủng viện Lái Thiêu.

Lúc bấy giờ tại miền Nam xảy ra cuộc nổi loạn của Lê Văn Khôi là con nuôi của Lê Văn Duyệt. Sau khi Lê Văn Duyệt qua đời, quan bố chánh Gia Định là Bạch Xuân Nguyên nói rằng ông phụng mật chỉ của triều đình truy xét để kết tội Lê Văn Duyệt và bắt Lê Văn Khôi giam vào ngục Phiên An. Phần thì tức giận, phần thì sợ bị trị tội, nên đêm 18.05.1833, Lê Văn Khôi cùng với 27 đồng bạn phá ngục, vào dinh bố chánh giết cả nhà Bạch Xuân Nguyên. Bước ra ngoài gặp tổng đốc Nguyễn Văn Quế dẫn quân đến cứu, Khôi cũng giết luôn rồi tự xưng là đại nguyên súy, phát cờ khởi nghĩa trả thù cho cha nuôi, đòi truất phế vua Minh Mạng để đưa hoàng tôn An Hòa, con của đông cung thái tử Cảnh lên ngôi. Rất nhiều người theo Lê Văn Khôi vì lòng yêu mến đối với Lê Văn Duyệt, khi thấy Minh Mạng đối xử tệ bạc với ông. Lê Văn Khôi chiếm thành Phiên An làm tổng hành dinh rồi trong vòng 6 tháng quân của Lê Văn Khôi đã chiếm được cả 6 tỉnh Nam Bộ. Triều đình đem đại quân vào đánh, Lê Văn Khôi biết thế yếu không chống cự nổi nên vào cố thủ trong thành Phiên An (tức Gia Định) và sai người sang Xiêm cầu cứu. Vua Xiêm sai quân thủy bộ chia làm 5 đạo sang đánh Việt Nam.

Vua Xiêm biết rằng người Công giáo tại Việt Nam đang bị triều đình Minh Mạng bách hại, nên muốn lôi kéo Đức cha Taberd vào cuộc chiến chống lại Việt Nam, nhưng ngài đã từ chối. Vì lý do đó vua Xiêm đã đối xử tàn tệ với những người Công giáo Việt Nam lánh nạn tại

⁴¹¹ Xem TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển II, *sdd.*, tr. 228.

Xiêm. Ba linh mục Việt Nam và 15 chủng sinh cũng bị giam giữ như những tù binh. Về phần Đức cha, mặc dù ngài đã không chấp nhận lời mời của vua Xiêm để đứng về phía ông chống lại Việt Nam, nhưng tại Việt Nam người ta lại cho rằng ngài sang giúp vua Xiêm chống lại Việt Nam hoặc đứng về phía Lê Văn Khôi chống lại triều đình, nhất là khi triều đình bắt được lá thư của Lê Văn Khôi mời Đức cha về nước và hứa sẽ cho giảng đạo tự do. Để thoát khỏi hoàn cảnh khó xử ấy, năm 1834 Đức cha quyết định rời Xiêm để đi Singapore, rồi sang trú tại nhà trường chung ở Penang, Mã Lai.⁴¹²

Cha Cuénot và những người khác thì Đức cha bảo ở lại Xiêm rồi sang Cao Miên để tìm cách trở về Biên Hòa. Nhưng vua Xiêm cấm không cho ra khỏi nước, nên cha Cuénot đã phải vận dụng tất cả sự thận trọng để tổ chức một cuộc trốn thoát bằng thuyền và sau 30 ngày vượt biển, ngày 09.03.1835 cha và hai thừa sai cùng với các chủng sinh đã đến Singapore. Cha Cuénot ở lại đó nhưng gửi các chủng sinh đến chủng viện Penang cho Đức cha.

Trong khi đó tại Giáo phận Đà Nẵng có 300 nhà thờ bị triệt hạ, 18 tu viện bị giải thể, các chủng viện bị tàn phá, các tín hữu phải chạy trốn trên sông hoặc trên rừng rậm. Không thể kể hết con số các nạn nhân của cuộc bách hại, trong đó có 4 vị thánh tử đạo là thừa sai François Gagelin Kính, chánh đội trưởng thân binh Phaolô Tổng Viết Bường, quân nhân Anrê Trần Văn Trông và thừa sai Joseph Marchand Du.

9.2. Cuộc tử đạo của cha François Isidore Gagelin Kính

Cha Gagelin Kính sau khi thoát khỏi triều đình Huế đã trở về Nam, hoạt động khắp vùng từ Biên Hòa đến Hà Tiên và dạy ở chủng viện Lái Thiêu. Năm 1830 cha được Đức cha Taberd bổ nhiệm làm Quyền đại diện và cử đi làm việc mục vụ tại các tỉnh Phú Yên, Bình Định và Quảng Nghĩa. Cha đi bộ từ họ đạo này sang họ đạo khác, dù xa hay gần, lớn hay nhỏ, để giảng dạy, dâng lễ, giải tội cho các tín hữu. Tất cả những ai quen biết cha đều đồng thanh khen ngợi sự hiền từ, lòng đạo đức, tinh thần khó nghèo, khổ hạnh và chính trực trong đời sống của cha. Khi chiếu chỉ cấm đạo được ban hành năm 1833, cha đang làm việc tại Bình Định. Người ta khuyên cha tạm thời về Pháp một thời gian, nhưng cha trả lời rằng: "Một công dân phải thi hành nghĩa vụ

⁴¹² Chủng viện Thánh Giuse ở Ajuthia sau khi di dời đi nhiều nơi, cuối cùng vào năm 1807 được thiết lập tại Penang. Từ năm 1736, Penang thuộc Compagnie des Indes Orientales của Pháp; từ năm 1826 đến 1946 là thuộc địa Anh quốc.

quân sự, hưởng chi tôi được trao chức vụ lãnh đạo, sao tôi có thể bỏ trách nhiệm của mình được". Thế là vẫn tiếp tục hăng say trong sứ mạng, thăm hỏi an ủi giáo dân, giảng dạy và rửa tội cho nhiều người. Một hôm được một ông quan bạn thân cho biết sắp có cuộc truy lùng để bắt ngài, ngài lần tránh lên miền núi. Nhưng khi thấy nhiều giáo dân bị bắt và bị tra khảo về ngài, cha sợ đoàn chiên bị tan tát nên quyết định ra nộp mình với hy vọng các tín hữu đỡ phải chịu bắt bớ. Tháng 05 năm 1833 cha ra trình diện với quan tri huyện Bồng Sơn và bị giải về kinh: "Chính tại Long Quan, khi chân phước Gagelin của chúng ta đang ẩn nấp trong họ đạo nhỏ bé này, thì ngài đã quyết định ra nộp mình cho quan tri huyện Bồng Sơn và ông này đã cho dẫn ngài ra Huế".⁴¹³

Đến Huế ngày 23.08.1833, cha Gagelin có dịp gặp cha Odorico đang bị giam lỏng tại cung quán với cha Jaccard Phan, thông dịch viên của triều đình. Ba cha thỉnh thoảng được gặp nhau, an ủi khuyến khích nhau. Suốt 7 tuần lễ bị giam cầm, cha Bê trên Gagelin không bị thẩm vấn lần nào. Vua Minh Mạng đã quá rõ ý chí can trường của vị thừa sai. Kể từ ngày 12 tháng 10, quân lính xiềng xích tay chân cha và canh gác nghiêm ngặt. Linh mục Jaccard, nhờ có liên hệ với triều đình, đến báo tin cho cha biết ngày hành quyết sắp đến. Cha Gagelin rất vui mừng và nhờ cha Jaccard báo tin cho Đức Giám mục, cho Hội thừa sai Paris và gia đình. Ngày 17 tháng 10 cha bị điệu đến khu ngoại ô Bãi Dâu và bị siết cổ cho đến chết. Một học trò cũ của cha Odorico, một thầy giảng của cha Jaccard và một linh mục Việt xin quan cho chôn táng thi hài vị tử đạo tại một khu vườn tư nhân ở Phủ Cam.

9.3. Đức cha phó Étienne Théodore Cuénot Thế cai quản Giáo phận

Sau cái chết của cha Gagelin Kính và cha Marchand Du, Giáo phận Đà Nẵng chỉ còn hai thừa sai chưa bị bắt và 10 linh mục Việt Nam. Về phần Đức cha Taberd, vì bị Việt Nam hiểu lầm là đã theo giúp vua Xiêm đánh Việt Nam và theo phe nổi loạn chống lại triều đình như đã nói trên, ngài thấy không thể trở lại Việt Nam được nữa, nên ngày 03.05.1835, tại Singapore,⁴¹⁴ ngài dùng quyền Tòa Thánh ban sẵn, tấn phong cha Étienne Cuénot làm Giám mục phó hiệu tòa Métellopolis.⁴¹⁵

⁴¹³ MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1940 à Septembre 1941*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1941, tr. 19.

⁴¹⁴ Đức cha Cuénot được tấn phong Giám mục tại Singapore hay tại Penang? Các tài liệu không thống nhất với nhau.

⁴¹⁵ Đức cha Étienne Théodore Cuénot Thế sinh ngày 08.02.1802 tại Bélicu, Pháp; thụ phong linh mục ngày 24.09.1825.

Sau đó ngài trao toàn quyền cai quản Giáo phận cho Đức tân Giám mục và sai trở về Giáo phận.

Sau khi thu xếp mọi công việc của Giáo phận, Đức cha Taberd lên đường sang Calcutta, Ấn Độ, cùng với hai đại chủng sinh là thầy Thìn và thầy Hiền. Ngài mang theo bản thảo quyền *Dictionarium Anamitico-Latinum* (Tự điển Việt - La) của Đức cha Bá Đa Lộc. Tại nơi lưu vong, với sự cộng tác của hai thầy đại chủng sinh Việt Nam, ngài xem lại và chỉnh sửa đôi chút quyền tự điển của Đức cha Bá Đa Lộc, và biên soạn quyền *Dictionarium Latino-Anamiticum* (Tự điển La - Việt) để giúp các thừa sai học tiếng Việt. Ít lâu sau hai thầy được gọi về Bình Định, nên Đức cha đã xin thầy Philipphê Phan Văn Minh sang giúp. Hai quyền sách này được ngài in tại Serampore (Ấn Độ) năm 1838. Đây là hai quyền sách có giá trị đóng góp vào nền văn hóa Việt Nam. Đức cha còn là tác giả cuốn *Thiên Chúa Thánh giáo Yếu lý Chính giải* (1833) và *Tabula Geographica Imperii Annamitici* (Annam đại quốc họa đồ), trong đó có ghi quần đảo Hoàng Sa.

Ngay từ ngày 12.05.1835, Đức cha Cuénot rời Singapore để về Giáo phận Đà Nẵng trên chuyến tàu buôn từ Bordeaux dưới dạng một bác sĩ người Anh. Đêm 28 tháng 05 tàu đi ngang qua bãi Ma Liên tỉnh Phú Yên, 5 người rời tàu vào bờ để ra Quảng Nam chuẩn bị đón Đức cha. Chiều ngày 30 tháng 05 tàu cập bến Cửa Hàn nhưng ngài vẫn ở lại trên tàu chờ giáo dân đến đón và đưa đi. Mãi cho đến đêm 24 tháng 06, giáo dân đến mời ngài xuống ghe tam bản và đưa vào bãi Thanh Khê. Sau đó người ta dùng võng đưa ngài đến một họ đạo nhỏ gần đó có tên là An Ngãi và ở tại nhà ông trùm Nên là nhà đạo đức đáng tin cậy mà các cha thường ẩn náu.

Trong hai năm 1836-1837, cuộc bách hại có phần lắng dịu vì lúc ấy vua Minh Mạng phải đương đầu với nhiều khó khăn về chính trị. Lợi dụng tình hình ấy, mặc dù chưa thể xuất đầu lộ diện hay đích thân đi thăm các họ đạo được, Đức cha viết thư luân lưu gửi đi khắp nơi để thông báo cho các tín hữu biết sự hiện diện của ngài trong Giáo phận và đề an ủi, khích lệ tinh thần của họ trong cơn thử thách. Nhờ đó cộng đoàn dân Chúa cảm thấy thêm can đảm và bớt lo sợ. Nhiều thừa sai cũng theo gương ngài liều mạng vào Giáo phận. Năm 1836 có các cha Jean Jacques Candalh, Pierre Jeanne và Dominique Lefèbvre. Cha Vialle là người đã theo Đức cha Taberd sang Xiêm cũng trở lại năm đó. Năm sau thêm ba thừa sai: Jean Claude Miche, Pierre Duclos và Jean Chamaison.

Dù đã có một số thừa sai như thế, nhưng mỗi bận tâm hàng đầu của Đức cha vẫn là tìm cách gia tăng hàng linh mục bản xứ, bởi vì kinh nghiệm cho thấy trong các cuộc bách hại chỉ có các ngài mới có thể trực tiếp phục vụ giáo dân. Ngoài hai linh mục và hai chủng sinh được Đức cha đưa về từ Penang, ngay trong năm 1836 ngài đã phong chức 10 tân linh mục. Đồng thời Đức cha lập lại chủng viện, một ở Di Loan dưới quyền điều khiển của cha Candalh Kim, và một ở Lái Thiêu dưới quyền điều khiển của cha Lefèbvre Ngải. Đức cha cũng qui tụ được 250 nữ tu Mến Thánh Giá trước đây bị phân tán về gia đình, nay trở lại sống chung trong 18 tu viện.

Năm 1838, cuộc bách hại lại trở nên ác liệt, nhất là ở các tỉnh phía Bắc của Giáo phận. Các thừa sai bị truy lùng một cách gắt gao. Chủng viện An Ninh của cha Candalh phải giải thể từ đầu năm 1838. Đức cha trú ẩn tại An Ngãi được 3 năm, nhưng vì cơn bách hại ngày càng gia tăng mà giáo dân ở đây thì ít không đủ bảo đảm an toàn cho ngài, nên ngài quyết định dời sang nơi khác. Từ Quảng Nam, Đức cha di chuyển vào Quảng Nghĩa và ẩn mình tại nhà thầy Ngoan ở Phú Hòa độ 5 tháng. Sau đó ngài lần vô Bình Định, và ẩn trốn tại Bến Đá, Gia Hựu và Gò Xoài hơn một năm. Tại Gia Hựu ngài truyền chức linh mục cho cha Lợi và cha An. Từ Gia Hựu, ngài lần lên giáo họ Đồng Hâu, ẩn mình tại nhà ông Nhơn gần một năm, truyền chức linh mục cho cha Nhân. Cuối cùng, ngài đến Gò Thị thuộc vùng Tam Thuộc⁴¹⁶ và sẽ ở lại đó cho đến suốt đời.⁴¹⁷

⁴¹⁶ Có ý kiến cho rằng Tam Thuộc là vùng đất thuộc 3 huyện Phù Cát, An Nhơn và Tuy Phước ngày nay. Tuy nhiên, "thuộc" là đơn vị hành chính tương đương với cấp tổng được bảo lưu từ thời chúa Nguyễn. Tổng là cấp trung gian giữa huyện và làng xã. Căn cứ vào địa bạ trấn Bình Định năm 1815, toàn trấn có 6 thuộc đều ở huyện Tuy Viễn, đó là các thuộc: Vồng Nhi, Hà Bạc, Sơn Điền, Thời Tú, Thời Đôn, Thời Hòa. Sau cuộc cải cách hành chính năm 1832, huyện Tuy Viễn được chia ra thành 2 huyện là Tuy Viễn và Tuy Phước. Theo địa bạ hành chính tỉnh Bình Định năm 1839, huyện Tuy Phước có 3 tổng: Vân Dương, Tuy Hà và Thời Tú. Như vậy Tam Thuộc có thể là cách gọi của 3 tổng này hay của cả huyện Tuy Phước.

Trong báo cáo về Giáo phận năm 1850 của Đức cha Cuénot, xứ Tam Thuộc gồm các họ đạo: Đại An, Tân Hội, Nước Mặn, Xóm Bắc, Xóm Nam, Vườn Vòng, Mĩ Cang, Gò Thị, Gò Dài, Quán Ngỗng, Kẻ Thử, Diêm Điền, Xóm Quán, Làng Sông, Cây Da, Sông Cát, Hội Lộc. Hầu hết các họ đạo trên đây đều thuộc về huyện Tuy Phước ngày nay. Xem MISSION DE QUINHON, *Mémorial* N° 58, 31 Octobre 1909, tr. 152.

⁴¹⁷ Thời gian và những nơi ẩn náu của Đức cha Cuénot từ khi ngài cập bến Cửa Hàn cho đến khi ngài đến Gò Thị được ghi lại trong sách này theo R.P. TARDIEU, *Hạnh Đức cha Thê, Mgr. Cuénot 1802-1861*, Lang-Song Imprimerie de la Mission

Chỗ ở của ngài tại Gò Thị là một khuôn viên có hàng rào cây che kín, có xóm đạo bao quanh, rất dễ ẩn trú.⁴¹⁸ Nhà ngài ở thì đơn sơ như tất cả mọi nhà của người dân, phía cửa sau có một lối đi giữa vườn, buổi sáng và buổi chiều ngài thường tản bộ trên lối đi đó để đọc kinh và đợi nhận thư từ các nơi gửi về. Trong vườn cũng có lối thoát kín đáo ẩn thông ra đồng để dùng khi lánh nạn. Khi có báo động ngài trốn sang phước viện Mến Thánh Giá bên cạnh, hoặc được dẫn ra cánh đồng, hoặc xuống đầm. Cũng có nhiều lần ngài trốn đi xa, đến Xóm Nam, Tân Hội, Mương Lỡ. Bình thường ngài ít khi ra khỏi nơi ở, trừ một vài trường hợp đặc biệt, thường là vào ban đêm, nhưng với sự cẩn trọng tối đa. Việc thăm viếng mục vụ các tín hữu ngài giao cho các linh mục bản xứ. Ngoài sự bảo vệ vật chất ấy, Đức cha còn có những bảo vệ tinh thần, đó là sự kín đáo và sự đồng tâm nhất trí của giáo dân. Hình như chỉ có một số ít giáo dân biết sự hiện diện của ngài, nhưng nếu họ không kín đáo thì cũng rất nguy hiểm.

Trong giáo dân có những người thân tín kín đáo thường ra vào gặp gỡ Đức cha để đưa tin, bàn việc. Trong số đó đặc biệt phải kể đến cụ trùm cả Anrê Nguyễn Kim Thông có nhà ngay bên cạnh là người có uy tín và có công đối với dân, được quan yêu dân chuộng và được Chúa an bài xếp đặt để trở thành cánh tay phải của ngài và như đòn lẩy vững chắc bảo vệ ngài, nhờ đó ngài có thể sống và làm việc tại đó hàng chục năm trường mà không xảy ra điều gì ngay trong thời kỳ bách hại. Phải kể đó là một phép mầu của Thiên Chúa. Ngoài ra, nhờ sự góp ý và qua trung gian của cụ mà Giáo phận có thể mua được nhiều ruộng đất trong vùng để canh tác kiếm tiền đáp ứng các nhu cầu vật chất của Giáo phận.

Trong một bản phúc trình đề ngày 18.11.1839, Đức cha Cuénot đã ghi như sau: "Chỉ dụ mới được áp dụng với ít nhiều gặt gao. Trong

1907, tr. 23-29. Trong tác phẩm này cha Tardieu cho thấy thời gian đó kéo dài hơn 5 năm và tại nhiều nơi khác nhau. Tuy nhiên, trong bản báo cáo năm 1942, khi cha Tardieu đã trở thành Giám mục Đại diện Tổng tòa Qui Nhơn, thì ngài xác định rằng Đức cha Cuénot sau khi cập bến Cửa Hàn, chỉ ẩn náu tại An Ngãi hơn một năm rồi vào khoảng cuối năm 1836 hay đầu năm 1837 ngài vào thẳng Gò Thị và ở lại đó cho đến khi chịu tử đạo vào năm 1861. Không biết bản tường trình nào đúng hơn? Xem MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission de Septembre 1941 à Septembre 1942*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1942, tr. 19-20.

⁴¹⁸ Khuôn viên này nằm đối diện với phòng phát thuốc của tu viện Mến Thánh Giá Qui Nhơn tại Gò Thị hiện nay. Trước đây là nhà mồ cô gái. Để ghi nhớ "Tòa Giám mục hầm trú" của Đức cha Cuénot tại đây, Giáo phận đã xây một đài tưởng niệm kính ngài cùng với tấm bia khắc tên các vị tham dự Công nghị Gò Thị năm 1841.

tỉnh Bình Định nơi tôi đang ở có khoảng 8.000 tín hữu, 100 người bị nhốt vào tù để chịu tra tấn, một cực hình không tránh được khi lệnh chia đất được ban ra. Ở Phú Yên (6.000 tín hữu) sắc dụ được áp dụng hết sức triệt để. Nếu sự sa ngã của một vài người gây ngạc nhiên thì thường họ ở trong hoàn cảnh khiến họ đáng thương hơn là đáng ghét. Ở nhà giam của tỉnh hiện có 12 người đã hiên ngang tuyên xưng đức tin, sẵn sàng chịu chết hơn là chối đạo. Người ta nghĩ rằng các quan sẽ chỉ ra án tử cho một hai người trong họ để làm cho người khác khiếp đảm. Ở Quảng Nghĩa (3.000 tân tòng), bổn đạo của chúng tôi được chính người phải bắt bớ họ che chở..."⁴¹⁹

Trong đợt bách hại này Giáo phận Đà Nẵng có thêm 4 vị thánh tử đạo là cha François Jaccard Phan cùng với chủng sinh Tôma Trần Văn Thiện bị xử tử ngày 21.09.1838 tại pháp trường ở làng Nhan Biểu gần thị trấn Quảng Trị, trùm họ Antôn Nguyễn Hữu Quỳnh bị xử tử ngày 10.07.1840 tại Quảng Bình, trùm họ kiêm lương y Simon Phan Đắc Hòa bị xử tử ngày 10.12.1840 tại Cống Chém, gần chợ An Hòa, kinh thành Huế. Ngay trong năm 1840, Đức cha Cuénot đã đệ đơn lên Tòa Thánh xin cứu xét và phong thánh cho các vị tử đạo.

10. THỜI ĐỨC CHA ÉTIENNE THÉODORE CUÉNOT THỂ (1840-1861)

Ngày 31.07.1840, Đức cha Taberd Từ qua đời tại Calcutta khi vừa tròn 46 tuổi và Đức cha Cuénot kế vị ngài trong chức vụ Đại diện Tông tòa Giáo phận Đà Nẵng. Ngày 20.01.1841 vua Minh Mạng băng hà sau khi bị ngã ngựa, hưởng dương 50 tuổi. Hoàng tử Miên Tông lên kế vị lấy niên hiệu là Thiệu Trị. Vua Thiệu Trị là người tính tình hiền lành và không tàn bạo trong việc cấm đạo như Minh Mạng. Nhà vua không tuyên bố hủy bỏ các chiếu chỉ cấm đạo của tiên vương, nhưng cũng không ra lệnh cho các quan bắt đạo, nên Giáo Hội được yên hay không là tùy ở các quan địa phương. Các tín hữu bị bắt dưới triều đại trước vẫn còn đầy ngục thất, trong số đó có nhiều người chết rũ tù. Dù sao thì dưới triều đại của vua Thiệu Trị người Công giáo cũng được dễ thở hơn trước.

10.1. Công nghị Gò Thi

Mặc dù con bách hại tạm lắng dịu nhưng không biết sẽ tái phát lúc nào và mạng sống của vị chủ chăn Giáo phận bị đe dọa trước hết,

⁴¹⁹ Xem JEAN THIÉBAUD, *Thánh Giám mục Thê. Étienne - Théodore Cuénot 1802-1861* (bản dịch Việt ngữ), Paris 1988, tr. 53-54.

nên Đức cha nghĩ đến việc chuẩn bị một người kế vị. Theo quyền Tòa Thánh ban, Đức cha chọn thừa sai Dominicô Lefèbvre làm Giám mục phó hiệu tòa Isauropolis.⁴²⁰

Tại Gò Thi, Đức cha Cuénot triệu tập Công nghị Giáo phận để thống nhất công việc mục vụ và truyền giáo trong toàn Giáo phận.⁴²¹ Công nghị diễn ra trong 3 ngày: ngày 05, ngày 06 và ngày 10.08.1841. Thành phần tham dự Công nghị gồm có Đức cha Cuénot, Đức cha phó Lefèbvre, cha Quyền đại diện Jean Claude Miche và 13 linh mục Việt Nam: cha Giacôbê Võ Văn



Đức Cha Étienne Théodore Cuénot Thê

Đang (Vĩnh Long), cha Anrê Nguyễn Hòa An (Thừa Thiên), cha Grêgôriô Nguyễn Văn Khâm (Biên Hòa), cha Emmanuel Nguyễn Quang Đăng (Bình Định), cha Gioan Baotixita Bùi Văn Ngôn (Quảng Trị), cha Phaolô Huỳnh Tấn Văn (Bình Định), cha Gioakim Lê Văn Tư (Phú Yên và Chàm),⁴²² cha Gioan Baotixita Nguyễn Văn Lãnh (Quảng Nghĩa), cha Tôma Phan Văn Tông (Phú Yên và Chàm), cha Anrê Nguyễn Phước Nguyên (Phú Yên và Chàm), cha Phaolô Đặng Văn Lợi (Phú Yên và Chàm), cha Giuse Trần Hữu Thanh (Bình Định) và cha Tãđêô Phan Văn Thận (Quảng Nam).

⁴²⁰ Theo cha Tardieu, trước Công nghị Gò Thi, cha Dominique Lefèbvre được bổ nhiệm làm Giám mục phó Giáo phận Đà Nẵng, nhưng chỉ được tấn phong sau Công nghị. Xem R.P. TARDIEU, *Hạnh Đức cha Thê*, sđđ., tr. 36, 42.

⁴²¹ Xem *Synodus Vicariatus Cochinchinensis, Cambodiensis et Ciampaensis habita in provincia Binh Dinh, anno 1841*, Typis Societatis Missionum ad Exteros, Hong Kong 1893.

⁴²² Vào thời điểm này vương quốc Chiêm Thành, thường gọi là Chàm, không còn nữa. Địa danh Chàm ở đây chắc theo kiểu nói thông dụng thời đó để chỉ phần đất từ Khánh Hòa đến Bình Thuận.

Công nghị thống nhất những qui định về việc chuẩn bị và cử hành các Bí tích, về cách sống, việc thường huấn, bổn phận giảng dạy và các phúc trình hàng năm của các linh mục. Công nghị đã diễn tiến tốt đẹp mà không gặp rắc rối gì, nhờ sự che chở của Chúa và lòng trung thành của các tín hữu. Sau khi bế mạc Công nghị, cũng tại Gò Thị, Đức cha Cuénot tấn phong Giám mục cho Đức cha Lefèbvre,⁴²³ sau đó mọi người từ giã nhau trở về nhiệm sở mình. Đức cha phó Lefèbvre trở lại miền Nam, đặt trụ sở tại Cái Nhum, nơi ngài đang làm việc. Hàng giáo sĩ của Giáo phận lúc ấy gồm 2 Giám mục, 7 thừa sai và 30 linh mục bản xứ. Số tín hữu khoảng 80.000, so với năm 1830 đã tăng thêm 15.000 người.

10.2. Những ưu tư mục vụ của Đức cha Cuénot

Công nghị Gò Thị cho thấy các ưu tư mục vụ của Đức cha Cuénot. Ưu tư hàng đầu của ngài là việc đào tạo hàng linh mục bản xứ, bắt đầu bằng việc đào tạo các chủng sinh. Kinh nghiệm cho thấy rằng cách thể hữu hiệu nhất để đạo được phát triển là tăng cường hàng ngũ linh mục bản xứ. Theo những căn dặn của Đức cha, các thừa sai Âu châu phải qui tụ chung quanh mình một số chủng sinh và dạy dỗ họ rồi gửi vào các nhà trường, tức chủng viện. Sau Công nghị Gò Thị, ngoài những chủng viện đã có ở phía Bắc và phía Nam của Giáo phận, Đức cha thiết lập thêm một trường tại Tùng Sơn, tỉnh Quảng Nam, một trường tại Mường Lỡ và một trường tại Làng Sông, tỉnh Bình Định.⁴²⁴ Ngoài ra ngài cũng chọn những người giỏi nhất để gửi đến tu học tại chủng viện Penang. Có thể nói Đức cha Cuénot là vị Giám mục đã gửi các chủng sinh đến chủng viện Penang nhiều nhất. Từ năm 1839 đến 1848, ngài đã gửi đi học tất cả 122 chủng sinh.

Cùng với các chủng sinh, ngài còn gửi sang Penang một thầy giáo Hán văn là Gioakim Đặng Đức Tuấn. Nhân một chuyến viếng thăm địa sở Gia Hựu, Đức cha nghĩ ý tìm một thầy giáo Hán văn cho chủng viện Penang, các chức việc liên giới thiệu cho ngài ông thầy giáo làng họ Đặng này. Ông là con trai của ông câu Lành ở làng Qui Hòa thuộc địa sở Gia Hựu.⁴²⁵ Năm Ất Dậu (1825) ông đi thi hương tại

⁴²³ Đức cha Dominique Lefèbvre sinh ngày 01.08.1810 tại Calvados (Pháp), thụ phong linh mục ngày 20.12.1834, qua đời ngày 30.04.1865 tại Marseille (Pháp).

⁴²⁴ Xem R.P. TARDIEU, *Hạnh Đức cha Thế, sđd.*, tr. 43.

⁴²⁵ Làng Qui Hòa nay là thôn Qui Thuận, xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

Thừa Thiên.⁴²⁶ Ngay từ trường nhất (kinh nghĩa) và trường nhì (chiếu, biểu, luật, dụ), ông đã đậu thủ khoa; nhưng vào trường ba (thơ, phú, văn sách), ông không đậu vì bị lạc đề do chép đề thi thiếu một chữ, từ đó ông trở về làng dạy học. Sau khi gặp Đức cha, ông vâng lời đi đến chủng viện Penang, khoảng năm 1846. Tại đây, ngoài giờ dạy Hán văn tại chủng viện, ông còn chăm chú học tiếng Pháp và tiếng Latinh. Thấy ông vừa có kiến thức vừa có tư cách đạo đức, cha giám đốc chủng viện gợi ý ông đi tu làm linh mục và ông đã đồng ý. Sau khi mãn chương trình chủng viện thầy đã thụ phong phó tế và trở về Việt Nam. Đức cha đã truyền chức linh mục cho thầy tại Gò Thị vào năm 1856 và sai đi làm việc mục vụ tại Tư Nghĩa (Quảng Nghĩa).

Trong thời gian làm Giám mục, Đức cha đã truyền chức linh mục cho 56 người, trong đó có Thánh Philipphê Phan Văn Minh thuộc Giáo phận Tây Đà Nẵng, do Đức Cha Lefèbvre giới thiệu. Nhưng chất lượng lại càng quan trọng hơn số lượng và việc đào tạo linh mục không kết thúc với những năm tu học tại chủng viện, mà còn phải tiếp sau ngày thụ phong. Vì vậy Đức cha luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ kiến thức và đạo đức cho hàng giáo sĩ. Ngài qui định các linh mục phải tĩnh tâm mỗi năm một lần. Trong dịp này, chính ngài nhắc nhở các linh mục về lễ nhạc, phụng vụ và những luật lệ trong Giáo phận. Mỗi năm ngài còn gửi đến các linh mục những bài học hỏi về tín lý và luân lý. Các cha sẽ viết bài và nộp lại cho ngài trong kỳ tĩnh tâm hàng năm. Chính Đức cha đọc, sửa chữa và gửi thư nhắn nhủ cho từng linh mục.

Đức cha cũng quan tâm đến việc đào tạo các thầy giảng và phân chia thành 3 hạng. Hạng ở tại chỗ là các ông trùm, câu, biện, với chức năng và nhiệm vụ như Hội đồng giáo xứ ngày nay. Hạng thứ hai là các thầy giảng lưu động, thường đi theo các thừa sai để giúp dạy giáo lý cho các bốn đạo. Hạng thứ ba gồm những thầy giảng có trình độ cao hơn, có khả năng tranh luận với lương dân về đạo lý.

Về Hội Dòng Mến Thánh Giá, Đức cha đã lập lại và tăng thêm các nhà phước để có thêm những nữ tu sống đời tận hiến cầu nguyện cho việc truyền giáo của Giáo phận, phụ giúp các linh mục trong việc đạo và dạy giáo lý, phục vụ tại các nhà chung, nhà trường, nhà mồ côi. Ngài thiết lập trong tỉnh Quảng Nam hai nhà: một tại Phú Thượng và

⁴²⁶ Năm 1813 vua Gia Long cho mở khoa thi hương tại Bình Định cho tất cả các sĩ tử trong vùng Quảng Nghĩa, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa. Từ năm 1821, các sĩ tử từ đèo Cả trở ra phải thi ở Thừa Thiên, đến năm 1850 triều đình cho lập trường thi ở Bình Định. Theo *Châu bản triều Nguyễn, triều Minh Mạng*, năm thứ 7, tập XX, tr. 129.

một tại Trà Kiệu, trong tỉnh Quảng Nghĩa hai nhà: một tại Phú Hòa và một tại Phường Chuối, trong tỉnh Bình Định hai nhà: một tại Gò Thị và một tại Thác Đá, trong tỉnh Phú Yên một nhà tại Phú Điền, trong tỉnh Khánh Hòa và Bình Thuận mỗi tỉnh một nhà, tại Chợ Mới và Dinh Thủy.⁴²⁷ Ở miền Nam, Đức cha phó Lefèbvre cũng thiết lập một nhà tại Cái Nhum. Các nữ tu thật dũng cảm và tận tình: các dì chia nhau từng hai người một đi vào các làng mạc phát thuốc cho bệnh nhân và rửa tội cho các trẻ ngoại nguy tử.

Ngoài ra, Đức cha Cuénot còn chủ trương củng cố đức tin của giáo dân bằng cách đào tạo họ thành những tông đồ truyền giáo. Đối với những người vì sợ hãi mà xuất giáo nay xin trở lại, Đức cha sẵn lòng đón nhận, chỉ xin họ nhận việc đền tội là cố gắng đưa một lương dân trở lại đạo. Đức cha làm thống kê hàng năm, loan tin họ đạo nào có nhiều tân tông hơn để các họ thi đua nhau làm việc tông đồ. Nhiều giáo dân sẵn lòng nhận nuôi những trẻ em ngoại giáo thuộc các gia đình để các em được nhập đạo. Nhiều khi chính cha mẹ của các em ấy cũng xin theo đạo vì thấy lòng bác ái của các tín hữu.

Một điểm đặc biệt nữa trong số các ưu tư của Đức cha Cuénot là kiên quyết mở mang việc truyền giáo đến các dân tộc thiểu số ở miền Tây Nguyên. Đây là một công việc rất khó khăn và nguy hiểm cần phải có những cuộc thăm dò trước. Đầu tiên ngài sai ông cả Ninh quê ở Quảng Nghĩa ra xứ Cam Lỗ để ướm thử việc truyền giáo cho người dân tộc ở đó, nhưng sự việc bất thành. Theo lệnh của Đức cha, tháng 02 năm 1842, một cuộc thăm dò khác được tổ chức xuất phát từ Phú Yên theo sự dẫn đường của ông cả Quờn quê ở họ đạo Măng Lãng. Các thừa sai Jean Claude Miche và Pierre Duclos (cố chính Mịch và cố Lộ) lấy lộ bồi mật, lợi dụng mấy ngày Tết để đi về phía các dãy núi phía Tây cùng với đoàn tùy tùng, cả thầy gồm 16 người. Đi được nửa đường thì bị phát hiện và bị bắt giải về Phú Yên, bị tra khảo dữ tợn. Hai tháng sau quan tha giáo dân về, nhưng ông cả Quờn bị án lưu và hai thừa sai bị giải về kinh tổng giam cùng với 3 thừa sai khác ở Đàng Ngoài chờ ngày xử trảm. May thay, đầu năm 1843 có một chiếc tàu của Pháp cập bến Cửa Hàn, quan chỉ huy tàu là Favin Lévêque đến triều đình can thiệp xin tha và hứa sẽ đưa các cha về Singapore.⁴²⁸ Vua Thiệu Trị bằng lòng giao các cha cho vị chỉ huy tàu và các cha được đưa về Singapore, từ đó hai cha sang Penang dạy các chủng sinh

⁴²⁷ Xem R.P. TARDIEU, *Hạnh Đức cha Thê, sđd.*, tr. 43.

⁴²⁸ Xem R.P. TARDIEU, *Hạnh Đức cha Thê, sđd.*, tr. 47-49; TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển II, *sđd.*, tr. 233.

hai năm rồi lén trở về Giáo phận. Sau lần thất bại ấy, Đức cha tiếp tục sai các cha tìm cách đi truyền giáo vùng Tây Nguyên, nhưng việc cũng không thành.

Tháng 03 năm 1844, Đức cha phó Lefèbvre bị bắt tại Cái Nhum, Định Tường, và bị giải về kinh. Khi tới Bình Định, Đức cha Cuénot sai người đến thăm và gửi cho ngài những đồ cần dùng, rồi cắt cử người đi theo cho đến Huế. Họ đạo Cái Nhum bị phá tan, hai người giáo dân là ông Định và ông Ngộ bị án liên can nên cũng bị bắt giam và chết rũ tù. Đức cha Lefèbvre bị các quan kết án tử hình, nhưng vua Thiệu Trị sợ trêu con giận của phương Tây nên chưa vội cho thi hành án. Đến mùa xuân năm 1845, nhờ sự can thiệp của thủy sư đô đốc người Pháp tên là Cécile, ngài đã được tha về.

10.3. Giáo phận Đà Nẵng được phân chia thành Tây Đà Nẵng Trong và Đông Đà Nẵng Trong

Giáo phận Đà Nẵng đã mở rộng về phương Nam theo đà Nam tiến của đất nước, ngoài ra còn bao gồm cả nước Cao Miên. Vì lãnh thổ quá dài và quá rộng, khó đi lại để làm việc mục vụ, nên theo lời thỉnh cầu của Đức cha Cuénot Thê, ngày 02.03.1844 Đức Giáo Hoàng Grêgôriô XVI đã ký tự sắc *Exponendum Nobis Curavit* chia đôi Giáo phận Đà Nẵng Trong và lập thành hai Giáo phận là Tây Đà Nẵng Trong và Đông Đà Nẵng Trong.⁴²⁹

Giáo phận Tây Đà Nẵng Trong gồm phần đất Nam kỳ Lục tỉnh và nước Cao Miên, được đặt dưới quyền cai quản của Đức cha Dominique Lefèbvre Ngãi với tư cách là Đại diện Tông tòa tiên khởi. Khi ấy Đức cha Lefèbvre đang làm việc ở miền Nam vừa bị bắt và giải về kinh. Năm 1845, sau khi được triều đình phóng thích, Đức cha mới về cai quản Giáo phận. Như vậy phần đất mà Giáo phận Đà Nẵng Trong đã có thêm được từ sau ngày thành lập năm 1659 nay đã trở thành một Giáo phận mới. Số tín hữu của Giáo phận mới được thành lập khoảng 23.000 người. Tòa Giám mục có lúc được đặt tại Lái Thiêu.

Giáo phận Đông Đà Nẵng Trong gồm phần đất còn lại của Giáo phận Đà Nẵng Trong, từ Bình Thuận đến Quảng Bình, vẫn do Đức cha Cuénot Thê cai quản, với tổng số tín hữu khoảng 52.000 người.

⁴²⁹ Bản gốc của tự sắc này được soạn thảo trên pergamena và không còn tại văn khố Tòa Thánh nữa, vì đã được gởi sang Giáo phận Đà Nẵng. Hiện nay tại Archivio Vaticano chỉ còn bản chép lại (trascrizione) trong sổ lưu trữ (registro dei brevi). Mã số của bản chép lại này là: Sec. Brev. 5042, ff. 27r-28v.



Bản đồ vương quốc Đại Nam năm 1844 (trích từ bản đồ vùng Viễn Ấn (Hinter Indien) của Carl Christian Franz (1788-1874)).

CHƯƠNG II

GIÁO PHẬN TÔNG TÒA ĐÔNG ĐÀNG TRONG (1844 - 1924)

Giáo phận Đông Đàng Trong vào năm 1844 gần như trùng khớp với phần đất của Giáo phận Đàng Trong khi mới được thành lập vào năm 1659. Điều này cho thấy tính kế thừa liên tục và đồng nhất giữa Giáo phận Đông Đàng Trong lúc này với Giáo phận Đàng Trong trước đây. Hơn nữa, tính liên tục ấy còn được khẳng định qua việc chính Đức cha Cuénot Thê là Giám mục Đại diện Tông tòa Giáo phận Đàng Trong trước đây, nay tiếp tục làm Giám mục Đại diện Tông tòa Giáo phận Đông Đàng Trong.

1. THỜI ĐỨC CHA CUÉNOT THÊ (tiếp theo)

Năm 1846, vì không chút nghi ngờ gì về việc phong thánh cho các vị tử đạo, Đức cha đã chuyển về chủng viện thừa sai Paris hải cốt của một số vị, như cha Gagelin Kính, cha Jaccard Phan, ông đội Bường và chủng sinh Tôma Thiện, bởi vì ngài thấy rằng không có chỗ nào khác bảo đảm hơn, để hải cốt của các vị khỏi bị xúc phạm sau khi được phong thánh. Cũng năm ấy, vào ngày 04 tháng 10, tại Gò Thị, Đức cha Cuénot đã tấn phong cha François Pellerin Phan làm Giám mục phó hiệu tòa Biblos.⁴³⁰

Sau hai lần can thiệp với triều đình Huế để cứu 5 thừa sai và Đức cha Lefèbvre khỏi bị án tử, năm 1847 khi được tin ở Huế không còn giáo sĩ bị giam giữ nữa, chính phủ Pháp cử đại tá De Lapierre và trung tá Rigault de Genouilly đem hai chiến thuyền vào Cửa Hàn yêu cầu triều đình bỏ những chỉ dụ cấm đạo và để cho người trong nước được tự do theo đạo Công giáo. Trong khi chờ đợi triều đình trả lời thì người Pháp nhận được mật thư cho biết vua Thiệu Trị có âm mưu mở tiệc khoản đãi các sĩ quan Pháp rồi thừa dịp đột nhập phóng hỏa, lại thấy thuyền của Việt Nam ra gần tàu của họ và thấy quân sĩ chuẩn bị đồn lũy trên bờ, nên sinh nghi liền nổ súng trước. Sau một giờ giao

⁴³⁰ Đức cha François Marie Pellerin sinh ngày 20.02.1813 tại Quimper (Pháp), thụ phong linh mục ngày 17.12.1836, qua đời ngày 13.09.1862 tại Penang (Malaysia).

tranh, các chiến thuyền của Việt Nam bị bắn chìm hết và quân Pháp đưa tàu ra khơi. Được tin thủy quân Việt Nam thua trận, vua Thiệu Trị tức giận vô cùng liền nhắc lại các chỉ dụ cấm đạo đã được ban hành, truyền bắt hết các giáo sĩ, giết hết người Tây phương trong nước và trừng phạt những người trong nước theo đạo.⁴³¹ Lúc ấy Đức cha Cuénot đang ở Gò Thị liền lánh vào Làng Sông, ẩn tạm tại nhà ông cả Quói. Sau một tháng Đức cha trở về Gò Thị, khi thấy tình hình không có gì nguy hiểm vì các quan cũng sợ người Pháp trở lại nên không dám thực hiện nghiêm ngặt lệnh cấm đạo.

Sau sự kiện ấy, vua Thiệu Trị có lẽ vì buồn và giận nên ngã bệnh và băng hà ngày 04.11.1847, khi mới được 37 tuổi sau khi làm vua được 7 năm. Con thứ là hoàng tử Hồng Nhậm lên kế vị lấy niên hiệu là Tự Đức khi mới 19 tuổi. Sau khi lên ngôi, nhà vua ban ân xá cho các tù nhân và những người bị án lưu đày trong đời tiên vương. Nhờ đó các tín hữu đang bị giam cầm và phát lưu cũng được tha về. Mọi người hy vọng rằng việc đạo sẽ được tự do hơn, vì vua Tự Đức vốn bản tính hiền lành, ôn hòa, nho nhã.

Ai ngờ chỉ một năm sau, tức năm 1848, vua Tự Đức đã ban hành chỉ dụ cấm đạo. Chỉ dụ truyền rằng những người ngoại quốc vào nước giảng đạo thì phải tội chết, những đạo trưởng bản xứ không chịu bỏ đạo thì phải khắc chữ vào mặt và bị lưu đày đến những nơi rừng thiêng nước độc, còn dân chúng thì các quan phải ngăn cấm, đừng để họ theo đạo mà bỏ thờ cúng ông bà cha mẹ, nhưng đừng giết họ. Trước tình hình ấy, Đức cha phải lo ẩn mình cách nghiêm ngặt hơn. Để tránh cơn bách hại, một số đông giáo dân từ Bình Định chạy vào Láng Mun, Phan Rang, lập thành giáo xứ Láng Mun, nay là giáo xứ Tân Hội của Giáo phận Nha Trang.

1.1. Thầy sáu Do mở đường truyền giáo Tây Nguyên

Tuy nhiên một điều đáng ngạc nhiên là trong thời điểm khó khăn nguy hiểm như thế, Đức cha lại cương quyết tiếp tục chương trình truyền giáo Tây Nguyên đang bỏ dở. Lần này ngài giao việc này cho thầy sáu Do là một người quê ở Đồng Hâu,⁴³² Bình Định, có tiếng là

⁴³¹ Xem TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển II, *sđđ.*, tr. 233-234.

⁴³² Họ đạo Đồng Hâu đã được các thừa sai Dòng Phanxicô đến loan báo Tin Mừng từ đầu thế kỷ XVIII. Đức cha Cuénot Thê đã ẩn trú tại nhà ông Nhon ở Đồng Hâu gần một năm trước khi vào Gò Thị. Ngày nay Đồng Hâu thuộc giáo xứ Gia Chiểu. Về mặt hành chánh, Đồng Hâu thuộc thôn Tân Thành, xã Ân Tường Đông, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

người mạnh mẽ, chững chàng, đầy mưu trí và nhân đức. Thầy đã từng theo học tại Penang 11 năm và trong thời kỳ bách hại đã tỏ ra can đảm và hoàn toàn phó thác cho Thiên Chúa. Vâng lệnh Đức cha, năm 1848 thầy sáu Do lên đường tới An Khê, xin làm bếp cho một người lái buôn ở An Sơn.⁴³³ Gặp người dân tộc, thầy hỏi han đường đi, quan sát địa hình và học tiếng của họ. Sáu tháng sau thầy trở về phúc trình mọi sự cho Đức cha. Đức cha lại sai thầy đi một lần nữa cùng với 4 chủng sinh trẻ tuổi. Lần này thầy đóng vai lái buôn và đi vào bộ lạc Hodrung. Nhưng có những tên thảo khấu chặn đường bắt thầy và cướp hành lý, khiến thầy phải chạy trốn và trở về tay không. Tuy nhiên lần này thầy đã có thêm kinh nghiệm và tìm ra một con đường mà các người đi buôn khác chưa hề biết đến, đó là con đường qua ngã Trạm Gò.⁴³⁴ Nhờ con đường mới này mà những tốp truyền giáo đầu tiên đã có thể đột nhập vào các buôn làng dân tộc. Đức cha nhờ ông Cả Ân thuộc họ Mương Lữ đem một số ít tín hữu đạo đức đến sống với người lương tại Trạm Gò để tạo lập nơi trú chân cho các vị truyền giáo khi lên xuống Tây Nguyên. Ngoài ra tại Bến Thuộc,⁴³⁵ Đức cha cho một số tín hữu đạo đức đến lập nghiệp để làm tiền trạm tiếp tế cho các đoàn truyền giáo lên xuống Tây Nguyên qua ngã Trạm Gò.

Cuối năm 1849 Đức cha sai cha Jean Combes và một ít thầy giúp việc đi theo thầy sáu Do lên Tây Nguyên. Khi tới gần Trạm Gò, một trận mưa như đổ trút xuống rừng già khiến đường sá trở nên lầy lội không sao tiến tới được, lại bị voi rừng tấn công, nên cha Combes sợ quá dẫn đoàn trở về Gò Thị. Đức cha quả trách nhưng cho nghỉ nửa tháng rồi phải lên đường trở lại. Nửa tháng sau đoàn người lại lên đường, lần này Đức cha sai thêm cha Charles Fontaine cùng với các thầy Thám, Bảo, Tài, Chính, Biểu, Bường, Tiễn và chú Phiên; chuyển

⁴³³ An Sơn nay thuộc An Khê. Lúc bấy giờ An Sơn thuộc vùng đất Tây Sơn Thượng của ấp Tây Sơn, là biên giới và cũng là trung tâm buôn bán giữa người kinh và người dân tộc. Tại An Sơn có con đường đi về hướng Tây dẫn đến bộ lạc Hodrung (Pleiku), từ đó có thể lên Kontum, Đakô đi sâu vào Hạ Lào, hoặc xuống phía Nam với các sắc dân Jrai, Rađê, M'nonng.

⁴³⁴ Trạm Gò là một nơi hẻo lánh về phía Tây Bắc An Sơn, cách thị trấn An Khê ngày nay khoảng trên 10 cây số. Đó là làng người kinh cuối cùng theo hướng này. Từ Gò Thị đến Trạm Gò đi hết ba ngày: hai ngày đi ghe ngược dòng sông Kôn và một ngày đi bộ. Xem P. DOURISBOURE, *Les Sauvages Bahnar*, Paris 1929. Bản dịch: *Dân Làng Hồ*, Nxb. Đà Nẵng 2008, tr. 23.

⁴³⁵ Bến Thuộc là một địa điểm sát bờ hữu ngạn sông Kôn, ngày nay là giáo họ Tân Thuộc, giáo xứ Kiên Ngãi.

đi lần này đã thành công. Các thừa sai sống giữa các anh em dân tộc, giảng dạy và chia sẻ cuộc sống thiếu thốn khổ cực của họ.

1.2. Thành lập Giáo phận Bắc Đàng Trong

Nỗ lực truyền giáo của Đức cha Cuénot và cộng đồng dân Chúa được tiếp sức hơn nữa trong năm 1850 là Năm thánh, Năm toàn xá, của Giáo Hội hoàn vũ. Chính trong khung cảnh Năm thánh này, ngày 27.08.1850, theo lời thỉnh cầu của Đức cha Cuénot, Đức Giáo Hoàng Piô IX ban hành Sắc chỉ *Postulat Apostolici* cắt phần đất phía Bắc Giáo phận Đông Đàng Trong, tức là hai phần ba tỉnh Quảng Bình và trọn hai tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, để lập thành Giáo phận Bắc Đàng Trong và giao cho Đức cha François Pellerin Phan cai quản. Phần còn lại của Giáo phận Đông Đàng Trong gồm 6 tỉnh từ Quảng Nam vào Bình Thuận và miền Tây Nguyên. Đức cha Pellerin đặt Tòa Giám mục tại Di Loan. Hàng giáo sĩ của Giáo phận Bắc Đàng Trong lúc ấy gồm có 2 thừa sai người Pháp, 12 linh mục Việt Nam với khoảng 24.000 tín hữu.

1.3. Thống kê về tình hình Giáo phận năm 1850

Theo báo cáo của Đức cha Cuénot gửi Thánh bộ Truyền giáo về tình hình Giáo phận năm 1850 sau khi chia tách Giáo phận Bắc Đàng Trong, các tín hữu Công giáo tính được 28.020 người trên tổng số dân 2.500.000 người và được phân bố trong 6 tỉnh như sau:⁴³⁶

- Trong tỉnh Quảng Nam có hai địa sở (*paroecia*)⁴³⁷ với 4.183 tín hữu:

⁴³⁶ Xem MISSION DE QUINHON, *Mémorial* N° 58, 31 Octobre 1909, tr. 149-154. Trong bảng liệt kê này trật tự địa lý không được đúng lắm, vì có họ đạo đáng lý thuộc địa sở này thì lại gán cho địa sở bên cạnh, nhất là tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Nghĩa và Phú Yên. Những họ đạo có tên in bằng chữ nghiêng là những họ đạo đã bị xóa tên trong cuộc bách hại 1858-1862 và 1885, hoặc vào năm 1909 không còn tên ấy nữa (xem ghi chú tr. 149-150).

⁴³⁷ Trong bản báo cáo này Đức cha Cuénot dùng chữ *paroecia*. Đây là một từ Latinh được dịch sang tiếng Việt là "địa sở" theo cách dùng trước kia tại miền Nam, hoặc "xứ đạo" theo cách dùng trước kia ở miền Bắc. Ngày nay cả hai miền đều gọi đó là "giáo xứ". Thực ra chữ *paroecia* chỉ được dùng tại nơi nào đã thành lập Hàng Giáo phẩm mà thôi. Do đó cách gọi của Đức cha ở đây cũng chỉ là một cách gọi tương đương, chứ không chính xác. Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 3, tháng 1 và 2 năm 1958, tr. 3.

1. Địa sở Bắc có 15 họ đạo: An Ngãi: 545, Phú Thượng: 365, Tân Ninh: 250, Tùng Sơn: 173, Hội Yên: 123, Thọ Đức: 39, Thạch Nham: 60, Cồn Soi: 59, Ngọc Kinh: 58, Phò Nam: 45, Bửu Sơn: 75, Đông Môn: 59, Kỳ Lam: 75, Phú Hạ: 50, Lộc Hòa: 38. Tổng cộng: 2.034 tín hữu (sic).⁴³⁸

2. Địa sở Nam có 14 họ đạo: Trà Kiệu: 772, Vân Đỏa: 275, An Sơn: 232, An Trường: 128, Phú Quý: 90, Thọ Sơn: 95, Tiên Đỏa: 112, Phước Lợi: 23, Phú Cường: 184, An Vi: 34, Chiêm Sơn: 9, Mỹ Xuyên: 68, Trường An: 16, Trà Dinh: 23. Tổng cộng: 2.149 tín hữu (sic).

- Trong tỉnh Quảng Nghĩa có 2 địa sở với 5.040 tín hữu:

1. Địa sở Bắc có 19 họ đạo: Thanh Cù (Cù Và): 394, Bàn Cờ: 91, Đông Đức: 151, Tân Lộc: 314, Chợ Mới: 91, Phước Thọ: 251, Thạch An: 222, Long Giang: 130, Vinh Thủy: 163, Chà Là: 206, Phú Hòa: 234, Đông Co: 172, Tây Xuân: 33, Phước Lộc: 193, Cây Tộp: 50, Cây Bông: 103, Đông Sâm: 193, Vạn Lộc: 442, Tân Mi: 62. Tổng cộng: 3.495 tín hữu.

2. Địa sở Nam có 10 họ đạo: Phước Lâm: 331, Châu Me: 120, An Hội: 196, Kỳ Thọ: 210, An Chỉ ngoài: 171, An Chỉ trong: 117, Phước Sơn: 43, Bàu Gốc: 286, Trà Câu: 56, Yên Thê: 28. Tổng cộng: 1.545 tín hữu (sic).

- Trong tỉnh Bình Định có 4 địa sở với 10.255 tín hữu:

1. Địa sở Bồng Sơn miền biển có 14 họ đạo: Kim Bồng: 155, Tân Quan: 114, Xoài: 544, Đồng Chu: 99, Cà Vàn: 15, Phú Sanh: 80, Gia Hựu: 824, Bến Đá: 345, Gò Lót: 75, Cây Sô: 70, Bàu Giêng: 228, Suối Ca: 52, Thiết Tràng: 134, Tân An: 127. Tổng cộng: 2.862 tín hữu.

2. Địa sở Bồng Sơn miền núi có 15 họ đạo: Đồng Hâu đông: 354, Đồng Hâu tây: 246, Đồng Đô: 213, Ngãi Điền: 139, Đồng Quả nam: 103, Đồng Quả tây: 81, Đồng Quả bắc: 64, Đồng Quả đông: 60, Đồng Quả hạ: 50, Truong Ôi: 69, Đồng Dài: 233, Đại Bình: 84, Thác Đá: 331, Bình Phú: 212, Tây Phú: 134. Tổng cộng: 2.373 tín hữu.

3. Địa sở Phù Ly có 18 họ đạo: Mương Lữ: 230, Nước Nhì: 142, Gò Đồng: 100, Suối Nổ đông: 92, Suối Nổ tây: 90, Truong Dốc: 78, Suối Lâm: 78, Gò Mít: 72, Gò Vàng: 43, Cây Ké: 40, Bình Tây: 21,

⁴³⁸ Những con số có ghi chữ (sic) có nghĩa là những số được ghi lại đúng như bản báo cáo năm 1850 của Đức cha Cuénót, cho dù không đúng cách chính xác với tổng số các tín hữu của các họ đạo được ghi ở trên.

Tân Thuộc: 128, Kì Bương: 164, Sông Cạn: 130, Cù Lâm: 28, Gò Găng: 95, *Thơ Linh* : 61, Chợ Mới: 115. Tổng cộng: 1.707 tín hữu.

4. Địa sở Tam Thuộc có 17 họ đạo: Đại An: 71, Tân Hội: 98, *Nước Mặn*⁴³⁹: 44, Xóm Bắc: 327, Xóm Nam: 280, Vườn Vông: 50, Mĩ Cang: 78, Gò Thị: 750, Gò Dài: 442, *Quán Ngỗng*⁴⁴⁰: 83, *Kẻ Thử*⁴⁴¹ : 45, Diêm Điền: 193, Xóm Quán: 244, Làng Sông: 265, Cây Da: 128, Sông Cát: 175, Hội Lộc: 40. Tổng cộng: 3.313 tín hữu.

- Trong tỉnh Phú Yên có 2 địa sở với 6.001 tín hữu:

1. Địa sở Bắc có 21 họ đạo: Chợ Mới: 423, Đồng Cháy: 243, Lò Giáy: 303, *Bến Buôn* : 282, Tân Hội: 367, Diêm Điền: 230, Măng Lăng: 154, *Triều Phước*: 195, Đồng Tre: 225, *Trung Mi*: 152, Thầy Đông: 65, Tân Lập: 83, *Bình Sơn*: 150, *An Sơn*: 148, *Hội Sơn*: 151, *Soi Nhan*: 89, *Sơn Thương*: 88, *Đông Thô*: 72, *An Vinh*: 52, *Phụng Sơn*: 28, *Xóm Vườn*: 37. Tổng cộng: 3.537 tín hữu.

2. Địa sở Nam có 14 họ đạo: Hoa Vông: 165, Phú Cốc: 311, Hóc Gáo: 288, Quán Cau: 194, Phú Điền: 196, Suối Môn: 168, *Triều Thủy*: 137, *An Hòa*: 123, *Hào Giang*: 83, Hoa Châu: 79, Cây Me: 79, *Trang Sơn*: 54, *Đông Ngang*: 51, *Tân Mi*: 50. Tổng cộng: 2.464 tín hữu.

⁴³⁹ Nước Mặn có thể được coi như địa sở đầu tiên trong toàn Giáo phận Đà Nẵng, vì đã thành hình từ tháng 07 năm 1618. Tuy nhiên qua thời gian nó đã ngày càng lui tàn. Trước năm 1750 nó có khoảng 100 tín hữu, đến năm 1850 chỉ còn 44 tín hữu và đã nhường chỗ cho những đứa con gái từ nó sinh ra là các họ đạo Xóm Nam, Xóm Bắc, Vĩnh Minh, Vĩnh Thanh. Thậm chí năm 1942 chỉ còn một gia đình và được sáp nhập vào họ đạo Vĩnh Minh. Xem MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1941 à Septembre 1942, sdd.*, tr. 36.

⁴⁴⁰ Họ đạo Quán Ngỗng sau này đổi tên thành Gia Phước, thuộc địa sở lúc đầu có tên là Phương Phi sau đó đổi tên thành Hòa Bình, tức Xóm Chuối. Xem MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1941 à Septembre 1942, sdd.*, tr. 14-15.

⁴⁴¹ Kẻ Thử vốn là tên gọi của họ đạo đã có từ lâu theo địa danh của miền ấy. Sau năm 1885, họ đạo Kẻ Thử được đổi tên thành Phương Phi theo địa danh của làng Phương Phi, để phân biệt với những họ đạo khác mới được thành lập vào thời ấy trong miền Kẻ Thử. Phương Phi có một thời là họ đạo chính vì có nhiều giáo dân và cũng là tên gọi của một địa sở. Dưới các triều vua Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức, các chủng sinh được gửi đi học ở Penang không thể xuống tàu ở cửa Giã, tức cửa Thị Nại hay Qui Nhơn sau này, vì ở đó có sự kiểm soát nghiêm ngặt, nên phải xuống tàu ở Kẻ Thử. Cũng chính tại Kẻ Thử mà các thừa sai Pháp và các linh mục Việt từ miền trong ra hay từ miền ngoài vô để gặp Đức cha tại Gò Thị thường cập bến ở đó. Xem MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1941 à Septembre 1942, sdd.*, tr. 13-14, 16.

- Trong tỉnh Khánh Hòa có một địa sở gồm 11 họ đạo và 1.498 tín hữu:

Đại an (Điền): 168, Bình Cang: 212, Hoa Vông: 147, Hà Dừa: 328, Ma Gai: 51, Đồng Dài: 37, Lâm thoàn: 201, Xóm Côn: 67, Cây Ké: 45, Dinh Bình hoa: 207, Quán đông nai: 35.

- Trong tỉnh Bình Thuận có một địa sở gồm 9 họ đạo và 1.043 tín hữu:

Láng Mun: 218, Mai Nương: 87, Dinh Thủy: 213⁴⁴², Xóm Gò: 150, Sông Luy: 35, Chợ Mai: 86, Xoài Mộc trên: 59, Xoài Mộc dưới: 85, Tâm Hưng: 110.

1.4. Vua Tự Đức và chiếu chỉ cấm đạo năm 1854

Cũng trong năm 1850 cả nước phải nạn đại dịch hoành hành dữ dội, số người chết lên đến gần triệu người. Các quan đều ẩn trốn trong nhà, đóng cửa kín vì sợ lây dịch, không còn ráo rết bắt đạo. Người Công giáo được đi lại tự do và có thể tụ tập cử hành phụng vụ. Người ngoại giáo hoảng hốt nài xin họ đến giúp chôn kẻ chết. Trong hoàn cảnh ấy và với tinh thần của Năm thánh, các linh mục kể cả các thừa sai nước ngoài công khai xuất hiện bên cạnh giáo dân, giúp mọi người an cần sốt sắng, thi đua nhau làm việc lành phúc đức để hưởng ơn toàn xá, như thăm viếng kẻ liệt, nhận nuôi trẻ mồ côi, chôn xác kẻ chết cả giáo lẫn lương. Giáo phận thu đạt những kết quả trông thấy: nhiều người xin nhập đạo, nhiều người bỏ đạo xin trở lại. Tất cả giáo dân đều biết lợi dụng Năm toàn xá để trở nên đạo đức hơn, mạnh tin hơn, như chuẩn bị đón nhận một cuộc bách hại chưa từng có trong lịch sử.

Quả thế, trong khi cơn dịch chưa chấm dứt, ngày 07.03.1851 vua Tự Đức gửi một mật dụ đến các quan tỉnh, truyền truy bắt và giết hết các đạo trưởng và những kẻ chứa chấp. Tuy nhiên vì cơn dịch vẫn còn nên các quan chưa dám ra mặt thi hành mật dụ. Đến khi nạn dịch chấm dứt, cơn bách hại mới thực sự được thi hành trên khắp cả nước. Mật dụ này đặc biệt nhắm đến các đạo trưởng, nên Đức cha và các thừa sai, kể cả các linh mục Việt Nam đều phải rút lui vào bóng tối, chỉ còn trông cậy vào các tông đồ giáo dân.

⁴⁴² Khoảng năm 1664, một nhóm quân nhân có đạo từ Quảng Nghĩa, Qui Nhơn, Phú Yên, tham gia trong đoàn quân của chúa Nguyễn để đi đánh Chiêm Thành. Sau đó họ ở lại vùng đất mới chiếm đóng và lập thành một xóm đạo tại Dinh Thủy.

Tuy nhiên trên Tây Nguyên tình hình dễ thở hơn. Tháng 10 năm 1850 thầy sáu Do về Gò Thị tường trình với Đức cha về tình hình truyền giáo tại Tây Nguyên. Đức cha bổ sung cho đoàn truyền giáo tại đây hai thừa sai nữa là cha Jean Dégouts 45 tuổi, đang làm việc mục vụ tại Quảng Nghĩa và cha Pierre Dourisboure (cố Ân) 25 tuổi vừa mới tới Giáo phận được 3 tháng.⁴⁴³ Sau khi khai hoang các rừng thưa, các thừa sai và thầy sáu Do chia nhau đi đến với các bộ lạc Bahnar, Jrai, Sôđăng, Rơ Ngao... Năm 1852 khi được báo cáo tình hình của miền truyền giáo Tây Nguyên, Đức cha viết thư cho các thừa sai tại Tây Nguyên và phân công như sau: cha Combes làm Bề trên miền truyền giáo Tây Nguyên và ở tại Kon Koxâm, chính cha đã biên soạn quyền giáo lý đầu tiên bằng tiếng Bahnar; cha Dégouts và thầy sáu Do ở tại làng Breng (Rohai), cha Dourisboure phụ trách dân tộc Sôđăng và ở tại Kontrang, cha Fontaine phụ trách dân tộc Jrai và ở tại Pleichur.

Giữa năm 1852, Đức cha gọi thầy sáu Do về để chuẩn bị thụ phong linh mục. Ngài điều thêm cha Arnoux lên giúp cha Dourisboure. Một năm sau, tức tháng 07 năm 1853, thầy sáu Do được Đức cha truyền chức linh mục và sai trở lại Tây Nguyên. Lúc đầu cha tìm cách chuộc lại những người dân tộc bị bán làm nô lệ, cất nhà cho họ tại một nơi riêng, dạy họ cách làm ăn và giữ đạo. Ngài còn tổ chức định cư định canh cho đồng bào dân tộc, khẩn hoang, qui hoạch ruộng rẫy, sản xuất các loại nông sản. Cha thành lập nông trường Kontum, tiền thân của họ đạo Kontum sau này, sau đó lần lượt các nông trường khác cũng xuất hiện như Dak-Kia, Kon Monei... Song song với việc tổ chức đời sống vật chất cho dân, cha còn xây dựng các nhà thờ. Nhà thờ tạm đầu tiên được cha xây dựng tại Rohai năm 1853.⁴⁴⁴ Cha Do bản tính hiền lành, rất thương yêu người dân tộc, nên dễ dàng được các già làng kết nghĩa, khiến cho công việc truyền giáo tại Tây Nguyên được thuận lợi. Bên cạnh các linh mục, còn có một số khá lớn các nữ tu Mến Thánh Giá được Đức cha Cuénôt cũng gửi lên Tây Nguyên để chăm sóc các phụ nữ dân tộc và các nữ tu đã thi hành nhiệm vụ một cách rất nhiệt tình.⁴⁴⁵

⁴⁴³ Xem R.P. TARDIEU, *Hạnh Đức cha Thê, sđd.*, tr. 55-58.

⁴⁴⁴ Vị trí ngày nay là nhà thờ Tân Hương, 92 Nguyễn Huệ, thành phố Kontum.

⁴⁴⁵ Trong thư đề ngày 17.02.1851 gửi cho em gái là một nữ tu tên Dauphine đang làm việc tại nhà Tĩnh tâm, Đức cha Cuénôt viết: "Ở trong Giáo phận của anh có tất cả là 400 di Mến Thánh Giá chia làm 15 nhà. Họ không được ai chăm sóc cả và không có được đủ 1/50 những phương tiện mà anh em có ở nhà Tĩnh tâm. Anh đã

Ngày 18.09.1854, vua Tự Đức ban hành một sắc chỉ bách hại nặng nề và gay gắt hơn, truyền lùng bắt cả các thầy giảng và các chức việc, là những tông đồ giáo dân nòng cốt. Quan tổng đốc Bình Định lúc bấy giờ là Vương Hữu Quang không có thiện cảm với đạo. Ông cho người thám thính Gò Thị để bắt Đức cha. Thấy vậy Đức cha tạm lánh ra ở nhà bà Lưu tại Gò Bồi hơn một tuần. Thấy không yên, ngài dời sang nhà bà tám Cang, rồi đến nhà ông ba Tôn ở họ Xóm Nam hơn một tháng. Tại đây ngài phong chức linh mục cho cha Cảnh và cha Danh. Sau đó ngài lên về Gò Thị xem tình hình, nhưng thấy không ổn vì cả vùng này thuộc xứ Tam Thuộc gần tỉnh thành rất nguy hiểm, nên ngài quyết định ẩn trốn ở một nơi xa xôi hơn. Vì vậy ngài đã xuống ghe tại Kê Thử để đi ra Gia Hựu. Ngài ẩn mình trong một chiếc chòi nhỏ cùng với một vài chủng sinh tại khuôn viên nhà các nữ tu Mến Thánh Giá. Trong khoảng hai năm rưỡi ẩn náu tại đây ngài đã phong chức linh mục cho các cha Tư, Hân, Bảo, Điều và Mão.

Mặc dù lệnh cấm đạo rất ngặt, nhưng trong thời gian này Đức cha để cha Quyền đại diện Herrengt Nhơn ở lại Gia Hựu, còn ngài âm thầm đi thăm giáo dân các nơi. Ngài xuống thuyền vào tỉnh Phú Yên, trước tiên ngài tới Hoa Vông, Định Chí, Chợ Mới, dọc đường ngài ghé họ Quán Cau. Tiếp đến ngài đi Phú Cốc và ở đó một tuần thì bị bệnh nặng nên phải trở về Hoa Vông. Khi con bệnh thuyên giảm các cha xin ngài về lại Gia Hựu dưỡng bệnh.

Trong thời gian Đức cha đi trốn và lên đi thăm giáo dân các nơi, quan tổng đốc Bình Định đã bắt được ông năm Thuông và ông bảy Lượng ở Gò Thị, ông xã Khoa ở Gò Dài, ông hương Linh ở Làng Sông, ông hương Ân ở Muong Lỡ, ông hương Quảng ở Đòng Dài. Tất cả đều chẳng chịu xuất giáo nên bị lưu đày. Trong nhóm chứng nhân đức tin này, nổi bật nhất là ông năm Thuông, tức thánh trùm cả Anrê Nguyễn Kim Thông tử đạo.

1.5. Cuộc tử đạo của Trùm cả Anrê Nguyễn Kim Thông

Là chủ một gia đình khá giả đạo đức tại họ đạo Gò Thị, ngài đã tận tình giáo dục con cái trong đức tin và trong nhiệt tình truyền giáo. Ngài đã hiến dâng cho Giáo Hội một linh mục là cha Giuse Nguyễn Kim Thủ tử đạo và nữ tu Anna Nguyễn Thị Nhường, Dòng Mến Thánh Giá. Đối với bà con làng xóm, ngài là người có uy tín, có lòng

thương người, được mọi người yêu thương và kính trọng. Đối với xã hội và đất nước, ngài là người có công khai khẩn đất hoang từ "hải khẩu cho đến sơn đầu", tức là từ đầm Thị Nại ở phía Đông đến núi Kỳ Sơn ở phía Tây. Vì thế ngài được vua Tự Đức khen và ban thếp vàng "Cần nông Nguyễn Kim Thông". Đối với Hội Thánh, ngài là một tín hữu đạo đức, một tông đồ nhiệt thành, một cộng tác viên khôn ngoan, vì thế ngài đã được Đức cha Cuénót đặt làm trùm cả Bình Định. Với tư cách đó ngài đã trợ giúp Đức cha trong việc mục vụ và truyền giáo cách tận tụy, không quản ngại hy sinh sức khỏe, thời giờ và tiền bạc. Có thể nói, một phần chính nhờ sự hy sinh và khôn khéo của ngài mà Đức cha có thể cai quản Giáo phận cách bình yên và phát triển trong suốt một thời gian rất dài giữa thời cấm cách. Do tư cách đạo đức, ngài trở thành người có uy tín đối với tất cả mọi người không phân biệt lương giáo, nhờ đó việc mở mang Nước Chúa gặp được điều kiện thuận lợi.



Trùm cả Anrê Nguyễn Kim Thông

Vì bị ngài quả phạt để sửa dạy những thói hư tật xấu, một người cháu tên là Bảy Út đã đâm ra oán giận nên làm đơn tố cáo với quan trên rằng ngài đang chứa chấp Tây dương đạo trưởng và mua sắm thuyền bè giúp Tây xâm lược nước ta. Sau khi tra xét, quan thấy những lời tố cáo ấy không đúng sự thật nên định tha về. Nhưng biết ngài là người Công giáo, quan truyền cho ngài bước qua thập giá theo lệnh nhà vua để được tha, nhưng ngài đã khăng khái trả lời: "Thánh giá tôi kính thờ, tôi thà chịu chết chứ không làm việc quái gở ấy". Quan tỉnh vốn quen biết ngài từ trước và muốn cứu ngài nên nói nhỏ với ngài rằng: "Ông cứ bước qua thập giá đi, ở đây chỉ có ông và tôi biết thôi, rồi khi được tha về ông đi xưng tội là xong". Thế nhưng ngài đã trả lời cách khôn ngoan như sau: "Thạch tín là thuốc độc, uống vào thì chết, nhưng cũng có thuốc giải. Tuy nhiên, không ai liều lĩnh uống thạch tín. Việc chối đạo cũng thế. Tôi nhất định dù có chết cũng không bỏ đạo".

Sau 3 tháng tù, ngài nhận được án lệnh phát lưu vào Vĩnh Long. Con cháu ngài dự tính bỏ tiền ra vận động xin giảm án, nhưng ngài khuyên can: "Các con cứ để thánh ý Chúa được thể hiện". Ngài phải mang gông xiềng lên đường lưu đầy cùng với 4 giáo dân khác. Đi được vài ba ngày, lính thấy ngài đuối sức sợ đi không tới nơi nên đã tháo gông xiềng cho ngài. Khi đi ngang qua tỉnh Bình Thuận, ngài may mắn gặp được con ngài là linh mục Giuse Nguyễn Kim Thủ và xin xưng tội. Đến Chợ Quán, thấy tình trạng sức khỏe của ngài quá tồi tệ nên cha Đước đã đến ban phép xức dầu cho ngài. Khi vừa đặt chân đến Định Tường (Mỹ Tho), ngài đã trút hơi thở cuối cùng. Hôm đó là ngày 15.07.1855. Năm 1857, con ngài là cha Thủ và con cháu đưa hài cốt ngài về chôn cất tại Gò Thị. Năm 1909 khi ngài được tôn phong Chân phước, hài cốt ngài được đặt dưới bàn thờ chính của nhà thờ Gò Thị. Hiện nay hài cốt ngài được đặt tại nhà nguyện Tòa Giám mục Qui Nhơn.

1.6. Cuộc bách hại tiếp tục gia tăng

Sau khi trốn lánh và dưỡng bệnh ở Gia Hựu, năm 1855 Đức cha trở về Gò Thị, trên đường về ngài ghé thăm Thác Đá, Đồng Hâu, Đồng Quả, chủng viện Mương Lữ và Đại An. Từ khi về Gò Thị, mặc dù vẫn trốn tránh, nhưng Đức cha vẫn lo dạy các thầy thần học và phong chức linh mục cho họ, gồm các cha Lợi, Khương, Trinh, Trang, Bửu, Sự, Truyền và Vĩnh. Đức cha sợ mình có thể bị bắt giết bất cứ lúc nào nên ngài đã xin Tòa Thánh bổ nhiệm thừa sai Combes đang làm Bề trên miền Tây Nguyên làm Giám mục phó. Vậy năm 1857 Đức cha gọi cha Combes về Gò Thị để tấn phong Giám mục cho ngài, nhưng rủi thay cha đã bị sốt rét và qua đời nên sự việc bất thành. Cha Dourisboure Ân được đặt làm Bề trên miền Tây Nguyên thay cha Combes và chính ngài sẽ làm cho miền truyền giáo này trở nên vững mạnh và đông đúc. Đức cha lại chọn một linh mục Việt Nam làm Giám mục phó, đó là cha Hiền đang làm mục vụ tại Phú Yên, nhưng sự việc bất thành vì cha Hiền cũng sớm qua đời.⁴⁴⁶

Theo sử gia Trần Trọng Kim, những tin tức về cuộc bách hại đạo Công giáo và sát hại các giáo sĩ tại Việt Nam được truyền về Tây phương khiến lòng người náo động cả lên, nên nước Pháp mới dùng binh lực để báo thù cho những giáo sĩ bị bách hại. Đầu tiên, vào năm 1856 chính phủ Pháp cử ông Leheur de Ville-sur-Arc đem chiến

⁴⁴⁶ Xem R.P. TARDIEU, *Hạnh Đức cha Thế, sdd.*, tr. 71.

thuyền Catinat vào cửa Đà Nẵng⁴⁴⁷ rồi gửi thư trách triều đình Việt Nam về việc giết đạo, nhưng không thấy trả lời, quân Pháp liền bắn phá các đồn lũy ở Đà Nẵng rồi bỏ đi. Nhân tiện Đức cha Pellerin trốn được xuống tàu về Pháp bệ kiến Pháp hoàng và kể rõ tình cảnh các thừa sai tại Việt Nam. Sang năm 1857, đại sứ toàn quyền De Montigny được Pháp hoàng Napoléon III phái tới cửa Đà Nẵng, đệ trình lên triều đình một văn thư, xin cho người Pháp được tự do ra vào thông thương, đặt lãnh sự ở Huế, mở cửa hàng buôn bán ở Đà Nẵng và cho giáo sĩ được tự do giảng đạo. Nhưng triều đình không chấp thuận điều nào cả.⁴⁴⁸ Đã vậy, Tự Đức còn ban hành thêm một chiếu chỉ cấm đạo khác vào ngày 07.06.1857.

Việc cấm đạo và ngược đãi các giáo sĩ ngoại quốc trong đó có các thừa sai người Tây Ban Nha đã nên cớ cho quân đội Pháp và Tây Ban Nha đánh chiếm đồn An Hải và đồn Tôn Hải ở Đà Nẵng năm 1858, rồi chiếm Gia Định vào năm 1859. Sử gia Trần Trọng Kim đã nhận định: "Sức đã không đủ giữ nước mà lại cứ làm điều tàn ác. Đã không cho người ngoại quốc vào buôn bán, lại đem làm tội những người đi giảng đạo, bởi thế cho nên nước Pháp và nước I-pha-nho mới nhân cớ ấy mà đánh nước ta vậy".⁴⁴⁹

Việc đánh chiếm này khiến vua Tự Đức càng thêm tức giận và cũng từ đây cuộc bách hại trở nên khốc liệt ở miền Trung và miền Nam. Nhà vua truyền bắt các ông đầu mục trong các họ đạo đưa về giam tại tỉnh hay đưa đi lưu đày. Lúc này Đức cha đang ở Gò Thị và

⁴⁴⁷ Đà là sông, *nặng* là già, theo tiếng Chăm. Người Việt xưa gọi là *Cửa Hàn*, tức là cửa sông Hàn. Người Hoa gọi là *Hiếu Cảng*, tức là cảng tốt lành. Người Pháp gọi là *Tourane*. Có mấy giả thuyết về cách gọi này của người Pháp: 1) *Tourane* là kết hợp giữa *tour* và *âne*, chữ *tour* trong tiếng Pháp có nghĩa là tháp, có ý nói về tháp hải đăng đặt trên hòn Tiên Sa; chữ *âne* trong tiếng Pháp có nghĩa là con lừa, vì bán đảo Tiên Sa được gọi là núi con lừa, có hình dạng giống đầu con lừa. Như vậy *Tourane* có nghĩa là *Tháp núi con lừa*. 2) *Tourane* có nghĩa là *Tháp sông Hàn*, chữ *tháp* trong tiếng Việt đồng nghĩa với chữ *tour* trong tiếng Pháp, còn chữ *Hàn* trong tiếng Việt được người Pháp đọc giống như chữ *âne* trong tiếng Pháp. Trong thời kỳ Pháp thuộc, Đà Nẵng là nhượng địa của Pháp theo hòa ước Giáp Thân 1884. Sau cách mạng tháng 08 năm 1945, được đổi tên là thành phố Thái Phiên. Từ năm 1947 khi Pháp chiếm lại Đà Nẵng cho đến thời Việt Nam Cộng Hòa, Đà Nẵng được lập thành thị xã có thị trường riêng, tách khỏi tỉnh Quảng Nam. Sau năm 1975 Đà Nẵng lại được sáp nhập với tỉnh Quảng Nam làm thành một tỉnh có tên là Quảng Nam Đà Nẵng và tỉnh lỵ di chuyển từ Hội An ra Đà Nẵng. Ngày nay Đà Nẵng lại tách khỏi tỉnh Quảng Nam và là thành phố thuộc trung ương.

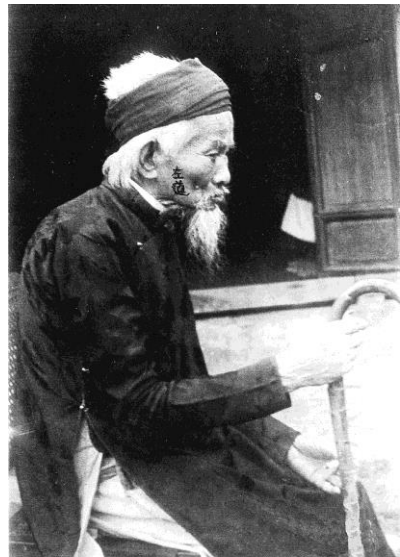
⁴⁴⁸ Xem TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển II, *sdd.*, tr. 254.

⁴⁴⁹ *Sdd.*, tr. 242.

luôn sống trong sự đề cao cảnh giác, vì quan sai người đi tuần tra những xóm có đạo. Đã hai lần có kẻ báo tin lầm cho ngài rằng: "Quan quân tới vây bắt Đức cha, các thầy và các chú tại Gò Thị". Thế là Đức cha phải trốn lắm nhiều lần. Cha Bê trên Herrenrgt ở Gia Hựu và cha Roy ở Thác Đá cũng phải chạy trốn đôi ba lần như thế. Hơn nữa, nhiều linh mục ở các địa phương không biết chạy trốn đi đâu, nên chạy về Bình Định cùng trốn với Đức cha, khiến cho Đức cha càng khó lẩn trốn hơn nữa.

Cũng năm 1859, cha Chung, thầy Trinh, chú Bảo và 6 giáo dân bị bắt tại họ Phú Cốc, tỉnh Phú Yên. Các quan ở Phú Yên làm án rồi giải nạp cho quan tổng đốc Bình Định, vì vào thời điểm ấy cho đến năm 1863 quan tổng đốc Bình Định kiêm luôn tỉnh Phú Yên, gọi là Bình Phú tổng đốc. Ngày 23 tháng chạp, cha Chung, thầy Trinh và chú Bảo bị đem ra xử trảm tại Gò Chàm, Bình Định. Đức cha sai cha Sự và một thầy lo chôn cất ba người tại gò ấy. Về phần 6 giáo dân thì 4 người bị xử trảm ngày 17 tháng 10 năm sau, đó là ông Hứa, ông Nam, ông Giáo và ông Tận, còn lại hai người sau này được tha về. Tại Quảng Nghĩa, ông cả Bảy họ Trà Câu và ông cả Sáu họ Chợ Mới phải chết trong ngục, còn 20 người khác bị lưu đầy lên rừng thiêng nước độc.

Ngày 05.08.1861, vua Tự Đức còn ban hành chiếu chỉ "phân sáp" đưa cuộc bách hại lên đến mức độ cực kỳ tàn nhẫn và vô nhân đạo, tạo ra một thời tử nạn với những chuỗi ngày đen tối đau thương nhất cho Giáo Hội tại Việt Nam. Chiếu chỉ truyền triệt hạ các làng Công giáo, bắt giáo dân phải sáp nhập vào các làng ngoại giáo và mỗi người Công giáo phải chịu sự canh giữ quản thúc của 5 người bên lương. Tất cả ruộng nương vườn đất của người Công giáo đều phải bị phân chia cho lương dân để họ canh tác và nộp thuế cho triều đình. Hơn nữa mỗi tín hữu phải bị thích tự vào má: một bên là chữ "tả đạo", một bên là tên làng xã của người ấy. Đang khi khắp nơi người ngoại giáo chia nhau của cải, điền địa, thì người Công giáo từng ngàn từng vạn kéo nhau trốn chạy lên rừng núi hoặc



HAI CHỮ "TẢ ĐẠO" ĐƯỢC KHẮC TRÊN MÁ
MỘT GIÁO DÂN KHI CHIẾU CHỈ PHÂN SÁP
(1861) ĐƯỢC THI HÀNH
(Nguồn Archives MEP.)

chui rúc dưới thuyền, nếu không sẽ bị gia đình tan nát, cha mẹ lìa con, vợ lìa chồng. Máu tử đạo chảy nhiều nhất trong thời này, trong Nam cũng như ngoài Bắc.

1.7. Cuộc tử đạo của Đức cha Cuénot Thê và nhiều tín hữu

Tình hình ngày càng trở nên nguy hiểm, ngày 21.08.1861 cha Bê trên Herrengt và cha Roy theo lệnh Đức cha đưa hai cha già Việt Nam và 12 chủng sinh đang ở huyện Bồng Sơn trốn ra biển rồi xuống thuyền vào Sài Gòn. Khi thuyền đi ngang qua vùng Tam Thuộc, cha Bê trên sai người lên Gò Thị nài xin Đức cha cùng trốn vào Sài Gòn luôn để khỏi nguy hiểm đến tính mạng. Nhưng Đức cha trả lời cách cương quyết rằng ngài chỉ trốn trong Giáo phận mà thôi.

Sau đó ít ngày, ngài ra phía ngoài xóm Gò Thị, tạm ẩn tại nhà ông Tri rồi sang nhà ông hương Tiêu và ở lại đó 16 ngày. Ngày 21 tháng 10 cha Sự và thầy sáu Khoa đưa ngài từ Gò Thị ra Gò Bồi cùng với hai chủng sinh là thầy Tuyên và chú Nghiêm, cả ba ẩn trốn tại nhà bà Huỳnh Thị Lưu, vì binh lính không có thói quen lục soát nhà một phụ nữ đơn chiếc. Chúa nhật ngày 27 tháng 10 khi Đức cha vừa dâng thánh lễ xong thì lính bao vây nhà, nên ngài cùng với hai chủng sinh vội vàng trốn vào lùm lúa, không kịp dọn cất đồ lễ. Bà Lưu bị tra tấn nhưng không khai nơi trú ẩn của Đức cha. Sau hai ngày một đêm không ăn không uống và thấy quan quân không chịu rút đi, Đức cha đành phải ra nộp mình cho quân lính. Chúng nhốt ngài trong một chiếc cũi và giải về thành Bình Định,⁴⁵⁰ đi ngang qua Nước Mặn. Lúc ấy trời đang mưa lụt nên toàn thân ngài bị ướt sũng. Tại Bình Định, sau khi bị hỏi cung ngài bị tổng giam vào ngục và bắt đầu ngã bệnh. Bệnh kiệt lực làm cho ngài bị yếu sức mau chóng.

Đêm 14.11.1861 ngài âm thầm trút hơi thở trong ngục, một ngày trước khi bản án xử tử từ Huế gửi vào đến nơi. Sáng hôm sau, khi khám phá ra ngài đã chết, các quan không chém đầu nhưng truyền lấy chiếu bó xác ngài đem chôn. Hơn 3 tháng sau, một bản án khác từ kinh gửi về với nội dung như sau: "Đạo trưởng Thê đã đến sống lên

⁴⁵⁰ Năm 1814 vua Gia Long dời thủ phủ tỉnh Bình Định vào địa bàn thôn An Ngãi và Liêm Trục, thị xã An Nhơn ngày nay. Thành Bình Định mới này được xây theo kiểu Vauban. Thành có chu vi 3 cây số, tường cao 3,50 mét, mặt thành rộng 1 mét. Thành có 4 cửa đông, tây, nam, bắc, mỗi cửa đều xây cổ lầu. Bốn phía thành có hào sâu (trì, thành trì). Năm 1946, trong chiến dịch tiêu thổ kháng chiến, chính quyền Việt Minh đã huy động dân công từ các xã, các huyện xung quanh đến phá hủy thành này vì sợ địch chiếm làm căn cứ.

lút trong nước gần 40 năm; hắn đã giảng tà đạo và phỉnh gạt dân chúng; bị bắt và hỏi cung, hắn đã thú nhận tội phạm to lớn đó. Hắn phải bị xử trảm và bêu đầu ở chợ. Nhưng vì hắn đã chết, chỉ còn vớt xác xuống sông". Chiếu theo bản án, quan trấn cho đào mồ Đức cha để ném thi thể xuống sông. Nhưng lạ lùng thay, xác ngài vẫn còn nguyên vẹn không bị hư thối. Dù vậy người ta vẫn ném xác ngài xuống sông theo đúng án lệnh và từ đó đến nay không biết xác ngài trôi dạt đến đâu.

Cũng trong ngày đào xác Đức cha, quan tỉnh theo án lệnh triều đình xử chém thầy Tuyên, chú Nghiêm, ông Quả và bà Lưu tại Gò Chàm, Bình Định và được chôn ngay tại đó. Bốn người này biết án tử của mình đã về đến tỉnh một ngày trước nên lo xưng tội rước lễ, vì lúc ấy các cha vẫn lên vào thăm những người bị giam trong ngục. Bà Mađalêna Huỳnh Thị Lưu, người đã chứa chấp Đức cha và cũng đã can trường giữ vững đức tin, bị điệu ra pháp trường, vừa đi vừa cho con bú. Bà hôn đứa con lần cuối rồi trao cho bà ngoại để theo gót các chứng nhân đức tin. Nhà bà bị phá bình địa và gia sản bị tịch thu.

Cùng với cuộc tử đạo của Đức cha Cuénot, trong thời kỳ phân sáp, những người chịu chết vì đạo trong Giáo phận Đông Đàng Trong có thể được xếp theo tỉnh như sau:

- Tỉnh Quảng Nam: Ông Học và chú Võ họ An Ngãi, biện Huyện họ Phú Thượng, cả ba bị xử tử tại Quảng Nam; cha Hân họ Ngọc Kinh và thầy Tuyên họ Trà Kiệu, cả hai bị xử tử tại Bình Định; cha Cảnh họ Văn Đòa bị xử tử tại Bình Thuận.

- Tỉnh Quảng Ngãi: cha Lợi họ Trung Chánh bị xử tử tại Quảng Nam; cha Huệ và cha Bửu họ Vom gần Bàu Gốc bị xử tử tại Bình Định.

- Tỉnh Bình Định: cha Sĩ họ Tân Quan bị lưu đày và xử tử tại Thái Nguyên; cha Chung họ Thơ Lĩnh gần Cảnh Hàn, ông Quý họ Tân Hội, bà Lưu họ Vĩnh Thạnh, cha Châu, cha Thủ, ông Me họ Gò Thị, ông Quả và chú Bảo họ Xóm Quán, tất cả bị xử tử tại Bình Định.

- Tỉnh Phú Yên: thầy Trinh, ông Hứa, ông Nam, ông Tân, ông Giáo họ Phú Cốc, thầy Quờn, chú Nghiêm họ Lò Giấy, tất cả bị xử tử tại Bình Định; di Soạn họ Phú Cốc (quê ngoại), lương y Tiêu, cả hai bị xử tử tại Bình Thuận; bà Trung bị xử tử tại Khánh Hòa.

- Tỉnh Khánh Hòa: chú Hữu họ Chợ Mới, chị Dần họ Bình Cang, bà Sum, cả ba bị xử tử tại Khánh Hòa.

- Tỉnh Bình Thuận: cha Luận, cha Sự họ Dinh Thủy và Láng Mun, bị xử tử tại Bình Định; ông Thòa, ông Chơn, ông Sanh, ông

Quới, ông Dự, ông Ngải, ông Nhiều, dì Trị, có người quê ở họ Kim Ngọc, có người quê ở họ Láng Mun và Dinh Thủy, tất cả đều bị xử tử tại Phan Rí.⁴⁵¹

Sau cuộc phân sáp, số tín hữu trong toàn Giáo phận chỉ còn khoảng 25.000, so với con số 28.020 vào năm 1850. Dân Chúa mất mát thật nhiều, không những về số người, mà còn về nhà cửa, ruộng vườn, tài sản. Có thể nói họ mất tất cả, nhưng vẫn còn giữ lại được đức tin như gia tài vô giá để tiếp tục phát huy và truyền lại cho các thế hệ mai sau.

1.8. Vai trò của linh mục Gioakim Đặng Đức Tuấn

Đầu năm 1862, cha Đặng Đức Tuấn đang ẩn trốn ở Nga Mân, tỉnh Quảng Nghĩa, thì bị bắt giải lên huyện Mộ Đức.⁴⁵² Lúc ấy cha có mang theo mình hai bản điều trần: *Hoành mao hiển bình Tây sách* và *Minh đạo bình Tây sách*. Khi lấy khẩu cung, quan huyện biết tác giả hai bản điều trần là đạo trưởng nên cha được chuyển lên tỉnh. Tại tỉnh đường cha bị đưa ra công đường tra tấn. Lúc ấy có quan khâm sai từ kinh đô vào ghé tỉnh đường. Quan xem qua bản điều trần và thấy có vấn đề quan trọng nên truyền giam cha lại rồi gửi hồ sơ về triều đình. Sau đó cha được triệu về kinh và được hai quan thượng là Lâm Duy Hiệp và Phan Thanh Giản tra hỏi về đạo Công giáo và về giặc Tây đánh phá Việt Nam. Cha trả lời thông suốt và đầy tính thuyết phục. Nhân dịp này cha cũng viết thêm hai bản điều trần xin tha cho giáo dân và hiến kế làm cho dân giàu nước mạnh. Xem qua, vua Tự Đức khen và nói lòng lệnh cấm đạo. Vào khoảng tháng 03 cha viết thêm hai bản điều trần nữa về việc cấm đạo và kế sách giảng hòa với Pháp.



Điều trần 1 và 2

⁴⁵¹ Xem R.P. TARDIEU, *Hạnh Đức cha Thế, sđd.*, tr. 105-106.

⁴⁵² Vào thời điểm ấy Nga Mân thuộc châu Đức Phổ, huyện Mộ Đức. Huyện Đức Phổ được thành lập năm 1899. Ngày nay thôn Nga Mân thuộc xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Về địa bàn tôn giáo, Nga Mân thuộc địa sở Trà Câu, nay thuộc giáo xứ Bàu Gốc.

Lúc bấy giờ tình hình chính sự trong nước rối ren. Ở trong Nam, quân Pháp đã liên tiếp đánh chiếm đồn Kỳ Hòa, Mỹ Tho, Biên Hòa, Bà Rịa năm 1861 và Vĩnh Long năm 1862. Kể như lục tỉnh Nam Kỳ đã vào tay quân Pháp. Ngoài Bắc thì có Tạ Văn Phụng nổi lên đánh phá ở Quảng Yên và Hải Dương, Nguyễn Văn Thịnh tục gọi là cai tổng Vàng quấy nhiễu ở Bắc Ninh. Triều đình sợ quá nên sai hai ông Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp⁴⁵³ làm khâm sai vào Gia Định giảng hòa với Pháp. Cha Tuấn tình nguyện đi theo phái bộ để làm thông ngôn và được vua Tự Đức chấp nhận, nên ngài cũng được coi như một vị đường quan trong đoàn khâm sai. Từ đó cha được giáo dân và các thân hào gọi là cha Khâm. Hơn nữa, không chỉ là thông ngôn, cha cũng được quan hỏi ý kiến về cuộc nghị hòa và cha đã trả lời với tất cả sự cương trực của một người yêu nước: "Bồi thường thì được, còn nhượng đất thì không". Ngày 05.06.1862 (09.05. Nhâm Tuất), hai bên ký hòa ước thường gọi là hòa ước Nhâm Tuất. Theo hòa ước, Việt Nam phải nhường đứt cho Pháp 3 tỉnh Nam Kỳ là Biên Hòa, Gia Định và Định Tường, mặc dù phái đoàn Việt Nam không muốn, nhưng vì áp lực của Pháp nên đành phải chịu. Hòa ước cũng qui định phải để cho giáo sĩ Pháp và Tây Ban Nha được tự do vào giảng đạo và để dân chúng được tự do theo đạo. Nhưng triều đình không hề thông báo cho dân chúng biết về điều khoản này.⁴⁵⁴

1.9. Tình hình Giáo phận sau hòa ước Nhâm Tuất 1862

Cuối năm 1862, nhân ngày mừng sinh nhật của vua Tự Đức, một chiếu chỉ "ân xá" được công bố có đoạn như sau: "Dân giáo này đã cải ác hoàn lương, nên Trẫm dù lòng thương mà tha về an cư lạc nghiệp; trừ các đầu mục cùng những dân tráng kiện bất khang, Trẫm còn giam cho đến khi nó hối cải xuất giáo, thì Trẫm mới dung về. Lại ai lấy ruộng đất vườn tược dân đạo thì phải lo trả". Các làng canh giữ các tín hữu bị phân sáp đã lâu cũng sinh nhàm, còn các quan biết rằng dù có giam giữ giáo dân mấy năm nữa cũng vô ích, nên cho người già, đàn

⁴⁵³ Trong TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển II, *sđđ.*, tr. 261, Lâm Duy Hiệp được ghi là Lâm Duy Tiếp.

⁴⁵⁴ Về Lm. Gioakim Đặng Đức Tuấn, có thể xem: LAM GIANG & VÕ NGỌC NHÃ, *Đặng Đức Tuấn, tinh hoa Công giáo ái quốc Việt Nam*, 1970; BAN TRUYỀN THÔNG VĂN HÓA GIÁO PHẬN QUI NHƠN, *Đặng Đức Tuấn, danh nhân văn hóa Việt Nam, lĩnh vực Giáo phận Qui Nhơn*, 2010; LM. PHẠM CHÂU DIỄN, *Cha Đặng Đức Tuấn, một linh mục chân tu, một công dân ái quốc*, trong *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 18, tháng 7 - 10 năm 1960, tr. 21-34.

bà, con nít về trước, rồi ít ngày sau cũng thả luôn những ông đầu mục và các trai tráng. Lúc ấy mới thực sự chấm dứt thời kỳ phân sáp.

Vua Tự Đức đã hạ chiếu chỉ ân xá, nhưng vẫn nói: "Mặc dù Trẫm cho phép dân theo đạo Gia-tô, nhưng không có nghĩa là Trẫm không còn quyền khuyến dân từ bỏ tà đạo để theo lẽ lối của nước nhà". Vì thế vua truyền cho các quan cứ hai năm một lần phải đòi giáo dân đến tòa để khuyến dụ họ xuất giáo. Ngoài ra việc vua cho phép dân theo đạo chỉ được áp dụng cho những người đã theo đạo rồi, chứ không phải cho các lương dân. Vì thế lương dân không được theo đạo Công giáo. Ngay cả những người trước đây đã chối đạo bị coi là lương dân nên cũng không được trở về với đạo. Những người Công giáo trước đây trốn để khỏi bị khắc chữ "tả đạo" trên má cũng bị coi là lương dân nên không được giữ đạo. Các quan phải dùng vũ lực để ngăn cản những hạng người này. Người Công giáo tuy được giữ đạo, nhưng không được đọc kinh to tiếng, không được hội họp quá 100 người trong nhà thờ nếu không có phép của quan. Các quan được lệnh đến quan sát các lễ nghi tôn giáo và báo cáo về cấp trên.

Các thừa sai cũng bị theo dõi chặt chẽ. Hai thừa sai không được cùng ở một tỉnh, muốn đi đâu phải có giấy đi đường do quan cấp. Chỉ những ai có khắc chữ trên mặt mới được tiếp xúc với các thừa sai. Cấm ngặt các thừa sai không được hoạt động tôn giáo ở bên ngoài những nơi đã chỉ định và cấm giảng đạo cho những người không Công giáo. Theo lập luận của chính quyền lúc ấy thì đó là những biện pháp để bảo vệ sinh mạng của các ngài, vì triều đình phải chịu trách nhiệm trước chính quyền các nước Pháp và Tây Ban Nha.

Hòa ước Nhâm tuất được hoàng đế Napoléon III của Pháp và nữ hoàng Isabella của Tây Ban Nha châu phê hồi đầu năm 1863 và vua Tự Đức châu phê ngày 16 tháng 04 năm ấy. Vua Tự Đức bắt buộc dĩ phải ký hòa ước nhường 3 tỉnh Nam Kỳ cho Pháp, nhưng trong bụng vẫn muốn tìm cách chuộc lại, vì Gia Định là đất khai nghiệp của vua và Gò Công, quê ngoại của vua, cũng nằm trong phần đất nhường ấy. Vua liền sai Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp đi điều đình với quan Pháp tại Sài Gòn nhưng không kết quả. Theo đề nghị của Trương Đăng Quế, vua sai một phái bộ sang Pháp và Tây Ban Nha để chuộc lại đất. Phái bộ gồm Phan Thanh Giản làm chánh sứ, Phạm Phú Thứ làm phó sứ, Nguyễn Khắc Đản làm bồi sứ, học giả Trương Vĩnh Ký, đại chủng sinh Nguyễn Hoàng làm thông dịch viên và nhiều người khác, tất cả trên 60 người, nhưng việc cũng không thành.

Sự thất bại ấy đã kích động nhóm Văn Thân khiến họ có những hành động quá khích. Cuối năm 1864, nhân một kỳ thi ở Huế, 4.000 Văn Thân âm mưu nổi loạn. Hầu hết các quan đại thần và ngay cả những người trong hoàng tộc đều ủng hộ âm mưu này. Cuộc âm mưu được lên kế hoạch như sau: các phần tử Văn Thân sẽ được võ trang để sát hại các thừa sai và giáo dân, tiếp đến sẽ đánh đuổi người Pháp ra khỏi Gia Định. Muốn thành công, cần phải có sự chấp thuận của nhà vua, nếu nhà vua khước từ thì sẽ truất phế. Đại diện Văn Thân đệ trình lên vua Tự Đức một tờ sớ, trong đó họ kể ra tất cả những nỗi khốn khổ của người dân từ mấy năm qua như giặc giã, ôn dịch, mất mùa và cho rằng tất cả đều do "bọn Gia-tô tả đạo". Tờ sớ còn tâu trình âm mưu của các thừa sai và giáo dân đang tồn trữ vũ khí để đánh chiếm cả nước. Họ yêu cầu nhà vua phát cho họ đầy đủ khí giới để hành động.⁴⁵⁵

Vua Tự Đức truyền cho các quan trấn thủ các tỉnh phải đi khám xét các nhà Công giáo và tịch thu khí giới đạn dược, nhưng không tìm thấy khí giới đạn dược nào cả. Sau đó vua Tự Đức khám phá ra âm mưu của nhóm Văn Thân muốn vu khống để giết hại người Công giáo và truất phế vua nếu vua không chấp nhận kế hoạch của họ, nên đã truyền bắt tất cả những kẻ chủ mưu và kết án tử hình. Sau vụ ấy, vua Tự Đức đã dần dần thay đổi thái độ đối với người Công giáo. Mặc dù vậy, tinh thần bài Công giáo vẫn còn âm ỉ nơi nhiều người thuộc giới Văn Thân, tức thành phần sĩ phu say mê Nho giáo, chỉ chờ ngày bùng nổ lại.⁴⁵⁶

⁴⁵⁵ Xem trọn vẹn tờ sớ này trong L.E. LOUVET, *La Cochinchine religieuse, II*, Paris 1885, tr. 408tt.

⁴⁵⁶ "Tháng giêng năm giáp tuất (1874) là năm Tự Đức thứ 27, đất Nghệ An có hai người tú tài là Trần Tấn và Đặng Như Mai hội tập cả các văn thân trong hạt, rồi ra một bài hịch, gọi là "Bình tây sát tả", đại lược nói rằng: "Triều đình dẫu hòa với Tây mặc lòng, sĩ phu nước Nam vẫn không chịu, vậy trước nhất xin giết hết giáo dân, rồi sau đánh đuổi Tây cho hết, để giữ lấy cái văn hóa của ta đã hơn 1.000 năm nay, v.v.". Văn thân cả thầy đồ non ba nghìn người, kéo nhau đi đốt phá những làng có đạo.

"Nước ta mà không chịu khai hóa ra như các nước khác là cũng bởi bọn sĩ phu cứ giữ thói cũ, không chịu theo thời thế mà thay đổi. Nay sự suy nhược của mình đã sờ sờ ra đây, thế mà vẫn cứ không chịu mở mắt ra mà nhìn, lại vì sự tức giận một lúc, mà làm việc nông nổi càn rỡ, để cho thiệt hại thêm, như thế thì cái tội trạng của bọn sĩ phu đối với nước nhà chẳng to lắm ru!

"Lúc bấy giờ quan tổng đốc Nghệ An là ông Tôn Thất Triệt lại có ý dung túng bọn văn thân, cho nên họ càng đắc thế càng phá dữ. Triều đình thấy vậy, mới truyền bắt quan quân phải dẹp cho yên. Bọn văn thân thấy quan quân đuổi đánh, bèn cùng

2. THỜI ĐỨC CHA EUGÈNE CHARBONNIER TRÍ (1864-1878)

Sau khi Đức cha Cuénot qua đời, cha Quyền đại diện Herrengt cai quản Giáo phận Đông Đàng Trong, nhưng đến ngày 20.06.1863 cha cũng qua đời tại Gia Định. Năm 1864, cha Eugène Charbonnier Trí được bổ nhiệm làm Giám mục hiệu tòa Domitiopolis và Đại diện Tông tòa Giáo phận Đông Đàng Trong.⁴⁵⁷ Ngài nguyên là cha Quyền đại diện của Giáo phận Tây Đàng Ngoài, bị bắt vào giữa năm 1861, bị tra tấn và kết án tử hình giam hậu, nhưng cuối cùng đã được tha theo tình thần hòa ước 1862. Ngài được tấn phong Giám mục



Đức cha Eugène Charbonnier Trí

vào cuối năm 1864 tại nhà nguyện Hội thừa sai Paris do Đức cha Meirieu. Sau đó ngài sang Rôma yết kiến Đức Thánh Cha và ngày 14.07.1865 một chiếc tàu đưa ngài về Giáo phận Đông Đàng Trong. Các tín hữu mừng rỡ đón tiếp vị chủ chăn Giáo phận cách long trọng. Đức cha mặc phẩm phục Giám mục tiến vào cửa biển Kim Bồng dưới tán lọng do 4 tín hữu có khắc chữ "tả đạo" cầm, vừa đi vừa chúc lành cho dân chúng.

Sau thời kỳ bách hại tàn khốc nhất, Giáo phận lúc ấy chỉ còn lại một cảnh hoang tàn đổ nát: các cơ sở vật chất hầu như biến mất, các tín hữu sống trong cảnh đói khổ cùng cực, nhiều linh mục và thầy giảng phải chết vì bị giết hoặc vì thiếu thốn. Đức cha tỏ ra có khả năng

với bọn giặc Trần Quang Hoán, Trương Quang Thủ, Nguyễn Huy Diễm, đánh lấy thành Hà Tĩnh rồi ra vây phủ Diễn Châu. Triều đình thấy thế giặc càng ngày càng to, bèn sai ông Nguyễn Văn Tường ra làm khâm sai, và sai ông Lê Bá Thận làm tổng thống, đem quân ra đánh dẹp, từ tháng hai đến tháng sáu mới xong": TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển II, *sđđ.*, tr. 289-290.

⁴⁵⁷ Đức cha Eugène Charbonnier Trí sinh ngày 21.05.1821 tại Pierrevet (Pháp), thụ phong linh mục ngày 17.06.1848.

cánh đáng đối với một Giáo phận bị tàn phá nặng nề nhất. Vừa nhậm chức xong, Đức cha ổn định chỗ ở tại Gia Hựu, đặt cha François Xavier Van Camelbeke Hân ở bên cạnh ngài và làm cha sở Gia Hựu, rồi lập tức bắt tay vào việc xây dựng lại Giáo phận bị hoang tàn vì cuộc bách hại: chuộc lại các con trẻ, xây dựng thánh đường, nhà chung, chủng viện, cô nhi viện, giúp đỡ những người đói rách trong Giáo phận. Toàn thể Giáo phận được hưởng một thời tương đối bình an, nhờ đó các linh mục nếu không nói rộng phạm vi hoạt động được nhiều thì ít ra cũng có thể thăm viếng các họ đạo và đón nhận đầy đủ những người tòng giáo mới. Số chủng sinh gia nhập chủng viện ngày càng thêm đông. Sau vài năm ở tại Gia Hựu, Đức cha Charbonnier Trí đã về ở hẳn tại Làng Sông và các đáng kể vị ngài cũng sẽ tiếp tục ở đó cho đến năm 1931.⁴⁵⁸

Về phần cha Đặng Đức Tuấn, ngài được triều đình cho về quê và được Bề trên bổ nhiệm về họ đạo Tân Lộc, Quảng Nghĩa, rồi sau đó vào Mương Lỡ (Hòa Mục). Năm 1865 cha được Đức cha Charbonnier đưa về coi sóc họ đạo Nước Nhì bên đầm Trà Ô và ở đó cho đến khi qua đời ngày 24.07.1874. Trong thời gian ở Nước Nhì cha được vua Tự Đức triệu mời về kinh đô hai lần để tham vấn việc nước.

Nhận thấy khả năng và nhiệt tình của cha Van Camelbeke qua những công trình xây dựng Giáo phận, nên hai năm sau Đức cha đã tín nhiệm và đặt ngài làm Quyền đại diện. Cuối năm 1867, Đức cha Charbonnier được cha Quyền đại diện, 3 linh mục Việt và nhiều thầy giảng tháp tùng, đã rảo khắp tỉnh Quảng Nghĩa để rao giảng, giải tội và ban phép thêm sức tại tất cả các giáo điểm. Khi trở về Gia Hựu, cha Van Camelbeke Hân quyết định thực hiện giấc mơ đã ấp ủ từ lâu, đó



Mộ cha Gioakim Đặng Đức Tuấn tại Chánh Khoan, Mỹ Lợi, Phù Mỹ

⁴⁵⁸ Xem MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1940 à Septembre 1941*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1941, tr. 9; *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1941 à Septembre 1942*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1942, tr. 24.

là xây dựng một ngôi nhà thờ lớn và đẹp cho địa sở. Công trình xây dựng hoàn thành năm 1871. Mọi người cả giáo lẫn lương đều tỏ ra thán phục trước sự vĩ đại và đẹp đẽ của ngôi nhà thờ mới. Một nhà thờ đẹp cần phải có những lễ nghi đẹp. Vì thế cha đã thành lập một ban giúp lễ với đầy đủ lễ phục đẹp đẽ, đi đứng trang nghiêm nhịp nhàng, nhất là trong các ngày lễ Chúa nhật và những cuộc rước kiệu, khiến mọi người trầm trồ. Từ đó các địa sở khác trong Giáo phận cũng bắt chước làm theo. Các tín hữu vui mừng và yêu mến sự hoành tráng của phụng vụ, cũng như lấy làm tự hào khi có những đứa con được vào ban giúp lễ.

Cũng nhờ cha Van Camelbeke Hân mà tu viện Mến Thánh Giá tại Gia Hựu phát triển, nhà in của Giáo phận xuất bản thêm nhiều sách kinh, sách đạo và biện luận. Tuy nhiên, những thành công ấy khiến cho giới nho sĩ ganh ghét, vu khống nhiều chuyện và ngăn cản dân chúng bên lương theo đạo, mặc dù dân chúng vốn tin "ông Trời" nên không thù nghịch gì với đạo. Về phần cha Do, sau nhiều năm hy sinh cho công cuộc truyền giáo tại Tây Nguyên, sức khỏe của cha đã suy yếu, nên đầu tháng 05 năm 1872, Đức cha Charbonnier Trí đã đưa cha về quê nhà Đồng Hâu để chạy chữa, nhưng ngày 03 tháng 09 năm ấy cha đã qua đời tại đó. Cha là một nhà truyền giáo nhiệt thành của miền Tây Nguyên, được mọi người thương mến, cả giáo lẫn lương. Sự ra đi của cha đã để lại một sự luyến tiếc sâu đậm nơi tâm hồn các tín hữu thuộc các sắc dân thiểu số và cánh đồng truyền giáo miền Tây Nguyên cũng mất đi một thợ gặt lành nghề. 35 năm sau, ngày 24.01.1907, hài cốt của cha được 3 tín hữu Đồng Quà đưa về Kontum, được các tín hữu đón rước long trọng và được chôn cất tại nghĩa trang linh mục.⁴⁵⁹

Theo báo cáo năm 1873, Giáo phận Đông Đàng Trong lúc ấy bao gồm 6 tỉnh duyên hải và miền Tây Nguyên rộng lớn. Số người không Công giáo, không kể các dân tộc thiểu số, khoảng 3 triệu. Số tín hữu là 31.495 người được phân bố trong 22 khu vực hay địa sở

⁴⁵⁹ Xem MISSION DE QUINHON, *Mémorial*, 28 Février 1907, tr. 17. Về cái chết của cha Do, Đức cha Charbonnier Trí viết: "Nhóm truyền giáo vùng Bahnar đã mất rất nhiều vì cái chết của cha Do, một trong các người thợ truyền giáo tiên khởi. Là một linh mục nhiệt thành, không biết mệt mỏi, cha không bao giờ thấy cái gì là không thể khi cha thực hiện cho vinh danh Thiên Chúa. Cha được cộng đoàn tín hữu yêu thương nồng hậu, được cả người lương quý trọng. Cha đã để lại một nỗi thương tiếc giữa những người từng biết cha. Đó cũng là một thánh giá rất nặng nề để lại cho cha Dourisboure, người tiếp nối cũng bằng một lòng nhiệt thành và cùng một tâm hồn dần thân như vậy cho chức vụ khó khăn giữa nơi rừng sâu nước độc và giữa các cư dân bản địa". *Compte-rendu MEP 1874*, tr. 19.

gồm 184 họ đạo, với 176 nhà thờ hoặc nhà nguyện. Chủng viện có 32 chủng sinh, chưa kể 22 thầy đang học tại trường chung ở Penang. Về phương diện giáo dục và từ thiện xã hội, Giáo phận có 5 trường học đón nhận khoảng 100 học sinh và khoảng 20 cô nhi viện với hơn 400 em. Ngoài ra Giáo phận còn có 3 nhà thuốc và một nhà in. Về phương diện nhân sự, ngoài Đức Giám mục Đại diện Tông tòa, Giáo phận có 11 thừa sai Âu châu, 20 linh mục Việt Nam, 33 thầy giảng, 54 thừa tác viên rửa tội, 12 cộng đoàn nữ tu Mến Thánh Giá với khoảng 400 chị em.⁴⁶⁰

Việc xây dựng các nhà thờ cũng góp phần vào công cuộc truyền giáo. Năm 1876, nhân dịp khánh thành nhà thờ Phú Hòa, người ta tuân đến tham dự thật đông. Số người lương đến dâng cúng còn đông hơn người Công giáo, nhưng về sự rộng rãi thì người Công giáo vượt trội hơn, mặc dù họ nghèo. Cứ mỗi dịp khánh thành nhà thờ, người Công giáo thì vui mừng, còn người lương thì thán phục. Mặc dù sợ các quan, nhưng rất nhiều người đã trở lại đạo. Họ công khai nói rằng đạo Công giáo rất tốt đẹp, rất hợp lý và đem lại nhiều an ủi.⁴⁶¹

Ngày 15.03.1876, theo yêu cầu của Pháp, vua Tự Đức và triều đình Huế đồng ý sửa đổi chính sách đối với đạo Công giáo, với mấy điểm cụ thể như sau: chấm dứt mọi từ ngữ và hành động mạt sát đạo Công giáo; cho phép mọi người được tự do theo đạo; bãi bỏ lệnh hạn chế số giáo dân hội họp tại nhà thờ; người Công giáo được đối xử bình đẳng với lương dân, được thi cử và làm việc; hoàn trả tài sản của người Công giáo bị tịch thu trước đây; cho phép giáo sĩ ngoại quốc và tu sĩ được mua hoặc thuê đất để xây nhà thờ, trường học, trại mồ côi...

Cũng năm 1876, Đức cha Charbonnier giao cho cha Van Camelbeke Hân quyền điều hành chủng viện Làng Sông. Chủng viện này chẳng phải là nơi xa lạ gì đối với cha, vì trước đó 5 năm chính cha điều hành công trình xây dựng ngôi nhà ấy. Số chủng sinh ngày càng thêm đông, chủng viện trở nên chật hẹp. Vì thế, năm 1877 Đức cha lập Đại chủng viện tại Nước Nhì là một họ đạo lớn bên bờ đầm Trà Ô để huấn luyện các chủng sinh học xong chương trình tại Tiểu chủng viện Làng Sông. Cha Van Camelbeke Hân lại được giao nhiệm vụ trông coi việc xây dựng và cha Louis Galibert được đặt làm Bề trên của chủng viện mới này.

⁴⁶⁰ Theo ARCHIVES DES MISSION ÉTRANGÈRES DE PARIS (AMEP), *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1873*.

⁴⁶¹ Theo AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1876*.

Vào khoảng giữa tháng 06 năm 1878, Đức cha Charbonnier bị bệnh ly. Lúc đầu xem ra không có gì nặng nên ngài lên đường đi Hồng Kông để đổi khí, nhưng vừa đến Sài Gòn thì các bác sĩ sợ ngài đi đường xa mệt nhọc nên khuyên ngài ở lại thành phố này. Lời khuyên của bác sĩ thật đúng, vì chỉ ít lâu sau đó, bệnh tình của ngài trở nên trầm trọng vô phương chữa chạy. Tuy nhiên khi biết được điều đó, chẳng những ngài không tỏ ra buồn phiền lo lắng, trái lại vui vẻ vâng theo ý Chúa. Sau khi xin chịu các Bí tích sau hết, ngài đã an nghỉ trong Chúa vào lúc 2 giờ chiều thứ tư 07.08.1878. Thánh lễ an táng được cử hành trọng thể trong nhà nguyện chủng viện Sài Gòn và ngài được an táng gần mộ của Đức cha Bá Đa Lộc và Đức cha Miche.

3. THỜI ĐỨC CHA LOUIS GALIBERT LỢI (1879-1883)

Sau khi Đức cha Charbonnier Trí qua đời, cha Van Camelbeke Hân làm Bề trên tạm thời của Giáo phận. Ngày 23.05.1879, Tòa Thánh bổ nhiệm cha Louis Galibert Lợi⁴⁶² làm Giám mục hiệu tòa Eno và Đại diện Tông tòa Giáo phận Đông Đàng Trong, kế vị Đức cha Charbonnier Trí. Ngài được tấn phong Giám mục ngày 26 tháng 10 tại Gò Thị, do Đức cha Colombert, Đại diện Tông tòa Giáo phận Tây Đàng Trong, nhưng ngài vẫn đặt Tòa Giám mục tại Làng Sông như vị tiền nhiệm. Đức tân Giám mục tiếp tục giữ cha Van Camelbeke Hân trong chức vụ Quyền đại diện và đặt ngài làm cha sở Hoa Vông.



Đức cha Louis Galibert Lợi

Lúc bấy giờ Giáo phận Đông Đàng Trong đang trải qua thời gian thiên tai, đói kém, dịch bệnh khủng khiếp nhất trong hai năm 1878 và 1879. Một nạn hạn hán kéo dài suốt 8 tháng đã làm mất đi tất cả mùa màng và gây ra một thời kỳ đói kém chưa từng thấy. Số người chết đói

⁴⁶² Đức cha Louis Galibert sinh ngày 09.04.1845 tại Anglès-du-Tarn (Pháp), thụ phong linh mục ngày 06.06.1868.

không thể đếm được. Nhiều làng bị mất đi một phần ba dân số, có khi một nửa hay còn hơn thế nữa, chẳng hạn tại Quảng Ngãi từ tháng 01 đến tháng 09 năm 1879 dân số đã mất đi gần một nửa. Tại họ đạo Phước Thọ gồm 400 tân tòng, chỉ trong vòng 6 hay 7 ngày đã có 15 người chết. Tiếp theo sau nạn hạn hán là những trận bão lụt khủng khiếp tàn phá tất cả. Nhiều ngôi làng đã biến mất. Dịch bệnh phát sinh từ những thiên tai này đã làm tăng thêm số các nạn nhân đến hàng ngàn người. Dịch bệnh đã cắt đi sinh mạng nhiều chủng sinh và chủng viện buộc phải giải tán. Ngoài ra nạn đói kém còn kéo theo nhiều tội phạm: các băng cướp thường xuyên đi đốt nhà để cướp của. Đứng trước tình trạng đó Giáo phận phải làm hết sức có thể để cứu trợ các nạn nhân. Trong vòng một năm Giáo phận phải đón nhận hơn 3.000 trẻ mồ côi. Các dự tòng rất đông, Giáo phận cũng phải nuôi họ trong thời gian học đạo. Tuy nhiên vì nguồn tài chánh có hạn nên cũng không thể đón nhận tất cả được.⁴⁶³

Không thể kể hết những đau buồn của Đức cha trước cảnh khốn cùng của người dân. Trong suốt hai năm đói kém, hằng ngày có hàng trăm người vây quanh nhà của ngài để xin bố thí. Tuy nhiên cũng thật là an ủi khi chính cơn đói kém ấy lại tạo cơ hội cho nhiều người xin gia nhập đạo vì được ơn Chúa đánh động khi nhìn thấy những hoạt động từ thiện bác ái của Giáo Hội. Nhiều nơi như tại Quảng Nghĩa và Quảng Nam lương dân đến xin học đạo và chịu phép rửa tội cả mấy làng. Số các em ngoại giáo chịu phép rửa tội trước khi chết tính được 17.023 em, thật là một con số rất lớn chưa từng có.

Một điều đáng lưu ý nữa là phong trào tòng giáo mạnh mẽ bắt đầu vào chính thời điểm Đức Thánh Cha Lêô XIII mở án phong Chân phước cho đáng đáng kính Cuénót Thê là vị Giám mục của Giáo phận mới lãnh phúc tử đạo chưa đầy 20 năm. Các tín hữu được đánh động bởi sự trùng hợp này và họ nghĩ rằng sự trở lại đạo đông đảo của lương dân là do sự bầu cử thần thánh của các vị tử đạo của Giáo phận hơn là do cảnh khốn cùng. Bằng chứng là cơn đói kém đã giảm bớt nhưng những cuộc trở lại đạo ngày càng nhiều.

Nhu cầu truyền giáo cần có thêm các linh mục Việt Nam. Vì thế trong năm 1880 Tiểu chủng viện Làng Sông đã được nói rộng thêm để có thể đón nhận từ 100 đến 120 chủng sinh. Đức cha cũng quan tâm đặc biệt đến việc truyền giáo cho người Bahnar trên vùng Tây Nguyên và ngài muốn đích thân đến thăm họ. Ngay từ những ngày đầu tiên

⁴⁶³ Theo AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1879*.

của tháng giêng năm 1880 ngài đã lên đường. Sau một tuần hành trình vất vả, ngài đã đến nơi. Khoảng 500 hay 600 tân tòng người dân tộc theo cha Roger và cha Soubeyre vui mừng ra đón ngài. Đây là lần đầu tiên có một Giám mục đích thân đến với người dân tộc, vì trước đây các cuộc bách hại cũng như bệnh tật đã không cho phép các vị tiền nhiệm của ngài đến viếng thăm họ. Ngay cả những người bên lương cũng theo họ ra đón Đức cha. Số tân tòng trên vùng Tây Nguyên này khoảng 1.500 người và được phân bố trong 4 họ đạo không cách xa nhau lắm. Chuyến viếng thăm của ngài tại vùng Tây Nguyên kéo dài gần một tháng. Các thừa sai khuyên ngài không nên kéo dài cuộc viếng thăm vì sợ ngài sẽ bị bệnh sốt rét. Trong khi Đức cha đi thăm những nơi mà hơn 30 năm qua cha Dourisboure đã đến truyền giáo thì vị thừa sai này đang bị bệnh nặng và phải về nghỉ bệnh ở miền xuôi. Từ lâu cha Dourisboure mong ước cho các tín hữu dân tộc Bahnar thân yêu của mình được Đức Giám mục đến ban phép lành. Nay thì ước mơ của cha đã thành hiện thực, nhưng tiếc thay cha không có mặt với họ vì sức khỏe của cha không cho phép cha trở lại với họ nữa. Sau chuyến viếng thăm Tây Nguyên, Đức cha trở về vẫn mạnh khỏe.⁴⁶⁴

Tuy nhiên ít lâu sau đó Đức cha đã ngã bệnh và năm 1881 ngài phải trở về Pháp để chữa bệnh. Một lần nữa cha Van Camelbeke Hân thay mặt Đức cha nắm quyền cai quản Giáo phận. Ngài trở về Bình Định trong sự vui mừng của các tín hữu cũ của ngài.

Trong khi đó tại Gò Thị, đức tin đang phát triển mạnh dưới sự cai quản của cha Pierre Panis từ năm 1877 với sự phụ giúp của một cha phó người Việt. Theo báo cáo của cha, toàn thể địa sở lúc cha mới về nhậm chức gồm họ chính Gò Thị và 12 họ lẻ với tổng số giáo dân là 2.500 người. Phân nửa các họ đạo chưa có nhà thờ, nhà vuông. Trong vòng 4 năm sau số giáo dân đã tăng lên đáng kể. Rất nhiều người từ thời bắt đạo đã sống trong tình trạng tội lỗi nay đã trở lại thực hành đạo. Số các họ đạo trong địa sở cũng gia tăng, từ 13 đến 18, với tổng số giáo dân là 3.400 người, trong đó số giáo dân của họ chính Gò Thị là 900 người, đó là chưa kể 4 họ đạo khác đang thành hình.

Những thành kiến chống đạo của người lương cũng giảm bớt, nhờ ơn Chúa đang hoạt động trong những tâm hồn đơn sơ và thật thà. Bọn phận của cha sở là rao giảng, còn Chúa thì đang chuẩn bị các tâm hồn để họ đón nhận đức tin. Những người tân tòng tạo nhiều cơ hội để các cha có thể tiếp cận các anh chị em lương dân và thường được họ

⁴⁶⁴ Theo AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1880*.

đón tiếp cách đầy thiện cảm và kính trọng, khiến cho các ngài đạt được nhiều thành công trong sứ vụ. Có thể nói các vị mục tử đi trước đã gieo trong nước mắt, nay các vị mục tử đương nhiệm gặt hái những thành quả. Một điều rất kỳ diệu là tại 3 làng có nhiều tân tòng, chính các vị hương chức là những người dẫn đầu phong trào tòng giáo. Việc họ trở lại đạo đã tạo nên một tiếng vang đáng kể.

Một vài họ đạo kỳ cựu đã có những ngôi nhà thờ đẹp, trong số đó nhà thờ Gò Thị do cha Pascal Bossard xây dựng hơn 10 năm trước đây là đáng kể hơn cả. Tuy nhiên những công trình bằng gỗ như thế này không thể tồn tại lâu dài trước sức tàn phá của mưa gió, mỗi một. Cần phải có những ngôi nhà thờ bằng gạch đá, nhưng địa sở chưa có đủ khả năng để xây. Tại họ chính Gò Thị, nơi cha Panis ở thường xuyên, có một tu viện Mến Thánh Giá được thành lập từ thời Đức cha Thể. Các di sinh sống bằng nghề dệt lụa và vải, sống âm thầm và khổ hạnh, hàng ngày cầu nguyện cho những người tội lỗi và lương dân trở lại đạo. Một số di có sứ mạng rửa tội cho các em sắp chết của những gia đình lương dân, trung bình mỗi năm được 800 em. Ngoài ra, tại Gò Thị còn có 2 cô nhi viện với 150 em cô nhi.⁴⁶⁵

Vào cuối tháng 10 năm 1882, một trận bão khủng khiếp đã tàn phá nhiều cơ sở của Giáo phận. Nguyên tại địa sở Gò Thị, gió bão đã làm sụp đổ 4 nhà thờ và làm hư hại nhiều nhà thờ khác. Mùa màng bị trận bão tàn phá, tiếp theo là lũ lụt làm hư hỏng các thực phẩm dự trữ khiến cho nhiều gia đình phải lâm cảnh đói khát. Tuy nhiên, một điều an ủi là phong trào tòng giáo vẫn phát triển mạnh, nhất là tại Bình Định là trung tâm của Giáo phận. Tại địa sở Gò Thị số họ đạo đã tăng lên 21 và số giáo dân tăng lên gần 4.000. Nhiều nơi trước đây chỉ có một gia đình Công giáo thì nay đã mọc lên một ngôi nhà thờ nhỏ với nhiều tân tòng chung quanh. Những cuộc trở lại đạo này rất nghiêm túc và chắc chắn, vì không phát sinh từ hoàn cảnh đói nghèo như một số trường hợp khác, bởi vì trong số những người trở lại có nhiều gia đình khá giả, có học thức và địa vị trong xã hội. Điều này góp phần đánh tan những nghi ngờ và do dự nơi một số người có địa vị xã hội thấp kém, để họ dễ dàng trở lại đạo hơn.

Theo lời cha Panis, sở dĩ có nhiều người theo đạo tại Bình Định là vì "trong số sáu tỉnh của Giáo phận Đông Đàng Trong thì tỉnh Bình Định là nơi cống hiến cho Giáo Hội nhiều vị tử đạo nhất: *Sanguis*

⁴⁶⁵ Theo AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1881*.

martyrum, semen christianorum (Máu các vị tử đạo là hạt giống phát sinh các Kitô hữu)".⁴⁶⁶

Ngày 24.04.1883, Đức cha Galibert qua đời trong khi dưỡng bệnh tại gia đình ngài ở Anglès-du-Tarn, Pháp. Cũng trong năm ấy vua Tự Đức băng hà. Triều đình rơi vào tay hai quyền thần là Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết. Tình hình đất nước trở nên tối tăm cả trong lẫn ngoài. Bên ngoài thì quân Pháp đánh chiếm nhiều nơi, triều đình phải ký hòa ước 1883 và 1884 nhận quyền bảo hộ của Pháp. Bên trong thì chính sự rối ren, trong vòng một năm, hai ông đã tôn lên rồi lại giết đi 3 ông vua: Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc, để cuối cùng đặt Ưng Lịch mới 12 tuổi lên ngôi vàng vào giữa năm 1884 với niên hiệu là Hàm Nghi.

4. THỜI ĐỨC CHA FRANÇOIS XAVIER VAN CAMELBEKE HÂN (1884-1901)

Năm 1884 cha François Xavier Van Camelbeke Hân⁴⁶⁷ được Tòa Thánh bổ nhiệm làm Giám mục hiệu tòa Hierocesarea và Đại diện Tông tòa Giáo phận Đông Đàng Trong kế vị Đức cha Galibert. Đức cha được tấn phong Giám mục tại Sài Gòn vào Chúa nhật lễ Chúa Chiên Lành. Trở về Giáo



*Tòa Giám mục Đông Đàng Trong
tại Làng Sông năm 1895*

phận, ngài đặt Tòa Giám mục tại Làng Sông và bổ nhiệm cha Constant Fourmond làm Quyền đại diện.

4.1. Cuộc tàn sát khủng khiếp của phong trào Văn Thân

Chỉ ít lâu sau ngày nhậm chức của Đức cha Van Camelbeke Hân, Giáo phận phải lâm vào một thời kỳ bách hại khủng khiếp chưa từng có. Sau vụ binh biến chống Pháp đêm 04.07.1885 tại đồn Mang Cá bất thành, Tôn Thất Thuyết rước vua Hàm Nghi ra chiến khu Ấu

⁴⁶⁶ Theo AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1882*.

⁴⁶⁷ Đức cha François Xavier Van Camelbeke sinh ngày 19.02.1839 tại Nantes (Pháp), thụ phong linh mục ngày 30.05.1863.

Sơn, Hà Tĩnh. Tại chiến khu, Tôn Thất Thuyết lấy quyền vua thảo hịch Cần Vương. Hịch được loan đi từ Thanh Hóa đến Bình Thuận và được nhiều nhân sĩ khắp nơi hưởng ứng nổi dậy chống Pháp, nhưng cũng kích động nhóm Văn Thân cực đoan⁴⁶⁸ vũ trang lôi kéo quân chúng đi đốt phá các làng Công giáo và sát hại giáo dân một cách công khai với khẩu hiệu "bình Tây sát tả", nghĩa là đánh tan giặc Tây và tiêu diệt những người "tả đạo", tức là người Công giáo. Phong trào Văn Thân hoạt động mạnh tại các tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa và Bình Thuận.



Đức cha F.X. Van Camelbeke Hân

Vì không đánh được người Pháp nên họ tập trung sát hại người Công giáo mà họ cho là theo Pháp. Văn Thân cho người mang hịch về khắp các làng xã, giải thích cho hàng tổng lý mục đích của hịch và hăm dọa những quan chức nào không tham gia phong trào sẽ bị trừng phạt xứng đáng. Còn đối với dân thường nghèo khổ thì họ hứa sẽ cho chiếm hữu mọi tài sản của người có đạo, khiến một số người nhẹ dạ đi theo họ, chứ bình thường lương dân vẫn sống chung với người Công giáo trong hòa khí tốt đẹp. Các quan lại và Văn Thân tìm mọi biện pháp để không một vị thừa sai hay một giáo dân nào có thể thoát khỏi chiến dịch tàn sát này. Các xã trưởng đã nhận được lệnh vũ trang cho lương dân, canh gác các ngã đường, ngăn chặn mọi lối thoát thân. Các quan tri phủ, tri huyện và cai tổng luôn miệng trấn an các giáo sĩ và giáo dân. Khi mọi sự đã sẵn sàng, Văn Thân tấn công dồn lũy, các quan bỏ đồn cho họ sau vài giờ giả vờ chống cự và tuyên bố không

⁴⁶⁸ Văn Thân: *Văn* là người học thức hạng tú tài, cử nhân thời xưa; *Thân* là thân hào, tức là các chức sắc làng xã. *Văn Thân* là nhóm tú tài cử nhân và thân hào phối hợp với nhau. Sau hòa ước Giáp Tuất 1874, tại Nghệ An một nhóm Văn Thân đã nổi dậy giết hại các Kitô hữu, nhưng đã bị triều đình dẹp tan như đã nói ở trên. Tại Giáo phận Qui Nhơn ngày nay, khi nói đến Văn Thân thì đó là Văn Thân năm 1885 chứ không phải Văn Thân năm 1874.

bảo vệ các tín hữu được nữa. Triều đình ngầm giúp đỡ Văn Thân nhưng lại chính thức phủ nhận điều này. Trong các tuyên bố của họ, đại diện triều đình nói rằng họ đã ra sức bảo vệ các thừa sai và giáo dân, nhưng lại thông đồng với những kẻ sát nhân.

Đứng trước cuộc khủng bố tàn nhẫn này, có những tín hữu sẵn sàng chấp nhận cái chết vì đạo theo chân các bậc tiền nhân, có người tìm cách chạy trốn để bảo toàn tính mạng, nhưng có một số trường hợp họ phải dùng đến vũ lực để tự vệ. Lý do là vì những kẻ tấn công họ không phải là những đại diện của một chính quyền hợp pháp, nhưng là những nhóm người nổi lên đánh phá và cướp bóc. Chống lại những nhóm này để tự vệ là điều chính đáng và không phải là chống lại chính quyền hợp pháp.

Theo diễn tiến thời gian, trong 6 tỉnh thuộc Giáo phận Đông Đàng Trong, Quảng Ngãi là nơi bị Văn Thân tàn phá trước tiên. Đứng đầu nhóm Văn Thân ở Quảng Ngãi là Tú Thân, người làng Trung Sơn. Ngày 13.07.1885 quân Văn Thân chiếm thành Quảng Ngãi và ngày 14 khởi sự đốt phá xóm đạo Văn Ban rồi từ đó họ đi đốt phá các làng Công giáo trong tỉnh.

Tại Bàu Gốc, đêm 14 tháng 07, Văn Thân kéo đến bao vây họ đạo. Sáng sớm ngày 15, khoảng từ 300 đến 400 giáo dân qui tụ chung quanh cha Jean Poirier Tân. Suốt ngày hôm ấy và đêm tiếp theo cha ban phép giải tội cho họ để chuẩn bị đón nhận cái chết. Vào lúc 1 và 2 giờ sáng, cha cử hành thánh lễ rồi sau đó cha quỳ gối dưới chân bàn thờ trong phẩm phục tư tế an ủi khích lệ giáo dân, trong lúc Văn Thân châm lửa đốt cháy tất cả cùng với nhà thờ. Trong khi đó tại Châu Me và Trà Câu lúc ấy thuộc địa sở Bàu Gốc, các tín hữu cũng bị tàn sát hàng loạt. Khoảng 80 tín hữu Trà Câu chạy trốn vào Gia Hựu nhưng sau đó 15 ngày cũng bị tàn sát cùng với giáo dân Hội Đức. Cả địa sở chỉ còn lại vài chục người.

Ngày 15 và 16 họ tấn công một cách riêng rẽ các họ đạo của địa sở Trung Sơn (sau này là địa sở Trung Tín) là Trung Tín, Trung Thành, Trung Hậu, Trung Chánh và Long Giang, có 70 người bị sát hại. Sau đó các tín hữu thấy cần phải liên kết với nhau, nên đã tập trung tại Trung Sơn để kháng cự tự vệ. Ngày 17 tháng 07 quân Văn Thân bao vây Trung Sơn. Cuộc kháng cự kéo dài suốt 38 ngày và cuối cùng các tín hữu đã đánh bại được đôi phương. Trong thời gian đó cha Jean Maillard Thiên ở Phú Thượng, Quảng Nam, cho một toán võ trang vào Trung Sơn đưa một số giáo dân ra Phú Thượng, đồng thời thuê thuyền chở một số tín hữu ra tị nạn ở Đà Nẵng.

Cũng ngày 17 tháng 07, tại Phú Hòa, quân Văn Thân đã đốt cháy nhà thờ và nhà dân, giết chết cha Louis Guégan Hoàng và đem bêu đầu 3 ngày trên ngọn sào đối diện với họ đạo đã bị đốt ra tro, tàn sát hơn 300 tín hữu, trong số đó có khoảng 40 nữ tu Mến Thánh Giá và vài em cô nhi. Tại các họ đạo thuộc Phú Hòa, cũng có nhiều giáo dân bị giết, như tại Chà Là có 200 người, tại Chợ Mới 190 người; giáo dân tại An Hội cũng cùng chung số phận.

Tại địa sở Cù Và, chiều 17 tháng 07, cha sở André Garin Châu rời họ đạo Cù Và để đi an ủi giáo dân tại họ đạo Phường Chuối. Dọc đường cha bị truy đuổi, và khi cha vừa đến nơi, giáo dân đã chạy đến xin xưng tội để chuẩn bị chết. Sáng ngày 18, họ đạo bị bao vây và hàng trăm tín hữu trốn vào nhà thờ cùng với cha Garin. Quân Văn Thân đến vây nhà thờ và nổi lửa đốt. Cha Garin mặc lễ phục đứng tại bàn thờ cầm thánh giá ban phép lành cho dân lần cuối, rồi tất cả cùng bị thiêu sống trong nhà thờ. Một số giáo hữu trốn lên núi nhưng phần đông không thấy trở về, một số trốn được ra Trà Kiệu hiệp với giáo dân của cha Bruyère Nhơn chống lại Văn Thân.⁴⁶⁹

Sau đó cuộc tàn sát tràn vào Bình Định bắt đầu từ một cảng nhỏ tên là Hà Ra thuộc địa sở Truong Dốc từ đêm 29 đến ngày 30 tháng 07, khi 23 tín hữu bị dân lương trong làng bắt trời ném xuống biển mà các quan chức địa phương không làm gì cả để trừng phạt những kẻ sát nhân, mặc dù đã được báo động trước. Cha Théodule Hamon Lưu, cha sở Truong Dốc, thấy không còn cách nào khác hơn là chạy trốn, nên từ ngày 01 tháng 08 cha đã viết thư cho cha Auguste Macé Sĩ đang làm giám đốc chủng viện Nước Nhì lúc ấy thuộc địa sở Truong Dốc, bảo phải đưa tất cả các tín hữu vào Truong Dốc ngay lập tức để hôm sau cùng nhau chạy về Qui Nhơn.⁴⁷⁰ Cha Macé tổ chức đi từng nhóm

⁴⁶⁹ Về cuộc tàn sát các thừa sai và các tín hữu do phong trào Văn Thân tại các địa sở trong tỉnh Quảng Ngãi năm 1885, xem MISSION DE QUI NHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1939 à Septembre 1940*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1940, tr. 5, 7; 11-12; 13-14; 20-21, 23. AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1885*.

⁴⁷⁰ Địa danh Qui Nhơn, tiền thân của thành phố Qui Nhơn ngày nay, có thể đã có trước năm 1881. Các văn bản của Việt Nam trước năm 1898 vẫn dùng địa danh Thị Nại. Địa danh Qui Nhơn chính thức được dùng trong văn bản của Cơ Mật Viện trình cho triều đình ngày 20.10.1898 để xin thành lập thị xã Qui Nhơn. Tuy nhiên trong các tài liệu của người Pháp, địa danh Qui Nhơn xuất hiện sớm hơn, có lẽ từ năm 1876, khi vua Tự Đức cho phép Pháp được mở lãnh sự quán tại Thị Nại (Qui Nhơn) sau khi thỏa thuận cấp cho Pháp 2,5 ha làm nhượng địa. Trong thư của ông Vernéville, lãnh sự Pháp tại Qui Nhơn, viết năm 1881 về thủ công nghiệp dệt nhiều

để khó bị phát hiện. Hai nhóm đầu tiên đã đến được Trường Dốc, nhưng nhóm thứ ba đi không lọt và phải trở về chủng viện. Sáng hôm sau, 02 tháng 08, chủng viện bị bao vây. Cha và giáo dân đã can đảm chiến đấu gần một ngày, nhưng cuối cùng cha đã bị giết và bị bêu đầu, trong khi đó khoảng 500 giáo dân chạy trốn vào tu viện Mến Thánh Giá và cũng bị tàn sát tất cả. Hàng trăm tín hữu ở Cây Rời và những vùng lân cận chạy trốn vào rừng nhưng rồi bị bắt đưa về và bị giết hết. Họ đạo Mường Lở có một số giáo dân chạy được vào Gò Thị, một số trốn lên núi nhưng rồi cũng bị bắt giết hết. Phần cha Hamon và hai phần ba tín hữu Trường Dốc chạy được tới Làng Sông.

Tại địa sở Gia Hựu, họ đạo Bàu Giêng lúc ấy có khoảng 200 tín hữu, họ không chạy trốn nên phần lớn đã bị tàn sát hoặc bị thiêu sống trong nhà thờ. Phần lớn các tín hữu trong địa sở tập trung tại Gia Hựu để kháng cự, nhưng thấy không ổn, nên ngày 05 tháng 08, sau khi nhận phép lành chung trong nhà thờ, một đoàn người gần 2.000 kéo nhau chạy trốn về hướng Qui Nhơn dưới sự hướng dẫn của cha Honoré Dupont và cha Nhứt. Khi đến Hội Đức đoàn người bị chặn lại và dồn vào cánh đồng Phú Trắng làm mồi cho những kẻ tàn sát. Cha Dupont quì gối dưới một gốc cây bên vệ đường cầu nguyện và bị chém đầu ngay lập tức. Tiếp theo là cuộc tàn sát các tín hữu suốt cả ngày và đêm tiếp theo. Các tín hữu quì gối chấp nhận cái chết mà không kháng cự. Sau hai ngày phơi thây trên cánh đồng, các tử thi đã được chôn trong các ngôi mộ tập thể hai bên đường. Hai năm

ở Nam Kỳ đã có địa danh Qui Nhơn. Địa danh Qui Nhơn còn được sử dụng trong điều 7 của hiệp ước Harmand (25.8.1883: Quý Mùi). (Theo *Le Binh Dinh*, trong *Revue Indochinoise*, 1915, tập 23, tr. 289). Năm 1884, cửa Thị Nại do người Pháp hoàn toàn làm chủ theo hiệp ước 1883 và 1884.

Thị Nại vốn là địa danh của Chiêm Thành: Cri-vini hay Crini-Bany, người Việt phiên âm theo tiếng Hoa là Thị-Lợi Bi-Nại, đọc gọn là Thị Nại. Ngày xưa, từ thời nhà Lý đến Tây Sơn, khi nói đến Thị Nại phải hiểu cả vịnh Qui Nhơn ngày nay nữa. Thị Nại từ xưa đã chứng kiến biết bao cuộc chiến đấu. Vua Lý Thánh Tông (1054-1072) sai hoàng tử Oai Minh Vương đem thủy binh vào Thị Nại và đã cứu được vua Chiêm Thành khỏi lâm nguy do các bộ lạc phân loạn. Đời Trần, thái tử Thoát Hoan nhà Nguyên cùng Toa Đô và Ô Mã Nhi đem 50 vạn quân vào Thị Nại giả vờ đánh Chiêm Thành, nhưng là để đánh Đại Việt, nhưng không thành công. Thời nhà Hồ, năm 1403 quân Hồ Hán Thương vào Thị Nại để đánh Đồ Bàn nhưng không thành công và phải rút về. Năm 1471 vua Lê Thánh Tông đem 20 vạn quân đánh Trà Toàn ở Thị Nại, Trà Toàn phải bỏ Thị Nại rút về Đồ Bàn và sau đó bị bắt. Trong chiến tranh giữa nhà Nguyễn và Tây Sơn không biết bao nhiêu trận thủy chiến đã diễn ra ở Thị Nại, đặc biệt những trận đánh năm 1793, 1799, 1801.

sau, cha François Geffroy đưa các hài cốt ấy về an táng trọng thể trước nhà thờ Gia Hựu.

Trong thời điểm ấy Thác Đá với 400 tín hữu và Đồng Dài với 1.266 tín hữu là hai địa sở dưới quyền chăm sóc của cha sở François Xavier Barrat Chung và cha phó Mão người Việt. Cha Mão thường xuyên ở tại Đồng Dài. Giáo dân Đồng Dài chạy trốn vào rừng núi, còn cha Mão chạy xuống Thác Đá với cha sở. Theo lệnh Đức cha, hai cha định đưa các tín hữu chạy về Qui Nhơn, nhưng vì thấy không cách nào chạy trốn được, nên họ đành phải ở lại và hai cha cũng ở lại với đoàn chiên. Từ trưa ngày 03 tháng 08, địa sở đã bị bao vây và trong đêm 03 hay 04, hai cha, các nữ tu, các em cô nhi và một số giáo dân bị thiêu sống trong nhà thờ nơi họ đang ẩn trốn để chuẩn bị đón nhận cái chết. Đến giờ phút chót, nhiều giáo dân đã thoát được vòng vây và trốn lên núi, nhưng họ bị truy sát và hầu như chỉ còn sống sót khoảng 20 người. Nhóm giáo dân Đồng Dài chạy trốn vào núi cũng bị truy sát và hai năm sau chỉ còn độ 50 người sống sót trở về.

Hai họ đạo Đồng Hâu và Gò Dê của địa sở Gia Chiểu, mỗi họ đạo có khoảng 400 tín hữu. Sau cuộc tàn sát của Văn Thân, Đồng Hâu chỉ còn 38 người và Gò Dê 17 người. Tại họ đạo Đồng Quả thượng của địa sở Đồng Quả, khi quân Văn Thân đến, cha sở Trang, các nữ tu và hầu như tất cả giáo dân đều ẩn trốn trong nhà thờ và đọc kinh. Văn Thân nổi lửa đốt nhà thờ, kẻ thì bị chết cháy trong nhà thờ, kẻ nào chạy ra ngoài thì bị đâm chết. Hơn 20 người chạy thoát được vào rừng núi gần đó, nhưng bị lừa trở về và cũng bị giết. Tại Ngãi Điền thượng, một phần ba tín hữu đã bị sát hại trong nhà nguyện của một nông trại thuộc tu viện Đồng Quả. Những người khác chạy thoát được rồi cũng bị bắt lại từng người, bị đưa về nhà thờ và cũng bị giết sau khi được phép đọc kinh. Tại Ngãi Điền hạ, 15 tín hữu chạy trốn nhưng bị bắt lại và dẫn về nhà thờ đã bị đốt cháy. Người ta vẽ hình thánh giá trên đất và bảo họ dẫm lên để được tha, nhưng tất cả đã từ chối và bị đâm chết.

Số tín hữu bị sát hại của địa sở Đồng Quả được tổng kết như sau: tại Đồng Quả thượng có 580 người, trong số đó có 45 nữ tu và khoảng 100 trẻ mồ côi, trên tổng số 600 tín hữu; tại Đồng Quả hạ có 272 người trên tổng số 300 tín hữu; tại Đồng Bé có 22 người trên tổng số 30; tại Ngãi Điền thượng có 66 người trên tổng số 80; tại Ngãi Điền hạ có 138 người trên tổng số 150; tại Đồng Gí có 86 người trên 103; tại Đồng Gáo có 116 trên 120; tại Đồng Đô có 80 người, không ai thoát chết. Hài cốt của họ sau đó đã được đưa về an táng trong một lăng mộ được xây theo kiểu nhà nguyện bên cạnh nhà

thờ Đồng Quả. Những người sống sót, khoảng 100 người, ẩn trốn nhiều thág trên núi, sống bằng cỏ, rễ cây, trái cây và một ít gạo do người dân tộc cho.⁴⁷¹

Đầu tháng 08 năm 1885, một số tín hữu địa sở Kiều Đông chạy trốn nhưng sau đó đã quay trở về địa sở và bị Văn Thân thiêu sống tại nơi và bằng chính những cây gỗ họ định xây nhà thờ. Tại Đại An, hơn 300 tín hữu bị thiêu sống trong nhà thờ. Tại Cù Lâm, nhà thờ và nhà giáo dân bị đốt phá, độ 25 tín hữu bị chôn sống tập thể. Tại những nơi khác, một số giáo dân chạy thoát được, nhưng phần lớn đã bị giết chết, như tại Gò Găng, Cảnh Hàn, Thanh Hòa, Tân Hội, Kỳ Bương, Sông Cạn.

Tại địa sở Xóm Nam, phần lớn theo cha Étienne Vivier Huê chạy xuống Gò Thị, rồi cùng với cha Jean Martin Bạch và giáo dân Gò Thị chạy trốn xuống Qui Nhơn, dọc đường cha Martin bị bệnh qua đời tại Diêm Điền và được an táng tại Qui Nhơn, sau này được cải táng về nghĩa trang Làng Sông. Nhưng có khoảng 200 người thuộc họ đạo Xóm Nam ở lại nhà. Vào ngày 05 hay 06 tháng 08, Văn Thân ập đến giết chết tại chỗ khoảng 20 người, số còn lại bị họ dẫn xuống chợ Trường Thuế,⁴⁷² bị chia thành 4 nhóm rồi bị dẫn đến 4 chiếc hồ. Họ xô hai nhóm xuống 2 chiếc hồ rồi chát củi và rơm lên trên để thiêu sống. Còn hai nhóm kia thì bị lấp đất để chôn sống. Trước đó một ngày, tức ngày 04 tháng 08, Đức cha và các chủng sinh tại chủng viện Làng Sông cũng chạy xuống Qui Nhơn. Ngay sau đó quân Văn Thân đã đến đốt phá nhà Đức cha và chủng viện.⁴⁷³ Họ cũng thiêu hủy hài cốt của các vị tử đạo đang được cất giữ ở đó.⁴⁷⁴

⁴⁷¹ Về cuộc tàn sát các thừa sai và các tín hữu do phong trào Văn Thân tại các địa sở Truong Dốc, Gia Hựu, Thác Đá, Đồng Dài, Gia Chiêu và Đồng Quả năm 1885, xem MISSION DE QUI NHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1940 à Septembre 1941*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1941, tr. 28-29; 10-12; 17; 20; 22; 25-26. AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1885*.

⁴⁷² Dưới thời Tây Sơn, đây là nơi thu thuế để nộp vào các kho.

⁴⁷³ Về cuộc tàn sát các thừa sai và các tín hữu do phong trào Văn Thân tại các địa sở Kiều Đông, Đại An và Xóm Nam năm 1885, xem MISSION DE QUI NHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1941 à Septembre 1942*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1942, tr. 2; 8; 37-38; 45-46.

⁴⁷⁴ Xác các vị tử đạo bị hành quyết ở Gò Chàm sau Đức cha Cuénot Thê lúc đầu được chôn tại nơi hành quyết, sau đó hài cốt được đưa về đặt tại nhà nguyện chủng viện Làng Sông, phía sau bàn thờ. Năm 1885 quân Văn Thân đã đến thiêu hủy tất cả, chỉ trừ hài cốt của cha Phaolô Châu đã được đưa sang chủng viện Penang trước năm 1885 theo lời thỉnh cầu của các cha ở đó, nên vẫn còn ở đó cho đến nay. Xem MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1934*

Tại Qui Nhơn số tín hữu từ các nơi trong tỉnh Bình Định chạy về tị nạn lên đến 7.000 người, đông nhất là giáo dân thuộc các địa sở gần đó như Làng Sông, Gò Thị, Xóm Nam, v.v. Các cha Geffroy, Panis, Laurent, Auger, Lacassagne và Grangeon cùng ở với Đức cha. Quan lãnh sự Pháp là ông Navel đã tiếp đón Đức cha và các thừa sai cách rộng rãi. Một vựa lớn của tỉnh được biến thành nhà nguyện và nhà ở cho các ngài. Nhưng lấy gì để nuôi sống một số lượng tín hữu đông đảo như thế này? Hơn nữa mùa mưa cũng sắp đến! Vừa thoát khỏi gươm giáo lại phải đối mặt với đói khát và lạnh lẽo sao? Ngài kêu gọi nước Pháp và họ đã gửi nhiều đồ viện trợ đến nhưng cũng không đủ, nên ngài phải gửi vào Sài Gòn 3.600 giáo dân và họ đã được giúp đỡ tận tình. Đức cha cũng gửi thư cho Đức cha Colombert Mỹ của Giáo phận Tây Đàng Trong và ngài đã mở cuộc lạc quyên trong Giáo phận với số tiền thu được là 100.000 quan. Đức cha Colombert mua gạo rồi thuê tàu chở ra Qui Nhơn cùng với số tiền còn lại. Đức cha Camelbeke cũng xin Đức cha Colombert cho tàu ra Qui Nhơn chở các tín hữu vào Gia Định tạm sống, đồng thời cũng gửi các cha vào đó để chăm sóc mục vụ cho giáo dân.

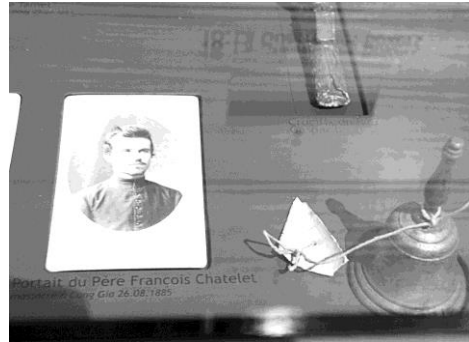
Tại tỉnh Phú Yên, Văn Thân khởi sự hành động tại Bến Buôn thuộc địa sở Đồng Tre, nhiều tín hữu bị giết hại, tiếp đến là các họ đạo Hội Tĩnh, Quán Cau. Cha Dominique Iribarne Thành đang làm việc ở Quán Cau thì Văn Thân ập đến đốt cháy ngôi làng khiến cha phải lên ngựa chạy trốn về hướng biển, nhưng đã bị Văn Thân bắt



*Nền nhà thờ Bến Buôn
(ảnh chụp năm 2010)*

được đem ra chợ chém đầu ngày 19 tháng 08. Họ treo đầu ngài lên cành cây còn thân ngài thì bị họ chặt ra từng mảnh rồi đem nướng. Ông thầy giảng tháp tùng ngài cũng chịu chung số phận cùng với đám đông giáo dân ở đó. Ngoài ra cũng có hai linh mục Việt Nam bị giết là cha Bào đang ở Chợ Mới và cha Hậu. Nhiều giáo dân bị chìm xuống sông ở Măng Lăng, cầu Nhánh, Núi Một, bị tàn sát và chôn sống tập thể tại Lò Giấy, bị thiêu sống ở Phú Sơn, bị đâm chém ở Soi Giữa,

Thầy Đông. Các tín hữu tại Hoa Vông, Triều Thủy, chạy trốn vào Hóc Gáo, tuy nhiên Văn Thân lại tìm đến giết hại nhiều người,⁴⁷⁵ một số tín hữu chạy thoát được trốn lên núi, một số bị thất lạc, số khác chạy về Cây Da. Thấy tình hình nguy cấp, cha François Chatelet Thuồng đang làm cha sở Trà Kê vội chạy về Cây Da để dễ bề tự vệ hơn. Tại đây ngài tập trung giáo dân để chuẩn bị kháng cự. Nhưng cuối cùng mọi sự chống cự đều vô ích trước sức mạnh và sự hung hăng của Văn Thân và ngày 26 tháng 08 cha đã bị chúng đâm chém cho đến chết. Số giáo dân thiệt mạng rất nhiều, chỉ còn sót lại chừng 1.000 người và tiếp tục cầm cự suốt 2 tháng, sau đó Đức cha sai cha Joseph Auger đem theo 300 người võ trang đến giải cứu và đưa được khoảng 1.000 tín hữu về Qui Nhơn.⁴⁷⁶



*Cố Thuồng và quả chuông
có dính vài giọt máu của ngài
(ảnh Archives MEP.)*

Tại tỉnh Khánh Hòa, nhiều tín hữu địa sở Gò Muồng bị chém giết, chôn sống hay thiêu sống, trong số đó có trên 100 người bị giết ở Gò Quít làng Phong Ấp, chỉ có 800 người thoát chết cùng với hai cha Joseph Auger và Joseph Guitton, nhờ chạy ra Hòn Khói, Hà Liên, và được hai chiếc tàu Đức là Gerda và Marie do Đức cha Camelbeke xin Đức cha Colombert gửi đến đưa về tạm sống ở Gia Định. Các tín hữu Bình Cang một số trốn lên núi, một số khác tị nạn vào Gia Định. Tại Chợ Mới, chị Bè trên và các dì phước Mến Thánh Giá bị giết, một ít giáo dân bị chôn sống hoặc bị thiêu. Tại tỉnh Bình Thuận, ở phần đất nay thuộc tỉnh Ninh Thuận, một số đông tín hữu bị bắt tại Dinh Thủy đã bị chôn sống trong một cái hố tập thể, một số khác bị quăng vào

⁴⁷⁵ Theo lời truyền tụng, các tín hữu bị sát hại được chôn trong một ngôi mộ tập thể trên đường phía sau nhà thờ hiện nay đi về hướng chân núi Thác Ba, thường gọi là gò mã thánh, hằng năm được giáo dân kính viếng và tảo mộ.

⁴⁷⁶ Về cuộc tàn sát các thừa sai và các tín hữu do phong trào Văn Thân tại Phú Yên, xem AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1885*. Về sự kiện các thừa sai Pháp tại 3 tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên bị Văn Thân sát hại năm 1885, xem BAN TRUYỀN THÔNG VĂN HÓA GIÁO PHẬN QUI NHON, *Khi xác thân là của lễ. Các thừa sai Pháp tử đạo năm 1885 tại Đông Đàng Trong (Qui Nhơn)*, 2011.

đồng lửa gồm những cây gỗ được chuẩn bị để cất nhà thờ. Một số nữ tu chạy thoát được, nhưng có 6 di bị họ bắt quăng xuống giếng của tu viện rồi đổ phân lên trên. Tại Láng Mun,⁴⁷⁷ một họ nhánh của Dinh Thủy, giáo dân chạy trốn vào rừng, nhưng bị Văn Thân truy đuổi và bị tàn sát rất nhiều. Hai nhà thờ Dinh Thủy và Láng Mun đều bị đốt. Trong cả tỉnh chỉ có 400 tín hữu thoát chết nhờ ông Verneville, quan cai trị tỉnh Bà Rịa, theo lệnh tướng Begin, thống đốc Nam Kỳ, đem một chiếc tàu đến tìm và cứu họ.⁴⁷⁸

Nơi cuối cùng trong Giáo phận bị Văn Thân tàn phá, nhưng đã bị giáo dân kiên trì kháng cự cách ác liệt và đã toàn thắng là tại Quảng Nam. Được quan tỉnh yểm trợ, cấp súng đồng và tượng binh, quân Văn Thân ở Quảng Nam chia làm hai đạo, một nhắm Phú Thượng, một nhắm Trà Kiệu. Lúc đầu các tín hữu hai họ đạo Hội Yên và Thạch Nham thuộc địa sở Phú Thượng không chạy trốn khi Văn Thân đến nên đã bị bắt cổ hoặc thiêu sống, nhưng còn lại hơn 2.000 tín hữu khác chạy về Phú Thượng. Quân Văn Thân bao vây Phú Thượng, đặt súng đồng trên núi ngày đêm nhả đạn xuống khu vực nhà thờ. Nhờ sự che chở của Đức Mẹ,⁴⁷⁹ tài lãnh đạo của cha Jean Maillard Thiên và sự can trường chiến đấu của giáo dân nên sau 18 trận đánh, cuối cùng quân Văn Thân đã thất bại và rút lui. Tại Trà Kiệu cuộc kháng cự chống Văn Thân của 1.500 giáo dân diễn ra từ ngày 01 đến 23 tháng 09, dưới sự lãnh đạo của thừa sai Bruyère Nhon, cộng với 600 người từ An Sơn và 160 người từ Cù Và chạy đến. Để nâng đỡ tinh thần giáo dân và hỗ trợ cho cuộc chiến tự vệ, một bàn thờ Đức Mẹ được dựng lên, các ông già bà lão và trẻ em đêm ngày đọc kinh lần hạt Mân côi để cầu nguyện cho các thanh niên nam nữ đang chiến đấu. Quân Văn Thân dùng chiến thuật pháo kích vào xóm đạo từ những ổ trọng pháo và súng đồng đặt trên đồi cao. Nhưng tương truyền rằng Đức Mẹ đã hiện ra trên nóc nhà thờ để bảo vệ đoàn con của Ngài. Quân địch lấy làm lạ là đạn chúng bắn không trúng mục tiêu. Về sau có người trong bọn chúng thuật lại rằng có một Bà đẹp để mặc áo trắng thất đai lưng

⁴⁷⁷ Giáo dân Láng Mun phần lớn gốc Nam-Ngãi-Bình-Phú, nhưng không rõ họ đến lập nghiệp tại đây từ lúc nào. Năm 1947 Láng Mun tách khỏi Dinh Thủy và trở thành một địa sở độc lập gọi là Tân Hội với cha sở tiên khởi là cha Phêrô Nguyễn Văn Quyền.

⁴⁷⁸ Về cuộc tàn sát các thừa sai và các tín hữu do phong trào Văn Thân tại Khánh Hòa và Bình Thuận, xem AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1885*.

⁴⁷⁹ Cũng có một truyền tụng kể lại việc Đức Mẹ hiện ra trên không trung chỉ huy đoàn thiếu nhi áo trắng cầm côn và bầy ong tấn công quân Văn Thân để bảo vệ giáo dân Phú Thượng như tại Trà Kiệu.

xanh giơ tay chỉ thì những viên đạn chúng bắn bị đẩy qua một bên và khi chúng dùng chiến thuật biển người đánh xáp lá cà thì có những thiếu sinh quân mặc áo trắng cầm côn xông vào đánh chúng. Hơn nữa, sau khi đánh bại quân Văn Thân tại Phú Thượng, giáo dân kéo đến cứu viện Trà Kiệu. Cuối cùng giáo dân Trà Kiệu đã toàn thắng sau 21 ngày chiến đấu ác liệt với một đội quân Văn Thân hùng hậu.⁴⁸⁰ Tại An Sơn, số tín hữu mặc dù lên đến 1.400 người, nhưng họ không tìm cách kháng cự. Hai phần ba trong số họ chạy trốn về Trà Kiệu và Đà Nẵng. Những người ở lại bị thiêu sống trong nhà thờ hoặc bị chôn sống hay bị ném xuống giếng.⁴⁸¹

Ngày nay vẫn còn dấu tích các mồ chôn tập thể của các tín hữu bị sát hại tại cả ba tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên. Tại Quảng Ngãi có An Hội, Phú Hòa, Bàu Gốc. Tại Bình Định có Gia Hựu, Nước Nhì, Đồng Quả, Gia Chiểu, Truong Ổi, Tân Đức, Trung Yên, Đại Bình, Thác Đá, Nhà Đá, Nam Bình, Sông Cạn, Cù Lâm, Xóm Chuối... Tại Phú Yên có Đồng Tre, Suối Ré, Thầy Đông...

Tại Tây Nguyên, quân Văn Thân không thể kéo lên tàn phá được vì các thừa sai đã tổ chức cho các tín hữu người dân tộc ngăn chặn ở các ngã đường. Nhưng các tín hữu từ trung châu chạy lên Tây Nguyên lánh nạn thì được các thừa sai đưa đến các họ đạo các cha đã thiết lập. Hầu hết đã ở lại sinh sống và trở thành những người nông cốt của các họ đạo ấy.

Trong cuộc sát hại của Văn Thân năm 1885, Giáo phận Đông Đàng Trong đã bị tổn thất nặng nề nhất từ trước đến nay. Về nhân sự: 8 thừa sai Pháp, 7 linh mục Việt, 60 thầy giảng, 270 nữ tu, trên 24.000 giáo dân đã bị sát hại hoặc bị chết vì đói khát, bệnh tật, khi lần trốn nơi rừng thiêng nước độc, cũng có người lập nghiệp nơi khác không trở về. Về cơ sở vật chất: Tòa Giám mục Làng Sông, 225 nhà thờ và nhà nguyện, 10 phúc viện, 2 chủng viện (Làng Sông và Nước Nhì), 17 cô nhi viện, 2 phòng phát thuốc, 1 nhà in, 4 nông trại, bị phá hủy.

⁴⁸⁰ Để ghi nhớ công ơn Đức Mẹ, tại hòn Núi Trọc ngày xưa, nay được gọi là Hòn Bửu Châu, các tín hữu đã xây dựng một ngôi nhà thờ do kiến trúc sư thời danh Ngô Viết Thụ thiết kế, quen gọi là nhà thờ núi và trở thành trung tâm hành hương Đức Mẹ Trà Kiệu. Hằng năm có tổ chức một cuộc hành hương qui mô vào ngày 31 tháng 05.

⁴⁸¹ Về cuộc tàn sát các thừa sai và các tín hữu do phong trào Văn Thân tại các địa sở trong tỉnh Quảng Nam năm 1885, xem MISSION DE QUI NHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1938 à Septembre 1939*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1939, tr. 7; 21; 22. AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1885*.

Số giáo dân trước cuộc sát hại của Văn Thân năm 1885 là 41.828 người, chỉ còn lại khoảng 17.000 vào cuối năm 1885. Số tín hữu tại các tỉnh trong Giáo phận trước và sau cuộc sát hại của Văn Thân được ghi nhận như sau:

Tại Quảng Nam: từ 5.428 còn lại 5.000; tại Quảng Ngãi: từ 6.600 còn lại 1.000; tại Bình Định: từ 16.940 còn lại 8.000; tại Phú Yên: từ 6.890 còn lại 1.109, tại Khánh Hòa: từ 2.848 còn lại 800; tại Bình Thuận: từ 1.892 còn lại 400.⁴⁸²

4.2. Sau cuộc tàn sát của Văn Thân

Năm 1886 không còn những cuộc tàn sát tập thể nữa bởi vì các tín hữu đã bị tàn sát quá nhiều, những người sống sót thì cũng đang lẫn trốn không dám trở về địa sở của mình. Toàn thể Giáo phận chẳng khác nào một bãi hoang tàn. Đoàn chiên bị phân tán theo ba hướng. Một nhóm chạy vào Sài Gòn và vẫn còn ở lại đó không biết là bao nhiêu người. Nhóm thứ hai ở lại với Đức cha và một số thừa sai tại bán đảo Qui Nhơn và không ai có thể ra khỏi đó mà không bị tàn sát. Nhóm thứ ba tập trung tại Đà Nẵng và tiếp tục chiến đấu như đã nói ở trên. Đức cha cũng không liên lạc được với các thừa sai và các tín hữu Bahnar ở Tây Nguyên. Trong số 6 tỉnh của Giáo phận thì tại 2 tỉnh Bình Thuận và Khánh Hòa bình an đã được lập lại trong năm 1886 và các tín hữu di tản đã có thể hồi hương. Việc đưa các tín hữu từ Gia Định và một vài nơi khác hồi hương về Giáo phận phần lớn do Đức cha tổ chức và giao cho một số linh mục thực hiện.⁴⁸³

Trong những tháng đầu năm 1887, bình an tiếp tục được tái lập tại hai tỉnh Phú Yên và Bình Định. Ngày 23 tháng 05, Đức cha đưa cha Guittou và hai linh mục Việt Nam về Phú Yên để qui tụ các tín hữu tản lạc trở về. Đến ngày 26 ngài chính thức cho phép các tín hữu Bình Định hồi hương. Ngài sai cha Vivier lập tức về làm cha sở Gò Thị thay thế cha Martin, còn địa sở Xóm Nam thì được giao cho cha Du quản nhiệm với tư cách phó biệt lập.⁴⁸⁴ Trong khi đó chính Đức

⁴⁸² Về số thiệt hại của Giáo phận Đông Đàng Trong trong cuộc tàn sát của Văn Thân, xem AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1885*. Theo *Rapport de 1886*, số tín hữu sống sót của hai tỉnh Khánh Hòa và Bình Thuận là 2.000 chứ không phải 1.200.

⁴⁸³ Xem AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1886*.

⁴⁸⁴ Chính cha Du đã đưa hài cốt các vị tử đạo bị chôn trong 4 hầm tại Trường Thuế về an táng trước nhà thờ Xóm Nam trong bốn dãy mồ tập thể. Hằng năm đến tiết thanh minh giáo dân họ đạo Nam Bình có tục lệ đi dầy mã thánh tại đó.

cha cũng trở về Làng Sông để xây dựng lại Tòa Giám mục, sở quản lý nhà chung, Tiểu chủng viện. Cha Hamon đưa giáo dân về lại Phù Cát và Phù Mỹ, cha Geffroy đưa dân về lại Bồng Sơn. Sự bình an tiếp tục được tái lập tại Quảng Nam và sau cùng tại Quảng Ngãi và các tín hữu tiếp tục trở về xây dựng lại địa sở của mình.⁴⁸⁵

Cuộc bách hại của Văn Thân năm 1885 tại Giáo phận Đông Đàng Trong còn khủng khiếp hơn nhiều so với các cuộc bách hại năm 1860 dưới triều vua Tự Đức. Những cuộc tàn sát đẫm máu ấy có thể sẽ làm cho người bên lương không còn dám theo đạo nữa, các tín hữu không còn dám dâng mình làm linh mục, thầy giảng, hay nữ tu nữa. Việc phục hồi Giáo phận thật là khó khăn và đòi hỏi nhiều công sức cũng như thời gian. Đó là điều Đức cha lo âu. Hơn nữa sức khỏe của ngài đã khiến mọi người lo lắng và các bác sĩ đã khuyên ngài về Pháp chữa bệnh. Ngài đã xuống tàu ngày 01.01.1889.

Tuy nhiên, trái với điều con người nghĩ tưởng, ngày Phục sinh đã bắt đầu với Giáo phận. Máu tử đạo đã đổ ra quá nhiều không thể không làm phong phú cánh đồng Giáo phận. Một phong trào tông giáo đang lớn mạnh cách kỳ lạ bắt đầu từ năm 1889, nhất là tại Bình Định là nơi đã chịu nhiều thử thách nhất trong Giáo phận. Rút kinh nghiệm từ cuộc tàn sát của Văn Thân, Đức cha đã cho áp dụng một sách lược mới trong công cuộc truyền giáo. Trước Văn Thân, trong những hoạt động truyền giáo, phần quan trọng thường được giao cho các thừa sai. Sau Văn Thân, vì óc bài Tây vẫn còn sâu đậm trong dân chúng, nên vai trò của các linh mục Việt Nam trở nên quan trọng và cần thiết. Nhiều địa sở được giao cho các linh mục Việt Nam làm cha sở. Chẳng hạn như ở Bình Thuận người ta không thể quên các linh mục Việt Nam đã có công lớn trong việc mở mang đạo thánh, như cha Phanxicô Xaviê Huỳnh Công Ân ở Tầm Hưng, Kim Ngọc. Nếu cha sở là thừa sai, thì bên cạnh ngài có thêm các linh mục Việt Nam phụ giúp. Ngoài ra, miền nào vừa thoát khỏi nạn Văn Thân thì ngài lập tức đưa các linh mục về để ổn định cuộc sống của dân. Miền nào thoát khỏi nạn Văn Thân trước thì tái thiết và tái truyền giáo trước, để tranh thủ thời gian và sức lực. Vì thế công cuộc phục hưng được bắt đầu từ tháng 08 năm 1886 tại Bình Thuận là nơi đã được ổn định trước, rồi lần lượt tiến lên phía Bắc. Từ đó hằng năm các địa sở tăng thêm người, những họ đạo kỳ cựu phát triển, nhiều họ đạo mới được thành lập, khắp nơi các nhà thờ mọc lên, các tu viện được cải tạo, các trại mồ côi đông đúc, nhất là

⁴⁸⁵ Xem AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1886*.

chủng viện trở nên phong phú. Số các linh mục và thầy giảng không đủ đáp ứng nhu cầu dạy giáo lý cho các dự tòng.

Tháng 03 năm 1890, mặc dầu sức khỏe chưa hoàn toàn bình phục, Đức cha Camelbeke Hân đã quay trở về Giáo phận là nơi đang cần đến sự hiện diện của ngài. Ngài rất vui mừng khi biết hòa bình đã ngự trị trên toàn Giáo phận, các tín hữu đã được trả lại các tài sản bị chiếm, lương dân đường như bớt thù nghịch, số người trở lại ngày càng nhiều. Số giáo dân năm 1890 cả cũ lẫn mới lên đến 25.000.

Tại Gia Hựu hàng trăm người lương đã xin theo đạo, dẫn đến việc thành lập những họ đạo và địa sở mới, nhờ máu của các tín hữu đã đổ ra trong cuộc tàn sát của Văn Thân. Cụ thể tại Bồng Sơn thuộc địa sở Gia Hựu, trong cánh đồng mà vào năm 1885 quân Văn Thân đã tàn sát 2.000 tín hữu từ Gia Hựu chạy đến, cha Geffroy đã thiết lập 3 họ đạo mới là Hội Đức, An Dưỡng và Tài Lương, rồi trong những năm tiếp theo do số lượng giáo dân tăng nhanh, một số nơi trở thành những địa sở tách ra từ Gia Hựu như: Đồng Quả năm 1890, Thác Đá và Đồng Dài năm 1896.

Tại Truong Dốc số giáo dân tăng nhanh, nên Nước Nhỉ được tách ra và lập thành một địa sở riêng. Từ khoảng sau năm 1889, địa sở Truong Dốc còn được gọi là Nhà Đá, vì nhà thờ, nhà vương, lầu chuông, nhà xác, được cha Hamon Lựu xây dựng xong toàn bằng đá ong.⁴⁸⁶ Nhiều họ đạo cũng được thành lập trong vùng Phù Mỹ và Phù Cát như: Trinh Vân, Trục Đạo, Phú Thiện, Tân An, Khánh Long, An Sơn Bắc, Phú Kim.

Tại Đại An, nhờ công khó của cha Grangeon và tiếp theo là cha Blais, số giáo dân đã lên đến 1.344 người, trong đó có 933 tân tòng. Do số người tân tòng này, các họ đạo mới đã được thành lập như Mỹ Chí, Chánh Lộc, Vạn Sơn, Xuân Yên, đồng thời tái lập các họ đạo Kiều Đông, An Đức và một số khác. Năm 1893, cha Hamon đã thành lập một họ đạo nhỏ tại chân núi Cây Rỏi. Cũng trong năm này Giáo phận bắt đầu xây dựng một chủng viện thứ hai tại Đại An, bởi vì chủng viện Làng Sông không còn đủ chỗ cho số chủng sinh ngày càng thêm đông. Năm 1899 Kiều Đông được tách ra khỏi Đại An và được lập thành địa sở. Năm 1894 công trình xây dựng chủng viện Đại An đã hoàn tất và đưa vào sinh hoạt dưới sự điều hành của cha Panis.

⁴⁸⁶ Xem MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1940 à Septembre 1941*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1941, tr. 31.

Trong khuôn viên chủng viện còn có một trường đào tạo các thầy giảng, gọi là thầy giáo tập, để dạy giáo lý và chữ Quốc ngữ tại các trường học của Giáo phận. Cũng trong năm này, tại chủng viện Làng Sông một trận bão đã lấy đi sinh mạng của một thầy thần học và



Dại chủng viện Đại An

một tiểu chủng sinh. Năm 1896, tại hai chủng viện này có 11 thầy thần học và 106 tiểu chủng sinh. Đặc biệt tại chủng viện Đại An, cha Panis vừa xây dựng xong một ngôi nhà nguyện rộng rãi và đẹp đẽ, với mặt tiền và hai ngọn tháp cao, nổi bật trên ngọn đồi vốn hoang sơ trước đây.

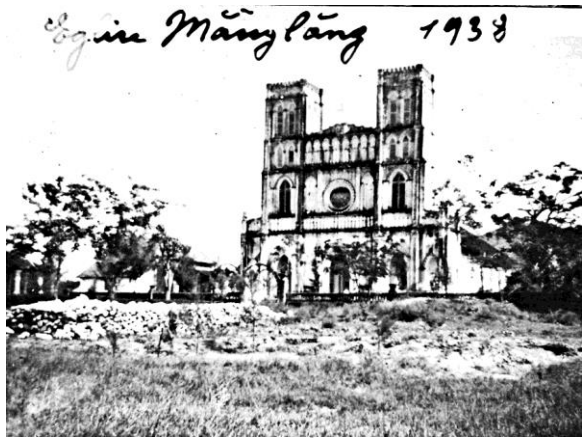
Trong cuộc tàn sát năm 1885, tại Trung Ái có 75 người bị Văn Thân giết chết khi mới chỉ có ý định theo đạo. Như thế họ đã được rửa tội bằng máu và trở thành những hạt giống làm phát sinh họ đạo Trung Ái được thành lập năm 1893 gồm hơn 300 tân tông, với một ngôi nhà thờ, một nhà xứ và những nhà phụ, được xây dựng do lòng rộng rãi của một tân tông tên Cường. Họ đạo này phát triển mạnh đến độ người ta cứ tưởng đó là một họ đạo kỳ cựu.

Tại địa sở Gò Thị, cha Vivier đã có được một mùa gặt bội thu với 1.593 tân tông, khiến ngài có thể thành lập thêm các họ đạo mới như Vĩnh Quang, Tân Thành, Phước Thiện, Lục Lễ và Lạc Điền; mỗi họ có một nhà thờ nhỏ để các tân tông họp nhau đọc kinh và học thêm giáo lý. Hai nhà mồ cô trai và gái cũng phát triển hơn bao giờ hết, do một số đông các em được cha mẹ bên lương đưa đến vì quá khổ không nuôi nổi. Năm 1897 nhà thờ chính của địa sở Gò Thị được làm phép trọng thể.

Năm 1891, từ đồng tro tàn, công trình xây dựng lại chủng viện Làng Sông đã được tiến hành, với bốn khu nhà lớn, nhà các cha và những nhà phụ thuộc, tất cả đều lợp tranh. Chóp đỉnh của toàn bộ công trình xây dựng là ngôi nhà nguyện được xây kiên cố bằng gạch. Năm 1892, sau khi nhà nguyện được xây dựng xong, 14 cây sao hai bên đường từ cấp sân nhà nguyện dẫn ra đến cổng cũng được trồng, cộng thêm 2 cây trước mặt ngôi nhà phía Tây và 2 cây trước mặt

ngôi nhà phía Đông. Tất cả những cây sao này vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Tại Đồng Quả, cha Louis Nézeys đã xây dựng một ngôi nhà thờ xinh đẹp đem lại niềm vui cho các tín hữu và làm cho dân ngoại thần phục.

Tại phía Bắc tỉnh Phú Yên, sau Văn Thân cha Joseph Lacassagne Xuân đặt sở chính tại Măng Lãng. Tại đây, mặc dù biết bao khó khăn, cha đã chiêu dân lập ấp, tạo thành nhiều thôn xóm vừa có người Công giáo vừa có lương dân và thành lập được bốn giáo điểm vững chắc, mỗi giáo điểm có một nhà thờ



Nhà thờ Măng Lãng

tương xứng. Năm 1892, cha khởi công xây dựng nhà thờ tại Măng Lãng đẹp hơn những nơi khác, vì đây là trung tâm của địa sở và là nơi có nhiều triển vọng phát triển hơn những nơi khác. Sau khi cha Lacassagne qua đời năm 1900, công trình xây dựng được cha Edmond Wendling tiếp tục và hoàn thành năm 1907 và được Đức cha Grangeon làm phép trọng thể. Nhà thờ có kích thước rộng lớn, hai ngôi tháp đồ sộ vươn cao với 3 quả chuông Tây. Theo sự nhận định của những người hiểu biết thì đây là một công trình xây dựng xinh đẹp và kiên cố. Chính Đức cha cũng khen ngợi: "Phải chi ở Qui Nhơn, Bình Định, có được một nhà thờ như vậy thì tôi đã lấy làm nhà thờ Chính tòa cho Giáo phận".⁴⁸⁷ Một giáo điểm mới cũng được thành lập tại Củng Sơn tỉnh Phú Yên và hai giáo điểm khác trong vùng giáp ranh giữa Phú Yên và Bình Định.⁴⁸⁸

⁴⁸⁷ Trong trận bão năm 1924, nhà thờ Măng Lãng bị hư hại nặng, hai tháp vẫn còn nguyên, nhưng phần cổ lâu đưa ánh sáng vào nhà thờ bị sập đổ. Khi trùng tu thì phần cổ lâu bị bỏ, hạ thấp mái xuống gần 2m.

⁴⁸⁸ Về tình hình Giáo phận tại hai tỉnh Bình Định và Phú Yên trong những năm sau thời Văn Thân, xem các *Rapports* từ năm 1890 đến 1900.

4.3. Cha François Gagelin Kính được tôn phong Chân phước và Đức cha Camelbeke Hân từ trần

Ngày 27.05.1900, Đức Giáo Hoàng Lêô XIII đã tôn phong 64 Chân phước tử đạo của Giáo Hội tại Việt Nam, trong số đó có linh mục François Isidore Gagelin Kính, tử đạo ngày 17.10.1833. Đó là vị Chân phước đầu tiên của Giáo phận Đông Đàng Trong. Từ đây Ngài được gọi là Chân phước Phanxicô Isidore Gagelin Kính.⁴⁸⁹

Ngày 09.11.1901, Đức cha Van Camelbeke từ trần tại Làng Sông và xác ngài được an táng trong nhà nguyện chủng viện Làng Sông, trước bàn thờ Đức Mẹ. Một tấm bia cẩm thạch được gắn trên bức tường nơi đặt mộ ngài có ghi dòng chữ bằng tiếng Latinh: "Hic jacet RR. DD. Franciscus Xaverius Van Camelbeke Nannetensis Episcopus Hierocaesariensis praefuit XVII ann huic missioni cujus eversionem vidit et resurrectionem obiit die IX novembris MDCCCCI".

Tạm dịch: "Đây là nơi an nghỉ của Đức cha Phanxicô Xaviê Van Camelbeke, Giám mục hiệu tòa Nannetensis Hierocaesariensis, đã cai quản Giáo phận này 17 năm, đã chứng kiến Giáo phận suy vong và hồi sinh, đã qua đời ngày 09 tháng 11 năm 1901".

Thực vậy, trong thời kỳ đại tàn sát của Văn Thân, Đức cha đã phải đau lòng chứng kiến cảnh hàng chục ngàn tín hữu bị sát hại, trong đó có các linh mục, thầy giảng, nữ tu và giáo dân bất luận nam nữ, già trẻ lớn bé. Ngài phải chạy trốn cùng với một số tín hữu, phải tìm cách nuôi sống họ, rồi khi trở về phải chứng kiến cảnh hoang tàn đổ nát của các họ đạo: tất cả cơ sở vật chất bị đốt cháy ra tro hay bị tàn phá bình địa.

Tuy nhiên, với quyết tâm và một lòng trông cậy phó thác vào Thiên Chúa, ngài đã cùng với mọi người xây dựng lại từ đồng tro tàn, cả tinh thần lẫn vật chất. Hằng năm ngài rao khắp mọi nơi trong Giáo phận để giảng dạy, ban các Bí tích và củng cố tinh thần của dân Chúa. Sự tốt lành, giản dị và vui vẻ của ngài đã khiến cho những cuộc viếng thăm mục vụ của ngài gặt hái được nhiều kết quả. Nếu vào năm 1887, sau cuộc tàn sát của Văn Thân, số tín hữu trong toàn Giáo phận chỉ còn khoảng 17.000 người, thì vào năm 1901 khi ngài qua đời, số tín hữu đã lên đến 73.000 người. Như vậy tổng số người được rửa tội trong vòng 14 năm là 56.000 người, một con số kỷ lục!

⁴⁸⁹ "Chân phước" còn được gọi là "Á thánh".

5. THỜI ĐỨC CHA DAMIEN GRANGEON MÃN (1902-1930)

Đức cha Damien Grangeon Mãn⁴⁹⁰ nguyên là giáo sư chủng viện Đại An từ năm 1893. Ngày 21.03.1902 ngài được bổ nhiệm làm Giám mục hiệu tòa Utina và Đại diện Tông tòa Giáo phận Đông Đàng Trong. Ngày 17.08.1902 ngài được tấn phong Giám mục tại Làng Sông do Đức cha Caspar, Đại diện Tông tòa Giáo phận Bắc Đàng Trong.

5.1. Đẩy mạnh công cuộc truyền giáo tại Tây Nguyên

Đức cha Damien Grangeon Mãn tiếp tục công cuộc tái thiết và phát triển Giáo phận của vị tiền nhiệm, đặc biệt ngài dành ưu tiên cho công cuộc truyền giáo tại Tây Nguyên, còn gọi là miền truyền giáo Bahnar. Mỗi khi có các thừa sai do Hội thừa sai Paris gửi đến, ngài đưa lên vùng này ít nhất là một vị. Cũng vậy, sau mỗi lần truyền chức cho các linh mục Việt Nam, ngài cũng chọn những cha có sức khỏe tốt nhất và sai đi Tây Nguyên để tiếp tục và phát triển công cuộc truyền giáo do Đức cha Cuénot khởi xướng và được các thừa sai Pháp cũng như các linh mục Việt Nam tham gia. Đặc biệt cha Dourisboure là vị thừa sai kỳ cựu nhất với 31 năm miệt mài với công cuộc truyền giáo ở đây. Năm 1889 cha đã xuất bản cuốn tự điển *Bahnar - Français* và sau đó các thừa sai khác đã tiếp tục tạo ra chữ viết cho các sắc tộc Xơđăng, Jrai, Êđê và Rongao.



Đức cha
Damien Grangeon Mãn

Trong khi miền xuôi còn bị cấm cách thì trên Tây Nguyên các làng dân tộc đua nhau trở lại đạo. Khởi đầu là làng Kon-Klor năm 1886, tiếp đến là làng Kon-Hngo Kotu năm 1887. Từ năm 1890 miền truyền giáo này đã có những bước phát triển đáng kể. Người dân tộc theo đạo hàng làng: năm 1893 có 12 làng, năm 1895 có 14 làng, năm 1897 ngoài 14 làng Bahnar, Xơđăng xin theo đạo, còn có cả một số làng bộ tộc Ê Đê cũng xin tòng giáo. Tính đến năm 1903 miền truyền

⁴⁹⁰ Đức cha Damien Grangeon sinh ngày 27.09.1857 tại Gelles (Pháp), thụ phong linh mục ngày 18.02.1883.

giáo Tây Nguyên đã có khoảng 10.000 tín hữu và hơn 5.000 tân tòng, số tín hữu người Việt khoảng 1.200 người. Có thể nói miền truyền giáo Tây Nguyên đã đến tuổi trưởng thành và đã đến lúc cần phải tổ chức cuộc sống của họ và vạch ra con đường cho họ. Trong số các trẻ em người dân tộc và người kinh tại Kontum, người ta đã nhìn thấy những yếu tố để bắt đầu xây dựng một hàng giáo sĩ địa phương tại đây.



*Nền nhà thờ Tân Thuộc (Bến Thuộc) Đồng Phó.
Nơi đây từng là trạm trung chuyển hàng hóa
cho miền truyền giáo Tây Nguyên*

5.2. Đào tạo linh mục và thầy giảng

Về việc đào tạo chủng sinh làm linh mục, Giáo phận có hai chủng viện, một ở Làng Sông và một ở Đại An. Từ trước đến nay chủng viện Làng Sông vừa là trường Latinh, tức Tiểu chủng viện, vừa là trường lý đoán, tức Đại chủng viện. Từ năm 1903, Đức cha quyết định trường Làng Sông là trường nhỏ hay Tiểu chủng viện dành cho các chú, dưới sự điều hành của cha Jean François Gagnaire là cha Quyền đại diện, với sự phụ giúp của hai thừa sai và một linh mục Việt Nam; còn trường Đại An là trường lớn hay Đại chủng viện dành cho các thầy, dưới quyền điều hành của cha Constant Jeanningros với sự trợ giúp của một thừa sai và một linh mục Việt Nam. Trường đào tạo các thầy giảng vẫn được gắn liền với trường lớn này.⁴⁹¹

Vì số linh mục trong Giáo phận không đủ, nên xảy ra tình trạng chỉ còn cha sở mà không còn nhà truyền giáo, tức là việc chăm sóc mục vụ cho các tín hữu khiến các cha sở không còn thời gian và sức lực để lo việc truyền giáo cho lương dân. Để trợ giúp các cha trong việc này, Giáo phận cần đến các thầy giảng. Theo qui định của Giáo phận, để được thu nhận vào trường đào tạo thầy giảng hay giáo tập,

⁴⁹¹ Xem AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1903*.

phải là những thanh niên đạo đức đã được 17 tuổi, biết đọc biết viết chữ Quốc ngữ vững vàng. Trong thời gian đào tạo họ được dạy giáo lý, nhạc lý và thánh ca, lịch sử, địa lý, luật pháp và tục lệ Việt Nam. Ngoài ra họ còn phải học Việt văn, Hán văn, một ít tiếng Latinh và tiếng Pháp. Sau khi mãn thời hạn 4 năm đào tạo tại trường, các thầy giảng sẽ đi thực tập trong 3 năm tại các địa sở. Sau 3 năm thực tập, họ được Giáo phận cấp bằng thầy giảng. Họ có thể trở về nhà lập gia đình hoặc ở lại trong hội. Tại các họ đạo và địa sở họ được xếp ngang hàng với biện họ. Trong toàn Giáo phận có tất cả 75 thầy giảng. Trường thầy giảng tại Đại An gồm có 30 thầy, mỗi năm gửi đến các giáo xứ 5 hoặc 6 thầy. Các thầy giảng có công rất nhiều với Giáo phận, hầu như địa sở nào cũng có một thầy giảng nếu không có thầy chủng viện giúp. Nhiệm vụ của các thầy giảng là dạy học tại các trường của địa sở, dạy giáo lý cho các em chuẩn bị xưng tội rước lễ lần đầu và cho người dự tòng. Cũng có thầy giúp việc quản lý ruộng đất. Các thầy Đại chủng viện mãn triết cũng được đưa ra giúp xứ 2 năm với chức năng như các thầy giảng. Tuy nhiên cũng chỉ đáp ứng một phần ba nhu cầu truyền giáo trong Giáo phận. Trong khi đó số linh mục trong Giáo phận quá ít.⁴⁹²

5.3. Thành lập các họ đạo, địa sở mới và phân định lại ranh giới Giáo phận

Đầu thế kỷ XX, một số giáo dân từ Bình Định được cha Julien Geoffroy (cố Kim) dẫn vào sinh sống tại Gò Cát gần Mường Ngang, từ đó lập nên giáo xứ Hộ Diêm. Tại Phú Yên, từ năm 1903, phần đất phía Nam của địa sở Trà Kê đã được tách ra và lập thành địa sở Tịnh Sơn với 514 tín hữu dưới quyền cai quản của một linh mục Việt Nam. Để góp phần phát triển dân trí, văn hóa, đồng thời hỗ trợ cho công cuộc mục vụ và truyền giáo trong Giáo phận, năm 1904 Đức cha tái lập nhà in Làng Sông và giao cho cha Paul Maheu Mỹ làm giám đốc. Cha Maheu đã học nghề in tại Hồng Kông nên rất thông thạo về kỹ thuật in ấn. Bắt đầu từ tháng 10 năm 1904, nhà in đã phát hành số *Mémorial Mission de Quinhon* đầu tiên của loạt đầu tiên từ số 1 đến 157 (tháng 12 năm 1919).⁴⁹³

Năm 1905, phần đất phía Nam của Gia Hựu được tách ra và lập thành địa sở Hội Đức dưới quyền cai quản của cha Pierre Le Darré, gồm 14 họ nhánh với số tín hữu là 2.809 người. Tại địa sở Nam Bình

⁴⁹² Xem AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1904*.

⁴⁹³ Xem *Mémorial Mission de Quinhon, nouvelle série, N° 1, 12 Février 1920*, tr. 1.

(Xóm Nam)⁴⁹⁴ cha Gustave Dubulle đã đặt móng để xây dựng nhà thờ Nam Bình rộng lớn và xứng hợp hơn. Phần đất thị xã Qui Nhơn thuộc địa sở Làng Sông được tách ra và lập thành địa sở Qui Nhơn với 294 tín hữu, trong số đó có 50 người Âu châu.⁴⁹⁵ Vì nhu cầu phục vụ, ngoài sở quản lý chính ở Làng



Nhà thờ Nam Bình

Sông, còn phải lập một nhà quản lý phụ tại Qui Nhơn, để tiếp nhận hàng từ cảng Qui Nhơn và đề lo cho các cha, các thầy, các chú khi phải nằm điều trị tại bệnh viện Qui Nhơn. Cha Louis Vallet Ngân vừa làm cha sở địa sở Qui Nhơn, vừa phụ trách nhà quản lý.⁴⁹⁶ Tại Kontum, Đức cha đã cho lập trường đào tạo *Yao phu* (tên gọi các giáo lý viên người dân tộc) theo mô hình trường thầy giảng ở Đại An, đặt cha Martial Jannin Phước đứng ra xây dựng và làm vị giám đốc đầu tiên. Những học viên giỏi có thể được chọn để gửi đi học tại chủng viện Làng Sông hoặc chủng viện Penang. Đức cha cũng cho thiết lập trạm quản lý tại Đồng Phó để trung chuyển hàng lên Tây Nguyên.⁴⁹⁷

Năm 1907, theo sự đề nghị của Đức cha Grangeon và sự đồng ý của Đức cha Mossard, Đại diện Tông tòa Giáo phận Tây Đàng Trong, một thỉnh nguyện của hai Đức cha đã được đệ trình lên Thánh bộ Truyền giáo và ngày 01.06.1907 Đức Hồng Y Gotti, Tổng trưởng Thánh bộ đã ký Sắc lệnh cắt phần đất từ mũi Kê Gà đến Cà Ná của

⁴⁹⁴ Trong thời cha Dubulle, Xóm Nam được gọi là Nam Bình, Xóm Bắc được gọi là Bắc Định. Từ đó địa sở Xóm Nam được gọi là địa sở Nam Bình cho đến nay.

⁴⁹⁵ Kể từ khi có tòa công sứ Pháp ở Qui Nhơn, dân chúng đổ xô về đó lập nghiệp, xây cất nhà cửa theo kiểu Tây. Ngoài người Việt còn có người Hoa, người Pháp, người Ấn Độ mà dân chúng quen gọi nhầm là Chà Và (Java). Trong số người Việt và người Pháp có nhiều người Công giáo làm thành họ đạo Qui Nhơn thuộc địa sở Làng Sông, tức Tân Dinh.

⁴⁹⁶ Với vai trò quản lý, cha Vallet đã có công xin chính quyền cấp đất cho nhà chung từ khuôn viên Tòa Giám mục Qui Nhơn cho đến đường Hàn Thuyên ngày nay, và theo hướng Nam Bắc thì từ đường Trần Hưng Đạo cho đến đường Bạch Đằng ngày nay.

⁴⁹⁷ Xem AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale* 1905.

tỉnh Bình Thuận khỏi Giáo phận Đông Đàng Trong, và sáp nhập vào Giáo phận Tây Đàng Trong. Lý do là vì vùng đất ấy gần gũi và dễ liên hệ hơn đối với Sài Gòn. Như thế Giáo phận Đông Đàng Trong mất đi khoảng 200 km chiều dài tính theo bờ biển, với 3.028 tín hữu trong 16 họ đạo, trong số đó có 11 họ đạo mới được thành lập sau năm 1885.⁴⁹⁸

5.4. Phong trào xuất giáo

Công việc mục vụ và truyền giáo trong Giáo phận đang phát triển tốt đẹp vào thời hậu Văn Thân đã phải đối diện với phong trào bỏ đạo và những khó khăn đình trệ, do những biến cố chính trị xã hội quốc tế cũng như quốc nội gây nên.

Trước hết là biến cố Nhật thắng Nga ở cửa Lữ Thuận vào năm 1905, khiến các Văn Thân lợi dụng cơ hội này để tạo nên những tin đồn sắp có chiến tranh và Công giáo sẽ bị bách hại. Tiếp đến, cuối năm 1905 tại Pháp ban hành chính sách "chính giáo phân ly" (*séparation des Églises et de l'État*). Chính sách này có nhiều ảnh hưởng đến Giáo Hội tại Việt Nam. Chính quyền thuộc địa Pháp tại Việt Nam lúc bấy giờ không có thiện cảm với Giáo Hội và có đầu óc bài giáo sĩ. Họ ngầm xúi giục các tín hữu làm đơn gửi lên tòa tỉnh xin bỏ đạo. Các quan lại và thân hào Việt Nam cũng vận động các tín hữu làm đơn xin xuất giáo, trong đó ghi là trước đây họ theo đạo vì bị áp lực hoặc bị dụ dỗ. Phong trào làm đơn xin xuất giáo khá mạnh, khiến Đức cha Grangeon phải ra thông cáo đọc tại các địa sở đại ý nói rằng việc theo đạo và giữ đạo là hoàn toàn tự do, ai mộ đạo thì giữ đạo, ai không muốn thì không giữ đạo, không cần phải làm đơn xin xuất giáo.

Phong trào xin xuất giáo được tiếp nối và đẩy mạnh bởi "loạn đồng bào" hay cuộc dân biến phản đối sưu cao thuế nặng và chống bọn tham quan, bắt đầu từ Quảng Nam vào khoảng đầu tháng 03 năm 1908 và sau đó lan đến Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên. Cuộc dân biến này còn được gọi là phong trào "cúp đầu", phát xuất từ việc phong trào kêu gọi mọi người đàn ông cắt tóc ngắn như người Âu châu.

Ban đầu là những cuộc biểu tình chống thuế một cách ôn hòa nhưng dần dần trở nên bạo động. "Đoàn người biểu tình không mang theo vũ khí, không dùng bạo lực, chỉ kiên trì đòi hỏi mục đích là giảm sưu giảm thuế. Nhưng dần về sau, phong trào biến thành một cuộc đối đầu giữa dân nghèo và nhà cầm quyền. Cuộc đối đầu này kịch liệt đến

⁴⁹⁸ Xem AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1907*; MISSION DE QUINHON, *Mémorial*, 30 Septembre 1907, tr. 74.

nổi những người đề xướng phong trào không thể kìm hãm được. Bởi vậy càng về sau, phong trào gần như trở thành một cuộc khởi nghĩa cướp chính quyền. Do đó, đã xảy ra nhiều vụ đổ máu".⁴⁹⁹

Điều khiến người Công giáo và các tân tông lo sợ là tính bạo động không kiểm soát được của phong trào. Đức cha Grangeon đã nhận định trong bản báo cáo năm 1908: "Phải thêm vào đây sự tham lam của người ngoại giáo khi thấy đây là dịp tốt để dụ người Công giáo giao tài sản của mình cho họ mà không cần viết biên nhận, và đồng thời là sự nhát đảm của người Công giáo bị cô lập ở các miền vùng núi, họ nhớ lại thảm họa năm 1885.... Tuy nhiên, những đe dọa hay tấn công xảy ra đâu đó cũng chỉ là do bị kích động đơn lẻ, không nằm trong chương trình của cuộc biểu tình, và các thủ lĩnh phong trào khi biết được những điều đó, đã ra lệnh nghiêm phải từ bỏ chúng ngay... Gán tên cho phong trào này là cuộc bách hại thì không thích đáng cho bằng cuộc nổi loạn".

Tóm lại, đây là phong trào kháng thuế cự sưu chính đáng, vì thế sau này cũng đã được chính quyền đáp ứng. Tuy nhiên, tính bạo động không kiểm soát được của phong trào ở một vài nơi, sự tham lam và lợi dụng biến động để trục lợi của một số kẻ xấu đã tạo ra những hậu quả xấu cho công cuộc mở mang Nước Chúa. Những sự kiện và biến động như thế đã làm chao đảo các tân tông khiến cho hàng trăm hàng ngàn người bỏ đạo, nhiều nhất là ở vùng Bồng Sơn. Có nơi bỏ luôn cả họ đạo. Đồng thời nó cũng làm cho những người muốn theo đạo cũng trở nên do dự, vì họ không cảm thấy an tâm khi theo một tôn giáo thường xuyên bị đe dọa bách hại, nhất là khi họ chưa quên được hình ảnh những người Công giáo bị tàn sát dã man và hàng loạt trong phong trào quần chúng Văn Thân mới xảy ra trước đó chỉ có vài thập niên.⁵⁰⁰

5.5. Tôn phong hai Chân phước và bổ nhiệm Giám mục phó

Ngày 02.05.1909, Đức Giáo Hoàng Piô X tôn phong 20 vị tử đạo của Giáo Hội Việt Nam lên hàng Chân phước, trong số đó có hai vị thuộc Giáo phận Đông Đàng Trong. Vị thứ nhất đứng đầu danh sách là Đức Cha Étienne Théodore Cuénot Thê, tử đạo ngày 14.11.1861. Vị thứ hai là trùm cả Anrê Nguyễn Kim Thông, tử đạo

⁴⁹⁹ Theo [vi.wikipedia.org/wiki/Phong_trào_chống_sưu_thuế_Trung_Kỳ_\(1908\)](http://vi.wikipedia.org/wiki/Phong_trào_chống_sưu_thuế_Trung_Kỳ_(1908)).

⁵⁰⁰ Xem AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1908*; MISSION DE QUINHON, *Mémorial*, 30 Avril 1908, tr. 34-37.

ngày 15.07.1855. Từ đây hai vị được gọi là Chân phước Stêphanô Cuénôt Thê và Chân phước Anrê Nguyễn Kim Thông.⁵⁰¹

Để tạ ơn Thiên Chúa, đồng thời cũng để cầu xin hai vị Chân phước chuyển cầu cùng Chúa cho Giáo phận, Đức cha Grangeon đã ra thư luân lưu quyết định tổ chức tam nhật trọng thể do chính Đức cha chủ sự để tôn vinh hai đấng từ ngày 20 đến 22.01.1910 tại Tòa Giám mục Làng Sông, rồi sau đó ít tuần tại Gò Thị. Nhân dịp này Đức cha đã đặt tên trường đào tạo *Yao phu* tại Kontum là trường Cuénôt và nhận Chân phước Stêphanô Cuénôt làm Bồn mạng của trường. Số người đang theo học tại đây đã lên đến 100 người.⁵⁰²

Ngày 24.08.1911, Đức Giáo Hoàng Piô X đã ban hành Sắc chỉ bổ nhiệm cha Constant Jeanningros Vị làm Giám mục hiệu tòa Havara và Giám mục phó Đại diện Tông tòa Giáo phận Đông Đàng Trong.⁵⁰³ Lễ tấn phong được tổ chức ngày 25.01.1912 tại nhà nguyện chủng viện Làng Sông.



Lễ tấn phong
ĐGM phó Constant Jeanningros Vị 1912

Đức cha Grangeon không thể chủ sự lễ tấn phong được vì tình trạng sức khỏe kém, nên Đức cha Mossard, Đại diện Tông tòa Giáo phận Tây Đàng Trong, được mời làm chủ sự, với sự hiện diện của Đức cha Cardot của Miến Điện và Đức cha Allys, Đại diện Tông tòa Giáo phận Bắc Đàng Trong, 50 thừa sai và 20 linh mục Việt Nam, 180 chủng sinh của hai chủng viện. Đại diện cho Giáo phận Besançon trong đại lễ tấn phong Giám mục cho người con của Giáo

⁵⁰¹ Stêphanô là hình thức Việt hóa của Stephanus trong tiếng Latinh, trong tiếng Pháp gọi là Étienne.

⁵⁰² Xem AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1909*. Xem thư luân lưu của Đức cha Grangeon trong *Mémorial Mission de Quinhon*, N° 61, 31 janvier 1910, tr. 3-7.

⁵⁰³ Đức cha Constant Jeanningros sinh ngày 21.08.1870 tại Longchaux (Pháp), thụ phong linh mục ngày 30.06.1895. Trước khi làm Giám mục, ngài đã làm giáo sư, giám đốc Tiểu chủng viện Làng Sông và Đại chủng viện Đại An.

phận là Đức cha Jeanningros, ngoài hai Đức cha Cardot và Mossard, còn có cha Dubulle và Jannin của Đông Đảng Trong, cha Henri de Pirey của Bắc Đảng Trong, cha Louis Chevènement của Đông Đảng Ngoài, cha Jules và cha Constant Duquet của Cao Miên, cả hai đều là bạn thời thơ ấu và bạn học của Đức tân Giám mục.

Đặc biệt có khoảng 20 người Bahnar, học viên trường Cuénot ở Kontum và một số người Jarai cũng theo cha giám đốc Jannin xuống dự lễ, như một dấu hiệu báo trước rằng con tim của Đức Giám mục phỏ từ đây sẽ hướng về phần đất xa xôi nhất, vất vả nhất, nhưng cũng đáng công nhất của Giáo phận. Hơn nữa chính Đức cha Grangeon sau đó đã giao phó toàn bộ trách nhiệm trên miền truyền giáo Bahnar cho Đức cha phỏ và cha Quyền đại diện của miền truyền giáo này trực tiếp liên hệ với ngài. Đức cha cố gắng học tiếng các dân tộc và tìm cách hoàn thiện nó mỗi khi có cha nào từ Tây Nguyên xuống. Ngài thường xuyên đọc tờ báo nhỏ ra hàng tháng bằng tiếng Bahnar và đọc các sách giáo lý và sách kinh bằng thứ tiếng ấy. Các tín hữu Bahnar rất vui mừng vì có thể trực tiếp gặp gỡ ngài không cần thông ngôn.

5.6. Các vị tử đạo của Giáo phận được Tòa Thánh tôn lên hàng Tội Tớ Chúa

Niềm vui nối tiếp niềm vui: sau khi 3 vị tử đạo của Giáo phận được tôn phong lên hàng Chân phước là cha Phanxicô Isidore Gagelin Kính, Đức cha Stêphanô Théodore Cuénot Thê và trùm cả Anrê Nguyễn Kim Thông, thì ngày 12.11.1918, Tòa Thánh lại ban hành Sắc lệnh tuyên bố 20 vị tử đạo khác của Giáo phận lên hàng Tội tớ Chúa. Trong Sắc lệnh này có 26 vị của Giáo Hội Triều Tiên và 20 vị của Giáo phận Đông Đảng Trong. Đứng đầu danh sách các Tội tớ Chúa của Giáo Hội Triều Tiên là Đức cha Simon Berneux thuộc Hội thừa sai Paris; đứng đầu danh sách các Tội tớ Chúa của Giáo phận Đông Đảng Trong là cha Phaolô Châu, giám đốc chủng viện Làng Sông.

Sau đây là danh sách các Tội tớ Chúa đã chịu chết vì đạo vào những năm 1860 đến 1862 được ghi theo thứ tự trong Sắc lệnh:

1. Linh mục Phaolô Châu, quê ở Gò Thị, Bình Định.
2. Linh mục Giuse Stêphanô Chung, quê ở Cảnh Hàn, Bình Định.
3. Linh mục Đôminicô Cảnh, quê ở Vân Đồn, Quảng Nam.
4. Linh mục Giuse Thủ, quê ở Gò Thị, Bình Định.
5. Thầy bốn Giacôbê Tuyên, quê ở Trà Kiệu, Quảng Nam.
6. Thầy bốn Phêrô Quờn, quê ở Lò Giấy, Phú Yên.

7. Thầy giảng Giuse Trinh, quê ở Phú Cốc, Phú Yên.
8. Chú giúp Gioakim Bảo, quê ở Xóm Quán,⁵⁰⁴ Bình Định.
9. Chú giúp Giuse Hữu, quê ở Chợ Mới, Khánh Hòa.
- 10-13. Ông Hứa, ông Nam, ông Tân, ông Giáo, quê ở Phú Cốc, Phú Yên.
14. Ông Gioakim Quả, quê ở Xóm Quán, Bình Định.
15. Chú Giuse Nghiêm, quê ở Lò Giấy, Phú Yên.
16. Ông Tadeô Quí, quê ở Tân Hội, Bình Định.
17. Ông Phêrô Me, quê ở Vườn Vông, Bình Định.
18. Nữ tu Anê Soạn, quê ở Diêm Điền, Bình Định.
19. Nữ tu Anna Tri, quê ở Dinh Thủy, Phan Rang.
20. Bà Mađalêna Luru, ở Vĩnh Thạnh, Bình Định.⁵⁰⁵

5.7. Các hoạt động từ thiện, văn hóa giáo dục và truyền thông

Năm 1914 tại Nam Bình, cha Gustave Dubulle Phương từ Thác Đá trở về sau 6 năm xa cách và ngài tiến hành xây dựng nhà thờ mới mà ngài đã khai móng năm 1905 cũng như đã chuẩn bị vật liệu từ lâu. Cuối năm 1917 công trình xây dựng kể như đã xong và được khánh thành năm 1918.⁵⁰⁶

Kể từ sau Văn Thân, việc xây dựng nhà thờ địa sở thường cũng kèm theo một phòng phát thuốc cho các bệnh nhân. Tại Kim Châu từ năm 1908 đã có một phòng phát thuốc rất lớn do cha Louis Vallet thiết lập. Năm 1910, khi cha Jean Baptiste Solvignon Lành được đổi về làm cha sở Kim Châu, cha thấy đây là một vùng đất có tiếng nước độc, thường bị sốt rét ngã nước hoành hành, nên cha có sáng kiến mở một bệnh viện tại đây.

ở nhà mở cõi và



Có nhi viện Măng Lăng

⁵⁰⁴ Xóm Quán tức Tân Quán ngày nay.

⁵⁰⁵ Xem *Mémorial Mission de Quinhon*, N° 148, 20 mars 1919, tr. 20-25.

⁵⁰⁶ Cha Dubulle ở tại Nam Bình 2 lần. Lần thứ 1 từ năm 1896 đến 1908. Sau đó ngài được đổi đi Truong Dốc (1908-1909) rồi Thác Đá (1909-1914). Lần thứ 2 từ năm 1914 đến 1919. Sau đó ngài về Pháp dưỡng bệnh.

Thời ấy trong cả tỉnh Bình Định chỉ có một bệnh viện công lập tại Qui Nhơn do bác sĩ Pháp điều khiển với một y sĩ Việt phụ tá. Cha Solvignon đã mua khu đất công điền của thôn An Ngãi (An Nhơn) để xây dựng một bệnh viện qui mô do cha điều hành cùng với sự phụ giúp của 3 nữ tu Dòng Thánh Phaolô thuộc Tỉnh Dòng Hà Nội, trong đó có 2 nữ tu người Pháp và một nữ tu người Việt; về sau có 6 nữ tu Dòng Mến Thánh Giá đến giúp. Một số giáo dân cũng được huấn luyện nghiệp vụ y tá để giúp các nữ tu trong việc làm thuốc. Ngoài ra, tại các địa sở, các cô nhi viện cũng được tái lập hoặc thành lập do các cha sở và các nữ tu Mến Thánh Giá của các phước viện chăm sóc. Từ năm 1913 đến 1917 trong Giáo phận có tất cả 21 cô nhi viện.⁵⁰⁷

Năm 1920 Su huynh Bê trên Tổng quyền Dòng La San đã nhận lời đề nghị của Giáo phận để mở một trường học tại Bình Định. Đang lo lắng tìm một mảnh đất để xây trường, thì Chúa quan phòng đã đưa đến một cơ hội thuận lợi. Thực vậy, trước đó hai năm triều đình đã ra sắc lệnh truyền hủy bỏ lễ nghi tế đất mà các quan tỉnh phải thực hiện hàng năm. Khoảng đất lâu nay được sử dụng cho nghi thức này gọi là "xã tắc" tọa lạc tại Bình Định, chỉ cách nhà thờ Kim Châu độ 200m. Vì vậy Giáo phận đã xin chính quyền nhượng lại mảnh đất này để xây trường học. Sau một năm với nhiều khó khăn, cuối cùng Giáo phận đã nhận được một văn kiện chính thức của các thành viên Cơ mật viện được nhà vua phê chuẩn, theo đó quyền sở hữu mảnh đất xã tắc được cấp cho vị thừa sai phụ trách địa sở Kim Châu mà không phải trả một khoản tiền nào, với một điều kiện duy nhất là trong vòng 3 năm phải thiết lập tại đó một trường học. Đức cha Jeanningros đã công bố quyết định sẽ xây tại đây một trường học mang tên Gagelin, đó là tên của Chân phước Phanxicô Isidore Gagelin Kính của Giáo phận.⁵⁰⁸

Trường Gagelin là trường Pháp-Việt dành cho nam sinh, gồm một tòa nhà hai tầng, với nhiều phòng, chính thức đi vào hoạt động từ năm 1921 với các học sinh nội trú, bán trú và ngoại trú. Số học sinh tối đa là 90 em, trong số đó phân nửa là Công giáo, phân nửa là lương dân. Đây cũng là một phương cách truyền giáo, vì nhà trường không chỉ dạy các học sinh về kiến thức phổ thông, mà còn dạy về luân lý và tôn giáo nữa, giúp cho các học sinh ngoại giáo không những có trình độ kiến thức mà còn có dịp tiếp cận với đức tin.

⁵⁰⁷ Xem AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1914*.

⁵⁰⁸ Xem AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1920*.

Vì số chủng sinh của 2 chủng viện ngày càng đông, năm 1921 Đức cha thành lập hội Phaolô Châu để vận động mọi người trong Giáo phận tham gia đóng góp tài chánh vào việc đào tạo linh mục. Phaolô Châu là tên của cha giám đốc chủng viện Làng Sông, từ đạo năm 1862 và được Tòa Thánh đưa vào danh sách các Tội tử Chúa như đã nói trên. Hội Phaolô Châu gồm những ân nhân cúng ruộng đất hoặc tiền bạc để mua ruộng đất, gọi là ruộng Phaolô Châu⁵⁰⁹ để phân biệt với ruộng nhà chung, tức ruộng đất của Giáo phận. Hằng năm Giáo phận dùng hoa lợi của ruộng Phaolô Châu để đãi thợ một phần nào cho các chi phí tại Tiểu chủng viện và Đại chủng viện. Ngày 30.05.1953 Tòa Thánh chuẩn y việc thành lập hội.⁵¹⁰ Hội Phaolô Châu là một tổ chức đặc biệt của Giáo phận vẫn được duy trì cho đến ngày nay, vừa giúp mọi thành phần dân Chúa trong Giáo phận ý thức trách nhiệm của mình đối với việc đào tạo hàng linh mục, vừa tạo điều kiện thuận lợi để họ được hưởng nhờ những ơn phúc thiêng liêng do Giáo Hội ban cho, không phải một lần, nhưng suốt đời và nhất là sau khi đã qua đời. Nhiều người không có con cháu để cầu hồn xin lễ sau khi qua đời, thì nhờ gia nhập hội Phaolô Châu mà được chủng viện dâng lễ cầu nguyện cho.

Năm 1922, bệnh viện Kim Châu (quen gọi là nhà thương Kim Châu) đã đón nhận 512 bệnh nhân với 15.623 ngày nằm viện, phát thuốc cho 41.550 lượt người bệnh. Cũng trong năm ấy, nhà in Làng Sông dưới sự điều hành của cha Paul Maheu Mỹ đã in được 18.000 tờ báo định kỳ, 1.000 đầu sách các loại, 32.000 ấn phẩm khác. Riêng tờ báo *Lời Thăm*, bán nguyệt san dành cho các thầy giảng, được 1.500

⁵⁰⁹ Hiện nay tại chủng viện Làng Sông vẫn còn giữ một bảng đá cẩm thạch ghi tên những hội viên Phaolô Châu khi mới thành lập năm 1921.

⁵¹⁰ Theo qui định của hội đã được Tòa Thánh phê chuẩn, khi một hội viên Phaolô Châu qua đời hay khi xin lễ cho người đã qua đời, thì chủng viện dâng lễ cầu nguyện cho linh hồn ấy. Mỗi thứ bảy đầu tháng, chủng viện dâng lễ cầu nguyện cho tất cả các hội viên còn sống và đã qua đời. Hằng năm, sau lễ các đẳng linh hồn (02.11) chủng viện dâng một lễ cầu cho các hội viên đã qua đời. Mỗi linh mục mới chịu chức có bốn phận dâng một lễ trong tháng đầu tiên để cầu cho các hội viên còn sống và đã qua đời. Ngoài ra, các hội viên còn được hưởng một ơn đại xá vào chính ngày xin lễ và khi qua đời. Vào ngày lễ bốn mạng Phaolô Châu (01.09), lễ các thánh tông đồ, một trong ba ngày mồng một, mồng hai, mồng ba Tết, tùy ý lựa chọn, mỗi hội viên cũng được hưởng ơn đại xá nếu đi viếng nhà thờ và cầu nguyện theo ý Đức Giáo Hoàng. Cuối cùng, ai khuyến khích người khác xin lễ Phaolô Châu thì cũng được hưởng một ơn tiểu xá.

bản, phát hành cả Đông Dương. Tổng cộng trong năm có đến 63.185 ấn phẩm với 3.407.000 trang.⁵¹¹

Với phương châm: "Biết nhau để hiểu rõ nhau hơn, mà hiểu rõ nhau, cho đặng mến và giúp đỡ lấy nhau", cha Maheu cũng đã thành lập "Hội học Pháp Nam Qui Nhơn", để những người con ưu tú của hai dân tộc Việt và Pháp gặp gỡ và trao đổi trí thức với nhau. "*Lời Thăm*" đã thành lập vững đứng, Cha liền để trí lo đến nơi hội quán cho người trí thức Annam ở châu thành Qui Nhơn có chỗ hội hiệp đàm đạo cùng nhau và đã thể ý các hội viên đầu hết mà lập nên câu lạc bộ Pháp Nam, rày đang thanh hành phát đạt".⁵¹²

Để góp phần phát triển chữ Quốc ngữ và nhờ đó nâng cao trình độ dân trí trong toàn Giáo phận, ngày 13.05.1924 Đức cha Grangeon ra thư chung yêu cầu các cha sở phải mở trường Quốc ngữ trong địa sở của mình và đến năm 1927 trong toàn Giáo phận đã có 60 trường học.⁵¹³ Tất cả các trường học đều đón nhận các học sinh ngoại giáo và chúng cũng được dạy về đạo như các học sinh Công giáo. Có điều lạ là người lương thích gửi con em học các trường Công giáo hơn là các trường công lập. Đó là một đóng góp lớn của Giáo Hội địa phương vào phong trào truyền bá và phát triển chữ Quốc ngữ, nhờ đó góp phần nâng cao trình độ dân trí của người Việt Nam, đặc biệt là giới trẻ.



Trường Gia Hựu

⁵¹¹ Xem AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1922*.

⁵¹² Trích báo *Lời Thăm*, *Địa phận Qui Nhơn*, số 198, 15 mars 1931, tr. 161-163. "Buổi họp đầu tiên của Hội học Qui Nhơn diễn ra vào ngày 02 tháng chín (1928) dưới sự điều khiển của cha Maheu và ông Thanh; 17 người Việt tham dự. Họ đã bầu ông Tồn làm hội trưởng và quyết định hội sẽ mở cửa cho người Tây lẫn người Việt. Như vậy, tên của hội mới này là: Cercle d'études franco-annamite de Quinhon (Hội học Pháp Nam Qui Nhơn). Địa điểm của hội do Đức cha Grangeon nhường cho sử dụng: ngôi nhà thứ ba của Nhà chung từ sở quản lý đền chợ cũ". *Mémorial de Quinhon*, septembre 1928, tr. 142.

⁵¹³ Xem *Mémorial Mission de Quinhon*, N° 5, Mai 1924, tr. 67-69.

5.8. Việc dạy kinh và giáo lý

Việc dạy giáo lý cũng được bắt đầu từ trường sơ học của địa sở hay họ đạo. Tại đây trước hết các em được dạy học văn, tức dạy đọc chữ Quốc ngữ. Học văn xong các em được tập đọc theo quyển *Thánh giáo Yếu lý* cùng với những môn học khác như tập viết, học chính tả, học toán, v.v. Nhưng không phải mọi trẻ em đều có thể đến trường, vì gia đình nghèo không có tiền cho đi học, hoặc vì ở những họ lẻ không có trường, hoặc trường học quá xa. Do đó việc dạy giáo lý cho các em còn được tổ chức theo một mô hình khác. Theo sự sắp xếp của mỗi nơi, các em được tập trung đến nhà thờ, thường vào ban tối, trừ những ngày mùa và mùa mưa. Người dạy giáo lý thường là những cai sĩ⁵¹⁴ trong các họ đạo dưới quyền điều khiển của một chức việc đặc trách. Cũng có thể các em tập trung tại nhà các ông ấy. Nội dung là giáo lý phổ thông được biên soạn thành chín thiên,⁵¹⁵ mười giới, ba nghĩa, tức là những bài học về các chân lý đức tin, về các điều răn và giải thích ý nghĩa của 3 kinh căn bản và quan trọng thường đọc: kinh Tin kính, kinh Lạy Cha, và kinh Kính mừng. Các bài học được biên soạn theo hình thức hỏi thưa, ngắn gọn, có vần điệu, nên rất dễ học và dễ nhớ. Cùng với việc học giáo lý, các em cũng học thuộc lòng các kinh thường đọc. Các em không cần mang theo sách gì cả, chỉ cần nghe người dạy đọc trước rồi lặp lại, hoặc nghe giải nghĩa. Người dạy thường kiểm tra bài học tại chỗ bằng cách đặt câu hỏi và các em trả lời. Ngoài ra vào các ngày Chúa nhật, trước thánh lễ thường có phần đọc giáo lý chung trong nhà thờ, hai bên nam nữ hỏi thưa. Tại các họ nhánh cũng có đọc giáo lý chung như thế trong giờ kinh tối. Như vậy, với thời gian hầu hết thanh thiếu niên và cả người lớn đều thuộc lòng kinh bản, tức các kinh đọc và giáo lý.

Để thúc đẩy việc học kinh và giáo lý trong toàn Giáo phận, từ thời Đức cha Grangeon Mẫn có tổ chức thi kinh thiên, nhưng theo cách tổ chức và sáng kiến của mỗi cha sở, chứ chưa có một chương trình chung của Giáo phận. Như chúng ta đã biết, việc thi kinh và giáo lý đã được tổ chức từ thời Đức cha Cuénot Thê. Những cuộc thi này thường diễn ra trong những thời điểm rảnh rỗi trong năm, nên có sự tham gia đông đảo của người lớn. Hình thức thi không nặng nề nhưng

⁵¹⁴ Cai sĩ là cấp thấp nhất trong ban chức việc gồm: trùm, câu, biện, cai. Cai sĩ còn được gọi là chức việc phụ tá.

⁵¹⁵ Trong khi ở miền Bắc sách giáo lý gọi là sách bản, thì ở miền Nam gọi là sách thiên, vì các bài giáo lý được sắp xếp thành 9 thiên, tức 9 chương, mỗi thiên là một bài, ví dụ: "Thiên Chúa nhứt thể tam vị đệ nhứt thiên, Giáng sinh cứu thế đệ nhị thiên, Tử kỳ hữu định đệ tam thiên..."

rất vui, có nơi còn thêm hoạt cảnh ma quái cảm dỗ và làm trò hý lộng mỗi khi có người trả lời sai, nên ai ai cũng đều thích thú.

5.9. Đức cha phó Jeanningros Vị qua đời

Năm 1921, Giáo phận phải chịu một cái tang lớn, đó là sự ra đi của Đức cha phó Jeanningros Vị. Trong thời gian 9 năm làm Giám mục, Đức cha Jeanningros lên Kontum là trung tâm của miền truyền giáo Bahnar 3 lần, có lần kéo dài đến 2 tháng. Mỗi lần như thế ngài viếng thăm các địa sở, kể cả các họ đạo xa xôi. Sau khi kết thúc chuyến viếng thăm các địa sở, ngài tập hợp các thừa sai lại để dự cuộc tĩnh tâm do ngài giảng và hướng dẫn; tiếp đến ngài giảng tĩnh tâm cho các linh mục người Kinh đang làm việc tại Tây Nguyên, vì lúc ấy chưa có linh mục người dân tộc. Tại 6 tỉnh miền duyên hải, ngài cũng thường xuyên đi thăm viếng và kinh lý tất cả các địa sở. Thường cứ nửa năm đi kinh lý, sau đó là nửa năm làm việc tại nhà. Nhà ở của ngài tại Qui Nhơn. Vì Đức cha Grangeon đau yếu, nên ngài gánh vác nhiều công việc nặng nề như: lo việc tài chánh các sở và của nhà chung, tạo mãi ruộng đất xây cất các cơ sở như bệnh viện Kim Châu và trường trung tiểu học La San Gagelin, điều động các thầy giảng, thu nhận các di phước, giải quyết những tranh chấp,... Những công việc như thế khiến ngài kiệt sức.

Ngày 09.03.1921, ngài rời Qui Nhơn đi Sài Gòn bằng xe hơi để chữa bệnh gan tại bệnh viện tư của bác sĩ Auger. Vừa đến Sài Gòn, bệnh tình của ngài trở nên trầm trọng dường như không thể chữa được. Mặc dù các y bác sĩ đã tận tình chữa chạy, nhưng cuối cùng ngài cũng đã qua đời ngày 21.03.1921 khi mới được 51 tuổi. Xác ngài được an táng tại nghĩa trang Adran, tức Lăng Cha Cả ở Sài Gòn.

CHƯƠNG III

GIÁO PHẬN TÔNG TÒA QUI NHƠN (1924 - 1960)

Ngày 03.12.1924, Tòa Thánh đổi tên các Giáo phận Tông tòa tại Việt Nam theo tên địa hạt hành chánh nơi đặt Tòa Giám mục. Vào thời điểm ấy Tòa Giám mục của Giáo phận Đông Đàng Trong đang được đặt tại Làng Sông, nhưng Giáo phận lại đổi tên thành Giáo phận Qui Nhơn. Có thể có hai lý do lý giải việc này:

Lý do thứ nhất: ngày 12.07.1899, cửa Thị Nại được vua Thành Thái ra chỉ dụ thiết lập thành thị xã Qui Nhơn theo như tấu trình của Cơ mật viện ngày 20.10.1898, vì đó là nơi đang phát triển mạnh và ngày càng trở thành quan trọng, do vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội và sự phát triển của nền công nghiệp phương Tây vào thế kỷ XIX. Trong thời điểm ấy thị xã Qui Nhơn vẫn thuộc về địa sở Làng Sông. Đến năm 1905 địa sở Qui Nhơn, tiền thân của giáo xứ Chính tòa ngày nay, đã được thành lập và một trạm quản lý của Giáo phận cũng được đặt ở đó. Điều ấy có thể cho thấy Tòa Giám mục đã có ý định di dời về Qui Nhơn.

Lý do thứ hai: Qui Nhơn là tên gọi cũ của tỉnh Bình Định, đã có từ thời chúa Nguyễn Hoàng như đã nói trước đây, nên mặc dù không còn được sử dụng cách chính thức vào thời điểm năm 1924, nhưng có lẽ vẫn còn thông dụng trong dân gian, vì đó là tên gọi ăn sâu vào trong ký ức của người dân, nhất là nó liên quan đến lịch sử hào hùng của tỉnh nhà dưới thời Tây Sơn. Tòa Giám mục khi ấy được đặt tại Làng Sông, tức trong tỉnh Bình Định, cũng có thể được gọi là trong tỉnh Qui Nhơn, theo cách nói của người dân. Hơn nữa tên gọi Qui Nhơn đã gắn liền với lịch sử của Giáo phận ngay từ đầu công cuộc truyền giáo, khi phủ Qui Nhơn là nơi đầu tiên của Giáo phận đã đón nhận Tin Mừng từ năm 1618.

Có lẽ vì những lý do đó mà trong các tài liệu và ấn phẩm của Giáo phận trước năm 1924 khoảng vài chục năm, người ta đã thấy tên gọi Mission de Quinhon (Miền truyền giáo Qui Nhơn) được dùng song song hoặc thay thế tên gọi Mission de Cochinchine orientale (Miền truyền giáo Đông Đàng Trong).⁵¹⁶

⁵¹⁶ Ví dụ tên gọi các tài liệu hoặc ấn phẩm: *Rapport annuel de Cochinchine Orientale*, nhưng *Mémorial Mission de Quinhon*.

1. THỜI ĐỨC CHA DAMIEN GRANGEON MẮN (tiếp theo)

Đức cha Grangeon đánh dấu bước phát triển của Giáo phận dưới tên gọi mới với việc thay thế những ngôi nhà bằng tranh của chủng viện Làng Sông



được xây dựng một cách vội vã sau cuộc tàn phá của Văn Thân bằng những ngôi nhà kiên cố bằng gạch ngói, gồm hai khối nhà lớn hai tầng, nhà các cha giáo và những công trình phụ. Chúa nhật 30.08.1925 Đức cha làm phép tòa nhà thứ nhất, với tầng trên gồm phòng ngủ các chú lớn, các phòng cha giáo, tầng trệt gồm phòng cha giám đốc, phòng khách và các phòng học.⁵¹⁷ Sau đó công trình xây dựng được tiếp tục cho đến ngày 21.09.1927 chủng viện long trọng tổ chức lễ khánh thành, với sự hiện diện của 63 linh mục và đông đảo giáo dân từ khắp 7 tỉnh trở về, nhưng trong ngày hôm ấy không có sự hiện diện của Đức cha Grangeon vì ngài vừa mới qua phẫu thuật ở Sài Gòn.⁵¹⁸ Đồng thời, 16 cây sao cũng được trồng hai bên con đường song song với bờ tường chính diện phía Nam.

1.1. Bước đầu cải tổ Dòng Mến Thánh Giá và thành lập Dòng Thánh Giuse

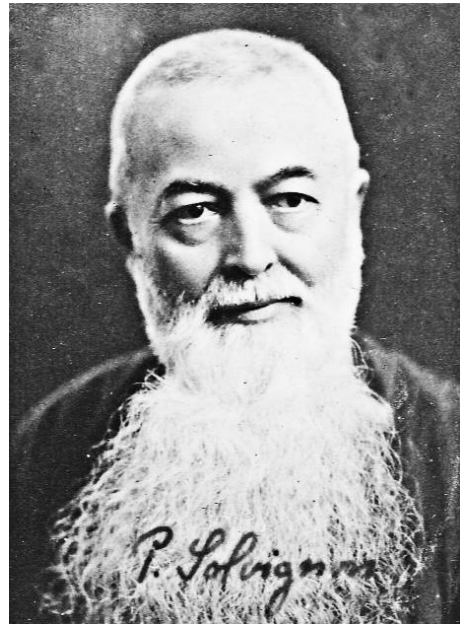
Dòng Chị Em Mến Thánh Giá, gọi tắt là Dòng Mến Thánh Giá, do Đức cha Lambert de La Motte thành lập tại Giáo phận Đà Nẵng từ năm 1671. Trong Giáo phận Qui Nhơn dưới thời Đức cha Grangeon, Hội dòng này có 11 phước viện: Phú Thượng, Trà Kiệu, Cù Và, Gia Hựu, Đại An, Gò Thị, Làng Sông, Măng Lăng, Bình Cang, Dinh Thủy và Kontum, với gần 300 nữ tu, nhưng sinh hoạt biệt lập với nhau, chỉ có Giám mục làm Bề trên các phước viện trong Giáo phận. Từ trước đến nay các nữ tu chuyên tâm làm việc lành, ăn chay

⁵¹⁷ Xem *Mémorial Mission de Quinhon*, N° 9, Septembre 1925, tr. 141.

⁵¹⁸ Xem *Mémorial des mois Août - Septembre 1927 de la Mission de Quinhon*, tr. 106-109; *Mémorial du mois du Novembre 1927 de la Mission de Quinhon*, tr. 118-119.

hãm mình, đọc kinh cầu nguyện, đi rửa tội cho con nít ngoại giáo, nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ mồ côi, nấu nướng, may vá, giúp việc hai nhà trường, nên có nhiều công khó. Tuy nhiên lề luật và những công việc làm theo kiểu cách ngày xưa không còn hợp với thời nay bao nhiêu. Nhất là Tòa Thánh đã thúc giục các Giáo phận mở trường học, bệnh viện và tổ chức các hoạt động từ thiện. Để đáp ứng các yêu cầu giáo dục và từ thiện này, các nữ tu địa phương cần phải được học hành chữ nghĩa, khả năng chuyên môn và tu luyện kỷ lưỡng hơn. Do đó cũng cần phải sửa đổi luật dòng cho phù hợp với hoàn cảnh mới, sứ vụ mới, và với giáo luật 1917.⁵¹⁹

Đức cha Grangeon đã ủy nhiệm trọng trách cải tổ Hội dòng cho cha Solvignon, thường gọi là Cố Lành, sau khi cha được bổ nhiệm về làm cha sở Gò Thị từ năm 1920. Công việc đầu tiên là xây dựng cơ sở Nhà mẹ tại Gò Thị. Cha đã vận động các nhà hảo tâm trong và ngoài nước để xin giúp đỡ. Nhà mẹ được khởi công xây dựng năm 1922, đến tháng 03 năm 1924 thì hoàn thành và được Đức cha Grangeon làm phép ngày 21.05.1924.⁵²⁰ Đó là một tòa nhà hai tầng khang trang đồ sộ. Nhà tập được xây dựng tiếp theo và hoàn thành vào giữa năm 1925. Song song với việc xây dựng Nhà mẹ, cha Solvignon còn lo soạn thảo nội quy, chuẩn bị việc khai mở lớp huấn luyện đầu tiên.



Cha Solvignon (Cố Lành)

Để có nhân sự phụ trách công tác huấn luyện, Đức cha Grangeon đã liên hệ với Mẹ Thérèse, Giám tỉnh Dòng Thánh Phaolô thành Chartres ở Hà Nội và Mẹ đã đồng ý cho nữ tu Marie de Lorette (Pháp)

⁵¹⁹ Xem "Bản tâu xin lập Dòng Chị Em Mến Thánh Giá" của Đức cha Đamianô Grangeon, trong *Hiển chương Hội Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn*, năm 2011, tr. 17.

⁵²⁰ Xem *Mémorial Mission de Quinhon*, N° 6, Juin 1924, tr. 86.

từ Hà Nội và nữ tu Gabrielle (Việt)⁵²¹ từ Kim Châu đến giúp. Ngày 13.05.1924, cả hai đến Gò Thị và được đón tiếp trọng thể tại Nhà mẹ. Đức cha quyết định khai mở đệ tử viện đầu tiên (thời ấy gọi chung là nhà tập) ngay trong nửa đầu tháng 05 năm 1924. Lớp đầu tiên phần lớn là những di phước từ các phước viện cũ chuyển qua. Sau đó ít lâu Mẹ Giám tỉnh sai thêm nữ tu Ernestine (Việt) đến tăng cường việc huấn luyện văn hóa cho các chị em.

Ngày 01.06.1926, Đức cha ra thư chung về việc thành lập nhà tập chung tại Gò Thị, dưới sự điều hành huấn luyện của nữ tu Marie de Lorette, Dòng Thánh Phaolô thành Chartres, một người vừa có khả năng chuyên môn vừa đầy tinh thần siêu nhiên, cùng với sự phụ giúp của 2 nữ tu khác cùng dòng,



Tu viện Mên Thánh Giá tại Gò Thị

nhưng Bề trên chính thức của tập viện vẫn là cha Solvignon. Thư được gửi rộng rãi đến các địa sở để kêu gọi các thiếu nữ dâng mình cho Chúa, kèm theo những điều lệ và hướng dẫn.

Khóa huấn luyện đầu tiên trong chương trình cải tổ diễn tiến tốt đẹp, kết quả là ngày 14.09.1926, lễ Suy tôn Thánh Giá, có 17 trinh nữ được mặc áo dòng trong nghi thức trọng thể tại nguyện đường Nhà mẹ, do Đức cha Grangeon chủ sự với sự tham dự của cha Quyền đại diện và 15 linh mục. Tiếp theo sau nghi lễ mặc áo dòng của các tập sinh để bắt đầu năm tập một, Đức cha chủ sự nghi thức làm phép ngôi nhà tập hai tầng rộng lớn.⁵²² Năm sau, ngày 08.12.1927 có 14 người được mặc áo dòng và ngày 01.02.1928 có thêm 14 người nữa. Họ được huấn luyện một cách kỹ lưỡng, được học tập văn chương chữ nghĩa, các việc nữ công, tập luyện nữ hạnh và các nhân đức của bậc tu trì, để khi mãn hạn nhà tập thì khẩn hứa dâng mình cho Chúa. Đây không phải là một Hội dòng mới, nhưng vẫn là Dòng Chị Em Mên

⁵²¹ Nữ tu Gabrielle lúc bấy giờ đang làm việc tại Kim Châu và người ta thường gọi là Bà Marie.

⁵²² Xem *Mémorial de Septembre 1926 de la Mission de Quinhon*, tr. 42.

Thánh Giá như trước. Chỉ có điều là trước đây không có lời khẩn, bây giờ có lời khẩn.⁵²³

Nhận thấy chương trình cải tổ tiến triển tích cực, Đức cha Grangeon quyết định đệ trình Bản tâu xin lập dòng lên Tòa Thánh đề xin phê chuẩn, trong đó ngài trình bày mục đích chương trình cải tổ Dòng Mến Thánh Giá trong Giáo phận Qui Nhon và tất cả những gì đã được thực hiện từ năm 1924 đến 1928. Cuối năm 1928, lớp tập sinh tiên khởi đã hoàn tất việc huấn luyện và Đức cha quyết định tổ chức lễ khẩn tạm đầu tiên vào ngày 19.02.1929 tại tập viện Gò Thị. Đức cha Herrgott, Giám mục Giáo phận Phnom Penh, đang ghé thăm Qui Nhon và được mời chủ sự lễ khẩn, với sự tham dự của 17 linh mục trong Giáo phận. Sau lễ khẩn, 14 khẩn sinh tiên khởi đã lần lượt lên đường phục vụ. Ngày 02.03.1929, Thánh bộ Tu viện đã ban Sắc chuẩn y Bản tâu xin lập Dòng Chị Em Mến Thánh Giá của Đức cha Grangeon.⁵²⁴

Song song với việc cải tổ Dòng Chị Em Mến Thánh Giá, ngày 05.07.1926, theo lời thỉnh cầu của thừa sai Jean Sion Khâm và sự đồng thuận của Ban tư vấn Giáo phận họp tại Đại An, Đức cha thiết lập Dòng Anh Em Hèn Mọn Thánh Giuse, quen gọi là Dòng Thánh Giuse, gồm các thầy giảng đã và đang được đào tạo tại trường giáo tập Đại An, và đặt cha Sion Khâm, cha sở Nhà Đá, làm Bề trên; tu viện đầu tiên được đặt tại Nhà Đá. Đây là Hội dòng Giáo phận có lời khẩn đơn và khẩn trọn. Khóa học đầu tiên được khai giảng vào ngày 01.11.1926 với 17 đệ tử.

⁵²³ Xem ĐGM ĐAMIANÔ GRANGEON, "Thơ chung về sự lập nhà phước tại Gò Thị", Làng Sông, ngày 01.06.1926; "Bản tâu xin lập Dòng Chị Em Mến Thánh Giá", trong *Hiển chương Hội Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhon*, năm 2011, tr. 14-20.

Trong các văn kiện này Đức cha Grangeon nói rằng các nữ tu Mến Thánh Giá từ trước cho đến lúc ấy không có lời khẩn. Thực ra sau khi Đức cha Lambert de La Motte thành lập Dòng Chị Em Mến Thánh Giá tại An Chi trong chuyến viếng thăm Giáo phận Đàng Trong lần thứ nhất vào năm 1671, thì trong chuyến viếng thăm lần thứ hai vào năm 1675 ngài đã nhận lời khẩn trọng thể của các chị em tiên khởi. Sau đó có lẽ vì những cuộc bách hại xảy ra liên miên, các nữ tu khi thì bị giải tán phải về nhà, khi thì được kêu gọi trở lại, cuộc sống cộng đoàn không ổn định, nên không có lời khẩn ?

⁵²⁴ Xem "Sắc chuẩn y của Thánh bộ Tu viện", trong *Hiển chương Hội Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhon*, sdd., tr. 20.

1.2. Thành lập trại phong Qui Hòa

Theo lời đề nghị của quan công sứ Pháp tại Qui Nhơn, từ năm 1929 Đức cha Grangeon Mẫn đã chỉ định cha Paul Maheu thành lập một trại phong tại Qui Hòa và đảm nhận vai trò giám đốc điều hành,⁵²⁵ với sự cộng tác của bác sĩ Le Moine, phụ trách việc chữa trị cho bệnh nhân. Thực ra, chính bác sĩ Le Moine, giám đốc bệnh viện Qui Nhơn, là người đầu tiên đã có ý tưởng xây dựng một trại phong tại Bình Định, vì ông thấy có nhiều người mắc bệnh phong tại các tỉnh miền Trung này và chính ông đã xin chính phủ cấp những giấy tờ cần thiết. Được sự ủy thác của Đức Giám mục, cha Maheu đã phải vất vả đi vận động tài chánh khắp nơi. Nhờ sự giúp đỡ của các nhà hảo tâm tại Việt Nam và Pháp, cha đã khởi công xây dựng trại phong bằng mái tranh vách đất, gồm nhà nguyện, nhà bệnh nhân và nhà phát thuốc.⁵²⁶ Đầu tiên, những địa sở nào có người mắc bệnh phong thì các cha liệu đưa họ đến điều trị tại đây, từ đó hình thành một nhóm tín hữu hạt nhân giúp cho các bệnh nhân phong ngoại giáo đến điều trị tại đây được trở lại đạo.⁵²⁷

Lúc mới thành lập, trại phong đã đón nhận 52 bệnh nhân, năm sau số bệnh nhân lên đến 140. Ngay từ đầu, một số nữ tu Mến Thánh Giá tại Gò Thị đã được đưa đến để chăm sóc các bệnh nhân. Sau một năm làm việc vất vả, cha Maheu kiệt sức phải trở về Pháp an dưỡng và đã qua đời ngày 27.02.1931.

1.3. Tổng kết tình hình Giáo phận cuối thời Đức cha Grangeon

Dân số Công giáo của Giáo phận trong những năm qua chẳng những không gia tăng mà còn có phần giảm sút, mặc dù hằng năm vẫn có nhiều người trở lại đạo, tuy không bằng những năm trước. Có nhiều lý do. Trước hết, vì trong thời gian qua, trong Giáo phận thường xảy ra thiên tai dịch bệnh, khiến cho trong phân nửa các địa sở số tử nhiều hơn số sinh. Cụ thể trong năm 1917, số người qua đời là 2.780 người,

⁵²⁵ Xem *Mémorial des mois de Février-Mars 1929 de la Mission de Quinhon*, tr. 14; *Mémorial du mois de Mai 1929 de la Mission de Quinhon*, tr. 21.

⁵²⁶ Theo thỏa ước, quyền sở hữu bệnh viện thuộc về chính quyền Bảo hộ, còn quyền điều hành thì thuộc về Giáo phận. Xem MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1934 à Septembre 1935*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1935, tr. 8. Tuy nhiên điều này có vẻ không hợp lý, bởi vì trại phong được xây dựng bằng kinh phí do cha Maheu vận động các nhà hảo tâm, chứ không phải do chính quyền Bảo hộ tài trợ.

⁵²⁷ Xem *Mémorial du mois de Mai 1929 de la Mission de Quinhon*, tr. 21.

trong khi đó số các em ra đời chỉ có 2.260. Đó là chưa kể đến số người di cư vào miền Nam ngày càng tăng từ khi có đường xe lửa. Những chủ đồn điền cũng thường đến Bình Định kiếm nhân công, họ sẵn sàng cung cấp quần áo, trả lương trước và hứa hẹn một mức lương cao cho một công việc nhẹ nhàng, khiến nhiều người nghèo bỏ xứ ra đi. Ngoài ra kể từ khi xảy ra chiến tranh, có rất nhiều người sang Pháp gồm các thiện nguyện viên, công nhân hay binh sĩ.⁵²⁸

Tình hình của Giáo phận cuối năm 1928 được ghi nhận như sau:

- **Tại tỉnh Quảng Nam** có 9 địa sở, 77 họ đạo, 13.097 tín hữu:

1. Địa sở Đà Nẵng: 975 tín hữu, một trường học Pháp-Việt dành cho nữ sinh do các nữ tu Dòng Thánh Phaolô điều hành.

2. Địa sở An Ngãi: 1.657 tín hữu.

3. Địa sở Phú Thượng: 1.901 tín hữu, phước viện Mến Thánh Giá, cô nhi viện.

4. Địa sở Phú Trung: 1.297 tín hữu.

5. Địa sở Trà Kiệu: 2.997 tín hữu, phước viện Mến Thánh Giá và cô nhi viện.

6. Địa sở Lệ Sơn: 956 tín hữu.

7. Địa sở An Sơn (gồm cả Vân Đồn): 1.066 tín hữu.

8. Địa sở Thuận Yên: 1.230 tín hữu.

9. Địa sở Hoàng Phước: 1.018 tín hữu.

- **Tại tỉnh Quảng Ngãi** có 6 địa sở, 51 họ đạo, 6.759 tín hữu:

1. Địa sở Trung Tín⁵²⁹: 1.456 tín hữu.

2. Địa sở Cù Vả: 1.877 tín hữu, phước viện Mến Thánh Giá và cô nhi viện.

3. Địa sở Phú Hòa: 974 tín hữu.

4. Địa sở Châu Me: 722 tín hữu.

5. Địa sở Bàu Góc: 1.266 tín hữu.

6. Địa sở Trà Câu: 464 tín hữu.

- **Tại tỉnh Bình Định** có 16 địa sở, 171 họ đạo, 20.776 tín hữu:

⁵²⁸ Xem AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1917*.

⁵²⁹ Địa sở Trung Tín trước kia được gọi là Trung Sơn. Xem MISSION DE QUI NHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1939 à Septembre 1940*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1940, tr. 5. Năm 1917, làng Trung Sơn thuộc huyện Bình Sơn bị giải thể, vì mang tiếng là có nhiều người tham gia cách mạng muốn lật đổ chế độ. Các gia đình trong làng bị sáp nhập vào những làng lân cận. Tuy nhiên, người Công giáo được cho phép lập một làng riêng là làng Trung Tín. Những người lương cam kết sống yên ổn làm ăn cũng được cho nhập làng Trung Tín.

1. Địa sở Gia Hựu: 1.958 tín hữu, phước viện Mến Thánh Giá và cô nhi viện.

2. Địa sở Hội Đức: 985 tín hữu.

3. Địa sở Thác Đá: 489 tín hữu.

4. Địa sở Đồng Dài: 431 tín hữu.

5. Địa sở Đồng Quả: 1.669 tín hữu.

6. Địa sở Nước Nhì: 503 tín hữu.

7. Địa sở Nhà Đá: 1.548 tín hữu, tập viện Dòng Thánh Giuse.

8. Địa sở Kỳ Bương: 1.494 tín hữu.

9. Địa sở Kim Châu: 2.413 tín hữu, bệnh viện, phòng khám, phòng thuốc, nhà trẻ, do các nữ tu Dòng Thánh Phaolô phục vụ, trường Gagelin Pháp-Việt dành cho nam sinh do các sư huynh La San điều hành.

10. Địa sở Kiều Đông: 496 tín hữu.

11. Địa sở Đại An: 1.432 tín hữu, Đại chủng viện, trường thầy giảng, nhà hưu dưỡng các linh mục Việt Nam, phòng thuốc, phước viện Mến Thánh Giá với cô nhi viện.

12. Địa sở Nam Bình: 1.382 tín hữu.

13. Địa sở Gò Thị: 2.967 tín hữu, tập viện Mến Thánh Giá, 1 cô nhi viện.

14. Địa sở Tân Dinh⁵³⁰: 1.739 tín hữu, Tòa Giám mục, Tiểu chủng viện, nhà in, phước viện Mến Thánh Giá, cô nhi viện.

15. Địa sở Quì Nhơn: 482 tín hữu, sở quản lý của Giáo phận.

16. Địa sở Cây Đa: 544 tín hữu

- **Tại tỉnh Phú Yên** có 7 địa sở, 40 họ đạo, 3.569 tín hữu:

1. Địa sở Măng Lăng: 1.271 tín hữu, phước viện Mến Thánh Giá và cô nhi viện.

2. Địa sở Sông Cầu: 170 tín hữu.

⁵³⁰ Địa sở Tân Dinh không rõ được thành lập từ năm nào. Trong bản báo cáo năm 1750 có hai họ đạo là Diêm Điền và Làng Sông. Trước kia tên gọi Làng Sông vừa chỉ địa sở, vừa chỉ khu vực gồm Tòa Giám mục, nhà chung, sở quản lý, nhà in và Tiểu chủng viện Làng Sông. Trong tài liệu năm 1905 có ghi: cha Cảnh, quê ở Phú Hòa (Quảng Ngãi) về làm cha sở Tân Dinh thay cha Triết. Một tài liệu khác ghi: cha Ân, quê ở Thác Đá, đã xây dựng nhà thờ Tân Dinh năm 1907. Cuối cùng, trong MISSION DE QUINHON, *Mémorial*, N° 69, 11 Novembre 1910, tr. 90, tên gọi Tân Dinh được dùng để chỉ địa sở, phân biệt với khu vực Làng Sông. Như vậy có thể kết luận: tên gọi địa sở Tân Dinh đã xuất hiện từ đầu thế kỷ XX (1902) và được phổ cập từ thời cha Ân. Trước đó địa sở này còn được gọi là Gò Dinh, có lẽ vì nó là gò đất bồi của sông Dinh, sau đó đổi mới thành Tân Dinh, cũng như Xóm Quán đổi thành Tân Quán.

3. Địa sở Đồng Tre: 365 tín hữu.

4. Địa sở Trà Khê: 499 tín hữu.

5. Địa sở Hoa Châu: 275 tín hữu.

6. Địa sở Hoa Vông: 610 tín hữu.

7. Địa sở Tịnh Sơn: 879 tín hữu.

- **Tại tỉnh Khánh Hòa** có 5 địa sở, 23 họ đạo, 4.929 tín hữu:

1. Địa sở Vạn Giã - Ninh Hòa: 1.131 tín hữu.

2. Địa sở Chợ Mới: 1.005 tín hữu.

3. Địa sở Bình Cang: 730 tín hữu, phước viện Mến Thánh Giá.

4. Địa sở Hà Dừa: 1.491 tín hữu.

5. Địa sở Đất Sét: 572 tín hữu.

- **Tại tỉnh Phan Rang** (Ninh Thuận ngày nay) có 2 địa sở, 16 họ đạo, 4.470 tín hữu:

1. Địa sở Phan Rang (Dinh Thủy): 2.581 tín hữu, phước viện Mến Thánh Giá.

2. Địa sở Hộ Diêm: 1.889 tín hữu.

- **Tại tỉnh Kontum** có 22 địa sở, 146 họ đạo, 17.641 tín hữu.

1. Địa sở An Khê: 151 tín hữu.

2. Địa sở Đak-kona: 636 tín hữu.

3. Địa sở Ha-bâu: 319 tín hữu.

4. Địa sở Ha-mong: 1.353 tín hữu.

5. Địa sở Kon-Bobang: 542 tín hữu.

6. Địa sở Kon-Horing: 1.513 tín hữu.

7. Địa sở Kon-Longbuk: 533 tín hữu.

8. Địa sở Kon-Mah: 847 tín hữu.

9. Địa sở Kon-Mahar: 1.238 tín hữu.

10. Địa sở Kon-Monei: 956 tín hữu.

11. Địa sở Kon-trang: 1.343 tín hữu.

12. Địa sở Kontum: 1.533 tín hữu, trường Cuénot đào tạo *Yao phu*, phước viện Mến Thánh Giá, phòng thuốc, nhà in.

13. Địa sở Kon-Xomluh: 835 tín hữu.

14. Địa sở Phương Hòa: 519 tín hữu.

15. Địa sở Phương Quý: 780 tín hữu.

16. Địa sở Polei-Dodrâp: 1.176 tín hữu.

17. Địa sở Polei-Ku: 419 tín hữu.

18. Địa sở Polei-Poô: 364 tín hữu.

19. Địa sở Polei-Rongol: 272 tín hữu.

20. Địa sở Rohai: 1.331 tín hữu.

21. Địa sở Thanh Bình: 218 tín hữu.

22. Địa sở Touer: 627 tín hữu.

Phần đất phía Nam tỉnh Kontum vừa được tách ra và lập thành tỉnh Đắk Lắk với trung tâm là Ban Mê Thuột. Về phương diện giáo luật, phần đất này thuộc Giáo phận Đông Đàng Trong, nhưng tại đây công cuộc truyền giáo chưa được thực hiện vì thiếu nhân sự, nên không có tín hữu.

Tổng cộng trong cả Giáo phận có 68 địa sở, 524 họ đạo, 462 nhà thờ hoặc nhà nguyện, với 71.239 tín hữu, trên tổng số dân khoảng 2.500.000 người, tức 2,85%.

Về nhân sự: 1 Giám mục, 45 thừa sai, 78 linh mục Việt Nam, 210 thầy giảng, 5 sư huynh Dòng La San, 12 nữ tu Dòng Thánh Phaolô, 13 phước viện Mến Thánh Giá với 302 nữ tu, tập sinh và thỉnh sinh.

Về các cơ sở giáo dục và đào tạo: 1 Đại chủng viện với 22 thầy (trong số đó có 3 thầy học ở Penang), 1 Tiểu chủng viện với 93 chú, 2 trường thầy giảng ở Đại An và Nhà Đá với 81 học viên, trường Yao phu ở Kontum với 85 học viên, trường Gagelin với 40 học sinh Công giáo và 110 học sinh ngoại giáo, trường Việt-Pháp ở Đà Nẵng với 100 học sinh, 68 trường địa sở với 2.279 học sinh, 2 nhà in.

Về các cơ sở từ thiện: 16 cô nhi viện, nhà trẻ, với 569 em được nuôi dạy, 1 phòng khám và phát thuốc cho 34.712 lượt người, 1 bệnh viện với 67 giường và 798 bệnh nhân nằm viện, 1 nhà hưu dưỡng cho các linh mục Việt Nam.⁵³¹

Tháng 11 năm 1928, vì lý do sức khỏe, Đức cha Grangeon Mẫn đệ đơn xin nghỉ hưu và ngày 03.03.1929 Tòa Thánh đã chấp thuận đơn xin của ngài. Mặc dù nghỉ hưu, ngài vẫn tiếp tục ở tại Làng Sông và cai quản Giáo phận với tư cách giám quản cho đến ngày 01.05.1930 khi Giáo phận có Giám mục Đại diện Tông tòa mới là Đức cha Augustin Tardieu Phú. Sau đó ngài dần dần bị mù và đến năm 1932 khi tập viện Dòng Thánh Giuse do ngài thành lập được dời từ Nhà Đá về Kim Châu thì ngài lui về an dưỡng ở đó cho đến ngày 21.11.1933 ngài qua đời. Thánh lễ an táng được cử hành trọng thể tại nhà thờ Kim Châu do vị kế nhiệm của ngài là Đức cha Tardieu Phú chủ sự, với sự hiện diện của Đức cha Dreyer, Khâm sứ Tòa Thánh tại Đông Dương, Đức cha Chabanon, Đại diện Tông tòa Giáo phận Huế, và 45 linh mục cả Việt lẫn Pháp. Xác ngài được an táng tại nghĩa trang Dòng Thánh Giuse.

⁵³¹ Xem AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale 1921*; *Mémorial du mois de Novembre 1928 de la Mission de Quinhon*, tr. 166-171.

2. THỜI ĐỨC CHA AUGUSTIN TARDIEU PHÚ (1930-1942)

Cuối tháng 12 năm 1929 Tòa Thánh bổ nhiệm cha Augustin Tardieu Phú làm Giám mục Đại diện Tông tòa Giáo phận Qui Nhơn.⁵³² Lễ tấn phong Giám mục được cử hành ngày 01.05.1930 tại nhà nguyện chủng viện Làng Sông do Đức cha Dreyer, Khâm sứ Tòa Thánh tại Đông Dương chủ sự. Sau đó, vào tháng 06, Đức cha lên đường đi Pháp đề dự hội nghị thập niên các Bề trên của Hội thừa sai Paris. Trong thời gian đó, từ ngày 24 tháng 09 đến ngày 06 tháng 10, Đức cha Dreyer, Khâm sứ Tòa Thánh, đi thăm khắp các tỉnh trong Giáo phận, từ Phan Rang đến Đà Nẵng và Kontum.



Đức cha Augustin Tardieu Phú

2.1. Di chuyển Tòa Giám mục và các cơ sở đào tạo, giáo dục

Ngày 18.01.1931 Đức cha Tardieu từ Pháp về đến Qui Nhơn.⁵³³ Ngài không ở tại Làng Sông như các vị tiền nhiệm nữa, nhưng ở tại Qui Nhơn để dễ dàng liên hệ với các linh mục và với chính quyền, vì từ đầu thế kỷ XX, nhiều công trình mới được mọc lên tại Qui Nhơn như: trường học, bệnh viện, khách sạn, công sở, nhà hát, hệ thống giao thông đường sắt, nhà ga, và sau ngày 30.04.1930 Qui Nhơn đã trở thành thành phố cấp ba, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của tỉnh Bình Định. Đây là một trong những đô thị ở nước ta thời bấy giờ đạt tiêu chuẩn cả về phương diện hành chính lẫn kinh tế, văn hóa. Thành phố được chia làm 5 khu: khu 1 và khu 2 là đất làng

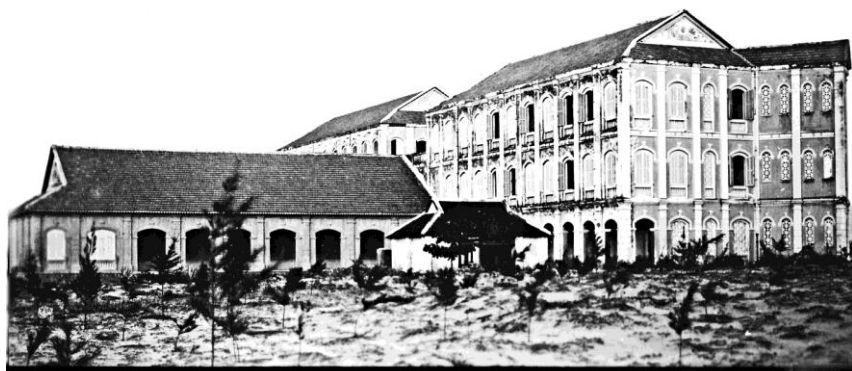
⁵³² Đức cha Augustin Tardieu sinh ngày 16.10.1872 tại Montrodar, Giáo phận Mende (Lozère), Pháp; thụ phong linh mục ngày 27.06.1897. Trước khi làm Giám mục ngài đã làm cha phó ở Phan Rang, giáo sư Tiểu chủng viện Làng Sông, cha sở Gia Hựu, Bàu Gốc, Hội Đức, Trà Kiệu, giám đốc Đại chủng viện Đại An; ngoài ra ngài còn đặc trách thu thập hồ sơ các vị tử đạo trong Giáo phận từ năm 1859-1860.

⁵³³ Xem *Mémorial du mois de Janvier 1931 de la Mission de Quihon*, tr. 1.

Chánh Thành; khu 3 và khu 4 là đất làng Cẩm Thượng; khu 5 là một phần đất thuộc làng Hưng Thạnh.⁵³⁴

Tòa Giám mục tạm thời của Đức cha Tardieu tại Qui Nhơn là ngôi nhà trệt 5 phòng, do Đức cha phó Constant Jeanningros Vĩ xây dựng làm nơi ở và làm việc cho ngài trước đây.⁵³⁵ Sở quản lý cũng được chuyển từ Làng Sông về Qui Nhơn gần Tòa Giám mục.

Từ tháng 03 năm 1931 Giáo phận bắt đầu xây dựng Đại chủng viện, thường gọi là trường lớn hay trường lý đoán, tại vùng ven thành phố Qui Nhơn, để thay thế Đại chủng viện Đại An. Công trình xây dựng do cha Charles Dorgeville phụ trách. Quần thể kiến trúc gồm 2 khối nhà chính 1 trệt và 2 tầng lầu, mỗi nhà dài 30m và rộng 12m, ở trung tâm là nhà nguyện giống như Đại chủng viện Đại An. Tất cả gồm có 6 phòng ở dành cho các cha giáo, 52 phòng riêng⁵³⁶ dành cho các thầy và một số người khác, một phòng thể dục rộng lớn, một nhà ăn tập thể, hai phòng học lớn, một phòng bệnh, đó là chưa kể các công



grand séminaire Qui Nhon 1938
Đại chủng viện Qui Nhơn 1938

⁵³⁴ UBND TP. QUY NHƠN, *Lịch sử thành phố Quy Nhơn*, Nxb. Thuận Hóa, 1998, tr. 224. Từ năm 1945 đến năm 1976, Qui Nhơn lại trở thành thị xã. Năm 1986, thị xã Qui Nhơn được nâng lên thành phố thuộc tỉnh. Năm 1998, Qui Nhơn là thành phố thuộc tỉnh loại II và đến năm 2010 được nâng lên thành phố thuộc tỉnh loại I.

⁵³⁵ Ngôi nhà ấy tọa lạc tại hai sân bóng rổ phía Đông của chủng viện Qui Nhơn giáp ranh với Tòa Giám mục hiện nay.

⁵³⁶ Năm 1955 khi tu sửa Đại chủng viện, các vách ngăn phòng riêng bị bỏ và trở thành những phòng chung.

trình phụ. Trong tương lai khi Giáo phận được chia ra thành nhiều Giáo phận nhỏ thì chủng viện này có thể trở thành chủng viện miền. Đại chủng viện tọa lạc trên một khu đất rộng 6 hecta với 250m bờ biển. Quang cảnh chủng viện thật tuyệt vời, có mạch nước tốt và dồi dào, lại nằm ở vị trí cách Tòa Giám mục, sở quản lý, chợ, bệnh viện, khoảng 3 cây số.⁵³⁷ Sau mùa hè năm 1932, mặc dù công trình xây dựng chưa hoàn toàn kết thúc, các thầy từ già ngôi nhà Đại chủng viện tại Đại An để đến ở tại ngôi nhà Đại chủng viện mới và bắt đầu sinh hoạt từ ngày 01 tháng 09.⁵³⁸

Về phần trường Gagelin tại Kim Châu, sau 10 năm hoạt động các sư huynh Dòng La San định đóng cửa trường hoặc đến hoạt động ở nơi khác. Tuy nhiên, trong năm 1931 đã đạt được một sự thỏa thuận giữa Giáo phận và Dòng La San: các sư huynh sẽ nhường lại ngôi trường ấy cho Dòng Thánh Giuse với một số tiền tương xứng, để thành lập một ngôi trường khác tại Qui Nhơn trên thửa đất mà Giáo phận cấp cho.⁵³⁹ Cuối tháng 06 năm 1932, các sư huynh La San đến



School Gagelin 1937

Trường Gagelin Qui Nhon 1937

⁵³⁷ Xem AMEP, *Rapport annuel de Quinhon 1931*.

⁵³⁸ Xem AMEP, *Rapport annuel de Quinhon 1932*.

⁵³⁹ Xem AMEP, *Rapport annuel de Quinhon 1931*. Trường Gagelin từ Kim Châu được chuyển về Qui Nhơn và được xây dựng trên khu đất do Giáo phận cấp, đó là khu đất trường trung tiểu học Trinh Vương và Nhà mẹ Dòng Mến Thánh Qui Nhơn sau này.

ngôi trường mới và bắt đầu khai giảng năm học mới vào ngày 01 tháng 09. Nơi tọa lạc và dáng vẻ bên ngoài của ngôi trường cùng với uy tín của các giáo viên là một bảo đảm cho sự thành công. Trước đó, năm 1931, Dòng La San đã thiết lập tại Nha Trang một đệ tử viện, một tập viện và nhà hưu dưỡng, sau đó còn thiết lập thêm học viện nữa.⁵⁴⁰

2.2. Dòng Thánh Giuse và Dòng Mến Thánh Giá cải tổ chính thức được thành lập

Sau 4 năm tập trung huấn luyện và đào tạo, năm 1930 Dòng Thánh Giuse có 80 thỉnh sinh và trong số đó có 9 người được mặc áo dòng tập sinh vào ngày 24 tháng 06. Ngày 23.05.1931 Tòa Thánh phê chuẩn luật dòng. Ngày 14.07.1931 Đức cha Augustin Tardieu Phú chính thức ban Sắc chỉ thành lập dòng theo giáo luật.⁵⁴¹

Ngày 16.07.1932, lễ khấn đầu tiên của Dòng Thánh Giuse đã được cử hành tại Nhà Đá với 10 sư huynh khấn tạm. Sau lễ khấn, nhà dòng từ Nhà Đá về tiếp quản ngôi trường Gagelin ở Kim Châu và biến nó thành cơ sở Nhà mẹ của Hội dòng, gồm có 10 sư huynh mới khấn, 6 tập sinh, 8 thỉnh sinh và 46 đệ tử. Đây là nơi đào tạo những tu sĩ có kiến thức và đạo đức để mai ngày được sai đi giảng dạy giáo lý và dạy học, giúp các cha sở trong tất cả mọi công việc tông đồ.⁵⁴²

Cũng một đà phát triển như thế, năm 1930 Dòng Chị Em Mến Thánh Giá cải tổ đã có 45 thỉnh sinh, 12 tập sinh và 24 khấn sinh. Với số nhân sự ấy Hội dòng đã cung cấp một số chị em dạy học tại các trường học địa sở và phục vụ tại bệnh viện Kim Châu cũng như tại trại phong Qui Hòa. Sau hơn 3 năm được Thánh bộ Tu viện ban Sắc chuẩn y, ngày 14.09.1932, Đức cha Augustin Tardieu Phú đã chính thức ban "Chỉ thị lập Dòng Chị Em Mến Thánh Giá ở địa phận Qui Nhơn".⁵⁴³ Ngày 22.08.1935, lễ khấn trọn đầu tiên của Hội dòng mới cải tổ đã được tổ chức tại Nhà mẹ Gò Thị do Đức cha Tardieu chủ sự. Số chị em khấn trọn là 11 người trong số 14 chị em khấn tạm của khóa đầu tiên. Một trong số các chị em khấn trọn lần này có nữ tu Marie Mélanie Nguyễn Thị Đồng sẽ trở thành Mẹ Bề trên tiên khởi của Hội dòng vào năm 1940.

⁵⁴⁰ Xem MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1936 à Septembre 1937*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1937, tr. 9.

⁵⁴¹ Xem AMEP, *Rapport annuel de Quinhon 1930*. Xem Sắc chỉ thành lập dòng: *Mémorial des mois de Juillet et Août 1931 de la Mission de Quinhon*, tr. 1-2.

⁵⁴² Xem AMEP, *Rapport annuel de Quinhon 1932*.

⁵⁴³ Xem AMEP, *Rapport annuel de Quinhon 1930*; *Hiển chương Hội Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn, sđd.*, tr. 21-22.

2.3. Dòng Phan Sinh Thừa Sai Đức Mẹ được mời đến phục vụ tại trại phong Qui Hòa

Sau khi cha Paul Maheu về Pháp chữa bệnh và qua đời ở đó, cha Alexandre Pierre Trí được đưa về làm việc tại trại phong Qui Hòa thay thế cha Maheu. Bệnh nhân ngày càng thêm đông khiến cho việc chăm sóc càng thêm vất vả. Tháng 08 năm 1931, cha Alexandre Trí được bổ nhiệm làm quản lý Giáo phận, nên cha Nicolas Gabriel Cạn được đưa về làm việc tại trại phong Qui Hòa.

Nhận thấy việc phục vụ các bệnh nhân phong cần đến sự săn sóc của các nữ tu nước ngoài có khả năng chuyên môn và nhiều kinh nghiệm hơn các nữ tu Dòng Mến Thánh Giá, nên Đức cha Tardieu định nhờ Dòng Thánh Phaolô thành Chartres, vì các nữ tu dòng này đã từng phục vụ rất thành công tại trại phong Cù lao Rồng ở Nam Bộ và tại trại phong trên đảo Culion ở Philippines, cũng như đang phục vụ tại bệnh viện Kim Châu. Tuy nhiên vì Dòng Thánh Phaolô lúc ấy đang thiếu nhân sự, nên không thể cộng tác được. Vì vậy vào tháng 11 năm 1930, nhân chuyến đi Âu châu, Đức cha Augustin Tardieu đã đến Rôma gõ cửa Nhà mẹ Dòng Phan Sinh Thừa Sai Đức Mẹ là Hội dòng đang điều hành 9 trại phong trên toàn thế giới.⁵⁴⁴

Ngày 23.09.1932, được sự ủy nhiệm của Nhà mẹ tại Rôma, 5 nữ tu Phan Sinh thuộc Tỉnh Dòng Thánh Tâm Paris đã xuống tàu Le Général Mesinger ở cảng Marseille. Đó là các chị Marie Gisèle (trưởng đoàn), Marie de la Résurrection, Marie de St. Venant, Marie Waberta, Marie Martia du Sacré Coeur. Các nữ tu cập bến Sài Gòn ngày 20.10.1932. Vì thời tiết xấu, các chị không thể về Qui Nhơn bằng đường thủy, nên đã đi tàu lửa đến Nha Trang, rồi từ đó về Qui Nhơn bằng xe hơi.

Ngày 24.10.1932, Đức cha Tardieu và cha Nicolas vui mừng đón tiếp các nữ tu tại Tòa Giám mục. Đó là những nữ tu Phan Sinh Thừa Sai Đức Mẹ đầu tiên không những tại Việt Nam mà còn tại Đông Dương. Sau đó các nữ tu được đưa vào trại phong Qui Hòa. Đến nhiệm sở, trước hết các nữ tu chọn thánh Phanxicô Assisi làm bổn mạng cho trại phong và cộng đoàn, rồi tiến hành củng cố các cơ sở vật chất trên mặt bằng 1km² do chính quyền cấp để phục vụ các bệnh

⁵⁴⁴ Xem AMEP, *Rapport annuel de Quinhon 1930, 1931*; MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu de la Mission de Quinhon pour l'exercice 1930-1931*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1931, tr. 6.

nhân tốt hơn, đồng thời tổ chức và ổn định đời sống các gia đình bệnh nhân. Thời gian sau có thêm một nữ tu nữa, tất cả gồm 6 người.

2.4. Thành lập Giáo phận Tông tòa Kontum

Như đã nói trên, từ thập niên cuối cùng của thế kỷ XIX, miền truyền giáo Tây Nguyên đã phát triển mạnh tạo nên hàng chục địa sở. Ngay từ năm 1913, nhà thờ Kontum sau 2 lần bị hỏa hoạn cách nhau 10 năm đã được xây dựng lại, không phải bằng gạch đá, nhưng bằng gỗ quý là thổ sản của núi rừng Tây Nguyên, vừa có sức chịu đựng với thời gian, vừa tạo nên một sự đặc thù không nơi nào có, với một lối kiến trúc có dáng vẻ bên ngoài như một "nhà thờ Chính tòa".⁵⁴⁵ Ngôi nhà thờ này vừa là biểu tượng của một miền truyền giáo đang phát triển mạnh và hội nhập sâu đậm vào nền văn hóa các dân tộc miền núi, vừa như một lời tiên tri báo trước về sự ra đời của một Giáo phận mới trên miền Tây Nguyên. Điều đó đã thực sự ứng nghiệm từ ngày 11.01.1932 khi Tòa Thánh tách miền truyền giáo Tây Nguyên khỏi Giáo phận Qui Nhơn để thành lập Giáo phận Kontum. Ngày 15.01.1932, linh mục Martial Jannin thuộc hàng giáo sĩ Giáo phận Qui Nhơn được Tòa Thánh bổ nhiệm làm Giám mục hiệu tòa Gadara và Đại diện Tông tòa Giáo phận Kontum. Việc chia tách và thành lập Giáo phận Kontum bắt đầu có hiệu lực vào ngày 18.04.1932 khi Sắc chỉ thành lập Giáo phận và Sắc chỉ bổ nhiệm tân Giám mục được trình cho vị Đại diện Tông tòa Giáo phận Qui Nhơn và nghi thức tuyên thệ của Đức cha Jannin.⁵⁴⁶

Giáo phận Kontum mới được thành lập bao gồm các tỉnh Kontum, Pleiku, Đăk Lăk và Attâpư (Hạ Lào) với 21 địa sở, 167 họ đạo, khoảng 20.000 tín hữu, trong số đó có gần 4.000 tín hữu người Kinh, còn tất cả là người thuộc các dân tộc thiểu số. Các trung tâm chính là: Kontum với khoảng 4.000 tín hữu, phần lớn là người Kinh; Pleiku, nơi có khí hậu tốt và đất đai màu mỡ, có các đồn điền cà phê và trà, nên thu hút người Kinh đến sinh sống ngày càng đông. Chung quanh hai trung tâm này chỗ nào cũng có các họ đạo với những ngôi nhà nguyện thô sơ, trừ một số nơi có nhà thờ và nhà xứ đầy đủ, như tại Kontum, Rohai, Phương Quý, Phương Hòa, Habâu, Konmeney, Konhoring.

⁵⁴⁵ Xem AMEP, *Rapport annuel de Cochinchine Orientale* 1913.

⁵⁴⁶ Xem MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1932 à Septembre 1933*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1933, tr. 2.

Ngày 23.06.1932 chính Đức cha Dreyer, Khâm sứ Tòa Thánh tại Đông Dương, đã vào chủ sự lễ tấn phong cho vị Giám mục mới tại nhà thờ gỗ Kontum từ nay đã trở thành nhà thờ Chính tòa của Giáo phận. Hiện diện trong thánh lễ có đầy đủ các Giám mục Đại diện



Missionnaires et prêtres indigènes de Kontum 1932

Các cha Kontum 1932

Tông tòa của 5 Giáo phận phát sinh từ Giáo phận Đà Nẵng trước kia. Đức cha Jannin là vị thừa sai đã đến làm việc tại Tây Nguyên từ năm 1892, đã được đặt làm Quyền đại diện của miền truyền giáo này. Chính ngài đã đứng ra xây dựng và điều hành trường đào tạo *Yao phu* Cuénot cho đến ngày được tấn phong Giám mục. Sau ngày tấn phong, ngài tạm thời đặt Tòa Giám mục tại trường Cuénot này.

Cùng cộng tác với Đức cha Jannin trong việc điều hành mục vụ và truyền giáo của Giáo phận Kontum có 14 thừa sai Pháp, 15 linh mục bản xứ, trong số đó có 12 linh mục người Kinh xuất thân từ Đại chủng viện Giáo phận Qui Nhơn, 3 linh mục người Bahnar xuất thân từ Đại chủng viện tại Penang, khoảng 10 thầy giảng người Kinh và hơn 150 *Yao phu* người Bahnar. Trong Giáo phận có một trường đào tạo *Yao phu* mang tên Cuénot, một phước viện Mến Thánh Giá gồm các nữ tu người Kinh phục vụ phần lớn ở trường Cuénot, một trường nội trú cho nữ sinh và một trường ngoại trú cho nam sinh, đó là chưa kể nhiều trường sơ cấp dưới dạng phối thai tại các địa sở, một nhà in hơi ít phát triển nhưng cũng tạm đủ để cung cấp những sách dạy về giáo lý, đạo đức, y học và vệ sinh thường thức, một tờ báo nhỏ bằng tiếng dân tộc, một sở quản lý đặt tại trường Cuénot để phục vụ đặc biệt cho các thừa sai và các linh mục bản xứ. Giáo phận mới chưa có Đại chủng viện, Tiểu chủng viện, tập viện cho các thầy giảng người Kinh hay các nữ tu. Giáo phận mẹ Qui Nhơn sẵn sàng mở rộng mọi cửa để trợ giúp cho đến khi nào Giáo phận mới còn cần.⁵⁴⁷

⁵⁴⁷ Xem AMEP, *Rapport annuel de Quinhon 1932*.

2.5. Tình hình tổng quát của Giáo phận Qui Nhơn sau khi chia tách Kontum

Sau khi vùng Tây Nguyên được tách khỏi Giáo phận Qui Nhơn để thành lập Giáo phận Kontum, phần đất còn lại của Giáo phận Qui Nhơn gồm 6 tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa và Ninh Thuận, với tổng số dân vào khoảng 2.400.000 người. Trong toàn Giáo phận có 53 địa sở, 427 họ đạo hoặc giáo điểm, với 63.210 tín hữu được phân bố trên các tỉnh như sau: Quảng Nam: 17.423, Quảng Ngãi: 7.469, Bình Định: 23.127, Phú Yên: 3.913, Khánh Hòa: 5.751, Ninh Thuận: 5.527.

Tuy số địa sở, họ đạo và số tín hữu không phải là nhiều lắm, nhưng không phủ huyện nào trong Giáo phận mà không có tối thiểu một hay hai họ đạo. Các họ đạo được tổ chức theo mô hình của làng xóm Việt Nam. Thường chính mỗi họ đạo tự xây dựng nhà thờ hay nhà nguyện của mình, và thường là những ngôi nhà tranh. Ngày Chúa nhật các tín hữu tại các họ đạo đến nhà thờ địa sở để dự lễ, còn những ngày khác họ tập trung tại nhà thờ họ để đọc kinh chung với nhau. Ngày lễ bổn mạng của họ đạo được tổ chức rất trọng thể, ngoài ra trong năm họ cũng mời các cha đến nhà thờ họ nhiều lần, thường là vào những dịp quan trọng như xưng tội năm chẳng hạn.

Mỗi họ đạo có một ngân khoản nhỏ, do các tín hữu dâng cúng và những nguồn lợi tức như ruộng đất, hoa trái trong vườn nhà thờ, được quản lý do các chức việc là những người được cha sở bổ nhiệm. Dưới sự hướng dẫn và kiểm soát của cha sở, các chức việc có nhiệm vụ sử dụng ngân khoản ấy vào việc tu sửa nhà thờ, việc phụng tự, cơm nước cho các cha khi các ngài đến làm việc hoặc cho các thầy giảng được cha sở sai đến dạy giáo lý trong một thời gian nào đó. Nhiệm vụ chính yếu và thường xuyên của các chức việc là chủ sự các giờ kinh chung, rửa tội cho các trẻ sơ sinh nguy tử, dạy kinh và giáo lý cho các trẻ em và những người dự tòng, hòa giải những người bất thuận, hướng dẫn việc hôn phối, thăm viếng người bệnh và rước cha cho kẻ liệt, chôn xác kẻ chết, v.v. Nhiều họ đạo hợp lại thành một địa sở (district),⁵⁴⁸ dưới sự lãnh đạo của linh mục đứng đầu địa sở thường cư ngụ tại sở chính.

⁵⁴⁸ Trong các tài liệu bằng tiếng Pháp trước đây, chữ *district* được dùng để chỉ địa sở hay giáo xứ theo nghĩa rộng: "Plusieurs chrétientés, ou stations, forment ce que nous appelons un *district*, ou *paroisse* dans le sens très large du mot, sous la direction du Prêtre Chef du *district*, qui réside habituellement dans la station principale".

Do ảnh hưởng của những điều kiện mới về kinh tế, từ khoảng 20 năm trở lại, nhiều người có khuynh hướng từ bỏ những vùng núi khô cằn để xuống sinh sống gần đường cái quan và gần biển, là nơi công việc làm ăn được bảo đảm hơn, đời sống dễ chịu hơn. Từ đó, các thành phố Đà Nẵng, Hội An, Qui Nhơn đã có dân số trên dưới 10.000 người; những trung tâm dân cư khác như Phan Rang, Nha Trang, Diên Khánh (thành Nha Trang cũ), Tuy Hòa, Bình Định, Bồng Sơn, Tam Quan, Thu Xà, Quảng Ngãi, Tam Kỳ, Quảng Nam có dân số trên dưới 4.000 người. Đó là chỉ kể đến những nơi được biết đến nhiều nhất. Cũng trong bối cảnh ấy Tuy Hòa trở thành họ đạo lớn nhất của địa sở Hoa Vông, có nhà thờ tại Triều Thủy, nơi cộng đoàn Dòng Thánh Phaolô đang ở hiện nay. Từ năm 1940 địa sở Hoa Vông chính thức được đổi tên thành địa sở Tuy Hòa.⁵⁴⁹

Tại thành phố Nha Trang,⁵⁵⁰ trước năm 1929 có một họ nhánh của địa sở Chợ Mới, giáo dân khoảng 200 người, phần lớn là công chức, công nhân và Pháp kiều, với một ngôi nhà nguyện nhỏ tại số 22 Duy Tân (nay là địa điểm Tòa Giám mục Nha Trang, 22 Trần Phú), sau trở thành địa sở Nha Trang. Cha sở tiên khởi là cha Louis Vallet Ngân đã xây một ngôi nhà thờ xinh đẹp trên một ngọn đồi nhỏ tên là Núi Bông cao 10m. Nhà thờ khánh thành và được Đức cha

MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission de Septembre 1932 à Septembre 1933*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1933, tr. 4.

⁵⁴⁹ Xem MISSION DE QUINHON, *Mémorial de Mars-Avril 1940*, tr. 1. Từ trước Văn Thân, họ đạo Triều Thủy thuộc địa sở Hoa Vông đã có nhà thờ tại nơi mà ngày nay là nghĩa trang Công giáo. Thời cha Simon Phiến làm cha sở Hoa Vông (1933-1942), nhà thờ Triều Thủy được dời đến địa điểm cộng đoàn Dòng Thánh Phaolô đang ở hiện nay và công trình xây dựng hoàn thành vào năm 1940. Về phần họ đạo Hoa Vông, sau Văn Thân, nhà thờ cũng được xây dựng lại trên sườn núi và tồn tại cho đến thời chiến tranh Việt - Pháp, nhưng sau đó bị tàn phá và họ đạo Hoa Vông cũng suy giảm dần kể từ ngày trở thành họ nhánh của địa sở Tuy Hòa.

⁵⁵⁰ "Từ năm 1653 đến giữa thế kỷ XIX, Nha Trang vẫn là một vùng đất còn hoang vu và nhiều thú dữ thuộc Hà Bạc, huyện Vĩnh Xương, phủ Diên Khánh. Chỉ qua hai thập niên đầu thế kỷ XX, bộ mặt Nha Trang đã thay đổi nhanh chóng. Với Nghị định ngày 30.08.1924 của Toàn quyền Đông Dương, Nha Trang trở thành một thị trấn (centre urbain). Thị trấn Nha Trang hình thành từ các làng cổ: Xương Huân, Phương Câu, Vạn Thanh, Phương Sài, Phước Hải. Thời Pháp thuộc, Nha Trang được coi là tỉnh lỵ (chef lieu) của tỉnh Khánh Hòa. Các cơ quan chuyên môn của chính quyền thuộc địa như Tòa Công sứ, Giám binh, Nha Thương chánh, Bưu điện... đều đặt tại Nha Trang. Tuy nhiên, các cơ quan Nam triều như dinh quan Tuần vũ, Án sát (coi về hành chánh, tư pháp), Lãnh binh (coi việc trật tự trị an) vẫn đóng ở Thành Diên Khánh (cách Nha Trang 10 km về phía Tây Nam)". https://vi.wikipedia.org/wiki/Nha_Trang

Tardieu làm phép sau lễ Phục sinh năm 1933, nay trở thành nhà thờ Chính tòa của Giáo phận Nha Trang; phía dưới chân nhà thờ núi này, ngày 06 tháng 11 năm 1932, các nữ tu Dòng Nữ Tử Bác Ái Thánh Vinh Sơn Phaolô, gọi tắt là Dòng Bác Ái Vinh Sơn, đã đến mở tu viện, tập viện, trường nữ công gia chánh, cô nhi viện, trường tiểu học, phòng phát thuốc, tổ chức hoạt động thăm viếng giúp đỡ người nghèo; xa hơn về phía bên kia thành phố, các sư huynh La San đã xây trên đồi hướng ra biển một tòa nhà đồ sộ gồm tập viện và nhà nghỉ dưỡng cho các sư huynh già yếu.



Nhà thờ và nhà xứ Nha Trang năm 1940

Sau khi chia tách Giáo phận Kontum, trong Giáo phận Qui Nhơn còn lại 30 thừa sai Pháp, 77 linh mục Việt. Trừ một số linh mục phải nghỉ hưu vì già yếu, một số khác phải đảm trách công việc giảng dạy tại chủng viện hay những công việc tại những nhiệm sở khác, còn lại 77 linh mục làm việc mục vụ tại các địa sở để chăm sóc cho 63.210 tín hữu mà phần lớn là tân tòng, và còn phải tìm cách làm cho hơn 2.300.000 người lương trở lại đạo nữa. Công việc thật là nặng nề vượt sức con người. Tuy nhiên, Giáo phận có thể tìm được sự bù đắp một cách nào đó về nhân sự nơi các tu sĩ nam nữ và thầy giảng: 4 sư huynh Dòng La San, 14 sư huynh Dòng Thánh Giuse, 9 nữ tu Dòng Thánh Phaolô thành Chartres, 6 nữ tu Dòng Phan Sinh Thừa Sai Đức Mẹ, 3 nữ tu Dòng Thánh Vinh Sơn Phaolô, 70 nữ tu Dòng Mến Thánh Giá cải tổ và 207 di phước cũ không có lời khẩn, 70 thầy giảng.

Về nhân sự đang được đào tạo, Tiểu chủng viện Làng Sông có 100 chủng sinh, Đại chủng viện Qui Nhơn có 40 thầy, trong số đó có hai thầy đang học tại Trường Truyền Giáo ở Rôma; Dòng Mến Thánh Giá có 11 tập sinh, 10 thỉnh sinh, 41 đệ tử; Dòng Thánh Giuse có 14 tập sinh, 13 thỉnh sinh và 53 đệ tử.

Để góp phần vào việc truyền giáo, đào tạo, giáo dục, truyền thông, không thể không kể đến sự đóng góp của nhà in Làng Sông với những ấn phẩm các loại: 2 tạp chí, một bằng tiếng Pháp, một bằng tiếng Việt; ký sự hàng tháng và báo cáo hàng năm về Giáo phận, tiểu

truyện về những linh mục quá cố, sách giáo lý, sách kinh nguyện và đạo đức, hạnh các thánh, các tài liệu truyền giáo, sách giáo khoa, sách dạy nghề, v.v.⁵⁵¹

2.6. Công cuộc trùng tu và xây dựng sau hai trận bão năm 1932 và 1933

Ngày 16.10.1932 một trận bão lớn đã đổ vào Bình Định gây nên một tổn thất nặng nề: 3 tín hữu bị nhà sập đè chết; 2.500 người không có chỗ ăn náu trong nhiều tuần lễ; 25 nhà thờ hay nhà nguyện bị hư hại; 27 nhà thờ bị san bằng, trong số đó có 5 nhà thờ chính sở; gia súc, lúa gạo và đồ vật bị tổn thất không thể tính được. Giáo phận kêu gọi giúp đỡ các nạn nhân của trận bão và nhận được sự giúp đỡ rộng rãi của Thánh bộ Truyền giáo.⁵⁵²

Hơn một năm sau, vào ngày 01.11.1933, một trận bão khủng khiếp hơn lại tràn vào tàn phá Giáo phận: trong tổng số 120 nhà thờ hay nhà nguyện trong vùng bị bão có 80 nhà bị hư hại, khoảng 40 nhà bị sập đổ hoàn toàn.



Bão sập nhà thờ Gò Thị 1933

Tại Làng Sông, nhà nguyện chủng viện bị sập, nhà in cũng chỉ còn là một đồng đồ nát. Tất cả các ngôi nhà của trại phong Qui Hòa đều bị bão phá hủy; tu viện Dòng Mến Thánh Giá tại Gò Thị bị sập đè chết 8 chị em dưới đồng gạch vụn, 2 chị em bị thương nặng sau đó cũng chết, khoảng 10 chị em khác bị thương sau đó được chữa lành; tu viện Dòng Thánh

⁵⁵¹ Xem MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1932 à Septembre 1933*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1933, tr. 8-13.

⁵⁵² Xem MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1932 à Septembre 1933*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1933, tr. 14.

Giuse tại Kim Châu mặc dù mới được xây dựng cũng bị đánh sập phần lớn khiến 8 người phải thiệt mạng và một số bị thương.⁵⁵³

Thiệt hại về vật chất đối với người dân không thể kể ra cho hết. Dân chúng lâm vào cảnh đói nghèo đến độ trong những năm sau bão, nhiều gia đình tín hữu tại các tỉnh phía Bắc của Giáo phận, nhất là tỉnh Bình Định, đã phải bỏ quê hương đi tìm đất sống tại Kontum, Sài Gòn hoặc xa hơn nữa. Nhiều người tuy không ra khỏi Giáo phận nhưng tập trung vào Hộ Diêm và những vùng phụ cận, từ đó tạo ra các địa sở chung quanh Hộ Diêm.⁵⁵⁴

Nhờ sự giúp đỡ từ nhiều nơi, Giáo phận đã dần dần khắc phục hậu quả của trận bão thế kỷ này. Trong năm 1934, nhà nguyện chủng viện Làng Sông được tu sửa lại và tồn tại cho đến nay, các ngôi nhà phụ cũng vậy; hai dãy nhà lầu mặc dù vẫn đứng vững, nhưng chủng viện đã nhờ hội SIDEC (Société



*Nội thất nhà nguyện
Chủng viện Làng Sông năm 1938*

Indochinoise d' Études et de Constructions) gia cố hai tòa nhà bằng trụ và dầm bê tông cốt thép. Nhà in tại Làng Sông được cấp tốc sửa chữa tạm để đáp ứng nhu cầu in ấn, nhưng một nhà in mới được khởi công xây dựng gần Tòa Giám mục tại Qui Nhơn để chuẩn bị thay cho nhà in tại Làng Sông, đó là nhà in Qui Nhơn. Đây là một khu nhà kiên cố bằng bê tông dài 48m gồm một xưởng in ở giữa, hai đầu gồm những phòng ở và phòng chứa các ấn phẩm. Sau khi công trình xây dựng hoàn thành, toàn bộ trang thiết bị của nhà in Làng Sông được đưa về đó. Nhà in mới chính thức hoạt động vào ngày 23.04.1935 với khoảng 30 công nhân. Nhà in Qui Nhơn là sự nối dài của nhà in Làng Sông.⁵⁵⁵

⁵⁵³ Xem AMEP, *Rapport annuel de Quinhon 1934*.

⁵⁵⁴ Xem MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1936 à Septembre 1937*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam), tr. 12.

⁵⁵⁵ Có lẽ từ năm 1924 khi Giáo phận Đông Đàng Trong được đổi tên thành Giáo phận Qui Nhơn thì nhà in tại Làng Sông cũng đổi tên thành nhà in Qui Nhơn, bởi vì trong một số ấn phẩm của nhà in này đã ghi là Imprimerie de Quinhon, trong khi nhà

Kể từ tháng 10 năm 1904 khi nhà in Làng Sông được tái lập cho đến khi nhà in Qui Nhơn ngừng hoạt động, một lượng ấn phẩm rất nhiều và rất phong phú đa dạng đã xuất hiện, góp phần rất lớn không những cho công cuộc rao giảng Tin Mừng, xây dựng đời sống đức tin của mọi thành phần dân Chúa, mà còn cho việc phát triển và hoàn thiện chữ Quốc ngữ, nâng cao dân trí của mọi tầng lớp nhân dân.⁵⁵⁶

Cũng trong năm 1935 Giáo phận tiến hành xây dựng Tòa Giám mục và sở quản lý. Tòa Giám mục là ngôi nhà gồm một tầng trệt và một tầng lầu như hiện nay, trừ phần sảnh mới được xây thêm vào sau này; ngoài nhiều phòng chung rộng rãi, còn có 15 phòng ở, được xây dựng bằng bê tông kiên cố để có thể đứng vững trước những cơn bão thường xuyên. Đây chẳng những là nơi ở và làm việc của Giám mục, mà còn là nơi đón tiếp các linh mục trong Giáo phận hay ngoài Giáo phận qua đường và cũng để các linh mục đau yếu có nơi tĩnh dưỡng dài ngày. Sau gần một năm xây dựng, Tòa Giám mục mới được khánh thành vào ngày 01.01.1936. Sở quản lý cũng được xây dựng đồng thời và bên cạnh, đó là một dãy nhà trệt 5 phòng.⁵⁵⁷

Ngày 13.07.1934 ba cha Dòng Xitô thuộc đan viện Lérins (Pháp), là cha Placide, cha Paulin và cha Charles, đã bắt đầu lập một cơ sở tại Mỹ Ca trong tỉnh Khánh Hòa, lúc đầu chỉ là một trại đơn sơ, nhưng đến ngày 10.08.1936 một tòa nhà lớn đã được xây cất xong, đó là Đan viện Xitô Thánh Mẫu Tâm Mỹ Ca. Năm 1938 số đan sĩ gồm 10 người (3 linh mục), 19 tập sinh và thỉnh sinh. Các đan sĩ sống khắc khổ, lao động chân tay và cầu nguyện. Ngày 11.11.1936, các nữ tu Dòng Bác Ái Vinh Sơn sau khi đã lập cơ sở và tập viện tại Nha Trang, cũng đến Qui Nhơn mở hai trường dạy trẻ em nghèo: một ở giữa làng

in tại Qui Nhơn chỉ mới được xây dựng sau trận bão năm 1933 và đưa vào hoạt động vào năm 1935.

⁵⁵⁶ Xem AMEP, *Rapport annuel de Quinhon 1934*; MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1934 à Septembre 1935*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1935, tr. 3, 15. Về phương diện cơ sở bên ngoài, nhà in Qui Nhơn, ấn quán của Giáo phận, không kém nhà in Độc Lập của Trung kỳ và vượt xa nhà in Tiếng Dân. Về các trang thiết bị, ấn quán Qui Nhơn có những máy in rất lớn vào hạng nhất lúc bấy giờ. Về các ấn phẩm, nhà in Làng Sông - Qui Nhơn đã xuất bản rất nhiều sách báo đủ loại, cả đạo lẫn đời. Hàng tháng tập *Mémorial* của Giáo phận có in thư mục các sách của nhà in.

⁵⁵⁷ Xem MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1934 à Septembre 1935*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1935, tr. 15-16; AMEP, *Rapport annuel de Quinhon 1936*. Đối với sở quản lý, năm 1960 cha Giuse Nguyễn Sở, quản lý Giáo phận, đã xây thêm phần đầu hồi và tầng trên, từ đó sở quản lý có hình dáng như hiện nay.

chài lưới, một ở trung tâm thị xã, sau đó mở một trường dạy nữ công và phòng phát thuốc. Năm 1939, Dòng Bác Ái Vinh Sơn trong Giáo phận đã có 10 nữ tu (5 Việt), 10 thỉnh sinh. Công việc phục vụ của các nữ tu là thăm viếng người nghèo, chăm sóc các bệnh nhân tại nhà, tư vấn sức khỏe và chăm sóc các trẻ em tại các phòng khám bệnh và phòng phát thuốc trong thành phố, dạy nữ công miễn phí.⁵⁵⁸

Tại Kim Châu, cha Sion Khâm, Bề trên Dòng Thánh Giuse cũng cho xây dựng một ngôi nhà dài 52m để thay thế cơ sở đã bị bão tàn phá. Cơ sở nhà mẹ Dòng Mến Thánh Giá tại Gò Thị cũng được cha Solvignon Lành và nữ tu Marie de Lorrette xây dựng lại khang trang vững chắc hơn trước.

Trại phong Qui Hòa bị bão phá sập, nhưng vì là một công trình công ích cao nhất đối với xã hội nên nhận được sự quan tâm giúp đỡ của vua Bảo Đại và hoàng hậu Nam Phương, của quan công sứ Pháp và chính quyền tỉnh với ngân sách địa phương, ngoài ra còn có sự giúp đỡ của các ân nhân xa gần, cả người Việt lẫn người Pháp, nhất là vào năm 1935, Tỉnh Dòng Phan Sinh ở Pháp đã gửi thêm 4 nữ tu đến Qui Hòa, trong đó có Sr. Marie Osite là một kiến trúc sư, nên công cuộc trùng tu và tái thiết đã được tiến hành nhanh chóng để kịp thời phục vụ các bệnh nhân, nhờ đó trại phong trở nên khang trang sạch sẽ, được tổ chức hết sức chu đáo và tiện nghi. Đây là trại phong qui củ nhất trong cả nước và nổi tiếng khắp vùng Đông Nam Á. Lúc này Qui Hòa đã trở thành một địa sở của các



Qui Hòa 1937

bệnh nhân phong, có ngày lễ bổn mạng, có cha tuyên úy của các nữ tu làm cha sở, có ban chức việc. Ngày 09.05.1936, nhà thờ bắt đầu được xây dựng kiên cố dài 36m, rộng 16m, với tháp chuông cao 22m; đến ngày 08.12.1937 nhà thờ khánh thành và được Đức cha Tardieu làm phép trọng thể, còn cha Maurice Bertin, Bề trên Giám tỉnh Dòng Phanxicô, cử hành thánh lễ. Báo *Indochine* thời bấy giờ kể nhà thờ

⁵⁵⁸ Xem MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1936 à Septembre 1937*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1937, tr. 5.

này là một công trình kiến trúc đặc biệt ở Đông Dương. Nhân dịp này vua Bảo Đại ban thưởng huy chương Long Bội Tinh cho các nữ tu, tổng đốc Bình Định đến gần huy chương cho Mẹ Giám đốc. Số bệnh nhân lúc này đã lên đến 350 người từ tất cả các tỉnh ở miền Trung, ngay cả có người từ Sài Gòn ra. Nhờ sự tận tâm phục vụ của các nữ tu, hầu hết những bệnh nhân ngoại giáo đều xin được rửa tội.⁵⁵⁹

Cũng năm 1937, ở Quảng Nam các nữ tu Phan Sinh đã thành lập một trung tâm cứu tế tại La Qua,⁵⁶⁰ tức Vĩnh Điện ngày nay, cách thành cổ Hội An khoảng 10km, gần trục giao thông cả đường bộ lẫn đường thủy: giữa Đà Nẵng và Tam Kỳ theo đường bộ, giữa Hội An, Trà Kiệu và Đại Lộc theo đường thủy. Trung tâm từ thiện này được đặt dưới sự bảo trợ của Đức Mẹ Trà Kiệu và sẽ góp phần tuyệt vời vào công cuộc rao giảng Tin Mừng cho lương dân.⁵⁶¹ Trong hơn một thế kỷ, từ năm 1800 đến 1914, do cuộc bách hại kéo dài, Hội An không có nhà thờ, không có chủ chăn, không sinh hoạt tôn giáo.⁵⁶² Mãi đến năm

⁵⁵⁹ Xem MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1934 à Septembre 1935*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1935, tr. 8. Chính tại trại phong Qui Hòa này thi sĩ Công giáo Hàn Mạc Tử, tức ông Phanxicô Nguyễn Trọng Trí, đã được điều trị bệnh phong từ ngày 29.09.1940 và đã qua đời ngày 11 tháng 11 năm ấy. Xác ông được mai táng tại nghĩa trang trại phong Qui Hòa. Ngày 13.02.1959 hài cốt ông được gia đình cải táng tại núi Ghềnh Ráng cho đến ngày nay.

⁵⁶⁰ "La" có nghĩa là cánh đồng, "qua" có nghĩa là dưa (qua phân: chia cắt như chia cắt dưa): La Qua là cánh đồng dưa, vì ở đó có nhiều dưa hấu, dưa hồng. Từ thời các chúa Nguyễn, thủ phủ của trấn Quảng Nam, thường gọi là dinh trấn, được đặt tại Dinh Chiêm. Năm 1834, Minh Mạng thập tứ niên, khi trấn Quảng Nam trở thành tỉnh Quảng Nam, tỉnh lỵ Quảng Nam được dời từ Dinh Chiêm về La Qua và nhà vua cho xây thành Vĩnh Điện theo kiểu Vauban như các đồn lũy thời bấy giờ. Vĩnh Điện trở thành thủ phủ của tỉnh Quảng Nam cho đến sau năm 1945. Trong thời Pháp thuộc, dinh tỉnh trưởng Quảng Nam đặt ở Vĩnh Điện, còn tòa công sứ Pháp đặt ở Hội An. Riêng Đà Nẵng là nhượng địa của Pháp theo hòa ước Giáp Thân 1884.

⁵⁶¹ Xem MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1936 à Septembre 1937*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1937, tr. 8; *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1938 à Septembre 1939*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1939, tr. 18. Năm 1944 vì lý do chiến tranh, các nữ tu Phan Sinh đã rút khỏi La Qua.

⁵⁶² Ngoài ra, do chiến tranh và những thay đổi về chính trị xã hội, Hội An trong thời kỳ này rơi vào cảnh điêu tàn. Thế kỷ XVIII, khi cuộc khởi nghĩa Tây Sơn diễn ra ở miền Nam, chúa Trịnh đánh chiếm Quảng Nam Dinh năm 1775, cảng thị Hội An rơi vào cảnh chiến tranh loạn lạc. Sau khi chiếm được Hội An, quân Trịnh đã triệt phá những nhà cửa thuộc khu vực thương mại, chỉ để lại các công trình tín ngưỡng. Nhiều nhân vật quan trọng của dòng họ Nguyễn cùng những thương gia người Hoa giàu có đã di cư vào miền Nam, mang theo của cải và lập nghiệp tại Sài

1914, tòa công sứ Pháp di chuyển từ La Qua (Vĩnh Điện) về Hội An, kéo theo một số công chức, quân nhân có đạo cùng với một số gia đình Công giáo từ các nơi về đó làm ăn, buôn bán. Số người này đã mua được một khoảnh đất ở nghĩa trang ngoại kiều và dựng lên một ngôi nhà nguyện nhỏ để có nơi cho cha sở Phước Kiêu về dâng lễ mỗi Chúa nhật. Đây là tiền thân của ngôi nhà thờ lớn Hội An ngày nay. Mãi đến năm 1935, cha sở Phước Kiêu mới về thường trú tại Hội An. Trước đó cha là cha sở Phước Kiêu, kiêm nhiệm Hội An và La Qua.

Cùng với sự tham gia của các nữ tu con cái thánh Phanxicô tại trại phong Qui Hòa và trung tâm cứu tế La Qua, các nam tu sĩ dòng thánh Phanxicô cũng đã trở lại phục vụ tại Giáo phận Qui Nhơn, nơi mà trước đây khi còn là Giáo phận Đà Nẵng, Hội dòng đã từng hiện diện và hoạt động cách đặc lực bên cạnh các thừa sai Paris. Sau khi Hội dòng đã có những cơ sở vững chắc ở Vinh và Thanh Hóa, năm 1937 cha Maurice Bertin đến Nha Trang xây dựng một tòa nhà làm tu viện và học viện của Hội dòng trên một ngọn đồi nhìn ra biển. Công trình xây dựng đang tiến hành thì thế chiến thứ II bùng nổ, quân Nhật chiếm đóng Đông Dương gây nhiều trở ngại, nên mãi đến năm 1941 mới hoàn thành. Các tu sĩ Phanxicô sẽ phục vụ người nghèo và các anh em dân tộc thiểu số.

Năm 1938, nhà thờ giáo họ Vĩnh Thạnh được xây mới thay cho nhà thờ cũ đã bị trận bão năm 1933 đánh sập. Để kính nhớ và tôn vinh Chân phước Stêphanô Cuénôt Thê, Giám mục tử đạo, và Tội tở Chúa Maria Mađalêna Huỳnh Thị Lưu, là người đã đón tiếp Đức cha vào ẩn trú trong nhà mình, sau đó đã chịu tử đạo cùng với Đức cha, con cháu Bà Lưu đã dâng cúng khu đất nhà Bà trước đây và họ đạo Vĩnh Thạnh đã quyết định xây dựng ngôi nhà thờ mới tại đó thay vì chỗ cũ cách đó mấy trăm mét. Lễ khánh thành và làm phép trọng thể được tổ chức vào ngày 23.08.1938 do Đức cha Tardieu chủ sự. Ngày lễ ấy có thể được coi như một bài giảng hùng hồn hơn mọi bài giảng đối với dân ngoại, vì mọi người đã tận mắt nhìn thấy Giáo Hội không chết dưới

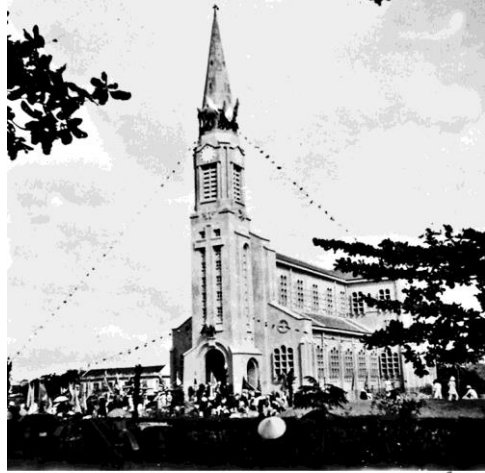
Gòn - Chợ Lớn, để lại một Hội An điêu tàn, đổ nát. Thế kỷ XIX, cửa Đại ngày càng bị thu hẹp lại và con sông Cò Cò cũng bị phù sa bồi lấp, khiến các thuyền lớn không còn ghé được cảng Hội An. Bên cạnh đó, triều đình nhà Nguyễn cũng thực hiện chính sách đóng cửa, hạn chế quan hệ với nước ngoài, đặc biệt các quốc gia phương Tây. Từ đó, Hội An dần suy thoái, mất đi vị thế cảng thị quốc tế quan trọng. Năm 1888, khi Đà Nẵng trở thành nhượng địa của Pháp, cùng với chính sách phát triển Đà Nẵng của người Pháp, hoạt động thương nghiệp ở Hội An dần bị đình trệ. Xem [http://vi.wikipedia.org/wiki/Phố cổ Hội An](http://vi.wikipedia.org/wiki/Phố_cổ_Hội_An).

sức mạnh của quyền lực trần gian; đó cũng là một ngày hãnh diện và đầy sức củng cố đối với các tín hữu, đặc biệt đối với con cháu Bà Lưu và cộng đoàn họ đạo Vĩnh Thạnh.⁵⁶³

2.7. Xây dựng nhà thờ "Chính tòa" Qui Nhơn và nhiều công trình khác theo sau

Công trình xây dựng lớn nhất trong thời gian này là nhà thờ "Chính tòa" Qui Nhơn⁵⁶⁴ thay thế cho ngôi nhà thờ cũ quá nhỏ hẹp.⁵⁶⁵

Công trình xây dựng nhà thờ Chính tòa được khởi sự từ tháng 10 năm 1938 do hội kiến trúc SIDEC thực hiện. Đây là ngôi nhà thờ lớn được xây dựng theo phong cách kiến trúc Roman, nhưng rất hiện đại, hình thánh giá, dài 58m tính cả tháp chuông và tiền sảnh, cánh ngang rộng 22m50, lòng giữa rộng 7m50, đỉnh mái cao 15m, tháp chuông cao 47m. Nhà thờ được khánh thành và làm phép trọng thể vào tháng 11 năm 1939.⁵⁶⁶



*Bénédictine Cathédrale Qui Nhon
13-12-1939*

*Làm phép nhà thờ
Chính tòa Qui Nhơn*

⁵⁶³ Xem MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1937 à Septembre 1938*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1938, tr. 14.

⁵⁶⁴ Đúng ra phải gọi là "tiền Chính tòa" hay "thay cho Chính tòa" (église pro-cathédrale), vì trong thời kỳ ấy Hàng Giáo phẩm Việt Nam chưa được thành lập, các Giám mục cai quản Giáo phận chỉ là những vị Đại diện Tông tòa, chứ chưa phải là những Giám mục Chính tòa, do đó nhà thờ nơi có ngai tòa của Giám mục chưa được gọi là nhà thờ Chính tòa.

⁵⁶⁵ Ngôi nhà thờ cũ này được tháo dỡ và chuyển về xây dựng nhà thờ họ đạo Gò Dài, thuộc giáo xứ Gò Thị, và được khánh thành năm 1941. Xem MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1941 à Septembre 1942*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1942, tr. 24.

⁵⁶⁶ Xem MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1938 à Septembre 1939*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1939, tr. 26; AMEP, *Rapport annuel de Quinhon 1939*. Từ năm 1939 nhà thờ Chính tòa đã có hai quả chuông Tây thật lớn, nhưng đến thời Đức cha Phêrô Maria Phạm

Trong lễ khánh thành ấy, Đức cha Tardieu Phú chủ sự nghi thức làm phép trọng thể và dâng hiến nhà thờ cho Đức Mẹ Mân Côi, Đức cha Lemasle của Giáo phận Huế cử hành lễ đại triều và giảng, Đức cha Jannin của Giáo phận Kontum đọc lời chào trọng thể kết lễ. Gia đình các Giáo phận phát sinh



*Cơ sở Bác Ái Vinh Sơn
tại Qui Nhơn 1941*

từ Giáo phận Đà Nẵng, mà Qui Nhơn là Giáo phận mẹ, sẽ đầy đủ nếu trong đại lễ ấy Đức cha Dumortier của Giáo phận Sài Gòn và Đức cha Chaballier của Giáo phận Nam Vang (Phnom Penh) không bị ngăn trở và có thể đến dự theo lời mời của Giáo phận Qui Nhơn. Cùng hiện diện với 3 Giám mục còn có khoảng 30 linh mục, tất cả các thầy Đại chủng viện phụ trách hát lễ, khoảng 30 tiểu chủng sinh phụ trách lễ nghi, các sư huynh La San, các sư huynh Dòng Thánh Giuse, các nữ tu Dòng Mến Thánh Giá, Dòng Thánh Phaolô thành Chartres, Dòng Phan Sinh Thừa Sai Đức Mẹ, Dòng Nữ Tử Bác Ái Thánh Vinh Sơn, quan công sứ Pháp tại Qui Nhơn và phái đoàn, đông đảo tín hữu của địa sở Qui Nhơn và các địa sở lân cận, đám đông dân ngoại có thiện cảm với đạo hay vì hiếu kỳ cũng đến. Người ta chưa từng thấy một đoàn rước nào trên các đường phố Qui Nhơn với những lễ nghi long trọng như thế.⁵⁶⁷

Giống như một đoàn rước tháp tùng một nhân vật quan trọng là ngôi nhà thờ Chính tòa, hàng loạt công trình xây dựng nhỏ hơn được thực hiện hay hoàn thành khắp Giáo phận trong năm ấy: đó là các nhà thờ địa sở như Phương Phi, Nhà Đá, Nước Nhỉ, Quảng Ngãi, Phước Đông; các nhà thờ họ nhánh như Tháp Chàm, Hòa Huỳnh, Hòa Đình,

Ngọc Chi làm Giám mục Giáo phận Qui Nhơn (1957-1963), một người Mỹ tên là John Greydiak dâng cúng một quả chuông nặng 1.800 kí, miệng chuông có đường kính 1,25m. Ngày 23.02.1962 chuông được đặt lên tháp ở độ cao 25m. Cũng trong dịp này Đức cha nhờ cha Giuse Lê Văn Ấn, chánh xứ Đà Nẵng (năm 1965 được Tòa Thánh bổ nhiệm làm Giám mục tiên khởi Giáo phận Xuân Lộc), đặt làm một bàn thờ cẩm thạch màu hồng tại Non Nước và chở về đặt trong cung thánh nhà thờ, nay là bàn thờ đặt nhà tạm.

⁵⁶⁷ Xem MISSION DE QUINHON, *Mémorial de Décembre 1939*, tr. 3-4.

Phổ Trạch, Phước Thiện, An Chỉ Nam, Phù Mỹ, Việt An, Hà Thanh; các nhà vuông Hòa Tân, Tuy Hòa, Qui Nhơn; các trường học tại Nha Trang, Phú Hòa, Trà Kiệu; nói rộng nhà tập Dòng Thánh Giuse ở Kim Châu, qui hoạch nhiều phòng trong bệnh viện Kim Châu thành nhà hộ sinh, xây dựng hang đá Đức Mẹ Lộ Đức tại Đà Nẵng, đó là chưa kể đến học viện Dòng Phanxicô tại Nha Trang, nhà trẻ và nhà mồ côi thuộc Dòng Bác Ái Vinh Sơn ở Qui Nhơn.⁵⁶⁸

Song song với việc tái thiết và xây dựng các cơ sở vật chất cũng như những cộng đoàn phục vụ sau cuộc tàn phá của hai trận bão, Giáo phận cũng đẩy mạnh việc phục hưng tinh thần và đời sống đạo đức của giáo dân, đồng thời đẩy mạnh công cuộc truyền giáo, khiến cho dân số Công giáo gia tăng tạo nên những địa sở mới. Thiếu nhi Thánh Thể hay Nghĩa binh Thánh Thể (Les Croisés Eucharistiques), được chính thức thành lập trong Giáo phận từ năm 1936, tại Nước Nhỉ, Gia Hựu, Cù Và, Gò Thị, Măng Lăng, Kim Châu, Cây Da.⁵⁶⁹

2.8. Cha Jean Sion Khâm được tấn phong Giám mục Kontum và Đức cha Tardieu từ trần

Ngày 22.04.1942, thừa sai Jean Sion Khâm, là cha Bề trên của Giáo phận và cũng là Bề trên Dòng Thánh Giuse, được tấn phong Giám mục hiệu tòa Mideo và Đại diện Tông tòa Giáo phận Kontum, kế vị Đức cha Jannin Phước, đã từ trần từ ngày 14.07.1940. Lễ tấn phong được cử hành tại nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn do Đức cha Drapier, Khâm sứ Tòa Thánh chủ phong; vị phụ phong thứ nhất là Đức cha Tardieu, vị phụ phong thứ hai là Đức cha Cassaigne của Giáo phận Sài Gòn, ngoài ra còn có sự hiện diện của Đức cha Lemasle của Giáo phận Huế, Đức cha Chaballier của Giáo phận Phnom Penh, các linh mục và tu sĩ trong và ngoài Giáo phận, các chủng sinh, đông đảo giáo dân của địa sở Qui Nhơn và các địa sở lân cận, nhất là Kim Châu, đặc biệt là phái đoàn người dân tộc từ Kontum xuống. Sau đó Đức cha Sion lần lượt đi ban phép lành Giám mục đầu tay tại Đại chủng viện ngày 23, tại Qui Hòa ngày 24, tại Gò Thị và Tiểu chủng

⁵⁶⁸ Xem MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1939 à Septembre 1940*, Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1940, tr. 29.

⁵⁶⁹ Hội đoàn này được khởi xướng tại Pháp từ giữa thế kỷ XIX. Năm 1929 hội đoàn này đã có mặt tại Hà Nội rồi từ đó được nhân rộng đến nhiều Giáo phận: Huế, Sài Gòn năm 1931, Phát Diệm, Thanh Hóa năm 1932, Vinh năm 1935, Qui Nhơn năm 1936, Thái Bình, Bùi Chu năm 1937, Bắc Ninh năm 1938...

viện Làng Sông ngày 25 và chiều hôm đó ngài trở về Kim Châu để cử hành lễ đại triều tại nhà Dòng Giuse vào ngày 26, kính trọng thể Thánh Giuse, quan thầy của Hội dòng. Sáng ngày 28 ngài lên xe đi nhận Giáo phận Kontum.⁵⁷⁰

Sau khi Đức cha Sion Khâm về Kontum, cha Marcel Piquet Lợi thay ngài làm Bề trên Giáo phận, cha Marc Lefèbvre thay ngài làm Bề trên Dòng Thánh Giuse. Về phần Đức cha Tardieu Phú, ngài vốn không có sức khỏe tốt, lại thêm sức nặng của công việc và những lo toan, nên ngày 11.12.1942 ngài đã ngã bệnh do chứng tăng urê huyết, và sau khi lãnh nhận các Bí tích sau hết ngài đã êm ái trút hơi thở cuối cùng ngày hôm sau, 12 tháng 12. Lễ an táng được cử hành long trọng tại nhà thờ Chính tòa do Đức Khâm sứ Tòa Thánh chủ sự, với sự hiện diện của 4 Giám mục từ Huế, Sài Gòn, Phnom Penh, Kontum, hơn 90 linh mục và đông đảo tín hữu. Sau thánh lễ, quan tài được đưa xuống ghe lớn chở về Làng Sông, đặt trong nhà nguyện chủng viện để cầu lễ rồi đưa xuống an táng tại nghĩa trang linh mục của Giáo phận.⁵⁷¹

2.9. Tổng kết tình hình Giáo phận cuối thời Đức cha Tardieu

Cuối năm 1942 khi Đức cha Tardieu qua đời, tình hình Giáo phận Qui Nhơn gồm 6 tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa và Ninh Thuận, được ghi nhận như sau:

- **Tại tỉnh Quảng Nam** có 16 địa sở, 127 họ đạo, 5 cộng đoàn⁵⁷² và 18.442 tín hữu, với các trung tâm chính là Đà Nẵng, Phú Thượng, Trà Kiệu, La Qua.

1. Địa sở Đà Nẵng: 1 họ đạo, 1 trường học Việt-Pháp Thánh Tâm và 1 trường huấn nghiệp do các nữ tu Dòng Thánh Phaolô đảm trách, 1.404 tín hữu.

2. Địa sở An Ngãi: 5 họ đạo, 1930 tín hữu.

3. Địa sở Phú Thượng: 4 họ đạo, 1 phước viện Mến Thánh Giá, 1.283 tín hữu.

4. Địa sở Phước Đông: 4 họ đạo, 1.009 tín hữu.

5. Địa sở Cồn Dầu: 1 họ đạo, 607 tín hữu.

6. Địa sở Lệ Sơn: 9 họ đạo, 1.172 tín hữu.

⁵⁷⁰ Xem MISSION DE QUINHON, *Mémorial de Mars - Avril 1942*, tr. 4-6.

⁵⁷¹ Xem thư của cha Bề trên Marcel Piquet Lợi trong MISSION DE QUINHON, *Mémorial de Décembre 1942*, tr. 1-4.

⁵⁷² Các "cộng đoàn" được kể trong bản tổng kết này gồm các chủng viện, tu viện, tập viện, phước viện, đan viện, cộng đoàn tu sĩ, cô nhi viện, v.v.

7. Địa sở La Nang: 15 họ đạo, 1.070 tín hữu.
 8. Địa sở Ái Nghĩa: 10 họ đạo, 850 tín hữu.
 9. Địa sở Phú Hương: 9 họ đạo, 369 tín hữu.
 10. Địa sở Hoàng Phước: 11 họ đạo, 1.214 tín hữu.
 11. Địa sở Ô Gia: 6 họ đạo, 821 tín hữu.
 12. Địa sở Trà Kiệu: 15 họ đạo, 1 phước viện Mến Thánh Giá, 1 cô nhi viện, 2.563 tín hữu.
 13. Địa sở Hội An: 5 họ đạo, 1 trung tâm cứu tế tại La Qua do các nữ tu Dòng Phan Sinh điều hành, 487 tín hữu.
 14. Địa sở Thuận Yên: 8 họ đạo, 1.264 tín hữu.
 15. Địa sở Tam Kỳ: 14 họ đạo, 1.119 tín hữu.
- **Tại tỉnh Quảng Ngãi** có 6 địa sở, 61 họ đạo, 3 cộng đoàn và 8.835 tín hữu, với trung tâm chính là Cù Và.
1. Địa sở Trung Tín: 9 họ đạo, 1.450 tín hữu.
 2. Địa sở Quảng Ngãi: 6 họ đạo, 1.272 tín hữu.
 3. Địa sở Cù Và: 9 họ đạo, 1 phước viện Mến Thánh Giá, 2 cô nhi viện, 2.240 tín hữu.
 4. Địa sở Châu Me: 14 họ đạo, 1.655 tín hữu.
 5. Địa sở Bàu Gốc: 16 họ đạo, 1.623 tín hữu.
 6. Địa sở Trà Câu: 7 họ đạo, 595 tín hữu.
- **Tại tỉnh Bình Định** có 21 địa sở, 169 họ đạo, 19 cộng đoàn, 24.538 tín hữu, với các trung tâm chính là: Gia Hựu, Đại An, Gò Thị, Qui Nhơn, Làng Sông, Kim Châu, Qui Hòa.
1. Địa sở Gia Hựu: 10 họ đạo, 1 phước viện Mến Thánh Giá, 2 cô nhi viện, 2.382 tín hữu.
 2. Địa sở Hội Đức: 15 họ đạo, 1.242 tín hữu.
 3. Địa sở Thác Đá: 8 họ đạo, 623 tín hữu.
 4. Địa sở Đồng Dài: 4 họ đạo, 475 tín hữu.
 5. Địa sở Đồng Quả: 6 họ đạo, 1.238 tín hữu.
 6. Địa sở Gia Chiêu: 3 họ đạo, 618 tín hữu.
 7. Địa sở Nước Nhì: 6 họ đạo, 522 tín hữu.
 8. Địa sở Nhà Đá: 15 họ đạo, 2.116 tín hữu.
 9. Địa sở Kim Châu: 13 họ đạo, 1 bệnh viện, 1 nhà trẻ, 1 cô nhi viện và 1 nhà hộ sinh do các nữ tu Dòng Thánh Phaolô đảm trách, 1 tu viện Dòng Thánh Giuse, 1.532 tín hữu.
 10. Địa sở Trường Cửu: 9 họ đạo, 544 tín hữu.
 11. Địa sở Kỳ Bương: 8 họ đạo, 1.562 tín hữu.
 12. Địa sở Đồng Phó: 5 họ đạo, 279 tín hữu.
 13. Địa sở Kiều Đông: 6 họ đạo, 403 tín hữu.

14. Địa sở Đại An: 6 hộ đạo, 1 nhà hưu dưỡng các linh mục Việt Nam, 1.040 tín hữu.

15. Địa sở Phương Phi: 10 hộ đạo, 598 tín hữu.

16. Địa sở Nam Bình: 10 hộ đạo, 1.220 tín hữu.

17. Địa sở Gò Thị: 12 hộ đạo, 1 tu viện và 1 tập viện Mến Thánh Giá, 2 cô nhi viện, 3.591 tín hữu.

18. Địa sở Tân Dinh: 8 hộ đạo, Tiểu chủng viện, 1 phước viện Mến Thánh Giá, 1.927 tín hữu.

19. Địa sở Ngọc Thạnh: 11 hộ đạo, 660 tín hữu.

20. Địa sở Qui Nhơn: 3 hộ đạo, Tòa Giám mục, Đại chủng viện, sở quản lý, nhà in, 1 cộng đoàn các sư huynh La San đảm trách trường học, 1 phước viện Mến Thánh Giá, 1 cộng đoàn nữ tu Bác Ái Vinh Sơn đảm trách trường học, nhà trẻ, cô nhi viện, nhà nữ công từ thiện, 1.464 tín hữu.

21. Địa sở Qui Hòa: 1 hộ đạo, 1 cộng đoàn nữ tu Phan Sinh, 502 tín hữu.

- **Tại tỉnh Phú Yên** có 7 địa sở, 44 hộ đạo, 2 cộng đoàn, 4.438 tín hữu, với trung tâm chính là Măng Lăng.

1. Địa sở Sông Cầu: 4 hộ đạo, 268 tín hữu.

2. Địa sở Măng Lăng: 15 hộ đạo, 1 phước viện Mến Thánh Giá, 1 cô nhi viện, 1.947 tín hữu.

3. Địa sở Đồng Tre: 4 hộ đạo, 400 tín hữu.

4. Địa sở Trà Khê: 5 hộ đạo, 377 tín hữu.

5. Địa sở Tịnh Sơn: 3 hộ đạo, 327 tín hữu.

6. Địa sở Hoa Châu: 4 hộ đạo, 445 tín hữu.

7. Địa sở Tuy Hòa: 9 hộ đạo, 674 tín hữu.

- **Tại tỉnh Khánh Hòa** có 8 địa sở, 24 hộ đạo, 5 cộng đoàn, 7.367 tín hữu, với các trung tâm chính là: Nha Trang, Bình Cang.

1. Địa sở Vạn Giã: 4 hộ đạo, 950 tín hữu.

2. Địa sở Ninh Hòa: 5 hộ đạo, 978 tín hữu.

3. Địa sở Nha Trang: 1 hộ đạo; đệ tử viện, tập viện, kinh viện và nhà hưu dưỡng Dòng La San, học viện Dòng Phanxicô; trường Việt-Pháp, nhà nữ công từ thiện, nhà trẻ và cô nhi viện do các Nữ Tử Bác Ái Vinh Sơn đảm trách, 798 tín hữu.

4. Địa sở Chợ Mới: 3 hộ đạo, 1.212 tín hữu.

5. Địa sở Bình Cang: 2 hộ đạo, 1 phước viện Mến Thánh Giá, 800 tín hữu.

6. Địa sở Hà Dừa: 6 hộ đạo, 1.254 tín hữu.

7. Địa sở Cây Vông: 2 hộ đạo, 1.034 tín hữu.

8. Địa sở Hòa Tân: 1 họ đạo, đan viện Xitô Mỹ Ca, 341 tín hữu.
- **Tại tỉnh Phan Rang** có 3 địa sở, 20 họ đạo, 1 cộng đoàn, 8.440 tín hữu, với trung tâm chính là Dinh Thủy.

1. Địa sở Hộ Diêm: 8 họ đạo, 4.601 tín hữu.

2. Địa sở Rừng Lai: 4 họ đạo, 1.070 tín hữu.

3. Địa sở Dinh Thủy: 9 họ đạo, 1 phước viện Mến Thánh Giá, 2.769 tín hữu.

Như vậy, trong toàn Giáo phận có 60 địa sở, 447 họ đạo, 34 cộng đoàn, với 72.060 tín hữu.

Số nhân sự của Giáo phận: 1 Giám mục, 22 thừa sai Pháp, 92 linh mục Việt, 40 sư huynh Dòng Giuse, 80 thầy giảng, 68 nữ tu Mến Thánh Giá có lời khấn, 181 nữ tu Mến Thánh Giá không có lời khấn. Đức cha Tardieu cũng chuẩn bị cho Giáo phận một số nhân sự có trình độ cao, nên đã gửi 3 chủng sinh du học Rôma là thầy Antôn Huỳnh Liên Mầu (thụ phong linh mục năm 1935), thầy Simon Huỳnh Sánh (thụ phong linh mục năm 1936), thầy Giuse Lê Văn Ấn (thụ phong linh mục năm 1944, Giám mục năm 1965).

Số nhân sự đến giúp: 28 sư huynh Dòng La San, 10 tu sĩ Dòng Phanxicô, 15 tu sĩ Dòng Xitô Mỹ Ca, 10 nữ tu Dòng Phaolô, 14 nữ tu Dòng Phan Sinh, 9 nữ tu Dòng Vinh Sơn.

Các cơ sở vật chất của Giáo phận gồm có: 370 nhà thờ hoặc nhà nguyện; Tòa Giám mục, Đại chủng viện, Tiểu chủng viện, sở quản lý, nhà in; nhà tập Dòng Giuse, 10 tu viện hay phước viện và 1 tập viện Dòng Mến Thánh Giá, 2 trường đào tạo thầy giảng và giáo viên sơ học và tiểu học, 7 trường tiểu học Việt-Pháp, 63 trường sơ học yếu lược, 400 trường dạy kinh và giáo lý; 16 cô nhi viện, nhà trẻ và nhà nữ công từ thiện; 7 phòng thuốc, phòng khám bệnh và nhà hộ sinh; 1 bệnh viện, 1 trại phong, 2 nhà nghỉ dưỡng dành cho các thừa sai Pháp, 1 nhà tĩnh tâm dành cho các linh mục Việt.⁵⁷³

3. THỜI ĐỨC CHA MARCEL PIQUET LỢI (1944-1957)

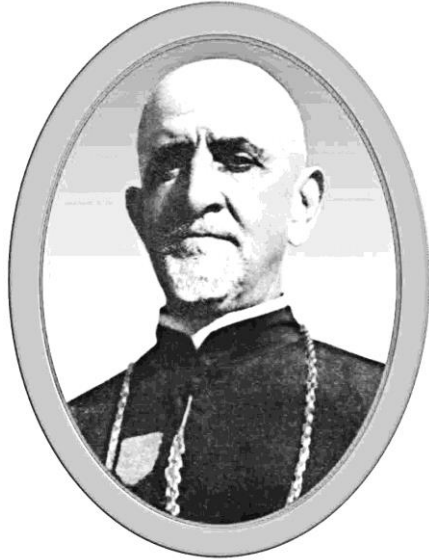
Sau khi Đức cha Augustin Tardieu Phú qua đời, quyền cai quản Giáo phận tạm thời thuộc về cha Bề trên Marcel Piquet Lợi. Ngày

⁵⁷³ Xem *État de la Mission et résultats obtenus de septembre 1941 à septembre 1942*, tr. 1-9, trong MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission, de Septembre 1941 à Septembre 1942*. Imprimerie de Quinhon, Quinhon - (Annam) 1942.

18.12.1942, ngài bổ nhiệm cha Julien Jean làm Giám quản kiêm Đại diện thừa ủy để phụ giúp ngài.⁵⁷⁴

3.1. Đức cha Piquet và tình hình khó khăn của Giáo phận Qui Nhơn

Ngày 11.11.1943, Tòa Thánh bổ nhiệm cha Bê trên Marcel Piquet Lợi làm Giám mục hiệu tòa Eriza và Đại diện Tông tòa Giáo phận Qui Nhơn.⁵⁷⁵ Liên sau đó, ngày 01.12.1943, vị Giám mục tân cử đã bổ nhiệm cha Julien Jean làm Quyền đại diện kiêm Đại diện thừa ủy.⁵⁷⁶ Lễ tấn phong Giám mục của Đức cha Piquet Lợi được cử hành long trọng tại nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn ngày 18.01.1944 do Đức cha Drapier, Khâm sứ Tòa Thánh, chủ phong, Đức cha Lemasle, Giáo phận Huế và Đức cha Phêrô Mactinô Ngô Đình Thục, Giáo phận Vĩnh



Đức cha Marcel Piquet Lợi

Long, phụ phong, với sự hiện diện của Đức cha Sion Khâm và cha Quyền đại diện, Giáo phận Kontum, cha Moreau, đại diện Hội thừa sai Paris, đồng đạo các thừa sai Pháp, trong đó có nhiều vị là bạn bè của Đức tân Giám mục, các Bê trên hay tuyên úy các Hội dòng, hàng giáo sĩ của Giáo phận Qui Nhơn, đặc biệt là sự hiện diện đồng đạo của hàng giáo sĩ Giáo phận Kontum, trong số đó phần lớn là những học trò cũ của ngài tại Đại chủng viện Đại An, các tu sĩ nam nữ và đồng đạo giáo dân từ các nơi trong Giáo phận. Chiều hôm đó, sau khi gặp gỡ hàng giáo sĩ Giáo phận tại Đại chủng viện, Đức tân Giám mục đã ban phép lành Minh Thánh Chúa trọng thể.⁵⁷⁷

⁵⁷⁴ Xem MISSION DE QUINHON, *Mémorial de Décembre 1942*, tr. 4-5.

⁵⁷⁵ Đức cha Marcel Paul Piquet sinh ngày 27.08.1888 tại Paris (Pháp), thụ phong linh mục ngày 29.09.1912. Trước khi lên chức Giám mục ngài từng làm giáo sư Đại chủng viện Đại An, cha sở Dinh Thủy, Hộ Diêm, Quyền Đại diện. Ngài qua đời ngày 07.11.1966 và được an táng tại khuôn viên nhà thờ Chính tòa Nha Trang.

⁵⁷⁶ Xem MISSION DE QUINHON, *Mémorial de Janvier 1944*, tr. 2.

⁵⁷⁷ Xem MISSION DE QUINHON, *Mémorial de Février 1944*, tr. 2-3.

Ngay sau khi được tấn phong Giám mục thay mặt Tòa Thánh cai quản Giáo phận Qui Nhơn, bắt chập những vất vả và thiếu tiện nghi của cuộc hành trình, Đức cha Piquet đã lên đường đi thăm các địa sở trong Giáo phận, bắt đầu từ phía Bắc là nơi mà trước đây ngài ít có dịp đi đến. Ngài quan tâm đặc biệt đến việc truyền giáo bằng cách tổ chức Công giáo tiến hành. Ngài cùng với hai Giám mục Huế và Kontum đã hiệp ý ra một thư chung để kêu gọi việc này. Bức thư trước hết cho thấy rằng ngay từ thời các Tông đồ, việc rao giảng Tin Mừng không dành riêng cho hàng giáo sĩ, nhưng là bổn phận của mọi tín hữu nói chung. Bức thư kêu gọi các địa sở thành lập các đoàn thể Công giáo tiến hành, đặc biệt là các hội thanh niên Công giáo với sự tham gia của giới thanh niên nam nữ, dưới sự hướng dẫn của các cha tuyên úy, như Nghĩa binh Thánh Thể, Hùng tâm dũng chí, tổ chức những cuộc gặp gỡ và những cuộc tĩnh tâm, những sinh hoạt lửa trại, những đêm diễn tuồng thánh tích hay những vở kịch mang tính giáo dục cho mọi người.⁵⁷⁸

Chiều 09.03.1945, quân Nhật lật đổ chính quyền Pháp ở Đông Dương.⁵⁷⁹ Ít lâu sau các thừa sai bị quân Nhật tập trung về Tòa Giám mục Qui Nhơn và Đức cha Piquet không thể liên lạc được với các linh mục Việt Nam cũng như với các tín hữu. Ngày 14.08.1945 Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng vô điều kiện sau khi Mỹ thả hai quả bom nguyên tử xuống thành phố Hiroshima ngày 06 tháng 08 và Nagasaki ngày 09 tháng 08. Lợi dụng tình thế, ngày 19.08.1945 Việt Minh phát động cuộc cách mạng tháng 08 dẫn đến việc thành lập nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ngày 02.09.1945. Cũng ngày 02 tháng 09, Nhật hoàng chính thức ký văn bản đầu hàng và chịu sự giải giới của quân đội đồng minh. Sau ngày đầu hàng và trong khi chờ ngày giải giới, quân Nhật có nhiệm vụ bảo vệ an ninh cho những thành phố nào không có quân đồng minh đóng và bảo đảm sinh mạng cho Pháp kiều. Nhiều vụ đụng độ đã xảy ra giữa quân đội Nhật với bộ đội Việt Minh. Việc giải giới quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 (Tam Kỳ) trở vào Nam được giao cho quân đội Anh, còn từ vĩ tuyến 16 trở ra thì do

⁵⁷⁸ Xem MISSION DE QUINHON, *Mémorial de Juin 1944*, tr. 8-13. Cụ thể, từ ngày 05 đến ngày 10.08.1944, Giáo phận tổ chức cuộc tĩnh tâm dành riêng cho các thanh niên tại nhà dòng Kim Châu do Đức cha Sion Khâm giảng. Các thanh niên nam nữ đã lập gia đình hay chưa đều được mời tham dự (tr. 15). Xem MISSION DE QUINHON, *Mémorial de Juillet - Août 1944*, tr. 2.

⁵⁷⁹ Thực ra từ tháng 09 năm 1939 ở Bắc Bộ đã xảy ra chiến tranh giữa Pháp và Nhật tại Lạng Sơn. Quân Pháp-Việt thua nên Pháp phải chấp nhận sự có mặt của quân đội Nhật ở Đông Dương.

quân đội Trung Hoa Dân Quốc. Dựa vào quân đội Anh, người Pháp tìm cách chiếm lại các cơ quan chính quyền để phục hồi chế độ thuộc địa tại Việt Nam, từ đó có sự đụng độ giữa bộ đội Việt Minh và quân Pháp, mở đầu cho cuộc chiến tranh Việt-Pháp sẽ kéo dài từ năm 1946 đến năm 1954.

Ngày 21.11.1945, chính quyền Việt Minh tại Bình Định quyết định đưa Đức cha, các thừa sai đang tập trung tại Tòa Giám mục, các nữ tu người Pháp Dòng Phan Sinh tại Qui Hòa và Dòng Bác Ái Vinh Sơn ra Huế bằng tàu lửa và được Đức cha Lemasle Giáo phận Huế đón tiếp.⁵⁸⁰ Trong khi đó tại Khánh Hòa, ngày 30.11.1945 Ủy ban kháng chiến hành chánh tỉnh ra lệnh cho nhà Dòng Phanxicô và Dòng La San phải cấp tốc di tản. Các tu sĩ đi bộ ra Lương Sơn rồi được đưa lên xe lửa để ra Qui Nhơn. Đến ngày 06 tháng 12 tại Qui Nhơn có giao tranh giữa quân Nhật và bộ đội Việt Minh nên các tu sĩ lại phải đi bộ ra Làng Sông. Các sư huynh Dòng La San được cha sở Tân Dinh là cha Bính đưa về ở với ngài tại Tân Dinh, còn các tu sĩ Dòng Phanxicô thì được ngài sắp xếp cho ở tại họ đạo Tân Quán. Đến tháng 10 năm 1946 các tu sĩ của cả hai dòng mới trở về Nha Trang, sau khi Việt Minh rút lui khỏi tỉnh Khánh Hòa. Tại nhà mẹ Dòng Thánh Giuse ở Kim Châu, sư huynh Anrê Phùng Điểm được đặt làm Bề trên thay thế thừa sai Marc Lefèbvre. Hầu hết các sư huynh đều tập trung về nhà mẹ lao động sản xuất và chia nhau đi phục vụ tại các địa sở lân cận.

Tháng 04 năm 1946 Đức cha Piquet cùng với hai thừa sai từ Huế tìm cách vô Đà Nẵng nhưng không thể ở đó lâu vì mất an ninh nên phải trở lại Huế rồi dùng máy bay quân sự vào Sài Gòn, từ đó Đức cha đi về Nha Trang ở chung với các thừa sai Pháp tại trụ sở Cuénot, số 60 Duy Tân, và quyết định ở lại đó chờ tình hình sáng sủa hơn. Trụ sở này được coi như Tòa Giám mục của Giáo phận. Như vậy từ năm 1946 đến 1954 Giáo phận Qui Nhơn bị cắt làm đôi, hoặc làm ba: phần đất phía Nam gồm 2 tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận, có sự hiện diện của Đức cha Piquet; phần đất phía Bắc gồm 3 tỉnh Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, cho đến An Tân tỉnh Quảng Nam thuộc liên khu 5 dưới quyền kiểm soát của Việt Minh, trừ Đà Nẵng - Trà Kiệu và những vùng phụ cận vẫn do Pháp làm chủ.⁵⁸¹ Từ ngày 19.12.1946

⁵⁸⁰ Có tài liệu nói rằng chính quân Nhật đã đưa các vị ra Huế chứ không phải Việt Minh, vì lúc ấy họ thấy không có khả năng bảo đảm an toàn cho các vị ấy tại Bình Định theo như qui định.

⁵⁸¹ Từ năm 1888, chính phủ Pháp ép triều đình Việt Nam ký giấy nhượng hải cảng Đà Nẵng cho Pháp làm nhượng địa, từ đó việc cai trị tại đây thuộc quyền viên

Đức cha Piquet đặt Tòa Giám mục tại Nha Trang và Nha Trang trở thành trung tâm của Giáo phận Qui Nhơn. Cũng từ năm 1946, Đức cha thiết lập một chủng viện tạm thời tại cơ sở phước viện Mến Thánh Giá ở Dinh Thủy, tỉnh Ninh Thuận, rồi chuyển các chủng sinh quê Khánh Hòa và Ninh Thuận về đó tu học cho đến 1952, sau đó đưa về Nha Trang tại cơ sở số 22 Duy Tân, nơi đặt Tòa Giám mục Nha Trang sau này.

Từ năm 1947, Nhà mẹ Dòng Mến Thánh Giá tại Gò Thị rơi vào cảnh thiếu thốn, đến nỗi không còn đủ khả năng duy trì hay nhận thêm các đệ tử, vì thế các đệ tử phải về sống tại gia đình. Trong khi đó các nữ tu thuộc các cộng đoàn từ Khánh Hòa trở về cũng không thể liên lạc được với Nhà mẹ, nên xin Đức cha cho lập một chi nhánh Hội dòng tại Nha Trang, để có thể thu nhận các em muốn nhập dòng. Đức cha chấp thuận lấy ngôi trường giáo xứ tại ngã sáu Nha Trang, cho tu sửa lại và đổi tên thành trường Thánh Tâm và giao cho Hội dòng để làm cơ sở, dưới quyền điều hành của nữ tu Valentine. Đến năm 1956 khi việc liên lạc với Nhà mẹ được dễ dàng, Đức cha chuyển chi nhánh Hội dòng về Qui Nhơn, giao cơ sở Thánh Tâm cho Dòng Đức Bà Truyền Giáo từ Bắc di cư vào. Ngoài ra Đức cha cũng lập một chi nhánh Dòng Thánh Giuse tại Phước Hải, nay là Bình Tân, tập trung được một số tu sĩ và thu nhận đệ tử để dòng tiếp tục, vì từ năm 1950 tại Nhà mẹ ở Kim Châu thầy Bề trên Phùng Diễm bị cầm tù, Hội dòng phá sản vì thuế nông nghiệp quá nặng, nhà đệ tử phải giải tán, còn các thầy thì sống lây lất.

3.2. Công việc của Cha Đại diện thừa ủy

Vì không thể trực tiếp cai quản Giáo phận tại phần đất liên khu 5 dưới quyền của Việt Minh, nên Đức cha Piquet đã đặt Cha Phêrô Đặng Quyền Huy làm Đại diện thừa ủy thay mặt ngài cai quản. Cha quan tâm đến việc xếp đặt nhân sự cho phù hợp với hoàn cảnh xã hội, xoay xở tài chánh để đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt của Giáo phận trong điều kiện kinh tế cực kỳ khó khăn, nhất là cho nhu cầu đào tạo linh mục tại Đại chủng viện và Tiểu chủng viện, nhưng quan trọng hơn hết vẫn là giữ vững tinh thần đạo đức của các tín hữu. Để thực hiện việc này cha lập Liên đoàn Công giáo nhằm đoàn ngũ hóa giáo dân và đặt cha Phêrô Nguyễn Đình Tịch làm tổng

tuyên úy. Mỗi địa sở đều có hội quán Liên đoàn Công giáo được chính quyền liên khu 5 thừa nhận là đại diện cho người Công giáo. Hàng tháng vào những đêm có trăng thì họp từng giới để học giáo lý, kiểm điểm đời sống đạo. Có thể nói Liên đoàn Công giáo đã giữ vững tinh thần Kitô hữu cho giáo dân trong suốt 12 năm chiến tranh và hậu chiến 1945-1957.⁵⁸²

Cha Đại diện thừa ủy lưu tâm đặc biệt đến việc đào tạo tại chủng viện. Ngài đặt cha Phêrô Nguyễn Đức Tín, tiến sĩ triết học và thần học, làm giám đốc Đại chủng viện Qui Nhơn và cha Phêrô Dương Tấn Quá, giáo sư kỳ cựu của Tiểu chủng viện, làm giám đốc Tiểu chủng viện Làng Sông. Đồng thời ngài lo cho hai chủng viện có đủ các giáo sư đầy khả năng. Ngoài ra ngài còn phải đi đến các nơi trong Giáo phận để xin tiền về nuôi các chủng sinh. Bằng cách đó ngài đã duy trì được hai chủng viện từ năm 1945 đến hết năm 1952.⁵⁸³

Tại trại phong Qui Hòa, vì tất cả các nữ tu Phan Sinh ở trại phong Qui Hòa và cha tuyên úy Louis Hutinet đều là người Pháp nên bị đưa đi cùng với Đức cha Piquet, cha Đặng Quyền Huy đã bổ nhiệm cha Phaolô Huỳnh Biên làm giám đốc kiêm tuyên úy trại phong để phục vụ các bệnh nhân lúc ấy lên đến 700 người. Vì phải một mình gánh vác hết mọi công việc hành chánh, lại còn phải liên lạc với chính quyền Việt Minh để xin trợ cấp hàng tháng cho các bệnh nhân, nên về việc tuyên úy cha Huỳnh Biên nhờ cha Giuse Võ Ngọc Nhã từ năm 1947 đến 1951 và cha Phaolô Nguyễn Xuân Bàn từ năm 1953 đến 1956. Về phía Dòng Phan Sinh có 4 chị nhà thờ người Việt đang thời gian từ Vinh vào Qui Hòa thực tập, đã ở lại phục vụ. Ngoài ra còn có các nữ tu Mến Thánh Giá từ Gò Thị đến giúp. Theo sự kêu gọi của Giáo phận, một số thiếu nữ cũng đã tình nguyện đến phục vụ các bệnh nhân mà không đòi thù lao.

Năm 1946, tàu chiến của Pháp xuất hiện ở Cù Lao Xanh trước cửa Qui Nhơn, Ủy ban hành chánh tỉnh ra lệnh mọi người phải di tản khỏi Qui Nhơn, để nếu quân đội Pháp đổ bộ thì bộ đội dễ dàng chiến đấu. Thế là cha Bề trên Huy lên ở Dòng Thánh Giuse Kim Châu, cha giám đốc Phêrô Nguyễn Đức Tín đưa các thầy Đại chủng viện về

⁵⁸² Liên đoàn Công giáo tồn tại cho đến khi Đức cha Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi về nhận chức Giám quản Tông tòa của Giáo phận và thành lập Hiệp hội Thánh Mẫu mở rộng gồm sáu giới thay thế cho Liên đoàn Công giáo.

⁵⁸³ Trong thời kỳ này, một năm ở chủng viện được chia thành hai học kỳ, mỗi học kỳ ba tháng rưỡi. Chủng viện được duy trì cho đến năm 1952, sau đó vì tài chánh cạn kiệt đành phải giải tán.

Làng Sông, cha sở Qui Nhơn di tản lên Mỹ Cang, cha Antôn Nguyễn Anh Thuận đưa máy móc nhà in về Vĩnh Minh (Nam Bình).⁵⁸⁴ Cùng với lệnh di tản, chính quyền còn cho thi hành chiến lược tiêu thổ kháng chiến. Các cơ quan chính quyền, công sở và nhà tư nhân đều bị tháo dỡ. Về phía Giáo phận, Tòa Giám mục và nhà thờ Chính tòa được chính quyền công nhận là tài sản của Vatican nên không bị phá hủy,⁵⁸⁵ nhưng những cơ sở khác như trường Gagelin, trường và nhà của các Nữ Tử Bác Ái Vinh Sơn, nhà in Qui Nhơn đều bị phá hủy, hai tòa nhà Đại chủng viện bị dỡ mái và phá vách tầng ba, trừ nhà nguyện vẫn còn nguyên. Trong suốt thời chiến tranh từ năm 1946 đến 1954, Qui Nhơn ở trong tình trạng vườn không nhà trống.⁵⁸⁶

Điều làm cha Bê trên đau khổ nhất là chỉ vài năm sau khi nhận nhiệm vụ thay mặt Đức cha cai quản phần đất Giáo phận dưới quyền Việt Minh, cha đã phải chứng kiến một số linh mục bị bắt và bị giam giữ vì bị cho là có liên quan đến chính trị, khiến cho nhiều địa sở phải bỏ trống hay được kiêm nhiệm một cách bất đắc dĩ, nhiều cơ sở tôn giáo phải đóng cửa. Điều khó khăn nhất cho ngài là phải khôn khéo trong tương quan với các cấp chính quyền để tránh thiệt hại cho Giáo Hội. Mặc dù lúc đầu chính quyền thừa nhận Liên đoàn Công giáo do ngài thành lập là tổ chức đại diện cho giới Công giáo, nhưng về sau họ nghi ngờ tổ chức ấy có ý đồ chính trị. Tuy nhiên cha Bê trên vẫn làm hết cách để duy trì Liên đoàn cho đến cùng, để nuôi dưỡng đời sống đạo của các tín hữu.

Từ khi rời Qui Nhơn do cuộc tiêu thổ kháng chiến, cha Bê trên Huy thường ở tại Dòng Thánh Giuse Kim Châu, nhưng từ năm 1952

⁵⁸⁴ Khi cha Thuận được bổ nhiệm về làm cha sở Kim Châu, cha Bê trên Huy đang cư trú tại nhà Dòng Thánh Giuse Kim Châu giao máy cho các thầy Dòng Thánh Giuse quản lý và tùy nghi sử dụng, để tổ chức lại việc in ấn, vừa giúp Giáo phận vừa giúp nhà dòng. Sau này nhà dòng chỉ định thầy Paul Định tổ chức nhà in tại Trường Thuế, Nam Bình, cho đến khi cùng với dân chúng di tản vì sợ Pháp đổ bộ.

⁵⁸⁵ Lúc ấy cha Phaolô Trương Công Chánh đang làm quản lý Giáo phận yêu cầu chính quyền đừng phá hủy nhà thờ Chính tòa và Tòa Giám mục, vì đó là tài sản của Vatican. Trong thời gian này cha Bê trên Huy cho hai thầy đã mãn thần học là Lê Thành Ánh và Nguyễn Hữu Mừng đến trông coi các cơ sở này. Nhà thờ Chính tòa tuy không bị phá hủy trong chiến dịch tiêu thổ kháng chiến, nhưng chính quyền Việt Minh đã cho đặt bom bên trong nhà thờ, để khi quân Pháp đổ bộ lên Qui Nhơn thì cho nổ bom giật sập, nhưng rất may mắn là sau đó đã không xảy ra việc gì.

⁵⁸⁶ Trong dịp này các nhà phú hộ ở những vùng thôn quê gần như Gò Thị, Nam Bình, đã đến Qui Nhơn mua lại cây gỗ, ngói và những vật liệu tháo dỡ ấy đem về xây dựng nhà mình. Nhà xứ Nam Bình cũng được lợp ngói mua lại ấy. Bàn ghế nhà thờ Gò Thị và Nam Bình cũng được đóng trong dịp này.

ngài phải rời khỏi Kim Châu để đến ở thường xuyên tại Cù Và, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, để dễ tiếp xúc với Ủy ban kháng chiến liên khu 5 đóng ở Chợ Chùa, cách thị xã Quảng Ngãi 9 cây số. Tại đây ngài sống khắc khổ như một thầy khổ tu. Ngoài giờ đọc sách, ngài thường châu Thánh Thê lâu giờ hoặc viếng Chúa nhiều lần trong ngày để cầu nguyện. Mặc dù tuổi già sức yếu, ngài thường cùng với thầy giúp đi thăm các cha và các địa sở, cũng có khi ngài đi một mình, thỉnh thoảng ngài cũng về thăm Bình Định và Phú Yên. Phương tiện di chuyển là chiếc xe đạp. Con đường nào ô tô còn chạy được thì gửi xe đạp trên ô tô, vì trong thời chiến tất cả các đường xe ô tô đều bị đào bới từng quãng.

Ngày 09.02.1952, cha Bê trên Huy đến chủng viện Làng Sông họp với hai Ban giám đốc Đại chủng viện và Tiểu chủng viện và đi đến quyết định tạm đóng cửa hai chủng viện vì do thuế nông nghiệp quá cao, chủng viện không còn khả năng duy trì sinh hoạt bình thường nữa. Sáng hôm sau, ngày 10 tháng 02, các thầy thần học nhận bài sai đi thực tập mục vụ tại một số giáo xứ, các thầy triết học mang sách về tự học tại gia đình, sau đó sẽ tập trung về chủng viện để thi và nhận bài sai đi phục vụ tại các giáo xứ. Còn các tiểu chủng sinh thì trở về gia đình.

Ngày 07.05.1954, Việt Minh đại thắng quân Pháp tại Điện Biên Phủ và ngày 20 tháng 07 sau đó hiệp định Genève chấm dứt chiến tranh giữa Việt Nam và Pháp được ký kết. Theo hiệp định này, nước Việt Nam tạm thời bị chia đôi thành hai miền Nam-Bắc, lấy sông Bến Hải ở vĩ tuyến 17 làm ranh giới. Trong thời hạn 300 ngày mỗi người được tự do chọn miền Nam hay miền Bắc. Sau hai năm, tức ngày 20.07.1956 sẽ tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý cả hai miền để thống nhất đất nước theo một chế độ. Một Ủy hội quốc tế kiểm soát đình chiến (Commission Internationale de Controle, CIC) gồm Ấn Độ, Ba Lan và Anh được thành lập để giám sát việc thực hiện hiệp định. Trong thời gian 300 ngày tập kết, Tiểu chủng viện Làng Sông mở lớp hỗn hợp gồm 28 chủng sinh dưới quyền cha giám đốc Dominicô Võ Ngọc Hoàng.

Cha Bê trên Huy vẫn ở Cù Và cho đến khi có hiệp định đình chiến Genève năm 1954 thì trở về Bình Định, khi thì ở Kim Châu khi thì ở Mỹ Cang. Công việc đầu tiên của ngài là cử cha Phêrô Nguyễn Đình Tịch vào Nha Trang gặp Đức cha Piquet để phúc trình cho ngài biết về tình hình Giáo phận tại bốn tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú trong thời Việt Minh, cũng như tình hình hiện nay, đồng thời tập trung các

thầy đã mẫn thân học và nhờ cha Phaolô Huỳnh Tấn Ngoan đưa vào Nha Trang gặp Đức Giám mục để dọn mình chịu chức. Ít lâu sau, cha Bê trên bị đau yếu nên về dưỡng bệnh tại chủng viện Làng Sông. Vì bệnh tình của ngài ngày càng nặng, nên cha giám đốc chủng viện quyết định đưa ngài ra ở tại nhà xứ Gò Thị, để hằng ngày các nữ tu y tá Dòng Mến Thánh Giá tại Gò Thị chăm sóc thuốc men cho ngài. Dường như Thiên Chúa thấy ngài đã phải vất vả nhiều vì công việc của Giáo phận và đã hoàn thành nhiệm vụ được giao phó, nên đã sớm cất ngài đi vào ngày 23.11.1954. Lễ an táng cha Bê trên do cha Phêrô Nguyễn Đình Tịch chủ sự, với sự hiện diện của cha sở Gò Thị và một số cha sở lân cận, cha Đominicô Võ Ngọc Hoàng, giám đốc chủng viện Làng Sông, các thầy và các chú, tất cả đều để tang cho ngài. Xác ngài được an táng tại nghĩa trang Dòng Mến Thánh Giá.⁵⁸⁷

3.3. Sau hiệp định Genève 1954

Sau khi cha Phêrô Đặng Quyền Huy qua đời, Đức cha Piquet Lợi đặt cha Phêrô Nguyễn Đình Tịch làm Đại diện thừa ủy kế nhiệm cha Bê trên Huy. Với sự thỏa thuận của Đức cha Piquet, Ủy hội quốc tế kiểm soát đình chiến đã mượn Tòa Giám mục để làm trụ sở.

Đầu năm 1955, Nhà mẹ Dòng Thánh Giuse tại Kim Châu được Đức cha đưa về Nha Trang và lập cơ sở ở Bình Tân, đồng thời mua đất để mở rộng thêm, còn cơ sở tại Kim Châu chỉ còn là một ngôi trường gọi là trường trung học Thánh Giuse. Ngày 29.01.1955 tổng Công nghị bầu Bê trên Tổng quyền và ban quản trị chính thức. Kết quả sư huynh Anrê Phùng Điểm đắc cử Bê trên. Nhân dịp này Hội dòng cũng soạn thảo chương trình hoạt động trong giai đoạn mới. Về mặt giáo dục, Hội dòng tiếp tục duy trì các trường tiểu học của dòng và giúp các cha sở trong việc điều khiển các trường địa sở. Hội dòng cũng mở thêm trường trung học đệ nhất cấp và đệ nhị cấp, phát triển thêm trường Thánh Giuse ở Bình Định (1957), điều khiển trường trung học Đặng Đức Tuấn ở Tuy Hòa (1958). Hội dòng đưa các sư huynh đi giúp việc truyền giáo ở Phú Yên và Quảng Nam.

⁵⁸⁷ Thầy Phêrô Nguyễn Quang Báu từ Đại An đến trình diện với cha Bê trên Huy và được ngài sai đi với cha Phêrô Nguyễn Đình Tịch vào Nha Trang gặp Đức cha Piquet. Thầy ở tại Làng Sông khi cha Bê trên về đó dưỡng bệnh và đã dự lễ an táng của ngài tại Gò Thị. Xem hồi ký của cha Phêrô Nguyễn Quang Báu về cha Bê trên Phêrô Đặng Quyền Huy, trong *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 148, tháng 8 năm 2010, tr. 691-692.

Sau hiệp định Genève chia đôi đất nước, quân Việt Minh vẫn đóng ở miền Nam cho đến ngày 17.05.1955 mới tập kết ra Bắc. Trưa ngày 17.05.1955, sau khi truyền chức linh mục cho các thầy gốc Bình Định bị chậm trễ vì chiến tranh,⁵⁸⁸ Đức cha Piquet đã theo máy bay quân sự ra Qui Nhơn thăm giáo dân và làm lễ tại công trường của thị xã và ngay chiều hôm ấy ngài theo máy bay trở về Nha Trang. Về mặt đạo cũng như về mặt kinh tế xã hội, bốn tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú đang trong cảnh điêu tàn. Mặc dù ở Nha Trang, nhưng Đức cha vẫn điều hành công cuộc tiếp nhận những người di cư từ miền Bắc vào, đồng thời đẩy mạnh việc trùng tu và tái thiết Giáo phận cả tinh thần lẫn vật chất tại 4 tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú.

Trước hết là tiếp nhận làn sóng di cư. Từ khi hiệp định Genève được ký kết, nhất là từ năm 1954 đến 1955, hàng trăm ngàn người Công giáo từ phía Bắc vĩ tuyến 17 đổ xô vào miền Nam và nhiều người đã dừng lại tại một số nơi trong địa bàn Giáo phận Qui Nhơn, thường là tại những thành phố, nơi đã có sẵn các địa sở.

Trước năm 1954, trong thành phố Đà Nẵng chỉ có một địa sở duy nhất là địa sở Đà Nẵng với một họ lẻ là Hòa Vang, năm 1959 trở thành địa sở Hòa Thuận. Với làn sóng di cư, nhiều địa sở mới đã xuất hiện như Phước Tường, An Hòa, Chính Trạch, Tam Tòa, Thanh Bình, Nội Hà, Thanh Đức ở quận I và II; ở quận III bên kia sông Hàn có các địa sở Sơn Trà, Nhượng Nghĩa và An Hải. Dòng Thánh Phaolô thành Chartres từ Hà Nội cũng di cư vào thành phố Đà Nẵng. Lúc đầu các nữ tu, tập sinh và đệ tử đều ở tại trường Thánh Tâm do các nữ tu Phaolô điều hành từ trước. Sau đó, vì số nữ tu ngày càng đông nên Hội dòng phải xây một nhà tập tại ngoại ô thành phố, gần biển.

Năm 1955, trên 1.000 giáo dân thuộc địa sở Hòa Ninh của Giáo phận Vinh, đa số làm nghề đánh cá, được cha Phanxicô Xaviê Phạm Sĩ Tăng hướng dẫn di cư vào Nam và lập cư tại Qui Hải, thị xã Qui Nhơn, lập thành họ đạo Hòa Ninh. Ngoài ra cũng có một số gia đình từ những nơi khác ở miền Bắc đến định cư rải rác trong thành phố. Tại Phú Yên một số gia đình từ Giáo phận Vinh được các cha đưa vào lập

⁵⁸⁸ Các vị được phong chức linh mục sáng 17.5.1955 tại nhà thờ núi Nha Trang là: cha Phaolô Huỳnh Đông Các, cha Giuse Phan Văn Hoa, cha Simon Huỳnh Tấn Công, cha Phêrô Huỳnh Kim Lăng, cha Phaolô Huỳnh Ngọc Cảnh, cha Giuse Trần Ngọc Châu, cha Gioan Baotixita Lê Quý Đức, cha Gioakim Đoàn Kim Hiền.

ngiệp tại Hoa Châu, sau đó một số di chuyển về thành phố Tuy Hòa hay vào Cam Ranh.⁵⁸⁹

Một số rất đông giáo dân miền Bắc di cư vào phía Nam đèo Cả và được đón tiếp, tạo điều kiện để định cư, khiến cho số tín hữu vùng Khánh Hòa, Ninh Thuận gia tăng rất nhiều, tạo nên những địa sở mới như Phước Hải, Bắc Thành, Vĩnh Phước, Thanh Hải, Tân Bình, Xuân Ninh, Dục Mỹ, Lương Sơn, Ba Làng, Khiết Tâm, Thánh Gia, Phú Nhơn, Mỹ Đức... Nhiều linh mục, tu sĩ cũng di cư theo giáo dân. Đức cha Piquet đặt cha Nguyễn Sồ làm cha sở Nha Trang kiêm giám đốc chương trình viện trợ Công giáo và hỗ trợ định cư.

Sau hiệp định Genève, cộng đoàn Phan Sinh ở La Qua tỉnh Quảng Nam không còn hoạt động. Ngày 06.07.1955 các nữ tu Phan Sinh trở lại điều khiển trại phong Qui Hòa như trước và từ năm 1957 cha Camille Rohmer Triết được bổ nhiệm làm tuyên úy thay cha Phaolô Huỳnh Biên. Khi các nữ tu trở lại, số bệnh nhân chỉ còn 180 người, nhà cửa xiêu vẹo đổ nát. Lại một lần nữa phải tái thiết.

Cũng trong năm 1955 Đức cha cho mở lại Tiểu chủng viện Làng Sông cho niên khóa 1955-1956 và đặt cha Giuse Nguyễn Công Nghị làm giám đốc. Một số chủng sinh cũ đã học tại Làng Sông trước đây nay được gửi học tiếp tại Nha Trang và Sài Gòn. Để đầu tư nhân sự cho Giáo phận, năm 1956 ngài đã gửi hai linh mục du học Rôma là cha Phaolô Huỳnh Đông Các và cha Bênadô Phan Văn Hoàng. Đồng thời ngài cho trùng tu Đại chủng viện Qui Nhơn đã bị phá sập mái trong chiến dịch tiêu thổ kháng chiến năm 1946 và thu nhận các thầy trở lại. Ngoài ra, để thay thế trường Gagelin đã bị phá hủy hoàn toàn trong chiến dịch ấy, Đức cha cho xây dựng một ngôi trường khác và giao cho các sư huynh La San điều khiển như trước kia. Ngôi trường mới này tọa lạc tại phía Đông nhà thờ Chính tòa. Các sư huynh La San đề nghị lấy tên trường là La San Bình Lợi: Bình là Bình Định, Lợi là tên Việt của Đức cha.

3.4. Thành lập Giáo phận Tông tòa Nha Trang

Nhận thấy công cuộc tái thiết và xây dựng Giáo phận trong hoàn cảnh mới quá nặng nề, nên Đức cha Piquet đã xin Tòa Thánh phân chia Giáo phận. Ngày 05.07.1957, Đức Giáo Hoàng Piô XII ban Tông hiến *Crescit Laetissimo*, lấy hai tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận của

⁵⁸⁹ Số giáo dân vào Cam Ranh năm 1965 lập thành giáo xứ Hòa Yên của Giáo phận Nha Trang (Hòa: Khánh Hòa, Yên: Phú Yên).

Giáo phận Qui Nhơn và tỉnh Bình Thuận của Giáo phận Sài Gòn để lập thành Giáo phận Tông tòa Nha Trang và giao cho Hội thừa sai Paris. Giáo phận Qui Nhơn còn lại bốn tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, được chuyển từ Hội thừa sai Paris sang hàng giáo sĩ Việt Nam. Tỉnh Bình Thuận nguyên là phần đất của Giáo phận Đông Đàng Trong trước khi đổi tên thành Qui Nhơn; năm 1907, dưới thời Đức cha Grangeon Mẫn, phần đất này đã được Tòa Thánh tách ra và cho sáp nhập vào Giáo phận Tây Đàng Trong để dễ sinh hoạt, như chúng ta đã thấy trên kia.⁵⁹⁰ Khi thành lập, Giáo phận Nha Trang có 72.199 giáo dân; hàng giáo sĩ có 90 linh mục: 14 vị gốc địa phương, 54 vị di cư và 22 thừa sai Pháp. Tòa Thánh cũng ban Tông sắc bổ nhiệm Đức cha Marcel Piquet Lợi làm Đại diện Tông tòa cai quản Giáo phận tân lập Nha Trang.

4. THỜI ĐỨC CHA PHÊRÔ MARIA PHẠM NGỌC CHI (1957-1963)

Đồng thời với việc chuyển Đức cha Marcel Piquet Lợi từ Giáo phận Qui Nhơn sang Giáo phận mới Nha Trang, Tòa Thánh cũng ban Tông sắc bổ nhiệm Đức cha Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi⁵⁹¹ làm Giám quản Tông tòa Giáo phận Qui Nhơn.⁵⁹² Ngày 22.07.1957, từ Sài Gòn, Đức ông Giuseppe Caprio, Khâm sứ Tòa Thánh tại Việt Nam, Cao Miên và Lào, gửi thư cho Đức cha Phêrô Maria để thông báo việc bổ nhiệm này. Sau đó ngày 12.08.1957 Đức Khâm sứ gửi bức thư thứ hai để thông báo cho Đức cha biết ngài được phép trọng nhậm Giáo phận Qui Nhơn trước khi phụng nhận Sắc chỉ của Tòa Thánh.⁵⁹³

⁵⁹⁰ Năm 1975 cũng chính phần đất này được Tòa Thánh tách ra khỏi Giáo phận Nha Trang để thành lập Giáo phận Phan Thiết.

⁵⁹¹ Đức cha Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi sinh ngày 14.05.1909 tại Tôn Đạo, Ninh Bình; thụ phong linh mục ngày 23.12.1933, được tấn phong Giám mục ngày 04.08.1950 và làm Đại diện Tông tòa Giáo phận Bùi Chu. Năm 1954 Đức cha có việc đi Nam Bộ rồi bị kẹt trong Nam, trước lúc đất nước bị phân chia ít lâu, nên không trở về Bùi Chu được. Ngài qua đời tại Trà Kiệu năm 1988.

⁵⁹² Đức cha Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi được bổ nhiệm làm Giám quản Tông tòa Giáo phận Qui Nhơn, vì ngài vẫn còn giữ chức Đại diện Tông tòa Giáo phận Bùi Chu. Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 1, tháng 9 và tháng 10 năm 1957, tr. 1. Bắt đầu từ số 1 này, *Bản thông tin* thay cho tập *Mémorial* trước kia.

⁵⁹³ Nội dung 2 bức thư được đăng trong *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 1, tháng 9 và tháng 10 năm 1957, tr. 1-2.

4.1. Quyết định chung về nhân sự của hai Giáo phận

Sau khi nhận được hai bức thư trên, ngày 18.08.1957 hai Đức Giám mục của hai Giáo phận Qui Nhơn và Nha Trang đã gặp nhau tại Sài Gòn để ra một quyết định chung về vấn đề nhân sự của hai Giáo phận. Quyết định gồm 6 điều:

Điều 1: Tất cả các linh mục sinh tại các tỉnh Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi và Quảng Nam hiện đang làm việc tại Giáo phận Nha Trang sẽ đương nhiên trở về Giáo phận Qui Nhơn.

Điều 2: Tất cả các linh mục sinh tại các tỉnh thuộc Giáo phận Nha Trang hiện đang làm việc ở Qui Nhơn cũng sẽ đương nhiên trở về Giáo phận Nha Trang.

Điều 3: Vì lợi ích của giáo dân, các linh mục nói ở điều 1 và 2, kể cả các linh mục ngoại quốc, sẽ tạm thời ở nguyên tại chỗ mình đang ở cho đến khi hai Đức Giám mục tìm được cha khác đến thay thế, sau đó ai nấy sẽ chiếu theo hai điều 1 và 2 trên đây trở về Giáo phận mình.

Điều 4: Các linh mục di cư đang chăm sóc các họ đạo di cư sẽ cứ ở nguyên tại chỗ.

Điều 5: Dòng Thánh Giuse hiện có Nhà mẹ ở Nha Trang cứ tiếp tục cung cấp các thầy dòng dạy đạo hay dạy học cho cả hai Giáo phận. Dòng Mến Thánh Giá hiện có Nhà mẹ ở Gò Thị, Bình Định, cũng cứ tiếp tục phục vụ tại cả hai Giáo phận.

Điều 6: Các chủng sinh ở Đại chủng viện và Tiểu chủng viện sẽ lập tức nhập tịch Giáo phận nào mình có sinh quán ở đấy.⁵⁹⁴



Đức cha Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi

⁵⁹⁴ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 1, tháng 9 và tháng 10 năm 1957, tr. 2-3.

4.2. Nhậm chức và tổ chức Giáo phận

Ngày 29.08.1957, lúc 9 giờ sáng, Đức cha Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi cùng hai phái đoàn Qui Nhơn và Bùi Chu đã đáp xuống phi trường Qui Nhơn và được Đức cha Marcel Piquet Lợi, hàng giáo sĩ Giáo phận, các linh mục đại biểu di cư, và các đại diện chính quyền địa phương ra đón tiếp. Từ phi trường ngài được rước vào nhà thờ Chính tòa để nhận Giáo phận theo giáo luật, với sự hiện diện đông đảo của mọi thành phần trong Giáo phận. Sau đó ngài được đưa về Đại chủng viện Qui Nhơn được dùng làm Tòa Giám mục tạm thời. Chủ nhật 01 tháng 09 sau đó, ngài chủ sự thánh lễ trọng thể tại nhà thờ Chính tòa kính các Chân phước Tử đạo Việt Nam, Bồn mạng Công giáo tiến hành Việt Nam.⁵⁹⁵

Khi Đức cha về nhận Giáo phận thì Giáo phận là một vùng đất kéo dài từ đèo Hải Vân đến Đèo Cả, dài trên 500km, rộng trên 70km, diện tích 32.000km², dân số 2.800.000, với số giáo dân là 117.581, trong số đó có khoảng 30.000 tín hữu di cư hay gia đình binh sĩ. Số dự tòng khoảng 45.000 chờ ngày rửa tội. Số linh mục: 91, trong số đó có 11 linh mục di cư. Số tu sĩ giúp việc trong Giáo phận là 32 người. Dòng Mến Thánh Giá có 85 khấn sinh. Trong Thư luân lưu số 1 ngày 04.08.1957 để chào thăm cộng đồng dân Chúa Giáo phận, ngài viết: "Lời đầu tiên của tôi là chào mừng các cha và anh chị em, từ nay đã trở thành những người thiết nghĩa, phần vinh dự và lẽ sống cho đời tông đồ của tôi. Tôi đã được nghe nhiều sự tốt đẹp về Qui Nhơn: lòng nhiệt thành phụng sự Giáo Hội của linh mục, lòng mộ đạo can trường của giáo dân và nhất là lòng khát vọng chân lý của ngàn vạn đồng bào lương dân đang hăm hở tìm ánh sáng Phúc Âm".

Công việc đầu tiên của Đức cha là tổ chức Giáo phận, lên kế hoạch xây dựng đời sống đức tin của dân Chúa và truyền giáo cho lương dân. Vì thế ngày 03 tháng 09 ngài mời tất cả các linh mục trong Giáo phận về dự hội nghị khoáng đại. Mặc dù đường xá xa xôi, các cha cũng tụ hội về hầu như đông đủ. Ngài kêu gọi các cha đoàn kết chung quanh ngài để cùng nhau mở rộng nước Chúa. Ngài đưa ra một chương trình nhấn mạnh đến việc truyền giáo với các hoạt động Công giáo tiên hành, văn hóa giáo dục và bác ái xã hội... Các cha đề nghị Đức cha mời một số linh mục di cư đến giúp Giáo phận, mời các dòng đến cộng tác vào việc truyền giáo và dạy giáo lý cho các dự tòng, cho các cha và các thầy Đại chủng viện đi du học hay học tại các đại học

⁵⁹⁵ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 1, tháng 9 và tháng 10 năm 1957, tr. 3.

để có nhân sự phục vụ trong những lãnh vực chuyên môn, mở thêm các trường trung học và tiểu học trong toàn Giáo phận.⁵⁹⁶

Ngày 12.09.1957 Đức cha triệu tập Hội đồng tư vấn Giáo phận để đưa ra quyết định về cơ cấu nhân sự Tòa Giám mục, các hạt, các ban chuyên môn và các địa sở. Cơ cấu tổ chức Tòa Giám mục gồm có cha Phêrô Nguyễn Đình Tịch làm Đại diện thừa ủy kiêm cha sở Qui Nhơn, cha quản lý nhà chung, cha văn phòng, Hội đồng tư vấn, Hội đồng tài chánh. Trong cả Giáo phận có tất cả 6 hạt, mỗi hạt Đức cha đặt một cha hạt trưởng đứng đầu: hạt Quảng Nam I (từ đò Cao Lâu trở ra), hạt Quảng Nam II (từ đò Cao Lâu trở vào), hạt Quảng Ngãi, hạt Bình Định I, hạt Bình Định II, hạt Phú Yên. Các ban chuyên môn gồm có: truyền giáo, Công giáo tiến hành, bác ái xã hội, học chánh, kiến thiết. Cũng trong dịp này một số khá đông linh mục được chuyển đến các nhiệm sở mới. Từ nay trong Giáo phận lập ra chương trình châu lượt Thánh Thể cho tất cả các địa sở. Nhân dịp châu lượt hằng năm, các cha tổ chức học hỏi về đạo và những cuộc tĩnh tâm cho mỗi giới.⁵⁹⁷

Ngày 30.01.1958 Đức cha công bố thành lập tòa án Giáo phận theo qui định của giáo luật. Cũng theo giáo luật, chỉ những nơi nào Hàng Giáo phẩm được thành lập mới có các địa sở chính thức (paroisse). Tại Việt Nam chưa có Hàng Giáo phẩm nên các nơi quen gọi là địa sở cũng chỉ là những "trụ sở truyền giáo" (station missionnaire). Tuy nhiên khi một trụ sở truyền giáo có đông giáo dân, có nguồn thu nhập vừa đủ, thì có thể được nâng lên hàng "địa sở bán chính thức" (quasi-paroisse). Vì vậy, cũng ngày 30.01.1958, Đức cha đã công bố quyết định nâng lên hàng địa sở bán chính thức các nơi sau đây: Đà Nẵng, Trà Kiệu, Cù Và, Gia Hựu, Nhà Đá, Gò Thị, Qui Nhơn và Măng Lăng.⁵⁹⁸

4.3. Các hoạt động

Trước tình trạng thiếu linh mục và để đáp ứng nhu cầu phục vụ phong trào tông giáo đang phát triển mạnh trong Giáo phận, chẳng những Đức cha mời các linh mục di cư đến giúp, ngài còn quan tâm đến việc đào tạo linh mục. Ngày 15.09.1958 ngài đã cho mở tại Đại

⁵⁹⁶ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 1, tháng 9 và tháng 10 năm 1957, tr. 4.

⁵⁹⁷ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 1, tháng 9 và tháng 10 năm 1957, tr. 4-6.

⁵⁹⁸ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 3, tháng 1 và 2, năm 1958, tr. 2-3.

chủng viện Qui Nhơn một khóa dự bị Đại chủng viện, mà ngài gọi là chủng viện tu muện thánh Gioan. Theo tinh thần huấn dụ *Menti Nostrae*⁵⁹⁹ của Đức Giáo Hoàng Piô XII, Đức cha kêu gọi trong tất cả các Giáo phận miền Nam, thanh niên nào lớn tuổi có trình độ văn hóa khá muốn đi tu làm linh mục thì có thể xin gia nhập khóa này. Các môn học của khóa dự bị gồm có: giáo lý, tu đức và nhất là tiếng Latinh. Sau thời gian dự bị hai năm hoặc hơn nữa tùy theo trình độ của mỗi người, các chủng sinh tu muện sẽ được tiếp học hai năm triết lý và bốn năm thần học của chương trình Đại chủng viện như thường lệ.⁶⁰⁰

Năm 1958, theo lời mời của Đức cha, Dòng Đức Mẹ Đồng Công Cứu Chuộc, quen gọi là Dòng Đồng Công, ở Thủ Đức đến lập trụ sở truyền giáo ở Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ. Năm 1959 dòng tiếp tục xây dựng tại Mỹ Chánh một trường trung học tên là Toàn Mỹ. Nhờ sự cộng tác của các linh mục và các Hội dòng, công cuộc truyền giáo trong Giáo phận được đẩy mạnh từ việc thành lập những trung tâm truyền giáo tại Bình Dương thuộc địa sở Nước Nhỉ (Phù Mỹ), Bình Vân (Châu Ô, Bình Sơn) năm 1957, tại Mỹ Thọ, Mỹ Chánh (Phù Mỹ) năm 1958, tại Phú Huê (Qui Nhơn), Đông Mỹ⁶⁰¹ (Phú Yên) năm 1959. Những trung tâm truyền giáo này đã hoạt động một cách rất hiệu quả. Riêng tại trung tâm truyền giáo Mỹ Thọ do Dòng Đồng Công phụ trách, vào đầu năm 1960 đã có 1.200 người được rửa tội trong ba ngày sau hai năm chuẩn bị. Đức cha đã đến chủ sự nghi thức rửa tội vào ngày thứ ba, với sự tham dự của hơn 4.000 người đến nghe giảng.⁶⁰²

⁵⁹⁹ Huấn dụ này đề cập đến việc tạo điều kiện cho các thanh niên nhiều thiện chí muốn hiến thân cho Chúa trong đời sống linh mục, nhưng vì hoàn cảnh không cho phép theo đuổi ơn gọi từ nhỏ, có thể thực hiện ước nguyện của mình.

⁶⁰⁰ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 6, tháng 7 và 8, năm 1958, tr. 10; số 9, tháng 1 và 2, năm 1959, tr. 16-17. Theo danh sách các đại chủng sinh đang học tại Đại chủng viện Qui Nhơn niên khóa 1960-1961 của cha Simon Huỳnh Sánh, giám đốc Đại chủng viện Qui Nhơn, có 4 thầy thần học năm IV, 10 thầy thần học năm I, 13 thầy triết học năm III, 7 thầy triết học năm II và 26 thầy triết học năm I. Ngoài ra còn có 4 thầy học tại Giáo Hoàng Học Viện Đà Lạt, 4 thầy học tại Giáo Hoàng chủng viện Alberto, 2 thầy học tại Đại chủng viện Lê Bảo Tịnh, 9 thầy học tại Đại chủng viện Xuân Bích, 5 thầy đang đi giúp xứ, 1 thầy nghỉ bệnh. Tổng cộng 85 thầy, trong số đó có nhiều thầy đã qua khóa dự bị. Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 17, tháng 5 và 6 năm 1960, tr. 7-9.

⁶⁰¹ Đông Mỹ: trước năm 1957, Đông Mỹ là một họ đạo nhỏ của Tuy Hòa với khoảng 30 giáo dân. Ngày 02.03.1959 Đông Mỹ được thiết lập thành trung tâm truyền giáo với cha giám đốc đầu tiên là cha Luca Mai Học Lý gốc Phát Diệm. Sau 2 năm hoạt động, số giáo dân tăng lên 2.815 người và 2.804 dự tòng.

⁶⁰² Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 15, tháng 1 và 2 năm 1960, tr. 24.

Theo bản tổng kết hoạt động truyền giáo của Giáo phận, từ tháng 09 năm 1959 đến tháng 09 năm 1960, có 26.850 người chịu phép rửa tội và 70.955 người đang học đạo. Một con số kỷ lục!⁶⁰³

Để góp phần nâng cao dân trí và giáo dục các thanh thiếu niên, Đức cha cũng quan tâm rất nhiều đến việc mở các



Trung tâm trường Trinh Vương Qui Nhơn

trường học. Tại Qui Nhơn, nếu vào năm 1956 trường Bình Lợi đã được Đức cha Marcel Piquet xây dựng cho học sinh nam, thì năm 1958 Đức cha Phêrô đã cho xây dựng trường Trinh Vương cho học sinh nữ trên khuôn viên trường Gagelin cũ và giao cho Hội Dòng Mến Thánh Giá đảm trách. Công trình xây dựng được khởi công từ ngày 04 tháng 07 với nghi thức làm phép viên đá đầu tiên do Đức cha chủ sự. Đây là ngôi nhà 3 tầng, dài 96m, vừa là trường trung tiểu học có chỗ cho 2.000 học sinh, vừa là ký túc xá có thể dung nạp 1.000 em nội trú, vừa là nhà đệ tử của Hội dòng. Tại Tuy Hòa, các sư huynh Dòng Thánh Giuse đến giúp điều khiển trường trung tiểu học Đấng Đức Tuần có sức thu nhận 1.500 học sinh do cha Giuse Tô Đình Sơn xây dựng. Tại Đà Nẵng, chiều 30.05.1959 Đức cha đã chủ tọa lễ khánh thành trường Sao Mai, một trường trung học lớn và đẹp vào hạng nhất miền Trung.⁶⁰⁴ Đến niên khóa 1960-1961 Giáo phận có 11 trường trung học: Đà Nẵng có trường Sao Mai cho nam sinh và Thánh Tâm cho nữ sinh; Quảng Nam có trường Đức Trí ở Tam Kỳ; Quảng Ngãi có trường Kim Thông tại thị xã và trường Đấng Khoa ở Trà Câu; Bình Định có trường Toàn Mỹ ở Phù Mỹ, trường Giuse ở Kim Châu; thị xã Qui Nhơn có trường La San cho nam sinh và trường Trinh Vương cho nữ sinh; Phú Yên có trường Trương Vĩnh Ký ở Măng Lãng và trường Đấng Đức Tuần ở Tuy Hòa.⁶⁰⁵

Đáp ứng lời mời gọi của Đức cha Phêrô và cha Giuse Tô Đình Sơn, cha sở Tuy Hòa, ngày 13.04.1958, Dòng Thánh Phaolô đã đưa các nữ tu đến lập cộng đoàn tại giáo xứ Tuy Hòa. Công việc đầu tiên

⁶⁰³ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 19, tháng 11 và 12 năm 1960, tr. 18.

⁶⁰⁴ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 6, tháng 7 và 8, năm 1958, tr. 10; số 11, tháng 5 và 6, năm 1959, 4.

⁶⁰⁵ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 17, tháng 5 và 6 năm 1960, tr. 4.

được giao cho các chị là phụ trách nhà "Lạc Thiện" gồm các cô nhi, ông già bà lão. Đồng thời các chị cũng dạy các lớp sơ cấp và giúp các hội đoàn trong địa sở. Một thời gian sau, các chị em được mời gọi cộng tác với các sư huynh Dòng Thánh Giuse để dạy một số môn trong các lớp nữ của trường trung học Đấng Đức Tuần do các sư huynh đảm trách. Sau đó, vì số học sinh gia tăng đáng kể, cha sở xây dựng một trường riêng cho nữ sinh và giao toàn quyền điều hành cho các nữ tu. Ngôi trường có tên là trường Thánh Giuse, Bồn mạng của cha sở.⁶⁰⁶

Song song với việc giáo dục, Đức cha còn đẩy mạnh các công cuộc từ thiện bác ái. Từ năm 1958, tại trại phong Qui Hòa dưới quyền điều hành của nữ tu Charles-Antoine và với sự viện trợ của các nhà hảo tâm và các tổ chức từ thiện Công giáo ở Âu châu, nhất là Đức quốc, nhiều công trình được xây dựng thêm, như khu nhà thương và phòng dành cho các bệnh nhân nặng, mỗi phòng có 50 giường, phòng bác sĩ, phòng chẩn bệnh, phòng xem chỉ số vi khuẩn, phòng nha khoa, phòng lưu giữ hồ sơ bệnh án, phòng chính hình..., và với một qui mô như thế trại phong trở thành bệnh viện phong Qui Hòa. Ngoài ra có khoảng 250 ngôi nhà nhỏ nhỏ, xinh xắn từ từ được xây lên cho các gia đình bệnh nhân, giữa vườn cây ăn trái và nằm dọc theo những con đường thẳng tắp, sạch sẽ, rợp bóng dương liễu. Rồi bệnh viện, trường tiểu học, hội trường, xưởng làm việc, vườn trẻ, nhà dưỡng lão đưa nhau thành hình với đầy đủ tiện nghi. Ngoài ra các nữ tu còn tổ chức cho các bệnh nhân những nghề thủ công như: may, dệt, thêu, đan, làm chiếu, làm thợ mộc, thợ xây, thợ sắt, thợ vẽ, thợ đúc gạch hoa. Theo đà tiến triển ấy, số tín hữu Qui Hòa, trong trại phong cũng như ngoài làng, tăng nhanh. Cha tuyên úy trại phong đồng thời cũng là cha sở Qui Hòa. Công việc mục vụ của cha sở và các nữ tu tại trại phong Qui Hòa chỉ có một mục đích là đem lại cho các bệnh nhân một sự an ủi, nâng đỡ, chia sẻ, để đem ơn Chúa, niềm vui và hạnh phúc đến cho các bệnh nhân, và giúp họ được về hưởng hạnh phúc vĩnh cửu với Chúa sau khi nhắm mắt lìa trần. Có thể nói 90% bệnh nhân phong không Công giáo tại Qui Hòa đã chịu phép rửa tội trong thời gian điều trị hay trước khi qua đời.

Đức cha cũng mở một bệnh viện để phục vụ sức khỏe của dân chúng. Bệnh viện được giao cho Dòng Nữ Tu Y Tế Truyền Giáo (Society of Catholic Medical Missionaries, gọi tắt là Medical

⁶⁰⁶ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 122, tháng 6 năm 2008, tr. 346.

Mission Sisters) đảm trách.⁶⁰⁷ Đó là bệnh viện nhà chung Qui Nhơn, nhưng khi được giao cho các Nữ Tu Y Tế Truyền Giáo thì nó mang tên là bệnh viện Thánh Gia Qui Nhơn (Holy Family Hospital), vì tất cả các bệnh viện của dòng này ở nước nào cũng đều



Bệnh viện Thánh Gia sau năm 1975
trùng dựng làm Quân y viện

mang tên Thánh Gia. Bệnh viện tọa lạc trên khu đất tiếp cận Tòa Giám mục về phía Đông do Đức cha xin chính quyền cấp. Công việc xây dựng khởi sự từ cuối năm 1958. Đến đầu tháng 12 năm 1960 đã có 7 nữ tu Y Tế Truyền Giáo tại bệnh viện: 4 người Mỹ, 2 người Canada và 1 người Philippines, trong số đó có bác sĩ, dược sĩ, y tá, khán hộ... Bệnh viện chính thức khai mở ngày 08.01.1961 và tiếp nhận mọi bệnh nhân không phân biệt.⁶⁰⁸

Đối với Dòng Mến Thánh Giá là Hội dòng của Giáo phận đã đóng góp nhiều cho việc xây dựng và phát triển Giáo phận trong nhiều lãnh vực, Đức cha có một quan tâm đặc biệt để Hội dòng có thể đóng góp nhiều hơn và hữu hiệu hơn. Vì vậy, khi Đức cha về nhận Giáo

⁶⁰⁷ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 11, tháng 5 và 6 năm 1959, tr. 15; Số 13, tháng 9 và 10 năm 1959, tr. 23-24; Số 17, tháng 5 và 6 năm 1960, tr. 6; Số 19, tháng 11 - 12 năm 1960, tr. 15-17. Dòng Nữ Tu Y Tế Truyền Giáo được thành lập tại Washington (Hoa Kỳ) năm 1925. Vị sáng lập dòng là nữ tu bác sĩ Anna Dengel. Mục đích của dòng là truyền giáo bằng công tác y tế qua việc săn sóc bệnh nhân ở các xứ kém mở mang, nhất là các xứ truyền giáo. Năm 1960 dòng có 700 nữ tu đảm nhiệm bệnh viện tại Ấn Độ, Pakistan, Indonesia, Miến Điện, Ghana, Nyassaland, Congo, Nam Phi, Venezuela, Hoa Kỳ... Nhà mẹ ở Philadelphia, tiểu bang Pennsylvania, Hoa Kỳ. Hoạt động của dòng thuộc lãnh vực y tế, đảm trách các bệnh viện, trường đào tạo nhân viên y tế. Dòng đã mở những bệnh viện lớn ở nhiều nơi bên Hoa Kỳ, Anh, Hòa Lan, Ấn Độ, Pakistan, Indonesia và Phi châu. Bệnh viện Thánh Gia của Giáo phận Qui Nhơn là nơi phục vụ đầu tiên của dòng tại Viễn Đông.

⁶⁰⁸ Sau hiệp định Paris 1972, Giáo phận dự định nếu hoàn cảnh chính trị thay đổi khiến các nữ tu Y Tế Truyền Giáo không còn đảm trách bệnh viện được nữa thì sẽ giao cho các nữ tu Dòng Thánh Phaolô. Vì thế từ năm 1973 một số nữ tu Phaolô đã đến làm việc tại bệnh viện cộng tác với các nữ tu Y Tế Truyền giáo. Sau ngày 30.04.1975, Nhà nước đã quốc hữu hóa bệnh viện và biến thành Bệnh viện đa khoa thành phố Qui Nhơn.

phận, ngài thấy vẫn còn một số di phước không có lời khấn đang ở tại các nhà Phú Thượng, Trà Kiệu, Cù Và, Gia Hựu, Làng Sông và Măng Lăng. Sau khi nghe ý kiến mẹ Julienne,⁶⁰⁹ Đức cha quyết định thống nhất, nên đã mở một trường huấn luyện bên cạnh nhà thờ Chính tòa, giao cho cha Luca Mai Học Lý làm giám đốc và hai nữ tu Dòng Thánh Phaolô phụ trách đào tạo.⁶¹⁰ Các di đã vào nhà tập khóa 1 ngày 28.02.1959 gồm có 25 di, khóa 2 ngày 22.08.1959 có 15 di. Sau mỗi khóa các di đã khấn tạm theo luật dòng. Tuy nhiên có một số di thấy mình lớn tuổi không muốn khấn, chỉ xin được tiếp tục 3 lời hứa như trước và ở lại cộng đoàn Măng Lăng, một số khác xin về với gia đình.

Bên cạnh các linh mục, tu sĩ nam nữ, lịch sử truyền giáo tại Việt Nam nói chung và tại Giáo phận Qui Nhơn nói riêng cho thấy giáo dân, nhất là các thầy giảng và các chức việc, đóng một vai trò quan trọng không thể thiếu trong việc rao giảng Tin Mừng, nhất là trong những thời kỳ khó khăn bách hại, khi các linh mục bị giết chết, bị giam cầm, bị trục xuất hay phải lẩn trốn. Ngay từ năm 1957 Đức cha đã thành lập Ban truyền giáo Giáo phận và đặt cha Phêrô Trịnh Hoài Ân làm trưởng ban. Ban này có nhiệm vụ chọn một số tín hữu có thiện chí và khả năng, đưa về huấn luyện làm "giảng viên truyền giáo". Khóa đào tạo đầu tiên gọi là "lớp huấn luyện Piô XII" được tổ chức tại chủng viện Làng Sông từ ngày mùng 4 Tết đến hết tháng giêng năm Mậu tuất (1958).⁶¹¹ Đức cha vui mừng nhận thấy khóa huấn luyện này đem lại kết quả tốt đẹp, và sau cuộc thăm dò trong số 174 học viên, ngài thấy có trên 50 người tình nguyện làm "thầy giảng" dài hạn và bằng lòng đi hoạt động tại những nơi xa địa phương của mình, nên Đức cha dự định thử nghiệm một thời gian rồi sẽ chính thức thành lập Hội thầy giảng mới để thay thế bậc thầy giảng xưa mà nay không còn điều kiện tồn tại.⁶¹² Sau thời gian thử nghiệm, Đức cha giao cho Cha chính Phêrô Nguyễn Đình Tịch tái lập Hội thầy giảng truyền giáo.⁶¹³

⁶⁰⁹ Ngày 20.08.1958 Đức cha đã chủ sự cuộc bầu cử Mẹ Bề trên Dòng Mến Thánh Giá tại Gò Thị và nữ tu Julienne đã đắc cử. Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 6, tháng 7 và 8, năm 1958, tr. 10.

⁶¹⁰ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 6, tháng 7 và 8, năm 1958, tr. 12.

⁶¹¹ Xem *Thư luân lưu số 2 về công cuộc truyền giáo*, ngày 23.11.1957, của Đức cha Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi.

⁶¹² Xem *Thư luân lưu số 4*, ngày 09.04.1958 của Đức cha Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi.

⁶¹³ Xem "Thư của Cha chính Giáo phận về việc tái lập Hội Thầy Giảng Truyền Giáo", trong *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 16, tháng 3 và 4 năm 1960, tr. 18-19.

Về phương pháp truyền giáo, thường các cha được giáo dân dẫn đi thăm các gia đình ngoại giáo mà họ quen biết. Khi có người ngoại xin học đạo, các cha cử các thầy giảng đến dạy giáo lý cho họ, giúp họ tập sống đạo và hướng dẫn họ đến tham dự các cuộc lễ. Sau khi mãn thời gian học đạo, thường là một năm, và khi các dự tòng đạt đến một con số nào đó tương đối thì tổ chức rửa tội tập thể cho họ cách long trọng, nhân tiện cũng mời các anh chị em bên lương có thiện cảm đến dự. Trước khi rửa tội các cha thường có một bài thuyết giảng. Tại nhiều nơi cũng tổ chức những cuộc thuyết giảng cho một cử tọa đông đảo cả lương lẫn giáo do những vị giảng thuyết nổi tiếng, nhờ đó nhiều người bên lương hiểu biết thêm về đạo và xin theo đạo, khiến cho phong trào tông giáo ngày càng mạnh mẽ ở khắp nơi.⁶¹⁴

Để đoàn ngũ hóa giáo dân và đào tạo họ thành những tông đồ truyền giáo, Đức cha đẩy mạnh phong trào Công giáo tiến hành đến từng địa sở. Trong bức thư luân lưu số 1 ngài viết: "Chương trình hoạt động của tôi đã in rõ rệt trên câu khẩu hiệu của tôi: 'In verbo tuo, laxabo rete, vâng lời Thầy, con thả lưới'. Ngoài phận sự dĩ nhiên của Giám mục là đào tạo thánh hóa giáo sĩ và giáo dân, tôi sẽ thi hành ước nguyện tha thiết của Tòa Thánh là thiết lập Công giáo tiến hành trong Giáo phận, để nhờ phong trào đó mà thúc đẩy giáo hữu cộng tác với hàng giáo sĩ thỏa mãn nhu cầu tông giáo đương sôi nổi trong Giáo phận". Theo định nghĩa của Tòa Thánh, Công giáo tiến hành là "sự tham dự của giáo dân vào việc tông đồ của Hàng Giáo phẩm". Đây là một tổ chức hoạt động của giáo dân do chính giáo dân chủ động, hàng giáo sĩ chỉ đóng vai trò hướng dẫn tinh thần. Dần dần danh từ "tông đồ giáo dân" trở thành danh xưng của "Công giáo tiến hành". Tại Việt Nam, Công giáo tiến hành hay tông đồ giáo dân có thể nói đã có từ thời các thừa sai Dòng Tên với Hội thầy giảng. Đến thời các Giám mục Đại diện Tông tòa, đặc biệt dưới thời Đức Giám mục Cuénot Thê, bên cạnh các thầy giảng, các thừa sai còn thành lập các ban chức việc tại mỗi họ đạo. Từ chỗ là phong trào tông đồ giáo dân nói chung, Công giáo tiến hành đã chuyển thành những hội đoàn khác nhau.

⁶¹⁴ Tuy nhiên, trong thư luân lưu số 4, Đức cha lưu ý các giảng viên và thuyết trình viên: "Gần đây, từ nhiều địa phương, đồng bào ngoài Công giáo than phiền về luận điệu quá khe khắc của một số thuyết trình viên Công giáo đối với các tôn giáo của họ. Theo tinh thần hiền từ của Chúa Kitô và chính sách êm đẹp khéo léo mà Đức Piô XII mới khuyến dụ, xin các cha nhắc nhở cho các giảng viên và giáo hữu, hãy gắng giữ lấy bầu khí hòa bình và bác ái với đồng bào, thì mới trông có nhiều ảnh hưởng tốt đẹp cho việc mở Nước Chúa".

Trước khi về trọng nhậm Giáo phận Qui Nhơn, Đức cha đã được Tòa Thánh bổ nhiệm làm Đặc ủy Tông tòa có nhiệm vụ thành lập Công giáo tiến hành Việt Nam.⁶¹⁵ Trong thư luân lưu số 3 đề ngày 01.01.1958 về việc tổ chức Công giáo tiến hành Giáo phận, sau khi trình bày bản chất của phong trào và xác định vai trò của giáo dân và giáo sĩ, Đức cha đã vạch ra cách thức bầu ban chấp hành Công giáo tiến hành địa sở và giới thiệu mấy đoàn thể sẽ được tổ chức trong Giáo phận: Hiệp hội Thánh Mẫu,⁶¹⁶ Legio Mariae⁶¹⁷ và Hội bác ái Vinh Sơn.⁶¹⁸ Đức cha đã quyết định chọn Hiệp hội Thánh Mẫu làm đoàn thể nòng cốt trong toàn Giáo phận cho mọi ngành nghề và mọi hạng tuổi: thiếu niên, thanh niên và phụ huynh.⁶¹⁹ Ngoài Hiệp hội Thánh Mẫu giáo dân còn có Hiệp hội Thánh Mẫu linh mục. Vì Hội bác ái Vinh Sơn chỉ dành cho phái nam nên Giáo phận đã thành lập Nữ đội bác ái trong Hiệp hội Thánh Mẫu.⁶²⁰ Ngoài ra còn có Hiệp hội

⁶¹⁵ Ngày 05.01.1957 Đức cha Phêrô Maria được Tòa Thánh bổ nhiệm là Đặc ủy Tông tòa (Commissaire Pontifical) lo thành lập Công giáo tiến hành Việt Nam. Ngài đã vận động để mua được trụ sở Trung tâm Công giáo tại Sài Gòn và trụ sở huấn luyện Công giáo tiến hành tại Đà Lạt. Ngài còn tổ chức các hội nghị Công giáo tiến hành toàn quốc để nghiên cứu các phong trào, công bố hiến chương và điều lệ thành lập ban chấp hành, cử người đi dự hội nghị quốc tế Thanh lao công và Tông đồ giáo dân, sáng lập tờ *Việt Tiến* làm cơ quan ngôn luận. Ngài phụ trách chức vụ này cho đến ngày 03.01.1958 khi cha Simon Nguyễn Văn Lập được đặt làm giám đốc tiên khởi. Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn và Đà Nẵng*, số 35, tr. 27.

⁶¹⁶ Hiệp hội Thánh Mẫu do cha Jean Leunis Dòng Tên sáng lập năm 1563 tại Rôma, nhằm thánh hóa các hội viên và bênh vực Giáo Hội bằng những hoạt động văn hóa, xã hội, tôn giáo. Năm 1895 hiệp hội bắt đầu được thành lập tại trường Taberd Sài Gòn dưới sự điều khiển của các sư huynh La San. Tại miền Nam Việt Nam, từ năm 1957 hiệp hội được thành lập tại Sài Gòn, Qui Nhơn, Đà Nẵng... với các ngành: giáo sĩ, tu sĩ, chủng sinh, sinh viên, học sinh, lao động, quân nhân, công chức, thanh niên, thiếu niên, thanh nữ, thiếu nữ, phụ huynh.

⁶¹⁷ Legio Mariae hay Đạo binh Đức Mẹ được thành lập tại Dublin (Ái Nhĩ Lan) năm 1921 do ông Frank Duff với mục đích thánh hóa các hội viên và mở mang Nước Chúa bằng cách noi gương Đức Mẹ Maria. Hội đoàn này có mặt tại Hà Nội trong thập niên 1940, rồi từ đó lan tràn khắp các Giáo phận tại Việt Nam. Có thể nói đây là hội đoàn qui củ nhất, hoạt động tông đồ đắc lực nhất.

⁶¹⁸ Hội bác ái Vinh Sơn khởi đầu từ thế kỷ XIX dưới danh hiệu là hội nghị hay hội đàm (conférence) do một nhóm giáo dân thường họp nhau đàm luận, chia sẻ. Trong nhóm, người nổi tiếng nhất là chân phước Frédéric Ozanam. Từ hội đàm đi đến hoạt động bằng việc thành lập hội bác ái năm 1833 tại Paris, lấy thánh Vinh Sơn Phaolô làm gương mẫu. Tại Việt Nam hội được thành lập năm 1933 ở Sài Gòn. Từ đó hội hoạt động mạnh nhất tại Sài Gòn, Huế, Qui Nhơn, Nha Trang.

⁶¹⁹ Xem *Thư luân lưu số 3 về tổ chức Công giáo tiến hành*, ngày 01.01.1958, của Đức cha Phêrô Maria.

⁶²⁰ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 3, tháng 1 và 2 năm 1958, tr. 6-9.

Thánh Mẫu mở rộng để qui tụ những người chưa tham gia các đoàn thể kể trên.⁶²¹ Các đoàn thể Công giáo tiến hành này được tổ chức và huấn luyện chu đáo nên đã hoạt động hiệu quả, phát triển rất nhanh chóng và có mặt trong hầu hết các địa sở lớn, góp phần rất nhiều vào việc gia tăng lòng đạo đức của giáo dân và cộng tác với các linh mục trong việc truyền giáo.

Đến cuối năm 1960 Legio Mariae do cha linh giám Phêrô Nguyễn Đình Tịch điều hành đã thành lập được 4 curiae, 64 praesidia, gồm 1.927 hội viên hoạt động và 4.675 hội viên tán trợ. Đoàn thể này hoạt động mạnh nhất trong 4 hạt: Đà Nẵng, Tam Kỳ, Qui Nhơn và Phú Yên. Hiệp hội Thánh Mẫu do cha tuyên úy Phêrô Nguyễn Đình Tịch điều hành đã tổ chức các hiệp hội chính thức tại 30 địa sở, gồm có 287 đoàn với 6.987 đoàn viên. Hội bác ái Vinh Sơn do cha tuyên úy Giuse Phạm Châu Diên điều hành có 11 chi hội, gồm 220 hội viên hoạt động và 1.100 hội viên tán trợ. Hội đã thành lập được 4 cơ sở bác ái là an dưỡng đường Đà Nẵng gồm có 70 người, cô nhi viện Qui Nhơn gồm có 40 trẻ mồ côi, các cô nhi viện Quảng Ngãi và Tuy Hòa, mỗi nơi có khoảng 30 em. Đoàn thể này hoạt động mạnh tại 3 hạt Đà Nẵng, Qui Nhơn và Phú Yên, gây được ảnh hưởng lớn trong dân chúng và được giới trí thức có cảm tình. Cuối cùng là Hội học sinh Công giáo mới bắt đầu thành lập năm 1959 tại Qui Nhơn với 1.500 đoàn viên và những hoạt động của hội có tính cách hướng đạo.⁶²²

Dưới sự điều hành của Đức cha và sự hăng say cộng tác của các linh mục, tu sĩ, giáo dân trong Giáo phận, công cuộc truyền giáo đã đem lại những kết quả lớn lao ngay từ những thời gian đầu tiên trong sứ vụ mục tử của Đức cha tại Qui Nhơn. Số tín hữu trong Giáo phận tăng nhanh một phần nhờ đồng bào Công giáo di cư từ miền Bắc vào, nhưng phần lớn là do số người được rửa tội nhờ nỗ lực truyền giáo của mọi thành phần dân Chúa trong Giáo phận. Khắp nơi người ta chú ý đến công cuộc truyền giáo tại Qui Nhơn.⁶²³ Số tín hữu gia tăng, việc

⁶²¹ Xem "Thư Cha Giám đốc Công giáo tiến hành Địa phận gửi các cha giám đốc địa hạt và địa sở", trong *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 16, tháng 3 và 4 năm 1960, tr. 19-21. Xem Điều lệ của Hiệp hội Thánh Mẫu mở rộng trong *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 17, tháng 5 và 6 năm 1960, tr. 17-21.

⁶²² Xem "Bản phúc trình về tình hình Công giáo tiến hành Địa phận Qui Nhơn năm 1959-1960", trong *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 19, tháng 11 - 12 năm 1960, tr. 22-24.

⁶²³ Bằng chứng là các tạp chí Công giáo thời ấy như *Việt tiến*, *Tông đồ*, *Thăng tiến*, số nào cũng có tin tức truyền giáo tại Qui Nhơn. Ngay cả các báo chí ngoại quốc như tờ *Sentinel* của Philippines, tờ *Missi* của Pháp, hằng thông tấn *Fides*, hằng

phát triển văn hóa giáo dục, y tế, từ thiện xã hội, dẫn đến nhu cầu xây dựng nhà thờ, trường học, bệnh viện, cô nhi viện. Những công trình này đòi hỏi một ngân sách khá lớn. Nguồn ngân sách trước hết dựa vào hoa lợi của ruộng đất nhà chung. Tuy nhiên, để tăng thu nhập, Giáo phận đã bán một số ruộng đất lấy tiền mua một tòa nhà lầu 7 tầng và những ngôi nhà phụ tại số 23 đường Gia Long, Sài Gòn, để cho thuê lấy hoa lợi, quen gọi là "building Gia Long". Tiền thu được khá nhiều từ tòa nhà này được dùng vào những công cuộc từ thiện, văn hóa và tôn giáo của Giáo phận, như được ghi trong nghị định của Tổng thống chấp thuận cho Giáo phận Qui Nhơn mua tòa nhà này.⁶²⁴ Ngoài ra, nhờ tài ngoại giao và quan hệ rộng rãi, Đức cha đã kêu gọi được nhiều tổ chức quốc tế và nhiều nhà hảo tâm giúp đỡ, như tổng Giáo phận Köln (Cologne) bên Đức, tổ chức Viện trợ Công giáo Hoa Kỳ, v.v.

4.4. Một số sự kiện và sáng kiến

Đại hội Thánh Mẫu toàn quốc đã được tổ chức trong ba ngày từ 16 đến 18.02.1959 tại Sài Gòn nhân dịp Năm Thánh Mẫu, kỷ niệm 100 năm Đức Mẹ hiện ra tại Lộ Đức, đồng thời cũng mừng 300 năm thành lập hai Giáo phận Tông tòa đầu tiên và bổ nhiệm hai vị Giám mục Đại diện Tông tòa tiên khởi tại Việt Nam năm 1659. Nhân dịp này Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII gửi cho các Giám mục tại Việt Nam một thông điệp và cử Đức Hồng Y Lazare Agagianian, Thứ trưởng Thánh bộ Truyền giáo làm Đặc sứ của Đức Giáo Hoàng đến chủ tọa Đại hội.⁶²⁵ Trong thời gian lưu lại tại Việt Nam, ngoài thủ đô

thông tấn N.C.W.C. Hoa Kỳ đều đưa những tin dài về tình hình truyền giáo tại Qui Nhơn. Đặc biệt hằng thông tấn *Fides* của Tòa Thánh cung cấp tài liệu cho 1.400 tạp chí và nhật báo khác nhau. Về phần Đức cha Phêrô Maria, mỗi khi về Sài Gòn ngài cũng thường được mời đến nói chuyện về tình hình truyền giáo của Giáo phận tại nhiều chủng viện, tu viện và đoàn thể Công giáo tiến hành. Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 3, tháng 1 và 2, năm 1958, tr. 4-5.

⁶²⁴ Nghị định do chính Tổng thống Ngô Đình Diệm ký ngày 03.02.1960, cho phép Giáo phận Qui Nhơn mua của Ông Bà Vương Hòa và Lý Thị Cảnh một bất động sản gồm hai thửa đất kế cận vùng Sài Gòn - Đakao, trên đó có xây một tòa nhà bảy tầng cùng tất cả những nhà phụ thuộc mang số 23 đường Gia Long, Sài Gòn, để cho thuê lấy lợi dùng vào những công cuộc từ thiện, văn hóa và tôn giáo. Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 15, tháng 1 và 2 năm 1960, tr. 2.

⁶²⁵ Xem Thông điệp của Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII gửi các Giám mục tại Việt Nam và Ủy nhiệm thư của ngài gửi Đức Hồng Y Agagianian trong *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 9, tháng 1 và 2 năm 1959, tr. 1-5. Đức Hồng Y Agagianian còn có quý danh là Grégoire Pierre XV Agagianian, vì từ năm 1937 đến

Sài Gòn, Đức Hồng Y đã đi thăm Đà Lạt, Qui Nhơn, Huế và La Vang. Qui Nhơn được hân hạnh đó là vì phong trào tông giáo sôi nổi của nó. Ngày 20.02.1959, Giáo phận Qui Nhơn long trọng đón tiếp ngài tại phi trường rồi rước về nhà thờ Chính tòa. Sau khi cầu nguyện, ngài đi bộ sang trường Trinh Vương mới được xây dựng xong để làm phép và nghi lễ chào mừng ngài được tổ chức tại đây trước một cử tọa đông đảo chưa từng có.⁶²⁶

Ngày 15.07.1960 ngôi nhà Tòa Giám mục được Ủy hội quốc tế kiểm soát đình chiến mượn làm trụ sở nay được trả lại cho Giáo phận. Cha Giuse Nguyễn Sò, quản lý Giáo phận, đã cấp tốc trùng tu từ nhà cửa đến cảnh trí, đẹp đẽ hơn xưa, chỉ trong vòng một tháng, đến độ chính những nhân viên của Ủy hội đã ở trước kia khi đi qua nhìn thấy cũng phải giật mình kinh ngạc. Cha đã xây thêm một tiền sảnh hai tầng khiến cho ngôi nhà tăng thêm vẻ khang trang bề thế. Những hàng me quanh nhà cũng được cắt xén trông rất mỹ quan. Trước nhà là hoa viên, thảm cỏ xanh tươi, bông hoa rực rỡ, chính giữa là đài Đức Mẹ Vô Nhiễm trắng tinh. Cha cũng kéo dài sở quản lý thêm một gian phía Nam và xây thêm một tầng thành dãy nhà lầu dài 40 mét, tương xứng với vẻ oai phong của Tòa Giám mục. Ngày 25.08.1960, khi Đức cha trở về sau chuyến viếng Tòa Thánh và Thánh Địa, các linh mục, tu sĩ và giáo dân đã đón Đức cha và đưa về Tòa Giám mục mới được trùng tu. Kể từ đó cơ sở Tòa Giám mục trở thành nơi ở và làm việc chính thức của Đức cha sau một thời gian ngài ở tạm tại Đại chủng viện.⁶²⁷

Từ khi về nhận Giáo phận, trong hai năm đầu Đức cha còn bận sắp đặt nhiều công việc sau những năm chiến tranh điêu tàn, nên ngài mới chỉ có thể đi thăm các cha và các địa sở. Bắt đầu từ năm 1960 ngài thực hiện những cuộc kinh lý chính thức theo giáo luật, để xem xét các công việc của từng địa sở, sửa lại những gương xấu nặng nề của giáo dân mà cha sở không sửa được, giải gỡ những ngăn trở và những việc rối ren trong địa sở, ban phép thêm sức... Ngoài ra Đức cha có sáng kiến kết hợp những cuộc kinh lý với tuần đại phúc. Tại mỗi địa sở, trước khi Đức cha đến kinh lý, một phái đoàn được ủy thác đi mở tuần đại phúc và dọn đường cho Đức cha, như ngày xưa thánh Gioan Tiê-nô đi trước để dọn đường cho Chúa Giêsu đến. Mỗi phái đoàn đều đem theo một tượng Đức Mẹ để Đức Mẹ chúc lành cho tuần

năm 1953 ngài làm Thượng phụ giáo chủ coi sóc 120.000 tín hữu Công giáo theo nghi lễ Armenia ở Trung Đông với giáo hiệu Grégoire-Pierre XV.

⁶²⁶ *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 9, tháng 1 và 2, năm 1959, tr. 27-29.

⁶²⁷ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 18, tháng 7 - 10 năm 1960, tr. 9.

đại phúc. Tuần đại phúc kết thúc với cuộc kinh lý của Đức cha. Kết quả của sáng kiến này được nhận thấy rất rõ ràng. Đi tới đâu Đức cha và phái đoàn cũng được đón tiếp rất nồng hậu không những bởi những người Công giáo, mà ngay cả đồng bào bên lương và chính quyền địa phương. Giáo dân bỏ cả công ăn việc làm tấp nập đến các nhà thờ để nghe giảng, xưng tội. Nhiều người khô khan, tội lỗi, bỏ xưng tội lâu năm cũng nhờ tuần đại phúc mà trở về với Chúa.⁶²⁸

⁶²⁸ Xem *Thư luân lưu số 7 về tuần đại phúc và cuộc kinh lý*, ngày 29.08.1959.

PHẦN III

**THỜI KỲ HÀNG GIÁO PHẨM
CÔNG GIÁO VIỆT NAM**

GIÁO PHẬN CHÍNH TÒA QUINHƠN

CHƯƠNG I

GIÁO PHẬN QUI NHƠN TRƯỚC NĂM 1975

Ngày 24.11.1960 Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII ban hành Tông hiến *Venerabilium Nostrorum* thiết lập Hàng Giáo phẩm Công giáo Việt Nam.⁶²⁹ Tông hiến được công bố vào ngày lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, 08.12.1960. Với Tông hiến này, Tòa Thánh thiết lập ba Giáo tỉnh tại Việt Nam: Hà Nội, Huế và Sài Gòn. Giáo tỉnh Hà Nội gồm Tổng Giáo phận Hà Nội và các Giáo phận Lạng Sơn, Hải Phòng, Hưng Hóa, Thái Bình, Bùi Chu, Phát Diệm, Thanh Hóa, Vinh. Giáo tỉnh Huế gồm Tổng Giáo phận Huế và các Giáo phận Qui Nhơn, Nha Trang, Kontum. Giáo tỉnh Sài Gòn gồm Tổng Giáo phận Sài Gòn và các Giáo phận Vĩnh Long, Cần Thơ, cùng với ba Giáo phận mới được thành lập trong dịp này là Đà Lạt, Mỹ Tho và Long Xuyên. Tất cả các Giáo phận tiếp tục trực thuộc Thánh bộ Truyền giáo. Cùng với việc thiết lập ba Giáo tỉnh và ba Giáo phận mới thuộc Giáo tỉnh Sài Gòn, qua Tông hiến này Tòa Thánh cũng bổ nhiệm các Giám mục Chính tòa cho mỗi Giáo phận. Từ đây các Giáo phận Tông tòa được thiết lập thành Giáo phận Chính tòa⁶³⁰ và các Giám mục Đại diện Tông tòa được bổ nhiệm làm Giám mục Chính tòa. Đức cha Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi được bổ nhiệm làm Giám mục Chính tòa Giáo phận Qui Nhơn. Nhà thờ Qui Nhơn trước đây tạm gọi là nhà thờ Chính tòa nay chính thức trở thành nhà thờ Chính tòa với tước hiệu Đức Mẹ Lên Trời⁶³¹ và là nhà thờ mẹ của tất cả các nhà thờ trong toàn Giáo phận Qui Nhơn.

⁶²⁹ Xem bản dịch Việt ngữ của Tông hiến trong *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 21, tháng 3 và 4 năm 1961, tr. 3-8.

⁶³⁰ Trước đây các Giáo phận được gọi là Miền truyền giáo (Mission), hay Giáo phận Tông tòa (Vicariat apostolique), do một Giám mục cai quản với tư cách là đại diện của Tòa Thánh, nên được gọi là Giám mục Đại diện Tông tòa, với một hiệu tòa ở nơi khác, chứ không có Chính tòa tại nơi đang làm việc.

⁶³¹ Tước hiệu này được công bố trong Sắc lệnh thi hành Tông hiến *Venerabilium Nostrorum* do Đức Khâm sứ Tòa Thánh ký ngày 02.04.1961. Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 21, tháng 3 và 4 năm 1961, tr. 9.

1. THỜI ĐỨC CHA PHÊRÔ MARIA PHẠM NGỌC CHI (tiếp theo)

Sau khi Tòa Thánh công bố Tông hiến thiết lập Hàng Giáo phẩm Công giáo Việt Nam với ba Giáo tỉnh và Tông sắc bổ nhiệm Giám mục cho mỗi Giáo phận, các Giáo phận lần lượt tổ chức lễ công bố Tông hiến thành lập các Tòa Giám mục Chính tòa và lễ nhậm chức các Giám mục Chính tòa. Tại Qui Nhơn nghi lễ này đã được cử hành long trọng vào ngày 25.04.1961 tại nhà thờ Chính tòa, dưới sự chủ tọa của Đức ông Mario Brini,⁶³² Khâm sứ Tòa Thánh tại Việt Nam, Cao Miên và Lào, cùng với sự hiện diện của Đức cha Phêrô Mactinô Ngô Đình Thục (Tổng Giám mục Huế), Đức cha Phaolô Nguyễn Văn Bình (Tổng Giám mục Sài Gòn), Đức cha Marcel Piquet Lợi (Giám mục Nha Trang), Đức cha Paul Seitz Kim (Giám mục Kontum), các linh mục đại diện các Giáo phận thuộc Giáo tỉnh Huế và các linh mục của Giáo phận Qui Nhơn, cùng với đông đảo tu sĩ, chủng sinh và giáo dân.⁶³³

1.1. Công bố các giáo xứ chính thức và sắp xếp nơi đào tạo chủng sinh

Dựa vào các đặc ân của Tòa Thánh đi theo việc thiết lập Hàng Giáo phẩm tại Việt Nam, Đức cha đã họp Hội đồng Giáo phận và công bố các nơi sau đây là giáo xứ chính thức (paroecia):⁶³⁴

1. Hạt Đà Nẵng: Đà Nẵng, Phú Thượng, An Ngãi, Cồn Dầu, Lệ Sơn, Hội An, La Nang, Ái Nghĩa, Phú Hương, Ô Gia, Hoàng Phước.
2. Hạt Tam Kỳ: La Thập, Trà Kiệu, Xuân Thạnh, An Sơn, Vân Đỏa, Tam Kỳ, Thuận Yên, Phú Thạnh.
3. Hạt Quảng Ngãi: Phú Vang, Kỳ Tân, Trung Tín, Phú Hòa, Tân Lộc, Cù Và, Quảng Ngãi, Châu Me, Bàu Gốc, Trà Câu.
4. Hạt Bồng Sơn: Gia Hựu, Hội Đức, Đồng Dài, Đồng Quả, Gia Chiểu, Đại Bình, Nước Nhỉ.
5. Hạt Qui Nhơn: Nhà Đá, Mỹ Thạch, Sông Cạn, Đại An, Kim Châu, Lạc Điền, Nam Bình, Gò Thị, Tân Dinh, Qui Nhơn.

⁶³² Đức ông Mario Brini được tấn phong Giám mục ngày 28.01.1962 tại nguyện đường trường Truyền giáo Roma.

⁶³³ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 21, tháng 3 và 4 năm 1961, tr. 15-17.

⁶³⁴ Trước đây, tại miền Nam các tổ chức tôn giáo cơ sở này được gọi là địa sở, còn tại miền Bắc gọi là xứ đạo. Nay cả nước đều thống nhất tên gọi giáo xứ, các họ đạo được gọi là giáo họ. Tuy nhiên vì đã quá quen với cách gọi địa sở, nên cách gọi này vẫn còn tiếp tục được sử dụng cho đến nhiều năm sau.

6. Hạt Phú Yên: Măng Lăng, Đồng Tre, Tuy Hòa.⁶³⁵

Về nơi đào tạo các chủng sinh, nhân dịp Tổng Giáo phận Huế tổ chức lễ công bố Tông hiến và nghi thức nhậm chức Tổng Giám mục vào ngày 12 tháng 04, Hội đồng Giám mục họp tại tòa Tổng Giám mục Huế vào ngày 13 tháng 04 và đã thỏa thuận: mỗi Giáo tỉnh sẽ có một Đại chủng viện. Đại chủng viện Giáo tỉnh Huế sẽ lập tại Huế do các linh mục Xuân Bích điều hành. Vì vậy từ niên khóa 1961-1962 các đại chủng sinh của Đại chủng viện Qui Nhơn sẽ học tại Huế, ngoài ra cũng có một số đại chủng sinh được gửi học ở nơi khác.⁶³⁶ Cơ sở Đại chủng viện Qui Nhơn sẽ trở thành phân trường A gọi là Tiểu chủng viện Qui Nhơn dành cho các lớp lớn (từ đệ V đến đệ II) dưới quyền cha giám đốc Phêrô Huỳnh Kim Lăng, còn Tiểu chủng viện Làng Sông là phân trường B dành cho các lớp nhỏ (đệ VI và đệ VII) dưới quyền cha giám đốc Phaolô Nguyễn Thanh Bình.⁶³⁷

1.2. Lễ mừng bách chu niên tử đạo của Chân phước Giám mục Stêphanô Cuénôt Thê

Nhân kỷ niệm 100 năm cuộc tử đạo của Chân phước Giám mục Stêphanô Cuénôt Thê (1861-1961),⁶³⁸ Đức Giám mục Giáo phận đã chỉ thị cho các giáo xứ, chủng viện, tu viện trong toàn Giáo phận tổ

⁶³⁵ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 22, tháng 5 và 6 năm 1961, tr. 13.

⁶³⁶ Đại chủng viện Xuân Bích Huế: 33 thầy, Giáo Hoàng học viện Piô X Đà Lạt: 10 thầy, Chủng viện thánh Albertô Sài Gòn: 3 thầy, Đại chủng viện Sài Gòn: 2 thầy, Trường truyền giáo Rôma: 2 thầy.

⁶³⁷ *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 21, tháng 3 và 4 năm 1961, tr. 23-24; Số 22, tháng 5 và 6 năm 1961, tr. 15.

⁶³⁸ Nhân dịp này Đức cha Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi đã viết một bài giới thiệu cho nguyệt san *Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp*, số 154, tháng ba 1962, một bài viết được đăng ở trang bìa trong với tựa đề: "Ngày giỗ tổ của Giáo Hội Đàng Trong", trong đó có đoạn viết: "Đức cha Thê đã có công rất lớn, vì ngài đã khai sinh cho các Giáo phận đầu hết miền Nam. Chính ngài đã lập Tòa Giám mục tại Gò Thị trong tỉnh Bình Định, gần Qui Nhơn và đã hội Công đồng đầu tiên tại đó. Năm 1844, vâng lệnh Tòa Thánh, ngài đã tách lục tỉnh Gia Định Đồng Nai làm một Giáo phận mới trao cho Đức cha Lefebvre Ngải cai quản: đó là Giáo phận Sài Gòn ngày nay. Rồi 6 năm sau (1850) ngài lại xin Tòa Thánh tách biệt tỉnh Thừa Thiên, Quảng Trị và nửa Quảng Bình làm một Giáo phận nữa trao cho Đức cha Pellerin Phan quản trị: đó là Giáo phận Huế hiện giờ. Do những ngành cây xanh tươi rườm rà bởi hạt giống Phúc Âm nhỏ xíu đó đã mọc ra bao nhiêu giáo khu khác tại miền Nam: Kontum (1932), Vĩnh Long (1938), Cần Thơ (1955), Nha Trang (1957) và mới rồi (1960) một trệt 3 Giáo phận Đà Lạt, Mỹ Tho và Long Xuyên!... Đức cha Xitêphanô Thê quả là 'Ông Tổ' của các Giáo phận miền Nam".

chức tuần tam nhật từ ngày 16 đến 18.02.1962.⁶³⁹ Trong suốt ba ngày, nơi nào cũng tổ chức cho các tín hữu tĩnh tâm, cầu nguyện, học hỏi và tham dự thánh lễ về Chân phước tử đạo. Hai nơi tổ chức long trọng hơn cả là nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn và nhà thờ Vĩnh Thạnh, nơi Chân phước đã trú ẩn và bị bắt. Thành phần tham dự: ngoài các thành phần dân Chúa trong Giáo phận, còn có những vị khách quý từ xa đến như Đức cha Paul Seitz Kim, Giám mục Giáo phận Kontum, cha Nguyễn Viết Cư, tổng giám đốc Công giáo tiến hành Việt Nam, cha Larouche và cha Gagnon Dòng Chúa Cứu Thế...

Chiều ngày 15 tại nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn, Đức Giám mục Giáo phận đã khai mạc tuần tam nhật với sự hiện diện của rất đông tín hữu. Trong suốt ba ngày các tín hữu đến nhà thờ nghe cha Augustinô Nguyễn Văn Chế giảng thuyết về đề tài "Tử đạo và Giáo Hội". Tối ngày áp, một cuộc rước kiệu trọng thể được tổ chức qua các đường phố lân cận, với ảnh của Chân phước và có hai Giám mục đi theo kiệu. Ngày cuối cùng, nhằm Chúa nhật, Đức Giám mục Giáo phận Kontum chủ sự lễ đại triều, sau đó đặt Minh Thánh Chúa trên tòa cao cho các giáo họ và các đoàn thể thay phiên nhau châu lễ cầu nguyện cho hòa bình và cho việc truyền giáo.

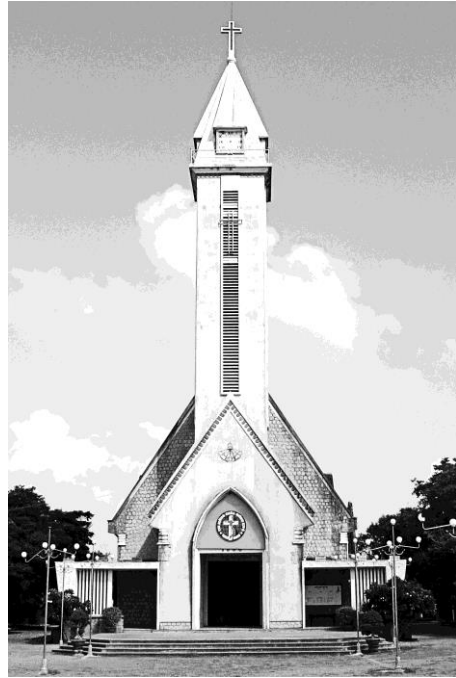
Tại nhà thờ Vĩnh Thạnh là trung tâm của lễ kỷ niệm, trong suốt ba ngày cha Gagnon đã thuyết giảng để dọn lòng các tín hữu. Một lễ đài lộng lẫy được dựng lên bên cạnh nhà thờ, phía trước trường Mađalêna Huỳnh Thị Lưu. Hình ảnh nổi bật trên lễ đài là bức chân dung Chân phước Stêphanô chới ngời trong ánh hào quang, bên cạnh ngài là hình Tội tử Chúa Mađalêna Huỳnh Thị Lưu, cổ đeo gông, tay mang xiềng. Giáo dân các giáo xứ lân cận đến tham dự đông đảo, có cả đồng bào lương dân nữa. Vào lúc 3 giờ chiều một cuộc rước ảnh của Chân phước đã diễn hành long trọng từ nhà thờ Nam Bình xuống Vĩnh Thạnh với đoàn đường dài khoảng 2 cây số. Đúng 5 giờ, hai Đức Giám mục và đoàn tùy tùng từ Qui Nhơn tới nơi và thánh lễ đại triều được Đức Giám mục Giáo phận chủ sự với chén thánh của Chân phước còn giữ lại tại Tòa Giám mục Qui Nhơn. Cuộc đại lễ diễn ra trong bầu khí trang nghiêm, trọng thể và sốt sắng chưa từng có tại một địa phương miền quê, để lại nơi tâm hồn mọi người một ấn tượng khó quên.⁶⁴⁰

⁶³⁹ Chân phước Stêphanô Cuénôt Thê đã chết trong ngục đêm 14.11.1861, nhưng có lẽ vì các tháng 10 đến 12 thời tiết xấu, mưa dầm và thường xảy ra bão lụt, nên không thể tổ chức lễ mừng kỷ niệm vào thời điểm ấy được.

⁶⁴⁰ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 26, tháng 1 và 2 năm 1962, tr. 5-7.

1.3. Lễ khánh thành nhà thờ Tuy Hòa

Nhà thờ Tuy Hòa do cha Giuse Tô Đình Sơn khởi công xây dựng từ năm 1960 đến năm 1962 mới hoàn thành, với một lối kiến trúc tân thời và một qui mô rộng lớn: dài 56m, rộng 18m, tháp chuông cao 43m⁵⁰ từ khắp nơi trong thị xã ai cũng nhìn thấy, trong nhà thờ không có cột, trần đúc hình cung nhọn nói lên tinh thần cầu nguyện, bàn ghế làm theo kiểu tân thời vừa đẹp vừa chắc chắn. Tối ngày 05 tháng 05, nhằm thứ bảy, một cuộc rước kiệu Đức Mẹ trọng thể đã được tổ chức qua các đường phố trong thị xã, số người tham dự sắp hàng dài cả ngàn mét. Cuộc kiệu kết thúc bằng



Nhà thờ Tuy Hòa

bài giảng của Đức Giám mục Giáo phận và phép lành Mình Thánh Chúa. Hôm sau, nhằm Chúa nhật, ngày 06 tháng 05, lễ khánh thành được cử hành trọng thể, do Đức Giám mục chủ sự, với nghi thức làm phép thánh đường và tiếp theo là thánh lễ đại triều kính thánh Giuse, Bồn mạng của giáo xứ với sự tham dự của 5, 6 ngàn người. Vì số người tham dự quá đông, nên chỉ một số người được vào nhà thờ cùng với Đức cha trong nghi thức làm phép, còn thánh lễ được cử hành trước sân nhà thờ để mọi người có thể tham dự. Bên cạnh nhà thờ, một ngôi nhà xứ 3 tầng cũng được xây dựng khang trang và trường trung tiêu học Đặng Đức Tuấn đã được xây dựng và khai giảng từ năm 1959. Quần thể kiến trúc này tọa lạc trên một khoảng đất cao ráo, rộng rãi, gần nhà ga và quốc lộ 1, nhìn về núi Nhạn và tháp Chàm, nên càng thêm vẻ mỹ quan.⁶⁴¹

⁶⁴¹ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 27, tháng 3 và 4 năm 1962, tr. 34-35.

1.4. Giáo phận hướng về Công đồng Vaticanô II

Ngày 25.01.1959, sau khi cử hành lễ bế mạc tuần lễ cầu nguyện cho sự hiệp nhất các Kitô hữu tại đền thờ thánh Phaolô ngoại thành, Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII đã công bố quyết định sẽ triệu tập một Công đồng chung cho toàn thể Giáo Hội. Ngài nói ngài đã được "ơn soi sáng siêu nhiên đánh mạnh như tiếng sét" và ngài gọi Công đồng chung là "bông hoa ngẫu sinh của một mùa xuân bất ngờ". Ngày 11.04.1961 Đức Giáo Hoàng gửi thông điệp đến toàn thể Giáo Hội kêu gọi mọi người cầu nguyện cách đặc biệt cho Công đồng vào ngày lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống. Nhưng vì thông điệp đến quá cận ngày, không thể tổ chức đúng ngày qui định, nên ngày 08.06.1961 Đức Giám mục Giáo phận gửi thư luân lưu đến mọi thành phần dân Chúa trong Giáo phận và quyết định chọn ngày lễ hai thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô làm ngày Giáo phận cầu nguyện đặc biệt cho Công đồng. Cũng trong bức thư này Đức cha trình bày cho mọi người biết về khái niệm Công đồng chung, ích lợi và tầm quan trọng của Công đồng chung, cách thức tham gia Công đồng chung.⁶⁴²

Sau hơn ba năm chuẩn bị, ngày 11.10.1962 Công đồng Vaticanô II khai mạc. Trước khi từ biệt Giáo phận để lên đường đi dự Công đồng, Đức cha đã đi hết các Giáo hạt trong Giáo phận, gặp gỡ hầu hết các cha và kêu gọi các cha hãy tổ chức cho giáo dân cầu nguyện cho Công đồng. Ngày 06 tháng 10 Đức cha cùng với các Giám mục Việt Nam lên đường đi Rôma để dự Công đồng. Ngài giao quyền cai quản Giáo phận cho hai cha Tổng đại diện: cha Phêrô Nguyễn Đình Tịch vừa làm cha xứ Chính tòa Qui Nhơn vừa làm Tổng đại diện phụ trách Bình Định và Phú Yên; cha Simon Huỳnh Sánh vừa làm cha xứ Trà Kiệu vừa làm Tổng đại diện phụ trách Quảng Ngãi, Quảng Tín,⁶⁴³ Quảng Nam và Đà Nẵng. Một số việc được ủy nhiệm đặc biệt cho cha Phêrô Nguyễn Đình Tịch. Hưởng ứng lời kêu gọi của Đức Giám mục Giáo phận, toàn Giáo phận đã tổ chức tuần cửu nhật cầu nguyện cho Công đồng từ ngày 03 đến 11.10.1962.

Từ Rôma, Đức cha thường xuyên viết thư về cho cha Tổng đại diện Nguyễn Đình Tịch để thông tin cho cộng đồng dân Chúa trong Giáo phận về diễn tiến và nội dung của những cuộc họp Công đồng,

⁶⁴² Xem "Thư luân lưu số 9 và Thông điệp của Đức Giáo Hoàng về việc tham gia Công đồng chung", trong *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 22, tháng 5 và 6 năm 1961, tr. 3-10.

⁶⁴³ Tỉnh Quảng Tín được thành lập ngày 31.07.1962 tách ra từ tỉnh Quảng Nam, tỉnh lỵ đặt tại Tam Kỳ.

cũng như những sự kiện có liên quan. Hàng Giáo phẩm Việt Nam đang dự Công đồng cũng gửi thư chung cho toàn thể dân Chúa tại Việt Nam và thư này được đọc tại các giáo xứ trong Giáo phận cho giáo dân nghe.⁶⁴⁴ Ngày 08.12.1962 Công đồng bế mạc khóa họp I, Đức cha đi hành hương Thánh Địa và trở về Qui Nhơn ngày 24.12.1962, vừa kịp mừng đại lễ Giáng sinh với đoàn chiên Giáo phận.

1.5. Thành lập Giáo phận Đà Nẵng

Từ khi Đức cha Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi về cai quản Giáo phận Qui Nhơn năm 1957 cho đến 1962, phong trào tông giáo lớn mạnh hơn trước. Giáo xứ nào cũng có nhiều người xin theo đạo. Sau thời gian học đạo một hai năm, họ được rửa tội. Mỗi lần rửa tội tại giáo xứ ít nhất 30 người. Nếu tính theo hạt, cứ hai tháng một lần mỗi hạt có từ 200 đến 500 người chịu phép rửa tội. Số tân tông được ghi nhận từng năm như sau: năm 1957 có 6.104 người, năm 1958 có 13.380 người, năm 1959 có 17.180 người, năm 1960 có 26.850 người, năm 1961 có 16.121, năm 1962 có 11.245 người. Tổng cộng: 90.880 người. Từ đó các giáo xứ phải xây thêm nhà thờ, nhà nguyện. Giáo xứ nào không đủ khả năng thì Giáo phận trợ giúp. Ngày 11.04.1962 Thánh bộ Truyền giáo đã có văn thư khen ngợi Đức cha về những thành quả truyền giáo đã đạt được. Vào cuối năm 1962, trong toàn Giáo phận Qui Nhơn có 82 giáo xứ, 895 giáo họ, 176.544 tín hữu, 59.028 dự tông, 206 tiểu chủng sinh, 76 đại chủng sinh, 81 thầy giảng, 39 nam tu sĩ, 369 nữ tu, 122 linh mục, 69 trường tiểu học, 12 trường trung học, 11 cô nhi viện, 3 dưỡng lão viện, 2 bệnh viện, 15 phòng phát thuốc.

Nhận thấy Giáo phận Qui Nhơn đã lớn mạnh và để đáp ứng nhu cầu truyền giáo đang ngày càng gia tăng, Đức cha Phêrô đã trình với Tòa Thánh xin chia đôi Giáo phận và lập một Giáo phận mới. Vì thế, ngày 18.01.1963 Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII ban hành Tông hiến *In Vitae Naturalis Similitudinem* thành lập Giáo phận Đà Nẵng gồm phần đất tỉnh Quảng Nam, Quảng Tín và thị xã Đà Nẵng, tách ra từ Giáo phận Qui Nhơn. Cũng ngày hôm ấy Đức Giáo Hoàng ban một Tông sắc bổ nhiệm Đức cha Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi làm Giám mục Chính tòa Giáo phận Đà Nẵng và một Tông sắc bổ nhiệm Đức

⁶⁴⁴ Xem "Thư chung của Hàng Giáo phẩm Việt Nam", trong *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 33, tháng 12 - 1962, tr. 1-6.

cha Đa Minh Hoàng Văn Đoàn, dòng Đa Minh,⁶⁴⁵ làm Giám mục Chính tòa Giáo phận Qui Nhơn.⁶⁴⁶

Ngày 07 tháng 03, tại Sài Gòn, Đức cha Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi và Đức cha Đa Minh Hoàng Văn Đoàn đã ra một thông cáo chung về vấn đề nhân sự của hai Giáo phận Qui Nhơn và Đà Nẵng như sau:

- Về các linh mục: Các cha hiện đang giữ chức vụ nào và đang ở nơi nào trong hai Giáo phận sẽ cứ giữ nguyên chức vụ và nhiệm sở. Các cha hiện đang học ở Sài Gòn hay du học nước ngoài, nếu là người địa phương của Giáo phận nào thì sẽ về Giáo phận đó, nếu không thì muốn về Giáo phận nào tùy ý.

- Về các chủng sinh: Nếu có gia đình ở Giáo phận nào thì thuộc về Giáo phận đó. Nếu không thì tùy ý lựa chọn một trong hai Giáo phận.

- Về các tu sĩ: Các tu sĩ nam nữ đang phục vụ ở đâu thì cứ tiếp tục ở đó.⁶⁴⁷

Ngày 25.03.1963 Đức cha Phêrô Maria từ Qui Nhơn ra Quảng Ngãi để chính thức trao trung tâm truyền giáo Bình Vân, tức Châu Ô, cho các cha Dòng Chúa Cứu Thế, để nhờ số đông và sự nhiệt tình của các linh mục và tu sĩ của dòng, trung tâm này có thể đáp ứng nhu cầu truyền giáo đang lên cao trong cả vùng.⁶⁴⁸ Ngày 30.04.1963, Đức cha từ già Giáo phận Qui Nhơn để đi nhận Giáo phận Đà Nẵng vừa được thành lập. Lễ nhậm chức Giám mục Giáo phận Đà Nẵng diễn ra vào ngày 01.05.1963 tại nhà thờ giáo xứ Đà Nẵng nay đã trở thành nhà thờ Chính tòa Giáo phận Đà Nẵng.⁶⁴⁹ Vào thời điểm ấy Giáo phận Đà Nẵng có 85.094 giáo dân, 58 linh mục, gần 200 nữ tu và 30 chủng sinh.

⁶⁴⁵ Đức cha Đa Minh Hoàng Văn Đoàn sinh ngày 05.11.1912 tại Trà Lũ, Nam Định, thụ phong linh mục ngày 24.12.1939, được tấn phong Giám mục ngày 03.09.1950 và làm Đại diện Tổng tòa Giáo phận Bắc Ninh, sau năm 1954 sang Hồng Kông chữa bệnh và dạy học, năm 1960 về Sài Gòn làm giám đốc Giáo Hoàng chủng viện Alberto được dời từ Bắc vào Nam.

⁶⁴⁶ Xem bản văn Tông hiến thành lập Giáo phận Đà Nẵng và hai Tông sắc bổ nhiệm Giám mục Qui Nhơn và Đà Nẵng trong *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn và Đà Nẵng*, số 35, trang 4-14.

⁶⁴⁷ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn và Đà Nẵng*, số 35, trang 16.

⁶⁴⁸ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn và Đà Nẵng*, số 35, trang 39.

⁶⁴⁹ Nhà thờ Chính tòa Đà Nẵng được cha Vallet xây dựng năm 1923. Dân địa phương quen gọi là nhà thờ con gà, vì trên tháp có hình con gà trống.

2. THỜI ĐỨC CHA ĐA MINH HOÀNG VĂN ĐOÀN (1963-1974)

Ngày 30.04.1963 nghi thức nhậm chức Giám mục Chính tòa Giáo phận Qui Nhơn của Đức cha Đa Minh Hoàng Văn Đoàn được cử hành trọng thể tại lễ đài trước tiền đường nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn vào lúc 6 giờ chiều. Hiện diện trong nghi thức nhậm chức có Đức cha Salvatore Asta, Khâm sứ Tòa Thánh, Đức cha Phêrô Mactinô Ngô Đình Thục, Đức cha Phaolô Nguyễn Văn Bình, Đức cha Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi, Đức cha Marcel Piquet Lợi, Đức cha Tadeô Lê Hữu Từ, Đức cha Jacq, Đức cha Giuse Trần Văn Thiện, Đức ông De Nittis tham vụ Tòa Khâm sứ, các cha Tổng đại diện và Bề trên các dòng tu. Sau khi nghi thức nhậm chức kết thúc, Đức cha Đa Minh chủ sự thánh lễ thường nhưng kết thúc bằng thánh ca *Magnificat*.⁶⁵⁰ Sau lễ nhậm chức của Đức cha Đa Minh, sáng ngày 01 tháng 05, Đức Khâm sứ được Đức cha Đa Minh hướng dẫn đến thăm bệnh viện Thánh Gia, bệnh viện phong Qui Hòa, chủng viện Qui Nhơn và trường Trinh Vương. Buổi chiều phái đoàn bay ra Đà Nẵng để dự lễ nhậm chức của Đức cha Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi. Về phần Đức cha Đa Minh, ngay sau lễ nhậm chức, Đức cha đi thăm một số giáo xứ và một số trung tâm truyền giáo trong Giáo phận. Khi ấy Giáo phận có 75 linh mục triều, 6 linh mục dòng, 45 tu sĩ nam, 211 nữ tu, 41 đại chủng sinh, 122 tiểu chủng sinh, 116.882 giáo dân.



Đức cha Đa Minh Hoàng Văn Đoàn

2.1. Những hoạt động và sự kiện đầu tiên

Tháng 05 năm 1963, Dòng Đồng Công chuyển Nhà mẹ và học viện từ Thủ Đức ra Nhà Đá. Cũng trong năm ấy các sư huynh La San dời các lớp học vào cơ sở Đại chủng viện Qui Nhơn và lấy tên là

⁶⁵⁰ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn và Đà Nẵng*, số 36, tháng 6 năm 1963, tr. 18-19.

trường trung học La San cho kịp niên khóa 1963-1964, vì lúc ấy tất cả các tiểu chủng sinh của phân trường A được đưa về nhập với phân trường B tại Làng Sông. Cơ sở trường Bình Lợi được giao cho nhà thờ Chính tòa sử



Nhà Mẹ dòng Đồng Công tại Nhà Đá

dụng và đồng thời cũng là nơi tổ chức các khóa đào tạo thầy giảng. Sở dĩ năm 1963 các khóa đào tạo thầy giảng được đưa về đây là vì sau khi Hội thầy giảng truyền giáo được tái lập trong Giáo phận vào năm 1960, khóa đào tạo đầu tiên được khai giảng vào tháng 07 năm 1961 và bế giảng vào cuối năm. Giám đốc là cha Tổng đại diện Phêrô Nguyễn Đình Tịch, nhưng người trực tiếp phụ trách là cha Gioakim Nguyễn Du, nên khóa đào tạo này được mở tại nhà xứ Gia Hựu của ngài. Từ năm 1962 cha Phaolô Huỳnh Ngọc Cảnh được đặt làm giám đốc Hội thầy giảng nên các khóa đào tạo không còn được tổ chức tại Gia Hựu nữa, nhưng được đưa về Qui Nhơn.⁶⁵¹

Trước khi lên đường sang Rôma dự kỳ họp khóa II của Công đồng Vaticanô II sẽ tái nhóm vào ngày 29.09.1963, Đức cha Đa Minh đã gửi đến cộng đồng dân Chúa bức thư luân lưu số 3 để nói đôi lời về Công đồng và đưa ra vài thông tin về Giáo phận. Trong phần thông tin, Đức cha cho biết ngày 22.02.1963 Thánh bộ Chủng viện và Đại học gửi đến các Đấng Bản quyền một bức thư đề cao quyết định của Công đồng Trentô về việc thành lập các chủng viện (15.07.1563). Để kỷ niệm bốn trăm năm quyết định lịch sử ấy, Thánh bộ ước mong các Đấng Bản quyền sẽ tùy theo hoàn cảnh và phương tiện mà tổ chức

⁶⁵¹ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 18, tháng 7 - 10 năm 1960, tr. 10-11. Tháng 12 năm 1961 cha Phêrô Nguyễn Đình Tịch, giám đốc Hội thầy giảng, thông cáo: Sau 6 tháng đào tạo, cuối năm 1961 khóa đào tạo đã kết thúc và các thầy giảng mới sẽ ra làm việc giúp các cha. Thông cáo cũng xin các cha tuyển chọn những ứng sinh cho khóa mới. Điều kiện như sau: thanh niên Công giáo từ 18 đến 30 tuổi, độc thân, đạo đức, khỏe mạnh, không mang tiếng gì, học lực ít nhất tương đương với lớp nhất tiểu học. Thư giới thiệu ứng sinh gửi về cha giám đốc Phêrô Nguyễn Đình Tịch trước ngày 31.03.1962. Theo bản thông tin số 27 năm 1962, cha Phaolô Huỳnh Ngọc Cảnh được chính thức bổ nhiệm làm giám đốc Hội thầy giảng.

mừng kỷ niệm cách trọng thể "nhằm mục đích cổ võ ơn thiên triệu và đề cao chủng viện như một tổ chức nòng cốt của Giáo phận, quả tim của Giáo phận, nơi phát sinh nguồn sống tinh thần, lan tràn sang các mạch máu của Giáo Hội". Đáp lại lời mời gọi của Thánh bộ, Đức cha quyết định ngày 14.01.1964 tại chủng viện Làng Sông sẽ khai mạc tuần tam nhật để kỷ niệm Đệ tứ bách chu niên ngày Công đồng Trentô quyết định thành lập các chủng viện.⁶⁵²

Tuy nhiên khóa II của Công đồng Vaticanô II bế mạc vào ngày 04.12.1963 và Đức cha Đa Minh đã lên đường trở về Giáo phận ngay, nên ngày kỷ niệm này được tổ chức sớm hơn dự tính một tháng, tức là vào ngày 14.12.1963 tại Tiểu chủng viện Làng Sông. Cũng nhân dịp này chủng viện Làng Sông mừng 100 năm thành lập, nhưng thực ra chủng viện đã được thành lập trước đó nữa.⁶⁵³ Thánh lễ đại triều được cử hành trong nhà nguyện chủng viện do Đức cha Đa Minh, Giám mục Giáo phận chủ sự, với sự hiện diện của Đức cha Phêrô Maria, Giám mục Giáo phận Đà Nẵng, các cha Tổng đại diện Qui Nhơn, Kontum, các linh mục, tu sĩ, chủng sinh, cựu chủng sinh và giáo dân. Trong bài giảng lễ Đức cha Đa Minh trình bày hai điểm chính: Sắc lệnh Công đồng Trentô thiết lập các chủng viện và lịch trình phát triển của chủng viện Làng Sông. Ngài trình bày ba mục tiêu của Công đồng Trentô trong việc đào tạo linh mục là đức dục, trí dục và thể dục. Trong ba mục tiêu đó, đạo đức phải là mục tiêu hàng đầu, vì linh mục là "muối đất, đèn trời". Ngài cũng đánh giá cao sự đóng góp to lớn và hữu hiệu của chủng viện Làng Sông vào cánh đồng truyền giáo của bốn Giáo phận: Qui Nhơn, Kontum, Nha Trang và Đà Nẵng, vì đã đào tạo gần 3.000 người đầy nhiệt tâm trong công cuộc xây dựng Giáo Hội và tổ quốc. Để kết luận, Đức cha mượn lời Đức Giáo Hoàng đương kim khuyên nhủ các linh mục và chủng sinh: Chủng viện là hy vọng của Giáo Hội, là linh hồn và quả tim của Giáo phận, chủng viện hun đúc những người mở mang Nước Chúa.⁶⁵⁴

⁶⁵² Xem Thư luân lưu số 3 của Đức Giám mục Qui Nhơn trong *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn và Đà Nẵng*, số 38, tháng 9 - 1963, tr. 1-5.

⁶⁵³ Chủng viện Làng Sông không phải được thành lập năm 1863, nhưng trước đó nữa, bởi lẽ cha Phaolô Châu, giám đốc chủng viện Làng Sông, đã chịu tử đạo năm 1862. Thực ra, sau Công nghị Gò Thị năm 1841 Đức cha Cuénôt Thê đã bắt đầu thành lập các chủng viện trong Giáo phận, trong đó có chủng viện Làng Sông.

⁶⁵⁴ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn và Đà Nẵng*, số 42, tháng 4 - 1964, tr. 16-19.

Chiều thứ năm Tuần thánh, ngày 26.03.1964, trong khi cử hành thánh lễ tại nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn, cha Phêrô Nguyễn Đình Tịch, Tổng đại diện kiêm cha xứ Chính tòa, bị đột quy vì bệnh tim và đã tắt thở ngay sau đó. Lễ an táng được cử hành trọng thể chiều thứ hai, 30.03.1964, do Đức cha Đa Minh chủ sự với sự hiện diện của Đức cha Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi, các cha đại diện ba Giáo phận Kontum, Nha Trang và Đà Nẵng, các linh mục, tu sĩ nam nữ trong Giáo phận và đông đảo giáo dân. Sau đó Đức cha đã bổ nhiệm cha Phêrô Trịnh Hoài Ân làm Tổng đại diện và cha Giuse Nguyễn Sô làm cha xứ Chính tòa kiêm hạt trưởng Qui Nhơn.

Từ 6, 7 năm trước, Công giáo tiến hành Giáo phận đã hoạt động mạnh mẽ với ba đoàn thể là Hiệp hội Thánh Mẫu, Legio Mariae và Hội bác ái Vinh Sơn. Năm 1964 Đức cha cho thiết lập hay tái lập thêm mấy hội đoàn khác như Hùng tâm Dũng chí,⁶⁵⁵ Nghĩa binh Thánh Thể hay còn gọi là Thiếu nhi Thánh Thể,⁶⁵⁶ Liên minh Thánh Tâm,⁶⁵⁷ Giáo chức Công giáo, Trí thức Công giáo (Pax Romana), Dòng Ba Phanxicô và Hướng đạo Công giáo. Năm 1965 thành lập Liên đoàn Thanh sinh công Qui Nhơn là phong trào dành cho các học sinh nhằm truyền bá học thuyết Công giáo, đặc biệt về giáo dục và học đường. Ngoài ra còn có Hội ái hữu cựu tu sĩ chủng sinh do cha Phaolô Huỳnh Đông Các, giám đốc Tiểu chủng viện Qui Nhơn, làm tuyên úy. Để các hội đoàn có hội quán sinh hoạt, Đức cha đã cho xây dựng một hội trường lớn trong khuôn viên nhà thờ Chính tòa.

2.2. Những khó khăn và mất mát do tình hình bất ổn của đất nước

Tuy nhiên từ năm 1964, do tình hình chính trị, phong trào tông giáo trong Giáo phận giảm sút rõ rệt. Thêm vào đó, mặc dù các dự tông được dạy thật kỹ và thời gian tập sống đạo khá dài, nhưng một số rất đông tân tông đã chịu phép rửa tội trong các năm 1957-1963 đã bỏ đạo. Có nơi chỉ mất độ 15%, thường là nơi trước đây phong trào tông

⁶⁵⁵ Hùng tâm Dũng chí là một đoàn thể phát xuất từ Pháp với mục đích giáo dục thanh thiếu niên trong bầu khí vui tươi: Hùng tâm (Coeurs vaillants, 1936) dành cho trẻ nam, Dũng chí (Ames vaillantes, 1937) dành cho trẻ nữ. Phong trào này du nhập vào Việt Nam trong Giáo phận Sài Gòn từ năm 1940.

⁶⁵⁶ Thực ra hội đoàn này đã có mặt tại một số giáo xứ trong Giáo phận Qui Nhơn từ năm 1936 dưới thời Đức cha Tardieu Phú.

⁶⁵⁷ Liên minh Thánh Tâm được thành lập tại Montréal (Canada) năm 1883. Đây không chỉ là một hội đoàn đạo đức, nhưng còn là một tổ chức tông đồ mang tính xã hội, vì theo đuổi mục đích duy trì và cổ võ đời sống Công giáo trong gia đình và xứ đạo.

giáo yếu; có nơi mất đến 85%, thường là những nơi phong trào tòng giáo rầm rộ. Tổng kết trong toàn Giáo phận cho thấy số người cố tình bỏ đạo khoảng 30%, số người vì sợ mà không dám giữ đạo khoảng 40%, số người hiện còn giữ đạo khoảng 30%.⁶⁵⁸

Tiếp đến vì tình hình mất an ninh tại một số nơi, nhất là ở miền quê, đồng bào Công giáo đã bỏ nhà cửa chạy về các giáo xứ ở các quận lỵ và nhất là tỉnh lỵ. Khi giáo dân chạy tị nạn thì các linh mục cũng phải đi theo để phục vụ họ, bỏ lại sau lưng nhà thờ, nhà xứ, trường học... làm mồi cho bom đạn tàn phá. Năm 1965, trong Giáo phận chỉ còn những giáo xứ sau đây có sinh hoạt và linh mục có thể ở lại hoặc lui tới. Tại tỉnh Quảng Ngãi có các giáo xứ Châu Ô, Phú Hòa, Quảng Ngãi. Tại tỉnh Bình Định có các giáo xứ Đại Bình, Phù Mỹ, Phù Cát, Phú Phong, Trường Cửu, Công Chánh, Tân Dinh, Ngọc Thạnh, Qui Hòa, Qui Nhơn. Tại tỉnh Phú Yên có các giáo xứ Sông Cầu, Đồng Tre, Măng Lăng, Tuy Hòa, Đông Mỹ, Tịnh Sơn.⁶⁵⁹

Tại Qui Nhơn, số đồng bào di tản từ các miền quê đến càng ngày càng đông. Cha Giuse Nguyễn Sồ vừa là cha xứ Chính tòa kiêm hạt trưởng Qui Nhơn, đồng thời vẫn tiếp tục giữ chức giám đốc Caritas Giáo phận, nên cha đã lo tổ chức chương trình tiếp cư cả giáo lẫn lương, cho họ ăn ở và tìm công việc làm. Với sự giúp đỡ của Caritas quốc tế, ngài lập các trại di cư tại Ngọc Thạnh, Qui Đức, Qui Nhơn, Qui Hiệp, Xuân Quang, Ghềnh Ráng, lập cô nhi viện, dưỡng lão viện và trung tâm huấn nghệ tại Ghềnh Ráng.⁶⁶⁰ Do lượng người di cư, các giáo họ trong thị xã Qui Nhơn trở nên đông đúc. Vì vậy, ngày 27.07.1967 Đức Giám mục Giáo phận đã ký Sắc lệnh thành lập bốn giáo xứ trong thị xã Qui Nhơn: Hòa Ninh, Đồng Tiến, Qui Hiệp (quen gọi là Khu Sáu) và một giáo xứ thuộc tuyên úy trưởng La San là Qui Hải.

Tại nhiều giáo xứ, các cha dẫn giáo dân đi di tản và lập nghiệp ở những miền khác ngoài Giáo phận. Tháng 08 năm 1966, theo sự hướng dẫn và sắp xếp của các cha xứ, nhiều giáo dân các giáo xứ Phú Vang, Kỳ Tân, Châu Me, Bàu Gốc... tỉnh Quảng Nghĩa đến lập cư tại

⁶⁵⁸ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn và Đà Nẵng*, số 46, tháng 12 năm 1965, tr. 80.

⁶⁵⁹ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 45, tháng 8 năm 1965, tr. 28-30.

⁶⁶⁰ Ngày 01.07.1970 cha Giuse Nguyễn Sồ được chính phủ ân thưởng Xã hội bội tinh đệ nhị đẳng vì những công trình tiếp cư và định cư đồng bào di cư khoảng năm 1955 tại Nha Trang và năm 1965 tại Qui Nhơn. Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 64, tháng 6 năm 1970, tr. 23.

thôn Bãi Giếng, Suối Hòa, Cam Ranh và lập thành giáo xứ Hòa Nghĩa (ghép từ tên tỉnh Khánh Hòa và Quảng Nghĩa). Một số đông giáo dân gốc di cư đã đến lập cư tại hai giáo xứ Tân Lập và Hoa Châu tỉnh Phú Yên, sau đó vì tình hình mất an ninh tại địa phương nên đã di tản về thị trấn Tuy Hòa, nhưng cũng không ổn, vì vậy tháng 05 năm 1966 họ đã theo cha xứ xuống thuyền vào Cam Ranh và lập thành giáo xứ Hòa Yên (Khánh Hòa - Phú Yên). Năm 1969, nhiều giáo dân thuộc các giáo xứ Châu Me, Trà Câu, Cù Và, Châu Ô, Bàu Gốc, Tân Lộc, Phú Hòa thuộc tỉnh Quảng Ngãi và một số giáo dân thuộc tỉnh Phú Yên được các cha dẫn đến lập nghiệp cũng tại Cam Ranh, lập thành giáo xứ Nghĩa Phú (Quảng Nghĩa - Phú Yên). Hòa Nghĩa, Hòa Yên và Nghĩa Phú là ba giáo xứ của Giáo phận Nha Trang hiện nay. Cũng vậy, phần lớn giáo dân giáo xứ Tân Lộc và Trung Tín ở Quảng Ngãi được các cha xứ dẫn vào lập cư tại Long Khánh, lập thành hai giáo xứ Tân Ngãi (Tân Lộc, Quảng Ngãi) và Trung Ngãi (Trung Tín, Quảng Ngãi) thuộc Giáo phận Xuân Lộc. Ngoài những cuộc ra đi khỏi Giáo phận cách đồng đảo và có tổ chức như thế, còn có nhiều giáo dân đi đến những Giáo phận khác cách lẻ tẻ và nhiều đợt, khiến cho một số giáo xứ của Giáo phận bị xóa sổ và số giáo dân của Giáo phận bị sụt giảm trầm trọng.

Cũng trong tình hình mất an ninh của các vùng quê, từ tháng 03 năm 1965 chủng viện Làng Sông phải giải tán sớm và bắt đầu từ niên khóa 1965-1966 học tại Qui Nhơn, cơ sở trường Bình Lợi cũ, bên cạnh nhà thờ Chính tòa, vì lúc ấy không có khóa thầy giảng. Năm 1968 khởi công xây dựng Tiểu chủng viện thay thế trường Bình Lợi. Công trình xây dựng hoàn thành năm 1972 dưới thời cha Phaolô Huỳnh Đông Các làm giám đốc. Cũng đầu năm 1965, các nữ tu Mến Thánh Giá cùng với tập viện và hai cô nhi viện tại Gò Thị chạy về Qui Nhơn và Đức cha Đa Minh Hoàng Văn Đoàn cho phép đặt tạm Nhà mẹ và tập viện tại trường Trinh Vương. Vì tình hình mất an ninh ngày càng gia tăng và có khả năng kéo dài, nên năm 1966 Mẹ Julianne xin Đức cha cho phép chính thức đặt Nhà mẹ tại đây và từ đó cơ sở Trinh Vương trở thành Nhà mẹ của Hội dòng cho đến ngày nay. Năm 1967 tập viện được đưa về Ghềnh Ráng vì Trinh Vương là trường học không thích hợp với nhà tập.⁶⁶¹

⁶⁶¹ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 45, tr. 32-34.

2.3. Những nỗ lực và sáng kiến mục vụ

Mặc dầu hoàn cảnh khó khăn do tình hình chính trị và chiến tranh, Giáo phận vẫn cố gắng phát triển để bù đắp phần nào những mất mát to lớn vừa kể trên. Theo thống kê cuối năm 1968, trong Giáo phận có 78 linh mục, 39 đại chủng sinh, 174 tiểu chủng sinh, 470 tu sĩ (tính cả tập sinh và đệ tử), 90.745 giáo dân. Một số giáo dân hồi cư về quê nhưng không nhiều lắm. Nếu sinh hoạt tôn giáo xem ra ngưng trệ ở nông thôn, thì lại rất sầm uất ở các thị xã và các trại di cư với sự phát triển mạnh của các hội đoàn. Trong khi nhiều giáo xứ miền quê không còn nữa vì dân chúng di tản về định cư tại các thành phố, thì chính số giáo dân đó đã góp phần vào việc thành lập những giáo xứ mới tại thành phố, chẳng hạn tại thị xã Qui Nhơn có 7 giáo xứ mới: Ghềnh Ráng, Xuân Quang, Qui Hải (La San) Qui Hiệp (khu sáu), Đồng Tiến, Hòa Ninh, Qui Đức và ở Phú Tài có giáo xứ Phú Thạnh. Chương trình hỗ trợ định cư và công cuộc truyền giáo được đẩy mạnh bằng phong trào Công giáo tiến hành.⁶⁶²

Ngày 16.04.1969 Đức cha đã triệu tập đại hội đầu tiên của Hội đồng linh mục và Hội đồng mục vụ do ngài thành lập theo tinh thần của Công đồng Vaticanô II vừa qua. Trong bài diễn văn khai mạc Đức cha cho biết Hội đồng linh mục của Giáo phận được Công đồng đề cập đến trong Sắc lệnh về linh mục, số 7, còn Hội đồng mục vụ được đề cập đến trong Sắc lệnh về Giám mục, số 27. Hai hội đồng này được thành lập nhằm giúp Giám mục Giáo phận giải quyết những vấn đề của Giáo phận trong tinh thần hiệp thông. Tuy nhiên hai Sắc lệnh ấy không nói gì về qui chế, nội dung và cách tổ chức. Hơn nữa, vào thời điểm này trên thế giới có hơn hai ngàn Giáo phận mà chưa đến hai trăm Giáo phận thành lập hai hội đồng này. Do đó việc thiết lập hai hội đồng này trong Giáo phận cũng mới ở bước thăm dò và thử nghiệm, cần phải học hỏi những nơi đi trước.⁶⁶³

Sau thời gian thử nghiệm, ngày 11.02.1970, Đức cha Đa Minh đã ban hành Qui chế Hội đồng linh mục và Qui chế Hội đồng mục vụ của Giáo phận, đồng thời Đức cha cũng ban hành Qui chế Hội đồng giáo xứ.⁶⁶⁴ Sau khi ban hành bản qui chế, ngày 06.07.1970 Đức cha ra văn thư triệu tập đại hội Hội đồng mục vụ tại Tòa Giám mục Qui Nhơn trong hai ngày 27 và 28 tháng 07, để bầu Ban thường vụ, thảo

⁶⁶² Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 58, tháng 12 năm 1968, tr. 15-17.

⁶⁶³ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 60, tháng 6 năm 1969, tr. 1.

⁶⁶⁴ Về nội dung của ba bản qui chế, xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 63, tháng 3 năm 1970, tr. 12-21, 30-43.

luận một số vấn đề, báo cáo các sinh hoạt cũng như hoạch định phương thức và chương trình hoạt động mục vụ trong Giáo phận.⁶⁶⁵

Dưới thời Đức cha Đa Minh việc học giáo lý của các em thiếu nhi và thiếu niên được cổ võ và đẩy mạnh khắp Giáo phận, bằng việc lập ra các chương trình và tổ chức những kỳ thi giáo lý. Năm 1970 ngài đặt cha Tổng đại diện Phêrô Trịnh Hoài Ân làm trưởng ban giáo lý, cha Gioakim Nguyễn Du làm tổng thư ký và một số linh mục khác làm thành viên Ban giáo lý Giáo phận, trong đó có cha Phaolô Huỳnh Đông Các, giám đốc Tiểu chủng viện Qui Nhơn. Bắt đầu từ năm 1970, vào mỗi kỳ hè ban giáo lý tổ chức những cuộc thi kinh, giáo lý và thánh ca tại các trung tâm rất sôi nổi với sự cộng tác của các thầy Đại chủng viện do sự điều động của cha Phaolô Huỳnh Đông Các đặc trách các thầy. Mỗi giáo xứ đưa các em đến dự thi tại những trung tâm được qui định và các em trúng tuyển được Ban giáo lý cấp chứng chỉ.⁶⁶⁶

Đức cha rất quan tâm đến tổ chức văn hóa và giáo dục, vì vậy ngày 27.06.1967 ngài đã ban hành Qui chế các trường Công giáo. Từ năm 1969 Đức cha còn cho lập quỹ giáo dục Giáo phận bằng tiền quỳên trong các nhà thờ ngày Chúa nhật đầu tiên của tháng 4 dương lịch. Nhờ quỹ này mà hằng năm trong các tháng hè Giáo phận tổ chức khóa tu nghiệp miễn phí cho giáo viên các trường tiểu học Công giáo trong toàn Giáo phận, mỗi khóa kéo dài hai tuần. Tham dự khóa là các giáo viên do các giáo xứ gửi đến. Thuyết trình viên là các giáo sư trường Cao đẳng sư phạm Qui Nhơn hay những giáo sư có tiếng ở các trường tiểu học công lập. Chương trình tu nghiệp của Giáo phận được trường Đại học Đà Lạt công nhận và cấp chứng chỉ khả năng sư phạm. Ngoài ra, để đào tạo nhân tài và xây dựng tương lai Giáo phận, ngài cho nhiều thầy Đại chủng viện và nhiều linh mục đi học ở các Đại học Sài Gòn, Đà Lạt, hoặc du học nước ngoài.

Hưởng ứng chương trình văn hóa giáo dục của Đức cha Đa Minh, năm 1970 Dòng Đồng Công thiết lập tại Nhà Đá một trường trung tiểu học. Mùa hè năm 1972 các sư huynh La San trả lại cơ sở Đại chủng viện cho Giáo phận và Đức cha Đa Minh lập trường trung học Vi Nhân thay cho trường La San, đặt cha Phêrô Huỳnh Kim Lăng làm hiệu trưởng. Đức cha chọn tên cho trường là Vi Nhân, từ câu chữ "Vi nhân tử chí ư hiếu, vi nhân thân chí ư trung", nhằm đề cao việc

⁶⁶⁵ Xem *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 63, tr. 20-22.

⁶⁶⁶ Xem Thông cáo về việc thi giáo lý trong *Bản thông tin Địa phận Qui Nhơn*, số 63, 27-28.

đào tạo thanh thiếu niên thành những người con hiếu thảo trong gia đình và những công dân trung thành với tổ quốc.

Tuy nhiên, cũng năm 1972 với biến cố mùa hè đỏ lửa, một số khá đông đồng bào Công giáo di tản vào Nha Trang, Cam Ranh và miền Nam trong suốt tháng 4, 5 và 6. Sau đó nhiều người không trở về, khiến cho số tín hữu của Giáo phận giảm sút rõ rệt. Đến năm 1973 trong Giáo phận có 73 linh mục triều, 28 linh mục dòng, 83 nam tu sĩ, 238 nữ tu, 55 đại chủng sinh, 93.680 giáo dân, 36 giáo xứ, 83 cơ sở từ thiện, 238 trường học.

2.4. Đức cha Đa Minh Hoàng Văn Đoàn qua đời

Ngày 06.05.1974, Đức cha Đa Minh Hoàng Văn Đoàn bắt đầu lâm bệnh thương hàn, cơn bệnh càng ngày càng nặng, nên ngày 13 tháng 05 ngài được đưa vào bệnh viện Thánh Gia để các nữ tu người Mỹ của Dòng Nữ Tu Y Tế Truyền Giáo chăm sóc. Tuy nhiên bệnh tình không thuyên giảm nên cha Tổng đại diện đã ban phép xức dầu thánh cho ngài, và theo quyết định của Hội đồng tư vấn, ngày 19 tháng 05 ngài được đưa vào chữa trị tại bệnh viện Saint Paul, Sài Gòn. Các bác sĩ đã tận lực tận tình cứu chữa nhưng chiều ngày 20.05.1974 ngài qua đời, thọ 62 tuổi. Trước khi ngài qua đời, Đức Khâm sứ Tòa Thánh Henri Lemaitre đã đến thăm và thay mặt Đức Thánh Cha ban phép lành Tòa Thánh và ơn toàn xá cho ngài. Sau khi qua đời, linh cữu ngài được đưa về quản tại nhà thờ dòng Đa Minh ở 190 Trương Vĩnh Ký, Gia Định. Hai Đức Tổng Giám mục Sài Gòn và Huế đã đến dâng thánh lễ đồng tế cùng với một số linh mục để cầu nguyện cho ngài. Ngày 23 tháng 05 linh cữu ngài được đưa đến Vương cung Thánh đường Sài Gòn và, dưới sự chủ tọa của Đức Khâm sứ Tòa Thánh, một thánh lễ đồng tế đã được cử hành do Đức Tổng Giám mục Sài Gòn chủ tế cùng với Đức Tổng Giám mục Huế, 7 Giám mục, 1 Đan viện phụ và trên 40 linh mục.

Tại Qui Nhơn, chiều 20 tháng 05, ngay khi được tin Đức cha từ trần, Hội đồng tư vấn Giáo phận đã nhóm họp và cha Phaolô Huỳnh Đông Các, giám đốc Tiểu chủng viện Qui Nhơn, được bầu làm Nhiếp chính tạm thời cai quản Giáo phận. Ngày hôm sau ngài dẫn đầu một phái đoàn gồm đại diện các linh mục, tu sĩ nam nữ và giáo dân, vào Sài Gòn để đón linh cữu Đức cha về Qui Nhơn. Ngày 23 tháng 05 máy bay đưa linh cữu ngài về Qui Nhơn, đặt tại nhà thờ Chính tòa để mọi người kính viếng. Lễ an táng được cử hành thật long trọng và cảm động ngày 25 tháng 05 do Đức Khâm sứ Henri Lemaitre chủ tế. Cùng đồng tế với ngài có Đức Tổng Giám mục Huế, các Giám mục Đà

Năng, Kontum, Nha Trang, Ban Mê Thuột, Xuân Lộc, các cha Bề trên các Giáo phận và các dòng, tất cả các linh mục Giáo phận Qui Nhơn, các linh mục từ các Giáo phận chung quanh, các linh mục gốc Bắc Ninh, Bùi Chu, Hải Phòng và dòng Đa Minh, các tu sĩ các dòng, các đại diện tôn giáo, nhiều giới chức dân sự và quân sự cùng với đông đảo giáo dân. Sau thánh lễ, linh cửu ngài được rước về Tòa Giám mục và được an táng trong hoa viên trước tiền sảnh.⁶⁶⁷

3. THỜI ĐỨC CHA PHAOLÔ HUỖNH ĐÔNG CÁC (1974-1999)

Ngày 29.07.1974, cha Phaolô Huỳnh Đông Các, Nhiếp chính Giáo phận, được Đức Giáo Hoàng Phaolô VI bổ nhiệm làm Giám mục Chính tòa Giáo phận Qui Nhơn.⁶⁶⁸ Ngày 11.08.1974 ngài được tấn phong Giám mục tại Sài Gòn, cùng với Đức cha Đa Minh Nguyễn Văn Lãng, Giám mục Xuân Lộc, kế vị Đức cha Lê Văn Ấn vừa qua đời, Đức cha Nicola Huỳnh Văn Nghi, Giám mục phụ tá Sài Gòn. Lễ tấn phong do Đức Hồng Y Agnello Rossi, Tổng trưởng Thánh bộ Truyền giáo chủ phong; cùng đồng tế với ngài có Đức Khâm sứ Henri Lemaitre, hai Đức Tổng Giám mục Sài Gòn và Huế và hầu hết các Giám mục miền Nam Việt Nam.



Đức cha Phaolô Huỳnh Đông Các

3.1. Đức cha Phaolô khởi đầu sứ vụ và tình hình Giáo phận

Lễ nhậm chức của Đức tân Giám mục được cử hành trước tiền đường nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn ngày 15.08.1974, nhằm lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, Bồn mạng của giáo xứ Chính tòa. Hiện diện

⁶⁶⁷ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 81, tháng 9 năm 1974, tr. 3-8.

⁶⁶⁸ Đức cha Phaolô Huỳnh Đông Các sinh ngày 03.05.1923 tại Gò Dài, giáo xứ Gò Thị, thụ phong linh mục ngày 17.05.1955. Trước khi làm Giám mục, ngài từng làm cha sở Tịnh Sơn (1955-1956), du học Rôma, Anh, Mỹ (1956-1966), giám đốc Tiểu chủng viện Qui Nhơn (1967-1974).

trong nghi lễ có Đức Hồng Y Tổng trưởng Thánh bộ Truyền giáo, Đức Khâm sứ Tòa Thánh, Đức Tổng Giám mục Sài Gòn, Đức Giám mục Đà Nẵng, Đức Giám mục Nha Trang, Đức Giám mục Xuân Lộc, Đức Giám mục Mỹ Tho, hai Đức Giám mục phụ tá Sài Gòn, các cha Tổng đại diện, các Bề trên dòng, toàn thể linh mục Giáo phận, đông đảo tu sĩ và giáo dân. Buổi chiều cùng ngày, sau khi tiễn đưa các vị thượng khách ra về, Đức tân Giám mục đã cử hành trọng thể thánh lễ đồng tế tại nhà thờ Chính tòa để tạ ơn Thiên Chúa và Đức Mẹ, đồng thời cũng cầu nguyện cho Giáo phận.⁶⁶⁹

Đức cha Phaolô Huỳnh Đông Các bổ nhiệm cha Giuse Phan Văn Hoa làm Tổng đại diện. Tiếp đến Đức cha bắt đầu chương trình kinh lý và thăm các giáo xứ trong toàn Giáo phận. Từ ngày 07 đến 12 tháng 09, Đức cha đi Quảng Ngãi, đến với các giáo xứ và các giáo họ: Quảng Ngãi, Rừng Lãng, Châu Ổ, Bình Liên, Mỹ Tây, An Diêm, Ngọc Tài, Bình Sa, Phú Hòa, Bàu Giang, La Hà, Đông Mỹ, Bò Đề, Mộ Đức, Sông Vệ, Phú Mỹ, Chợ Chùa, trường trung tiểu học Kim Thông, cô nhi viện Quảng Ngãi, cô nhi viện Đức Phổ.⁶⁷⁰

Sau đó, từ ngày 21 đến 24 tháng 9 ngài đi Phú Yên, đến với các giáo xứ và giáo họ: Phú Tân, Tuy Hòa, Đông Mỹ, Đồng Tiến, Củng Sơn, Tịnh Sơn, La Hai, Sông Cầu, trường trung tiểu học Đặng Đức Tuấn, trường tiểu học Thánh Giuse, nhà lạc thiện và cô nhi viện Tuy Hòa, cô nhi viện Măng Lãng. Ngày 28 và 29 tháng 09 ngài đi đến một số giáo xứ và giáo họ phía Bắc tỉnh Bình Định: Bồng Sơn, Hội Đức, Thác Đá, Đại Bình, Phù Mỹ, Nhà Đá, tu viện Dòng Đồng Công ở Nhà Đá.⁶⁷¹

Tổng kết tình hình Giáo phận Qui Nhơn cuối năm 1974.⁶⁷²

- Các Hội đồng và Ban mục vụ: Hội đồng linh mục, Hội đồng mục vụ, Hội đồng tư vấn, Tòa án hôn phối, Ban phụng tự, Ban giáo lý, Ban phát triển, Ban giáo dục Công giáo, Ban cổ võ ơn gọi, Ban truyền bá Phúc Âm, Ban Caritas, Ban truyền thông xã hội.

⁶⁶⁹ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 82, tháng 10 năm 1974, tr. 1-7.

⁶⁷⁰ Cô nhi viện Đức Phổ do các nữ tu Mến Thánh Giá Qui Nhơn điều hành còn gọi là cô nhi viện Rôđô vì do gia đình đại úy Rod người Mỹ tài trợ. Đại úy Rod đã làm cố vấn quân sự tại Đức Phổ và đã tử nạn tại Trà Câu. Vợ ông muốn lập một cô nhi viện tại đây để kỷ niệm.

⁶⁷¹ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 82, tr. 38.

⁶⁷² Lịch Công giáo Giáo phận Qui Nhơn và Đà Nẵng, Năm thánh 1975 Ất mao.

- Các Giáo hạt và giáo xứ: Giáo hạt Quảng Ngãi: 7 giáo xứ, Giáo hạt Qui Nhơn: 26 giáo xứ, Giáo hạt Phú Yên: 7 giáo xứ. Tổng cộng: 40 giáo xứ.

- Các Hội dòng: Dòng Đồng Công, Dòng Thánh Giuse, Dòng Chúa Cứu Thế, Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn, Dòng Thánh Phaolô thành Chartres, Dòng Phan Sinh Thừa Sai Đức Mẹ, Dòng Nữ Tu Y Tế Truyền Giáo.

- Các hội đoàn: Đạo binh Đức Mẹ, Hiệp hội Thánh Mẫu, Thanh sinh công, Giáo chức Công giáo, Hùng tâm Dũng chí.

Trong toàn Giáo phận có 67 linh mục triều, 10 linh mục dòng, 59 đại chủng sinh, 244 tiểu chủng sinh, 31 tu sĩ nam, 314 nữ tu, khoảng 80.000 giáo dân, 2 bệnh viện, 3 nhà dưỡng lão, 7 cô nhi viện, 14 trường trung học, 32 trường tiểu học.

CHƯƠNG II

GIÁO PHẬN QUI NHƠN TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY

Năm 1975 lịch sử Việt Nam bước sang trang mới, đồng thời cũng mở ra một thời kỳ mới cho Giáo Hội Việt Nam nói chung và Giáo phận Qui Nhơn nói riêng, vì những biến cố quân sự và chính trị đã dẫn đến sự thay đổi đời sống xã hội và tôn giáo. Cuộc chiến tranh kéo dài 30 năm đã kết thúc, đất nước được thống nhất với tên gọi mới là Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Tuy nhiên hậu quả của chiến tranh thật là nặng nề, chẳng những về vật chất mà cả về tinh thần lẫn tôn giáo. Trong hoàn cảnh mới này, Giáo phận mất đi một lượng giáo dân đáng kể và số linh mục bị giảm sút nặng nề, nhiều giáo xứ bị xóa sổ, nhiều cơ sở bị tàn phá, Giáo phận Qui Nhơn phải đương đầu với những thách thức lớn lao: làm sao đề cử củng cố đời sống đức tin của dân Chúa, tổ chức lại Giáo phận, phục hồi các giáo xứ, xây dựng lại những cơ sở vật chất bị tàn phá trong chiến tranh, đồng thời phải làm chứng cho đức tin và tiếp tục công cuộc truyền giáo của các thế hệ đi trước, theo định hướng: "Sống Phúc Âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào".⁶⁷³

1. THỜI ĐỨC CHA PHAOLÔ HUỖNH ĐÔNG CÁC (tiếp theo)

Công việc còn đang mới bắt đầu đối với một vị chủ chăn mới của Giáo phận, thì vào tháng 03 năm 1975 chiến sự đến hồi khốc liệt, giáo dân Qui Nhơn ồ ạt di tản vào Nha Trang, Cam Ranh, Sài Gòn. Các linh mục cũng thế, nhất là các linh mục trẻ. Tuy nhiên Đức cha Phaolô Huỳnh Đông Các và cha Tổng đại diện Giuse Phan Văn Hoa và một số linh mục vẫn còn ở lại Giáo phận. Lễ Phục sinh 1975 tại Giáo phận Qui Nhơn không còn bao nhiêu người tham dự và chỉ cử hành tại những nơi còn linh mục ở lại.⁶⁷⁴

⁶⁷³ Thư chung Hội đồng Giám mục Việt Nam gửi toàn thể linh mục, tu sĩ và giáo dân trong cả nước, ngày 01.05.1980, số 14.

⁶⁷⁴ Trong thời kỳ này Bản thông tin của Giáo phận không còn tiếp tục, các tài liệu rất ít, nên những sự kiện được ghi lại ở đây phần lớn dựa vào những tài liệu do

1.1. Từ ngày 30.04.1975 đến thời kỳ đất nước đổi mới

Ngày 30.04.1975, chiến tranh kết thúc, đất nước bước sang trang mới của thời hậu chiến với sự thống nhất hai miền Nam - Bắc và công cuộc hòa giải, tái thiết đất nước. Cùng với việc thống nhất đất nước, các tỉnh, huyện, cũng được sáp nhập với nhau và mang những tên ghép: tỉnh Quảng Nghĩa và tỉnh Bình Định được nhập lại thành tỉnh Nghĩa Bình với trung tâm hành chính đặt tại Quy Nhơn, tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa nhập lại thành tỉnh Phú Khánh với trung tâm hành chính đặt tại Nha Trang. Như vậy Giáo phận Quy Nhơn gồm tỉnh Nghĩa Bình và một nửa tỉnh Phú Khánh.

Sau ngày 15.05.1975, phần lớn các linh mục di tản đã trở về Giáo phận. Tuy nhiên cũng có một số linh mục không trở lại Giáo phận nữa vì di tản sang nước ngoài, vì sự nguy hiểm cá nhân, vì phải đi cải tạo hay xin nhập tịch các Giáo phận khác như trường hợp của một số linh mục gốc Bắc di cư và các tu sĩ Dòng Đồng Công.⁶⁷⁵ Tuy nhiên có một số linh mục trước đây làm việc ở Đà Nẵng nay xin về lại Quy Nhơn, như các cha Bônaventura Nguyễn Văn An, Phanxicô Xaviê Nguyễn Xuân Văn và Giacôbê Nguyễn Thành Tri. Số linh mục còn 46 vị, kể cả các cha già hưu.



Linh mục Quy Nhơn tỉnh tâm năm 1977

Về phía giáo dân, một số lớn đã hồi cư, nhất là tại những giáo xứ thành phố, thị trấn hay vùng phụ cận, và có linh mục coi sóc. Nhiều nhà thờ bị bỏ hoang hoặc bị trưng dụng. Một số giáo dân phần lớn

linh mục Phêrô Huỳnh Kim Lăng ghi chép lại theo yêu cầu của Đức Giám mục Giáo phận.

⁶⁷⁵ Từ đầu tháng 09 năm 1974, nhà mẹ Dòng Đồng Công tại Nhà Đá đã chuyển về lại Thủ Đức. Trước ngày 30.04.1975 tất cả các tu sĩ còn lại tại Nhà Đá, Phù Mỹ và Qui Đức cũng đều di tản vào Nam và không trở lại Giáo phận Quy Nhơn.

thuộc các giáo xứ miền quê không hồi cư vì sợ, hoặc vì nhà cửa bị chiến tranh tàn phá, hoặc vì nay đã có điều kiện lập nghiệp ở các nơi khác ngoài Giáo phận. Vì thế số giáo dân trong toàn Giáo phận chỉ còn khoảng 43.000, so với số 80.000 trước ngày 30 tháng 4, kể như mất đi gần một nửa.

Nhiều giáo xứ không còn giáo dân hoặc cơ sở bị tiêu hủy nên không có linh mục, trong số đó có những giáo xứ trước đây rất lớn và kỳ cựu. Tại Giáo hạt Quảng Ngãi có: Phú Vang, Tân Lộc, Trung Tín, Cù Và, Châu Me, Kỳ Tân, Trà Câu. Tại Giáo hạt Bình Định có: Gia Hựu, Đồng Quả, Gia Chiểu, Đồng Dài, Nhà Đá, Nước Nhì, Cây Rỏi, Đại An, Hòa Bình, Lạc Điền, Phú Phong. Trong số những tín hữu Gia Hựu đã di tản, gần như không một ai trở về quê quán và Gia Hựu trở thành một trong những giáo xứ điêu tàn nhất của Giáo phận. Tại Giáo hạt Phú Yên may mắn không mất giáo xứ nào. Như vậy số giáo xứ bị mất phần lớn ở Giáo hạt Quảng Ngãi và Bắc Bình Định.

Trong toàn Giáo phận còn 32 giáo xứ có linh mục coi sóc. Giáo hạt Quảng Ngãi còn 4 giáo xứ : Châu Ổ, Phú Hòa, Quảng Ngãi, Bàu Gốc.⁶⁷⁶ Giáo hạt Bình Định còn 21 giáo xứ: Hội Đức (Bồng Sơn), Đại Bình, Phù Cát, Nam Bình,⁶⁷⁷ Kim Châu, Sông Cạn, Trường Cửu, Mỹ Thạch, Vườn Vông, Gò Thị, Tân Dinh, Phú Thạnh, Ngọc Thanh, Qui Đức, Qui Hòa, Xuân Quang, Qui Hải, Qui Hiệp, Đồng Tiến, Hòa Ninh, Chính tòa. Giáo hạt Phú Yên có 7 giáo xứ: Sông Cầu, Măng Lãng, Đồng Tre, Tuy Hòa, Đông Mỹ, Hoa Châu, Tịnh Sơn. Từ đó đến vài năm sau, vì thiếu linh mục coi sóc, một số giáo xứ không còn sinh hoạt và phải sáp nhập vào các giáo xứ lân cận, hay được các cha xứ lân cận kiêm nhiệm như: Hội Đức (Bồng Sơn), Vườn Vông, Công Chánh, Phú Thạnh, Qui Hải.⁶⁷⁸

⁶⁷⁶ Giáo xứ Châu Ổ bao gồm cả giáo xứ Trung Tín; giáo xứ Phú Hòa bao gồm cả các giáo xứ Cù Và, Tân Lộc và Bình Đông; giáo xứ Quảng Ngãi bao gồm cả các giáo xứ Châu Me và Kỳ Tân; giáo xứ Bàu Gốc bao gồm cả giáo xứ Trà Câu.

⁶⁷⁷ Giáo xứ Hội Đức bao gồm cả giáo xứ Gia Hựu (nhà thờ Hội Đức bị chiến tranh tàn phá bình địa trong thập niên 1960-1970, nên cha sở và mọi sinh hoạt giáo xứ đều tập trung tại Bồng Sơn, vì vậy giáo xứ Hội Đức còn được gọi là giáo xứ Bồng Sơn); giáo xứ Đại Bình bao gồm cả các giáo xứ Nước Nhì, Đồng Quả, Gia Chiểu, Đồng Dài; giáo xứ Phù Cát bao gồm các giáo xứ Đại An và Nhà Đá; giáo xứ Nam Bình bao gồm cả các giáo xứ Lạc Điền và Hòa Bình.

⁶⁷⁸ Giáo xứ Hội Đức (Bồng Sơn) được sáp nhập vào giáo xứ Đại Bình sau khi cha xứ Phêrô Nguyễn Kỳ Hội qua đời năm 1984 và nhà thờ, nhà xứ bị trưng dụng; giáo xứ Qui Hải được sáp nhập vào giáo xứ Qui Hiệp khi trung tâm Đại chủng viện tại Vi Nhân được giao cho Nhà nước vào năm 1978; giáo xứ Vườn Vông được cha

Do tình trạng trên, tại các vùng quê nhiều giáo dân sống rất xa nhà thờ giáo xứ, có nơi đến 50 cây số, lại thêm đường sá khó khăn, thiếu phương tiện di chuyển, nên không thể đến nhà thờ dự lễ Chúa nhật thường xuyên. Đó là chưa kể những khó khăn chủ quan và khách quan khác. Về phần các linh mục đang phục vụ tại các giáo xứ, nhất là tại Quảng Ngãi và Bắc Bình Định là những nơi có ít giáo dân, hầu hết không có cha phó, thầy xứ và các nữ tu giúp đỡ, nên một mình làm hết mọi việc mục vụ. Mỗi cha tùy sáng kiến của mình đã khéo léo tổ chức những chương trình mục vụ cho giáo xứ. Việc các cha xứ đi thăm giáo dân cũng gặp nhiều khó khăn trở ngại, không những vì giáo xứ quá rộng lớn bao gồm những giáo dân sống rải rác trong nhiều huyện xã khác nhau, mà còn nhiều lý do khác nữa.

Trước đây Giáo phận có nhiều ruộng đất để canh tác lấy hoa lợi phục vụ các nhu cầu của Giáo phận. Đó là ruộng đất nhà chung để phục vụ các nhu cầu chung của Giáo phận, ruộng đất của các giáo xứ và giáo họ để phục vụ các nhu cầu của giáo xứ và giáo họ, ruộng đất nhà trường tức ruộng đất hội Phaolô Châu để phục vụ việc đào tạo các chủng sinh. Ngoài ruộng đất để canh tác, Giáo phận còn có các bờ cá để nuôi trồng thủy sản. Nguồn gốc của các ruộng đất và bờ cá ấy là do Giáo phận xuất tiền ra tạo mãi hoặc do các ân nhân dâng cúng.⁶⁷⁹ Thêm vào đó, Giáo phận nói chung và các giáo xứ, dòng tu nói riêng, còn có những nguồn thu nhập khác từ các trường học, các nhà cửa cho thuê lấy lời như cư xá nhà chung, kho nhà chung, building Gia Long ở Sài Gòn, v.v.

Sau năm 1975, ruộng đất nhà chung, nhà trường và của các giáo xứ, giáo họ, bị truất hữu hầu hết, chỉ để lại một ít không đủ phục vụ nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của Giáo phận. Các trường học bị quốc hữu hóa, các cơ sở sinh lời khác cũng không còn được sử dụng. Đây cũng là tình trạng chung của cả miền Nam Việt Nam. Vì thế, trong khi Giáo Hoàng Học Viện Piô X Đà Lạt còn tiếp tục hoạt động cho đến tháng 08 năm 1977 với một số lượng đại chủng sinh hạn chế, thì Đại chủng

xứ Nam Bình kiêm nhiệm sau khi cha xứ Phaolô Nguyễn Xuân Bàn qua đời năm 1977; giáo xứ Công Chánh được cha xứ Tân Dinh kiêm nhiệm từ năm 1975; giáo xứ Phú Thạnh được cha xứ Ngọc Thạnh kiêm nhiệm từ năm 1977.

⁶⁷⁹ Trước đây hầu hết các giáo xứ và giáo họ đều có ruộng đất, nhất là những giáo xứ và giáo họ kỳ cựu, trung bình mỗi họ nhánh không dưới ba mẫu ta, mỗi sở chính không dưới năm mẫu ta. Đó là nói chung, còn có nhiều vùng như Bắc Bình Định ruộng đất của toàn giáo xứ (gồm sở chính và các họ nhánh) có khi lên đến năm mươi hoặc sáu mươi mẫu ta, vì mỗi giáo xứ có trên 10 họ nhánh.

viện Xuân Bích Huế không thể tiếp tục thu nhận các chủng sinh từ các Giáo phận khác gửi đến vì không đủ khả năng tài chánh. Do đó tất cả các đại chủng sinh Giáo phận Qui Nhơn đang học tại Đại chủng viện Xuân Bích Huế và Đại chủng viện Hòa Bình Đà Nẵng (phân trường triết lý của Đại chủng viện Xuân Bích), cũng như một số ít đại chủng sinh học ở Giáo Hoàng Học Viện Piô X Đà Lạt, phải học tại Giáo phận nhà.

Đứng trước hoàn cảnh khó khăn như thế, Đức cha quyết định chỉ giữ lại hai lớp 11 và 12 của Tiểu chủng viện Qui Nhơn, các thầy triết học được đưa về trung tâm Làng Sông,⁶⁸⁰ các thầy giúp xứ được đưa về trung tâm Long Mỹ,⁶⁸¹ còn các thầy thần học được đưa về trung tâm Vi Nhân (tức Đại chủng viện Qui Nhơn cũ),⁶⁸² vào cuối năm 1975 thì lập thêm trung tâm Măng Lăng gồm một số thầy thần học và triết học. Mỗi trung tâm sẽ có kế hoạch sản xuất để tự nuôi sống và học hành.⁶⁸³ Ngày 06.04.1978 trung tâm Vi Nhân phải đưa về trung tâm Tiểu chủng viện, cơ sở giao cho Nhà Nước để mở Đại học sư phạm.⁶⁸⁴ Trường Trinh Vương cũng bị quốc hữu hóa, chỉ còn dãy nhà phía Tây

⁶⁸⁰ Gồm các thầy vừa học xong lớp 12 niên khóa 1974-1975 tại Tiểu chủng viện Qui Nhơn. Sau đó thêm các thầy từ trung tâm Long Mỹ và các thầy giúp xứ trở về.

⁶⁸¹ Gồm các thầy thuộc ba lớp triết học tại Đại chủng viện Hòa Bình, Đà Nẵng, trừ một số thầy được Đức cha đưa đi giúp xứ tại Gò Thị, Kim Châu, Tân Dinh, Mỹ Thạch. Do cuộc sống vất vả và cơ cực lại thiếu điều kiện học hành và tu đức, nên một số thầy đã xin về với gia đình. Vì vậy vào cuối năm 1975 Đức cha đã quyết định giải thể trung tâm này và đưa các thầy về trung tâm Làng Sông, một ít thầy về trung tâm Măng Lăng, một thầy về trung tâm Vi Nhân.

⁶⁸² Gồm các thầy thần học tại Đại chủng viện Xuân Bích Huế và một vài thầy thuộc Giáo Hoàng Học Viện Piô X Đà Lạt.

⁶⁸³ Trung tâm Tiểu chủng viện Qui Nhơn do cha Inhaxiô Huỳnh Đắc Nhì làm giám đốc; học văn hóa và tu đức; lao động: trồng rau tại nhà và tham gia sản xuất muối tại Đông Định. Trung tâm Làng Sông do cha Anrê Huỳnh Thanh Khương làm giám đốc, cha Phêrô Nguyễn Văn Kính làm quản lý; học triết và tu đức; lao động: làm ruộng và trông coi bờ cá. Trung tâm Long Mỹ được giao cho cha Micae Nguyễn Tri Phương, chánh xứ Phú Thạnh, phụ trách; tự học theo tài liệu Tòa Giám mục gửi đến; lao động: làm rẫy. Trung tâm Vi Nhân do cha Phêrô Nguyễn Soạn làm giám đốc; học thần học; lao động: sản xuất bún mì số 8. Trung tâm Măng Lăng do cha Phanxicô Xaviê Nguyễn Xuân Văn, chánh xứ Măng Lăng, phụ trách; học tu đức và thần học theo tài liệu của Tòa Giám mục; lao động: làm ruộng.

⁶⁸⁴ Sau ngày 30.04.1975, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình muốn quản lý cơ sở này như một trường trung học, nhưng Tòa Giám mục không chấp nhận, vì từ trước đây là Đại chủng viện, chỉ cho các sư huynh La San mượn để mở trường năm 1963. Tuy nhiên cuối cùng Giáo phận cũng phải giao cho Ủy ban tỉnh để mở trường đại học, trừ nhà nguyện. Nhưng ngày nay một phần đất được cấp hay hóa giá cho dân để xây cất nhà ở.

và khuôn viên phía sau trường được giữ lại làm cơ sở Nhà mẹ của dòng. Các đệ tử bị giải tán và trở về gia đình, một số có gia đình ở gần thì được ở lại cách kín đáo.

Năm 1976, chiếu theo năng quyền đặc biệt được Tòa Thánh ban cho các Giám mục chính trong hoàn cảnh mới, Đức cha Phaolô Huỳnh Đông Các đã chọn cha Tổng đại diện Giuse Phan Văn Hoa làm Giám mục phó.⁶⁸⁵ Lễ tấn phong Giám mục được cử hành cách đơn giản tại nhà nguyện Tiểu chủng viện Qui Nhơn ngày 30.03.1976 như một thánh lễ ngày thường. Trong thư thông báo, Đức cha Phaolô đã viết: "Nghĩ lễ tấn phong diễn ra trong một bầu không khí đơn giản và khiêm tốn làm cho chúng ta suy nghĩ về nhiệm vụ 'onus' của Đức tân Giám mục, hơn là về phẩm chức 'honor' của người lãnh nhận".⁶⁸⁶ Ngài vẫn tiếp tục kiêm nhiệm chánh xứ giáo xứ Chính tòa. Cuối năm 1976 Đức cha Giuse bị tai biến mạch máu não vì áp huyết cao, từ đó sức khỏe xuống dần, đi đứng khó khăn, thần kinh không ổn định, cuối cùng toàn thân tê liệt.

Theo chủ trương chính sách của Nhà nước, trường học, bệnh viện, cô nhi viện,... phải giao cho Nhà nước quản lý. Bệnh viện Thánh Gia được Nhà nước quốc hữu hóa và biến thành Quân y viện, nay là bệnh viện đa khoa thành phố. Ngày 25.06.1976, bệnh viện phong Qui Hòa do các nữ tu Phan Sinh điều hành cũng được giao cho Bộ Y tế và được gọi là Khu điều trị phong Qui Hòa. Theo yêu cầu của Nhà nước, các nữ tu tiếp tục làm việc tại đây, nhưng với tư cách công nhân viên trong một số lãnh vực chuyên môn. Dần dần các nữ tu đến tuổi về hưu hay được nhà dòng chuyển đi nơi khác và các nhân viên y tế khác đã thế chỗ các nữ tu. Tuy nhiên các nữ tu tập trung phục vụ các bệnh nhân và gia đình họ bằng việc chăm sóc, viếng thăm, an ủi, xin sự trợ giúp của các nhà hảo tâm và những tổ chức từ thiện, tạo quỹ tín

⁶⁸⁵ Đức cha Giuse Phan Văn Hoa sinh ngày 17.08.1922 tại Lục Lễ, Bình Định, thụ phong linh mục ngày 17.05.1955. Trước khi lên chức Giám mục phó, ngài từng làm cha phó tại nhà thờ núi Nha Trang và coi sở Hoàng Phước (1955-1957), cha sở Đồng Tre (1957-1967), quản lý Giáo phận (1967-1974), Tổng đại diện (1974-1975).

⁶⁸⁶ Lễ tấn phong được cử hành ngày 30.03.1976, nhưng đến ngày 05.04.1976 Đức cha Phaolô mới gửi thư thông báo, trong đó có đoạn viết: "Đáng lẽ tôi tin cho các cha và tất cả anh chị em hay trước để cùng nhau cầu nguyện, về dự lễ tấn phong và vui mừng cùng nhau. Nhưng vì Đức Giám mục phó muốn làm theo khẩu hiệu của người là 'mitis et humilis' với hình 'con chiên', nên lễ tấn phong đã được cử hành sáng ngày 30.03.76 tại nguyện đường Tiểu chủng viện Qui Nhơn như một thánh lễ thường ngày". Toàn văn thư thông báo được đăng lại trong *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 185, tháng 9 năm 2013, tr. 848.

dụng giúp vốn làm ăn, giúp phương tiện đưa đón các con em bệnh nhân đi học, giúp học bổng cho các em học đại học hoặc học nghề, dạy giáo lý cho các thiếu nhi Công giáo, v.v.

Từ năm 1975, các trường tư thực Công giáo đều bị công lập hóa nên không còn việc học giáo lý tại trường như trước kia. Các cha tổ chức dạy giáo lý cho thanh thiếu niên vào ngày Chúa nhật tại nhà thờ. Với nghị quyết 297/CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 11.11.1977 các lớp giáo lý tại nhà thờ phải xin phép chính quyền. Đức cha chỉ đạo các cha xứ dạy giáo lý kết hợp với việc cử hành thánh lễ: trước thánh lễ dạy cho người lớn và sau thánh lễ dạy cho các em thiếu nhi. Để đáp ứng nhu cầu dạy giáo lý trong thời kỳ khó khăn này, Đức cha đã âm thầm cho soạn bộ *Giáo lý sống đạo* của Giáo phận, gồm ba phần tín lý, luân lý và Bí tích, tương đối xuôi và dễ đọc, để thay thế quyển *Thánh giáo yếu lý* của nhà in Tân Định không còn được xuất bản nữa. Ngoài ra còn có quyển *Giáo lý qua lời ca* bằng thơ lục bát do linh mục Phêrô Võ Tá Khánh, tức thi sĩ Trăng Thập Tự, biên soạn cho các em nhỏ. Từ năm 1975 đến 1990 Đức Giám mục không thể đi kinh lý, thăm viếng và ban Bí tích thêm sức tại các giáo xứ trong Giáo phận, nên các giáo xứ phải đưa các em về nhà thờ Chính tòa để lãnh nhận Bí tích thêm sức.

Năm 1979, theo chính sách kinh tế mới của Nhà nước, nhiều gia đình Công giáo tại các thị xã và cả nông thôn đã được đưa đến lập nghiệp tại các vùng kinh tế mới ở Tây Nguyên hay Lâm Đồng, khiến cho Giáo phận lại mất thêm một số giáo dân. Nhưng bù lại, một số đồng giáo dân từ Cam Ranh được chính quyền đưa ra xây dựng vùng kinh tế mới tại Đa Lộc thuộc giáo xứ Đồng Tre,⁶⁸⁷ tại Sơn Nguyên thuộc giáo xứ Tịnh Sơn, tại Sơn Giang thuộc giáo xứ Hoa Châu, vì trong thời kỳ ấy tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa được nhập lại thành tỉnh Phú Khánh. Ngoài ra cũng có một số đồng bào Công giáo từ Măng Lăng, Cam Ranh, Huế, Bắc, đến lập nghiệp tại vùng núi phía Tây Nam tỉnh Phú Yên, nay là huyện Sông Hinh. Những cộng đoàn này đã ngày thêm lớn mạnh và trong tương lai sẽ trở thành những giáo xứ mới.

Từ ngày 24 đến 30.04.1980, Hội đồng Giám mục lần đầu tiên họp tại thủ đô Hà Nội và ra thư chung khẳng định đường hướng mục

⁶⁸⁷ Từ thập niên 50-60 tại Đa Lộc đã có một số ít giáo dân, nhưng từ mùng 08 Tết năm 1979 nhiều người từ Cam Ranh được chính quyền đưa đến đây để xây dựng vùng kinh tế mới, trong số đó có những người Công giáo.

vụ: "Sống Phúc Âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào". Đây là một bức thư lịch sử mang tính định hướng cho Giáo Hội tại Việt Nam trong thời kỳ đất nước thống nhất nhưng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn. Bức thư được biên soạn theo tinh thần của Công đồng Vaticanô II và đã góp phần nâng đỡ tinh thần dân Chúa đang hoang mang trước những khó khăn thách đố, đồng thời cổ vũ mọi thành phần dân Chúa tích cực tham gia vào việc làm chứng cho Tin Mừng bằng cuộc sống đức tin, đức cậy và đức ái trước mặt mọi người, thay vì tự giam mình trong một cuộc sống khép kín, sợ hãi và đầy mặc cảm.

Tháng 05 năm 1980, Thủ tướng chính phủ gửi đến các Tòa Giám mục trong cả nước một thông tư về việc cho phép mở sáu Đại chủng viện tại ba Giáo tỉnh, mỗi Đại chủng viện sẽ tiếp nhận các chủng sinh của một số Giáo phận lân cận. Vì lý do đó, ngày 15.08.1983 chính quyền trung ương ra lệnh giải thể các Đại chủng viện tại tất cả các Giáo phận. Thế là các trung tâm Đại chủng viện tại Qui Nhơn và Làng Sông bị giải thể sau 8 năm tu học. Trong thời gian qua, các thầy vừa lao động sản xuất, vừa học triết học và thần học, đến thời điểm ấy chương trình học cũng tạm xong. Các thầy tại trung tâm chủng viện Qui Nhơn và chủng viện Làng Sông phải về với gia đình, nhưng vì phần lớn gia đình các thầy đang sinh sống ở ngoài Giáo phận do cuộc di tản trước đó, nên một số đã đổi hướng, một số xin nhập vào các Giáo phận gia đình họ đang sinh sống, một số ít chờ ngày trở về Giáo phận. Chỉ còn 5 thầy được giữ lại để phục vụ tại Tòa Giám mục, chủng viện và nhà thờ Chính tòa, và một ít thầy tại trung tâm Măng Lăng.

Cho đến lúc ấy Đức cha phó Giuse Phan Văn Hoa vẫn kiêm nhiệm chánh xứ giáo xứ Chính tòa, nhưng sức khỏe của ngài ngày càng yếu. Từ ngày 01.10.1987 ngài hoàn toàn hôn mê và qua đời ngày 06.10.1987, hưởng thọ 65 tuổi, sau 32 năm linh mục và 11 năm trong cương vị Giám mục phó. Thánh lễ an táng được cử hành tại nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn ngày 08 tháng 10 do Đức cha Phaolô Huỳnh Đông Các, Giám mục giáo phận, chủ sự; có Đức cha Phaolô Nguyễn Văn Hòa, Giám mục Nha Trang, đồng tế và giảng lễ, và các linh mục trong Giáo phận cùng đồng tế. Ngài được an táng tại triền núi phía Tây nghĩa trang liệt sĩ thành phố Qui Nhơn. Năm 1999 hài cốt ngài được cải táng về nghĩa trang linh mục Làng Sông. Sau khi Đức cha phó qua đời, Đức cha Phaolô tạm thời cai quản giáo xứ Chính tòa cho đến năm 1992.

1.2. Giáo phận bước vào thời kỳ đất nước đổi mới

Từ cuối năm 1986 Việt Nam chuẩn bị bước vào thời kỳ đổi mới, nhưng sự chuyển mình vào cuộc đổi mới chỉ được tiến hành từng bước. Đặc trưng của sự đổi mới này là một thái độ cởi mở hơn về phương diện kinh tế theo hướng thị trường để có thể hội nhập vào nền kinh tế thế giới, như một phương thể đưa đất nước ra khỏi thời kỳ kiệt quệ của thời hậu chiến với chính sách kinh tế tập thể không thành công. Cùng với sự hội nhập vào nền kinh tế thế giới, đất nước cũng bắt đầu cởi mở về phương diện chính trị, xã hội và tôn giáo. Trong bản hiến pháp của nước Việt Nam, tôn giáo đã được nhìn nhận như một nhu cầu của người dân. Giáo Hội Việt Nam cũng được phép lần lượt mở lại các Đại chủng viện Hà Nội, Sài Gòn, Cần Thơ, Vinh Thanh, Nha Trang và Huế, để đào tạo hàng giáo sĩ nhằm đáp ứng nhu cầu mục vụ trong cả nước.

Chính trong bầu khí cởi mở vừa mới bắt đầu như thế, một sự kiện quan trọng của Giáo Hội Công giáo đã xảy ra. Đầu năm 1988, đài Vatican loan báo Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, theo đơn xin của Hội đồng Giám mục Việt Nam, đã quyết định phong Hiển thánh cho 117 Chân phước tử đạo Việt Nam vào ngày 19.06.1988.⁶⁸⁸ Quyết định này đã gây ra một số phản ứng về phía chính quyền Việt Nam và đã có những cuộc hội nghị chuyên đề về vấn đề này, cũng như những tranh cãi trên các phương tiện truyền thông xã hội. Tuy nhiên, cuối cùng lễ phong thánh vẫn diễn ra tại Rôma đúng ngày dự định. Hội đồng Giám mục Việt Nam chọn ngày 24 tháng 11 hằng năm làm ngày lễ trọng thể kính các ngài, vì ngày 24.11.1960 Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII đã ban hành Tông hiến *Venerabilium Nostorum* thiết lập Hàng Giáo phẩm Công giáo Việt Nam, qua đó Giáo Hội Việt Nam được công nhận là một Giáo Hội đã phát triển và trưởng thành với trên sáu triệu tín hữu, được coi như một mùa lúa bội thu phát sinh từ những hạt lúa được gieo vào lòng đất Việt Nam và bị mục nát đi là các vị tử đạo tại Việt Nam. Trong số 117 vị Thánh được tôn phong, Giáo phận Qui Nhơn có 3 vị, đó là Thánh Phanxicô Isidore Gagelin Kính, linh mục, tử đạo ngày 17.10.1833; Thánh Anrê Nguyễn Kim Thông, trùm cả, tử

⁶⁸⁸ Các vị đã được tôn phong Chân phước trong 4 đợt: Ngày 27.05.1900 Đức Giáo Hoàng Lêô XIII tôn phong 64 vị, trong số đó có Chân phước Phanxicô Isidore Gagelin Kính; Đức Giáo Hoàng Piô X tôn phong 8 vị ngày 20.05.1906 và 20 vị ngày 02.05.1909 trong số đó có Chân phước Stêphanô Cuénot Thể đứng đầu danh sách và Chân phước Anrê Nguyễn Kim Thông; ngày 29.04.1951 Đức Giáo Hoàng Piô XII tôn phong 25 vị.

đạo ngày 15.07.1855 và Thánh Stêphanô Théodore Cuénot Thê, Giám mục, tử đạo ngày 14.11.1861.



Thánh Phanxicô Kính

Thánh Stêphanô Thê

Thánh Anrê Nguyễn Kim Thông

Năm 1989, các tỉnh trước đây được sáp nhập nay lại được tách ra như cũ và Giáo phận Qui Nhơn lại gồm ba tỉnh: Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên. Căn cứ chính sách cởi mở về tôn giáo vừa được Nhà nước khởi đầu, Tòa Giám mục đã làm đơn xin truyền chức linh mục cho một số thầy để đáp ứng nhu cầu mục vụ trong Giáo phận. Chính quyền ba tỉnh đã chấp thuận cho mỗi tỉnh được một linh mục mới. Tỉnh Quảng Ngãi có linh mục Grêgôriô Văn Ngọc Anh, tỉnh Bình Định có linh mục Matthêô Nguyễn Văn Khôi và tỉnh Phú Yên có linh mục Giuse Trương Đình Hiền. Lễ truyền chức được cử hành trọng thể tại nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn ngày 10.05.1989 do Đức cha Phaolô Huỳnh Đông Các chủ sự, với sự đồng tế của các linh mục trong và ngoài Giáo phận, và sự tham dự đông đảo của các tu sĩ nam nữ, chủng sinh và anh chị em giáo dân. Đây là thánh lễ truyền chức

linh mục đầu tiên sau 14 năm gián đoạn kể từ năm 1975, mở màn cho những lần truyền chức kế tiếp.⁶⁸⁹

Để chuẩn bị mừng kỷ niệm 50 năm xây dựng nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn (1939-1989), từ đầu năm 1989, Đức cha Phaolô đã cho xây tường rào, cổng ngõ, khang trang từ trước mặt nhà thờ đến Tòa Giám mục, lát đá tấm bê tông khuôn viên của hai cơ sở quan trọng này. Do hoàn cảnh còn nhiều khó khăn, thánh lễ tạ ơn mừng kỷ niệm được tổ chức đơn giản vào ngày 10.12.1989, nhưng có sự hiện diện của các Đức Giám mục Nha Trang, Kontum và Huế.

Sau khi thời thế có phần cởi mở, Đức cha thường đi thăm các giáo xứ và ban phép Bí tích cho các em thiếu nhi. Năm 1991, nghị định 69 của Hội đồng Bộ trưởng cho phép mở các lớp giáo lý tại nhà thờ. Đức cha cho lập ban giáo lý Giáo phận và tổ chức dạy giáo lý ở các nhà thờ. Phong trào dạy và học giáo lý lên mạnh trong toàn Giáo phận, nhất là khi Giáo phận bắt đầu mở các khóa đào tạo giáo lý viên có cấp chứng chỉ và biên soạn sách giáo lý theo từng độ tuổi: giáo lý khai tâm dành cho các em xưng tội rước lễ lần đầu, giáo lý căn bản dành cho các em chịu phép thêm sức, giáo lý sống đạo, giáo lý dự tòng và giáo lý hôn nhân. Chương trình giáo lý phổ thông gồm 12 năm, phân làm 3 cấp, mỗi cấp 4 năm theo các lớp ở trường học Nhà nước: cấp khai tâm cho các em từ lớp 1 đến lớp 4, cấp căn bản cho các em từ lớp 5 đến lớp 8, cấp sống đạo cho các em từ lớp 9 đến lớp 12. Tại mỗi giáo xứ, các em được chia ra thành từng lớp theo độ tuổi, có các nữ tu và giáo lý viên đứng lớp. Việc dạy giáo lý dự tòng và hôn nhân thường do các cha, các thầy hay các nữ tu phụ trách. Thường trong các kỳ hè mỗi giáo xứ đều có những cuộc thi giáo lý rất hào hứng.

Từ sau năm 1975 đến 1992, tức là suốt 17 năm, vì hoàn cảnh xã hội nên chủng viện không thể chiêu sinh các ứng sinh mới. Ngày 31.12.1991, Đại chủng viện Sao Biển Nha Trang khai giảng khóa I (1991-1997) cho các chủng sinh các Giáo phận Nha Trang, Qui Nhơn và Ban Mê Thuột. Nhưng đến tháng 04 năm 1992 Giáo phận Qui Nhơn mới gửi được 8 chủng sinh. Các chủng sinh đã từng theo học tại

⁶⁸⁹ Sau khi hai cha Phêrô Nguyễn Công Sanh và Phêrô Đặng Sơn được Đức cha Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, Giám mục Giáo phận Nha Trang, truyền chức linh mục tại Nha Trang ngày 01.04.1975, còn có 4 cha được Đức cha Phaolô Huỳnh Đông Các truyền chức linh mục tại Qui Nhơn vào ba lần khác nhau trong năm 1975: cha Giuse Võ Đình Sen, cha Phaolô Lê Văn Nhơn, hai cha Phêrô Võ Tá Khánh và Matthia Huỳnh Ngọc Luận. Từ đó không có cuộc truyền chức linh mục nào nữa cho đến năm 1989.

các trung tâm chủng viện của Giáo phận trước đây không được gửi vào Đại chủng viện Sao Biển, nhưng cứ ở nhà chờ ngày thụ phong linh mục, phần lớn là những chủng sinh đang ở trong Giáo phận, và một ít chủng sinh đang ở ngoài Giáo phận nhưng đã được nhập cư vào Giáo phận. Theo quy định của Nhà nước, mỗi Giáo phận chỉ được gửi 10 ứng sinh vào Đại chủng viện, theo chu kỳ 2 năm một lần, và các ứng sinh phải được sự chấp thuận của chính quyền tỉnh. Dù sao thì từ đây việc đào tạo linh mục cũng được ổn định để bảo đảm vấn đề nhân sự cho Giáo phận trong tương lai. Đức Giám mục cũng gửi linh mục du học nước ngoài để chuẩn bị nhân sự có trình độ cao cho Giáo phận.⁶⁹⁰

Ngày 15.08.1992 cha Phêrô Nguyễn Soạn được bổ nhiệm làm Tổng đại diện kiêm chánh xứ giáo xứ Chính tòa Qui Nhơn. Trong thời gian tiếp theo, cha Tổng đại diện phải phụ giúp Đức cha Phaolô cai quản Giáo phận ngày càng nhiều, vì từ tháng 03 năm 1993 Đức cha Phaolô bị tai biến mạch máu não và phải nằm ở bệnh viện Thống Nhất Sài Gòn cho đến đầu năm 1994 mới trở về Qui Nhơn, và từ lúc đó sức khỏe của ngài rất bấp bênh vì nhiều chứng bệnh.

Tháng 07 năm 1995, Đức cha Phaolô thành lập giáo xứ Lý Sơn, tách ra từ giáo xứ Châu Ô, gồm các tín hữu trong địa bàn huyện đảo Lý Sơn, tức Cù Lao Ré, tỉnh Quảng Ngãi, cách xa đất liền khoảng 18 hải lý. Đây là giáo xứ thứ 34 của Giáo phận Qui Nhơn vào thời điểm ấy và cha sở tiên khởi là linh mục Micae Trương Văn Hành, Dòng Chúa Cứu Thế. Huyện đảo Lý Sơn đã đón nhận Tin Mừng lần đầu tiên vào năm 1959 do ông Dương Minh Giảng, thành viên của Công giáo tiến hành Giáo hạt Quảng Ngãi. Trên con đường tiến lên giáo xứ, cộng đoàn Lý Sơn đã trải qua biết bao thăng trầm, sóng gió, nhưng cũng chứng kiến biết bao hy sinh, kiên nhẫn của anh chị em giáo dân và các linh mục, tu sĩ, Dòng Chúa Cứu Thế.

Cùng với việc xây dựng tinh thần qua các chương trình giáo lý, đào tạo chủng sinh, thăm viếng các giáo xứ và ban Bí tích thêm sức cho các em thiếu nhi, Đức cha Phaolô còn quan tâm đến việc trùng tu và tái thiết các cơ sở vật chất của Giáo phận đã bị hoang tàn đổ nát. Chủng viện Làng Sông là nơi bao thế hệ linh mục đã được đào tạo đã bị hoang phế vì chiến tranh, nay Đức cha cho tu bổ lại và đặt cha Phêrô Nguyễn Quang Báu thường trực ở đó để coi sóc. Đồng thời Đức

⁶⁹⁰ Ngày 01.10.1996 cha Vinh Sơn Nguyễn Văn Bản được gửi sang Paris, Pháp, để học thần học Thánh Kinh tại Institut Catholique de Paris.

cha cũng chỉnh trang nghĩa trang linh mục gần chủng viện, cải táng về đó hài cốt các Giám mục và linh mục được an táng tại các địa phương, nhưng nay mồ mã của các vị không có người chăm sóc hoặc phải di dời theo chương trình qui hoạch của Nhà nước.⁶⁹¹

Cùng với việc trùng tu chủng viện Làng Sông, Đức cha cũng đẩy mạnh công cuộc tu sửa, trùng tu qui mô hoặc xây mới các nhà thờ. Tại Bình Định ngài đã cho tu sửa các nhà thờ Vườn Vông, Vĩnh Minh, Hòa Ninh, Ngọc Thanh, Sông Cạn, Đồng Tiến, Tân Quán, Cầu Gioan, Phù Mỹ và một số nhà thờ giáo họ; tại Quảng Ngãi ngài cho tu sửa nhà thờ cũ ở thị xã. Ngài cho trùng tu đại qui mô các nhà thờ Nam Bình, Măng Lăng, Vĩnh Thạnh, vì đó là những nhà thờ cổ kính và là nơi hành hương của Giáo phận.

Ngoài ra nhiều nhà thờ được xây mới như: nhà thờ Hội Lộc do cha Phêrô Nguyễn Soạn; nhà thờ Qui Hiệp do cha Anrê Hoàng Minh Tâm khởi công, cha Stêphanô Dương Thành Thăm tiếp tục và cha Giacôbê Đặng Công Anh hoàn thành; nhà thờ Huỳnh Kim do cha Giacôbê Đặng Công Anh; nhà thờ Cù Lâm do cha Phaolô Trương Đình Tu; nhà thờ Sông Cầu và nhà thờ Gò Duối do cha Phaolô Trương Đắc Cẩn; nhà thờ Đa Lộc do cha Giuse Trương Đình Hiền, nhà thờ Phú Đức do cha Phêrô Tuấn Nguyễn Cao Hiền. Ngày 24.02.1999 Đức cha đã cho khởi công xây mới nhà thờ Gò Thị với qui mô lớn để làm nơi hành hương của Giáo phận. Ngài thấy rằng tại Giáo phận Qui Nhơn, việc tái thiết các nhà thờ cũng là một cách truyền giáo, bởi vì giáo dân không có nơi thờ phượng Chúa để trở thành nguội lạnh, và nếu không có nhà thờ thì cũng không có nơi giảng dạy giáo lý cho anh chị em lương dân.

Ngày 19.06.1999 Tòa Thánh chấp thuận đơn xin nghỉ hưu của Đức cha Phaolô Huỳnh Đông Các và bổ nhiệm cha Tổng đại diện Phêrô Nguyễn Soạn⁶⁹² làm Giám mục Chính tòa Giáo phận Qui Nhơn

⁶⁹¹ Trong đợt chỉnh trang này, nghĩa trang Làng Sông đã tiếp nhận hài cốt Đức cha phó Jean Doussain từ Mỹ Cang, Đức cha phó Giuse Phan Văn Hoa từ Qui Nhơn, cha Bề trên Phêrô Đặng Quyền Huy từ nghĩa trang Dòng Mến Thánh Giá ở Gò Thị, các cha Phaolô Trương Công Chánh, Phaolô Nguyễn Minh Đoàn, Antôn Phùng Văn Linh và một số cha khác từ Đại An, Hòa Mục, Suối Nô, Ngọc Thanh. Hài cốt các thầy và các chú đang có tại nghĩa trang thì được cải táng thành những ngôi mộ nhỏ nằm ở phía Bắc. Hài cốt của các nữ tu Mến Thánh Giá đang nằm tại đây thì được cải táng về nghĩa trang Dòng Mến Thánh Giá tại Gò Thị.

⁶⁹² Đức cha Phêrô Nguyễn Soạn sinh ngày 15.12.1936 tại Gò Dài, giáo xứ Gò Thị; thụ phong linh mục ngày 21.12.1968, du học tại Rôma (1970-1974), giám đốc

kế nhiệm Đức cha Phaolô. Một sự trùng hợp rất đặc biệt là ngày 11.08.1999 là ngày giáp 25 năm Giám mục của Đức cha Phaolô, vì thế Giáo phận kết hợp tổ chức lễ tạ ơn mừng ngân khánh Giám mục của Đức cha Phaolô vào chiều 11 tháng 08 và lễ tấn phong Đức cha Phêrô vào sáng 12 tháng 08 tại lễ đài trước mặt tiền Tiểu chủng viện Qui Nhơn. Trong lễ tạ ơn ngân khánh Giám mục, Đức Hồng Y Tomko, Tổng trưởng Thánh bộ Truyền bá Đức tin, gửi điện văn khen ngợi Đức cha Phaolô đã dày công đối với Hội Thánh vào một thời điểm rất khó khăn của đất nước.

Về tham dự hai thánh lễ này có Đức Tổng Giám mục Stêphanô Nguyễn Như Thế (Huế), Đức cha Phaolô Nguyễn Văn Hòa và Đức cha Phêrô Nguyễn Văn Nho (Nha Trang), Đức cha Phêrô Trần Thanh Chung (Kontum), Đức cha Phanxicô Xaviê Nguyễn Quang Sách (Đà Nẵng), Đức cha Giuse Trịnh Chính Trực và Đức cha Giuse Nguyễn Tích Đức (Ban Mê Thuột), Đức cha Phêrô Nguyễn Văn Nhơn (Đà Lạt), Đức cha Phaolô Bùi Văn Đọc (Mỹ Tho), Đức cha Tôma Nguyễn Văn Trâm (phụ tá Xuân Lộc), Đức cha Phêrô Trần Đình Tứ (Phú Cường), Đức cha Emmanuel Lê Phong Thuận (Cần Thơ), Đức cha Raphael Nguyễn Văn Diệp (phó Vĩnh Long), Đức cha Giuse Nguyễn Văn Yên (Phát Diệm), Đức cha Giuse Nguyễn Quang Tuyền (Bắc Ninh), Đức cha Bartôlômêô Nguyễn Sơn Lâm (Thanh Hóa), Đức cha Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Sang (Thái Bình), Đức Viện phụ Thiên An và trên 350 linh mục. Thánh lễ tấn phong Giám mục cho Đức cha Phêrô do Đức Tổng Giám mục Stêphanô Nguyễn Như Thế của Tổng Giáo phận Huế chủ phong. Hai vị phụ phong là Đức cha Phaolô Huỳnh Đông Các và Đức cha Phêrô Nguyễn Văn Nho.⁶⁹³

2. THỜI ĐỨC CHA PHÊRÔ NGUYỄN SOẠN (1999-2012)

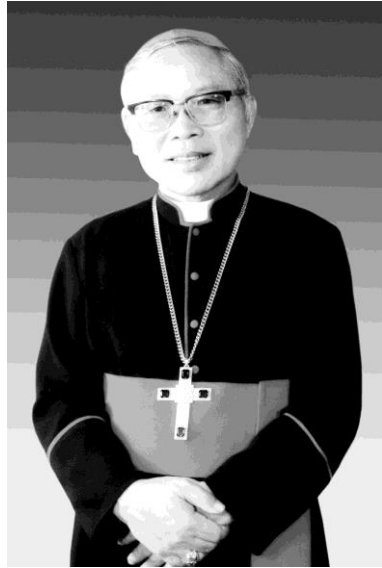
Đức cha Phêrô Nguyễn Soạn đảm nhận nhiệm vụ cai quản Giáo phận Qui Nhơn sau 7 năm kề vai sát cánh với Đức cha Phaolô trong trách nhiệm cai quản Giáo phận với tư cách Tổng đại diện từ năm 1992 đến 1999, nên có một sự chuyển tiếp rất thuận lợi. Sau khi được tấn phong Giám mục, Đức cha đi thăm mục vụ các giáo xứ tại Phú Yên và Quảng Ngãi. Tại Bình Định, Đức cha ưu tiên thăm viếng giáo dân vùng Bắc Bình Định, đặc biệt giáo dân ở Nghĩa Điền, nơi hẻo lánh xa xôi.

phân trường Đại chủng viện Vi Nhân và Qui Nhơn (1975-1983), Tổng đại diện kiêm chánh xứ Chính tòa Qui Nhơn (1992-1999).

⁶⁹³ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 107, tháng 3 năm 2007, tr. 12-14.

2.1. Giáo phận Qui Nhơn trong Đại Năm Thánh 2000

Ngày 01.01.2000, lễ Đức Maria Mẹ Thiên Chúa, là ngày cử hành Năm Thánh cho toàn Giáo phận tại nhà thờ Chính tòa. Để có người trực tiếp cộng tác vào nhiệm vụ cai quản Giáo phận, ngày 21.01.2000 Đức cha Phêrô đã đưa cha Phêrô Nguyễn Văn Kính về làm chánh xứ Gò Thị thay cha Anrê Huỳnh Thanh Khương, và đưa cha Anrê về làm Tổng đại diện kiêm chánh xứ Chính tòa Qui Nhơn, một chức vụ đang bị bỏ trống kể từ ngày Đức cha được bổ nhiệm làm Giám mục. Lễ nhậm chức của cha Anrê được cử hành tại nhà thờ Chính tòa ngày 26.01.2000.



Đức cha Phêrô Nguyễn Soạn

Một biến cố vui mừng và trọng đại trong Năm Thánh 2000 đối với Giáo Hội tại Việt Nam nói chung và đối với Giáo phận Qui Nhơn nói riêng, đặc biệt đánh dấu thời điểm khởi đầu sứ vụ Giám mục của Đức cha Phêrô tại Giáo phận, là cuộc tôn vinh thầy giảng Anrê Phú Yên, vị tử đạo tiên khởi của Giáo phận và của cả Giáo Hội Việt Nam lên hàng Chân phước. Đây là kết quả của một tiến trình mở án phong thánh kéo dài suốt 356 năm.⁶⁹⁴

⁶⁹⁴ Thầy giảng Anrê Phú Yên chịu tử đạo tại Kê Chàm, Quảng Nam, ngày 26.07.1644. Ngày 12.12.1644 Giáo phận Ma Cao mở án phong thánh cho ngài. Ngày 25.02.1645 vụ án cấp Giáo phận đã xong và được gửi về Rôma ngày 23.08.1649, được đưa vào Bộ Phong Thánh với Prot. số 1022. Ngày 15.01.1652 vụ án được Bộ Truyền giáo công khai chấp nhận ủng hộ. Từ năm 1773-1814 Dòng Tên bị giải thể, vụ án bị đình trệ. Năm 1899 vụ án được mở lại. Ngày 06.11.1963 các Giám mục Việt Nam đang dự Công đồng Vaticanô II (1962-1965) xin Tòa Thánh tiến hành vụ án. Ngày 11.11.1963, theo quyết định 191 của Bộ Phong Thánh, vụ án được chuyển qua Ủy ban Lịch sử của Bộ để duyệt lại. Ngày 22.05.1992, theo qui định của bộ giáo luật mới, vụ án phải được giao về các Giáo Hội địa phương để được điều tra về phương diện lịch sử. Năm 1997 Ủy ban Lịch sử về vụ án thầy giảng Anrê Phú Yên được thiết lập tại Rôma do các Giám mục Việt Nam nhân chuyến viếng thăm Ad Limina. Hiện diện trong buổi thành lập có: Đức Hồng Y Phaolô Giuse Phạm Đình Tụng, Đức cha Phaolô Huỳnh Đông Các, Đức cha Phanxicô Xaviê Nguyễn Quang Sách. Thành viên của Ủy ban Lịch sử gồm có: Đức ông Đa Minh Vũ Văn Thiện (chủ tịch), Lm. Yvon Beaudouin, Lm Roland Jacques, tiến sĩ giáo luật đại học Paris, chuyên viên ngữ học và văn hóa Việt Nam tại viện ngữ học

Ngày 05.03.2000 tại quảng trường Thánh Phêrô ở Rôma, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã long trọng công bố thầy giảng Anrê Phú Yên là Chân phước tử đạo cùng với 43 vị Chân phước tử đạo khác thuộc 5 nhóm quốc gia khác nhau: Braxin (30), Thái Lan (1), Belarus tức Bạch Nga (11), Philippines (1) và Việt Nam (1). Phái đoàn của Hội đồng Giám mục Việt Nam tham dự thánh lễ gồm có Đức Hồng Y Phaolô Giuse Phạm Đình Tụng, Tổng Giám mục Hà Nội, Chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam làm trưởng đoàn, cùng với Đức cha Bartôlômêô Nguyễn Sơn Lâm, Giám mục Thanh Hóa, Tổng thư ký Hội đồng Giám mục Việt Nam, Đức cha Phêrô Nguyễn Soạn, Giám mục Qui Nhơn, Giáo phận quê hương của Chân phước Anrê Phú Yên, cha Antôn Trần Văn Trường, Tổng đại diện Giáo phận Đà Nẵng, Giáo phận nơi Chân phước chịu tử đạo. Trong bài giảng lễ, Đức Gioan Phaolô II đã nói: "Cuộc



Á Thánh Anrê Phú Yên

sống của Anrê Phú Yên đã cho chúng ta thấy quyết tâm của một con người không chấp nhận chỗi bỏ niềm tin, dù phải đối đầu với bạo lực! Giới trẻ có thể rút ra sức mạnh và sự can trường từ tấm gương của con

và văn hóa Đông Phương Paris. Năm 1988 hồ sơ về cuộc tử đạo của thầy giảng Anrê Phú Yên hoàn tất về phương diện lịch sử nhờ công trình của cha Roland Jacques và được trao cho cha Paolo Molinari, Cáo thỉnh viên Dòng Tên, để chính thức đệ trình Bộ Phong Thánh. Ngày 27.01.2000 Bộ Phong Thánh quyết định công nhận cuộc tử đạo của thầy giảng Anrê Phú Yên. Ngày 08.02.2000 Bộ Ngoại Giao Tòa Thánh chính thức thông báo cho Đức Hồng Y Phaolô Giuse Phạm Đình Tụng, Chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam, về việc Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II quyết định tôn phong Chân phước cho thầy giảng Anrê Phú Yên vào ngày 05.03.2000 tại Rôma. Đồng thời Bộ Ngoại Giao Tòa Thánh cũng gửi thông báo cho đại sứ Việt Nam tại Italia về quyết định này. Xem LM TRƯỜNG ĐÌNH HIỀN, "Lược tóm tiến trình phong Á thánh Anrê Phú Yên", trong NHIỀU TÁC GIẢ, *Rực sáng một vì sao. Tìm về chân dung Á thánh Anrê Phú Yên 1625-1644*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội 2006, tr. 128-129.

người sẵn sàng hy sinh mạng sống vì anh em mình. Chớ gì tất cả các môn đệ của Đức Kitô tìm thấy nơi vị Chân phước trẻ này sức mạnh và sự nâng đỡ trong cơn thử thách!" Hai năm sau, tại Đại hội Giới trẻ thế giới lần thứ 17 ở Toronto, Canada, (23-28.07.2002), Đức Gioan Phaolô II đã nêu Chân phước Anrê Phú Yên ở vị trí thứ hai trong số 10 vị thánh trẻ tiêu biểu làm mẫu gương cho cuộc sống. Cũng trong ngày tôn phong chân phước, lúc 15 giờ tại trụ sở Bê trên Tổng quyền Dòng Tên ở Rôma có châu tạ ơn Chúa và kính viếng di cốt (sọ) của Chân phước Anrê do Đức Hồng Y Phaolô Giuse chủ sự. Trong dịp này vị đại diện Dòng Tên đã tuyên bố một câu làm cho mọi người hiện diện cảm thấy phấn khởi: "Khi thời thế thuận tiện, thủ cấp của thầy Anrê Phú Yên sẽ trở về Việt Nam. Cha Đắc Lộ đã đưa thầy từ Việt Nam qua Rôma thì từ Rôma thầy sẽ trở về Việt Nam".⁶⁹⁵

Cùng với niềm vui có thầy giảng Anrê Phú Yên được tôn phong Chân phước để từ đó ngài chuyển cầu cùng Chúa cho Giáo phận, còn có một điều rất đặc biệt nữa là trong khung cảnh Năm Thánh 2000 này Chúa đã gọi về với Ngài những người thầy và người cha khả kính của Giáo phận. Trước hết là cha Giuse Trần Ngọc Châu được Chúa gọi về ngày 24 tháng 01 hưởng thọ 81 tuổi. Ngài từng làm phó xứ, chánh xứ, giáo sư Tiểu chủng viện, giám đốc Đại chủng viện tu muôn, hạt trưởng. Vị thứ hai là cha Giacôbê Nguyễn Thành Tri được Chúa gọi về ngày 02 tháng 03 hưởng thọ 78 tuổi. Ngài từng làm phó xứ và sau đó liên tiếp làm chánh xứ của 5 giáo xứ. Vị thứ ba là cha Bônaventura Nguyễn Văn An được Chúa gọi về ngày 04 tháng 03 hưởng thọ 86 tuổi. Ngài từng làm phó xứ và sau đó liên tiếp làm chánh xứ của 5 giáo xứ.⁶⁹⁶

Vị cuối cùng và quan trọng nhất là Đức cha Phaolô Huỳnh Đông Các vừa mới nghỉ hưu chưa được một năm. Đức cha Phaolô có thể chất rất mạnh khỏe, nhưng vì gánh nặng mục tử trong suốt một phần tư thế kỷ và nhất là vì những lo toan cho Giáo phận trong thời kỳ hết sức khó khăn, nên từ năm 1993 sức khỏe của ngài đã bị giảm sút trầm trọng và bệnh tình của ngài ngày càng nặng hơn, đặc biệt với bệnh xuất huyết dạ dày và não, nên cuối cùng đã qua đời ngày 03.06.2000 tại bệnh viện Thống Nhất, Sài Gòn, hưởng thọ 77 tuổi. Thi hài Đức cha được đưa về quản tại Trung tâm Công giáo Sài Gòn để mọi người

⁶⁹⁵ Xem LM. TRẦN QUÍ THIỆN, "Phóng sự chung quanh đại lễ tuyên phong Chân phước Anrê Phú Yên", trong NHIỀU TÁC GIẢ, *Rực sáng một vì sao, sđd.*, tr. 29-36.

⁶⁹⁶ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 108, tháng 4 năm 2007, tr. 93-96.

kính viếng và cầu nguyện cho ngài. Tại đây một số Giám mục và linh mục đã dâng lễ và chủ sự nghi thức tẩm liệm cho ngài với sự tham dự của nhiều tu sĩ và giáo dân. Từ Qui Nhơn, một phái đoàn do cha Tổng đại diện Anrê Huỳnh Thanh Khương dẫn đầu đã đến cảm ơn mọi người và rước linh cữu của ngài về Qui Nhơn. Trên đường về, đoàn rước đã dừng lại nhiều nơi trong Giáo phận để giáo dân đến kính viếng. Linh cữu ngài được quàn tại nhà thờ Chính tòa trong hai ngày và có nhiều đoàn thể đạo đời đến kính viếng và dâng lễ cầu nguyện cho ngài. Thánh lễ an táng được cử hành lúc 9 giờ sáng ngày 06 tháng 06 do Đức Hồng Y Phaolô Giuse Phạm Đình Tụng chủ sự, có 11 Giám mục và hơn 120 linh mục trong và ngoài Giáo phận đồng tế, với sự hiện diện của đông đảo tu sĩ và giáo dân. Xác ngài được an táng bên cạnh hang đá Đức Mẹ Lộ Đức do chính ngài xây dựng trong khuôn viên nhà thờ Chính tòa.⁶⁹⁷

Ngày 02.07.2000 Đức cha Phêrô chủ sự thánh lễ tạ ơn và ban ơn toàn xá tại nhà thờ Tuy Hòa. Ngày 12.07.2000 Đức cha về giáo xứ Gò Thị để chủ sự thánh lễ tạ ơn và cung hiến nhà thờ Gò Thị, vừa là nhà thờ giáo xứ, vừa là đền thánh dâng kính thánh Anrê Nguyễn Kim Thông, trùm cả từ đạo. Đây là công trình đã được Đức cha Phaolô Huỳnh Đông Các ấp ủ từ lâu, vì ngài vừa là con cháu thánh trùm cả Anrê, vừa là Giám mục tiếp nối công trình của thánh Giám mục Stêphanô Cuénot Thê là người đã từng ẩn trú tại đây



Nhà thờ Gò Thị

để điều hành Giáo phận trong hầu hết cuộc đời Giám mục của Ngài. Ngày 24.02.1999 chính Đức cha Phaolô đã chủ sự nghi thức đặt viên đá đầu tiên xây dựng ngôi thánh đường này để thay thế ngôi nhà thờ cũ đã xuống cấp trầm trọng. Sau hơn một năm xây dựng, ngôi thánh đường đã xuất hiện trong dáng đứng uy nghi đồ sộ, với chiều dài 47m, rộng 20m và cao 18m; riêng tháp chuông cao 40m. Đây là công

⁶⁹⁷ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 108, tháng 4 năm 2007, tr. 97-100.

trình có độ cao hơn hết so với những công trình khác trong vùng. Tiếc thay trong ngày khánh thành không có Đức cha Phaolô vì ngài đã qua đời hơn một tháng. Trong thánh lễ cung hiến do Đức Giám mục Giáo phận chủ sự còn có Đức cha Phêrô Nguyễn Văn Nho, Giám mục phó Nha Trang, và khoảng 120 linh mục đồng tế, với sự hiện diện của khoảng 3.000 người gồm tu sĩ và giáo dân. Trong Sắc lệnh cung hiến của Đức Giám mục Giáo phận ngày 12 tháng 07 năm 2000, để tôn vinh Trùm cả Anrê Nguyễn Kim Thông, Thánh tử đạo thuộc Giáo phận Qui Nhơn. Từ nay nhà thờ này được mang tước hiệu là Đền thờ Thánh Anrê Kim Thông. Hải cốt của Ngài được đặt dưới chân bàn thờ chính trong nhà thờ này".⁶⁹⁸

Để long trọng bày tỏ tâm tình tạ ơn Thiên Chúa và để tôn vinh thầy giảng Anrê Phú Yên, vị tử đạo tiên khởi của Giáo phận Qui Nhơn và của toàn thể Giáo Hội Việt Nam, đã được vị Chủ chăn của Giáo Hội hoàn vũ tôn phong lên bậc Chân phước vào ngày 05.03.2000 vừa qua, Giáo phận đã tổ chức hội trại đầu tiên của các giảng viên giáo lý Giáo phận từ ngày 25 đến 26.07.2000 tại giáo xứ Măng Lăng quê hương của Ngài. Đỉnh điểm của tâm tình tạ ơn Thiên Chúa và tôn vinh Chân phước Anrê Phú Yên là thánh lễ đồng tế trọng thể do Đức Giám mục Giáo phận chủ sự cùng với đông đảo các linh mục trong và ngoài Giáo phận đồng tế, với sự tham dự của đông đảo tu sĩ, chủng sinh và giáo dân từ khắp nơi trong Giáo phận, nhất là tại Phú Yên. Cũng trong khuôn khổ Năm thánh, Đức cha Phêrô đi khắp các giáo xứ trong ba tỉnh để cử hành thánh lễ, ban Bí tích thêm sức và thăm viếng giáo dân. Năm thánh bế mạc với thánh lễ trọng thể do Đức cha chủ sự tại nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn ngày 07.01.2001.

2.2. Từ năm 2001 đến 2007

Ngày 02.07.2001 Giáo phận bắt đầu việc di dời mồ mã trong nghĩa trang Công giáo tại Ghềnh Ráng, vì nghĩa trang này nằm trong vùng quy hoạch chung của tỉnh Bình Định. Sau nhiều lần làm việc với chính quyền tỉnh Bình Định, Tòa Giám mục đã đồng ý di dời mồ mã tại đây lên nghĩa trang mới do chính quyền cấp tại phường Bùi Thị Xuân, Phú Tài. Nhân dịp này cha Tổng đại diện Anrê Huỳnh Thanh Khương xây một nhà "An Bình" phía sau nhà thờ Chính tòa để đón

⁶⁹⁸ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 107, tháng 3 năm 2007, tr. 12; Số 108, tháng 4 năm 2007, tr. 101-103.

nhận tro cốt của nhiều tín hữu từ nhiều ngôi mộ của nghĩa trang bị giải tỏa ấy, cũng như từ những nơi khác sau này. Riêng hài cốt của các linh mục được đưa về nghĩa trang linh mục Làng Sông vào chiều 11 tháng 07. Tất cả có 24 bộ hài cốt. Ngày 24 tháng 07, lúc 5 giờ sáng, tại nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn, Đức cha đã chủ sự thánh lễ cầu nguyện cho các vị đã được cải táng, cùng với 42 linh mục đồng tế, với sự hiện diện của khoảng 40 nữ tu và đông đảo giáo dân.⁶⁹⁹

Nhân kỷ niệm 333 năm thành lập Dòng Mến Thánh Giá tại Đàng Trong và 75 năm Tòa Thánh ban Sắc chuẩn y việc Đức Giám mục Giáo phận cải tổ Dòng Mến Thánh Giá cũ để thành lập Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn hiện nay, Hội dòng đã xin Đức cha Phêrô mở Năm thánh cho Hội dòng từ ngày 02.03.2003 đến ngày 02.03.2004. Sau một năm cử hành và sống Năm thánh, ngày 02.03.2004 thánh lễ bế mạc Năm thánh được tổ chức long trọng tại nhà thờ giáo xứ Gò Thị do Đức cha Phêrô chủ sự, với sự hiện diện của Đức cha Phaolô Nguyễn Văn Hòa, Giám mục Nha Trang và Chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam, Đức cha Micae Hoàng Đức Oanh, Đức cha Phêrô Trần Thanh Chung và Đức cha Alexis Phạm Văn Lộc của Giáo phận Kontum, với 127 linh mục trong và ngoài Giáo phận, nhiều tu sĩ nam nữ và anh chị em giáo dân. Đặc biệt có sự hiện diện của phái đoàn các chị em Mến Thánh Giá Lào, Thái Lan và Liên dòng Mến Thánh Giá Việt Nam.

Ngày 13.01.2005 cha Tổng đại diện Anrê Huỳnh Thanh Khương qua đời tại bệnh viện St. Elizabeth, Singapore, vì cuộc giải phẫu thanh quản không thành công, hưởng thọ 64 tuổi. Một phái đoàn từ Qui Nhơn vào Sài Gòn tiếp nhận và đưa linh cữu ngài về Qui Nhơn tới

⁶⁹⁹ Đây là danh sách các vị được cải táng trong dịp này theo thứ tự ngày qua đời gồm 23 linh mục và 1 thầy giảng: Cha Stêphanô Cao Tấn Truyền (1888-1963), cha Luy Nguyễn Bảo (1911-1963), cha Phêrô Nguyễn Đình Tịch (1907-1964), cha Đominicô Võ Ngọc Hoàng (1911-1968), cha Phêrô Nguyễn Vĩnh Lưu (1908-1968), cha Gioakim Phan Công Sử (1891-1971), cha Phanxicô Nguyễn Quang Hiền (1906-1971), cha Đominicô Châu Phận (1904-1971), cha Antôn Hoàng Liên Mầu (1908-1971), cha Phaolô Huỳnh Tấn Ngoan (1915-1973), cha Giuse Nguyễn Sò (1913-1973), cha Giuse Nguyễn Văn Ai (1888-1973), cha Phêrô Nguyễn Sĩ Tư (1895-1974), cha Phêrô Nguyễn Thanh Quý (1901-1974), cha Tôma Bùi Đức (1895-1974), cha Gioan Baotixita Nguyễn Đức Quảng (1897-1975), cha Bênêdictô Nguyễn Đình Hiến (1896-1975), cha Phêrô Trịnh Hoài Ân (1903-1979), cha Phaolô Huỳnh Biên (1897-1980), thầy Đominicô Trương Cổ Điền (1902-1984), cha Phêrô Lê Vĩnh Phước (1894-1986), cha Phêrô Nguyễn Văn Quyền (1898-1986), cha Gioakim Nguyễn Thanh Liêm (1916-1988), cha Gioakim Nguyễn Du (1919-1993).

ngày 16 tháng 01 và được quản tại sảnh đường chủng viện Qui Nhơn để mọi người kính viếng, dâng thánh lễ và cầu nguyện. Thánh lễ an táng do Đức Giám mục Giáo phận chủ sự tại nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn vào lúc 6 giờ 30 sáng ngày 18 tháng 01 với sự tham dự đông đảo của các linh mục, tu sĩ nam nữ và giáo dân. Sau đó linh cửu ngài được đưa về an táng tại nghĩa trang linh mục Làng Sông.⁷⁰⁰

Ngày 18 tháng 06 Đức cha Phêrô bổ nhiệm cha Phêrô Hoàng Kym làm Tổng đại diện thay thế cha Anrê Huỳnh Thanh Khương. Văn thư bổ nhiệm được chính thức công bố tại nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn ngày 29 tháng 06, lễ hai Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô, Bỏ mạng của Đức cha và của cha tân Tổng đại diện. Cha tân Tổng đại diện vẫn tiếp tục làm chánh xứ Qui Đức.⁷⁰¹

Ngày 12.08.2005 giáo xứ Chính tòa mừng kỷ niệm bách chu niên thành lập giáo xứ (1905-2005). Thánh lễ tạ ơn mừng trọng thể do Đức Giám mục Giáo phận chủ sự và có đông đảo linh mục trong và ngoài Giáo phận đồng tế cùng với sự tham dự đông đảo của các tu sĩ và giáo dân. Cũng trong thánh lễ này, theo sự bổ nhiệm của Đức Giám mục Giáo phận, cha Matthêô Nguyễn Văn Khôi nhậm chức chánh xứ Chính tòa. Cha Matthêô là chánh xứ thứ hai mươi của giáo xứ tính từ vị chánh xứ đầu tiên là cha Louis Célestin Vallet (1905-1908).⁷⁰²

Ngày 18.07.2006 lần đầu tiên anh em cựu chủng sinh Làng Sông - Qui Nhơn từ khắp nơi về tham dự cuộc hội ngộ tại chủng viện Qui Nhơn. Đức cha Phêrô đang vắng mặt, cha Tổng đại diện thay mặt Đức cha ân cần và niềm nở tiếp đón, đồng hành về Làng Sông và Gò Thị. Theo chương trình, cứ hai năm một lần có cuộc hội ngộ của các anh em cựu chủng sinh quốc nội và cứ bốn năm một lần có cuộc hội ngộ của tất cả các anh em cựu chủng sinh quốc nội và hải ngoại. Mục đích của những cuộc hội ngộ này là để các anh em trở về nguồn và gặp gỡ nhau, bày tỏ tâm tình tri ân đối với các vị ân sư và ân nhân, tưởng nhớ các bậc tiền nhân, cùng nhau ôn lại những kỷ niệm ngày xưa để thắt chặt tình huynh đệ, chia sẻ cho nhau những vui buồn trong cuộc sống, trao đổi với nhau những kinh nghiệm cuộc đời và hoạt động tông đồ, cùng nhau vạch ra những định hướng trong tương lai để đồng hành với Giáo phận trên đường tân Phúc Âm hóa.

⁷⁰⁰ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 113, tháng 9 năm 2007, tr. 454-456.

⁷⁰¹ Xem *Sđđ.*, tr. 460, 461.

⁷⁰² Xem *Sđđ.*, tr. 464-465.

Ngày 07 và 08.03.2007, trong thời gian viếng thăm Việt Nam, phái đoàn Tòa Thánh đã đến thăm chính quyền tỉnh Bình Định và Giáo phận Qui Nhơn. Phái đoàn do Đức ông Pietro Parolin,⁷⁰³ Thứ trưởng ngoại giao Tòa Thánh dẫn đầu, có Đức ông Luis Mariano Montemayor của Văn phòng Quốc vụ khanh Tòa Thánh và Đức ông Barnabê Nguyễn Văn Phương, vụ trưởng tại Bộ Truyền giáo, tháp tùng. Vì Đức cha Phêrô đang chữa bệnh ở Sài Gòn nên cha Tổng đại diện Phêrô Hoàng Kym thay mặt Đức cha Phêrô chủ sự cuộc đón tiếp phái đoàn. Sáng ngày 08 phái đoàn dâng thánh lễ đồng tế tại lễ đài thánh Giuse của nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn cùng với cộng đồng dân Chúa Giáo phận. Sau thánh lễ phái đoàn đi thăm Gò Thi, gặp gỡ các tín hữu tại nhà thờ giáo xứ, niệm hương tại đài tưởng niệm Thánh Stêphanô Cuénôt, thăm viếng nhà tổ Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn.⁷⁰⁴

Trong thời gian từ năm 2001 đến 2007 trong Giáo phận có một giáo xứ mới được thành lập ngày 01.07.2003, tách ra từ giáo xứ Tịnh Sơn, đó là giáo xứ Sơn Nguyên, gồm các tín hữu trong địa bàn các xã Sơn Nguyên, Sơn Hà, Suối Bạc, Sơn Xuân, Sơn Long, Sơn Định, thuộc huyện Sơn Hòa, và xã Hòa Hội thuộc huyện Phú Hòa. Cha sở tiên khởi là linh mục Phanxicô Xaviê Trần Đăng Đức. Tuy là một giáo xứ trẻ với phần lớn giáo dân là những người từ Cam Ranh đến xây dựng vùng kinh tế mới vào năm 1979, nhưng hạt giống Tin Mừng đã được gieo vào lòng đất này từ rất sớm, trước năm 1747.⁷⁰⁵ Ngoài ra, giáo xứ Vườn Vông và giáo xứ Công Chánh sau gần 30 năm qua không có cha xứ ở tại chỗ để chăm sóc mục vụ. Giáo xứ Vườn Vông do cha xứ Nam Bình kiêm nhiệm, giáo xứ Công Chánh do cha xứ Tân Dinh kiêm nhiệm. Ngày 20.06.2005, cha Gioakim Trần Minh Dũng được bổ nhiệm làm cha xứ Vườn Vông. Ngày 03.07.2005, cha Vinh Sơn Nguyễn Văn Thanh được bổ nhiệm làm cha xứ Công Chánh.

Ngoài ra, một số nhà thờ đã được tu sửa và làm phép: nhà thờ Gò Dài (26.01.2001), nhà thờ giáo xứ Xuân Quang (19.08.2001), nhà thờ Nho Lâm (24.07.2003), nhà thờ Bình Lâm (02.09.2003), nhà thờ Thượng Hòa (24.01.2004), nhà thờ Bắc Định (01.05.2004), nhà thờ

⁷⁰³ Đức ông Pietro Parolin nay là Hồng Y Quốc Vụ Khanh Tòa Thánh, nhân vật thứ hai sau Đức Giáo Hoàng.

⁷⁰⁴ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 107, tháng 3 năm 2007, tr. 17-18.

⁷⁰⁵ Trong danh sách nhà thờ, nhà nguyện năm 1747 của cha Guillaume Rivoal có ghi Lo-Rao với 40 tín hữu, ngày nay thuộc thôn Nhất Sơn, xã Hòa Hội, huyện Phú Hòa.

Bảo An (01.01.2005), nhà thờ Lục Lễ (11.02.2005), nhà thờ Mỹ Cang (16.07.2005), nhà thờ Huỳnh Kim (01.10.2007), nhà thờ Chánh Thạnh (22.10.2007).

Một số nhà thờ được xây dựng mới và được cung hiến hay làm phép: nhà thờ giáo xứ Kiên Ngãi do cha Anrê Hoàng Minh Tâm xây dựng, được cung hiến ngày 01.08.2001; nhà thờ giáo họ Sơn Giang thuộc giáo xứ Hoa Châu do cha Phanxicô Xaviê Trần Hòa xây dựng, được làm phép ngày 01.05.2002; nhà thờ giáo họ Trà Kê do cha Phêrô Nguyễn Cấp xây dựng, được làm phép ngày 02.04.2003; nhà thờ giáo họ Đa Lộc thuộc giáo xứ Đồng Tre (xây lần đầu năm 1993 do cha Giuse Trương Đình Hiền) do cha Antôn Nguyễn Huy Điệp xây dựng, được làm phép ngày 29.01.2004; nhà thờ giáo xứ Tân Dinh do cha Gioakim Huỳnh Công Tân xây dựng, được cung hiến ngày 20.04.2004; nhà thờ giáo họ Cây Rỏi thuộc giáo xứ Phù Cát do cha Phêrô Nguyễn Công Sanh xây dựng, được làm phép ngày 31.05.2004; nhà thờ giáo họ Khiết Tâm thuộc giáo xứ Trường Cửu do Tòa Giám mục xây dựng, được làm phép ngày 25.06.2004; nhà thờ giáo họ Đông Định thuộc giáo xứ Tân Dinh do cha Gioakim Huỳnh Công Tân xây dựng, được làm phép ngày 07.06.2005; nhà thờ giáo xứ Sông Cạn do cha Phêrô Võ Thanh Nhân xây dựng, được cung hiến ngày 09.08.2005; nhà thờ Đức Mẹ Kỳ Thọ, tức nhà thờ giáo xứ Châu Me, do cha Phêrô Hà Đức Ngọc xây dựng, được cung hiến ngày 12.07.2006; nhà thờ giáo họ Diêm Điền thuộc giáo xứ Tân Dinh do cha Gioakim Huỳnh Công Tân xây dựng, được làm phép ngày 07.08.2006; nhà thờ giáo họ An Mỹ thuộc giáo xứ Phù Mỹ do cha Anrê Đình Duy Toàn xây dựng, được làm phép ngày 21.11.2006; nhà thờ núi Ghềnh Ráng do Tòa Giám mục xây dựng, được làm phép ngày 02.02.2007, lễ Đức Mẹ dâng Chúa Giêsu trong đền thờ, và được đặt làm trung tâm Thánh Thể và Thánh Mẫu của Giáo phận; nhà thờ giáo họ Trung Ái thuộc giáo xứ Trường Cửu do cha Phaolô Trương Đình Tu xây dựng, được làm phép ngày 11.04.2007. Ngoài ra, năm 2005 Đức cha Phêrô cũng thành lập nhà trợ sinh viên tại Hòa Ninh và giao cho các nữ tu Mến Thánh Giá phụ trách.

Theo báo cáo của Đức cha Phêrô tại hội nghị Hội đồng Giám mục Việt Nam năm 2007, vì nhiều lý do khác nhau nên Giáo phận không thể tổ chức đào tạo và bồi dưỡng giáo lý viên cấp Giáo phận. Tuy nhiên tại các Giáo hạt đã mở các khóa liên giáo xứ để đào tạo những giáo lý viên mới và bồi dưỡng cho các giáo lý viên đang hoạt

động. Một số giáo xứ chú ý huấn luyện các giáo lý viên lớn tuổi đã có gia đình, có nghề nghiệp để làm nòng cốt trong việc dạy giáo lý.

2.3. Khởi đầu thập niên chuẩn bị mừng Năm thánh Giáo phận

Bắt đầu từ năm 2008 Giáo phận Qui Nhơn khởi xướng giai đoạn 10 năm chuẩn bị kỷ niệm 400 năm (1618-2018) Tin Mừng lần đầu tiên đến Nước Mặn, một phần đất của Giáo phận Qui Nhơn ngày nay, nhằm khơi dậy tinh thần đạo đức và nhiệt thành truyền giáo nơi mọi thành phần dân Chúa trong Giáo phận.⁷⁰⁶

Công cuộc chuẩn bị phải bắt đầu từ các linh mục và tu sĩ, rồi đến các tông đồ giáo dân. Vì vậy năm 2008 Đức cha quyết định sẽ bắt đầu tổ chức cuộc thường huấn thường niên cho các linh mục. Cuộc thường huấn đầu tiên dành cho các linh mục chịu chức 10 năm trở lại, nhưng các linh mục khác có thể tham dự trọn vẹn hay một phần nào đó, để khích lệ tinh thần hiệp thông và làm việc chung trong Giáo phận. Cuộc thường huấn đã diễn ra tại Tòa Giám mục từ ngày 02 đến ngày 06.06.2008. Nội dung chính của cuộc thường huấn là mục vụ giáo xứ với chủ đề: "Mục vụ giáo xứ trong định hướng 10 năm chuẩn bị kỷ niệm 400 năm Tin Mừng đến Giáo phận Qui Nhơn". Ngoài 40 linh mục trong độ tuổi buộc tham dự, còn có 14 cha lớn tuổi khác cũng tham dự.⁷⁰⁷

Năm khởi đầu thập niên chuẩn bị mừng Năm thánh của Giáo phận Qui Nhơn trùng với Năm Thánh Phaolô. Đây là một năm đặc biệt dành kính Thánh Phaolô, Tông đồ, nhân kỷ niệm ngày sinh của Ngài cách đây 2000 năm.⁷⁰⁸ Thánh Phaolô là một bậc thầy trong việc rao giảng Tin Mừng trong Giáo Hội hoàn vũ, người được mệnh danh là "Tông đồ dân ngoại". Năm Thánh Phaolô được Giáo Hội long trọng

⁷⁰⁶ Xem bản báo cáo về hiện tình Giáo phận Qui Nhơn của Đức cha Phêrô Nguyễn Soạn tại hội nghị thường niên lần II năm 2008 của Hội đồng Giám mục Việt Nam, trong *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 125, tháng 9 năm 2008, tr. 579.

⁷⁰⁷ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 121, tháng 5 năm 2008, tr. 276-277; Số 122, tháng 6 năm 2008, tr. 326-332.

⁷⁰⁸ Ngày 28.06.2007, trong buổi hát kinh chiều I lễ trọng kính hai Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô, tại đền thờ Thánh Phaolô ngoại thành Rôma, Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI đã loan báo dành một năm để kính nhớ Thánh Phaolô tông đồ, bắt đầu từ ngày 29.06.2008 đến hết ngày 29.06.2009, nhân dịp kỷ niệm 2000 năm sinh nhật của Ngài. Mặc dù không có tài liệu nào cho biết đích xác ngày sinh của Ngài, nhưng các nhà chuyên môn đã suy đoán rằng Ngài sinh vào khoảng giữa năm 7 và năm 10 sau Đức Kitô. Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 117, tháng 1 năm 2008, tr. 16-22.

cử hành trên khắp hoàn cầu từ ngày 29.06.2008 đến ngày 29.06.2009, để mọi người hiểu biết hơn về con người của Thánh Phaolô, về sức mạnh của lời rao giảng và việc làm chứng của Ngài về Đức Kitô, nhờ đó các tín hữu noi gương Ngài dẫn thân cách hăng say hơn nữa trong đời sống đức tin và trong các hoạt động đại kết. Đây cũng là một thời điểm quan trọng để các tín hữu tái khám phá bộ mặt phi thường của Kitô giáo thời kỳ đầu và thực hiện cuộc trở về nguồn. Trong năm này các tín hữu cũng được hưởng ơn toàn xá do Giáo Hội ban.⁷⁰⁹

Riêng đối với các nữ tu Dòng Thánh Phaolô thành Chartres, vì là con cái của Thánh Phaolô nên Giáo Hội ban đặc ân được khai mạc Năm thánh trước nửa năm, tức là từ ngày lễ kính Thánh Phaolô tông đồ trở lại, ngày 25.01.2008. Vì vậy trong ngày này, tại nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn, cộng đoàn Phaolô Qui Nhơn đã tổ chức thánh lễ trọng khai mạc Năm Thánh Phaolô do Đức Giám mục Giáo phận chủ sự.⁷¹⁰ Hiện nay trong toàn Giáo phận có 5 cộng đoàn Phaolô tại các giáo xứ: Chính tòa, Hội Lộc, Phú Thạnh ở Bình Định, Tuy Hòa và Hoa Châu ở Phú Yên. Công việc của các nữ tu là phụ giúp công việc mục vụ của giáo xứ và đảm trách ba lãnh vực được Hội dòng quan tâm đặc biệt là giáo dục trẻ em, chăm sóc bệnh nhân, giúp đỡ những người bất hạnh, đặc biệt ưu ái đối với những người bị lãng quên trong xã hội.⁷¹¹

Ngày 01.07.2008 học viện Mên Thánh Giá Qui Nhơn chính thức bước vào năm học đầu tiên của chương trình thần học chu kỳ 5 năm gồm 780 tiết học, mỗi năm khóa học kéo dài một tháng trong mùa hè tại nhà tổ Gò Thị. Đây là một chương trình của Hội dòng trong tiến trình về nguồn, nhắm đến việc đào tạo và huấn luyện các khấn sinh. Qua chương trình học viện tại Giáo phận nhà, các chị em vừa được bồi dưỡng kiến thức, chia sẻ cuộc sống chung, vừa thêm hiểu biết và gắn bó với Giáo phận mẹ. Hy vọng lớp thần học học viện được tổ chức hằng năm tại Giáo phận sẽ góp phần hình thành những nữ tu với nét đặc trưng của Dòng Mên Thánh Giá Qui Nhơn.⁷¹²

⁷⁰⁹ Ngày 07.07.2008 Đức Giám mục Giáo phận gửi thư đến mọi thành phần dân Chúa trong Giáo phận để hướng dẫn việc lãnh ơn toàn xá trong Năm Thánh Phaolô. Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 123, tháng 7 năm 2008, tr. 418-420.

⁷¹⁰ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 117, tháng 1 năm 2008, tr. 11.

⁷¹¹ Dòng Thánh Phaolô đã có mặt tại Giáo phận Qui Nhơn từ năm 1914 với nhiệm vụ điều hành và phục vụ các bệnh nhân tại nhà thương Kim Châu của Giáo phận. Trước năm 1975 tại giáo xứ Châu Ổ, tỉnh Quảng Ngãi, cũng có một cộng đoàn Phaolô, nhưng nay không còn nữa.

⁷¹² Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 123, tháng 7 năm 2008, tr. 439-441.

Cũng trong định hướng 10 năm chuẩn bị kỷ niệm 400 năm Giáo phận đón nhận Tin Mừng, năm 2008 Giáo phận đã phát hành bộ sách giáo lý phổ thông mới của "Chương trình giáo lý Công giáo Giáo phận Qui Nhơn". Kể từ niên khóa 2008-2009 chương trình giáo lý mới sẽ được áp dụng tại các giáo xứ trong toàn Giáo phận. Ngoài ra, tại Hội Nghị thường niên ở Bãi Dâu từ ngày 25 đến ngày 27.03.2008, Hội đồng Giám mục Việt Nam đã chính thức chấp thuận chọn ngày làm chứng của Chân phước Anrê Phú Yên, 26 tháng 07, làm Ngày Giảng viên Giáo lý Việt Nam hằng năm. Vì thế, sau khi tổ chức trọng thể ngày hội trại giáo lý viên và thánh lễ mừng Chân phước Anrê Phú Yên tại Măng Lăng vào ngày 25 đến 26 tháng 07, Giáo phận cũng tổ chức khóa huấn luyện giáo lý viên cấp Giáo phận theo chương trình mới từ chiều 04 tháng 08 đến chiều 08 tháng 08 tại chủng viện Qui Nhơn với 120 giáo lý viên đến từ 35 giáo xứ và 3 giáo họ biệt lập. Đây là khóa huấn luyện giáo lý viên cấp Giáo phận được tổ chức lại sau một thời gian khá lâu vì nhiều lý do không thể thực hiện được.⁷¹³

Ngày 08.09.2008, lễ sinh nhật Đức Mẹ, Bồn mạng của Legio Mariae, tại nhà nguyện chủng viện Qui Nhơn đã diễn ra cuộc họp công bố quyết định của Hội đồng Regia Huế thành lập Hội đồng Comitium Qui Nhơn, với sự hiện diện của các cha linh giám, các đại diện Hội đồng Senatus Việt Nam và Regia Huế, toàn thể Hội đồng Comitium Qui Nhơn, đại diện các hội đồng Curia Kim Châu, Tuy Hòa và Sơn Hòa. Comitium là hội đồng cấp Giáo phận có "bồn phận bảo vệ sự hợp nhất, duy trì lý tưởng nguyên thủy, bảo tồn nguyên vẹn tinh thần, kỷ luật, thông lệ và phát triển Legio" (trích điều 2 của quyết định).⁷¹⁴ Linh giám của Comitium Qui Nhơn là linh mục Matthêô Nguyễn Văn Khôi, chánh xứ Chính tòa kiêm hạt trưởng Bình Định.

⁷¹³ Cùng với việc phát hành rộng rãi bộ sách giáo lý phổ thông và việc tổ chức khóa tập huấn giáo lý viên, Đức Giám mục Giáo phận cũng gửi thư đến các linh mục và các phụ huynh để giới thiệu cách sử dụng bộ sách giáo lý này. Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 124, tháng 8 năm 2008, tr. 496-497, 501-503; Số 125, tháng 9 năm 2008, tr. 569-571.

⁷¹⁴ Legio Mariae đã được thành lập tại Qui Nhơn năm 1958 vào thời Đức cha Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi, với sự hiện diện của cha Alix, đại diện Senatus Việt Nam, và chị Jonblynh, đại diện Concilium tại Dublin (Ái Nhĩ Lan). Ba praesidia đầu tiên được thành lập: 1 tại Qui Nhơn, 1 tại Kim Châu và 1 tại Gò Thị. Kể từ ngày đó Legio Mariae đã phát triển mạnh mẽ, góp phần rất lớn vào phong trào tông giáo trong khắp Giáo phận. Sự phát triển ấy được đánh dấu bằng việc thành lập hội đồng Curia Qui Nhơn năm 1960, sau đó được nâng cấp thành hội đồng Comitium năm 1965. Sau thời gian tạm ngưng hoạt động từ năm 1975 đến năm 1989 vì hoàn cảnh khó khăn, Legio Mariae đã sinh hoạt trở lại và gặt hái nhiều thành quả tốt đẹp trong

Một niềm vui lớn lao đã được Chúa ban xuống cho Giáo phận vào ngày 21.02.2009, khi phòng báo chí Tòa Thánh thông báo Đức Thánh Cha Bênêdictô XVI bổ nhiệm cha Vinh Sơn Nguyễn Văn Bản thuộc hàng giáo sĩ Qui Nhơn làm Giám mục Chính tòa Giáo phận Ban Mê Thuột. Giáo phận Ban Mê Thuột được thành lập ngày 22.06.1967 tách ra từ Giáo phận Kontum, còn Giáo phận Kontum được tách ra từ Giáo phận Qui Nhơn năm 1932. Vì vậy Giáo phận Ban Mê Thuột cũng gián tiếp được tách ra từ Giáo phận Qui Nhơn và giờ đây được cai quản bởi một Giám mục xuất thân từ Giáo phận Qui Nhơn. Lễ tấn phong được cử hành tại nhà thờ Chính tòa Ban Mê Thuột ngày 12.05.2009 do Đức Tổng Giám mục Stêphanô Nguyễn Như Thế chủ phong, hai Đức cha Giuse Võ Đức Minh và Giuse Châu Ngọc Tri phụ phong.

Nhân kỷ niệm 150 năm ngày qua đời của Cha Thánh Gioan Baotixita Maria Vianney, Đức Thánh Cha Bênêdictô XVI đã ấn định một năm đặc biệt gọi là "Năm Linh Mục" bắt đầu từ ngày 19.06.2009 đến ngày 19.06.2010, nhằm mời gọi các linh mục thánh hóa bản thân để trở nên những mục tử thánh thiện mang con tim của Đức Giêsu. Đây cũng là dịp để đào sâu căn tính của chức linh mục trong Giáo Hội và xã hội. Trong năm này Tòa Thánh cũng ra Sắc lệnh ban ân xá đặc biệt cho toàn thể Giáo Hội, gồm ơn toàn xá và ân xá từng phần.⁷¹⁵ Đức Giám mục Giáo phận cũng gửi thư đến cộng đồng dân Chúa Giáo phận để kêu gọi và hướng dẫn việc cử hành Năm thánh đặc biệt này.⁷¹⁶

Năm 2009 Đức Giám mục Giáo phận đã quyết định thành lập các ban mục vụ để thực hiện chương trình mục vụ của Giáo phận hướng đến mừng 400 năm Giáo phận đón nhận Tin Mừng.⁷¹⁷ Từ ngày 13 đến 15.07.2009 Ban giáo dân đã tổ chức khóa huấn luyện các chức việc cấp Giáo phận với sự tham dự của 162 chức việc đến từ hầu hết giáo xứ trong Giáo phận. Đây là khóa huấn luyện chức việc đầu tiên của Giáo phận kể từ sau năm 1975. Ban văn hóa quyết định tổ chức "giải văn thơ linh mục Đấng Đức Tuân" lần thứ nhất, dành cho các em học sinh giáo lý, để giúp các em trau dồi tiếng Việt và phát huy khả năng văn chương của mình.

công tác tông đồ giáo dân, nên Comitium Qui Nhơn được tái lập. Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 125, tháng 9 năm 2008, tr. 564-566.

⁷¹⁵ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 133, tháng 5 năm 2009, tr. 260-262.

⁷¹⁶ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 134, tháng 6 năm 2009, tr. 356-358.

⁷¹⁷ Xem bài thuyết trình "Tổ chức mục vụ của Giáo phận" của Lm. Matthêô Nguyễn Văn Khôi, trong *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, phụ bản số 131, tháng 3 năm 2009, tr. 5-13.

Cũng trong năm 2009 có 3 giáo xứ được tái lập và 8 giáo xứ mới được thành lập trong cả ba Giáo hạt, nâng tổng số giáo xứ trong toàn Giáo phận từ 36 đến 47. Tại Giáo hạt Phú Yên, ngày 27.05.2009: giáo xứ Gò Duối được công bố thành lập, tách ra từ giáo xứ Sông Cầu, gồm các tín hữu trong địa bàn các xã Xuân Hải, Xuân Lộc, Xuân Bình, Xuân Cảnh và Xuân Hòa, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, cha xứ tiên khởi là linh mục Phêrô Nguyễn Xuân Hòa;⁷¹⁸ giáo xứ Hóc Gáo được công bố thành lập, tách ra từ giáo xứ Tuy Hòa, gồm các tín hữu trong địa bàn các xã Hòa Quang Bắc, Hòa Quang Nam, Hòa Định Đông, Hòa Định Tây và Hòa Thắng, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên, cha xứ tiên khởi là linh mục Augustinô Nguyễn Văn Phú;⁷¹⁹ giáo xứ Trà Kê được công bố tái lập, bao gồm các tín hữu trong địa bàn các xã Phước Tân, Sơn Hội và Cà Lúi, thuộc huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên, cha xứ là linh mục Phanxicô Assisi Phạm Đình Triều.⁷²⁰ Ngày

⁷¹⁸ Năm 1894-1895, thầy Sô và thầy Tài là hai thầy giúp xứ Măng Lăng đã có công gây dựng giáo điểm Gò Duối. Từ đó Gò Duối là nơi thường có các linh mục đến ở và làm việc: cha Bản (1895), cha Hương (1897), cha Cao (1898-1910). Từ thời cha Cao, cha phó Măng Lăng nhưng ở Gò Duối, phía Bắc Măng Lăng đã có các nhà thờ: Gò Duối, Sông Cầu, Lệ Uyên, Trùm Tường, Thạch Khê và Tuy Lực, trong đó Gò Duối là nơi có linh mục ở thường xuyên. Gò Duối cũng là nơi hân hạnh được đón tiếp các Đức cha về ban Bí tích thêm sức: Đức cha Grangeon Mẫn năm 1907, Đức cha Jeanningros Vị năm 1914 và 1918. Từ năm 1958, Gò Duối cũng được một số cha đến ở: cha Hòa (1958-1959), cha Phước (1960-1966). Cha Phaolô Trương Đắc Căn, cha xứ Sông Cầu, xây dựng nhà thờ Gò Duối năm 1996 và nhà xứ năm 1998. Từ năm 1999, Gò Duối là nơi ở và làm việc của các cha phó Sông Cầu: cha Phanxicô Xaviê Trần Đăng Đức (1999-2003), cha Augustinô Nguyễn Văn Phú (2003-2009).

⁷¹⁹ Theo báo cáo năm 1850 của Thánh Giám mục Stêphanô Cuénôt Thê, vào thời điểm ấy Hóc Gáo đã có 228 giáo dân. Trong cuộc tàn sát của Văn Thân năm 1885, Hóc Gáo là nơi các giáo dân từ các nơi khác chạy đến ẩn trốn, nhưng rồi cũng bị Văn Thân tìm đến khiến một số bị giết chết, một số khác phải chạy trốn. Sau Văn Thân, một số giáo dân lánh nạn trở về và cha Joseph Guitton đã tái thiết lại Hóc Gáo. Từ năm 1995, các cơ sở lần lượt được xây mới: nhà thờ, nhà hội, nhà giáo lý. Từ năm 2003, cha Phêrô Nguyễn Xuân Hòa, phó xứ Tuy Hòa, đặc trách mục vụ giáo họ Hóc Gáo.

⁷²⁰ Trà Kê là một giáo điểm được các thừa sai thành lập sau năm 1850 và trước năm 1861. Trà Kê trước kia là một họ đạo thuộc địa sở Đồng Tre. Trong bảng thống kê năm 1910-1911 vùng Phú Yên có 4 địa sở: Măng Lăng, Đồng Tre, Hoa Vông, Tịnh Sơn. (Mm số 77/1911, tr. 103). Năm 1920, Trà Kê đã hiện diện bên cạnh các địa sở khác trong bảng thống kê hiện tình Giáo phận: Măng Lăng, Đồng Tre, Trà Kê, Tịnh Sơn, Hoa Vông (Mm 1920, tr. 66). Như vậy có thể nói Trà Kê đã là một địa sở từ đó. Tháng 06 năm 1928 khi cha Giacôbê Dung từ Trà Kê được bổ nhiệm về làm cha sở Măng Lăng, thì Trà Kê do cha sở Tịnh Sơn kiêm nhiệm. Từ năm 1943

28.05.2009 giáo xứ Đa Lộc được công bố thành lập, tách ra từ giáo xứ Đồng Tre, gồm các tín hữu trong địa bàn các xã Đa Lộc và Xuân Lãnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, cha xứ tiên khởi là linh mục Tôma Nguyễn Công Bình.⁷²¹

Tại Giáo hạt Quảng Ngãi, ngày 10.09.2009, giáo xứ Kỳ Tân được công bố tái lập, gồm các tín hữu trong địa bàn thị trấn Sông Vệ và các xã Nghĩa Phương, Nghĩa Mỹ, Nghĩa Hiệp thuộc huyện Tư Nghĩa, các xã Đức Nhuận, Đức Thắng, Đức Lợi, Đức Hiệp thuộc huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, cha xứ là linh mục Grêgôriô Lê Văn Hiếu.⁷²²

Tại Giáo hạt Bình Định, ngày 22.09.2009: giáo xứ Gia Chiểu được công bố tái lập bao gồm các tín hữu trong địa bàn huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, cha xứ là linh mục Giuse Nguyễn Đình Bút,⁷²³ giáo xứ Cây Rối được công bố thành lập, tách ra từ giáo xứ Phù Cát bao gồm các tín hữu trong địa bàn các xã Cát Sơn, Cát Lâm, Cát Hanh và Cát Hiệp, thuộc huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, cha xứ tiên khởi là linh mục Gioakim Nguyễn Đức Quang.⁷²⁴ Ngày 23.09.2009, giáo xứ

đến 1947 Trà Kê lại có các cha sở ở tại chỗ là cha Augustinô Thịn và cha Antôn Dẫn. Sau đó, do thiếu linh mục, Trà Kê trở thành một họ đạo của địa sở Tịnh Sơn.

⁷²¹ Trong thập niên 1955-1975, do phong trào tông giáo lớn mạnh, tại Đa Lộc đã có một cộng đoàn họ đạo nhỏ. Năm 1979 cộng đoàn tăng số nhờ số giáo dân từ Cam Ranh đến xây dựng vùng kinh tế mới tại đây. Từ năm 2004, cha Tôma Nguyễn Công Bình, phó xứ Đồng Tre, thường xuyên ở tại Đa Lộc để chăm sóc mục vụ cho giáo dân.

⁷²² Kỳ Tân trước kia là một địa sở được thành lập vào khoảng năm 1951, tách ra từ địa sở Châu Me. Vì lý do chiến tranh, từ năm 1965 đến 1966 nhiều giáo dân đã di tản. Số ít giáo dân còn lại tập trung sinh hoạt tại hai nhà thờ Phú Mỹ và Bàu Giang do cha xứ Châu Me kiêm nhiệm. Sau ngày 30.04.1975, giáo xứ Châu Me cũng không có cha xứ, nên giáo xứ Kỳ Tân được cha xứ Quảng Ngãi kiêm nhiệm. Từ năm 2003, cha Grêgôriô Lê Văn Hiếu, phó xứ Quảng Ngãi, đặc trách giáo xứ Kỳ Tân. Vì nhà thờ Kỳ Tân đã bị phá hủy, nên nhà thờ giáo xứ hiện nay là nhà thờ Phú Mỹ.

⁷²³ Gia Chiểu trước kia là một địa sở được thành lập năm 1939, tách ra từ địa sở Đồng Quã. Từ năm 1965 đến 1975 các giáo xứ tại các huyện phía Bắc tỉnh Bình Định không còn vì giáo dân di tản hầu hết, riêng giáo xứ Gia Chiểu vẫn còn sinh hoạt cho đến mùa hè năm 1972. Sau đó giáo dân cũng di tản, giáo xứ không còn. Sau ngày 30.04.1975, giáo dân hồi cư và được cha xứ Đại Bình chăm sóc. Năm 2008 linh mục Giuse Nguyễn Đình Bút, phó xứ Đại Bình, được bổ nhiệm làm cha phó biệt lập tại Gia Chiểu.

⁷²⁴ Cây Rối nguyên là một họ đạo thuộc địa sở Truong Dốc (sau này gọi là Nhà Đá), được thành lập sau phong trào Văn Thân và trước năm 1893, thời cha Hamon làm cha sở Truong Dốc và thường được các cha phó Truong Dốc đến ở và chăm sóc mục vụ. Từ năm 1946-1954, các họ đạo Cây Rối, Hội Sơn, Tùng Chánh, An Điềm, Hiệp Luân, Vĩnh Ân và Tân Hóa được tách khỏi địa sở Nhà Đá và lập thành họ đạo

Huỳnh Kim được công bố thành lập, tách ra từ giáo xứ Kim Châu, gồm các tín hữu trong địa bàn các thôn Huỳnh Kim, Phú Sơn, Tân Hòa của xã Nhơn Hòa, huyện An Nhơn (nay là thị xã An Nhơn), và các thôn Phong Tấn, Phú Mỹ 1, Phú Mỹ 2 và Trung Thành của xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, cha xứ tiên khởi là linh mục Giuse Nguyễn Bá Trung.⁷²⁵ Ngày 24.09.2009, giáo xứ Phú Hữu được công bố thành lập, tách ra từ giáo xứ Kiên Ngãi, gồm các tín hữu trong địa bàn các xã Bình Tân, Bình Thuận, và các thôn Đồng Hòa, Trường Định, Vĩnh Lộc của xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, cha xứ tiên khởi là linh mục Gioakim Nguyễn Ngọc Minh.⁷²⁶ Ngày 25.09.2009, giáo xứ Lục Lễ được công bố thành lập, tách ra từ giáo xứ Gò Thị, gồm các tín hữu trong địa bàn xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, cha xứ tiên khởi là linh mục Phêrô Nguyễn Đình Hưng;⁷²⁷ ngày 26.09.2009, giáo xứ Hội Lộc được công bố thành lập, tách ra từ giáo xứ Chính tòa Qui Nhơn, gồm các tín hữu trong địa bàn các xã Nhơn Hội, Nhơn Hải và Nhơn Lý thuộc thành phố Qui Nhơn, cha xứ tiên khởi là linh mục Gioakim Dương Minh Thanh.⁷²⁸

biệt lập. Sau năm 1954, vì không có linh mục coi sóc nên họ đạo Cây Rời nhập lại với địa sở Nhà Đá. Từ năm 1975 giáo xứ Nhà Đá không còn, nên Cây Rời trở thành giáo họ thuộc giáo xứ Phù Cát. Năm 2005 linh mục Gioakim Nguyễn Đức Quang được bổ nhiệm làm cha phó biệt lập tại Cây Rời.

⁷²⁵ Huỳnh Kim nguyên là một họ đạo thuộc địa sở Kim Châu, được thành lập từ thời cha sở Jules Labiausse Sáng (1920-1927). Năm 1925 Huỳnh Kim đã có 104 tín hữu. Năm 2008 linh mục Giuse Nguyễn Bá Trung được bổ nhiệm làm cha phó biệt lập ở tại Huỳnh Kim.

⁷²⁶ Phú Hữu nguyên là một họ đạo thuộc địa sở Kỳ Bương. Năm 1956, khi cha Phêrô Nguyễn Sĩ Tư được bổ nhiệm làm cha sở Kỳ Bương, cha đã được phép dời cư sở về Sông Cạn, từ đó tên gọi địa sở Kỳ Bương được thay thế bằng tên gọi giáo xứ Sông Cạn, và giáo họ Phú Hữu thuộc về giáo xứ Sông Cạn. Năm 1976 giáo họ Phú Hữu được sáp nhập vào giáo xứ Mỹ Thạch (tức Kiên Ngãi ngày nay). Năm 2003 linh mục Gioakim Nguyễn Ngọc Minh được bổ nhiệm làm cha phó Kiên Ngãi, nhưng thường trú tại Phú Hữu.

⁷²⁷ Lục Lễ nguyên là một giáo họ thuộc giáo xứ Gò Thị. Vì quá xa nhà thờ giáo xứ, nên năm 2008 linh mục Phêrô Nguyễn Đình Hưng được bổ nhiệm làm cha phó biệt lập ở tại Lục Lễ.

⁷²⁸ Hội Lộc còn có tên gọi là họ Đầm hay Hóc Đạo. Đây là phần đất do Thánh Trùm cả Anrê Nguyễn Kim Thông khai khẩn. Theo thống kê năm 1850 của Thánh Giám mục Stêphanô Thê, Hội Lộc lúc ấy đã có 40 tín hữu. Lúc đầu Hội Lộc thuộc địa sở Gò Thị, rồi thuộc địa sở Tân Dinh và cuối cùng thuộc giáo xứ Qui Nhơn. Năm 2005 linh mục Gioakim Dương Minh Thanh được bổ nhiệm làm cha phó biệt lập ở tại Hội Lộc.

Trong hai năm qua có một số nhà thờ được xây dựng mới và được cung hiến hay làm phép như: nhà thờ Vĩnh Phú, giáo xứ Bàu Gốc, do cha Grêgôriô Văn Ngọc Anh xây dựng, được cung hiến ngày 19.06.2008; đền kính Chân phước Anrê Phú Yên do cha Phêrô Nguyễn Cấp xây dựng, được làm phép ngày 25.07.2008; nhà thờ Phú Hữu thuộc giáo xứ Kiên Ngãi do cha phó Gioakim Nguyễn Ngọc Minh xây dựng, được cung hiến ngày 12.08.2008. Ngoài ra cũng có vài nhà thờ được trùng tu và làm phép lại như: nhà thờ Hoa Châu ngày 20.07.2009, nhà thờ Châu Ổ ngày 06.09.2009.

2.4. Chứng viện Qui Nhơn

Sau khi cha Vinh Sơn Nguyễn Văn Bản được Tòa Thánh bổ nhiệm làm Giám mục Giáo phận Ban Mê Thuột, Đức cha Phêrô đã đặt cha Giuse Huỳnh Văn Sỹ làm giám đốc chứng viện Qui Nhơn thay thế cha Vinh Sơn.

Như đã nói trên, từ năm 1992 Giáo phận đã gửi các ứng sinh vào học tại Đại chủng viện Nha Trang. Để chuẩn bị các ứng sinh, từ năm 1994 cha Tổng đại diện Phêrô Nguyễn Soạn đã gửi một số ứng sinh vào Nha Trang sống thành nhóm ngoại trú để học hành và được hướng dẫn.

Từ năm 2003 đến 2005, bắt đầu có một ít ứng sinh ở thường xuyên tại chứng viện Qui Nhơn do cha Tổng đại diện Anrê Huỳnh Thanh Khương đặc trách. Từ năm 2005 đến 2009, cha Vinh Sơn Nguyễn Văn Bản được chỉ định đặc trách các ứng sinh, nhưng lúc đó vì hoàn cảnh xã hội còn khó khăn nên việc tổ chức huấn luyện chưa thực sự đi vào nề nếp.

Từ tháng 03 năm 2009, sau khi được Đức Giám mục Giáo phận chỉ định làm giám đốc chứng viện Qui Nhơn, cha Giuse Huỳnh Văn Sỹ đã cố gắng để việc đào tạo các ứng sinh đi vào nề nếp, qui củ hơn và chỉnh trang cơ sở vật chất của chứng viện cho thích hợp với việc đào tạo.

Nhờ hoàn cảnh xã hội dễ dàng hơn với sự chấp thuận mặc nhiên của chính quyền, nên số ứng sinh ở tại chứng viện Qui Nhơn ngày càng đông. Số ứng sinh được đào tạo tại chứng viện trung bình từ 35 đến 40 và được chia thành ba lớp. Lớp I gồm các em đang học chương trình cao đẳng hay đại học; lớp II và III gồm các em học xong chương trình cao đẳng hay đại học và đang tiếp tục theo chương trình 2 năm của chứng viện Qui Nhơn. Sau khi học xong năm thứ hai của chương

trình chủng viện, hàng năm (kể từ niên khóa 2008-2009) các ứng sinh sẽ được xét để gởi vào Đại chủng viện Sao Biển Nha Trang.

Chương trình đào tạo tại chủng viện Qui Nhơn dựa theo *Ratio* của Hội đồng Giám mục Việt Nam, gồm các mặt: nhân bản, thiêng liêng, trí thức và mục vụ. Các môn học gồm có: giáo lý, tu đức, nhân bản, thánh nhạc, tiếng Việt, ngoại ngữ (Anh, Latinh, Pháp), giáo sử... Bên cạnh đó còn có những chương trình ngoại khóa giúp các ứng sinh rèn luyện kỹ năng sống. Nội qui chủng viện Qui Nhơn cũng được điều chỉnh cho thích hợp với việc đào tạo.

2.5. Trong Năm thánh Giáo Hội Việt Nam 2010

Qua văn thư của Tòa Ân giải Tối cao, ký ngày 11.02.2009, Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI đã chấp thuận đơn xin của Hội đồng Giám mục Việt Nam, cho phép Giáo Hội tại Việt Nam mở Năm thánh đặc biệt từ lễ Các Thánh Tử Đạo Việt Nam, 24.11.2009, đến lễ Hiền Linh, 06.01.2011. Nhận được văn thư này, ngày 09.10.2009, Đức cha Phêrô Nguyễn Văn Nhơn, chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam đã ký văn thư công bố mở Năm thánh của Giáo Hội tại Việt Nam, kỷ niệm 350 thiết lập hai Giáo phận Tông tòa Đàng Ngoài và Đàng Trong (1659-2009) và 50 năm thiết lập Hàng Giáo phẩm Công giáo Việt Nam (1960-2010). Đây là thời điểm thuận lợi và hồng phúc giúp cộng đồng dân Chúa tại Việt Nam "nhìn lại quá khứ để tạ ơn Chúa và lắng nghe bài học của lịch sử, nhìn vào hiện tại để nhận diện những thuận lợi và thách đố, nhìn tới tương lai để cùng nhau canh tân đời sống và xây dựng Giáo Hội theo đúng thánh ý Thiên Chúa". Năm thánh cũng là cơ hội thuận lợi để mọi người "học hỏi về Giáo Hội mẫu nhiệm, hiệp thông và sứ vụ". Cuối cùng, Năm thánh "phải là động lực thúc đẩy các tín hữu hăng say chia sẻ niềm vui đức tin với tất cả mọi người dân Việt".⁷²⁹

Tại Giáo phận Qui Nhơn, Đức Giám mục cũng ban hành văn thư hướng dẫn cử hành Năm thánh, qui định một số việc phải thực hiện và chương trình cử hành trên qui mô Giáo phận, Giáo hạt và giáo xứ.⁷³⁰

⁷²⁹ Xem "Thư Hội đồng Giám mục Việt Nam gửi cộng đồng dân Chúa công bố Năm thánh 2010" và "Phụ lục Thư công bố Năm thánh 2010 về việc hưởng ơn toàn xá trong Năm thánh", trong *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 138, tháng 10 năm 2009, tr. 757-764.

⁷³⁰ Xem "Văn thư hướng dẫn cử hành Năm thánh 2010 tại Giáo phận Qui Nhơn", trong *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 139, tháng 11 năm 2009, tr. 852-857.

Ba ngày sau lễ khai mạc Năm thánh cho toàn thể Giáo Hội Việt Nam được tổ chức tại Sở Kiện ngày 24.11.2009, sáng thứ sáu ngày 27 tháng 11 Giáo phận cũng đã long trọng tổ chức thánh lễ khai mạc Năm thánh tại nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn do Đức Giám mục Giáo phận chủ sự.

Kể từ năm 2009 khi đã thành lập các Ban mục vụ Giáo phận, các hoạt động mục vụ ngày càng thêm phong phú. Các cha đặc trách các ban đã cố gắng duy trì hoạt động thường xuyên và có nhiều sáng kiến để thực hiện định hướng của Giáo phận trong hành trình 10 năm chuẩn bị mừng kỷ niệm 400 năm Giáo phận đón nhận Tin Mừng.

Trong khung cảnh Năm thánh của Giáo Hội Việt Nam, ngày 31.12.2009 Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI bổ nhiệm cha Matthêô Nguyễn Văn Khôi, chánh xứ Chính tòa Qui Nhơn kiêm hạt trưởng Bình Định, làm Giám mục phó Giáo phận Qui Nhơn.⁷³¹ Sau một tháng chuẩn bị, sáng ngày 04.02.2010 thánh lễ tấn phong Giám mục đã được long trọng cử hành tại lễ đài trước mặt tiền chủng viện Qui Nhơn. Đây là vị Giám mục đầu tiên được tấn phong trong Năm thánh Giáo Hội Việt Nam. Vị chủ phong là Đức cha Phêrô Nguyễn Văn Nhơn, Giám mục Đà Lạt, chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam. Hai vị phụ phong là Đức cha Giuse Nguyễn Chí Linh, Giám mục Thanh Hóa và Đức cha Giuse Nguyễn Năng, Giám mục Phát Diệm. Vị giảng lễ là Đức cha Cosma Hoàng Văn Đạt. Cả ba vị này là những bạn học cùng khóa 13 với Đức cha Matthêô tại Giáo Hoàng Học Viện Piô X Đà Lạt.

Cùng đồng tế thánh lễ còn có Đức Hồng Y Gioan Baotixita Phạm Minh Mẫn, Tổng Giám mục Sài Gòn, Đức cha Stêphanô Nguyễn Như Thế, Tổng Giám mục Huế, Đức cha Phêrô Nguyễn Soạn, Giám mục Giáo phận Qui Nhơn, Đức cha Giuse Vũ Duy Thống (Phan Thiết), Đức cha Giuse Châu Ngọc Tri (Đà Nẵng), Đức cha Phêrô Trần Đình Tứ (Phú Cường), Đức cha Micae Hoàng Đức Oanh và Đức cha Phêrô Trần Thanh Chung (Kontum), Đức cha Phaolô Nguyễn Văn Hòa và Đức cha Giuse Võ Đức Minh (Nha Trang), Đức cha Tôma Nguyễn Văn Trâm (Bà Rịa), Đức cha Phaolô Bùi Văn Đọc (Mỹ Tho), Đức cha Giuse Vũ Văn Thiên (Hải Phòng), Đức cha Phanxicô Xaviê Lê Văn Hồng (Huế), Đức cha Laurenxô Chu Văn Minh (Hà Nội), Đức cha Antôn Vũ Huy Chương (Hưng Hóa), Đức cha Giuse Đặng Đức

⁷³¹ Đức cha Matthêô Nguyễn Văn Khôi sinh ngày 13.10.1951 tại Gò Dài, giáo xứ Gò Thị, thụ phong linh mục ngày 10.05.1989, cha xứ Nam Bình (1989-2000), du học Rôma (2000-2005), cha xứ Chính tòa Qui Nhơn (2005-2010) kiêm hạt trưởng Bình Định (2006-2010).

Ngân (Lạng Sơn), Đức cha Vinh Sơn Nguyễn Văn Bản (Ban Mê Thuột), Đức cha Tôma Vũ Đình Hiệu (Xuân Lộc), Đức cha Stêphanô Tri Bửu Thiên (Cần Thơ), Đức cha Tôma Nguyễn Văn Tân (Vĩnh Long), Đức Viện phụ Thiên An và hơn 300 linh mục trong và ngoài Giáo phận, đặc biệt có cha cựu linh hướng tại Giáo Hoàng Học Viện Piô X Đà Lạt ngày trước là cha Paul Deslierres từ Canada sang, mặc dù đã 90 tuổi.

Sau ngày tấn phong, Đức cha Matthêô dâng lễ tạ ơn ở một số nơi liên hệ và đi thăm mục vụ các giáo xứ trong toàn Giáo phận, từ Quảng Ngãi, Bình Định đến Phú Yên, chủ sự những ngày cử hành Năm thánh trong khắp Giáo phận, đặc biệt ngày lễ trạm Năm thánh tại Giáo hạt Quảng Ngãi (22.02.2010), ngày cử hành Năm thánh cho Legio Mariae tại Qui Nhơn (25.03.2010) và cho giới trẻ Giáo phận tại chủng viện Qui Nhơn (14.03.2010), lễ trạm Năm thánh Giáo hạt Bình Định (29.06.2010), hội trại văn thơ Đặng Đức Tuấn lần thứ nhất tại khuôn viên nhà thờ Chính tòa (19-21.07.2010), hội trại Anrê Phú Yên tại Măng Lăng (25-26.07.2010), lễ mừng kim khánh nhà thờ Tuy Hòa và cũng là lễ trạm Năm thánh của Giáo hạt Phú Yên (27.08.2010).

Cũng trong khung cảnh Năm thánh, một số nhà thờ được xây dựng mới và được cung hiến như: nhà thờ Đập Đá thuộc giáo xứ Kim Châu do cha Gioakim Nguyễn Hoàng Trí xây dựng, được cung hiến ngày 01.05.2010; nhà thờ giáo xứ Phù Mỹ do cha Anrê Đình Duy Toàn xây dựng, được cung hiến ngày 15.12.2010.⁷³² Nhà thờ giáo họ Mỹ Ngọc thuộc giáo xứ Trường Cửu cũng được trùng tu và làm phép ngày 02.10.2010.

2.6. Hậu Năm thánh 2010

Để chuẩn bị mừng kỷ niệm 400 năm Giáo phận đón nhận Tin Mừng, Đức Giám mục Giáo phận đã cho xây dựng một đài tưởng niệm tại Nước Mặn là nơi Tin Mừng đã được các thừa sai Dòng Tên đến rao giảng lần đầu tiên trong Giáo phận. Đây là công trình do cha

⁷³² Nhà thờ cũ do cha Bênadô Phan Văn Hoàng, cha xứ Nhà Đá, xây dựng năm 1963, dài 30m, rộng 12m, quay mặt về hướng Bắc, thường phải hứng chịu những cơn gió bắc trong mùa đông, nên đã bị xuống cấp. Nhà thờ mới được cha xứ Anrê Đình Duy Toàn khởi công xây dựng từ ngày 29.06.2009, dài 43m, rộng 19m, với tháp chuông cao 32,7m, quay về hướng Nam. Cùng với việc xây dựng nhà thờ mới, cha xứ còn xây dựng nhà xứ, nhà sinh hoạt, nhà an bình để hải cốt, nâng cao và nới rộng khuôn viên nhà thờ. Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 152, tháng 12 năm 2010, tr. 1001-1005.

Gioan Võ Đình Đệ xây dựng, theo hình dáng một gốc cây đa với 16 nhánh, tượng trưng cho 16 Giáo phận được sinh ra từ Giáo phận Đà Nẵng, tiền thân của Giáo phận Qui Nhơn ngày nay, tức là các Giáo phận từ Huế trở vào: Huế, Đà Nẵng, Qui Nhơn, Kontum, Ban Mê Thuột, Nha Trang, Phan Thiết, Đà Lạt, Bà Rịa, Xuân Lộc, Sài Gòn, Phú Cường, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ và Long Xuyên. Xung quanh gốc đa có gắn 7 tấm bia đá, mỗi bia được khắc ghi bằng một thứ tiếng: Nôm, Quốc ngữ, Latinh, Ý, Bồ, Pháp và Anh.

Sau đây là nguyên văn bằng Quốc ngữ:

ĐỂ MUÔN ĐỜI GHI NHỚ

Tại nơi đây, Nước Mặn

- Ba linh mục Dòng Tên: *Francesco Buzomi* người Ý, *Francisco de Pina* người Bồ Đào Nha, *Cristoforo Borri* người Ý và tu huynh *António Dias* người Bồ Đào Nha, đã đến lập cơ sở truyền giáo đầu tiên vào tháng 07 năm 1618, do lời mời của quan Trần Đức Hòa, Khám lý phủ Qui Nhơn.

- Đức Giám mục *Pierre Lambert de La Motte*, Đại diện Tông tòa tiên khởi Giáo phận Đà Nẵng, tiền thân của Giáo phận Qui Nhơn, đã đến vào tháng 10 năm 1671. Đầu năm 1672, khi trở lại, ngài bổ nhiệm một linh mục Việt Nam đầu tiên như là quản xứ, đó là cha *Giuse Trang*, quê Quảng Ngãi, vị linh mục Việt Nam tiên khởi, do ngài truyền chức vào ngày 31 tháng 03 năm 1668 tại Juthia, Thái Lan. Cũng chính ngài lập Dòng Mến Thánh Giá ở Đà Nẵng, tại An Chỉ, Quảng Ngãi, vào cuối năm 1671.

Qui Nhơn, ngày 15 tháng 07 năm 2011

+ Phêrô NGUYỄN SOẠN

Giám mục Giáo phận Qui Nhơn



Đài tưởng niệm tại Nước Mặn

Ngày 29.06.2011 Đức Giám mục Giáo phận đã ký văn thư ban hành thử nghiệm Qui chế Hội đồng giáo xứ và cho phép áp dụng thử nghiệm trong thời hạn bốn năm. Tiếp theo văn thư này, từ ngày 13-15 tháng 07, Ban mục vụ giáo dân đã tổ chức khóa huấn luyện cho các chức việc tại chủng viện Qui Nhơn để học hỏi về vai trò và nhiệm vụ của Hội đồng giáo xứ theo qui chế trên. Về tham dự khóa huấn luyện có 170 chức việc của 40 giáo xứ. Khóa huấn luyện kết thúc tại nhà thờ Gò Thị với đại lễ mừng kính Thánh Trùm cả Anrê Nguyễn Kim Thông là Bồn mạng của các Hội đồng giáo xứ trong Giáo phận.⁷³³

Từ chiều 18 đến hết ngày 21.07.2011, Ban mục vụ giới trẻ Giáo phận tổ chức khóa huấn luyện linh hoạt viên tại chủng viện Qui Nhơn. Đây là lần đầu tiên Giáo phận tổ chức khóa huấn luyện này và đã qui tụ được 185 bạn trẻ từ các giáo xứ. Ngoài ra còn có sự tham dự của một số nữ tu Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn, các thầy Đại chủng viện và các chủng sinh chủng viện Qui Nhơn. Nội dung khóa huấn luyện gồm việc rèn luyện một số kỹ năng, hội thảo một số đề tài liên quan đến giới trẻ, hướng dẫn các bạn trẻ cầu nguyện theo phương pháp Taizé và Lectio divina. Một số ban khác cũng tổ chức những khóa huấn luyện theo sáng kiến của mỗi ban. Đặc biệt các ban đã có sáng kiến liên kết với nhau để tổ chức các khóa, vừa để thể hiện sự nối kết giữa các ban, vừa để tiết kiệm ngân sách trong việc tổ chức, vừa để dễ dàng điều động nhân sự hướng dẫn cũng như nhân sự tham gia, vì tại các giáo xứ những giáo dân có khả năng thường đảm trách công việc của nhiều ban mục vụ.

Ngày 22.08.2011, lễ Đức Maria Trinh Nữ Vương, Hội Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn đã dâng thánh lễ tạ ơn và cử hành nghi thức Ban hành Hiến chương mới của Hội dòng. Bắt đầu thánh lễ, cha Giuse Huỳnh Văn Sỹ, chuyên viên giáo luật của Giáo phận, đã công bố Nghị định phê chuẩn Hiến chương Hội Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn do Đức cha Phêrô Nguyễn Soạn, Giám mục Giáo phận Qui Nhơn, ấn ký ngày 08.08.2011. Sau lời nguyện hiệp lễ, chiếu theo quyền hạn do hiến chương ấn định, chị Tổng phụ trách Anne Marilyn Phạm Thị Bích Hường chính thức công bố Ban hành Hiến chương Hội Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn. Sau lời công bố, từng chị em khấn sinh

⁷³³ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 159, tháng 7 năm 2011, tr. 581-583.

tiến lên cung thánh trân trọng đón nhận bản Hiến chương từ tay chị Tổng phụ trách.⁷³⁴

Với sự thỏa thuận giữa Tòa Thánh và Nhà nước Việt Nam, năm 2011 Đức Thánh Cha Bênêđictô đã bổ nhiệm Đức Tổng Giám mục Leopoldo Girelli, người Ý, làm Đại diện không thường trú của Tòa Thánh tại Việt Nam. Sau khi được bổ nhiệm, ngài bắt đầu thực hiện các chuyến viếng thăm các Giáo phận tại Việt Nam. Chuyến viếng thăm Giáo phận Qui Nhơn được ấn định từ ngày 07 đến ngày 09.09.2011. Sáng ngày 07, Đức cha Matthêô dẫn đầu phái đoàn Giáo phận Qui Nhơn đón ngài tại Tam Kỳ, đưa về dùng cơm trưa tại Quảng Ngãi rồi tiếp tục lên đường về đến Qui Nhơn lúc 4 giờ chiều. Đức cha Phêrô và linh mục đoàn Giáo phận đã tập trung tại phòng khách Tòa Giám mục để chào đón ngài. Sau đó là nghi thức chào mừng trọng thể của toàn thể cộng đồng dân Chúa Giáo phận và thánh lễ đồng tế tại nhà thờ Chính tòa. Hôm sau, ngày 08 tháng 09, ngài được hướng dẫn đi thăm viếng đền Thánh Stêphanô ở Vĩnh Thạnh, nơi ấn náu cuối cùng của Thánh Giám mục Stêphanô Cuénôt, và đài kỷ niệm Nước Mặn vừa mới hoàn thành, nơi đặt cơ sở truyền giáo đầu tiên của Giáo phận vào năm 1618. Sau đó ngài đến viếng nhà thờ Gò Thị, một giáo xứ kỳ cựu của Giáo phận và là nơi Thánh Giám mục Stêphanô đặt Tòa Giám mục, thăm nhà tổ Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn, nơi đặt tập viện đầu tiên của Hội dòng được cải tổ. Buổi chiều Đức Tổng đi thăm nhà thờ Măng Lăng, quê hương của Chân phước Anrê Phú Yên, và cử

⁷³⁴ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 160, tháng 8 năm 2011, tr. 696. Trước đó, từ năm 1997, Đức cha Phaolô Huỳnh Đông Các, Giám mục Giáo phận Qui Nhơn, đã cho phép Hội dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn sống và thực hành Hiến chương Dòng Mến Thánh Giá do nhóm nghiên cứu linh đạo Mến Thánh Giá soạn thảo và được Đức Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình phê chuẩn ngày 27.02.1990. Sau đó bản Hiến chương này lại được tu chính và được Đức Tổng Giám mục Gioan Baotixita Phạm Minh Mẫn phê chuẩn ngày 02.02.2000. Từ năm 2001, Đức cha Phêrô Nguyễn Soạn đã chấp thuận cho Hội dòng được sống và thực hành thử nghiệm bản Hiến chương mới được tu chính này. Tuy nhiên Hội dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn nhận thấy cần phải có một bản Hiến chương riêng phù hợp với Hội dòng. Vì vậy Tổng tu nghị Hội dòng năm 2009 đã quyết định thành lập Ban soạn thảo Hiến chương của Hội dòng. Ngày 29.07.2011, chị Tổng phụ trách Anne Marilyne Phạm Thị Bích Hương đã đệ trình lên Đức Giám mục Giáo phận bản Hiến chương mới được biên soạn cùng với văn thư xin phê chuẩn. Xem "Nghị định phê chuẩn Hiến chương Hội dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn, Giáo phận Qui Nhơn", của Đức Giám mục Phêrô Nguyễn Soạn, trong *Hiến chương Hội dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn, sđd.*, tr. 3-6.

hành thánh lễ đồng tế tại đó. Ngày 09 tháng 09 Đức Tổng từ giả Giáo phận Qui Nhơn để lên đường đi thăm Giáo phận Kontum.⁷³⁵

Nhân kỷ niệm 150 năm cuộc tử đạo của Thánh Giám mục Stêphanô Cuénôt Thê, Đức Tổng Giám mục André Lacrampe của Tổng Giáo phận Besançon, nước Pháp, gửi thư mời Đức cha Matthêô và Đức cha Micae Hoàng Đức Oanh (Kontum) đến dự cuộc hội thảo về Thánh Giám mục tại Bélieu, quê hương của Ngài, vào các ngày 17 và 18.09.2011. Bélieu cách Besançon độ 60km, vào thời Thánh Stêphanô Cuénôt nhà thờ Bélieu là nhà thờ giáo xứ của Tổng Giáo phận Besançon, nhưng nay vì thiếu linh mục nên chỉ còn là một nhà thờ nhánh thuộc giáo xứ Russey. Cuộc hội thảo diễn ra ngay trong nhà thờ với khoảng 300 người tham dự, trong số đó có một thượng nghị sĩ, một dân biểu quốc hội và một thị trưởng.

Cuộc hội thảo diễn tiến với ba đề tài do ban tổ chức đưa ra, mỗi bài độ 45 phút. Trước hết là bài thuyết trình của một sử gia tên là JM. Blanchot trình bày bối cảnh xã hội vào thời thánh Stêphanô tại Besançon, đặc biệt tại Bélieu. Tiếp đến Đức cha Matthêô trình bày đôi nét về nơi Thánh Giám mục Stêphanô đã sống và làm việc, tức là Gò Thị, từ thời ấy đến nay. Cuối cùng Đức cha Micae trình bày về công cuộc truyền giáo tại Tây Nguyên từ thời Thánh Giám mục Stêphanô đến nay, đặc biệt là trường đào tạo *Yao phu*. Cuộc hội thảo được tiếp nối với thánh lễ đồng tế kính Thánh Stêphanô và nghi thức cầu nguyện, dâng hoa trước tượng đài của Ngài tại sân nhà thờ. Vì có một số linh mục và giáo dân Việt Nam tham dự, nên có nhiều bài thánh ca Việt Nam được hát xen kẽ với những bài thánh ca bằng tiếng Pháp.

Sáng hôm sau, mọi người đến nhà thờ giáo xứ Russey. Tại đây, cha Jean Baptiste Etcharren, cựu Bề trên Tổng quyền Hội thừa sai Paris có bài nói chuyện về ý nghĩa của mối hiệp thông giữa các Giáo Hội, trong đó ngài nêu lên những đóng góp của các linh mục, tu sĩ và giáo dân Việt Nam tại Âu châu và Mỹ châu. Sau bài nói chuyện là thánh lễ đồng tế Chúa nhật 25 thường niên. Hai ngày hội thảo đã để lại dấu ấn sâu đậm nơi mọi người tham dự, đặc biệt là cộng đoàn dân Chúa tại Tổng Giáo phận Besançon.⁷³⁶

Ngày 14.09.2011, tại nhà nguyện cộng đoàn Ghềnh Ráng, Đức Giám mục Giáo phận đã chủ sự thánh lễ Suy tôn Thánh Giá, tước hiệu của Hội dòng Mến Thánh Giá, đồng thời khai giảng Học viện Mến

⁷³⁵ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 161, tháng 9 năm 2011, tr. 769-770.

⁷³⁶ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 161, tháng 9 năm 2011, tr. 773-775.

Thánh Giá Qui Nhơn, khóa I (2011-2014). Thực ra, từ ngày 01.07.2008, Hội dòng đã bắt đầu tổ chức khóa học viện mùa hè kéo dài 5 năm tại nhà tổ Gò Thị. Đây có thể được coi như một hình thức thử nghiệm.⁷³⁷ Nay Hội dòng chính thức thiết lập học viện tại Ghềnh Ráng, lấy tên là học viện Têrêxa Avila, với chương trình kéo dài liên tục trong suốt 3 hoặc 2 năm. Thành phần giảng viên gồm các linh mục có khả năng chuyên môn trong Giáo phận, các chị em có kiến thức và kinh nghiệm giảng dạy trong Hội dòng, các linh mục và tu sĩ được mời từ những nơi khác. Trong thời gian tham dự khóa học viện, các chị em không những tiếp thu kiến thức mà còn có dịp sống chung với nhau thành một cộng đoàn hiệp thông. Ngoài ra, nhờ thời gian học viện tại Giáo phận và Nhà mẹ, các chị em được thêm gắn bó với Nhà mẹ và với Giáo phận qua các sinh hoạt trong năm, chẳng hạn qua việc phục vụ tại các giáo xứ trong dịp Giáng sinh.

Trong thời gian qua, thêm một số nhà thờ được xây mới và được cung hiến hay làm phép. Tại Bình Định, nhà thờ giáo xứ Gia Chiểu do cha Giuse Võ Tuấn xây dựng, được cung hiến ngày 09.02.2011; nhà thờ giáo họ Hòa Đông thuộc giáo xứ Phù Cát do cha Phaolô Nguyễn Văn Khiêm xây dựng, được làm phép ngày 20.07.2011. Tại Quảng Ngãi, nhà nguyện Phú Long thuộc giáo xứ Phú Hòa được trùng tu và làm phép ngày 12.07.2011.

2.7. Bắt đầu sáu năm chuẩn bị gần cho Năm thánh Giáo phận

Từ năm 2008 Giáo phận Qui Nhơn đã bước vào thập niên chuẩn bị cho Năm thánh Giáo phận. Bốn năm vừa qua (2008-2011) có thể được coi như thời gian chuẩn bị xa mang tính khởi động chung, giờ đây đã đến lúc phải bước vào giai đoạn sáu năm chuẩn bị gần từ năm 2012 đến 2017, để đến năm thứ bảy (2018) Giáo phận sẽ long trọng cử hành Năm thánh, theo tinh thần của cuộc họp liên ban mục vụ ngày 30.11.2011.⁷³⁸

⁷³⁷ Khóa học viện hè 5 năm sẽ bế giảng ngày 23.07.2012 tại tu viện Mến Thánh Giá Gò Thị, với 65 học viên được công nhận tốt nghiệp với chứng chỉ thần học hè 5 năm 2008-2012. Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 171, tháng 7 năm 2012, tr. 619-621.

⁷³⁸ Ngày 30.11.2011, dưới sự chủ tọa của Đức cha phó Matthêu, các cha hạt trưởng và các cha trưởng ban mục vụ Giáo phận đã có một cuộc họp liên ban tại Tòa Giám mục, để cùng nhau nhìn lại và đánh giá những hoạt động trong thời gian qua, đồng thời phác họa chương trình cho thời gian sắp đến trong sự phối kết và thống nhất hoạt động giữa các ban. Cuộc họp này đưa ra một định hướng là mỗi ban có chương trình và hoạt động riêng, nhưng tất cả cùng thể hiện theo một hướng là đẩy

Trong sách Lêvi, Thiên Chúa đã dạy: "Trong sáu năm, các người sẽ gieo vãi trong cánh đồng của các người, trong sáu năm các người sẽ tĩa vườn nho của các người và các người sẽ thu hoa lợi. Nhưng năm thứ bảy sẽ là một năm sabát kính Đức Chúa..." (Lv 25,3-4). Dựa vào đoạn Thánh Kinh trên đây, thời gian sáu năm chuẩn bị gần đây là thời gian "gieo vãi", "cất tĩa" và "thu hoa lợi" trên "vườn nho" tâm hồn mỗi người và trong "cánh đồng" truyền giáo của Giáo phận, để năm thứ bảy (2018) toàn thể Giáo phận dâng về cho Chúa các hoa trái với tâm tình tri ân cảm tạ. Vì vậy thời gian sáu năm chuẩn bị gần đây phải được tổ chức rộng rãi và đồng bộ trong toàn Giáo phận để mọi thành phần dân Chúa cùng tham gia. Chương trình tổ chức vừa mang chiều kích thiêng liêng, vừa theo định hướng truyền giáo. Chiều kích thiêng liêng nhằm giúp mỗi người canh tân đời sống và hướng về Thiên Chúa. Định hướng truyền giáo nhằm gây ý thức và đẩy mạnh công cuộc truyền giáo trong Giáo phận, để những hạt giống Tin Mừng được gieo vãi lần đầu tiên trong Giáo phận từ năm 1618 tiếp tục nảy sinh trong tâm hồn những người chưa nhận biết Chúa.

Thời gian sáu năm chuẩn bị gần đây được khai triển và tiến hành theo hai chu kỳ: 3 năm đầu (2012-2014) hướng về cộng đoàn Giáo phận, 3 năm sau (2015-2017) hướng về anh chị em lương dân. Chương trình cụ thể được phác họa với chủ đề của mỗi năm như sau:

Năm 2012: Sám hối và thanh tẩy.

Năm 2013: củng cố niềm tin.

Năm 2014: Gia tăng đức ái.

Năm 2015: Chiếu tỏa niềm tin.

Năm 2016: Cây trồng phở thác.

Năm 2017: Yêu thương phục vụ.

Sau sáu năm chuẩn bị gần, năm 2018 sẽ là Năm Thánh với chủ đề: Tri ân cảm tạ.⁷³⁹

mạnh công cuộc truyền giáo trong Giáo phận, nhằm tiến đến ngày kỷ niệm 400 năm Tin Mừng đến với Giáo phận. Cuộc họp cũng đã thống nhất cần phải đưa ra những đường hướng và mục tiêu cụ thể hằng năm hoặc từng giai đoạn hai năm cho đến năm 2018, để làm đích đến cho mọi hoạt động của các ban mục vụ và như thế hoạt động mục vụ trong Giáo phận mới hiệu quả. Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 163, tháng 11 năm 2011, tr. 959. Xem "Biên bản buổi họp liên ban mục vụ", trong *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 165, tháng 01 năm 2012, tr. 36-55.

⁷³⁹ Lược đồ này do Đức cha Matthêô Nguyễn Văn Khôi đưa ra và được liên ban mục vụ Giáo phận thống nhất. Xem bài "Xin góp ý về chương trình chuẩn bị mừng kỷ niệm 400 năm Giáo phận đón nhận Tin Mừng" của Đức cha Matthêô, trong *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 165, tháng 01 năm 2012, tr. 19-20 và nội dung

Trong thời gian chuẩn bị này Đức Giám mục Giáo phận cũng ban phép sử dụng "Kinh cầu nguyện cho Giáo phận chuẩn bị mừng kỷ niệm 400 năm đón nhận Tin Mừng" trong toàn Giáo phận.⁷⁴⁰

Ngày 09.02.2012, nhà thờ giáo xứ Đông Mỹ do cha Phêrô Trương Minh Thái xây dựng, được cung hiến. Ngày 08.03.2012, trong khung cảnh mùa Chay và để Giáo phận bước vào năm thứ nhất của thời gian chuẩn bị gần đây, Đức Giám mục Giáo phận đã ban hành "Văn thư hướng dẫn chương trình sám hối và thanh tẩy trong năm 2012 tại Giáo phận Qui Nhơn", trình bày ý nghĩa, tầm quan trọng và những lãnh vực của việc sám hối và thanh tẩy được áp dụng cho mỗi thành phần dân Chúa, kèm theo lịch sống và học hỏi theo chủ đề trong cả năm.⁷⁴¹

Để có thêm nhân sự phục vụ trong cánh đồng truyền giáo của Giáo phận, ngày 20.04.2012, Đức cha Phêrô đã chấp thuận đơn thỉnh nguyện đề ngày 11.01.2012 của linh mục Giuse Phạm Ngọc Tuấn và đã ban hành Sắc lệnh thành lập Hiệp hội công Kitô hữu Nữ tỳ Chúa Giêsu Tình Thương, với ý hướng sẽ trở thành Hội dòng sống đời thánh hiến thuộc quyền Giáo phận Qui Nhơn, với tên gọi "Nữ Tỳ Chúa Giêsu Tình Thương" và được áp dụng "Dự thảo Hiến chương dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Tình Thương", như quy chế của Hiệp hội với những điều chỉnh cần thiết trong thời gian thử nghiệm 4 năm và có thể gia hạn thêm. Sau khi được thành lập, Hiệp hội đương nhiên được hưởng tư cách pháp nhân và có các quyền lợi và nghĩa vụ theo giáo luật và bản dự thảo hiến chương qui định. Hiệp hội được quyền sử dụng một phần Tiểu chủng viện Làng Sông làm cơ sở chính để sinh hoạt và đào tạo, trong thời gian Hiệp hội chưa xây dựng được cơ sở chính của mình. Sắc lệnh cũng giao cho Hội Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn nhiệm vụ cử người đặc trách việc hướng dẫn, đào tạo nhân sự cho Hiệp hội theo linh đạo và mục đích của Hiệp hội, cho đến khi có quyết định mới.

Tiếp theo, ngày 29.04.2012, Đức cha Phêrô đã ký Văn thư chấp thuận quyết định của nữ tu Anne Marilyne Phạm Thị Bích Hương, Tổng phụ trách Hội Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn, về việc bổ nhiệm nữ tu Josse Marie Nguyễn Thị Phước và nữ tu Anna Lê Thị Bạch Tuyết đặc trách việc hướng dẫn và đào tạo Hiệp hội mới được

cuộc họp liên ban ngày 04.02.2012, trong *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 166, tháng 2 năm 2012, tr. 114-120.

⁷⁴⁰ Xem bản văn lời kinh, trong *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 166, tháng 2 năm 2012, tr. 149.

⁷⁴¹ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 168, tháng 4 năm 2012, tr. 333-339.

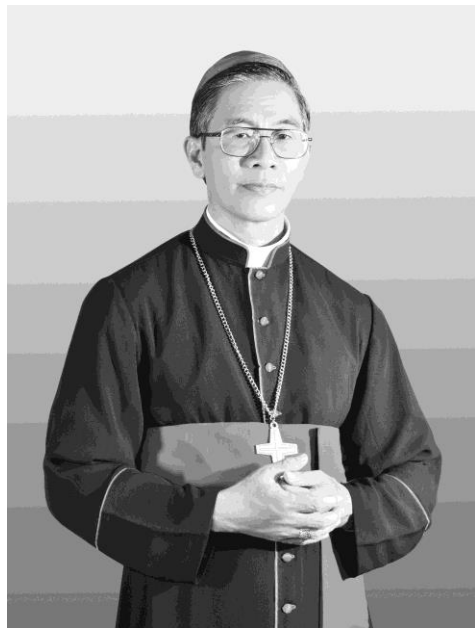
thành lập. Ngày 01.05.2012, lễ Thánh Giuse Thợ, tại nhà nguyện chủng viện Làng Sông, Đức cha Phêrô chủ sự thánh lễ tạ ơn đánh dấu sự khởi đầu của Hội dòng mới với cộng đoàn gồm 15 thiếu nữ.

Ngày 30.06.2012 Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI đã chấp thuận đơn xin nghỉ hưu của Đức cha Phêrô Nguyễn Soạn, theo đó kể từ ngày 30.06.2012, Đức cha Matthêô Nguyễn Văn Khôi lên kế vị Đức cha Phêrô và đảm nhận trọng trách Giám mục Chính tòa Giáo phận Qui Nhơn.

3. THỜI ĐỨC CHA MATTHÊÔ NGUYỄN VĂN KHÔI (2012...)

Khi Đức cha Matthêô Nguyễn Văn Khôi chính thức cai quản Giáo phận với tư cách Giám mục Chính tòa, Giáo phận Qui Nhơn lúc ấy có 47 giáo xứ, 70.582 giáo dân, 94 linh mục, 229 nữ tu, 42 đại chủng sinh. Ngày 11.07.2012 Đức cha Matthêô tái bổ nhiệm cha Phêrô Hoàng Kym làm Tổng đại diện Giáo phận Qui Nhơn.

Theo chương trình đã được chuẩn bị, Ban mục vụ gia đình tổ chức khóa huấn luyện chức việc Giáo phận từ ngày 17 đến 18.07.2012, và Ban giáo lý tổ chức khóa huấn luyện giáo lý viên dự tòng từ ngày 06 đến 09.08.2012.



Đức cha Matthêô Nguyễn Văn Khôi

Giáo phận Qui Nhơn đang tiến gần đến Năm thánh kỷ niệm 400 năm hạt giống Tin Mừng lần đầu tiên được gieo vào lòng đất Giáo phận tại Nước Mặn vào năm 1618. Vào thời kỳ ấy, Nước Mặn vừa là trung tâm truyền giáo, vừa là cái nôi của chữ Quốc ngữ, và kể từ đó văn chương Công giáo bằng Quốc ngữ đã trở thành một trong những phương tiện hữu hiệu góp phần vào công cuộc rao giảng Tin Mừng trên quê hương Việt Nam. Để thực hiện công cuộc này, trong quá khứ Giáo phận Qui Nhơn đã thành lập nhà in Làng Sông, được tiếp nối bởi nhà in Qui Nhơn, mà rất nhiều ấn phẩm hiện còn được lưu giữ tại thư

viện quốc gia Hà Nội và một số thư viện hải ngoại. Hiện nay Giáo phận Qui Nhơn không thể tái lập nhà in để tiếp nối công việc của các thế hệ đi trước, nên Đức cha Matthêô đã cho lập tủ sách Nước Mặn để giới thiệu những tác phẩm cũ và mới của các tác giả có liên hệ với Giáo phận Qui Nhơn. Ngày 20.08.2012 tủ sách Nước Mặn chính thức bắt đầu khi Ban văn hóa và truyền thông của Giáo phận in lại quyển *Hai chị em lưu lạc* (1927), là tác phẩm cuối cùng trước khi qua đời của linh mục Phêrô Lục (1868-1927) thuộc Giáo phận Qui Nhơn, một tác giả văn xuôi đã để lại nhiều tác phẩm. Năm 2018 cũng là năm kỷ niệm lần thứ 150 sinh nhật của cha.

Ngày 30.08.2012, giáo xứ Cù Lâm được công bố thành lập, tách ra từ giáo xứ Trường Cửu, gồm các tín hữu trong địa bàn xã Nhơn Tân, thuộc thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, cha xứ tiên khởi là linh mục Giuse Nguyễn Văn Thành.⁷⁴² Ngày 05.09.2012, giáo xứ Tân Quán được công bố thành lập, tách ra từ giáo xứ Tân Dinh, gồm các tín hữu trong địa bàn xóm Tân Vân Nam và Tân Vân Bắc của thôn Quảng Vân, xóm Lôi Trạch và Chính Trạch của thôn Phổ Trạch, và thôn Tân Thuận, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, cha xứ tiên khởi là linh mục Giuse Nguyễn Đức Minh.⁷⁴³

3.1. Năm Đức Tin

Theo tự sắc *Porta Fidei* (Cửa đức tin) do Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI ban hành ngày 11.10.2011, công bố việc cử hành Năm

⁷⁴² Cù Lâm nguyên là một họ đạo rất lâu đời. Theo báo cáo của Thánh Giám mục Stêphanô Cuénôt Thê gửi Thánh bộ Truyền giáo và Hội thừa sai Paris năm 1850 thì Cù Lâm là một trong 18 giáo điểm thuộc địa sở Phù Ly với 28 tín hữu. Trong cuộc tàn sát của Văn Thân năm 1885, nhà thờ và nhà giáo dân bị đốt phá bình địa, có khoảng 25 giáo dân bị chôn sống tập thể, ngày nay vẫn còn di tích mộ. Năm 1931 địa sở Trường Cửu được thành lập và Cù Lâm là một họ đạo thuộc địa sở này.

⁷⁴³ Giáo xứ Tân Quán mới được thành lập gồm 2 họ đạo khá lớn và rất kỳ cựu trong lịch sử Giáo phận, đó là Xóm Quán và Diêm Điền. Trong danh sách các nhà thờ và nhà nguyện trong Giáo phận Đàng Trong năm 1747 thì Diêm Điền có 200 tín hữu. Theo bản thống kê của Thánh Giám mục Stêphanô Cuénôt gửi Thánh bộ Truyền giáo và Hội thừa sai Paris năm 1850 thì Diêm Điền có 193 tín hữu, Xóm Quán có 244 tín hữu. Trong cuộc bách hại từ năm 1860 đến 1862 dưới triều vua Tự Đức, có một vị tử đạo quê ở Diêm Điền là nữ tu Anê Soạn, Dòng Mến Thánh Giá, hai vị tử đạo quê ở Xóm Quán là ông Gioakim Quả và chú giúp Gioakim Bảo. Ngoài ra cũng phải kể đến một vị tử đạo khác cũng quê ở Xóm Quán nhưng có chồng ở Gò Bồi, là Bà Maria Mađalêna Huỳnh Thị Lưu. Cả bốn vị này đã được Tòa Thánh đưa vào danh sách các Tội tử Chúa năm 1918. Xóm Quán ngày xưa tức là Tân Quán ngày nay.

Đức Tin trong toàn thể Giáo Hội Công giáo, Năm Đức Tin được khai mạc vào ngày 11.10.2012 để kỷ niệm 50 năm khai mạc Công đồng chung Vaticanô II (11.10.1962) và 20 năm ban hành *Sách Giáo lý của Hội Thánh Công giáo* (11.10.1992). Đó là hai sự kiện lớn tạo nên gương mặt của Giáo Hội ngày nay. Năm Đức Tin sẽ bế mạc vào ngày lễ Chúa Kitô Vua vũ trụ (24.11.2013).

Ngày 01.10.2012, trong thư gửi cộng đồng dân Chúa Giáo phận, Đức cha Matthêô đã trình bày mục đích của Năm Đức Tin: nhằm giúp mọi thành phần dân Chúa tái khám phá nội dung đức tin được tuyên xưng, củng cố, hiểu biết và đào sâu đức tin; góp phần canh tân việc trở về với Chúa; tăng cường việc cử hành đức tin trong phụng vụ; tăng cường chứng tá đức ái là hoa trái của đức tin.⁷⁴⁴ Tiếp đến, ngày 14.10.2012, Đức cha đã ban hành văn thư hướng dẫn hưởng ơn toàn xá trong Năm Đức Tin tại Giáo phận Qui Nhơn.⁷⁴⁵ Để giúp mọi thành phần dân Chúa trong Giáo phận tích cực tham dự và hưởng nhờ những ơn ích thiêng liêng, trong suốt năm, vào những ngày cử hành Năm Đức Tin cấp Giáo phận, Giáo hạt, giáo xứ, cho các thành phần, đoàn thể, Đức cha đều có những bức thư mục vụ riêng. Lễ khai mạc Năm Đức Tin cấp Giáo phận được long trọng cử hành tại nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn ngày 18.10.2012, nhằm lễ kính Thánh Luca. Các giáo xứ, các hội dòng và chủng viện cử hành lễ khai mạc vào Chúa nhật 29 thường niên, 21.12.2012.

Ngày khai mạc Năm Đức Tin cấp Giáo phận, 18.10.2012, cũng là ngày Giáo phận chính thức khai trương trang website của Giáo phận tại địa chỉ: <http://gpquinhon.org>. Với trung tâm truyền giáo Nước Mặn là một trong những chiếc nôi của chữ Quốc ngữ, với nhà in Làng Sông và Qui Nhơn đã góp phần rất lớn trong việc phổ biến chữ Quốc ngữ trong các lãnh vực giáo dục và truyền giáo, với tạp chí *Lời Thăm* được xem như một trong những tạp chí Công giáo bằng Quốc ngữ sớm nhất và được phát hành rộng rãi trên toàn cõi Đông Dương, trang web Giáo phận Qui Nhơn là một tiếp nối truyền thống của các bậc tiền nhân trên con đường loan báo Tin Mừng. Sự ra đời của trang web Giáo phận trước hết để tạo nên điểm nối kết giữa những người con của Giáo

⁷⁴⁴ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 173, tháng 09 năm 2012, tr. 804-806.

⁷⁴⁵ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 174, tháng 10 năm 2012, tr. 890-892.

phận, tiếp đến để góp phần vào nỗ lực của Giáo phận trên đường tân Phúc Âm hóa.⁷⁴⁶

Ngày 14.11.2012, trong khung cảnh thánh lễ mừng kỷ niệm 151 năm cuộc tử đạo của Thánh Stêphanô Cuénôt Thê, Đức cha Matthê long trọng cử hành nghi thức cung hiến "Đền thánh Stêphanô Thê" tại Vĩnh Thạnh vừa được trùng tu, tôn tạo, mở rộng và nâng cao do cha Phaolô Trương Đình Tu, chánh xứ Nam Bình. Cung hiến một đền thánh dâng kính một chứng nhân đức tin nổi tiếng của Giáo phận trong khung cảnh Năm Đức Tin thật là một biến cố đầy ý nghĩa và cũng phù hợp với chủ đề mục vụ "củng cố đức tin" của Giáo phận trong năm 2012.⁷⁴⁷



Nhà thờ Vĩnh Thạnh

Ngày 08.12.2012, lễ kính trọng thể Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, Hội Dòng Phan Sinh Thừa Sai Đức Mẹ mừng kỷ niệm 80 năm hiện diện tại Việt Nam, đầu tiên tại Giáo phận Qui Nhơn (1932-2012). Thánh lễ do Đức cha Phêrô Nguyễn Văn Nhơn, Tổng Giám mục Hà Nội, Chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam, chủ tế. Cùng đồng tế thánh lễ có Đức cha Matthê Nguyễn Văn Khôi, Đức cha Phêrô Nguyễn Soạn, Đức cha Micae Hoàng Đức Oanh, Giám mục Kontum, các linh mục trong và ngoài Giáo phận, với sự hiện diện đông đảo của

⁷⁴⁶ Xem *Sđđ.*, tr. 896-897.

⁷⁴⁷ Đền Thánh Stêphanô Thê nguyên là một ngôi nhà thờ giáo họ Vĩnh Thạnh được xây dựng từ năm 1935-1937. Lễ khánh thành và làm phép trọng thể được tổ chức vào ngày 23.08.1938 do Đức cha Marcel Tardieu chủ sự. Qua dòng thời gian và do sự tàn phá của chiến tranh, nhà thờ đã bị xuống cấp trầm trọng. Năm 1993, Đức cha Phaolô Huỳnh Đông Các đã chỉ đạo cho cha Matthê Nguyễn Văn Khôi, chánh xứ Nam Bình, đại tu ngôi nhà thờ: chỉ phần tháp và mặt tiền được giữ nguyên nhưng được tô đắp lại bằng xi măng như hiện nay, còn phần chính của nhà thờ được xây mới và nói rộng đôi chút, nhưng vẫn còn khá chật chội. Ngày 01.05.2011, một lần nữa cha Phaolô Trương Đình Tu, chánh xứ Nam Bình (2010-2016) đã khởi công trùng tu qui mô và đẹp đẽ hơn, nhưng vẫn giữ lại phần tháp và mặt tiền, với một nội thất bằng gỗ chạm trổ công phu, sơn son thếp vàng, xứng đáng là nơi hành hương của Giáo phận. Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 175, tháng 11 năm 2012, tr. 973-974, 981-985.

các tu sĩ và giáo dân gần xa. Đây là dịp để Hội dòng nhìn lại lịch sử hiện diện và hoạt động của mình từ Giáo phận Qui Nhơn, nơi các chị đặt cơ sở đầu tiên, đến các Giáo phận khác, để dâng lời tạ ơn Thiên Chúa, tri ân các bậc tiền nhân, cách riêng Đức cha Tardieu Phú, cố Giám mục Giáo phận Qui Nhơn, là người đã mời Hội dòng đến thiết lập cộng đoàn tiên khởi tại trại phong Qui Hòa này. Chính từ chiếc nôi Qui Hòa này Hội dòng đã phát triển tại nhiều nơi ở Việt Nam và nay đã trở thành Tỉnh Dòng Thánh Tâm Việt Nam, gồm 15 cộng đoàn với 185 nữ tu phục vụ tại 7 Giáo phận trong cả nước và một số khác được sai đi phục vụ tại nước ngoài.⁷⁴⁸

Ngày 18.02.2013 Đức cha Matthêô ban hành hai qui chế: Qui chế Hội đồng linh mục Giáo phận Qui Nhơn và Qui chế Hội đồng mục vụ Giáo phận Qui Nhơn, đồng thời cho phép áp dụng thử nghiệm trong thời hạn 4 năm. Tiếp đến, ngày 20.02.2013 Đức cha Matthêô ký quyết định thành lập Hội đồng linh mục Giáo phận Qui Nhơn nhiệm kỳ 4 năm, gồm Ban điều phối và 19 thành viên, do Đức Giám mục Giáo phận đứng đầu. Trưởng ban điều phối là linh mục Giuse Trương Đình Hiền. Ngày 25.03.2013 Đức cha Matthêô ký quyết định thành lập Hội đồng mục vụ Giáo phận Qui Nhơn với nhiệm kỳ 4 năm, gồm Ban điều phối và 15 Ban mục vụ, do Đức Giám mục Giáo phận đứng đầu. Trưởng ban điều phối là linh mục Giuse Lê Kim Ánh.⁷⁴⁹

Ngày 28.05.2013 giáo xứ Chợ Mới được tái lập, gồm các tín hữu trong địa bàn các thôn Quảng Đức, Hà Yên, Hòa Hậu của xã An Thạch, và các xã An Cư, An Hiệp, An Thọ, An Hải, An Hòa, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, cha xứ là linh mục Phêrô Nguyễn Cấp.⁷⁵⁰

⁷⁴⁸ Xem thư Đức Giám mục Giáo phận Qui Nhơn gửi Tỉnh Dòng Thánh Tâm Việt Nam thuộc Dòng Phan Sinh Thừa Sai Đức Mẹ nhân kỷ niệm 80 năm hiện diện và phục vụ tại Việt Nam và các bản tường thuật về ngày lễ tại Qui Hòa, trong *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 176, tháng 12 năm 2012, tr. 1074-1076, 1087-1099.

⁷⁴⁹ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 179, tháng 3 năm 2013, tr. 217-222.

⁷⁵⁰ Đức cha Edmond Bennetat, Giám mục phó Đà Nẵng (1748-1758) trước khi làm Giám mục cũng đã làm việc tại đây. Theo báo cáo của Hội thừa sai Paris năm 1747, Chợ Mới có 200 giáo dân. Trong bản báo cáo năm 1850 của Đức cha Stêphanô Thê gửi về Hội thừa sai Paris, Chợ Mới có 423 giáo dân. Sau ngày 30.04.1975 Đức cha Phaolô Huỳnh Đông Các lấy 3 giáo họ Chợ Mới, Xóm Làng, Đồng Cháy của giáo xứ Măng Lăng lập thành giáo xứ Chợ Mới và giao cho cha Giacôbê Nguyễn Thành Tri coi sóc. Năm 1986 cha Tri được bổ nhiệm làm cha xứ Măng Lăng thay cha Phanxicô Xaviê Nguyễn Xuân Văn, giáo xứ Chợ Mới không có linh mục, nên cha xứ Măng Lăng kiêm nhiệm, từ đó trở thành như một giáo họ của Măng Lăng.

Theo tinh thần của cuộc họp Hội đồng mục vụ Giáo phận ngày 28.06.2013 tại Tòa Giám mục, liên ban mục vụ: Loan báo Tin Mừng, Bác ái xã hội và Giáo dân đã tổ chức khóa huấn luyện cho các chức việc, các thành viên ban truyền giáo và bác ái của các giáo xứ trong toàn Giáo phận từ ngày 14 đến 16.07.2013. Khóa huấn luyện diễn ra tại chủng viện Qui Nhơn và qui tụ được 240 người từ 42 giáo xứ và 2 giáo họ biệt lập. Tiếp đến, Ban văn hóa tổ chức lễ trao giải "Viết văn đường trường lần thứ I" vào ngày 21.09.2013, kết quả của một cuộc thi đã được khởi động từ năm 2012, song song với việc hình thành tủ sách Nước Mặn. Đây là một cuộc thi truyện ngắn kéo dài 6 năm, nhằm phát hiện và qui tụ các tài năng văn xuôi trong giới Công giáo cả nước. Cuộc thi được tổ chức liên tục hàng năm cho đến năm 2018 kỷ niệm 400 năm Tin Mừng đến với Giáo phận tại Nước Mặn, một trong những cái nôi của chữ Quốc ngữ. Hằng năm cuộc gặp gỡ các tác giả và lễ trao giải diễn ra vào ngày 21 tháng 09, lễ thánh Matthêu tông đồ thánh sử, Bồn mạng các nhà văn Công giáo, và ngày 22 tháng 09 kỷ niệm sinh nhật của nhà thơ Công giáo Hàn Mạc Tử.⁷⁵¹ Từ đó cho đến những năm kế tiếp các ban mục vụ khác tiếp tục tổ chức những khóa huấn luyện cấp Giáo phận hoặc cấp Giáo hạt theo nhu cầu và phạm vi mục vụ của mỗi ban.⁷⁵²

Để thúc đẩy các tín hữu tham gia tích cực và đông đảo vào chương trình mục vụ và truyền giáo trong toàn Giáo phận hướng đến Năm Thánh 2018, Giáo phận đã quan tâm đến việc thiết lập các đoàn thể giáo dân, nhất là các đoàn thể tông đồ, đặc biệt là Legio Mariae.

⁷⁵¹ Giải viết văn đường trường là do sáng kiến của linh mục Phêrô Võ Tá Khánh, tức nhà thơ Trăng Thập Tự, bắt đầu từ cuộc gặp gỡ của gần 50 anh chị em thuộc giới cầm bút từ nhiều Giáo phận về Qui Nhơn họp mặt trong hai ngày 21 và 22.09.2012 để đi lại dấu chân của Hàn Mạc Tử.

⁷⁵² Khóa huấn luyện tác viên mục vụ gia đình (26-28.12.2013), khóa kỹ năng viết tin tại hạt Bình Định (07.01.2014), khóa tập huấn truyền thông tại hạt Phú Yên (10.01.2014), tại hạt Quảng Ngãi (21.02.2014), khóa đào tạo tuyên úy và trợ úy thiếu nhi Thánh Thể (03-06.06.2014), khóa huấn luyện thánh nhạc tại Qui Nhơn (28.07 đến 02.08.2014) và tại Quảng Ngãi (05-08.08.2014), khóa huấn luyện giáo lý viên tại Giáo hạt Qui Nhơn (16-19.06.2015), hội trại giới trẻ, giáo lý viên và huynh trưởng thiếu nhi Thánh Thể tại Qui Nhơn (16-17.07.2015), khóa tập huấn chức việc Giáo hạt Qui Nhơn (20-22.07.2015), khóa huấn luyện thánh nhạc tại Qui Nhơn cho các giáo xứ trong Giáo phận (27-31.07.2015), khóa bồi dưỡng quý chức tại Giáo hạt Bồng Sơn (11.08.2015), ngày tập huấn viết ca khúc ngắn (29.05.2016), sa mạc huấn luyện huynh trưởng thiếu nhi Thánh Thể "Lên Đường 2" (01-03.08.2016), khóa bồi dưỡng giáo lý viên Giáo hạt Bồng Sơn (29.08.2016), khóa huấn luyện giáo lý viên Giáo hạt Quảng Ngãi (03-05.11.2016).

Trong những năm gần đây hội đoàn này đã bắt đầu phát triển mạnh mẽ trong Giáo phận, dẫn đến việc thiết lập Comitium Qui Nhơn. Tuy nhiên tại Quảng Ngãi chưa có đoàn thể này. Nhận thấy rằng Quảng Ngãi là nơi có tỉ lệ giáo dân ít nhất trong Giáo phận, và do đó nhu cầu truyền giáo rất lớn, vì vậy Comitium Qui Nhơn đã có những nỗ lực thành lập Legio Mariae tại đây. Sau thời gian chuẩn bị và hình thành, ngày 10.08.2013, Comitium Qui Nhơn đã chính thức ra quyết định thành lập 5 praesidia tại 4 giáo xứ thuộc Giáo hạt Quảng Ngãi: Bàu Gốc, Châu Ổ, Phú Hòa và Quảng Ngãi. Ngày 24 tháng 08, các anh chị em thuộc các praesidia trên đã tập trung về nhà thờ Quảng Ngãi để bầu chọn hội đồng quản trị Curia Quảng Ngãi. Đó là điều đã được Thủ bản minh thị bằng những dòng dứt khoát: "Vận mệnh Legio ở trong tay Curia, tương lai Legio tùy thuộc sự phát triển Curia. Bất cứ ở đâu chưa thiết lập Curia, Legio ở đó hãy còn bấp bênh".⁷⁵³ Đây là lần đầu tiên có cuộc gặp mặt đông đủ các hội viên Legio Mariae Giáo hạt Quảng Ngãi sau 38 năm vắng bóng, để cùng nhau lên đường đưa mọi người về với Chúa Giêsu dưới sự hướng dẫn của Đức Maria, theo phương châm của Legio Mariae: *Per Mariam ad Jesum*.⁷⁵⁴

Ngày 11.09.2013, Đức cha Matthêu về giáo xứ Châu Ổ để chủ sự thánh lễ tạ ơn mừng kỷ niệm 50 thành lập cộng đoàn Dòng Chúa Cứu Thế Châu Ổ, tức là 50 năm Hội dòng hiện diện và làm việc mục vụ tại Giáo phận Qui Nhơn, đồng thời cũng là 50 năm thành lập giáo xứ Châu Ổ. Cùng đồng tế thánh lễ với Đức cha có cha Bê trên Giám tỉnh Dòng Chúa Cứu Thế tại Việt Nam, trên 50 linh mục, các tu sĩ và đông đảo giáo dân. Sự hiện diện của các linh mục tu sĩ Dòng Chúa Cứu Thế tại Châu Ổ từ năm 1963 đến nay là một sự hiện diện liên tục, ngay cả trong những thời điểm chiến tranh ác liệt nhất, nhờ đó giáo dân không bỏ xứ ra đi và hiện nay Châu Ổ là một giáo xứ có số giáo dân đông nhất trong Giáo hạt Quảng Ngãi và đứng hàng thứ tư trong toàn Giáo phận.⁷⁵⁵

Từ ngày 01 đến ngày 03.11.2013, Giáo phận Qui Nhơn vui mừng đón tiếp Đức Tổng Giám mục Leopoldo Girelli, Đại diện Tòa Thánh tại Việt Nam, đến thăm Giáo phận lần thứ hai. Ngày 01 tháng 11, lễ Các Thánh Nam Nữ, ngài đến thăm giáo xứ Qui Hòa, cộng đoàn các nữ tu Phan Sinh và các bệnh nhân phong tại nhà an dưỡng của bệnh viện. Người ta vẫn thường nói các nữ tu Phan Sinh là những

⁷⁵³ Thủ bản chính thức của Legio Mariae, chương 28, mục 2, số lẻ 281.

⁷⁵⁴ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 184, tháng 8 năm 2013, tr. 728-729.

⁷⁵⁵ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 185, tháng 9 năm 2013, tr. 826-834.

thiên thần đối với các bệnh nhân phong, nên trong phần đáp từ Đức Tổng nói đùa rằng chuyến viếng thăm lần này nhằm ngày lễ Các Thánh, nên khác với lần trước đây ngài đến bằng xe hơi, lần này ngài đến bằng máy bay từ trên trời xuống và như thế là cùng đi với các thánh và các thiên thần. Buổi chiều ngài được Giáo phận đón tiếp trọng thể tại chủng viện Qui Nhơn, nghe tường trình về tình hình Giáo phận, sau đó ngài chủ sự thánh lễ đồng tế kính các thánh tại nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn.

Ngày hôm sau, 02 tháng 11, Đức Tổng đi thăm Giáo hạt Quảng Ngãi. Ngài đến chào thăm xã giao chính quyền tỉnh và sau đó được đông đảo tín hữu Giáo hạt Quảng Ngãi đón tiếp tại nhà thờ Quảng Ngãi. Ngài nói rằng Quảng Ngãi là xứ đường, nên tại đây có những con người rất ngọt ngào và ngài hy vọng mọi người luôn giữ mãi sự ngọt ngào đó. Tiếp đến ngài chủ sự thánh lễ cầu cho các đẳng linh hồn. Ngày 03 tháng 11, Đức Tổng viếng thăm giáo xứ Châu Ô, nêu cao đức tin anh dũng của các tiền nhân của giáo xứ và khuyến khích mọi người trở thành những nhà truyền giáo bằng đời sống tốt đẹp. Sau đó ngài đến nhà thờ Kỳ Thọ để thăm cộng đoàn giáo xứ Châu Me và chủ sự thánh lễ Chúa nhật 31 thường niên với cộng đoàn. Ngài nhận xét rằng trước mặt tiền nhà thờ có hình các thánh sử, điều đó nhắc nhở rằng mỗi khi bước vào nhà thờ mọi người hãy sẵn sàng lắng nghe Lời Chúa; khi ra khỏi nhà thờ, các thánh sử ở lại phía sau, điều đó nhắc nhở rằng mỗi người đều có bốn phận tiếp nối công việc rao giảng Tin Mừng cho mọi người xung quanh. Rồi nhà thờ Kỳ Thọ, Đức Tổng đến nhà thờ Vĩnh Phú thăm các tín hữu giáo xứ Bàu Gốc. Trong phần đáp từ ngài nói rằng nhà thờ có hai cổng trước và sau, khiến mọi người có thể vào nhà thờ dễ dàng, nhưng hai cổng trước và sau cũng nhắc nhở mọi người về hai tình yêu rất quan trọng là mến Chúa và yêu người.⁷⁵⁶ Tại những nơi ngài đến thăm, lời đáp từ của ngài luôn luôn kết thúc bằng câu tiếng Việt: "Đức Thánh Cha rất yêu mến anh chị em", khiến mọi người thấy được tình yêu thương và sự gần gũi của Đức Thánh Cha nơi vị đại diện của ngài tại Việt Nam.⁷⁵⁷

⁷⁵⁶ Đức Leopoldo Girelli nói như thế vì trong lời chào mừng ngài cha sở Grêgôriô Văn Ngọc Anh đã nói: "Ngày hôm nay chúng con tiếp đón Đức Tổng qua cổng sau, nhưng hy vọng lần tới sẽ tiếp đón ở cổng trước, vì con đường phía trước đang được mở ra".

⁷⁵⁷ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 187, tháng 11 năm 2013, tr. 948-952.

Sau hơn chín tháng thành lập và qua những cuộc họp chuẩn bị, cũng như căn cứ qui chế được Đức Giám mục Giáo phận ban hành, ngày 18.12.2013 Hội đồng mục vụ Giáo phận đã tổ chức một cuộc Đại hội tại chủng viện Qui Nhơn, qui tụ khoảng 130 thành viên của hội đồng từ khắp các giáo xứ trong toàn Giáo phận. Đây là lần đầu tiên các tham dự viên có dịp ngồi lại với nhau để nghe trình bày về chương trình mục vụ của Giáo phận và đã có những ý kiến đóng góp sôi nổi. Cuộc đại hội này sẽ được tiếp nối bằng những cuộc đại hội hằng năm, vừa để tổng kết những gì đã thực hiện được trong năm qua, vừa để góp ý và lên chương trình mục vụ cho năm tới theo chủ đề của mỗi năm mà Giáo phận đã đưa ra.

Trong Năm Đức Tin, song song với việc xây dựng và củng cố đức tin của các cộng đoàn Kitô hữu, Giáo phận cũng xây dựng kiên cố một số nhà thờ mới để làm nơi cử hành và truyền đạt đức tin cho các tín hữu. Nhà thờ giáo họ Phụ Ngọc thuộc giáo xứ Trường Cửu do cha Vinh Sơn Nguyễn Đình Tâm xây dựng, được làm phép ngày 10.12.2013; nhà thờ giáo xứ Hội Lộc do cha Gioakim Dương Minh Thanh xây dựng, được cung hiến ngày 12.12.2012; nhà thờ giáo họ Chợ Mới thuộc giáo xứ Măng Lăng do cha Phêrô Nguyễn Cấp xây dựng, được cung hiến ngày 14.03.2013; nhà thờ giáo xứ Vườn Vòng do cha Gioakim Trần Minh Dũng xây dựng, được cung hiến ngày 22.05.2013; nhà thờ giáo họ Thác Đá Hạ thuộc giáo xứ Đại Bình do cha Giuse Võ Tuấn xây dựng, được cung hiến ngày ngày 16.10.2013.

3.2. Những cuộc thành lập mới

Nhằm thiết lập ngày truyền thống tri ân và cầu nguyện cho các Giám mục, linh mục, tu sĩ, thầy giảng và giáo dân đã góp phần xây dựng Giáo phận, ngày 23.01.2014, nhằm ngày 23 tháng chạp trước tết Giáp Ngọ, tại nhà nguyện chủng viện Làng Sông, Đức cha Matthêô đã chủ sự thánh lễ cầu nguyện cho các vị ấy. Cùng hiệp dâng thánh lễ có Đức cha Phêrô, cha Tổng đại diện và hơn 50 linh mục trong Giáo phận, các nữ tu đại diện các Hội dòng trong Giáo phận. Trước thánh lễ, mọi người cùng nhau đến nghĩa trang linh mục Làng Sông để viếng mộ và cử hành nghi thức tưởng niệm các bậc tiền nhân đã có công gây dựng Giáo phận, để cầu nguyện và nói lên tâm tình biết ơn đối với các vị. Đây cũng là cuộc gặp gỡ tất niên của các linh mục và đại diện các Hội dòng tại ngôi nhà tổ của Giáo phận, để mọi người cùng chia sẻ niềm vui và lời cầu chúc năm mới, thay vì những cuộc gặp gỡ tất niên trước đây

tại Tòa Giám mục. Bầu khí gặp gỡ thật ấm áp và tràn đầy ý nghĩa, nên mọi người đồng ý tiếp tục tổ chức như thế vào những năm sau.

Ngày 02.03.2014, Đức Giám mục Giáo phận đã ký nghị định thiết lập Hiệp hội Mến Thánh Giá Qui Nhơn Tại Thế.⁷⁵⁸ Đây là hiệp hội thuộc Giáo phận Qui Nhơn, gồm các thành viên sống giữa đời nhưng thông dự vào tinh thần của Hội Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn, sống đời tông đồ và tiến đến sự trọn lành Kitô giáo, trong sự liên kết và dưới sự điều hành tối cao của Hội dòng, đồng thời hoạt động dưới sự hướng dẫn của Đấng Bản quyền địa phương. Đây là một hiệp hội đã được chuẩn bị và trải qua thời gian thử nghiệm. Thật vậy, để đồng hành với mọi thành phần dân Chúa trong Giáo phận trên đường tân Phúc Âm hóa và hướng đến Năm thánh Giáo phận, từ mấy năm nay Hội Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn đã qui tụ một số anh chị em tín hữu trong và ngoài Giáo phận để đào tạo họ thành những hội viên tương lai của hiệp hội này. Để chuẩn bị gần cho việc thành lập hiệp hội, ngày 18.10.2012 Hội dòng đã có tờ trình xin thiết lập hiệp hội. Sau khi mọi sự đã sẵn sàng, ngày 25.12.2013, chị Maria Võ Thị Tuyết, Tổng phụ trách Hội dòng, đã gửi đơn thỉnh nguyện lên Đức Giám mục để xin thiết lập hiệp hội và đã được chấp thuận. Cùng với nghị định thiết lập hiệp hội, Đức Giám mục cũng ký nghị định phê chuẩn Qui chế Hiệp hội Mến Thánh Giá Qui Nhơn Tại Thế. Tổng trợ úy của hiệp hội là nữ tu Rosa Bạch Thị Tuyết, Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn. Thánh lễ tạ ơn và công bố nghị định thiết lập hiệp hội được Đức Giám mục Giáo phận long trọng cử hành tại nhà nguyện chủng viện Qui Nhơn sáng ngày 02.03.2014, nhân kỷ niệm 85 năm Hội Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn được thành lập dưới hình thức cải tổ, đồng thời Đức cha cũng bổ nhiệm linh mục Phêrô Trương Minh Thái, chánh xứ Măng Lăng, làm linh giám cho hiệp hội.⁷⁵⁹

Sau khi chia tách Giáo phận Đà Nẵng vào năm 1963, Giáo phận Qui Nhơn còn lại 4 Giáo hạt: Quảng Ngãi, Bồng Sơn, Qui Nhơn và Phú Yên. Sau năm 1975 Giáo hạt Bồng Sơn không còn, nên Giáo phận chỉ còn 3 Giáo hạt theo đơn vị hành chánh tỉnh: Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên. Nay xét thấy địa bàn Giáo phận quá rộng và số giáo dân đã tăng lên nhiều so với năm 1975, nên sau khi cân nhắc cẩn thận và tham khảo ý của các linh mục, ngày 06.06.2014 Đức

⁷⁵⁸ Nghị định được ban hành ngày 02.03.2014, để kỷ niệm 85 năm ngày Thánh bộ Tu viện ban sắc chuẩn y việc thành lập Dòng Chị Em Mến Thánh Giá Qui Nhơn, ngày 02.03.1929.

⁷⁵⁹ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 191, tháng 3 năm 2014, tr. 190-193.

Giám mục Giáo phận đã ký nghị định thành lập các Giáo hạt bằng cách phân chia hai Giáo hạt Bình Định và Phú Yên thành 6 Giáo hạt, để thuận lợi cho việc chăm sóc mục vụ và đem lại lợi ích cho các tín hữu. Các Giáo hạt gồm có: Bồng Sơn, Kim Châu, Gò Thị, Qui Nhơn, Măng Lăng và Tuy Hòa. Giáo hạt Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên như cũ, vì số giáo xứ và giáo dân chỉ tương đương với một Giáo hạt trong số 6 Giáo hạt kể trên. Như vậy trong toàn Giáo phận có 7 Giáo hạt.

Giáo hạt Quảng Ngãi gồm 7 giáo xứ: Bàu Gốc, Châu Me, Châu Ô, Kỳ Tân, Lý Sơn, Phú Hòa, Quảng Ngãi, và giáo họ biệt lập Bình Hải. Giáo hạt Bồng Sơn gồm 5 giáo xứ: Cây Rỏi, Đại Bình, Gia Chiểu, Phù Cát và Phù Mỹ. Giáo hạt Kim Châu gồm 7 giáo xứ: Cù Lâm, Huỳnh Kim, Kiên Ngãi, Kim Châu, Phú Hữu, Sông Cạn và Trường Cửu. Giáo hạt Gò Thị gồm 7 giáo xứ: Công Chánh, Gò Thị, Lục Lễ, Nam Bình, Tân Dinh, Tân Quán, Vườn Vông, và giáo họ biệt lập Vĩnh Thạnh. Giáo hạt Qui Nhơn gồm 11 giáo xứ: Chính tòa, Đồng Tiến, Ghềnh Ráng, Hòa Ninh, Hội Lộc, Ngọc Thanh, Phú Thạnh, Qui Đức, Qui Hiệp, Qui Hòa, Xuân Quang. Giáo hạt Măng Lăng gồm 7 giáo xứ: Chợ Mới, Đa Lộc, Đồng Tre, Gò Duối, Trà Kê, Măng Lăng, Sông Cầu. Giáo hạt Tuy Hòa gồm 6 giáo xứ: Đông Mỹ, Hoa Châu, Hóc Gáo, Sơn Nguyên, Tịnh Sơn, Tuy Hòa.⁷⁶⁰

Đồng thời Đức Giám mục cũng bổ nhiệm các cha hạt trưởng cho tất cả 7 Giáo hạt: hạt trưởng Quảng Ngãi là cha Giuse Trương Đình Hiền, hạt trưởng Bồng Sơn là cha Giuse Võ Tuấn, hạt trưởng Kim Châu là cha Gioakim Huỳnh Công Tân, hạt trưởng Gò Thị là cha Phêrô Nguyễn Văn Kính, hạt trưởng Qui Nhơn là cha Giuse Lê Kim Ánh, hạt trưởng Măng Lăng là cha Antôn Nguyễn Huy Điệp, hạt trưởng Tuy Hòa là cha Phêrô Đặng Sơn.

Cũng trong ngày 06.06.2014, theo đề xuất của liên ban mục vụ giáo lý, giới trẻ và văn hóa giáo dục, Đức Giám mục Giáo phận đã ký nghị định thành lập Liên đoàn Thiếu nhi Thánh Thể Giáo phận Qui Nhơn, với tên gọi: "Liên đoàn Thiếu nhi Thánh Thể Người Chứng Thứ Nhất - Giáo phận Qui Nhơn". Bỏn mạng của liên đoàn là Chân phước Anrê Phú Yên, Người chứng thứ nhất của Giáo Hội Việt Nam. Tuyên úy của liên đoàn là linh mục Giuse Nguyễn Đức Minh, chánh xứ Tân Quán. Mục đích chính của liên đoàn là đào luyện các thiếu nhi về hai phương diện siêu nhiên và tự nhiên để giúp các em trở nên những Kitô hữu hoàn hảo, đồng thời đoàn ngũ hóa các thiếu nhi và

⁷⁶⁰ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 194, tháng 6 năm 2014, tr. 460-461.

hướng dẫn các em loan báo Tin Mừng. Đặc biệt liên đoàn còn có bốn phận hợp tác với các ban mục vụ khác trong việc giáo dục đức tin, nhất là việc dạy giáo lý cho các em từ tuổi khai tâm đến tuổi vào đời.

Việc thành lập liên đoàn Thiếu nhi Thánh Thể phát xuất từ giáo huấn của Công đồng Vaticanô II về việc đào tạo tông đồ giáo dân "phải được khởi sự ngay trong chương trình giáo dục thiếu nhi".⁷⁶¹ Hơn nữa, phong trào Thiếu nhi Thánh Thể xưa nay thực chất là một đoàn thể Công giáo tiến hành với những phương pháp giáo dục khá phong phú, giúp các em nên thánh qua việc sống Lời Chúa, kết hiệp với Chúa Giêsu Thánh Thể, sống hy sinh và làm việc tông đồ. Đây cũng là đoàn thể đã từng phát triển mạnh mẽ tại Giáo phận Qui Nhơn từ năm 1936, mặc dù bị mai một qua thời gian, nhưng nay đang hình thành trở lại tại một số giáo xứ và có khả năng góp phần vào chương trình tân Phúc Âm hóa của Giáo phận.⁷⁶²

Ngày 14.06.2014 giáo xứ Vĩnh Thạnh được công bố thành lập, tách ra từ giáo xứ Nam Bình, gồm các tín hữu sống trong địa bàn các thôn Tùng Giản, Tân Giản, Kim Tây, Kim Đông, Huỳnh Giản Nam, Huỳnh Giản Bắc của xã Phước Hòa; các thôn Lạc Điền, An Lợi, Phổ Đồng, Lương Bình, Tư Cung của xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước và các xã Cát Chánh, Cát Tiên, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định; cha xứ tiên khởi là linh mục Phanxicô Xaviê Phan Văn Mạnh.⁷⁶³ Cùng với những thành lập và xây dựng liên quan đến tổ chức và nhân sự, trong thời gian qua cũng có việc xây dựng hai cơ sở vật chất, đó là hai ngôi nhà thờ giáo xứ: nhà thờ Phú Mỹ giáo xứ Kỳ Tân do cha Grêgôriô Lê Văn Hiếu xây dựng, được cung hiến ngày 14.05.2014; nhà thờ giáo xứ Tân Quán do cha Giuse Nguyễn Đức Minh xây lại phần lớn, được cung hiến ngày 27.06.2014.

Cũng liên quan đến việc xây dựng các nhà thờ, ngày 11.08.2014 giáo xứ Chính tòa Qui Nhơn tổ chức thánh lễ trọng thể kính Đức Maria hồn xác lên trời, Bỏ mạng của giáo xứ, đồng thời cũng là lễ tạ ơn nhân dịp mừng 75 năm cung hiến nhà thờ Chính tòa và 15 năm

⁷⁶¹ CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, *Sắc lệnh tông đồ giáo dân Apostolicam Actuositatem*, số 30.

⁷⁶² Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 194, tháng 6 năm 2014, tr. 462-464.

⁷⁶³ Vĩnh Thạnh nguyên là giáo họ của giáo xứ Lạc Điền. Thời cha Luy Nguyễn Bảo làm cha xứ Lạc Điền (1958-1968), nơi ở thường xuyên của ngài là nhà thờ Vĩnh Thạnh. Sau năm 1975 giáo xứ Lạc Điền không còn nên Vĩnh Thạnh trở thành một giáo họ của giáo xứ Nam Bình. Ngày 30.05.2013 linh mục Phanxicô Xaviê Phan Văn Mạnh được bổ nhiệm làm phó xứ biệt lập ở tại Vĩnh Thạnh.

Giám mục của Đức cha Phêrô. Thánh lễ do Đức Tổng Giám mục Leopoldo Girelli chủ sự cùng với Đức cha Matthêô, Đức cha Phêrô, các linh mục, tu sĩ, chủng sinh trong Giáo phận và đông đảo anh chị em giáo dân. Hôm sau, Đức cha Matthêô đưa Đức Tổng Girelli ra Lý Sơn để dâng lễ tạ ơn và cung hiến ngôi thánh đường giáo xứ do cha Giuse Nguyễn Quốc Việt xây dựng; thánh lễ do Đức Giám mục Giáo phận chủ sự vào sáng ngày 13 tháng 08. Đức Tổng Girelli giảng lễ với những lời ví von: "Vùng đảo xinh đẹp của anh chị em, với màu nước biển xanh lam, bờ biển trắng, những cánh đồng tơi xanh và những hồ nước trên đỉnh núi, cũng như thiên nhiên trong sạch và an bình, là một hình ảnh hoàn hảo của thiên đàng."⁷⁶⁴

3.3. Năm Đời sống Thánh hiến

Ba tháng trước ngày khai mạc Năm Đời sống Thánh hiến, ngày 28.08.2014, tại nhà nguyện chủng viện Qui Nhơn, Đức cha Matthêô đã chủ sự thánh lễ khấn dòng lần đầu của 8 chị em thuộc Hội dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Tình Thương đang trên đường thành lập. Các chị em tuyên khấn lần đầu này là những nữ tu tiên khởi của một "Hội dòng mang đặc tính Việt Nam, phát sinh từ lòng mẹ Giáo Hội Việt Nam",⁷⁶⁵ cũng như Dòng Mến Thánh Giá. Lễ tuyên khấn lần đầu tiên của Dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Tình Thương được tiếp nối với lễ tuyên khấn hằng năm của Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn vào ngày 22 tháng 08 tại Giáo phận Qui Nhơn có thể được coi như những sự kiện chuẩn bị cho Năm Đời sống Thánh hiến.

Nhân kỷ niệm 50 năm Hiến chế tín lý về Giáo Hội (*Lumen Gentium*) đề cập đến các tu sĩ (chương VI) và Sắc lệnh về canh tân thích nghi đời sống dòng tu (*Perfectae Caritatis*) của Công đồng Vaticanô II, Đức Thánh Cha Phanxicô đã quyết định mở Năm Đời sống Thánh hiến, từ Chúa nhật I Mùa Vọng, 30.11.2014 đến lễ Dâng Chúa Giêsu vào đền thờ, ngày 02.02.2016. Mục đích của năm này là để giúp các tu sĩ nhìn về quá khứ với niềm tri ân, sống hiện tại cách say mê và nhắm tới tương lai với niềm hy vọng. Đây cũng là năm để toàn thể Giáo Hội tạ ơn Thiên Chúa vì những hồng ân mà Giáo Hội đã và còn đang lãnh nhận nhờ sự thánh thiện của những vị sáng lập và sự trung thành với đặc sủng của biết bao người tận hiến, đồng thời gia

⁷⁶⁴ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 196, tháng 8 năm 2014, tr. 639-641, 627-629.

⁷⁶⁵ *Bản dự thảo Hiến chương Dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Tình Thương*, số 12.

tăng lời cầu nguyện cho những người sống đời thánh hiến và cho ơn gọi tu trì. Trong năm này Giáo Hội cũng ban ơn toàn xá với những điều kiện thông thường cho tất cả những thành viên của các cộng đoàn sống đời thánh hiến và các tín hữu có lòng ăn năn sám hối thực sự nhờ tình thần bác ái thúc đẩy. Ân xá này cũng có thể nhường lại cho các linh hồn nơi luyện ngục. Để giúp mọi người sống năm này và hưởng được các ơn ích cũng như ân xá do Giáo Hội ban, ngày 05.01.2015 Đức Giám mục Giáo phận đã gửi thư hướng dẫn đến mọi thành phần dân Chúa trong Giáo phận.⁷⁶⁶

Ngày 02.02.2015 là ngày cử hành Năm Đời sống Thánh hiến trên qui mô Giáo phận do Ban tu sĩ Giáo phận tổ chức, gồm phần gặp gỡ tọa đàm giữa các tu sĩ và thánh lễ. Thánh lễ được cử hành trọng thể tại nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn do Đức Giám mục Giáo phận chủ sự và các linh mục đồng tế, với sự tham dự của trên 300 thành viên các Hội dòng trong Giáo phận và đông đảo anh chị em giáo dân. Hiện nay trong Giáo phận có sự hiện diện và phục vụ của Dòng Chúa Cứu Thế, Dòng Ngôi Lời, Dòng Đồng Công, Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn, Dòng Thánh Phaolô thành Chartres, Dòng Phan Sinh Thừa Sai Đức Mẹ, Dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Tình Thương đang trên tiến trình thành lập, Tu hội đời Thánh Tâm.⁷⁶⁷ Từ khi được thành lập, Ban tu sĩ tổ chức họp định kỳ 6 tháng một lần và có những cuộc thăm viếng gặp gỡ thường xuyên các cộng đoàn dòng tu để chia sẻ đời sống tu trì, nối kết các dòng tu với nhau và với Giáo phận trong các hoạt động mục vụ.

Ngày 18.03.2015, tại nhà thờ Quảng Ngãi, Đức Giám mục Giáo phận đã chủ sự thánh lễ trọng mừng Thánh Giuse, Bổn mạng của Giáo phận Qui Nhơn, đồng thời cử hành nghi thức truyền chức linh mục cho 10 thầy phó tế và truyền chức phó tế cho một thầy đại chủng sinh. Cùng đồng tế trong thánh lễ có Đức cha Vinh Sơn Nguyễn Văn Bản, Giám mục Giáo phận Ban Mê Thuột, khoảng 90 linh mục trong và ngoài Giáo phận, cùng với sự hiện diện của các nữ tu các Hội dòng, các chủng sinh chủng viện Qui Nhơn và đông đảo anh chị em giáo dân. Đối với Giáo hạt Quảng Ngãi, đây là một biến cố mục vụ rất quan trọng thể hiện chiều hướng mục vụ "đi ra" của Đức Thánh Cha Phanxicô, vì từ trước đến nay các lễ truyền chức đều được cử hành tại nhà thờ Chính tòa, trung tâm của Giáo phận, hoặc có vài lần được đưa vào Tuy Hòa, nhưng đây là lần đầu tiên được đưa ra Giáo hạt Quảng

⁷⁶⁶ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 201, tháng 1 năm 2015, tr. 4-7

⁷⁶⁷ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 202, tháng 2 năm 2015, tr. 88-94.

Ngãi, nơi xa xôi nhất của Giáo phận và có ít giáo dân, để giáo dân có dịp tham dự một thánh lễ truyền chức thánh mà đối với phần đông trong họ thì có lẽ đây là lần đầu tiên được tham dự. Hơn nữa, nghi thức truyền chức thánh trong bối cảnh phụng vụ lễ kính Thánh Giuse và trong thời gian tháng Ba này còn gợi nhớ một biến cố trọng đại và cũng là một hồng ân đặc biệt Thiên Chúa ban cho Giáo Hội Việt Nam nói chung, cũng như cho Giáo phận Qui Nhơn và Giáo hạt Quảng Ngãi nói riêng, đó là vào ngày 31.03.1668, lần đầu tiên trong toàn cõi Đại Việt, Đức cha Lambert de La Motte đã truyền chức linh mục cho một người Việt quê ở An Chi, Quảng Ngãi, đó là cha Giuse Trang.⁷⁶⁸

Ngày 19.04.2015, Ban mục vụ di dân của Giáo phận đã tổ chức Đại hội di dân Giáo phận Qui Nhơn lần thứ I tại nhà thờ Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp ở Sài Gòn, với chủ đề: "Người di dân - chiếu tỏa niềm tin". Mục đích của đại hội là để những người từ Giáo phận Qui Nhơn đến Sài Gòn lập nghiệp, làm ăn sinh sống hay học tập, có dịp gặp gỡ, giao lưu kết nối tình đồng hương, giúp nhau thăng tiến đức tin và nghề nghiệp. Đại hội quy tụ hơn 600 anh chị em. Cùng tham dự đại hội có Đức cha Matthêô, Giám mục Qui Nhơn, các linh mục trong ban di dân, một số linh mục và nữ tu của Giáo phận hoặc gốc Giáo phận. Từ đây hằng năm Ban mục vụ di dân sẽ tiếp tục tổ chức những cuộc gặp gỡ như thế.⁷⁶⁹

Sau bốn năm áp dụng thử nghiệm Quy chế Hội đồng giáo xứ do Đức cha Phêrô Nguyễn Soạn ban hành, dựa vào kinh nghiệm đã qua và những góp ý của mọi thành phần dân Chúa, ngày 15.07.2015, lễ thánh Anrê Nguyễn Kim Thông, Bỏ mạng của các ban chức việc trong Giáo phận, Đức cha Matthêô đã ký nghị định ban hành Quy chế Hội đồng giáo xứ Giáo phận Qui Nhơn, để áp dụng chính thức tại các giáo xứ trong toàn Giáo phận.

3.4. Năm thánh Lòng Thương Xót

Ngày 08.12.2015, lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, ngày kỷ niệm 50 năm bế mạc Công đồng Vaticanô II, Đức Thánh Cha Phanxicô khai mạc Năm thánh Lòng Thương Xót mà ngài đã thông báo trong Tông chiếu *Misericordiae Vultus* (Dung nhan Lòng thương xót) được ngài ký ngày 11.04.2015, Chúa nhật kính Lòng thương xót của Thiên Chúa. Năm thánh sẽ bế mạc với phụng vụ lễ Chúa Kitô Vua

⁷⁶⁸ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 203, tháng 3 năm 2015, tr. 151-153.

⁷⁶⁹ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 204, tháng 4 năm 2015, tr. 222-228.

vũ trụ, ngày 20.11.2016. Đức Thánh Cha quyết định: trong Năm thánh Lòng Thương Xót ơn toàn xá sẽ được ban cho các tín hữu, để họ thực sự cảm nghiệm Lòng thương xót của Thiên Chúa là Đấng luôn sẵn sàng tha thứ và giải thoát họ khỏi mọi hậu quả của tội lỗi. Vì thế, cũng trong ngày 08 tháng 12, Đức Giám mục Giáo phận đã ký văn thư hướng dẫn hưởng ơn toàn xá trong Năm thánh Lòng Thương Xót tại Giáo phận và phổ biến cho mọi thành phần dân Chúa, kèm theo lịch cử hành Năm thánh trong toàn Giáo phận.⁷⁷⁰

Theo như Tông chiếu qui định, tại các Giáo phận trên toàn thế giới, nghi thức mở Cửa Năm thánh Lòng Thương Xót sẽ được cử hành vào Chúa nhật III Mùa Vọng, 13.12.2015. Tại Giáo phận Qui Nhơn, nghi thức mở cửa này được Đức Giám mục Giáo phận long trọng cử hành tại nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn vào chiều Chúa nhật III Mùa Vọng cùng với linh mục đoàn Giáo phận, các tu sĩ, chủng sinh và đông đảo giáo dân, và cửa tiền nhà thờ Chính tòa trở thành Cửa Năm thánh Lòng Thương Xót cho toàn thể Giáo phận. Khẩu hiệu của Năm thánh Lòng Thương Xót là "Thương xót như Chúa Cha".

Để chuẩn bị cho việc tổ chức Năm thánh Giáo phận, ngày 28.02.2016 Đức Giám mục Giáo phận đã thành lập Ban tổ chức Năm thánh, căn cứ cuộc họp tru bị ngày 13.12.2015 và ý kiến đóng góp của linh mục đoàn Giáo phận ngày 26.02.2016 trong cuộc tĩnh tâm năm 2016. Ban tổ chức gồm các tiểu ban: phụng vụ, lịch sử và tư liệu, thánh nhạc, khánh tiết, diễn nguyện và sinh hoạt, văn hóa, truyền thông.

Tiểu ban phụng vụ đặc trách việc tổ chức các cử hành phụng vụ xuyên suốt tiến trình chuẩn bị và tổ chức Năm thánh. Tiểu ban lịch sử và tư liệu chuyên lo biên soạn lịch sử Giáo phận, thu thập các tài liệu liên quan để phổ biến, biên soạn các tài liệu học hỏi về Năm thánh, thực hiện tập kỷ yếu và trưng bày phòng truyền thống. Vai trò của tiểu ban thánh nhạc là tổ chức thi sáng tác bài hát dành riêng cho Năm thánh và các bài hát dùng cho phụng vụ và các sinh hoạt. Tiểu ban khánh tiết có nhiệm vụ tổ chức thi vẽ logo Năm thánh, trang trí lễ đài và các địa điểm cần thiết, chuẩn bị cơ sở đón tiếp và tiếp khách. Tiểu ban diễn nguyện và sinh hoạt đặc trách các chương trình diễn nguyện và sinh hoạt trong dịp khai mạc và bế mạc Năm thánh. Phần của tiểu ban văn hóa là tìm hiểu và giới thiệu những đóng góp của giới Công giáo của Giáo phận đối với chữ Quốc ngữ và văn hóa Việt Nam, su

⁷⁷⁰ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 212, tháng 12 năm 2015, tr. 852-855.

tập những ấn phẩm của nhà in Làng Sông và Qui Nhơn, tiếp tục những cuộc thi viết văn và tổ chức những cuộc học hỏi hay hội thảo chuyên đề. Cuối cùng, tiểu ban truyền thông có nhiệm vụ biên soạn và đưa tin kịp thời về những sự kiện Năm thánh.⁷⁷¹

Ngày 29.06.2016, trong khung cảnh phụng vụ thánh lễ trọng kính hai Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô tại nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn, với sự hiện diện của Đức cha Phêrô, khoảng 50 linh mục, các nữ tu, chủng sinh và đông đảo giáo dân, Đức Giám mục Giáo phận công bố quyết định bổ nhiệm cha Giuse Trương Đình Hiền làm Tổng đại diện Giáo phận Qui Nhơn thay thế cha Phêrô Hoàng Kym nghỉ hưu.

Ngày 18.07.2016, giáo xứ Đại An được công bố tái lập, gồm các tín hữu trong địa bàn các thôn Xuân An, Chánh Lạc, Chánh Liêm, Chánh Lý thuộc xã Cát Tường, các xã Cát Nhơn, Cát Hưng, Cát Thắng huyện Phù Cát, các thôn Hòa Tây, Hòa Đông, Bình An, Nhơn Thiện thuộc xã Nhơn Hạnh và xã Nhơn Phong thuộc thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định; cha sở là linh mục Giuse Phan Văn Hay.⁷⁷²

Vì thời gian chuẩn bị cho Năm thánh Giáo phận đã gần kết thúc, nên ngày 26.07.2016, Đức Giám mục Giáo phận đã đệ trình "Đơn xin tổ chức Năm thánh Giáo phận" lên Đức Hồng Y Maurus Piacenza, Chánh Tòa Ân Giải Tối Cao, để xin Tòa Thánh ban phép cho Giáo phận Qui Nhơn được mở Năm thánh, sẽ khai mạc vào ngày 26.07.2017, lễ kính Chân phước Anrê Phú Yên, và bế mạc vào ngày 26.07.2018. Mục đích của việc tổ chức Năm thánh là để cảm tạ Thiên Chúa vì những ơn lành Ngài đã ban xuống trên Giáo phận, để bày tỏ tâm tình tri ân đối với các bậc tiền nhân đã góp phần gieo trồng, duy trì và làm phát triển đức tin trong Giáo phận, và cũng để lấy đà đẩy mạnh công cuộc tân Phúc Âm hóa trong toàn Giáo phận. Đồng thời Đức Giám mục Giáo phận cũng xin Tòa Thánh ban cho những ai hành hương đến những nơi được chỉ định trong Giáo phận hoặc tham dự những cử hành phụng vụ đặc biệt của Năm thánh, được hưởng ơn toàn xá với những điều kiện thông thường là xưng tội, rước lễ và cầu nguyện theo ý Đức Giáo Hoàng.

⁷⁷¹ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 215, tháng 03 năm 2016, tr. 142-144.

⁷⁷² Đại An nguyên là một giáo xứ lớn và kỳ cựu của Giáo phận Qui Nhơn. Năm 1965, vì lý do chiến tranh, cha xứ Đại An là linh mục Antôn Hoàng Liên Mầu cùng với giáo dân di cư đến thị trấn Phù Cát. Sau năm 1975, vì thiếu linh mục nên giáo xứ Đại An được cha xứ Phù Cát kiêm nhiệm. Ngày 04.09.2015, cha Giuse Phan Văn Hay được bổ nhiệm phó xứ biệt lập tại Đại An.

Hội đồng linh mục của Giáo phận đã quyết định chọn ngày 26 tháng 07, lễ kính Chân phước Anrê Phú Yên, để khai mạc và bế mạc Năm thánh Giáo phận, vì 2 lý do: 1) Giáo phận Qui Nhơn đã chính thức đón nhận Tin Mừng vào tháng 07 năm 1618, khi cha Francesco Buzomi và các thừa sai Dòng Tên đầu tiên đến lập trụ sở truyền giáo tại Nước Mặn; 2) Ngày 26 tháng 07 năm 1644 là ngày tử đạo của Chân phước Anrê Phú Yên, người chứng thứ nhất của Giáo phận Qui Nhơn và của cả Giáo Hội tại Việt Nam, đồng thời cũng là hoa quả đầu mùa của hạt giống Tin Mừng vừa được gieo vào lòng đất Giáo phận.

Sau chuyến đi tập huấn của Ban chấp hành và Ban huấn luyện liên đoàn cùng với các liên đoàn miền Trung từ ngày 01 đến 03.06.2016 tại La Vang, liên đoàn thiếu nhi Thánh Thể của Giáo phận đã tổ chức Sa mạc huấn luyện huynh trưởng thiếu nhi Thánh Thể cấp I với tên gọi là "Lên đường 2" trong ba ngày, từ ngày 01 đến 03.08.2016. Đây là lần đầu tiên Sa mạc huấn luyện được chính Ban chấp hành liên đoàn của Giáo phận đứng ra tổ chức với sự tham gia của 139 sa mạc sinh. Tiếp đến, ngày 29 tháng 08, Giáo hạt Bồng Sơn đã tổ chức khóa bồi dưỡng giáo lý viên cho các giáo xứ trong Giáo hạt, để trang bị cho các giáo lý viên những kiến thức cơ bản và lòng nhiệt thành để bắt đầu niên khóa giáo lý mới.⁷⁷³ Để giúp các giáo xứ đẩy mạnh công việc mục vụ chuẩn bị hôn nhân trong năm 2017 theo định hướng của Hội đồng Giám mục Việt Nam, trong hai ngày 27 và 28.10.2016 Ban mục vụ gia đình đã tổ chức khóa tập huấn mục vụ gia đình lần thứ hai, do Ban nghiên huấn của Ủy ban mục vụ gia đình trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam phụ trách giảng dạy dựa vào tông huấn *Niềm vui Tình yêu* của Đức Thánh Cha Phanxicô, với sự tham dự của 83 học viên. Nhân khóa tập huấn này, các nhóm tác viên mục vụ gia đình đã được thành lập trong mỗi Giáo hạt, gồm ít nhất 3 linh mục và 3 giáo dân. Đây là những học viên chính thức có nhiệm vụ chuyển tải nội dung đến các giáo xứ.⁷⁷⁴

Sau hơn hai năm hiệp hội Mến Thánh Giá Qui Nhơn Tại Thế được thành lập và đưa vào huấn luyện, đến nay hiệp hội đã có 1003 hội viên, trong đó số hội viên ở giai đoạn chuyên biệt là 751 người, với một cơ cấu điều hành và sinh hoạt riêng, với những dấu chỉ vững bền và niềm vui trong đời sống thiêng liêng cũng như tông đồ. Để đánh dấu bước phát triển này, ngày 15.09.2016 Hội Dòng Mến Thánh

⁷⁷³ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 220, tháng 08 năm 2016, tr. 476-480.

⁷⁷⁴ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 222, tháng 10 năm 2016, tr. 655.

Giá Qui Nhơn đã tổ chức Đại hội lần thứ I cho hiệp hội này tại chủng viện Qui Nhơn, với sự tham dự của gần 800 hội viên, từ các Giáo phận Sài Gòn, Xuân Lộc, Nha Trang, Kontum và Qui Nhơn. Đỉnh cao của đại hội là thánh lễ đồng tế do Đức Giám mục Giáo phận chủ sự. Sau bài giảng có nghi thức cam kết tạm của 192 hội viên.⁷⁷⁵

Trong Năm thánh Lòng Thương Xót có thêm hai nhà thờ được xây dựng mới: nhà thờ giáo xứ Đại Bình do cha Giuse Nguyễn Ngọc Bình xây dựng toàn bộ phần thân, được cung hiến ngày 01.01.2016; nhà thờ giáo họ Hòa Mục thuộc giáo xứ Phù Cát do cha Phaolô Nguyễn Văn Khiêm xây dựng, được cung hiến ngày 20.07.2016.

Trong những năm qua, phần lớn cơ sở vật chất của chủng viện Qui Nhơn đều được sửa sang và bổ sung các trang thiết bị mới. Đặc biệt, trong năm 2016 nhà nguyện chủng viện được chỉnh trang lại xinh đẹp hơn, nhất là phần cung thánh; thư viện chủng viện được hình thành với số lượng sách khá phong phú và đa dạng, được xếp đặt có khoa học, để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập tại chủng viện. Bên cạnh việc đào tạo chủng sinh được đặt lên hàng đầu, chủng viện Qui Nhơn ngày nay còn là trung tâm mục vụ của Giáo phận với nhiều sinh hoạt phong phú như: các cuộc tĩnh tâm và thường huấn linh mục Giáo phận, các cuộc họp Hội đồng linh mục và Hội đồng mục vụ Giáo phận, sinh hoạt Legio Mariae, lễ khấn dòng, các khóa đào tạo, các cuộc học hỏi, sinh hoạt giới trẻ, tiếp đón khách hành hương, v.v.

Trong suốt Năm thánh này, các sự kiện nổi bật là những cuộc cử hành lễ tạ ơn tại bảy Giáo hạt. Đây là những cuộc lễ tập trung đông đảo tín hữu đến hành hương tại những nhà thờ được chỉ định để lãnh nhận ơn toàn xá. Điểm đặc biệt của việc cử hành Năm thánh này là những cuộc cử hành Bí tích hòa giải trọng thể và có đông đảo giáo dân tham dự trước khi bước vào thánh lễ. Nhờ việc rao giảng về Lòng thương xót của Thiên Chúa, nhiều người ở trong tình trạng tội lỗi lâu năm đã đến lãnh nhận Bí tích hòa giải và thay đổi cuộc sống. Thánh lễ bế mạc Năm thánh Lòng Thương Xót được cử hành trọng thể tại nhà thờ Chính tòa Qui Nhơn vào ngày Chúa nhật, 13.11.2016, do Đức Giám mục chủ sự, với sự tham dự đông đảo của mọi thành phần dân Chúa.

⁷⁷⁵ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 221, tháng 09 năm 2016, tr. 596-599.

3.5. Thời gian chuẩn bị cuối cùng cho Năm thánh Giáo phận

Thời gian chuẩn bị cuối cùng trong lộ trình sáu năm chuẩn bị gần cho Năm thánh Giáo phận bắt đầu từ Chúa nhật I Mùa Vọng, 27.11.2016 và sẽ kết thúc vào ngày 25.07.2017, với chủ đề "Yêu thương phục vụ". Mặc dù Năm thánh Lòng Thương Xót đã kết thúc, nhưng lòng thương xót vẫn phải tiếp tục sinh hoa kết trái qua những hành vi yêu thương phục vụ của mọi thành phần dân Chúa trong Giáo phận, nhất là trong thời gian chuẩn bị cuối cùng cho việc cử hành Năm thánh Giáo phận.

Cùng với việc toàn thể các thành phần dân Chúa trong Giáo phận nỗ lực thể hiện tình yêu thương phục vụ đối với tha nhân, nhất là đối với anh chị em lương dân, trong thời gian chuẩn bị cuối cùng này các tiểu ban trong Ban tổ chức Năm thánh phải hoàn thành những bước chuẩn bị, cùng với những sáng kiến của các ban ngành đoàn thể khác, để giúp mọi người bước vào Năm thánh một cách hiệu quả nhất.

Trong chiều hướng ấy, ngày 10.12.2016 Legio Mariae của Giáo phận tổ chức một cuộc tổng hội thường niên tại chủng viện Qui Nhơn với gần 1.300 tham dự viên, gồm các hội viên hoạt động senior, junior và cả các hội viên tân trợ, với đỉnh cao là thánh lễ đồng tế trọng thể kính Đức Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội do Đức Giám mục Giáo phận chủ sự. Cùng đồng tế thánh lễ có cha Tổng đại diện Giuse Trương Đình Hiền, kiêm linh giám Comitium Qui Nhơn, các cha linh giám các curiae trong toàn Giáo phận và các linh mục khác. Đây là cuộc tổng hội thường niên lớn nhất từ trước đến nay, nói lên sự phát triển mạnh mẽ của Legio Mariae trong Giáo phận, khiến cho công cuộc truyền giáo gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp. Đặc biệt cuộc tổng hội thường niên lần này có chương trình đêm diễn ca theo qui định của thủ bản, nhờ đó các anh chị em có dịp diễn tả niềm vui và tâm tình tông đồ của mình bằng những bài ca, điệu vũ và hoạt cảnh Tin Mừng.

Tiếp đến, trong bầu khí rộn ràng của mùa Giáng Sinh, tối thứ bảy trước lễ Hiển Linh, 07.01.2017, tại nguyện đường chủng viện Qui Nhơn, Ban thánh nhạc giáo phận đã tổ chức lần đầu tiên "Đại hội các nhạc đoàn và các ca đoàn thiếu nhi" trong Giáo phận, để chuẩn bị mừng ngày khai mạc Năm thánh. Về tham dự đại hội có 8 nhạc đoàn, gồm các đội kèn Phú Hòa, Đại Bình, Phù Mỹ, Qui Đức, Qui Nhơn, Tuy Hòa, Hoa Châu và đội trống con Vĩnh Thạnh. Ngoài ra còn có 10 ca đoàn thiếu nhi của các giáo xứ Phù Mỹ, Vĩnh Thạnh, Gò Thị, Tân Dinh, Ngọc Thạnh, Qui Hòa, Ghềnh Ráng, Qui Đức, Qui Hiệp và Chính tòa. Tiếng trống, tiếng kèn, xen lẫn tiếng hát của các em thiếu

nhi đã tạo nên một bản hòa tấu rộn ràng, khơi dậy nơi tâm hồn mọi người, nhất là các thành viên nhạc đoàn và ca đoàn một niềm phấn khởi tham gia luyện tập để góp phần tạo nên bầu khí sốt sắng cho ngày khai mạc Năm thánh sắp đến.⁷⁷⁶

Ngày 18.02.2017, Đức cha Matthêô đã ký quyết định ban hành Quy chế Hội đồng linh mục và Quy chế Hội đồng mục vụ của Giáo phận, sau khi hai quy chế cũ được ký năm 2013 để áp dụng thử nghiệm trong vòng 4 năm đã hết hạn. Nội dung của hai quy chế mới này có một số điều mới mẻ hơn hai quy chế cũ: nhiệm kỳ của các thành viên trong hai hội đồng là 5 năm theo giáo luật, thay vì 4 năm; có sự tách biệt nhiều hơn giữa các thành viên của hội đồng này với các thành viên của hội đồng kia; phối hợp các ban mục vụ thành những liên ban để công việc đạt hiệu quả hơn; có sự tham gia nhiều hơn của các thành viên tu sĩ và nhất là giáo dân trong Hội đồng mục vụ; việc bầu chọn thành viên được thực hiện cách nghiêm túc và dân chủ hơn. Sau khi hai quy chế được ban hành, cơ cấu nhân sự đã được thực hiện theo thể thức qui định, và Đức Giám mục Giáo phận đã ký văn thư bổ nhiệm các thành viên của Hội đồng linh mục và Ban tư vấn, cũng như các thành viên của Hội đồng mục vụ. Việc bổ nhiệm mới này đúng vào thời gian chuẩn bị bước vào Năm thánh, nên mang một ý nghĩa sâu sắc và một tầm quan trọng đặc biệt.

Công cuộc đại trùng tu cơ sở Làng Sông cũng đang trong giai đoạn nước rút, để kịp thời tổ chức Đại lễ khai mạc Năm thánh Giáo phận vào ngày 26.07.2017. Đây là một quần thể kiến trúc cổ gồm hai khu vực. Khu vực phía Đông là chủng viện ngày trước, gồm một nhà nguyện ở chính giữa, hai tòa nhà hai tầng ở hai bên cùng với một số ngôi nhà phụ, nay được sử dụng một nửa để làm nơi ở và đào tạo của Dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Tình Thương, một Hội dòng Giáo phận đang trong tiến trình thành lập. Khu vực phía Tây là nhà chung cũ, gồm Tòa Giám mục, sở quản lý, nhà in, nhà hưu dưỡng linh mục, phần lớn đã bị phá hủy, nay được khôi phục lại với dáng dấp như xưa nhưng khang trang và tiện nghi hơn, để làm nơi nghỉ dưỡng của các cha già, nơi lưu trú của khách và nơi tổ chức tĩnh tâm của những nhóm nhỏ; đặc biệt là nhà in được khôi phục lại để trưng bày các ấn phẩm xưa của nhà in Làng Sông - Qui Nhơn, hay hình ảnh của những ấn phẩm hiện đang được bảo tồn cách trân trọng tại các thư viện quốc gia và hải ngoại, là những ấn phẩm đã một thời góp phần rất lớn không

⁷⁷⁶ Xem *Bản thông tin Giáo phận Qui Nhơn*, số 225, tháng 01 năm 2017, tr. 17-20.

những cho việc loan báo Tin Mừng, mà còn cho việc phát triển chữ Quốc ngữ, phổ biến văn hóa và nâng cao dân trí. Quần thể kiến trúc mang dáng dấp cổ kính của chủng viện Làng Sông, cùng với những hàng đại thụ trăm năm tuổi, có thể được coi như một biểu tượng nói lên sự tồn tại bất chấp mọi thăng trầm của Giáo phận Qui Nhơn qua dòng thời gian.

TỔNG KẾT

Qua dòng lịch sử 400 năm, Giáo phận Qui Nhơn ngày nay là kết quả của bao công lao vất vả, cả mồ hôi lẫn máu đào, của các thế hệ tiền nhân gồm Giám mục, linh mục, tu sĩ nam nữ, thầy giảng và giáo dân, trải qua những thăng trầm, phát triển và phân chia.

Trước thềm Năm thánh kỷ niệm 400 năm đón nhận Tin Mừng, Giáo phận Qui Nhơn hiện nay gồm có 54 giáo xứ và 6 giáo họ biệt lập, được phân bố trong 7 Giáo hạt:

I. Giáo hạt Quảng Ngãi có 7 giáo xứ và 1 giáo họ biệt lập:

1. Giáo xứ Bàu Gốc: 866 giáo dân.
2. Giáo họ biệt lập Bình Hải: 1.399 giáo dân.
3. Giáo xứ Châu Me: 1.752 giáo dân.
4. Giáo xứ Châu Ô: 1.784 giáo dân.
5. Giáo xứ Kỳ Tân: 690 giáo dân.
6. Giáo xứ Lý Sơn: 490 giáo dân.
7. Giáo xứ Phú Hòa: 1.760 giáo dân.
8. Giáo xứ Quảng Ngãi: 1.339 giáo dân.

Tổng số giáo dân Giáo hạt Quảng Ngãi: 10.080 người.

II. Giáo hạt Bồng Sơn có 6 giáo xứ và 2 giáo họ biệt lập:

1. Giáo họ biệt lập An Mỹ: 380 giáo dân.
2. Giáo xứ Cây Rỏi: 965 giáo dân.
3. Giáo xứ Đại An: 876 giáo dân.
4. Giáo xứ Đại Bình: 1.880 giáo dân.
5. Giáo xứ Gia Chiểu: 2.361 giáo dân.
6. Giáo xứ Phù Cát: 1.232 giáo dân.
7. Giáo xứ Phù Mỹ: 1.185 giáo dân.
8. Giáo họ biệt lập Thác Đá Hạ: 258 giáo dân.

Tổng số giáo dân Giáo hạt Bồng Sơn: 9.137 người.

III. Giáo hạt Kim Châu có 8 giáo xứ và 2 giáo họ biệt lập:

1. Giáo xứ Chánh Thạnh: 780 giáo dân.
2. Giáo xứ Cù Lâm: 646 giáo dân.
3. Giáo họ biệt lập Đập Đá: 238 giáo dân.
4. Giáo xứ Huỳnh Kim: 873 giáo dân.
5. Giáo xứ Kiên Ngãi: 1.359 giáo dân.
6. Giáo xứ Kim Châu: 1.461 giáo dân.

7. Giáo xứ Phú Hữu: 1.843 giáo dân.
8. Giáo xứ Sông Cạn: 994 giáo dân.
9. Giáo họ biệt lập Trung Ai: 320 giáo dân.
10. Giáo xứ Trường Cửu: 506 giáo dân.

Tổng số giáo dân trong Giáo hạt Kim Châu: 9.020 người.

IV. Giáo hạt Gò Thị có 8 giáo xứ:

1. Giáo xứ Công Chánh: 657 giáo dân.
2. Giáo xứ Gò Thị: 3.058 giáo dân.
3. Giáo xứ Lục Lễ: 651 giáo dân.
4. Giáo xứ Nam Bình: 1.025 giáo dân.
5. Giáo xứ Tân Dinh: 1.273 giáo dân.
6. Giáo xứ Tân Quán: 606 giáo dân.
7. Giáo xứ Vĩnh Thạnh: 1.305 giáo dân.
8. Giáo xứ Vườn Vông: 934 giáo dân.

Tổng số giáo dân trong Giáo hạt Gò Thị: 9.509 người.

V. Giáo hạt Qui Nhơn có 11 giáo xứ:

1. Giáo xứ Chính tòa: 3.911 giáo dân.
2. Giáo xứ Đồng Tiến: 538 giáo dân.
3. Giáo xứ Ghềnh Ráng: 768 giáo dân.
4. Giáo xứ Hòa Ninh: 202 giáo dân.
5. Giáo xứ Hội Lộc: 708 giáo dân.
6. Giáo xứ Ngọc Thạnh: 3.107 giáo dân.
7. Giáo xứ Phú Thạnh: 954 giáo dân.
8. Giáo xứ Qui Đức: 4.534 giáo dân.
9. Giáo xứ Qui Hiệp: 1.154 giáo dân.
10. Giáo xứ Qui Hòa: 912 giáo dân.
11. Giáo xứ Xuân Quang: 557 giáo dân.

Tổng số giáo dân trong Giáo hạt Qui Nhơn: 17.345 người.

VI. Giáo hạt Măng Lăng có 7 giáo xứ:

1. Giáo xứ Chợ Mới: 1.130 giáo dân.
2. Giáo xứ Đa Lộc: 576 giáo dân.
3. Giáo xứ Đồng Tre: 859 giáo dân.
4. Giáo xứ Gò Duối: 336 giáo dân.
5. Giáo xứ Măng Lăng: 2.108 giáo dân.
6. Giáo xứ Sông Cầu: 659 giáo dân.
7. Giáo xứ Trà Kê: 697 giáo dân.

Tổng số giáo dân trong Giáo hạt Măng Lăng: 6.365 người.

VII. Giáo hạt Tuy Hòa có 7 giáo xứ và 1 giáo họ biệt lập:

1. Giáo xứ Đồng Mỹ: 1.315 giáo dân.
2. Giáo xứ Hoa Châu: 1.057 giáo dân.
3. Giáo xứ Hóc Gáo: 802 giáo dân.
4. Giáo họ biệt lập Phú Lâm: 240 giáo dân.
5. Giáo xứ Sông Hình: 700 giáo dân.
6. Giáo xứ Sơn Nguyên: 2.003 giáo dân.
7. Giáo xứ Tịnh Sơn: 1.762 giáo dân.
8. Giáo xứ Tuy Hòa: 3.398 giáo dân.

Tổng số giáo dân trong Giáo hạt Tuy Hòa: 11.277 người.

Tổng số giáo dân trong toàn Giáo phận là 72.733 trên tổng số dân của 3 tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên là 3.720.040. Số giáo dân người Kinh: 72.458 người; số giáo dân các dân tộc thiểu số: 305 người.

Số linh mục: 124, trong đó có 110 linh mục triều và 14 linh mục dòng.

Số chủng sinh đang học tại Đại chủng viện Sao Biển Nha Trang và đang phục vụ tại các giáo xứ: 46. Số chủng sinh đang học tại chủng viện Qui Nhơn: 45.

Trong Giáo phận hiện có 7 dòng tu đang phục vụ, gồm 3 dòng nam và 4 dòng nữ. Ba dòng nam là: Dòng Chúa Cứu Thế, Dòng Ngôi Lời và Dòng Đồng Công.⁷⁷⁷ Bốn dòng nữ là: Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn, Dòng Thánh Phaolô thành Chartres, Dòng Phan Sinh Thừa Sai Đức Mẹ và Dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Tình Thương. Ngoài ra còn có Tu hội đời Thánh Tâm.

Dòng Chúa Cứu Thế có 2 cộng đoàn ở Châu Ổ và Lý Sơn, với 10 linh mục và 6 tu sĩ. Dòng Ngôi Lời có 1 cộng đoàn ở Kim Châu với 3 linh mục. Dòng Đồng Công có 1 cộng đoàn ở Tuy Hòa với 2 linh mục.

⁷⁷⁷ Dòng Đồng Công, tên gọi đầy đủ là *Dòng Đức Mẹ Đồng Công Cứu Chuộc*. Gần đây Tòa Thánh, qua Bộ Phúc Âm hóa các Dân tộc, đã đề nghị Hội dòng đổi tên, vì từ "Đồng Công" (Coredemptrix) theo thần học không rõ nghĩa, và đề nghị danh hiệu *Congregatio Redemptoris Matris* (CRM). Tòa Thánh cũng dành cho Tổng Tu nghị VII của Hội dòng quyền chọn tên cho Dòng với sự chuẩn nhận của Bộ. Trong Tổng Tu nghị VII từ ngày 04 đến 07.11.2016, các Nghị huynh đã thảo luận và quyết định lấy danh hiệu mà Tòa Thánh đã đề nghị. Ngày 17.03.2017 Tòa Thánh đã gửi văn thư chuẩn nhận. Vậy Hội dòng quyết định: từ ngày 07.04.2017, danh hiệu mới của Hội dòng là: *Dòng Mẹ Chúa Cứu Chuộc (Congregatio Redemptoris Matris)*. (Theo thư của Lm. Piô X Maria Nguyễn Đán, CRM, Tổng Phục vụ, gửi Đức Cha Matthêô Nguyễn Văn Khôi, ngày 07.04.2017).

Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn là hội dòng Giáo phận, có nhà mẹ và học viện tại thành phố Qui Nhơn, nhà tập tại Gò Thị, 23 cộng đoàn trong Giáo phận Qui Nhơn, 3 cộng đoàn trong Giáo phận Đà Nẵng, 6 cộng đoàn trong Giáo phận Kontum, 2 cộng đoàn trong Giáo phận Ban Mê Thuột, 2 cộng đoàn trong Giáo phận Đà Lạt, 16 cộng đoàn trong Giáo phận Nha Trang, 2 cộng đoàn trong Giáo phận Phan Thiết, 3 cộng đoàn trong Giáo phận Xuân Lộc, 3 cộng đoàn trong Tổng giáo phận Sài Gòn, 2 cộng đoàn tại Úc, 1 cộng đoàn tại Na Uy. Ngoài ra còn có Tỉnh dòng Hoa Kỳ với 7 cộng đoàn. Thành phần của hội dòng gồm 364 nữ tu khấn trọn, 92 nữ tu khấn tạm, 39 tập sinh, 17 tiền tập sinh, 38 thanh tuyển sinh. Số nữ tu đang phục vụ ngoài Giáo phận là 238 người.

Dòng Thánh Phaolô thành Chartres có 5 cộng đoàn với 25 nữ tu đang phục vụ tại các giáo xứ: Chính tòa, Hội Lộc, Phú Thạnh, Tuy Hòa và Hoa Châu. Dòng Phan Sinh Thừa Sai Đức Mẹ có 1 cộng đoàn tại Qui Hòa với 15 nữ tu.

Dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Tình Thương là một hội dòng Giáo phận đang trong tiến trình thành lập, gồm 1 Nhà mẹ tại Làng Sông và 2 cộng đoàn ở giáo xứ Chính tòa và giáo xứ Phù Mỹ, với 22 nữ tu khấn tạm, 14 tập sinh, 26 tiền tập sinh, 11 em tìm hiểu đang sống tại nhà mẹ.

Tu hội đời Thánh Tâm có 1 nam và 6 nữ.

Về các đoàn thể gồm có: 57 hội đồng giáo xứ với 1.581 chức việc; 827 giáo lý viên; 148 ca đoàn với 3.126 ca viên; Legio Mariae gồm có: 1 Comitium, 106 praesidia senior với 1.475 hội viên, 30 praesidia junior với 526 hội viên, 902 hội viên tán trợ; 18 hội hiền phụ với 392 người; 35 hội hiền mẫu với 500 người; 7 tổ gia đình cùng theo Chúa với 66 người; 83 đội thiếu nhi Thánh Thể với 1.466 em; 1 cộng đoàn Khôi Bình với 15 thành viên; 23 tổ cầu nguyện Lòng Chúa Thương Xót với 607 người; 40 đội trợ táng với 691 đội viên; 8 nhạc đoàn với 125 đoàn viên; 14 nhóm Mến Thánh Giá Qui Nhơn Tại Thế với 481 hội viên, và 8 đoàn thể khác như hội Mân Côi, nhà giáo, cựu chủng sinh Làng Sông - Qui Nhơn, sinh viên công giáo, đội trống, với 388 thành viên.

Năm nay Giáo phận Qui Nhơn cử hành Năm thánh đánh dấu 400 năm đón nhận và loan báo Tin Mừng, với tâm tình tri ân cảm tạ Thiên Chúa vì muôn ơn lành Chúa đã tuôn đổ xuống trên Giáo phận trong suốt 400 năm qua. Nhưng đồng thời Năm thánh cũng dẫn đưa mọi người đến một tâm tình tạ ơn khác vào năm 2019, kỷ niệm 360 năm thành lập Giáo phận Tông tòa Đàng Trong, tiền thân của Giáo phận Qui Nhơn ngày nay (1659-2019), rồi đến năm 2025 mừng 400 năm

sinh nhật của Chân phước Anrê Phú Yên (1625-2025), vị Tử đạo tiên khởi của Giáo phận.

Năm thánh sẽ bế mạc vào ngày 26.07.2018, nhưng không phải để khép lại quá khứ và biến nó thành một thứ báu vật trong viện bảo tàng, nhưng Năm thánh là một khung cửa mở ra cho tương lai, để toàn thể Giáo phận lên đường loan báo Tin Mừng theo gương các tiền nhân, viết nên những trang sử truyền giáo mới bằng một cuộc tân Phúc Âm hóa, với nhiệt tình, phương pháp và cách diễn tả mới, phù hợp với thời đại mới, để xây dựng trời mới đất mới trên quê hương Giáo phận Qui Nhơn.

DEO GRATIAS - TẠ ƠN CHÚA

PHỤ LỤC HÌNH ẢNH

1. NHÀ MÔ CHÔN CÁT HÀI CỐT CÁC TÍN HỮU BỊ SÁT HẠI TRONG PHONG TRÀO VĂN THÂN NĂM 1885



Nhà mô Gia Hựu



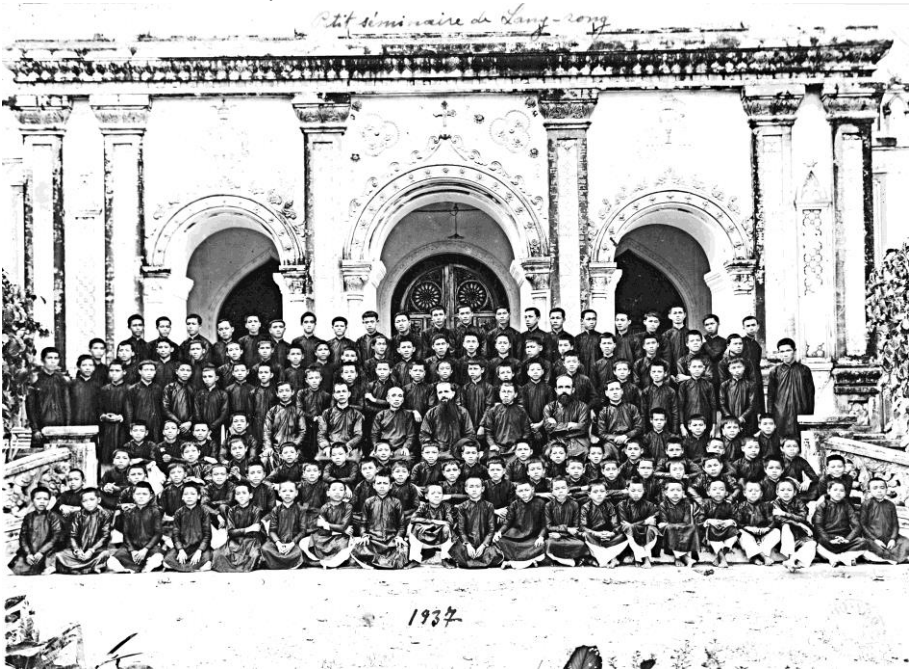
Nhà mô Thác Đá Thượng

2. LỄ TÂN PHONG GIÁM MỤC ĐỨC CHA TARDIEU PHÚ NĂM 1930 TẠI LÀNG SÔNG



1. Đức cha Tardieu Phú; 2. Đức cha Munagorri, Bùi Chu, phụ phong; 3. Đức cha Dreyer, Khâm sứ Tòa Thánh, chủ phong; 4. Đức cha Chaize, phụ tá Hà Nội, phụ phong.

3. CHUNG VIỆN LÀNG SÔNG NĂM 1937



4. ĐẠI CHUNG VIỆN QUI NHƠN NĂM 1939



Trường lớn Qui Nhơn 1939

5. LINH MỤC ĐOÀN QUI NHƠN TỈNH TÂM NĂM 1967



- | | | | |
|---------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|----------------------------|
| 01. Ambrôsiô Đỗ Bích Ngô | 16. J.B. Nguyễn Đức Quảng | 31. Philippê Nguyễn Anh Tho | 46. Phêrô Nguyễn Hữu Sanh |
| 02. Phêrô Vũ Văn Tự Chương | 17. Micae Phạm Bá Tước | 32. F.X. Phạm Sĩ Tăng | 47. Phêrô Hoàng Kym |
| 03. Phêrô Nguyễn Đình Đệ | 18. Antôn Hoàng Tiến Nam | 33. Giuse Tô Đình Tiến | 48. Martinô Đỗ Văn Diệp |
| 04. Antôn Hoàng Liên Mậu | 19. Giuse Tô Đình Sơn | 34. Phêrô Phan Anh Thu | 49. Đominicô Châu Phán |
| 05. Phaolô huyên Đông Các | 20. Augustinô Nguyễn Thanh Huệ | 35. Phanxiô Nguyễn Quang Hiến | 50. Giuse Nguyễn Sô |
| 06. Đa Minh Đỗ Văn Thừa | 21. Giuse Đinh Văn Giám | 36. Augustinô Nguyễn Thanh Long | 51. Phêrô Nguyễn Vĩnh Lưu |
| 07. Giuse Nguyễn Văn Ai | 22. Phêrô Khổng Văn Giám | 37. Phaolô Nguyễn Xuân Bán | 52. Phaolô Huỳnh Biên |
| 08. Phêrô Nguyễn Thanh Quý | 23. Phêrô Nguyễn Quang Báu | 38. Phaolô Huỳnh Tấn Ngoan | 53. Giuse Trần Ngọc Châu |
| 09. Micae Ngô Trung lành | 24. Phêrô Nguyễn Kỳ Hội | 39. J.B. Đỗ Trung Thanh | 54. Philippê huyên Tòa |
| 10. Camilô Rohmer Triết (MEP) | 25. Martinô Nguyễn Trọng Huân | 40. Gioakim Đoàn Kim Hiến | 55. Phaolô Huỳnh Ngọc Cảnh |
| 11. Giuse Nguyễn Tý | 26. Phêrô Lê Vĩnh Phước | 41. Phêrô Nguyễn Văn Quyên | 56. Gioakim Nguyễn Du |
| 12. Đức Cha Dom. Hoàng Văn Đoàn | 27. Têphanô Nguyễn Văn Bích | 42. Phêrô Nguyễn Sĩ Tư | 57. Simon Huỳnh Tấn Công |
| 13. Phêrô Trịnh Hoài An | 28. Phaolô Nguyễn Thanh Bình | 43. Luy Nguyễn Bảo | 58. Giuse Phạm Thanh |
| 14. Tôma Bùi Đức | 29. Martinô Nguyễn Hộ | 44. Phêrô Huỳnh Kim Lăng | 59. F.X. Trần Hòa |
| 15. Gioakim Phan Công Sứ | | 45. Gioakim Huỳnh Văn Hòa | 60. Giuse Phan Văn Hoa |

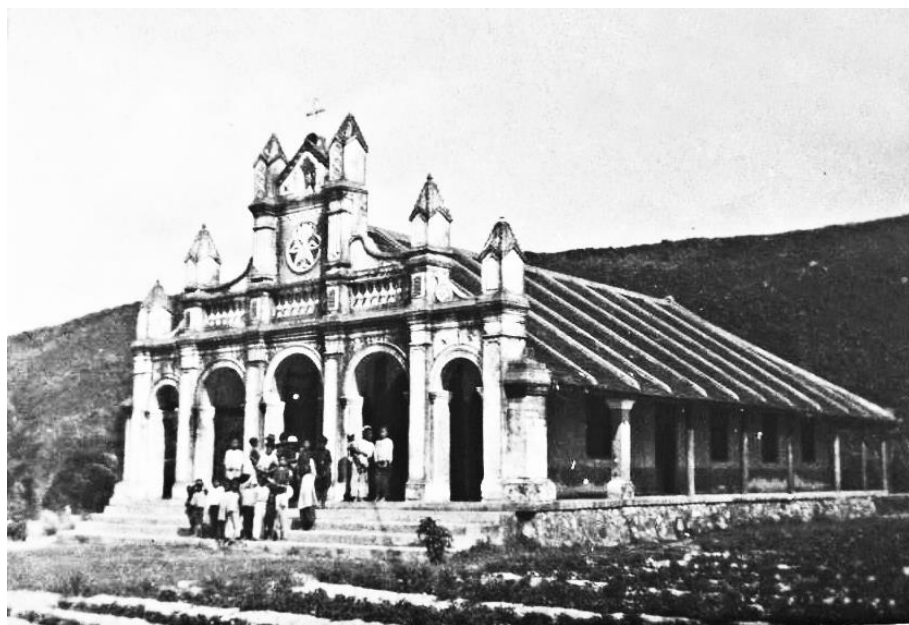
6. CÁC PHƯỚC VIỆN MẾN THÁNH GIÁ



Nhà-phước-Mến-thánh-Giá 1958



7. MỘT SỐ NHÀ THỜ XƯA, NAY KHÔNG CÒN



L'Eglise de Gông-rông 6-3-1949

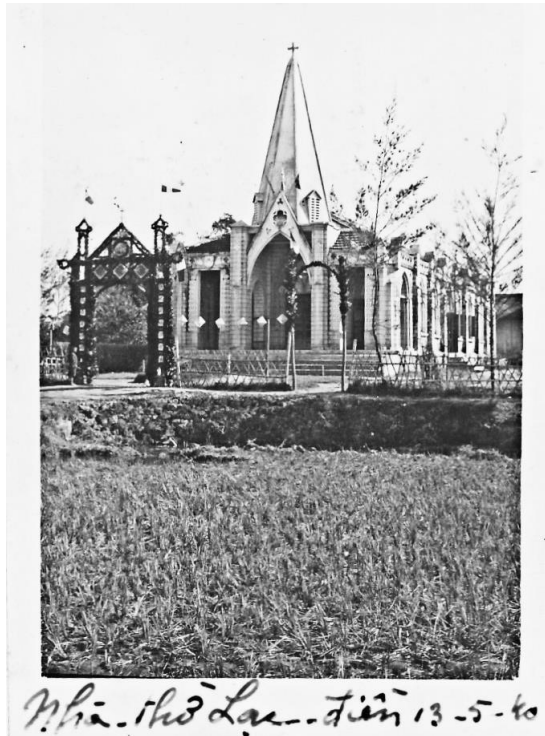


Nhà thờ Giê-ru-sa-lem 24-12-1939

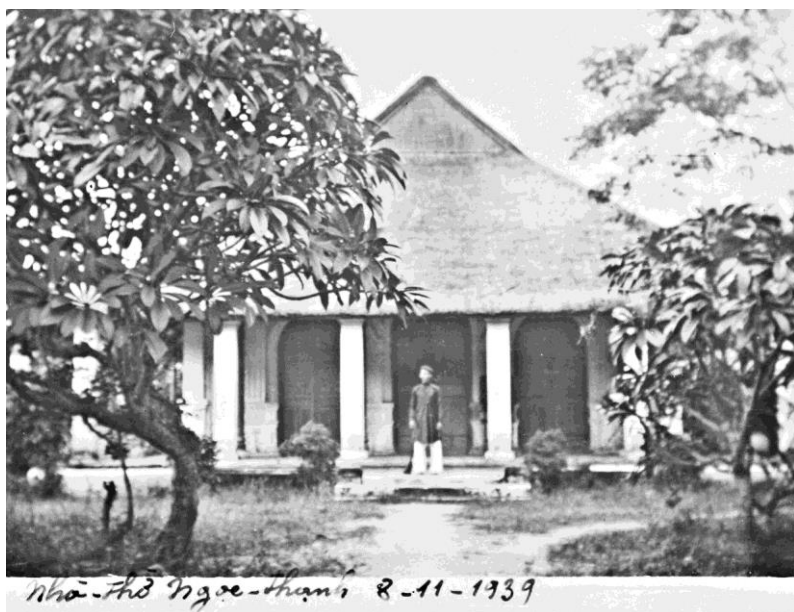
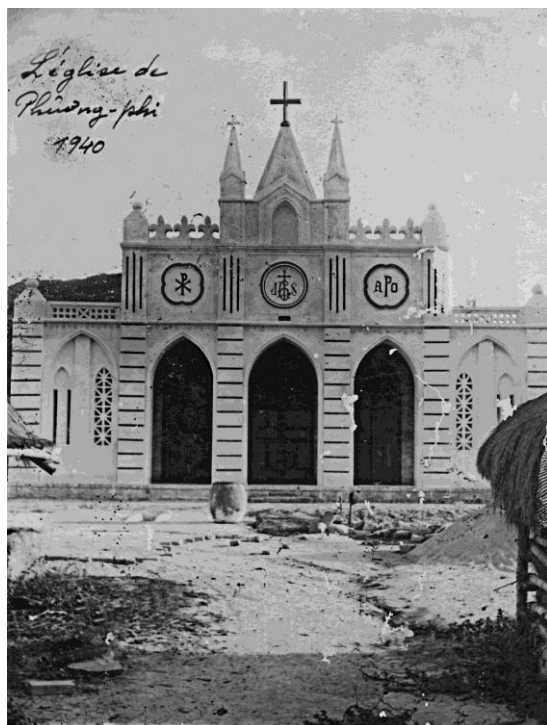


1937

Đại An 1937



Nhà thờ Lạc Tân 13-5-40



Eglise Phai-dà à Tera par Compète 1935



Chin-ma le 8-f-1938



Châu Me 1938

*Vạn Lộc 1964**Tân Lộc 1964*



*Gia Hựu 1968**Đồng Dài 1957*



Đồng Quả 1955



LỄ KHÁNH THÀNH NHÀ THỜ AN LÃO NĂM 1958

THƯ MỤC

1. SÁCH VÀ TÀI LIỆU DẪN NGUỒN

ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine 1658-1823. Documents historiques I, 1658-1728*, P. Téqui, Paris 1923.

ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine 1658-1823. Documents historiques II, 1728-1771*, P. Téqui, Paris 1924.

ADRIEN LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine 1658-1823. Documents historiques III, 1771-1823*, P. Téqui, Paris 1925.

ALEXANDRE DE RHODES, *Hành trình và truyền giáo. Divers voyages et missions. Bản dịch Việt ngữ của Hồng Nhuệ. Bản Pháp ngữ của Nxb. Cramoisy 1653*, Tủ sách Đại Kết, Ủy ban Đoàn kết Công giáo, Tp. Hồ Chí Minh 1994.

ALEXANDRE DE RHODES, *La glorieuse mort d'André catéchiste de la Cochinchine, Qui a le premier versé son sang pour la querelle de Jésus Christ en cette nouvelle Église*, Cramoisy, Paris 1653.

ARCHIVES DES MISSIONS ÉTRANGÈRES DE PARIS (AMEP), *Rapport annuel de Cochinchine Orientale*.

CHRISTOFORO BORRI, *Relatione della nuova missione delli PP. della Compagnia di Giesù al Regno della Cocincina*, Francesco Corbelletti, Roma 1631. Bản dịch Việt ngữ của Hồng Nhuệ: *Tường trình về Khu truyền giáo Đàng Trong 1631*, Thăng Long xuất bản, Hoa Kỳ 1989.

DANIELLO BARTOLI, *Dell' Istoria della Compagnia di Gesù al Regno della Cocincina*, Torino 1825.

MISSION DE QUINHON, *Compte-rendu et état de la Mission (hàng năm)*, Imprimerie de Quinhon.

MISSION DE QUINHON, *Mémorial (hàng tháng)*.

Bản thông tin Địa / Giáo phận Qui Nhơn.

Lettere annue del Giappone, China, Goa et Ethiopia. Scritte al M.R.P. Generale della Compagnia di Giesù. Da Padri dell' istessa Compagnia negli anni 1615.1616.1617.1618.1619, P. Lazaro Scoriggio, Napoli 1621.

Synodus Vicariatus Cochinchinensis, Cambodiensis et Ciampænsis habita in provincia Binh Dinh, anno 1841, Typis Societatis Missionum ad Exteros, Hong Kong 1893.

2. SÁCH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

ĐỖ QUANG CHÍNH, *Lịch sử chữ Quốc ngữ 1620-1659*, Ra Khơi, Sài Gòn 1972.

ĐỖ QUANG CHÍNH SJ, *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt 1615-1773*, Antôn & Đuốc Sáng, USA 2006.

ĐỖ QUANG CHÍNH, SJ, *Hai Giám mục đầu tiên tại Việt Nam*, Antôn & Đuốc Sáng, USA 2007.

HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM, *Giáo Hội Công Giáo Việt Nam. Niên giám 2016*, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội 2016.

LI TANA, *Xứ Đàng Trong. Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17-18* (Bản dịch của Nguyễn Nghị), Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh 2015. Nguyên bản: *Nguyen Cochinchina: Southern Vietnam in 17th and 18th centuries*, Cornell Southeast Asia Program, USA 1998.

L.E. LOUVET, *La Cochinchine Religieuse*, II, Paris 1885.

LM. BÙI ĐỨC SINH, OP., *Lịch sử Giáo Hội Công giáo*, quyển I và II, Veritas Edition, Calgary - Canada 1999.

LM. ĐÀO QUANG TOÀN, *Giáo Hội Việt Nam năm 1659*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh 2010.

LM. NGUYỄN HỒNG, *Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam*, quyển I và II, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội 2009.

MỘT GIÁO SƯ SỬ HỌC, *Giáo Hội Công giáo ở Việt Nam*, quyển I, II, III, Veritas Edition, Calgary - Canada 1998.

NGUYỄN KHẮC XUYỀN - PHẠM ĐÌNH KHIÊM, *Giáo sĩ Đắc Lộ và tác phẩm Quốc ngữ đầu tiên*, Tinh Việt văn đoàn, Sài Gòn 1961.

PHẠM ĐÌNH KHIÊM, *Người Chứng Thứ Nhất*, Tinh Việt văn đoàn, Sài Gòn 1959.

PHAN KHOANG, *Việt sử: Xứ Đàng Trong 1558-1777. Cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*, Chi nhánh Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Tp. Hồ Chí Minh 2016.

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN, *Đại Nam Nhất Thống Chí*, Viện Sử học Việt Nam, Nxb. Thuận Hóa, Huế 2006.

QUỐC SỬ QUẢN TRIỀU NGUYỄN, *Đại Nam Liệt truyện Tiền biên*, Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu, Nxb. Khoa học xã hội, 1995.

ROLAND JACQUES, *Các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha và thời kỳ đầu của Giáo Hội Công Giáo Việt Nam*, quyển 1, Định Hướng từng thư, France 2004.

R.P. TARDIEU, *Hạnh Đức cha Thê, Mgr. Cuénot 1802-1861*, Lang-Song Imprimerie de la Mission 1907.

TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển I và II, Bộ Giáo dục - Trung tâm Học liệu xuất bản, 1971.

VIỆN SỬ HỌC, *Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội 2007.

Lịch sử Giáo phận Qui Nhơn và Giáo phận Qui Nhơn kỷ yếu: Hai bản thảo của Lm. Phêrô Huỳnh Kim Lăng.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu.....	5
Thay lời tựa	7
Dẫn nhập	11

PHẦN I THỜI KỲ BẢO TRỢ TRUYỀN GIÁO

CHƯƠNG I TỔNG QUAN BỐI CẢNH ĐÀNG TRONG NƯỚC ĐẠI VIỆT THẾ KỶ XV-XVII

1. Địa chính trị - hành chánh	15
2. Thương mại.....	22
2.1. Phố cảng Hội An.....	23
2.2. Phố cảng Nước Mặn	24
3. Giao thông.....	27
3.1. Hệ thống đường bộ.....	27
3.2. Hệ thống đường thủy	29
4. Tôn giáo – tín ngưỡng.....	33
5. Tính tình, cách sống và ngôn ngữ của dân Đàng Trong	37

CHƯƠNG II CÁC THỪA SAI DÒNG TÊN TỪ MA CAO ĐẾN ĐÀNG TRONG

1. Bối cảnh truyền giáo tại Châu Á	
Trước khi các thừa sai Dòng Tên đến Đàng Trong.....	44
1.1. Bối cảnh bảo trợ truyền giáo	44
1.2. Trung tâm truyền giáo của Dòng Tên tại Ma Cao	45
2. Các Thừa Sai Dòng Tên từ Ma Cao đến Đàng Trong.....	46

2.1. Cơ duyên các thừa sai Dòng Tên đến Đàng Trong	46
2.2. Các thừa sai Dòng Tên thành lập các cư sở truyền giáo	47
2.2.1. <i>"Trú sở" Cửa Hàn</i>	48
2.2.2. <i>Cư sở Nước Mặn, Qui Nhơn.</i>	51
2.2.3. <i>Cư sở Hội An, Quảng Nam</i>	54
2.2.4. <i>Cư sở Dinh Chiêm, Quảng Nam</i>	55

CHƯƠNG III CÔNG CUỘC TRUYỀN GIÁO CỦA CÁC THỪA SAI TẠI ĐÀNG TRONG

1. Thành công và thử thách	58
1.1. Sự phát triển nhanh chóng của giáo đoàn	60
1.2. Hai sự cố năm 1625	63
1.3. Sắc lệnh trục xuất các thừa sai năm 1629 và những hệ quả	65
2. Cha Đắc Lộ trở lại Đàng Trong	68
2.1. Cha Đắc Lộ trở lại Đàng Trong lần thứ I	68
2.2. Cha Đắc Lộ trở lại Đàng Trong lần thứ II	69
2.2.1. <i>Những ngày ở Quảng Nghĩa</i>	69
2.2.2. <i>Ở Bến Đá (Qui Nhơn) và Phú Yên</i>	72
2.3. Cha Đắc Lộ trở lại Đàng Trong lần thứ III	73
2.4. Cha Đắc Lộ trở lại Đàng Trong lần thứ IV	73
2.4.1. <i>Cuộc tử đạo của thầy giảng Anrê Phú Yên, Người chứng thứ nhất của Giáo Hội Việt Nam.</i>	74
2.4.2. <i>Tình nghĩa nối kết giáo dân ở phủ Qui Nhơn cùng tuyên xưng đức tin vào năm 1645</i>	75
2.4.3. <i>Những ngày tháng cuối cùng của cha Đắc Lộ ở Đàng Trong</i>	78
2.4.4. <i>Cha Đắc Lộ vận động bỏ nhiệm Giám mục cho Đại Việt</i>	79
3. Các Thừa Sai Dòng Tên đến Đàng Trong sau cha Đắc Lộ	80
4. Số Thừa Sai Dòng Tên làm việc tại Đàng Trong từ năm 1615 đến 1659	83

CHƯƠNG IV PHƯƠNG CHÂM VÀ PHƯƠNG PHÁP HOẠT ĐỘNG TRUYỀN GIÁO

1. Ad maiorem Dei gloriam	85
2. Ứng xử, vận dụng nếp sống văn hóa của người Việt.....	87
2.1. Vận dụng tinh thần trọng tình để tạo nền cho công tác tông đồ giáo dân	87
2.1.1. Các thầy giảng	88
2.1.2. Những tông đồ giáo dân tiêu biểu khác	90
2.2. Ứng xử, thích nghi với hoàn cảnh và môi trường xã hội ...	93
3. Vận dụng chữ Nôm trong việc truyền bá đức tin.....	94
3.1. Cha Girolamo Majorica	95
3.2. Gioan Thanh Minh.....	95
4. Sáng tạo chữ Quốc ngữ	96
4.1. Cha Francesco Buzomi	97
4.2. Cha Francisco de Pina.....	99
4.3. Cha Christoforo Borri	101
4.4. Cha Alexandre de Rhodes	104

PHẦN II TỪ GIÁO PHẬN TÔNG TÒA ĐÀNG TRONG ĐẾN GIÁO PHẬN TÔNG TÒA QUI NHƠN DƯỚI THỜI CÁC ĐẠI DIỆN TÔNG TÒA (1659 - 1960)

CHƯƠNG I GIÁO PHẬN TÔNG TÒA ĐÀNG TRONG (1659 - 1844)

1. Thời Đức cha Pierre Lambert de La Motte (1659-1679)	112
1.1. Hai Đức cha Lambert và Pallu đến Xiêm	112
1.2. Công nghị Ajuthia.....	114
1.3. Thừa sai Louis Chevreuil đến Đàng Trong	115
1.4. Đức cha Lambert kiêm nhiệm Đàng Ngoài, Cao Miên và Chiêm Thành	117
1.5. Thừa sai Antoine Hainques đến Đàng Trong.....	118

1.6. Cha Giuse Trang: linh mục người Việt đầu tiên	119
1.7. Cha Antoine Hainques, cha Pierre Brindeau, cha Giuse Trang và cha Luca Bền	120
1.8. Đức cha Lambert lên đường đến Đàng Trong lần thứ nhất.....	121
1.9. Thành lập Dòng Chị Em Mến Thánh Giá tại Đàng Trong	124
1.10. Triệu tập Công nghị tại Hội An	127
1.11. Công việc truyền giáo sau Công nghị Hội An	130
1.12. Chuyến viếng thăm lần thứ hai của Đức cha Lambert tại Đàng Trong	133
1.13. Giáo phận Đàng Trong sau chuyến viếng thăm lần thứ hai của Đức cha Lambert	137
2. Thời Đức cha Guillaume Mahot (1682-1684)	143
2.1. Lễ tấn phong Giám mục của Đức cha Mahot và Công nghị Hội An lần thứ hai	144
2.2. Công việc của Đức cha Mahot	146
2.3. Giáo phận Đàng Trong sau khi Đức cha Mahot qua đời	149
3. Thời Đức cha Francisco Pérez (1691-1728)	151
3.1. Công việc của Đức cha Francisco Pérez tại Đàng Trong	151
3.2. Tình hình Giáo phận	152
3.3. Cuộc bách hại lần thứ nhất dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu	153
3.4. Cuộc bách hại tạm ngưng và tái phát	155
4. Thời Đức cha Alessandro di Alexandris (1728-1738)	159
5. Thời Đức cha Armand-François Lefèbvre (1743-1760)	163
5.1. Đức cha Lefèbvre và tình hình Giáo phận	163
5.2. Cuộc bách hại dưới thời Vũ vương	167
6. Thời Đức cha Guillaume Piguel (1764-1771)	169
7. Thời Đức cha Pierre Pigneau de Béhaine (1771-1799)	172
7.1. Chiến tranh bùng nổ giữa quân Nguyễn, quân Trịnh và quân Tây Sơn	173
7.2. Thái độ ban đầu của nhà Tây Sơn đối với Công giáo	174
7.3. Đức cha Bá Đa Lộc giúp Nguyễn Ánh khôi phục vương quyền	177
7.4. Tình hình tôn giáo trong lãnh thổ nhà Tây Sơn	179
7.5. Nhà Tây Sơn suy yếu và cuộc bách hại dưới thời Cảnh Thịnh	182

7.6. Nhận định về Đức cha Bá Đa Lộc	185
8. Thời Đức cha Jean Labartette (1799-1823)	187
8.1. Tình hình Giáo phận dưới triều Gia Long	188
8.2. Thời kỳ bách hại bắt đầu với vua Minh Mạng.....	191
9. Thời Đức cha Jean Baptiste Taberd Từ (1827-1840)	192
9.1. Vua Minh Mạng với chiếu chỉ cấm đạo năm 1833	193
9.2. Cuộc tử đạo của cha François Gagelin Kính.....	195
9.3. Đức cha phó Étienne Théodore Cuénot Thê cai quản Giáo phận	196
10. Thời Đức cha Étienne Théodore Cuénot Thê (1840-1861)	200
10.1. Công nghị Gò Thi	200
10.2. Những ưu tư mục vụ của Đức cha Cuénot.....	202
10.3. Giáo phận Đà Nẵng được phân chia thành Tây Đà Nẵng Trong và Đông Đà Nẵng Trong.....	205

CHƯƠNG II

GIÁO PHẬN TÔNG TÒA ĐÔNG ĐÀNG TRONG (1844 - 1924)

1. Thời Đức cha Cuénot Thê (tiếp theo)	207
1.1. Thầy Sáu Do mở đường truyền giáo Tây Nguyên	208
1.2. Thành lập Giáo phận Bắc Đà Nẵng Trong	210
1.3. Thống kê về tình hình Giáo phận năm 1850	210
1.4. Vua Tự Đức và chiếu chỉ cấm đạo năm 1854	213
1.5. Cuộc tử đạo của trùm cả Anrê Nguyễn Kim Thông	215
1.6. Cuộc bách hại tiếp tục gia tăng	217
1.7. Cuộc tử đạo của Đức cha Cuénot Thê và nhiều tín hữu ...	220
1.8. Vai trò của linh mục Gioakim Đặng Đức Tuấn	222
1.9. Tình hình Giáo phận sau hòa ước Nhâm Tuất 1862	223
2. Thời Đức cha Eugène Charbonnier Trí (1864-1878).....	226
3. Thời Đức cha Louis Galibert Lợi (1879-1883).....	230
4. Thời Đức cha François Xavier Van Camelbeke Hân (1884-1901)	234
4.1. Cuộc tàn sát khủng khiếp của phong trào Văn Thân	234
4.2. Sau cuộc tàn sát của Văn Thân	245
4.3. Cha François Gagelin Kính được tôn phong Chân phước và Đức cha Camelbeke Hân từ trần	250
5. Thời Đức cha Damien Grangeon Mẫn (1902-1930).....	251
5.1. Đẩy mạnh công cuộc truyền giáo tại Tây Nguyên.....	251

5.2. Đào tạo linh mục và thầy giảng	252
5.3. Thành lập các họ đạo, địa sở mới và phân định lại ranh giới Giáo phận	253
5.4. Phong trào xuất giáo	255
5.5. Tôn phong hai Chân phước và bổ nhiệm Giám mục phó	256
5.6. Các vị tử đạo của Giáo phận được Tòa Thánh tôn lên hàng Tôi tớ Chúa	258
5.7. Các hoạt động từ thiện, văn hóa giáo dục và truyền thông	259
5.8. Việc dạy kinh và giáo lý	263
5.9. Đức cha phó Jeanningros Vị qua đời	264

CHƯƠNG III GIÁO PHẬN TÔNG TÒA QUI NHƠN (1924 - 1960)

1. Thời Đức cha Damien Grangeon Mẫn (tiếp theo)	266
1.1. Bước đầu cải tổ Dòng Mến Thánh Giá và thành lập Dòng Thánh Giuse	266
1.2. Thành lập trại phong Qui Hòa.....	270
1.3. Tổng kết tình hình Giáo phận cuối thời Đức cha Grangeon	270
2. Thời Đức cha Augustin Tardieu Phú (1930-1942)	275
2.1. Di chuyển Tòa Giám mục và các cơ sở đào tạo, giáo dục	275
2.2. Dòng Thánh Giuse và Dòng Mến Thánh Giá cải tổ chính thức được thành lập	278
2.3. Dòng Phan Sinh Thừa Sai Đức Mẹ được mời đến phục vụ tại trại phong Qui Hòa.....	279
2.4. Thành lập Giáo phận Tông tòa Kontum.....	280
2.5. Tình hình tổng quát của Giáo phận Qui Nhơn sau khi chia tách Kontum.....	282
2.6. Công cuộc trùng tu và xây dựng sau hai trận bão năm 1932 và 1933	285
2.7. Xây dựng nhà thờ "Chính tòa" Qui Nhơn và nhiều công trình khác theo sau	291
2.8. Cha Jean Sion Khâm được tấn phong Giám mục Kontum và Đức cha Tardieu từ trần.....	293
2.9. Tổng kết tình hình Giáo phận cuối thời Đức cha Tardieu	294

3. Thời Đức cha Marcel Piquet Lợi (1944-1957)	297
3.1. Đức cha Piquet và tình hình khó khăn của Giáo phận Qui Nhơn.....	298
3.2. Công việc của Cha Đại diện thừa ủy.....	301
3.3. Sau hiệp định Genève 1954	305
3.4. Thành lập Giáo phận Tông tòa Nha Trang	307
4. Thời Đức cha Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi (1957-1963).....	308
4.1. Quyết định chung về nhân sự của hai Giáo phận.....	309
4.2. Nhậm chức và tổ chức Giáo phận	310
4.3. Các hoạt động	311
4.4. Một số sự kiện và sáng kiến.....	320

PHẦN III

THỜI KỲ HÀNG GIÁO PHẨM CÔNG GIÁO VIỆT NAM

GIÁO PHẬN CHÍNH TÒA QUI NHƠN

CHƯƠNG I

GIÁO PHẬN QUI NHƠN TRƯỚC NĂM 1975

1. Thời Đức cha Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi (tiếp theo).....	326
1.1. Công bố các giáo xứ chính thức và sắp xếp nơi đào tạo chủng sinh	326
1.2. Lễ mừng bách chu niên tử đạo của Chân phước Giám mục Stêphanô Cuénôt Thê	327
1.3. Lễ khánh thành nhà thờ Tuy Hòa.....	329
1.4. Giáo phận hướng về Công đồng Vaticanô II	330
1.5. Thành lập Giáo phận Đà Nẵng	331
2. Thời Đức cha Đa Minh Hoàng Văn Đoàn (1963-1974).....	333
2.1. Những hoạt động và sự kiện đầu tiên.....	333
2.2. Những khó khăn và mất mát do tình hình bất ổn của đất nước	336
2.3. Những nỗ lực và sáng kiến mục vụ	339
2.4. Đức cha Đa Minh Hoàng Văn Đoàn qua đời	341
3. Thời Đức cha Phaolô Huỳnh Đông Các (1974-1999)	342
3.1. Đức cha Phaolô khởi đầu sứ vụ và tình hình Giáo phận	342

CHƯƠNG II

GIÁO PHẬN QUI NHƠN TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY

1. Thời Đức cha Phaolô Huỳnh Đông Các (tiếp theo).....	345
1.1. Từ ngày 30.04.1975 đến thời kỳ đất nước đổi mới	346
1.2. Giáo phận bước vào thời kỳ đất nước đổi mới.....	353
2. Thời Đức cha Phêrô Nguyễn Soạn (1999-2012).....	358
2.1. Giáo phận Qui Nhơn trong Đại Năm thánh 2000.....	359
2.2. Từ năm 2001 đến 2007	363
2.3. Khởi đầu thập niên chuẩn bị mừng Năm thánh Giáo phận	368
2.4. Chung viện Qui Nhơn	375
2.5. Trong Năm thánh Giáo Hội Việt Nam 2010.....	376
2.6. Hậu Năm thánh 2010	378
2.7. Bắt đầu sáu năm chuẩn bị gần cho Năm thánh Giáo phận.....	383
3. Thời Đức cha Matthêô Nguyễn Văn Khôi (2012...)	386
3.1. Năm Đức Tin	387
3.2. Những cuộc thành lập mới.....	394
3.3. Năm Đời Sống Thánh Hiến.....	398
3.4. Năm Thánh Lòng Thương Xót	400
3.5. Thời gian chuẩn bị cuối cùng cho Năm thánh Giáo phận	405
 Tổng kết	 409
Phụ lục hình ảnh.....	415
Thư mục	429
Mục lục	433